TUYỂN TẬP

NHỚ HUẾ

Số 19

Phát hành đặc biệt nhân Đại Hội Nhớ Huế Hải Ngoại 2012,
tại Orange County, California

Quán Vỹ Dạ

Chuyên Về Các Món Huế

9950 Bolsa Ave. # A-B
Westminster - CA 92683

Tue-Thu: 9 AM- 9PM - Fri-Sun: 9AM - 10PM

Tel: 714. 531. 2905

Tuyển Tập **Nhớ Huế**

Số 19

MỤC LỤC

4. Tựa ..... VÕ VĂN TÙNG
7. Tản mạn về hương xưa làng cổ ..... Minh Vũ HỒ VĂN CHÂM
15. Tâm bịnh của Vua Tự Đức ..... TRẦN TIỄN SUM
21. Canh gà Thọ Xương ..... THÂN TRỌNG TUẤN
46. Con ngựa Thượng Tứ ..... NHÃ CA
55. Tế Nam Giao và cày ruộng tinh điền ..... NGUYỄN LÝ TƯỞNG
62. Mạc Cửu và Chúa Nguyễn ..... NGUYỄN HỮU PHƯỚC
69. Truyện ngắn O ..... TRẦN VĂN KHỞI
75. Như có Huế ...đâu đây! ..... YLA NGỌC QUỲNH
79. Ngỡ ngàng về Huế ..... PHAN MỘNG HOÀN
87. Huế của vườn xưa ..... TÔN NỮ GIÁNG TIÊN
90. Vân Thê, làng tôi ..... Vân Hương HOÀNG TRỌNG HÀN
92. Sịa, một thuở nào ..... Phương Vũ VÕ TAM ANH
100. Những màu thời gian ..... TRẦN THỊ XUÂN LAN
104. Lớn lên với trường Providence ..... VĨNH CHÁNH
110. Về thăm nhà cũ ..... HẠT TIÊU
113. Huế một đêm mưa ..... Trúc Chi TÔN THẤT KỲ
118. Tình và tội ..... Phương Vũ VÕ TAM ANH
125. E ấp bản tình ca xứ Huế ..... LÊ VĂN LÂN
129. Con đường cái qua từ Huế đến Đà Nẵng ..... TRIỆU PHONG
138. Nhớ xưa vườn nhà ..... TÔN NỮ LONG HUYÊN
142. Cửu Long Giang ..... TÔN THẤT HỨA
152. Nepan đất Phật tình người ..... PHẠM VĂN HƯỜNG
155. Môi sinh trong kinh A Di Đà ..... THÁI CÔNG TỤNG
161. Cổ Loa với nỏ muôn ngàn ..... PHẠM VĂN HƯỜNG
163. Người Việt gốc ớt ..... HOÀNG ĐỨC
167. Đường về Á Châu ..... VÕ VĂN HOÀNG
173. Giới thiệu tuồng Đông Lộ Địch ..... HỮU VINH & VĂN SÂM
184. Cá mắm xứ Huế ..... LÊ VĂN LÂN
192. Hư ảo ..... DIỆU HẠNH
200. Sướng như ông Hoàng ..... VÕ HƯƠNG AN
209. Đêm sao năm cũ ..... MAI KIM NGỌC
212. Huế chay, Huế lai...Huế chướng ..... VÔ DANH
215. Thư ngỏ Đại Hội Nhớ Huế Hải Ngoại 2012 ..... VÕ VĂN TÙNG

THƠ

20. Thời thơ mộng ..... TÔ ĐÌNH ĐÀI
89. Chiều thu ..... TÔ ĐÌNH ĐÀI
166. Mùa trăng ..... HÙNG HỒ
166. Tết khoai sắn nhớ bạn xưa ..... LÊ BÁ CHÂU
179. Qua đò ngang ..... TÔ ĐÌNH ĐÀI
180. Để tôi khóc ..... VÔ DANH
181. Bài thơ này có 8 cách đọc ..... VÔ DANH
182. Tết Huế năm xưa ..... HƯƠNG GIANG NHẤT TIẾU
183. Tâm nguyện ..... VÔ DANH

Với sự góp mặt của:

Phương Vũ Võ Tam Anh ◆ Nhã Ca ◆ Minh Vũ Hồ Văn Châm ◆ Lê Bá Châu ◆ Hoàng Đức ◆ Phan Mộng Hoàn ◆ Võ Văn Hoàng ◆ Hùng Hồ ◆ Tôn Nữ Long Huyên ◆ Tôn Thất Hứa ◆ Phạm Văn Hường ◆ Trần Văn Khởi ◆ Triệu Phong ◆ YLa Ngọc Quỳnh ◆ Nguyễn Hữu Phước ◆ Trần Tiễn Sum ◆ Hạt Tiêu ◆ Hương Giang Nhất Tiếu ◆ Thái Công Tụng ◆ Thân trọng Tuấn ◆ Võ Văn Tùng ◆ Nguyễn Lý Tưởng ◆ Trần Thị Xuân Lan ◆ Vĩnh Chánh ◆ Nguyễn Hữu Vinh ◆ Nguyễn Văn Sâm ◆ Lê Văn Lân ◆ Diệu Hạnh ◆ Võ Hương An ◆ Mai Kim Ngọc ◆ Trúc Chi Tôn Thất Kỳ ◆ Vân Hương Hoàng Trọng Hàn ◆ Tôn Nữ Giáng Tiên ◆ Tô Đình Đài ◆ Vô Danh...

Tuyển tập Nhớ Huế xin chân thành cám ơn:

- Chị Lê Khắc Ngọc Quỳnh tại Toronto, Canada.
- Chị Phan Mộng Hoàn tại San Jose, California.
- Chị Tôn Nữ Minh Đức tại Virginia, Hoa Kỳ.
- Anh chị Nguyễn Khoa Thiều tại Dallas, Texas.
- Chị Nguyễn Kim Soa tại Houston, Texas.

Đã giúp đỡ phổ biến tuyển tập Nhớ Huế đến tay các bạn đọc địa phương.

Tuyển tập Nhớ Huế cũng được tìm thấy tại các nhà sách
Tú Quỳnh, Tự Lực, Văn Bút, Văn Khoa, Zippost
ở Orange County, California.

Tuyển Tập Nhớ Huế

Chủ Trương:

Hội Thân Hữu
Huế -Thừa Thiên

Chủ Biên:

Võ Văn Tùng

Ban Biên Tập:

- *Bửu Tập*
- *Lê Văn Lân*
- *Lê Khắc Ngọc Quỳnh*
- *Hoàng Bích Đào*
- *Thái Doãn Ngà*
- *Nguyễn Lý Tưởng*
- *Thân Trọng Tuấn*
- *Hoàng Tuấn Lộc*
- *Nhã Ca*
- *Võ Hương An*
- *Nguyễn Hữu Vinh*
- *Phan Mộng Hoàng*

Kỹ Thuật:

Huy Nguyễn

Hình bìa:

Đại Hội
Nhớ Huế Hải Ngoại 2012

Thư từ bài vở, xin vui lòng gởi về:

Tuyển Tập Nhớ Huế
9559 Bolsa Ave., Suite D
Westminster, CA 92683
Phone: (714) 531-5754
Fax: (714) 531-5824
Email: tvomd@yahoo.com

Những bài vở đăng trong Tuyển Tập Nhớ Huế không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ Trương và do người viết hoàn toàn chịu trách nhiệm. Mọi trích dịch đều phải có sự thoả thuận của Ban Biên Tập.

Bài Tựa Cuối Cùng

Thưa quý bạn đọc,

Hai mươi năm trước đây, Tuyển Tập Nhớ Huế bắt đầu bằng một đặc san mỏng manh mấy chục trang. Chỉ một năm sau và liên tục tới nay, nhờ thân hữu Huế ủng hộ nồng nhiệt, Tuyển Tập đã khởi sắc, tăng lên gần 300, được phát hành đều đặn hằng năm trong dịp Tết. Nhờ sự đóng góp bài vở của nhiều vị học giả, tác giả danh tiếng gốc Huế, Tuyển Tập Nhớ Huế có một chỗ đứng vững vàng trên văn đàn Hải Ngoại.

Tuyển Tập Nhớ Huế số 19 đáng lẽ được phát hành năm ngoái nhưng phải dời lại năm nay để ra mắt nhân dịp ba hội Thân Hữu Huế-Thừa Thiên, cùng với Hội Hoàng Tộc Hải Ngoại và Hội Ái Hữu Quốc Học Đồng Khánh Nam Cali tổ chức một đại hội mang tên Nhớ Huế Hải Ngoại 2012 tại Orange County, California, dành cho đồng hương Huế và thân hữu hiện định cư trên khắp thế giới tự do. Đại Hội được đặt tên là Nhớ Huế Hải Ngoại 2012 có mục đích chính là để bà con Huế ở hải ngoại có dịp gặp nhau sau 37 năm sống lưu lạc khắp nơi.

Nhân dịp nầy chúng tôi xin chân thành cám ơn quí vị độc giả, tác giả và thân hữu của tuyển tập Tuyển Tập Nhớ Huế. Chính là nhờ sự hưởng ứng, khuyến khích và tiếp sức của quí vị dành cho, mà Tuyển Tập Nhớ Huế đã có thể vững bước suốt 20 năm qua.

Chúng tôi xin cám ơn riêng với các bậc trưởng thượng và quí vị tác giả đã dành cho Tuyển Tập Nhớ Huế được vinh dự phổ biến nhiều tác phẩm giá trị để lại cho hậu thế.

Xin trân trọng tưởng nhớ các vị đi trước đã qui tiên, như các bác ***Đào Đăng Vỹ, Hoàng Trọng Thược, Hoàng Duy Từ, Nguyễn Hữu Thứ*** *v.v....*

Xin đặc biệt kính thăm quí vị nay đã vào "tuổi hạc" đang vui cùng con cháu. Cám ơn các tác giả dù

tuổi trên tám mươi, không thể viết thường xuyên như trước, nhưng vẫn luôn lưu tâm góp thêm bài mới. Nhờ vậy mà anh em vẫn "vui buồn có nhau" đi trọn đoạn đường 20 năm của Tuyển Tập Nhớ Huế.

Cá nhân chúng tôi, trước tuổi tám mươi đang tới, cũng thấy mình không còn đủ sức bươn chải, nên đã hoan hỷ quyết định chấm dứt không phát hành Tuyển Tập Nhớ Huế nữa.

Đây là Tuyển Tập Nhớ Huế chót do tôi làm Chủ biên được ấn hành.

Báo giấy sẽ không làm, nhưng nghiệp dư của tôi vẫn còn, tôi hiện đang chuyển qua báo điện tử vì lâu nay trong lúc tổ chức Đại Hội Nhớ Huế Hải Ngoại, tôi có làm một website đặt tên là www.nhohuehaingoai.com trong đó có đăng nhiều bài viết lượm lặt trên internet và một số bài viết không ít được gom vào trong mục Tuyển Tập Nhớ Huế. Làm báo điện tử dễ hơn và nhất là không tốn tiền bao nhiêu, còn làm báo giấy mỗi lần ấn hành phải lo tiền lay-out, tiền in bìa 3, 4 màu rất tốn kém mà tiền thu vào không bao nhiêu, phần lỗ lã nặng người chủ trương phải gánh.

Website WWW.nhohuehaingoai.com do tôi làm webmaster tính đến nay đã là 8 tháng, đang được nhiều bạn đọc xa gần vào xem. Website nầy gồm nhiều tiết mục, ngoài văn thơ, còn có những công trình khảo cứu, những hình ảnh Huế đẹp Huế Thơ và nhất là còn có phần slide show, You Tube về ca nhạc Huế rất đặc biệt.

Số lượt người vào xem kể đến lúc tôi đang ngồi viết bài nầy là gần 90 ngàn. Con số khiêm tốn nhưng cũng đủ cho tôi niềm vui và say mê, ngày đêm lo đọc lo làm cho có thêm bài mới. Kết quả thấy trước mặt là bị vợ con la rầy, con cháu cũng than vãn, chưa ngồi chơi với chúng bao lâu đã lo về nhà để lên Net. Tuổi quá già rồi, thôi thì đến đâu hay đó. Xin cám ơn các bạn Huế từ khắp năm châu bốn biển hằng ngày hay hằng tuần đã ghé thăm trang nhà website.

Tiện đây tôi xin giới thiệu thêm một website nữa cũng do tôi thiết kế mang tên www.radiokhaitam.com cùng với một số anh chị em tâm huyết với mục đích đem Đạo vào Đời. Website nầy dùng để ghi lại trực tiếp hằng tuần những bài giảng của Thầy Hằng Trường, cũng là một người Huế, được phát thanh trên radio ở các vùng đông người Việt sinh sống trên nước Mỹ như Orange County, San Jose, Houston, Dallas, Washington DC, Maryland, Virginia. Ai xa quê hương, đêm khuya tâm tĩnh lặng vào website trên nghe Thầy giảng kinh bằng giọng Huế đặc sệt sẽ thấy bớt cô đơn, bớt nhớ nhà và tâm được an lạc phần nào.

Kể từ đây giờ phút nào rãnh rỗi bạn chỉ ngồi vào computer, click vào một cái là đọc được bao nhiêu bài viết có giá trị hay chia xẻ một chuyện cười, một slide show, tiện tay forward cho bạn bè xem chung, gửi gắm thêm vài chữ thăm hỏi sức khỏe. Nhờ phương tiện truyền thông càng ngày càng tiến bộ, chúng ta cảm thấy gần gũi nhau hơn và may mắn có một món ăn tinh thần rất cần thiết cho những người cao niên.

Bây giờ lại có thêm Ipad, Kindle... các bạn có thể vừa nằm vừa đọc, vừa ngấu nghiến bao nhiêu văn hay không những của người Việt mình mà còn được đọc thêm nhiều tác

phẩm quốc tế vang danh trên thế giới.

Một lần nữa, Tuyển Tập Nhớ Huế trân trọng cám ơn và kính chúc sức khoẻ tất cả, đặc biệt là lớp tuổi hạc vàng. Mong sao tuổi tác đừng mang lại bệnh lãng quên, ăn được ngủ được, lên Net được và nhất là còn lái xe được là tiên trên đời.

Xin hẹn nghênh đón quí vị hàng ngày, hàng tuần tại trang nhà online: WWW.nhohue-haingoai.com

Thân chúc Đại Hội Nhớ Huế Hải Ngoại 2012 thành công vượt bực.

Võ Văn Tùng
Chủ Biên Tuyển Tập Nhớ Huế.
Trưởng Ban Tổ chức Nhớ Huế Hải Ngoại 2012.

Tản Mạn Về Hương Xưa Làng Cổ

Minh Vũ Hồ Văn Châm

Tôi đã từng nghe nói đến Tiếng xưa, Dáng xưa, Lối xưa ... trong các sinh hoạt văn hóa. Nay lại được nghe thêm Hương xưa trong Hương Xưa Làng Cổ, tên một tour du lịch được tổ chức trong khuôn khổ Festival Huế từ năm 2006.

Đề cập đến Tiếng xưa thì chắc chắn là có ý nhắc nhở đến tiếng nói tiếng cười hay tiếng đàn tiếng hát của người xưa. Nói đến Dáng xưa thì rõ ràng là hoài niệm về hình bóng người xưa: *"Mưa hè nắng chái oanh ăn nói, Sớm ngõ trưa sân liễu đứng ngồi"*. Còn gợi nhớ đến lối xưa thì đúng là mô thức tuyệt hảo để diễn tả lòng hoài cổ: *"Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo"*, hay tâm sự u buồn, cảm tưởng bâng khuâng, mất mát của những kẻ không được may mắn trong tình trường: *"Cuối tường gai góc mọc đầy, Đi về này những lối này năm xưa"*.

Thế còn Hương xưa trong Hương Xưa Làng Cổ? Điều chắc chắn là Hương xưa ở đây không có giây mơ rễ má gì với ý tưởng lãng mạn của môt nhà thơ tiền chiến: *"Nàng là tuyết hay da nàng tuyết điểm? Nàng là hương hay nhan sắc lên hương"*; hay với cử chỉ đa tình: *"Đập cổ kính ra tìm lấy bóng, Xếp tàn y lại để dành hơi"* của một đấng quân vương rất mực chung tình mà cũng hợm mình hay chữ nhất thiên hạ: *"Trẩm bất ứng thí, nhược ứng thí, tất trúng Trạng nguyên"*(Trẩm không đi thi, nếu đi thi, tất đậu Trạng nguyên). Lý do vô cùng đơn giản: Hương xưa ở đây không phải là hơi hám người đẹp đã bỏ ra đi, *"Sàng không tú bị quyển bất tẩm, Chí kim tam tải văn dư hương"* (Ba năm chăn cuốn còn nguyên nếp, Mà vẫn thơm tho chút phấn thừa), mà là vang và bóng của một thời đã qua còn lưu lại chút dư hương ở một làng quê nằm bên bờ nam sông Ô Lâu, cách thành phố Huế non 40 ki lô mét về phía bắc: làng cổ Phước Tích.

Phước Tích ngày nay thuộc thôn Phước Phú, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Danh xưng Phước Phú có từ thời Cộng Hòa do sự sáp nhập hai làng Phước Tích, Phú Xuân và một vạn chài trên bãi sông Phước Tích để thành lập ấp Phước Phú Vạn vào năm 1958. Vạn chài gồm một nhóm cư dân bản địa gốc Tiền Việt, chuyên nghề chài lưới, sinh hoạt riêng lẻ, chỉ giao tiếp với cư dân quanh vùng qua mỗi một việc trao đổi cá tôm lấy tiền đong gạo muối. Rõ ràng họ đã định cư lập nghiệp ở đây từ thời kỳ Ô Lý, hoặc trước nữa, và đã không bỏ ra đi khi vùng đất này trở về với Đại Việt. Ngược lại, cư dân Phú Xuân là khách hộ, chỉ mới đến định cư ở đây từ đời Gia Long, vào đầu thế kỷ XIX. Nguyên lai, nhà vua lấy đất tổng Phú Xuân để xây kinh thành nên cho cư dân Phú Xuân được quyền đến định cư ở bất cứ nơi nào có đất trống. Làng Phước Tích lúc bấy giờ có bãi đất cồn chỉ để trồng thuốc lá, không có nhà cửa, nên một nhóm cư dân Phú Xuân đến đây đã xin quan địa phương chiếu mệnh vua cho lấy đất ấy để lập làng Phú Xuân. Đến thời Xã Hội Chủ Nghĩa, ấp Phước Phú Vạn được đổi thành thôn Phước Phú, nhưng vì những lý do gốc gác khác biệt trong quá trình thành lập nêu trên mà danh xưng Phước Phú chỉ mang ý nghĩa hành chính. Thật thế, khi đi sâu vào các mặt sinh hoạt văn hóa xã hội thì các nhóm cư dân thành viên của Phước Phú đều bộc lộ những nét đặc thù riêng biệt, do đó, cụm từ Làng cổ của tour du lịch Hương Xưa Làng Cổ tổ chức trong khuôn khổ Festival Huế chỉ để nói về làng Phước Tích.

Làng Phước Tích được thành lập năm 1471, dưới triều Lê Thánh Tông. Không nói đến các làng cổ ở miền Bắc, chỉ so sánh với một số làng xã tại địa phương Thuận Hóa thì làng Phước Tích không phải là làng cổ nhất. Thật thế, kể từ năm 1307, khi Đoàn Như Hài đổi hai châu Ô Lý thành Thuận châu và Hóa châu thì một số làng xã của cư dân Đại Việt lần lượt được thành lập trên cơ sở hệ thống làng xã người Chămpa để lại mà sử sách có đề cập nhưng nay trên thực địa không còn dấu vết như La Thủy, Tác Hồng, Đà Bồng, hoặc nay đã đổi ra danh xưng Hán Việt như Trà Kệ (về sau là Thanh Kệ, nay là Thanh Lương), Lợi Bồng (Kim Bồng), Bồ Đài (Bồ Điền), Bồ Lãng (Bằng Lãng), U Cần (Hương Cần), Đào Cù (Vân Cù), hoặc còn lưu dấu vết ở danh xưng thuần Việt như Kẻ Lừ, Kẻ Liệu, Cổ Liễn, Cổ Bối, Cổ Bưu, Cổ Bi. Nửa đầu thế kỷ XV, từ triều Hồ Hán Thương đến đầu triều Hậu Lê là giai đoạn di dân thứ hai vào Hóa châu với việc thành lập các làng Đa Cảm (Mỹ Xuyên), Đàm Bổng (Ưu Điềm), Đường Long (Chí Long), Bể Thu (Phú Nông), Hoa Lang (Hiền Lương), Triều Sơn, Địa Linh, La Khê. Làng Phước Tích được thành lập vào đợt di dân thứ ba, sau chiến dịch Chà Bàn, từ năm 1471 và rải rác trong các năm về nửa sau thế kỷ XV, cùng thời với các làng Tân Quán (Lương Quán), Nguyệt Biều, An Cựu, Dã Lê, Thanh Toàn, Dưỡng Mông, An Truyền, Vĩ Dạ, Nam Phổ, Minh Nông (An Nông), Phù Bài, Phấn Vũ (Vân Dương), Khúc Ốc (Phú Ốc), Lương Mai, Văn Xá. Lúc đầu, làng có tên là Cảm Quyết, thuộc huyện Kim Trà, phủ Triệu Phong, thừa tuyên Thuận Hóa. Đến khi các chúa Nguyễn cát cứ ở Đàng Trong, xứ Thuận Hóa được chia thành nhiều dinh, và huyện Kim Trà được đổi thành Hương Trà, thì làng Cảm Quyết được đổi lại là Phước Giang, huyện Hương Trà, thuộc về Chính Dinh. Đời Tây Sơn đổi thành Hoàng Giang. Năm 1835, niên hiệu Minh Mạng thứ 15 nhà Nguyễn, lập thêm huyện Phong Điền từ đất của hai huyện Quảng Điền và Hương Trà, làng Hoàng Giang lại đổi tên thành Phước Tích, thuộc tổng Phò Trạch, huyện Phong Điền, phủ Thừa Thiên.

Như vậy, nếu chỉ đứng về mặt niên đại thành lập mà xét thì trong địa hạt Thừa Thiên Huế, làng Phước Tích không phải là làng cổ nhất, mặc dù tính đến nay làng đã tồn tại và phát triển non 600 năm. Thật vậy, làng Phước Tích hình thành trong đợt di dân thứ ba của cư dân Đại Việt từ Đàng Ngoài vào, muộn hơn các làng thuộc đợt di dân thứ nhất từ 100 đến 150 năm, các làng thuộc đợt di dân thứ hai khoảng 50 năm, và sớm hơn các làng thuộc đợt di dân thứ tư chỉ trên dưới 130 năm. Nhưng làng Phước Tích được giới nghiên cứu văn hóa tôn vinh là làng cổ, thậm chí còn xúc tiến việc lập hồ sơ xin nhà chức trách thẩm quyền công nhận là làng di sản văn hóa, bởi lẽ làng Phước Tích còn bảo lưu nhiều giá trị vật thể và phi vật thể ít khi tìm thấy ở các nơi khác tại miền Trung như địa thế yên ngựa cao ráo với dòng sông Ô Lâu uốn khúc bao quanh ba mặt, cảnh quan tươi mát với vườn tược và nhà rường trong một không gian mở rộng chen lẫn các công trình kiến trúc thờ phượng cổ kính và các di chỉ văn hóa nhiều thứ có niên đại lùi xa về thời đại Lâm Ấp - Nhật Nam. Chả thế mà nhà báo Hoàng Thái Lộc trong bài "Làng cổ Phước Tích là một phát hiện lớn" đăng trên báo Thừa Thiên Huế ngày 17-5-2003 đã trích dẫn lời phát biểu của Kiến trúc sư Hoàng Đạo Kính: *"Người ta cứ quen nghĩ những gì cổ kính, xa xưa phải nằm ở đất Bắc. Đến Phước Tích tôi thực sự sửng sốt. Nó là một cái làng cổ của người Việt có từ thế kỷ XV"*.

Liên tiếp mấy tháng trong nửa sau năm 2003, báo chí ở cả Hà Nội lẫn Sài Gòn, và đài truyền hình Huế, lần lượt đăng bài và chiếu băng hình phóng sự về ngôi làng cổ nói trên mà trọng tâm xoay quanh vấn đề làm sao bảo trì những ngôi nhà cổ trong làng, có cái gần 200 năm tuổi, mà Hội Kiến trúc sư Việt Nam qua khảo sát buổi đầu đã đánh giá là di sản văn hóa rất đáng trân trọng. Qua năm 2004, một cuộc Hội thảo khoa học về Làng di sản Phước Tích

được tổ chức tại Huế do sự phối hợp của Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Sở Văn hóa Thông tin Thừa Thiên Huế và Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền, có sự tham dự của các nhà khoa học thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Việt Nam, Viện Đại học Huế, và một số các nhà nghiên cứu đến từ Hà Nội và tại địa phương. Một tập kỷ yếu đúc kết các bài tham luận đã được ấn hành để làm cơ sở cho việc lập hồ sơ khoa học trình xin Bộ Văn hóa Thông tin công nhận làng Phước Tích là làng di sản cấp quốc gia. Trong khuôn khổ Festival Huế 2006, một tour du lịch được tổ chức với tên gọi "Hương xưa làng cổ", giới thiệu du khách đến Phước Tích thăm cảnh quan và tìm hiểu nghề gốm truyền thống của làng. Đến Festival Huế 2008, tour du lịch Hương xưa làng cổ được mở rộng để du khách đến Phước Tích có cơ hội làm quen thêm sản phẩm các làng nghề truyền thống lân cận như gỗ chạm Mỹ Xuyên, đệm bàng Phò Trạch, vàng bạc Kế Môn. Trong tương lai, để bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử và văn hóa của làng di sản Phước Tích, đồng thời nâng cao mức sống của dân làng song hành với việc khuyến khích tinh thần hợp tác tích cực của họ trong các dự án phát triển kinh tế địa phương mà du lịch là hoạt động chiến lược mũi nhọn, các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách đều có chung quan điểm là lấy Phước Tích làm trung tâm kết hợp và lan tỏa cho khu vực các làng nghề truyền thống nam Ô Lâu cũng như cho các tuyến du lịch phía bắc Huế.

Tôi sinh ra và sống những ngày thơ ấu trong lòng Phước Tích. Mặc dù tôi xa làng từ năm lên sáu để vào Huế học, nhưng tôi vẫn đều đặn về làng trong những dịp nghỉ Tết, nghỉ hè. Chỉ từ năm 1947 trở đi, khi dòng sông Ô Lâu trở thành giới tuyến ngăn cách đôi bờ, một bên là quân Pháp đóng đồn tại Mỹ Chánh, ngày ngày qua sông lùng sục bắt bớ, một bên là bộ đội Việt Minh trở về từ các an toàn khu Hòa Mỹ và Đại Lược, luồn lách trong các thôn xóm nam Ô Lâu thu gom nhu yếu phẩm, kể từ dạo đó, tôi không mấy khi có dịp về thăm làng cũ, mà có ghé tạt ngang thì cũng không bao giờ ngủ lại qua đêm. Về sau, khi mọi người trong gia đình tôi lần lượt vào Huế rồi vào Sài Gòn sinh sống, tôi không còn dịp trở về nơi cắt rốn chôn nhau. Mặc dầu vậy, trong thăm thẳm tột cùng của tâm tư, cảnh quan và nếp sống của làng quê thân yêu ngày trước vẫn còn lưu lại những dấu ấn đậm nét. Những hình bóng của tuổi thơ vẫn không hề mờ nhạt, cũng như âm vang của những ngày tháng ấy không bao giờ tắt lịm trong tôi. Kể từ khi đôi chân bé dại lẽo đẽo theo người lớn rời xa quê nhà cho đến nay tính ra cũng đã bảy mươi năm tròn. Biết bao nhiêu nước đã chảy qua cầu! Giá bây giờ tôi có dịp trở về quê cũ thì cái tình cảnh của tôi có lẽ cũng bẽ bàng như lời thơ của Hạ Tri Chương ngày trước:

"Thiếu tiểu ly gia lão đại hồi
Hương âm vô cải mấn mao tồi.
Nhi đồng tương kiến bất tương thức
Tiếu vấn khách tòng hà xứ lai".

(Lúc nhỏ ra đi, già trở về, Giọng nói chẳng đổi, râu tóc bạc trắng. Bọn trẻ chào đón, không một ai nhận ra tôi là người quen., Cười hỏi: khách từ đâu tới đây?)

Nhưng mối bận tâm của tôi mỗi lần để tâm trí mình hướng về quê cũ thì nhất quyết không phải ở điểm này. Thật vậy, tôi hiểu rất rõ thời gian qua đi thì có ai tìm lại được trọn vẹn cảnh xưa người cũ. Mà sao dời vật đổi là lẽ đương nhiên của quá trình tuần hoàn trong trời đất. Bởi vậy, tôi không hề cảm thấy ngỡ ngàng khi được nghe, được biết những biến đổi đã xảy ra tại nơi chôn nhau cắt rốn, cũng như không mảy may tiếc nuối việc không thể tìm lại cảnh quan và nếp sống của gia đình mình ngày trước. Cuộc đời nổi trôi đẩy đưa tôi đi khắp năm châu bốn bể, một chút hoài niệm về những ngày thơ ấu tại quê nhà tôi hằng ôm ấp trong lòng đã là quá đủ. Điều tôi thật sự canh cánh bên lòng là chút "hương xưa làng cổ" mà người thời nay trân trọng tìm kiếm liệu có còn chút gì tương xứng với thực tế của thời xưa. Những giá trị văn hóa vật thể, tuy ngày nay điêu tàn, đổ nát, nhưng còn có thể vớt vát nắm bắt được

phần nào, chứ những giá trị phi vật thể, tai tuy có nghe nhưng mắt không nhìn thấy, nay đem đối chiếu với thực tế trước mắt, thì dù cho trí tưởng tượng của du khách hay của nhà nghiên cứu điền dã, có phong phú đến mức độ nào chăng nữa, cũng khó mà cảm nhận đúng mức được. Chẳng hạn, các phóng sự báo chí và truyền thanh truyền hình, cũng như các báo cáo khoa học xã hội và nhân văn, đều có đề cập đến sự hiện diện của miếu thờ Khổng tử (Văn chỉ) để nhấn mạnh về truyền thống hiếu học và tinh thần tôn sư trọng đạo của dân làng Phước Tích, nhưng đối diện với thực tế trong làng ngày nay chỉ toàn là ông già bà lão quanh năm chật vật với chén cơm manh áo, thì làm sao khách phương xa đến tham quan có thể cảm thụ được cái phong cách văn vật của nếp sống Phước Tích ngày trước để gọi là tìm lại chút hương xưa?

Ngày trước, vì theo học chữ nho nên phần đông dân làng Phước Tích có thói quen sử dụng các từ Hán Việt trong cuộc sống thường nhật. Đèn sáp trắng thì gọi là bạch lạp. Đèn dầu hỏa thì phân chia các loại đèn bỏng cầm tay, đèn tọa để bàn, đèn huyền (đèn ba giây) treo trên xà nhà. Trồng cây măng cụt trong vườn, khi cây kết trái thì gọi trái măng cụt là giáng châu, nghĩa là viên ngọc từ trên trời rơi xuống. Có nhà trồng cây trần bì, không phải để dùng làm thuốc, cũng không phải để lấy trái ăn. Trồng bưởi thì trồng đủ chủng loại, nào là thanh yên, thanh trà, phật thủ, bưởi cùi đỏ, bưởi cùi trắng, mỗi thứ một cây. Chủ nhân trồng cây để hoàn chỉnh cảnh quan nhà vườn chứ không phải với chủ tâm kiếm lợi. Bao quanh sân, nếu không phải là hàng chè tàu cắt tỉa ngay ngắn thì là hàng rào bằng tre chẻ nhỏ gọi là "thừa ly" làm giàn leo cho các giây hoa tỷ muội, tường vi, hồng bạch, thiên lý. Chỉ có dân làng Phước Tích mới gọi hàng rào tre chẻ nhỏ là thừa ly, và chính điều này cùng với miếu thờ Khổng tử sẽ giúp khách phương xa cảm nhận phần nào ảnh hưởng sâu đậm của nền cựu học đối với nề nếp sinh hoạt của dân làng Phước Tích ngày trước. Thật vậy, thừa ly là tiếng đọc trại của từ Hán Việt "sơ ly" để trở thành từ thuần Việt:

"..... .....
Sơ ly ngoại, đào hoa chước,
Trì đường thượng, dương ti nhược.
Tiệm mao thiềm nhật noãn.
Tiểu cô y bạc,
Xuân cữu mãn viên tùy ý tiển.
Lạp phô bán ủng ao nhân chước.
Hỷ! Bạch đầu nhân túy bạch đầu phò.
Điền gia lạc!"
(Xuân thì điền gia khổ lạc ca)

(Ngoài rào tre, hoa đào khoe sắc, Trên đường ao, liễu mềm buông tơ. Mái tranh ấm dần. Cô bé áo mỏng, Rau xuân đầy vườn tha hồ hái. Nửa vò rượu hồi trong năm đem ra mời khách. Mừng thay! Kẻ đầu bạc say có đầu bạc dìu. Niềm vui của nhà nông đấy!).

Làng Phước Tích thời phong kiến chưa ai đỗ đại khoa, lại cũng không có ai nổi tiếng trong quan trường như kiểu Nguyễn Tri Phương làng Chí Long đắp đồn chống quân xâm lược Pháp, hay Hồ Oai làng Mỹ Cang đóng cửa cấm cung ngăn giặc Chày vôi. Nhưng khoa hoạn ở mức độ hương khoa huyện lệnh thì không hiếm, lại phổ cập khắp làng, không tập trung riêng về một dòng họ nào. Bởi thế phong thái văn vật trong làng rất thuần nhất, dàn trãi đều khắp, hun đúc nên tinh thần tự hào về nề nếp sinh hoạt khoan hòa thuần hậu của tất cả con em trong làng. Trung hiếu, tiết trinh, lễ nghĩa, đạo đức, mọi người đều theo đó lấy làm phương châm cho cuộc sống. Không có người bần cùng phải đi ăn xin, cũng không có kẻ hung tàn gian manh đến độ trở thành quân đạo tặc. Phụng dưỡng cha già mẹ yếu lúc sinh tiền. Khi cha mẹ khuất núi, gặp ngày húy nhật, cảnh nhà thanh bạch thì cũng có đủ nén hương mâm cỗ, cảnh nhà phong túc thì dâng lễ tam sinh (một bò, một dê, một heo). Phụ nữ trong làng tảo tần một nắng hai sương, chăm lo bổn phận gánh vác giang sơn nhà chồng. Gặp cảnh chồng mất sớm thì ở vậy thờ chồng nuôi con, có người được triều đình sắc tứ bảng vàng *"Tiết hạnh khả phong"*.

Giao lưu bằng hữu bốn phương thì cũng đủ mặt khách phong lưu tài tuấn. Tuổi thơ của tôi còn vương chút hình bóng nhạt nhòa những người bạn văn chương của ông ngoại, những ông Phó bảng Phan, Phó bảng Lê, những cụ Thượng Làng Rào, Thượng Thế Chí. Lớn lên, tôi có dịp được ông bác trong họ đọc cho nghe một câu đối treo ở nhà thờ họ: *"Tộ lại hiếu tôn dư Phước địa, Thủy thiên tiên tổ tự Hoan châu"* (Cháu hiếu dõi truyền nơi đất Phước, Tổ xưa nguyên cõi tự châu Hoan) do Tế Tửu Quốc tử giám người họ Khiếu tặng. Sau này, có dịp tra cứu cuốn *Quốc triều đăng khoa lục* của Cao Xuân Dục, tôi được biết người họ Khiếu tác giả câu đối nói trên là vị đại khoa triều Nguyễn người Bắc Hà tên là Khiếu Năng Tĩnh. Sau chiến tranh, nhà thờ họ đã qua mấy lần tu bổ, liệu dấu tích người xưa có còn phảng phất chút hương thừa để thỏa lòng khách phương xa cất công đến tham quan hay chỉ là kỷ niệm mờ nhạt trong ký ức một vài người hoài cổ nặng nợ văn chương!

Cũng may mà trước sân đình làng còn nguyên ba tấm bia đá ghi công ơn ba người phụ nữ trong làng là Hồ thị Quỳnh Dao, Lương thị Dao, và Lương thị Toại đã cúng gạo, cúng tiền, cấp cho dân phu đắp đường và phát chẩn cứu đói. Các văn bia chữ Hán do các vị *Nguyên thự Tuần phủ lãnh Phiên ngu* (Bố chánh) *Sử Trần tử tước, Nhâm Thìn khoa nhị giáp Tiến sĩ Hà Nội Nguyễn Đĩnh Thần* (Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền), và *Tuy an Quận công phủ dực thiện Nguyễn Uyên Ngu* soạn. Nội dung các bài văn bia cũng như thân thế các soạn giả là những minh chứng cụ thể về truyền thống tương thân tương ái và tinh thần tôn sư trọng đạo của dân làng Phước Tích ngày xưa. Phong thái nho nhã và thói quen lễ nghĩa của dân làng còn biểu hiện qua cung cách ẩm thực. Người dân Phước Tích trước đây, cho dù ăn uống tập trung đông người như trong các dịp kỵ giỗ, ma chay, khao vọng, đình đám, cũng không mấy khi tổ chức cỗ bàn đơn giản theo lối "xôi thịt", nghĩa là dọn cơm nếp ăn với thịt heo luộc hoặc thịt bò xáo như tập tục phần đông dân quê nước ta. Cúng kỵ thì dân làng Phước Tích sửa soạn dăm ba mâm cơm, tiệc tùng thì dân làng Phước Tích đãi đằng tiệc cơm tiệc rượu, dù đơn giản bầu dưa bí mướp, không mâm cao cỗ đầy với sơn hào hải vị chăng nữa, thì cũng đầy đủ lễ bộ với những chiếc mâm đồng trên đặt một vài cái bát chiết yêu đựng các món ninh, món hầm, món nấu, chung quanh là các chén dĩa đựng nước chấm và thức ăn các loại, tất cả đều là đồ sứ, đồ sành, vòng trong vòng ngoài, lớp trên lớp dưới, chừng mười lăm hai chục món, y hệt như cỗ bàn trong Huế. Cảnh quan nhà vườn và cung cách ẩm thực vừa miêu tả trên đây là hai nét văn hóa, một vật thể, một phi vật thể, tuy mang tính chất cung đình nhưng rất phổ cập trong giai tầng khá giả ở Phước Tích ngày trước. Vật thể thì ngày nay may ra còn lại được một vài phần, phi vật thể thì thực tế hiện tại khó tìm thấy vang và bóng!

Tôi có một điều thắc mắc bấy lâu chưa có dịp được giải tỏa, đó là việc dân làng truyền miệng với nhau và gia phả các họ đều có chép, rằng tổ tiên ngày trước quê quán gốc là làng Cảm Quyết, xứ Nghệ An, nên khi thiên di vào Hóa châu lập làng đã lấy tên làng gốc đặt tên cho làng mới. Đúng là làng Phước Tích lúc mới thành lập có tên là Cảm Quyết. Nhưng khẳng định rằng tất cả 12 tiên tổ các họ khai canh đều gốc gác làng Cảm Quyết, huyện Quỳnh Lưu, xứ Nghệ An, thì có nhiều điểm bất ổn, cần xét lại. Nếu quả thật đúng như vậy thì tất cả 12 tiên tổ các họ xuất phát từ Nghệ An đã là người cùng một làng, thì đương nhiên tất cả 12 vị phải là người cùng một huyện, một xứ. Thế tại sao tiên tổ họ Hoàng là người làng Cảm Quyết huyện Quỳnh Lưu, trong lúc một số gia phả họ Hồ ghi tổ tiên là người làng Cảm Quyết huyện Nam Đàn, và nhà thờ họ Lê Trọng có câu đối: *"Chung cổ Tùng sơn căn bổn cố; Hoàng giang biệt tử phái lưu trường"* mà Tùng sơn lại có người đoán định là ở Thanh Hóa? Vậy việc dân làng truyền miệng nhau tổ tiên xưa vốn là người làng Cảm Quyết

phải được hiểu rằng Cảm Quyết là tên làng lúc mới thành lập hoặc là tên đã có sẵn của vùng đất lúc tổ tiên từ miệt ngoài thiên di vào, chứ không phải là tên làng gốc ở Nghệ An từ đó các tiên tổ đã ra đi. Bài tham luận của Trần Đại Vinh trong Hội thảo khoa học năm 2004 về làng di sản Phước Tích có liệt kê các làng xã đã được thành lập tại Hóa châu qua 4 đợt di dân. Làng Cảm Quyết được thành lập vào đợt di dân thứ 3, nửa sau thế kỷ XV, trong lúc làng Đa Cảm ở liền đó, tức là Mỹ Xuyên sau này, được thành lập vào đợt di dân thứ 2, nửa đầu thế kỷ XV. Sách Ô Châu Cận Lục đời Mạc gọi vùng này là Cảm Quyết, Dũng Quyết, hoặc Dũng Cảm Quyết. Điều này đã xác định rằng khi làng Cảm Quyết được thành lập thì đã có làng Đa Cảm tồn tại ở kề bên, và từ đó suy luận rằng cũng có thể phần đất của làng Cảm Quyết là phần đất vốn thuộc làng Đa Cảm được tách ra, do đó dân làng Phước Tích về sau truyền miệng với nhau, thay vì nói đất làng vốn gốc gác từ đất của Dũng Cảm Quyết tách ra, thì lại nói một cách lầm lạc rằng tổ tiên xưa vốn gốc gác là người làng Cảm Quyết, xứ Nghệ An. Đương nhiên là nghi vấn này sẽ chỉ được giải quyết trọn vẹn nếu có điều kiện truy cứu các sách địa chí liên quan đến vùng Thanh Nghệ để chứng minh là xưa nay không hề có làng nào có tên là Cảm Quyết ở hai xứ này.

Một điều thắc mắc khác canh cánh trong tôi là tên tục của ngài khai canh họ Hoàng. Dân làng Phước Tích truyền miệng với nhau rằng húy danh ngài khai canh là Nồi, nên để tránh phạm húy, dân làng thường ngày gọi cái nồi là cái *"nghẹ"*. Tên ngài khai canh là Hoàng Minh Hùng, tên họ rõ ràng còn lưu lại đầy đủ trên bia đá tại miếu thờ Khai Canh và ghi chép trong gia phả các dòng họ, cũng như trên sắc phong của Triều Đình. Vậy tại sao để tránh phạm húy ngài khai canh, dân làng không kiêng húy tên Hùng mà lại kiêng tên Nồi? Cho dù có biện giải rằng Nồi là tục danh của ngài khai canh lúc nhỏ tuổi, nhưng cho tới nay không có một tài liệu nào xác nhận tên ngài khai canh là Nồi để hổ trợ cho lời truyền miệng, lại nữa khi kiêng húy thì người ta thường kiêng tên chính thức chứ không ai lại kiêng húy tên kêu chơi mà không kiêng tên chính thức. Từ đó suy ra thì rõ ràng Nồi không phải là tên ngài khai canh mà là tên một người khác, hoặc là danh từ để chỉ một người khác, cũng quan trọng đối với dân làng, có thể quan trọng ngang tầm với ngài khai canh. Đó là tên để gọi người dạy cho dân làng nghề làm đồ gốm, người mà dân làng đã lập miếu thờ gọi là miếu Đào Nghệ (dạy nghề), song lập với miếu Khai Canh. Vậy có thể suy diễn rằng tại quần thể miếu đôi ngày nay, miếu Khai Canh thờ Tướng quân Hoàng Minh Hùng, miếu Đào Nghệ thờ người đã dạy dân làng làm nghề gốm, người mà dân làng thời trước đã gọi là Ông Nồi, và thời nay còn kính cẩn kỵ húy nên gọi cái nồi là cái nghẹ.

Gốm Phước Tích là gốm sành, do đất sét thô nung già lửa tạo thành, không phải là gốm sứ đất sét trắng tráng men. Gốm Phước Tích gần gũi với gốm cổ phát hiện ở Mỹ Xuyên gần đây. Năm 1993, Viện Khảo cổ học đã tiến hành khai quật các lò gốm cổ ở Mỹ Xuyên và thu lượm được một số hiện vật gốm sành có giá trị, hiện đang được lưu giữ tại Bảo tàng Tổng hợp Thừa Thiên Huế. Bài tham luận của Nguyễn Thế cho biết nhà khảo cổ học Trịnh Cao Tưởng đã ghi nhận sự kiện các sản phẩm gốm sành này đã từng xuất hiện ở Nhật Bản từ những thế kỷ trước; và nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Thông cho rằng một số hiện vật gốm sành ở các lò gốm cổ Mỹ Xuyên mang đậm yếu tố văn hóa bản địa, tức là văn hoá Chămpa. Như vậy, Mỹ Xuyên đã từng là một trung tâm sản xuất gốm sành tiêu thụ trong vùng và bán ra nước ngoài, nhưng cư dân Mỹ Xuyên ngày nay không có một chút ý niệm gì về nghề gốm đã từng tồn tại trên địa bàn họ đang sinh sống. Mặt khác, những nghệ nhân lão thành Phước Tích đến quan sát các hiện vật khai quật từ các lò gốm cổ Mỹ Xuyên thì có nhận xét là cấu tạo sản phẩm tuy giống nhau nhưng

kiểu dáng sản phẩm ở đây khác với gốm Phước Tích, có nhiều sản phẩm họ không biết tên gọi. Như vậy, việc một số nhà nghiên cứu phỏng đoán rằng đã từng có sự hoạt động song hành của 2 làng nghề gốm người Việt ở Phước Tích và Mỹ Xuyên là hoàn toàn thiếu cơ sở. Trong thực tế, khi các lò gốm Phước Tích của di dân người Việt bắt đầu hoạt động thì các lò gốm Mỹ Xuyên đã đóng cửa từ lâu. Các lò gốm này là của người Chămpa. Họ đã đóng cửa lò và bỏ đi từ thế kỷ XIV khi người Việt đến thành lập các làng xã trong đợt di dân thứ nhất.

Sử cũ chép rằng khi hai châu Ô Lý trở về với Đại Việt (1306), cư dân Chămpa đều bỏ đi. Sự thật thì vẫn còn một số dân Chămpa ở lại sống chung với người Việt. Căn cứ vào màu da và giọng nói của dân vạn chài ngày nay cư trú trên giải đất cát ven sông Ô Lâu ở Bến cạn Phước Tích mà xét đoán thì thấy rõ ràng họ là hậu duệ của thổ dân Chămpa ngày trước. Họ Bùi làng Câu Nhi, huyện Hải Lăng, ở gần bên, đang lưu trữ một tư liệu gọi là "Thỉ thiên tự" do tiên tổ là Bùi Thành viết về buổi đầu lập làng có đoạn: *"Nguyên trước kia, tôi đã có bàn bạc với người Chiêm thành ở đấy, định chỗ ăn ở rồi, nên nay không phải lời qua tiếng lại nào nữa, nhân đó mua tranh gỗ dựng nhà. . . ."* Đã như vậy thì không thể loại bỏ khả năng trên địa bàn Dũng Cảm Quyết vào các thế kỷ XIV, XV vẫn còn lác đác một số người Chămpa ở lại sống xen cư với người Việt, trong đó có một số là thợ lò gốm nắm vững kỹ thuật chế tác gốm sành. Mặt khác, không có một tài liệu nào chứng minh người di dân Đại Việt từ Nghệ An vào Dũng Cảm Quyết đã mang theo kỹ thuật làm gốm của miền quê cha đất tổ. Gia phả họ Hoàng chỉ ghi chép công đức ngài thủy tổ đã tìm kiếm chỗ lấy vật liệu mở lò gốm. Gia phả họ Phan chép một cách chung chung rằng thời các tiên tổ tới Cồn Dương theo ngài khai canh lập ấp bày làm nghề gốm lưu truyền cho con cháu làm ăn. Gia phả các họ Nguyễn Duy, Lê Ngọc chép mơ hồ rằng tiên tổ vào canh khẩn xứ Cồn Dương, theo nghiệp "Hà Tân" làm đồ gốm. Nghiệp hà tân là sinh hoạt nghề nghiệp trên bờ sông, ở ven sông, không nhất thiết hàm ý thông thạo kỹ thuật làm nghề gốm. Như vậy, ngài khai canh họ Hoàng và các vị tôn thần của 3 họ chánh làm nghề gốm Phan, Nguyễn Duy và Lê Ngọc nói trong văn tế bổn nghệ ở làng không phải là các vị đã truyền dạy nghề gốm cho dân làng. Nếu họ là những người đã truyền dạy nghề gốm cho dân làng thì tại sao tên họ các vị đó đã không được ghi trong thần tích và khắc trên bia đá đáng lẽ đã được dựng ở miếu Đào Nghệ? Vậy các vị đó chính xác chỉ là những người đã có công xướng xuất đầu tư, tổ chức, xây dựng và điều hành các cơ sở làm gốm buổi ban đầu. Họ đã thuê mướn các thợ lò gốm cũ và các chuyên viên kỹ thuật chế tác gốm sành người Chămpa còn ở lại để xây dựng và vận hành các lò gốm mới. Chính những thổ dân Chămpa này mà dân ta quen gọi là người Lồi mới là những người dạy nghề gốm cho dân làng.

Dân làng Cảm Quyết đã gọi người dạy nghề gốm cho dân làng là ông Lồi vì ngài là người Chămpa. Về sau, khi hệ thống làng xã đã định hình, sinh hoạt dân chúng đã ổn định, dân làng Cảm Quyết kiến lập quần thể miếu đôi để ghi nhớ công đức của hai người có ân sâu nghĩa nặng với dân làng, là ngài Khai Canh Hoàng Minh Hùng, và người dạy nghề gốm (Đào Nghệ) là ông Lồi.Vì không biết tên họ ông Lồi, mà nếu có còn nhớ thì cũng không biết phải viết ra làm sao bằng Hán tự, nên tại miếu Đào Nghệ không có ghi khắc tên họ ông Lồi. Mà cũng có thể là vì về sau, do việc học chữ Nho hưng thịnh mà dân làng Cảm Quyết rập khuôn thói tục của người Tàu quen gọi dân dị chủng là dân man, nên vì tinh thần tự tôn dân tộc mà miếu Đào Nghệ tuy được hương chức sở tại kiến lập để nhớ ơn người dạy nghề nhưng lại lược qua nguồn gốc Chămpa của ngài, không ghi lại tên họ ngài trong thần tích và khắc vào bia đá. Rút cục chỉ còn lại danh xưng ông Lồi trong cửa miệng thế gian. Qua quá trình

biến âm của Việt ngữ, Lồi biến thành Nồi, ông Lồi trở thành ông Nồi. Dân làng lập miếu Đào Nghệ để thờ người dạy nghề là ông Nồi, và kiêng húy để tỏ lòng biết ơn nên gọi cái nồi là cái nghẹ. Trải qua một thời gian dài năm sáu thế kỷ, chuyện truyền miệng dần dà sai lạc với nguyên thủy, khai canh lẫn lộn với đào nghệ, do đó mà sinh ra sự kiện tên gọi Ông Nồi (người Lồi) để chỉ người dạy nghề lại biến thành tên tục ngài Khai Canh người Việt. Mà ngẫm nghĩ cho cùng thì sự nhầm lẫn này chưa hẳn là hoàn toàn ngẫu nhiên. Việc đem râu ông nọ cắm vào cằm bà kia, tức là câu chuyện Nồi là tên gọi người dạy nghề lại được truyền miệng là tên ngài Khai Canh, có thể là sản phẩm của những người nặng đầu óc kỳ thị sắc tộc muốn xóa sạch mọi dấu tích của quá khứ liên quan tới những cư dân bản địa đã có ân nghĩa với dân làng, và được dân làng sùng bái, y hệt sự kiện hiện nay đang manh nha xu hướng của một số người có hậu ý muốn đổi tên miếu Đào Nghệ thành miếu Bổn Nghệ để dứt khoát không còn dây dưa với người tuy đã có công dạy nghề cho dân làng nhưng lại không cùng gốc gác, không cùng nòi giống.

Ngay từ lúc làng cổ Phước Tích mới được phát hiện, các kiến trúc sư và các nhà nghiên cứu văn hóa đã có ý định đề nghị giới chức thẩm quyền xếp hạng làng Phước Tích là làng di sản văn hóa. Dự án này đến nay đã có cơ trở thành hiện thực qua quyết định bằng văn bản (Công văn số 1180/UBND-VX ngày 12 tháng 4 năm 2006) của tỉnh Thừa Thiên Huế, giao trách nhiệm cho Sở Văn hoá Thông tin chủ trì phối hợp cùng với huyện Phong Điền và các đơn vị liên quan tổ chức việc nghiên cứu khảo sát các di tích tiêu biểu ở làng cổ Phước Tích để lập hồ sơ đề nghị xếp hạng cấp quốc gia. Đó là một việc làm có ý nghĩa, có giá trị thực tiễn, và là động lực thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, bảo tồn, phục hồi, khai thác các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể ở làng cổ Phước Tích. Các di tích tiêu biểu ở nơi đây bao gồm nhiều hạng mục đa dạng, chứa đựng những giá trị văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc Đại Việt, nhưng đồng thời cũng biểu hiện sự kế thừa, sự hội nhập, sự giao lưu của hai dòng văn hóa Đông Sơn và Sa Huỳnh, cũng như ảnh hưởng của hai nền văn minh Trung Hoa và Ấn Độ tác động lên đời sống của hai quốc gia Đại Việt và Chiêm Thành, hoặc lùi xa hơn nữa, của hai tập thể cư dân Giao Châu và Lâm Ấp. Ý thức được điều này thì những người có trách nhiệm nghiên cứu khảo sát sẽ nhận ra vai trò quan trọng cũng như nhiệm vụ nặng nề của mình. Điều kiện tiên quyết để chu toàn vẻ vang và trọn vẹn trách nhiệm này là gột bỏ thiên kiến rập khuôn theo thói tục người Tàu xem những người sắc tộc anh em là dân man mọi thấp kém, nên phạm sai lầm do mặc cảm tự tôn, không chịu thừa nhận những đóng góp của họ vào quá trình tiến hóa chung của cộng đồng dân tộc. Thứ đến là biết thay đổi góc nhìn và thế đứng để nhận định rằng lịch sử vùng Huế trong lòng lịch sử Đại Việt không phải chỉ bắt đầu từ năm 1306 mà lùi lại rất xa vào thời đại tiền sử. Thật thế, trống đồng Đông Sơn đã được phát hiện ở xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền, kế bên Phước Tích. Có được như vậy thì việc nghiên cứu khảo sát để lượng định giá trị văn hóa các di chỉ tiêu biểu ở Phước Tích, nhất là các di chỉ có niên đại trước năm 1306 như miếu Quảng Tế, di tích Yoni Cồn Trèn, nền móng và chân trụ cổ tháp, và những mảnh gốm cổ ngẫu nhiên đào được trong khu vực Miếu Vua mấy tháng gần đây, mới mang lại những kết quả tốt đẹp, phản ánh đúng mức thực tế lịch sử, soi sáng nhiều khía cạnh mới mẻ trong sứ mệnh đi tìm Hương xưa nơi Làng cổ.

◆ *Minh Vũ Hồ Văn Châm*

Tâm bịnh của vua Tự Đức

BS Trần tiễn Sum

Vua Tự Đức gởi gấm nỗi niềm tâm sự của cuộc đời làm vua thời loạn ly mong ước có được các quần thần tài giỏi giúp vua trị nước yên dân, nhân lúc cảm hứng trong dịp dạo thuyền trên Sông Hương qua bài thơ chữ Hán được Cụ Ưng Trình dịch lại như sau (BAVH-1916 tập 8, Bản dịch Việt 1997, Thuận Hoá):

Đêm đông trên Sông Hương

Dạo cảnh đêm đông gió rét vừa
Sông Hương làn sóng gợn lưa thưa
Thuyền êm, gió thoảng, sao vừa sáng
Ai thấu tâm can của vị vua?
Xã tắc lòng ta đau khổ mãi
Ví chăng tìm được kẻ tài ba
Tay chèo lái giỏi con thuyền vững
Thanh thản qua sông ắt dễ mà.

Nhưng chính do việc vô tự (không có con) và nội dung di chiếu của vua Tự Đức, giai đoạn lịch sử 1883-1885 từ khi nhà vua băng hà trở nên nhiễu nhương do các phụ chánh đại thần lộng quyền trong lúc thực dân Pháp muốn áp đặt nền đô hộ trên toàn cõi Đông Dương và quân Trung hoa âm mưu chiếm đất Bắc kỳ.Từ năm 1862 Nam kỳ đã trở thành thuộc địa Pháp và Bắc kỳ chinh chiến liên miên từ 1872 bị chiếm đóng "da beo" bởi quân Pháp, Thanh, Cờ Đen và Việt. Việc nội trị bị đình trệ vì thiên tai , loạn lạc, lương giáo tương tàn, các sĩ phu có tiết tháo xa lánh triều đình, dân chúng nghèo đói đến bần cùng do kinh tế lụn bại. Chương trình canh tân tự cường chỉ được thực thi nửa vời vì nhà vua không chịu nghe theo đề nghị của các đại thần Phan thanh Giản, Phạm phú Thứ sau khi đi sứ về, hay như điều trần của Nguyễn trường Tộ hơn 15 năm trước: "nếu vấn đề canh tân không được giải quyết thì đất nước không tránh khỏi họa vong quốc". Trong tình thế đó, triều đình Huế chia rẽ với hai xu hướng đối nghịch rõ rệt (chống Pháp cầu viện Trung Hoa hay cọng tác với Pháp) gây bạo hành do các quan phụ chánh đạo diễn phế lập trong 4 tháng.

Ba vị vua liên tiếp (Dục Đức-Hiệp Hòa-Kiến Phúc) đều chết thảm trong sự kiện lịch sử "tứ nguyệt tam vương".Hai câu thơ sau đây nêu rõ trách nhiệm của hai vị phụ chính đại thần Tôn thất Thuyết và Nguyễn văn Tường:

Nhất giang lưỡng quốc, ngôn nan **Thuyết**,
Tứ nguyệt tam vương, triệu bất **Tường** .

(Một sông hai nước, nói sao được,
Bốn tháng ba vua, biết điềm gì)

Tự quân thứ nhất Hoàng trưởng tử Dực Đức, 31 tuổi lớn tuổi nhất trong 3 vị hoàng tử con nuôi, cháu ruột của vua Tự Đức được truyền ngôi vua mới được ba ngày thì bị triều thần phế đi. Sự kiện lich sử này đến nay cũng chưa được biết tường tận vì các bộ sử của triều Nguyễn, Đại Nam Thực Lực hay Liệt Truyện đề cập đến theo kiểu biên niên thiếu nhiều dữ kiện. Trước đây, các sử gia Trần trọng Kim và Phạm văn Sơn cũng nhắc sơ qua. Các sử gia miền Bắc đánh giá nhà Nguyễn theo chủ trương chính trị hoá lịch sử hợp "đạo đức cách mạng". Gần đây các bộ sử xuất bản tại hải ngoại và nhiều bài khảo cứu đăng trên các báo mạng điện tử trình bày thêm nhiều chi tiết hơn dựa vào nhiều tài liệu đã được giải mã.Chúng ta hãy tổng hợp những tài liệu

trên kèm thêm những tư liệu để tìm hiểu sâu xa hơn diễn tiến thảm kịch việc làm vua ba ngày của vua Dục Đức.

Tâm bịnh và di chiếu của vua Tự Đức

Lên ngôi lúc 19 tuổi với quyền hành tuyệt đối, vua Tự Đức có mặc cảm không thể có con thừa tự vì bị bệnh đậu mùa lúc còn tráng niên, và việc bức tử người anh ruột (Hồng Bào) cùng cha khác mẹ vì tranh chấp ngai vàng.Thể chất nhà vua lại yếu đuối, luôn bịnh hoạn. Bản tính lại cả thẹn, ít nói, hay tự xét mình, thường do dự, thiếu quyết đoán.Ngay từ khi còn nhỏ, vua cha Thiệu Trị đã nhìn thấy được những triệu chứng tâm thần của Tự Đức nên đã ban cho tập sách *"Tâm pháp trị pháp"* và *"Chỉ thiện đường"* để học tập. Tư chất thông minh, uyên bác về Khổng-Nho, giỏi văn thơ và rất có hiếu với mẹ nên nhà vua hay vâng theo lời khuyên *"nên hòa hoãn với Pháp"* của Hoàng thái hậu Từ Dũ.

Sau khi chiến thuyền Pháp uy hiếp Đà Nẵng 1858, đánh chiếm Gia định và ba tỉnh miền Đông, ép buộc Khâm sai đại thần Phan thanh Giản phải ký tạm ước 1862, nhượng đất cầu hòa và chấp nhận tự do truyền đạo, vua Tự Đức có vẻ tự tin vào tinh thần chiến đấu quân dân nước Việt để ra chỉ thị không được nhượng bộ mà phải cứng rắn với người Pháp trong việc thương thuyết; nhưng khi thất bại lại đổ lỗi, khiển trách với những hình phạt nặng nề các đại thần của mình. Tình hình chính sự và chiến sự càng ngày càng đen tối, đất nước càng ngày bị chiếm đóng bởi quân Pháp, tinh thần vua Tự Đức luôn luôn hoang man hoảng sợ đưa đến tâm bịnh không thuốc chữa.

Khi ba tỉnh miền Tây còn lại của Nam kỳ bị chiếm đóng tháng 7-1867 và Phan thanh Giản tuẫn tiết, vua Tự Đức hạ chiếu "sám hối" 9-10-1867 có đoạn *"Trẫm...đau ốm về thể xác, ngu tối về tinh thần...Ngồi nằm đều chua chát lo buồn...mặt Trẫm xanh xao gầy ốm, Trẫm chưa đến 40 tuổi mà tóc đã bạc như một lão già"* (HCT, t6, tr.1171) cũng như cho khắc vào tấm bia đá **"Khiêm cung ký"** (1875):

"Phàm mọi việc làm không nên, đều là tội ở Trẫm, bất đắc dĩ nhún nhường để làm tạm, mong ước nghỉ một chút, mà trong nước từ đấy mới nhiều việc, nghĩ lại ngay lúc bấy giờ, giấy khẩn cấp đưa luôn, công việc bỏ ùn, ngày đêm mất ăn mất ngủ như dại như ngây, đến nay hồn sợ hãi vẫn chưa được yên định, mà gầy ốm ngày lại tăng thêm, lại không may bỗng gặp bệnh nguy cấp, chết mà lại sống, cho nên đầu choáng váng, mắt hoa mờ, chân yếu bụng trệ, các chứng hư hiện ra cả, tế tự không thân hành được, hỏi việc không chăm chỉ được mà chê trách lại thêm nhiều... Nay Ta bên trong không có sự vui về con nối ngôi, bên ngoài nhiều việc khó yên, tấm thân nhỏ mọn, lo trách xúm đến, trong lòng người thường còn chẳng chịu nổi, huống chi là Ta, chỉ lấy lòng thành để trị trăm sự lo hão, người trông cậy được có bao nhiêu thì cũng tự tin ở có trời mà thôi. Nếu không phải từng trải lo âu, còn ai biết cho Ta, mà cùng nói với Ta, cũng không được kết cục, thì sau này người xem đến lại phiền đến thế nào? Cho nên đau lòng khổ chí, thâu đêm suốt ngày có lúc như người điên cuồng, không có thánh nhân thì ai mở bảo cho Ta, Ta cũng sẽ đợi chỉ trời và thánh, để toàn vẹn chí ta, chẳng dám cho là không thể làm được mà không làm, không thể cảm hoá được mà không cảm hoá, còn một ngày cũng lo hết trách nhiệm một ngày đó thôi".

Lúc kén chọn hoàng thái tử và hoàng tử, nhà vua cũng tự vấn về tinh thần và thể chất của chính mình.Sử sách triều Nguyễn trong các quyển Đại Nam thực lực chính biên (DNTL) đã ghi lại như sau:

- (DNTL, t7, tr. 1200) tháng 9 năm Kỷ Tỵ (1869) : *"Trẫm đức bạc, tuổi trẻ, sớm nối nghiệp lớn, khốn nỗi tư bẩm bạc nhược, vận mệnh kiển bĩ, việc nhiều, lỗi nặng, bệnh tật liên miên, lại không biết cách tu luyện của Hoàng đế, Lão tử, Kỳ Bá, Biển*

Thước, nên con nối muộn hiếm, không được yên lòng về việc lập Thái tử và sự vui về bà chơi với cháu, tội ấy không còn tội gì to hơn ! Rất tự lấy làm sợ hãi, hổ thẹn" .

- (DNTL,t7, tr. 1291) tháng 7 năm Tân Mùi (1871): *"Trẫm vốn nhiều lỗi, việc nước mỗi ngày một nhiều, rất muốn có người con hiền che được lỗi cho cha mẹ, ngõ hầu mới không còn ân hận, trừ phi được người tài đức thuần tuý hơn người, thì sao thoả được lòng mong muốn ấy. Nay còn đương lúc công việc bận nhiều, thực nghĩ việc phó thác là rất quan trọng, hết lòng hết sức, còn sợ không nổi, huống chi lại có thì giờ nghĩ đến việc khác, thận trọng tự bảo dưỡng lấy mình. Hơn nữa ngày thường khí lực yếu lắm, khó lòng đã có con, may mà có con, thực là nhờ ơn của trời đất tổ tiên ban cho và nhờ phúc thừa tích thiện của Hoàng thái hậu để lại. Các thân huân và thần dân, vốn biết rõ sự khó nhọc của Trẫm, rửa sạch cái phiền cái hổ cho Trẫm, để cho nguyên khí của Trẫm được mạnh khoẻ, việc ấy thực trẫm không dám chắc. Trẫm chỉ kính sợ mệnh trời không thường, chọn sẵn người lớn tuổi làm con nối, nếu chọn được người tài giỏi, may ra được khỏi tội".*

Sau khi chiếm xong miền Nam, người Pháp bắt đầu chú ý đến Bắc kỳ với những cuộc thám hiểm sông Hồng để tìm đường thông thương với Vân Nam, Trung Hoa. Do những trở ngại trong các hoạt động thám hiểm và buôn bán trái phép của Jean Dupuis với Vân Nam (1872) cùng sự hiện diện liên quân Việt-Trung, quân Pháp đánh chiếm tạm thời Hà nội lần thứ nhất 1873 để có hòa ước 1874 mở cửa sông Hồng. Từ đây bắt đầu cuộc tranh chấp Pháp-Trung về vấn đề Bắc kỳ mà 15.000 quân Trung hoa do yêu cầu của vua Tự Đức đã hiện diện từ 1869 giúp dẹp loạn Ngô Côn (Thái Bình Thiên Quốc). Cái chết bi hùng của Nguyễn tri Phương cùng tình hình chiến sự tại đây làm nhà vua bi quan trong thế thụ động. Nhà vua cảm thấy cô đơn với nỗi lo sợ không nguôi về tham vọng của Pháp qua những chính sách ngày càng cứng rắn, đầy khiêu khích của chính phủ Pháp ở Paris và chính quyền thuộc địa tại Saigon cũng như sự cổ động thúc dục của các giáo sĩ người Pháp vì tình trạng truyền giáo khó khăn và bạc đãi giáo dân.

Vua Tự Đức đau lòng nhìn cảnh dần dần mất chủ quyền đất nước, uy quyền ngày càng bị hạn chế, xã hội phân hóa vì nạn lương-giáo tương tàn, giới văn thân xa lánh, để phải mang bịnh thêm vì *"đánh không được, hòa chẳng yên, mà giữ cũng chẳng xong"* (VNC, t.1, tr.249-252).Hầu hết các cận thần của nhà vua đều khuất bóng như Trương đăng Quế, Phan thanh Giản, Nguyễn tri Phương, Đoàn Thọ, Hoàng Diệu...sau 36 năm dưới triều Tự Đức, nay chỉ còn Trần tiễn Thành thuộc lớp cũ, triều thần là thế hệ mới vào 2 năm cuối triều Tự Đức. Nguyễn văn Tường và Tôn Thất Thuyết nắm hết mọi quyền hành tại triều, ngoài Bắc kỳ thì có Hoàng kế Viêm, Nguyễn Hữu Độ và Phan đình Bình trong lúc bịnh tình của vua Tự Đức càng ngày càng trầm trọng, đồng thời ảnh hưởng của Trần Tiễn Thành cũng giảm vì tuổi già sức yếu đầy bịnh tật.

Dựa vào lý do hòa ước 1874 không được thi hành từ phía triều đình Huế cọng thêm những hoạt động của quân Cờ Đen gây trở ngại cho các chuyến buôn bán của người Pháp, cùng lúc phong trào "Bình Tây sát tả" gây ra những cảnh tương tàn đẫm máu, Pháp tiến đánh Hà Nội lần thứ hai 1882 hầu bảo vệ Pháp kiều, giáo dân và tranh giành tài nguyên (các loại mỏ) với Trung hoa. Với tình thế biến chuyển nhanh, nhiều việc cấp bách đòi hỏi sức lực làm việc nhiều, Trần tiễn Thành được phép vua cho tạm nghỉ dưỡng bịnh và chỉ quản lý công việc để Lê hữu Tá rồi Tôn thất Thuyết nắm quyền Bộ Binh (Xem Niên biểu Văn nghị công NBVNC, quyển 6). Cuối năm 1881, Tôn thất Thuyết đang có mặt tại Huế sau thời gian dài dưỡng bịnh tâm thần được cử nắm quyền Bộ Binh vào tháng 2-1882 để ứng phó với chiến trường miền Bắc và tháng 6 thì bắt đầu tham gia Cơ mật viện

với chủ trương chống Pháp bằng giải pháp quân sự và bảo vệ kinh đô. Phản ứng với những thất bại bất lợi của chiến sự và hòa đàm trong cái thế của đất nước hiện giờ, triều thần phải đành chọn lựa một trong hai xu hướng rỏ rệt chống hay theo giặc mà thôi: phe chủ chiến chủ trương trực diện đối đầu bằng vũ lực với Pháp, giết giáo dân đồng thời cầu viện Trung hoa, trái với phái chủ hòa gồm hầu hết hoàng gia muốn hợp tác hay điều đình với quân Pháp.

Tháng 4-1882 Hà nội thất thủ sau 6 giờ chống trả và Tổng đốc Hoàng Diệu tự vẫn tại Võ miếu.Việc thương thuyết diễn ra tại Huế và Hà nội để hoàn trả Hà nội.Nhưng Pháp muốn trì hoãn để điều đình với Trung hoa tại Paris và Bắc kinh và có đủ thời gian gởi thêm viện binh từ Pháp.Trong tình thế nghiêm trọng đó, bịnh tình của nhà vua ngày càng thêm trầm trọng, thuốc men bắt đầu hết công hiệu, triều đình phải cử người đi tìm thầy thuốc bắc bên Trung hoa. Tháng 8-1882 (NBVNC, q6) các quan đại thần Cơ mật viện Trần tiễn Thành, Nguyễn văn Tường, Phạm thận Duật, Đoàn văn Bình, Tôn thất Thuyết dâng phiến tâu:

"Trộm thấy trị bệnh nên dựa vào thuốc men mà công sức điều trị cũng chiếm phân nửa.Từ khi lên ngôi đến nay, phải lo lắng bên trong, lo bên ngoài, thời sự có nhiều khó khăn, Hoàng thượng lòng dạ ngỗn ngang khó nghĩ, tích chứa mối lo thành bệnh đã không phải một ngày vậy.Nay khánh tiết đã quá ngũ tuần, tuy bẩm thọ như người xưa cũng gọi là đã suy phân nửa.Huống chi sau khi nhọc lâu ngày gần đây còn nhiều việc Cơ mật nữa, bọn thần cùng bàn nhau, từng lấy làm lo. Từ 2-3 tháng nay, vẻ tươi tắn yên ổn của bệ hạ chưa được như trước, phương thuốc của quan Thái y còn chậm thấy công hiệu.Bọn thần đã hỏi Viện ấy cùng kê cứu các phương thức nghĩ cũng chỉ bổ hư chứ không có phép nào chữa nhanh được. Vả khí vận, sự thế ngày nay như vậy các nước cùng như thế cả, tựa như không phải đem sức riêng của nước mình mà sớm giải quyết được vận lớn ấy, cúi xin Hoàng thượng thư thái nỗi niềm, tĩnh tâm điều trị, hoặc 5-3 ngày hãy chầu một lần, hoặc nhân lúc tạnh trời mà tuần du để tiêu u uất. Nỗi lo của Hoàng thượng mà thư được thì thuốc quí mới tiến theo,tinh thần khoẻ lên ngày càng tăng hơn trước thì lời tung hô chúc mừng mới làm hân hoan bọn thần vậy.Đó là phúc của xã tắc, phúc của sinh linh, bọn thần rất trông mong vậy".

Tháng 9-1882, các quan đại thần Cơ mật viện lại dâng phiến tâu: *"Gần đây vâng thấy Hoàng thượng chứa chất lo âu nên sinh bệnh hoạn. Thái y điều trị chưa thấy công hiệu, bọn thần lo lắng sâu sắc, không biết làm gì. Nghĩ rằng những năm gần đây việc nhiều, cửu trùng nhọc nhằn dồn nén đã lâu, nếu không mở rộng nỗi lòng cho tinh thần cùng tình cảm được thoải mái như sách thuốc đã nói, chữa thuốc e chậm trễ. Lại đọc Hán thư, thấy vua Quang Vũ có hôm ăn cơm ở tị điện, bị ngất ở mái hiên, các quan khuyên vua đi chơi đến Chương Lăng ở lại đấy rồi bình phục, bởi vì bệnh ưu uất gặp gió thì thoải mái vậy. Vâng thấy Hoàng thượng hôm trước bị ngất, nay lại nhọc mệt, nghĩ cũng do ưu uất mà đến nỗi ấy cho nên bàn nhau xin nhân lúc rỗi đi dạo chơi.Chỉ vì muốn cho bệnh ngài ngự sớm đỡ mà không dè lời lẽ có hơi viển vông mà lại mạo muội lo lắng việc đại nghĩa".*

Lao tâm lao lực làm vua Tự Đức lâm bịnh phổi ngày càng nặng. Nhà vua nghe theo đề nghị của Tôn thất Thuyết cầu viện Trung hoa trong khi Trần tiễn Thành lại cố gắng ngăn cản làm Thuyết nổi giận nói càng tại triều. Tiếp nhận công hàm chính thức cầu cứu của vua Tự Đức ngày 29-7-1882 (NXT, tr.272), quân Thanh từ Lưỡng-Quảng bắt đầu vượt biên từ tháng 8 đến tháng 10-1882 để tranh chấp với Pháp, với tham vọng chiếm đóng Bắc kỳ. Đàm phán giữa Paris và Bắc kinh đưa lại tạm ước Thiên Tân 20-12-1882 chia đôi Bắc kỳ thành hai vùng: thượng du thuộc Trung hoa, vùng châu thổ thuộc Pháp. Lúc tin đồn về việc chia đôi này lan truyền trong nhân

gian, vua Tự Đức sắc rằng: "Người Tàu đâu có làm việc bất nghiã như thế" (HCT, t6, tr1243). Không tin hay không biết âm mưu Pháp-Trung này cũng như thiếu tin tức tình hình thế giới, vào đầu năm 1883, nhà vua cử sứ bộ Phạm thận Duật ra đi cầu viện Trung hoa đang khốn đốn bị các cường quốc Tây phương và Nhật cấu xé.

Trong bức mật thư gởi riêng cho Lý hồng Chương, Tể tướng nhà Thanh ngày 26-1-1883 (NXT, tr.280) vua Tự Đức ca ngợi chính sách duy tân của Trung hoa trong việc mở cửa buôn bán với nước ngoài, khuyến khích nghiên cứu học tập những kỹ thuật mới của nền kỹ nghệ phương tây, đồng thời kêu gọi Trung hoa giúp Việt nam đánh thắng Pháp với một danh sách xin viện trợ. Vua Tự Đức yêu cầu Trung hoa tuyển dụng giùm các chuyên viên ngoại quốc, huấn luyện viên quân sự, cung cấp những thiết bị và vật liệu cần thiết chế tạo vũ khí hay chiến thuyền cũng như thu nhận du học sinh Việt nam. Những điều bàn luận trong mật thư này dường như vua Tự Đức học được một bài học sau Hòa Ước 1874 về việc Pháp cung cấp 5 tàu chạy hơi nước, 100 súng đại bác và 1000 súng trường cùng đạn dược cũng như cung cấp chuyên viên quân sự giúp tổ chức thủy lục quân, chuyên viên về tài chánh và kỹ sư. Nhưng những chiến cụ nhận được của Pháp đều để phế đến hư hại và các chuyên viên kỹ thuật người Pháp bị làm khó dễ nên bỏ ra đi về nước.Trong thư ngày 7-11-1878 gởi cho thống đốc Nam Kỳ Philastre, đại diện Pháp tại Huế viết: *"Chính phủ An nam đã nhận được 2000 khẩu súng, đó là thứ khí giới tạm dùng được, nếu người ta chịu chăm sóc. Ngay bây giờ hoặc một năm sau nữa là cùng, có lẽ không một khẩu súng nào còn dùng được bình thường. Các tàu thủy cũng thế, cái gì cũng vậy cả.".*

Đây là bài học canh tân vào giây phút cuối đời mà trong bao nhiêu năm vua Tự Đức đã tìm cách từ chối hay không nhất quyết thi hành những kế sách đề nghị của phái canh tân. Khi nhà vua nhận ra nước nhà cần thiết phải thay đổi thật sự và nhìn thấy rõ thực tâm của Pháp thì đã muộn, chỉ còn trông cậy vào thiên triều Trung Hoa mà thôi. Trước đó tháng 8-1882 Tự Đức đã đặt bút phê "ngôn hà quá cao" vào lá thư Nguyễn lộ Trạch gởi Trần tiễn Thành bàn về du học kỹ thuật Tây phương và nới rộng ngoại giao với các nước Đức và Anh hầu tự cường tự trị cho đủ mạnh chống Pháp. Nguyễn lộ Trạch sau đó cũng không được nhà vua cho xuất ngoại và ông Thành tìm cớ xin về hưu trí.

Tháng 3-1883 Pháp quyết định đơn phương bãi bỏ Tạm ước Thiên Tân, xúc tiến đánh chiếm Hòn gay và Nam định. Quân nhà Thanh dưới quyền chỉ huy bởi Lý hồng Chương tăng viện vượt biên giới với danh nghĩa giúp quân ta chống Pháp. Bang giao Việt-Pháp trở nên căng thẳng tột độ.Đầu tháng 4-1883 phái bộ ngoại giao Pháp Rheinart di tản khỏi Huế vào Saigon. Tháng 5, đại tá Henri Rivière, chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Bắc kỳ bị tử trận vì bị phục kích.Chính phủ Pháp Ferry liền quyết định điều động thêm một sư đoàn thủy quân lục chiến, một hạm đội hải quân dưới quyền thiếu tướng Courbet và thiết lập chính phủ bảo hộ tại Bắc kỳ do tổng ủy viên dân sự Harmand cầm đầu.Cuối tháng 6 Lãnh sự Việt Nguyễn thành Ý tại Saigon bị trục xuất về Huế. Tại đây, không khí chiến tranh bao trùm, phía Việt nam chuẩn bị 20.000 quân bảo vệ kinh thành Huế, quân Pháp chỉ có khoảng 500 lính đang chờ viện quân từ miền Bắc đang tiến về vùng biển Thuận an. **Giữa lúc đó, ngày 19-7-1883 (tức là ngày 16-6 Quý mùi) vua Tự Đức mất, thọ 54 tuổi.**

Vua Tự Đức đã bị ốm từ mấy tháng trước, đã làm tờ di chiếu trong tinh thần thiếu sáng suốt và hoang mang phải quyết định chọn lựa giữa hoàng trưởng tử Ưng Chân (Dục Đức) 31 tuổi hay hoàng tử Ưng Đăng (vua Kiến Phúc sau này) 14 tuổi nối ngôi. Ưng Đăng và bà Học Phi hàng ngày hầu cận vua lúc ốm đau nên được lòng vua,

còn bà quý phi mẹ nuôi Ưng Chân thì bị khiển trách. Qua kinh nghiệm của chính mình về việc bỏ trưởng lập thứ nên vua đành bất đắc dĩ lập trưởng nhưng để lại những điều răn bất lợi cho tự quân khi nhắc đến các khuyết tật.

- (DNTL, t8, tr.575) tháng 6 năm Quý mùi 1883, *"Chiếu rằng : Trẫm là con thứ 2 của bà cả của Đức Tiên đế, nhờ trời đất ông cha cho nối nghiệp lớn, làm vua nước Nam 36 năm nay, lo sợ hằng ngày, thường sợ không làm nổi, khốn nỗi người yếu, đức mỏng, tài kém, lỗi nhiều, đang mong đổi lỗi chưa xong, đâu dám quá nghĩ thành ốm. Duy lo lắng đã lâu, lại thêm khó nhọc, năm trước đã phát bệnh ho, hạ tuần tháng 4 năm nay, bệnh bỗng phát to, trăm chứng hư tổn, đều phát ra cả, đã uống thuốc để chữa, càng ngày càng tăng, lòng thành đến nay mới được hơi có cơ hội, không may mà vội chết, để thương đến muôn đời. Trời khó tin, mạnh không thường, phàm việc phải dự bị trước".*

DNTL cho biết: Trước vua từ hạ tuần tháng 4 hơi yếu, vài ngày dần khỏi, cố sức làm việc, những chương sớ các nơi, đều cho theo như thường dâng tâu, tuỳ việc phê phó. Rồi nhân khó nhọc, thành ra ốm nặng, quan viện Thái y hầu thuốc không có hiệu quả. Đến ngày 14 tháng 6 ấy là ngày Nhâm Tuất, tuyên triệu Cơ mật viện đại thần là Trần Tiễn Thành, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết vào hầu, vua ở trong cung, **chính tay phê vào tờ di chiếu cho Hoàng trưởng tử Thuỵ quốc công nối ngôi vua.**

◆ ***BS Trần tiễn Sum***

Thời Thơ Mộng

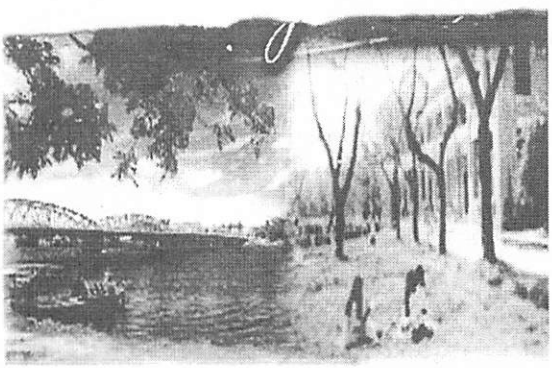

Đã qua rồi một thời mơ mộng
Tuổi học trò giấy trắng nở hoa
Phiếm tơ lòng cuồn cuộn thiết tha
Trông tan giờ học bôn ba kiếm tìm

Công viên ngơ ngác ngóng nhìn
Cổng trường nhón đợi bóng hình người thương
Kè-kè theo vành nón nghiêng nghiêng
Như ong say mật, bướm vàng lượng quanh

Vườn nhà em hoa huệ hoa hồng
Có cây khế ngọt, có hàng mía lau
Thập thò nhìn trước ngó sau
Đạp xe theo gót, vỉa hè, công viên

Thấy em liếc trộm, nhìn nghiêng
Hồn anh ngây ngất, tưởng chừng vở tung
Vào lớp học anh cứ mơ màng
Tiếng thầy giảng dạy lại thấy hình của em

Trăng lùa khung cửa gió thoảng hương mềm
Sách đèn ngó ngẩn, tâm hồn ngẩn ngơ
Trên trang giấy trắng lờ mờ
Hình em là những vần thơ lệ buồn

B.S. Tô Đình Đài

CANH GÀ THỌ XƯƠNG

Thântrọng Tuấn

Có dịp ra đứng chênh vênh giữa vè phía tây cầu Trường Tiền nhìn lên Thiên Mụ, đưa mắt nhìn quanh gò Long Thọ mịt mù, đìu hiu soi bóng Hương Giang để thưởng ngoạn tình non nước cố đô. Đứng lặng yên nghe gió mát mơn man da tóc, trào dâng hoài cảm xa xưa.

Cầu Trường Tiền

Tây Bảo hộ ác răng thiệt ác, mang tiếng là xây cầu cho tiện đường đi, nhưng chơi trò trấn yểm còn thâm sâu hơn cả Mã Viện, Cao Biền ngàn năm về trước. Cầu Trường Tiền chận đầu hướng bắc, cố ý dìm vua Thành Thái, mặc dầu Ngài muốn xây xích xuống cạnh tòa Khâm thông qua con đường phía đông Kinh Thành trực chỉ Trấn Bình Đài tức là đồn Mang Cá. Địa điểm nầy là trục thông nam bắc, tiện lợi trăm bề, từ dân dụng cho đến việc binh cơ, nhưng Tây Bảo Hộ nhìn ra ý đồ của nhà vua, nên viện cớ đất không được độ cứng mới cho xây trệch về hướng tây, tại bến đò sở trường tiền bên phường Đệ Bát ngang qua phường Đệ Nhất Kinh Thành.

Cầu xây xong năm 1899, lấy tên là cầu Thành Thái. Nếu Tây Bảo Hộ chấp nhận theo lời đòi hỏi của vua Thành Thái, thì mỗi khi xa giá ra chơi cửa Chánh Đông tức là cửa Đông Ba sau nầy, xuôi nam theo ngả giữa, thong thả thẳng qua cầu, ngự giá Toà Khâm tỏ tình lân quốc với ngài Khâm Sứ Pháp là Bồ Lốt Sờ thì thật đúng danh Pháp-Việt đề huề, khỏi phải mang tiếng tháng tháng sang thăm viên Khâm Sứ nhưng thực ra là trình diện Tây Bảo Hộ. Ý kiến nghe thiệt hay, nhưng mưu đồ quân sự chống giặc Tây của nhà vua không qua khỏi mắt lũ thực dân và bọn Việt gian bán nước phản quốc hại dân của Nguyễn Thân và Hoàng Cao Khải. Ai lại tạo điều kiện giao thông tiện lợi cho kẻ thù nghịch để đánh lại mình bao giờ? Do đó, cầu vẫn cho xây, nhưng trục lộ thì quanh co bí lối. Cầu Thành Thái móng đúc xi măng, sườn vè bằng sắt mỹ miều nhưng lại lát ván cho dễ tháo hủy khi có biến!

Chuyến đò ngang từ sở Trường Tiền sang trại Vũ Lâm thôi đưa, làm buồn lòng mấy anh lính lệ vì từ nay hết dịp đặt bày khám xét để lợi dụng "bọp bụ" mấy o làm thợ xâu tiền sau khi tan xưởng, ngồi chụm từng toán chờ chuyến đò ngang qua phường Đệ Nhất.

Khu vực trại Vũ Lâm bị giặc Tây đốt hồi thất thủ Kinh Đô, sau ba mươi năm hoang phế, nay được chia lô cấp cho người dân lập dãy phố Trường Tiền. Dân An Nam vẫn còn đau buồn ngày thất thủ nên ít người nhận lãnh, thành ra người Tàu gốc Hán-Thanh nhận gần hết, xây phố dài nối với phố Chợ Dinh bằng chiếc cầu đá Gia Hội xây năm Thành Thái 16 (1904).

Cũng trong năm Thành Thái 11 (1899), sau khi khánh thành cầu Thành Thái, vua dụ bộ Hộ và bộ Công cho dời chợ Đông Ba ở trước cửa Chánh Đông ra khu phố Trường Tiền dọc theo bờ sông Hương. Hai bộ cứ lần lửa vì Tây Bảo Hộ đòi dùng thước Tây phân chia gian hàng thứ lớp, xây tháp có đồng hồ, đào giếng có máy bơm quay tay là những thứ vô cùng mới lạ, khác với địa lý Tả Ao, thước mộc Lỗ Ban, thần tài thần lộc...thành thử công việc dời chợ vẫn không tiến hành như dự định.

Ngày mồng hai tháng tám năm Giáp

Thìn (1904), cầu Thành Thái bị bão thổi sập bốn vài tức tám nhịp. Chưa đầy năm tuổi, cầu Thành Thái bị gió thổi bay tưng theo trận bão năm Thìn. Để tránh cái huông tan hoang toại hoại từ trại Vũ Lâm, Tây Bảo Hộ mới dựa theo lời dụ, tự ý cho dời chợ Đông Ba ra ngoài giại, nơi dự tính xây cầu Thành Thái xưa kia, luôn thể cho sửa lại cầu Thành Thái và nền cầu lần nầy đúc lại xi moong, tiện việc đôi bề. Cầu Thành Thái đổi tên lại là cầu Trường Tiền vì Ngài Ngự đã qua chơi bên đảo Réunion bên Phi Châu trong thân phận của một kẻ bị lưu đày.

Vết thương tiêu thổ kháng chiến thời 1945-47 của Việt Minh vừa lành, vè cầu gãy nằm còng queo dưới lòng sông chưa kịp đóng rêu thì vết thương Tết Mậu Thân sau một phần tư thế kỷ vẫn không được chữa trị. Mấy cây thông ướp dầu của Mỹ nối liền nhịp cầu trông vô duyên ỏm. Ơi! Đất nước bốn ngàn năm nói hoài khô môi rát cổ giá trị chừng mô? Nhìn đây nì, chỉ có mỗi một gian cầu gãy đã hai mươi bảy năm ni, chờ chừng mô mới được sức sửa, hay là vẫn theo thói con thơ chờ mẹ, những cậy người ngoài chữa giúp không công như hồi Tây Bảo Hộ?!

Đứng trên nhịp cầu gãy, đạp trên miếng gỗ thông nối sửa bởi một giống người cách xa nửa vòng trái đất, rồi nhìn lên cây Thông Một mà khóc cho thân phận vong quốc. Vong quốc từ hồi cha sinh mẹ đẻ, vừa mở mắt chào đời đã thấy lá cờ tam tài của giặc Pháp. Khóc vì vết thương rướm máu trên trán của Nam Phương Hoàng Hậu, hậu quả của một buổi sáng êm đềm quay quắt bên ly cà phê trên lầu Hòa Bình vang vọng khúc nhạc của bài hát Mạc-Xây-De ngoài Phu Văn Lâu trước Điện Thái Hòa! Vua Bảo Đại có biệt danh là Ông Vua Cải Tổ. Vua cải tổ Nội Các, cất chức một lần năm vị đầu triều, gọi là cuộc chính biến mồng 2 tháng 5 năm 1933. Vua giải tán tam cung, lục viện. Vua lấy vợ tân thời, lại có đạo Thiên Chúa, còn cãi lệ Gia Long tấn phong Hoàng Hậu. Hủy bỏ lệ tiền hô hậu ủng, nhà vua tự do đi đó đi đây, tiếp xúc với thứ dân thẳng mặt, không còn tấu quan chuyển lời, bỏ lệ người dân cúi mặt, lắm lúc nếu cần phải rúc đầu vô bụi những lúc vua ra để khỏi phạm long nhan. Nam Phương Hoàng Hậu vẫn hay mặc bộ đồ thể thao trắng, những buổi tốt trời chèo thuyền pê-ri-xoa lên tới bến Thiên Mụ. Dân hai bên bờ, vẫn tùy nghi tả ngạn hay hữu ngạn, tự động kéo nhau xuống mé sông triều kiến lúc hoàng hậu ngang qua với tấm lòng kính cẩn thương yêu. Vua và hoàng hậu ở trong điện Kiến Trung. Sáng nào hai người cũng qua lầu Hòa Bình dùng điểm tâm, uống cà phê trước khi làm việc. Trong nhung lụa cao sang, Nam Phương Hoàng Hậu chợt nhận ra thân phận vong nô của người dân Việt. Sáu ngày một tuần, từ thứ hai tới thứ bảy, quốc thiều Pháp trổi trước Ngọ Môn buổi sáng! Nhắm mắt bưng tai trước mối hờn mất nước, một buổi sáng kia, Nam Phương Hoàng Hậu trong phút giây thống khổ, cúi gục xuống bàn, lỡ để trán của bà cụng vào tách cà phê cắt phạm tới xương, trước mặt nhà vua... Ngài ngự kêu thư ký riêng là cụ Hồng Hoài Lê Văn Hoàng lên chăm sóc.

Cầu Sông Hương

Giọt lệ xót thương cho cây cầu Sông Hương tục danh cầu Bảo Dũng, người học sinh Quốc Học non dại nghe theo lời bạn xúi nhảy xe Mỹ chôm đồ bị bắn chết trên dốc cầu Bạch Hổ năm 1970.

Cầu Sông Hương trơ trẻn vô duyên, xây theo lối Mỹ, đóng cọc chan chát ầm ầm ỏm óc điếc tai cả năm cả tháng. Cầu Trường Tiền và cầu Bạch Hổ khi không lại bị giật mìn cho sập trong biến cố Tết Mậu Thân 1968. Công binh Mỹ dùng xuồng hơi và xuồng sắt kết hàng ngang xong xếp mấy tấm "gi" làm cây cầu nổi qua lại một chiều luân phiên thay đổi tạm thời nối liền hai bờ Hương Giang, từ chổ sở thú trước nhà Thương Lớn và hội quán thể thao ở bờ phía nam, sang công trường Thương Bạc gần bến tắm thành phố thuộc bờ phía bắc. Từ

chiếc phà của công binh, đến chiếc cầu phao, vô tình thay con đò Thừa Phủ, nguồn sinh sống của gia đình ông Đẩu chèo đò, hàng ngày vẫn đưa học sinh Đồng Khánh và Quốc Học sang sông miễn phí. Phá cầu nổi đi, xây cầu đúc xi măng mà không cần điều nghiên hệ thống giao thông. Cầu Sông Hương bít lối y như cầu Trường Tiền. Lúc đang đặt móng cầu Sông Hương, Sinh Viên trường Khoa Học ngành Ứng Dụng cũng vẽ vời xuống đo mực nước chân cầu trong mấy giờ thực tập. Sau ngày khánh thành, cầu Sông Hương ghi dấu chiếc xe tăng T-54 do Nga sô chế tạo được bộ đội miền Bắc mang vô giết người trên đại lộ kinh hoàng trong mùa hè đỏ lửa 1972 bị mấy anh lính Cộng Hòa miền Nam tịch thu. Nhìn sợi giây xích nghiến trên lớp xi măng vừa khô chưa lên nước của chiếc cầu, càng thấm thía lời nhạc của Miên Đức Thắng "Đạn Nga, Đạn Mỹ, Đạn Tàu: Đem giết người Việt Nam!". Sư đoàn Thép bảo vệ cố đô được thành lập gồm những nam sinh viên và nam học sinh vốn rất kinh nghiệm trong việc điền đơn xin hoãn dịch! Ngày triển lãm chiếc xe tăng T-54 như một chiến lợi phẩm, theo lệnh đọc trên đài phát thanh Huế, sư đoàn Thép đã thực thi chỉ thị đi dàn chào đông đủ gồm mấy chục mạng loe ngoe không hàng ngũ và không có cấp chỉ huy. Trái lại, thành phần thường dân, thợ thuyền và các em học sinh trung học chỉ mới nghe tin đã tham dự rất đông, đi chật đường chật sá. Áo trắng nữ sinh trên cây cầu mới bay bay.

Cầu Bạch Hổ

Đứng trên cầu sông Hương nhìn cây Thông Một thấy rõ hơn một tí. Rõ hơn một tí thôi, chứ hai mắt cay cay, chân cẳng tê tê đớn sầu trong tròng nô lệ. Gió ở cầu Sông Hương cũng lồng lộng như gió trên cầu Bạch Hổ, duy mặt nước thiếu vẻ xanh rêu. Cầu Bạch Hổ bít lối hướng nam. Ui chao, cả ba cây cầu lớn ngang qua sông Hương đều trắc trở quặc quẹo giao thông. Riêng cầu sắt Bạch Hổ với hai lằn đường sắt xe lửa thẳng bon phủ ngang qua một lớp cầu Lòn đen thủi đen thui. Hệ thống nhà máy nước thành phố Huế xây trên bãi nổi có tên là Cồn Dã Viên với bồn chứa nước cao ngất lòng thòng tổ ong mật dập dình mùa hạ hay én réo mùa xuân.

Đi bộ qua cầu Bạch Hổ nghe sao rờn rợn. Tiếng nẹp gỗ gác cầu long đinh phập phềnh đánh vào khung trụ sắt khi có chiếc xe chạy qua nghe rền rĩ đau thương như tiếng than của mấy cô mất tình yêu hay mấy anh mất tình nước.

Cây Thông Một

Trên cầu Bạch Hổ, nhìn về phía tây khoảng khoát, cây Thông Một phong sương thẳng tắp, tạo thêm sự hùng vĩ cho sườn núi Cẩm Kê, muôn đời làm chứng cho mối tình mở nước năm xưa để ngày đêm ngắm nhìn lễ vật nạp thái nạp trưng, do đó tuy Thông Một tuổi đời cho dẫu chồng chất hàng chục hàng trăm thế kỷ, nhưng tuổi tình yêu tính đến nay thông cho giỏi cũng chừng độ chưa tới tám trăm năm. Thông đứng trên nớ, chưa chắc đã nhìn thấy ta dưới ni hàng ngày chiêm ngưỡng sự hùng tráng siêu nhiên thoát tục của thông. Chiêm ngưỡng để mà câm mà nín, âm thầm giữ lấy mối cảm hoài lâng lâng lạc lõng. Y như Nguyễn Bỉnh Khiêm ngày xưa nhàn tản an cư tại Bạch Vân Am quạnh quẻ tâm sự với nàng thơ "Bui một mình ta, khen ta hữu tình", ngày nay, thu mình trong ốc đảo "một chắc" cũng đặt bày ngợi khen cây Thông Một đìu hiu, lại dám cả gan cho rằng cây Thông Một bên sườn núi Cẩm Kê trông sang trọng hơn tháp Phước Duyên bảy tầng của vua Thiệu Trị cho xây trước chùa Thiên Mụ. Sang trọng vì sống động thiên nhiên, hòa hài cùng vũ trụ, trong khi tháp Phước Duyên chỉ là thực thể của bảy lớp bàn thờ phụ thêm cho một ngôi chùa mang nặng chứng tích thời mở nước về phương Nam của Chúa Nguyễn với huyền thoại Mụ Nhà Trời năm trăm năm trước.

Trong khi Gò Hà Khê có cơ duyên chứng kiến rồi trầm tư ghi nhớ hàng chữ

mang ý nghĩa sấm truyền về cơ nghiệp chúa Nguyễn xứ Đàng Trong của một dị nhân ngồi thuyền với Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu trong một đêm trăng thanh gió mát, thì Cây Thông Một trong buổi xa xưa vẫn ngắm nhìn cố đô Phật Thệ của Chiêm Thành từ thuở khai sinh cho đến hồi hoang phế, mất dấu với thời gian. Trước bến Hà Khê, sau một đêm không ngủ hàn huyên thế sự, dị nhân dự định cáo từ trước khi trời sáng. Chúa Nguyễn cố cầm nhưng chẳng khứng, bèn ráng hỏi thêm về vận mệnh sơn hà xã tắc, dị nhân không trả lời, chỉ dùng sào viết trên mặt nước Hương Giang phẳng lặng mù sương năm chữ để đời. Chân sào không rời mặt nước, nét chữ theo lối lòi tói của dị nhân thoáng qua như điện ảnh trong mấy sát na theo lối truyền tâm, nhưng Quốc Chúa cũng đủ linh mẫn nhận chân ra năm chữ Bát Thế Hoàn Trung Đô. Chúa đòi giải thích, dị nhân trả lời là thiên cơ bất khả lậu. Thả nón làm thuyền, dị nhân từ biệt. Hình bóng dị nhân siêu thoát phiêu bồng trên chiếc nón lá mong manh dần dần mất hút trong làn sương sớm, để lại cho Quốc Chúa nỗi bâng khuâng thương tiếc trước canh chia xa. Tiếng chuông ban mai trên chùa Thiên Mụ vọng xuống, cảnh thế thơ mộng hơn bến chùa Hàn Sơn ơ phía ngoại thành Cô Tô vẫn hằng được truyền tụng trong thơ văn Trung Quốc, nhưng Điếu Đài trước bến Hà Khê bữa ni Chúa chẳng cặp thuyền vì Chúa thấy hai chữ Điếu Đài tức là chổ chúa đậu thuyền khi viếng cảnh chùa, diễn nôm là Đài Thăm Viếng nay từ cuộc đàm đạo bàn thế sự với dị nhân, lại mang thêm ý nghĩa Đài Thương Nhớ cho trọn nghĩa hai chữ Điếu Đài. Chúa vẫn còn quá nhiều vấn đề để hỏi trong việc thực thi giấc mộng lớn của người cho xứ Đàng Trong, nay lại có lời tiên đoán dời đô của dị nhân khiến Chúa thêm hừng chí. Ngẫm nghĩ cho cùng, địa thế Phú Xuân có rồng vàng tiềm phục, vững bền nghiệp lớn lâu dài, đúng là chỗ đế đô. Chúa là đời thứ sáu, còn hai đời nữa, tức là cháu nội của Quốc Chúa sẽ trở lại Trung Đô ứng theo lời cảaa dị nhân. Phải ra đi rồi mới có trở về. Nhưng đi mô đây? Tiên phụ năm đời dựng xứ Đàng Trong, không thể nào một sớm một chiều bỏ đi đành đoạn? Phủ Chúa đầu tiên tiêu sơ ngoài Ái Tử, dời lần vô Phước An, Kim Long rồi an định Phú Xuân. Lăng Miếu tiên hoàng cũng bốn đời chọn vùng Cẩm Kê, Hương Trà an táng. Triều nghi lại vừa theo Bắc Quốc Trung Hoa theo sự hướng dẫn của Thiền sư Thích Đại Sán mà sắp đặt đường ngôi phân chia thượng hạ quy củ. Sứ thần sang Trung Hoa mà Quốc Chúa chúa sai đi độ nào, nay vừa trở về, hiềm một nỗi phúc đức triều Lê đang còn thịnh, chúa Trịnh khí thế vẫn đắc thời, nhưng cho dù lời cầu phong không được như ý, Chúa vẫn cho chọn ngày hoàng đạo, dựng đàn cáo thệ đất trời tự xưng Quốc Chúa xứ Đàng Trong, tỏ bày chí lớn, dự trù độc lập oai hùng một cõi. Việc trị vì tùy thời ứng biến, ngắm thấy thế đất Bác Vọng tuy bình hòa nhưng phong thủy tám phương triều miếu, kẻ dựng nước như Quốc Chúa khả dĩ tạm dụng nhất thời, có thể giả dùng làm phủ, chờ ngày trở lại Trung Đô. Chỉ năm chữ đơn sơ mà làm bận lòng Quốc Chúa và tốn không biết bao nhiêu nhân công tiền của xây thêm phủ thêm đền làm cảnh. Tên Bác Vọng nghe ra thâm thúy chứ không dễ dàng ý nghĩa như hai chữ Hà Khê vốn dựa vào giới ranh sông lạch mà đặt tên cho một cái gò. Phủ Bát Vọng nay đã hoang phế mất hết dấu tích, chìm vào quên lãng. Ngược lại, trên triền núi Cẩm Kê, cây Thông Một vẫn ngang tàng ngạo nghễ trước sự thế đổi dời.

Từ diễn biến xa xưa, tạm kể từ thời Đoàn Nhữ Hài trong sứ mạng nhận lễ vật nạp trưng của Chế Mân dẫn cưới Huyền Trân Công Chúa đến những ngày hoang tàn đổ nát của biến cố Tết Mậu Thân huynh đệ tương tàn, cây Thông Một âm thầm làm chứng.

Núi Cẩm Kê, cái tên nghe hay chi lạ. Thông thường mà giải thích, Cẩm nghĩa là gấm, Kê nghĩa là gà. Cẩm Kê là con gà gấm! Nghe ra cũng thông, phục tài người giải thích rất chi là Hán rộng! Tuy nhiên, hay thì hay thiệt nhưng trên cõi đời này ít

ai trông thấy con gà gấm bao giờ! Gấm có nhiều loại, từ gấm nhị thể lên tới gấm thất thể. Con gà gấm có bao nhiêu màu? Cẩm Kê là thư kê hay hùng kê, tức thuộc gà trống hay gà mái? Thời đại nhiễu nhương, cái thời mà sâu bọ lên làm người, cả gan sửa lời ông cha truyền lại thành thử gọi gà trống là gà đực và gà mái là gà cái cho ra cái vẻ rất mực văn minh thời thượng thì nói mấy cũng không ngạ, chấp trách mần chi cho mất công, uổng lời Thánh Khổng trước chuyện bá vơ Hạng Thác.

Theo lời ông lão nhà quê, ngu ngơ hơn Cổ Tẩu, thì Cẩm Kê chỉ có nghĩa là con gà rừng, tục gọi là con gà lôi, bộ mã rằn ri nâu xám đen bông, mỏ vàng chân vàng, cao cẳng dài giò, chạy ngúc nga ngúc ngắc như con gà cồ, thêm bộ lông mới ngó thấy đã mất cảm tình. Phải chi con gà lôi có bộ lông trông huê dạng nhưng sáng sủa như bộ lông của con gà nổ, nhìn qua còn đỡ đỡ, may ra cũng có vẻ liên quan đến hai chữ cẩm kê quyền quý cao sang. Đằng này, dung nhan đào vao cú vọ, y như em Tố Nữ Thị Yến Tuyết có làn da trắng hơn cục than vì suốt ngày mãi lo mang dũi đi dũi cá, hoặc xách nò đi nò tôm mò dưới miệt sóng nước phập phềnh của Phá Tam Giang. Cứ như truyền thuyết, ai nuôi được giống gà nầy trong nhà thì tránh được hỏa tai. Theo sách thuốc thì Cẩm Kê khí bình, vị ngọt, hơi độc. Ai có điều kiện ăn nhiều thịt Cẩm Kê thì sẽ tăng sự khôn ngoan.

Núi Cẩm Kê linh khí quy về nên đất núi có đủ cả năm màu, xứng chỗ cho Vua Minh Mạng xây lăng. Núi Cẩm Kê dịch ra nghĩa tiếng An Nam là núi gà lôi, nhưng người Huế mình không dùng vì tên núi gà lôi nghe không hay. Phải gọi là núi Cẩm Kê mới đẹp để đứng một bề với núi Kim Phụng dốc ngược cheo leo. Cho dù lời gọi tên cây Thông Một trên sườn núi gà lôi nghe thiệt dễ thương như đọi nước chè om của mấy người cuốc đất trong buổi trưa tháng tám nắng nám trái bưởi, thì văn chương bình dân cũng năm đường bảy lối, y như đọi nước chè, tuy cùng một thứ, nhưng Quan Thượng, Cụ Nghè thì gọi là nước chè quết, còn như khi mang vô trong điện Phụng Tiên dâng Ngài Ngự thì phải gọi là Bào Ảnh Trà theo như chỉ dụ của vua Minh Mạng cho tỏ vẻ cao sang.

Cây Thông Một muôn đời vẫn gọi là cây Thông Một, rặc nòi tiếng Việt bình dị thân thương, không rườm rà văn tự nọ kia các thứ. Từ thời khai quốc, các chúa các vương đều gọi là cây Thông Một. Sau thời Gia Long dựng nước, các vua, các mệ cũng gọi là cây Thông Một. Bây chừ, ai cũng gọi là cây Thông Một khi nói về cây thông đại cổ thụ mọc đứng lẻ loi một chắc trên núi Cẩm Kê hùng vĩ. Cây Thông Một soi bóng nước sông Thơm, gửi tâm sự theo mây chiều lãng đãng. Một mình một cõi, cho dù thời thế ngã nghiêng, cây Thông Một vẫn âm thầm đứng đó.

Sau khi vua Minh Mạng xây xong lăng, núi Cẩm Kê bị đổi tên là Hiếu Sơn cho hợp với Hiếu Lăng của nhà vua. Thiệu Trị nguyên niên, vua cho xây miếu thờ Hiếu Sơn Thần Từ. Tuy nhiên về sau, người ta vẫn cứ gọi là núi Cẩm Kê, còn Hiếu Sơn hay Núi Hiếu chỉ dùng trong hệ thống hành chánh, trích lục, bằng khoán hay văn tế hàng năm.

Tên Cẩm Kê nghe hay biết mấy, núi chạy lài lài xuống gần bờ sông Thơm bỗng nhiên đột khởi lên thêm một hòn núi Hương Uyển tròn trĩnh dễ thương như cái chén ngọc, nhìn xuống vực sâu không đáy. Thời xa xưa, Quốc Chúa Nguyễn Phúc Chu sau khi diệt Chiêm Thành, lấy nốt phần đất cuối cùng của người Chiêm đặt làm Thuận Phủ, tức là phủ Bình Thuận bây giờ, đã đưa vị vua cuối cùng của Chiêm Thành là Bà Tranh cùng một số trung thần của vua Chiêm ra giam tại đền Hàm Long tục danh là điện Hòn Chén trên sườn núi Hương Uyển. Triều Minh Mạng, vua cho sửa rộng thêm phía trước, dùng thờ sơn thần núi Hương Uyển. Từ Hương Uyển, nhìn chênh ra hướng bắc là Phú Xuân, độn Thành Lồi chấn ngang khúc giữa, cổ thành Phật Thệ

hoang tàn!

Núi Hương Uyển liên hệ với vua Đồng Khánh thân thiết trong việc cầu đảo thần linh. Ý chừng tránh tên Gia Long và Hàm Nghi, vua Đồng Khánh cải tên Hàm Long thành Huệ Nam, sắc thờ Tiên Y Thánh Mẫu ba bà, Quan Thánh Đế Quân cùng tá thần sáu vị Sơn Tinh Thủy Tinh. Tên tự dài dòng, gọi tắt là Thiên Y A Na và thần Thủy Long, lệ hàng năm có rước bằng lên đồng nhảy vọt. Núi Hương Uyển cải thành Ngọc Trản Sơn. Núi Ngọc Trản người ta vẫn gọi, điện Huệ Nam tên chữ sắc phong, trải bao kinh biến, tên Hòn Chén lại kêu như cũ.

Hơn năm trăm năm trước đêm kỳ ngộ giữa dị nhân và chúa Nguyễn, cũng đã có một đêm không ngủ của cả mấy ngàn người bên đôi bờ sông Thơm. Có thể cây Thông Một không để ý tới năm chữ Bát Thế Hoàn Trung Đô trên mặt nước sông Thơm trước gò Hà Khê độ nào, nhưng cây Thông Một đã làm chứng bên cạnh đài Minh Ước, nhìn xuống hai địa danh Phật Thệ và Hà Khê ngăn cách bởi dòng sông Thơm. Trống điểm canh rộn rã trong ánh đuốc bập bùng. Hai bên bờ lao xao rộn rã trong việc đắp đổi. Gò Hà Khê vươn cao, mọc nhanh như nấm. Gò Phật Thệ ì ạch lần hồi. Người Hời thua cuộc, bỏ nước xuôi nam. Độn Thành Lồi sau một đêm trồi dậy, nhưng chẳng ăn thua. Gò Hà Khê sập xuống, khung sườn tre đánh dấu lời thề.

Cây Thông Một vẫn lặng yên nhàn tản. Đời sau kể lại dưới lũy tre xanh, chuyện giành đất vui tươi thú vị. Sử gia Trần Trọng Kim không có dịp để nghe, nên cứ thắc mắc không hiểu tại làm sao khi quân Việt tiến vào thì quân Chiêm cứ bỏ đất mà đi?

Đền Voi Ré

Độn Thành Lồi sau đồi Long Thọ với lăng mộ người Hời hoang phế chẳng đèn hương nhưng ai cũng tránh né vì huyền thuyết ma lai rút ruột. Từ độn Thành Lồi trực chỉ hướng đông về tới phố Huế khoảng bảy cây số, nhưng lạ chưa tề, mấy ai lên chơi độn? Độn Thành Lồi trơ trụi theo trục bắc nam. Sườn phía đông thoai thoải, nhìn xuống Hổ Quyền. Chân độn âm u mồ mã Việt Chàm lẫn lộn. Cuối chân độn phía nam là dốc Phường Đúc, lên thẳng xóm Rẫy, Vọng Cảnh, Khiêm Lăng, hoặc thả dốc xuôi về nhà dòng và nhà thờ Phường Đúc, bến đò chợ Mai.

Sát chân đồi Long Thọ, hồ Con Voi Ré vuông vức, nguyên là khu vực đào đất đắp độn Thành Lồi thời Công Chúa Huyền Trân mở nước mà thành. Đồi Long Thọ dáng như bát úp, trước lõm sau tròn. Lớp thông xanh vi vút lạc loài. Phía đông nam đồi Long Thọ là đền Con Voi Ré. Theo chuyện kể, con voi tuy bị hàng trăm mũi tên, hàng chục mũi giáo, dao đâm kiếm chém nát nhừ, cũng ráng đưa chủ tướng thương vong về tới nơi an toàn mới ngã gục. Chẳng những thế, trước khi vĩnh biệt chủ tướng, voi đã ré lên từng hồi thảm thiết tỏ bày tình nghĩa chúa tôi. Chủ tướng cho lập đền thờ con voi có nghĩa. Thời đại xa xưa, chẳng rõ triều nào, chủ tướng tên chi, cũng như trận chiến với ai. Tuy nhiên, phải có tích mới dịch nên tuồng, nếu không thì mần chi có được cái mã voi và đền thờ để nhân gian truyền khẩu và các viên quản tượng sau này tuy đã thất thời cũng cứ xuân thu nhị kỳ tế viếng.

Cổng vào đền con voi ré gồm mười sáu bậc cấp, ba cửa, một lầu. Phía trước ghi Nghiêm Nhược Lâm (嚴 若 臨 có nghĩa là Vẻ trang nghiêm thuận với điều trên soi xét**) gắn ghép bằng mảnh sành. Đền Voi Ré có đến hai cái mã voi. Cái mã thứ nhất có tấm bia đá khắc bốn chữ "Ô Long Tượng Mộ" (烏 龍 象 墓). Cái mã thứ hai chôn con voi một ngà dưới triều Thành Thái, nay chẳng còn bia. Thế sự ngã nghiêng, Ngài Ngự bày nhiều trò chơi tai quái để che mắt giặc Tây như bày trò buôn bán trong cung rồi giả giận chặt tay bà phi, hay cho voi một ngà đấu với cọp ba chân tại Hổ Quyền vào năm Thành Thái thứ 15 (1903), hẹn rằng con vật nào thua phải

mang án tử. Voi độc chiếc thất thế, bị cọp ba chân phủ đầu, thắng bại phân chia rõ ràng: cọp thắng voi thua. Quản Tượng dẫn voi tới trước ngự đài, voi quỳ phục, ngước nhìn lên chín bệ, vòi uốn ngược đập vào trước trán, thở phì phì nhọc mệt và nước mắt chảy ròng ròng. Đức vua vừa thở dài, vừa nói: "Thương thì thương, nhưng lệnh đã ban ra thì phải giữ", phán xong, rút súng lục bắn thẳng vào miệng voi đang há ra. Viên đạn chì trong tầm bắn rất gần, xuyên qua mạng khẩu cái, chui tọt vào tiểu não của voi chỉ to bằng nắm tay người lớn. Voi không ngã gục ngay, lảo đảo chạy ra khỏi đấu trường Hổ Quyền, hướng về đền voi phục, nhào xuống hồ, ré rên một hồi rồi tắt thở. Vua Thành Thái cho chôn voi một ngà bên cạnh ngôi mã voi cũ trong khuôn viên đền Voi Ré thờ chung, lại cho một nường hầu từ phủ Thoại Thái lên thủ đền.

Khẩu súng lục hi hữu bắn chết cả voi của Ngài Ngự sau này lại có dịp lấy mạng ông quan coi Tôn Nhân Phủ nhưng chơi trò gián điệp nhị trùng cứ lẩn quẩn thọc gậy bánh xe, không những cam tâm bán đứng dòng họ tôn tộc cho kẻ thù, lại còn nhận lãnh sứ mạng nằm vùng thông tin nội ứng cho thực dân Pháp để quân thù dễ dàng có thêm lý do chà đạp dân tộc, tàn phá quê hương Việt Nam vốn đã lâm vào tình trạng khốn cùng nô lệ.

Ngày xưa, Tôn Thất Thuyết có người cháu gọi bằng chú, cùng nhận phần trong mưu đồ đại sự, lỡ bị Pháp bắt. Trẻ người non dạ, lại bị tra tấn dã man, không đủ bản lĩnh quật cường chịu đựng nên mới khai ra có liên hệ với Thuyết. Thực dân cho dẫn đến, vừa nghe kê là kẻ phản loạn, Thuyết tuốt gươm chém đầu đứa cháu thất thời trước mặt thực dân Pháp. Chém xong, Thuyết bảo rằng chẳng biết nó là ai, và dù sao đi nữa, Thuyết đã trừ xong một thằng phản loạn. Người Pháp biết rõ, thầm khen Thuyết quyền biến trí trá giết người diệt khẩu phi tang. Sau nầy, Vua Thành Thái bị thực dân kết tội mất bình thường, không đủ sức cầm quyền buộc phải thoái vị. Viên đạn chì của nhà vua đưa ông chú lộn giống về chơi miền tây cảnh là một trong những lý do bị ép buộc từ giả ngai vàng.

Đền Voi Ré không có trong ngạch từ điển từ miếu tế tự, nên chẳng được nội thị chưng quả phẩm thắp đèn hương, nhưng hàng năm vẫn được các người còn sót lại trong ba vệ Kinh Tượng ngày trước là Kinh Tượng Xưởng trong Kinh thành, Kinh Tượng Kim Long và Kinh Tượng Dương Xuân đèn hương bái viếng. Mấy ông Chưởng Vệ, Vệ Úy, Phó Vệ Uý, là các cấp chỉ huy cho đến mấy ông Quản Tượng hàm chánh hoặc tòng cửu phẩm gọi tắt là ông Cửu, mọi lần vẫn thường nài voi ra tắm ở Bến Tượng trước cửa Đông Ba, trước của Nhà Đồ sau này tục danh là Bến Đò Trường Súng tức là Bến Cây Me, và một bến ở Dương Xuân bây chừ lâu ngày mất dấu, Xuân Thu hai độ, tụ tập năm ba người âm thầm lạc lõng trong xã hội mà thanh niên thì mặc dồ tây, hút thuốc thẳng, đầu chải bớp, đi xe bình bịch, còn thanh nữ thì ưa cắt tóc ngắn, miệng tô đỏ toè loe như lỗ đít gà, sợ màu thuốc xỉa răng đen nhưng nhức thấm đậm nước trầu, cùng mùi sợi thuốc lá ngang vò viên ăn ghém. Mấy ông cựu quản tượng này mệnh danh cho một số những "người xưa", kín đáo hẹn nhau trước dốc Hổ Quyền. Gặp nhau, họ chào hỏi nhỏ nhẹ chỉ vừa đủ cho nhau nghe, không muốn cho bàng quan thiên hạ biết giây phút tràn ngập hương xưa trong Tượng Xưởng phía tây điện Thái Hòa, tuy biết rằng có vua trên chín bệ nhưng suốt đời họ chẳng hề trông thấy long nhan. Họ đứng đó nhưng tách riêng một cõi, chờ đếm đủ người như đã hẹn, xong cùng nhau lên dốc Hổ Quyền. Y phục như nhau: khăn đóng chỉnh tề, áo dài đen thẳng thớm hàng nút xương khéo gọt chạy vòng, quần vải quyến trắng vuốt hồ sắc cạnh sống đao, chân đi đôi guốc mộc vàng ngà mới tinh thêm lớp đợn vỏ xe khéo gọt. Tay cắp dù, tay nải hương hoa quả phẩm lên điện cúng Ngài.

Kể từ khi hồ con Voi Ré được dân làng Nguyệt Biều vét lại để nuôi cá Xã Hội Chủ

Nghĩa sau Đại Thắng Mùa Xuân năm 1975, đền Voi Ré khói hương vắng lạnh, đìu hiu cô quạnh như nước hồ không cá lội bên tê đường. Hổ Quyền bây chừ cũng hoang phế, trúc tre cản lối ra vô, cỏ dại hoa hôi mọc tràn nội địa.

Miếu Chiêm Thành

Chênh chếch Hổ Quyền là miếu Quốc Vương Chiêm Thành vốn được vua Minh Mạng cho xây trên nền cũ Thành Lồi thuộc cố đô Phật Thệ vào năm thứ 14 (1833), lại cho quan văn hàng tam phẩm theo lệ xuân thu nhị kỳ tế hưởng. Miếu chế gồm một toà nhà ba gian, vách vôi, lợp ngói, cửa cột gỗ mít. Chung quanh xây tường gạch, trổ một của trông ra hồ Con Voi Ré. Năm Thành Thái thứ 15 (1903), vua cho trùng tu cùng lúc xây mộ con voi một ngà kế cận.

Kể từ ngày Vua Bảo Đại thoái vị, miếu Chiêm Thành do một mệnh phụ người Chàm trông coi, tục danh là Mụ Hời. Hàng ngày, Mụ Hời vẫn xuống đi chợ Hổ Quyền tức là chợ Nguyệt Biều sau gọi là chợ Long Thọ. Trong y phục người Chàm hàng quý tộc, màu hồng tím bạc và màu xanh lục chen nhau từng lớp quấn thắt lộn quanh. Mụ Hời đi thiệt thong thả, chẳng thèm nhìn ai và cũng chẳng nói chuyện với ai. Vóc dáng nhỏ nhắn, mỗi bước đi xênh xang lá phướng khiến học trò trường Nguyệt Biều cứ tưởng mụ lên đồng. Mụ già thiệt già, nhưng không ai biết mụ tên thiệt là chi và tra bao nhiêu tuổi. Tay Mụ Hời đeo thiệt nhiều vòng vàng mà chẳng ai dám mua khi mụ dạm bán vì sợ rằng mụ sẽ cho con ma Hời theo về tận nhà, núp ngoài gốc cau chờ đêm khuya vô nhà hút máu. Mụ Hời là người Chàm thuộc hàng quý tộc duy nhất còn sống sót trong vùng đất nước Thừa Thiên. Khi mụ chết vào mùa đông năm 1959, quan tài có bánh xe và lăng mụ có toại đạo được xây sẵn từ thời mô mô xưa lắc xưa lơ, nên rất tiện cho nhân viên xã trong việc an táng trong mùa mưa dầm hàng tháng.

Người trong làng Nguyệt Biều bàn tán việc đám tang Mụ Hời chôn bên ni phía sau đồi Long Thọ, đồng thời cũng xôn xao về việc Cậu Cẩn vớt chuông chùa Thiên Mụ trước vực thẳm Hương Giang phía bên tê dưới chân gò Hà Khê. Bàn tán chưa nguôi, cả và làng lại có dịp tự hào về việc chùa khuôn Dương Biều cạnh đồi Long Thọ hoàn tất việc đúc chuông lớn cho chùa Xá Lợi trong Nam. Tín hữu trong Nam thiệt thảo, buổi sáng đổ khuôn, vàng bạc nữ trang mang trên người được thiện nguyện tháo ra cúng dường tại chỗ sắp từng mâm trước khi thả thêm vào nồi nấu. Khuôn bị nổ lần đầu khiến người ta bàn tán là khúc củi nấu lò đồng không tinh khiết vì để cạnh chuồng heo. Đổ khuôn lần thứ hai thành công mỹ mãn. Đoàn Phật tử thỉnh chuông hớn hở theo đường bộ vào Nam, chẳng ai thèm để ý cách đàng sau chùa khuôn Dương Biều mấy trăm thước, có một người Chiêm Thành chân chính cuối cùng vừa nhắm mắt xuôi tay để động tâm bố thí cho vài câu kinh cầu siêu tịnh độ. Lăng của mụ Hời dưới chân độn Thành Lồi. Lăng không to lắm, khác với lăng người Việt vì lối kiến trúc có nhiều bút tháp và nấm mộ trong lăng vẻ vời kiểu cách, lại cao tới đầu người.

Phía tây độn Thành Lồi dốc thẳm, mấp mé dãy núi đá vôi chạy thẳng một dọc với đồi Long Thọ mang tên là Tiểu Trường Sơn tục danh là Núi Nguyệt Biều. Tên Núi Nguyệt Biều mặc dù có ghi trong Đại Nam Nhất Thống Chí, cuốn Thừa Thiên Phủ, tập thượng, nhưng trong thực tế, chẳng mấy ai biết đến tên này! Núi Nguyệt Biều bắt đầu từ gò Long Thọ, kéo vô tới đập Cồn Căn, quanh ngược theo dòng sông lên cho tới Đài Vọng Cảnh trước Khiêm Lăng của vua Tự Đức. Khe Thọ Vực bây chừ cạn xợt, nhiều đoạn phẳng phiu nhận chẳng ra, hiện thời hình ảnh rõ ràng nhất là chổ còng queo uốn lượn một khúc dưới chân đồi, tre trúc bụi lùm chuối lau dày đặc. Nhắc đến tên khe Thọ Vực nghe lạ hoắc, chưa từng nghe tiếng cũng như chưa hề ngó chộ. Khe Thọ Vực là cái giống chi? Hỏi quanh hỏi quẩn,

ai cũng lắc đầu không biết. Ừ, thì cho dù tụi chúng mền không biết thì thôi, nhưng Cây Thông Một trên tê chắc hẳn đã thấu rõ ngọn ngành về cái khe phía tây dưới chân đồi Long Thọ có cây cầu sắt nhỏ lát ván bắc ngang nối liền con đường cái làng Nguyệt Biều.

Đồi Long Thọ

Trước cái thời có tên núi Cẩm Kê, cây Thông Một đã thấy độn Thành Lồi sau một đêm trồi dậy. Thời Chúa Nguyễn lập dinh định phủ xứ Đàng Trong, gò Hổ Phục bên cổ thành Phật Thệ được cho tên hai chữ Thọ Khang. Trên đỉnh gò, chúa Nguyễn cho xây đình đài tráng lệ. Lại cho xây một kho lương thực quy củ tứ vi. Xây xong, việc binh lương giờ đây an toàn chổ chứa, lại tiện lợi vận chuyển giao thông thủy bộ, chúa Nguyễn bèn cho tên là Thọ Khang Thượng Khố nghĩa là Nhà Kho trên đỉnh Thọ Khang. Đứng trên này, thế đất cọp nằm chầu, trông ra hướng bắc, bên tê sông gò Hà Khê với chùa Thiên Mụ trong thế đất rồng đang uốn khúc. Long Hổ trấn Giang Sơn, Địa Linh sinh Nhân Kiệt. Tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ: thế đất thiên nhiên ứng với hai bờ tả hữu của dòng sông Thơm.

Bốn đời Chúa Nguyễn sau khi dời đô về Phú Xuân thuộc phạm vi tả ngạn sông Thơm, thể theo luật thiên địa tuần hoàn, ngày các Chúa ngự giá về miền Tây Cảnh đều dùng những chiếc bồng kết hoa trăm chuỗi, thong thả ngược dòng nước biếc hơn cả lúc nhàn du. Ngày đi đêm nghỉ, thụt tới thụt lui chẳng kể ngày giờ trong tình thế tiễn đưa bịn rịn, cho nên mặc dù chỉ hơn mười dặm nước non phẳng lặng mà đi mãi đi hoài vẫn không thấy tới, lại còn dừng trên gò Thọ Khang cả tuần để tế Đạo Trung. Trước tiên là quan tài của chúa Nghĩa Nguyễn Phúc Trăn, vị chúa thứ 5, Vua Lê phong tước Hoàng Quốc Công, mất năm Tân Mùi (1691), về sau, Vua Gia Long truy tôn là Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng Đế. Thứ hai là quan tài của vị chúa thứ 6 xứ Đàng Trong là Nguyễn Phúc Chu. Vua Lê phong tước Tô Quốc Công, ý tự trị tự phong là Quốc Chúa, mất năm Ất Tỵ (1725), về sau, Vua Gia Long truy tôn làm Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng Đế. Thứ ba là quan tài của vị chúa thứ 7 xứ Đàng Trong là Chúa Nguyễn Phúc Trú. Vua Lê phong là Đỉnh Quốc Công, mất năm Mậu Ngọ (1738), về sau, vua Gia Long truy tôn là Túc Tông Hiếu Ninh Hoàng Đế. Cuối cùng, quan tài vị chúa dừng lại gò Thọ Khang để tế Đạo Trung là vị chúa thứ 8 họ nhà Nguyễn tên là Nguyễn Phúc Khoát, hiệu là Võ Vương. Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát chính thức lập cung điện ở Phú Xuân, định triều nghi, lập thế tử, chia dinh định phủ rõ ràng, ra lệ thi cử chọn nhân tài, hùng cứ phương Nam. Võ Vương mất năm Ất Dậu (1765), về sau, vua Gia Long truy tôn là Thế Tông Hiếu Võ Hoàng Đế.

Cũng trong năm Ất Dậu (1765) này, công tử Nguyễn Phúc Luân cháu của Võ Vương bị bịnh mà thác. Nguyễn Phúc Luân là thân sinh của Nguyễn Phúc Ánh tức là vua Gia Long sau này. Vì trùng tang, lại là người cháu không chức phận, nên quan tài của Nguyễn Phúc Luân cứ để mãi bên xã Dương Xuân, phía Nam bờ sông Thơm, đối diện với Kim Long. Sau mới tạm an táng theo thể chế Công Tử tại Cư Chánh, nhưng cũng không yên vì nhà Nguyễn Tây Sơn cho Đô Đốc Nguyễn Văn Ngũ dời đi táng lại để dứt long mạch cũng như làm mềm lòng Nguyễn Vương trong việc phục quốc. Còn vị thế tử đầu tiên xứ đàng trong là Nguyễn Phúc Hiệu tức Thái Thượng Vương cũng như Tân Chính Vương đều bị Tây Sơn sát hại an táng tại xứ khác khi phiêu dạt. Kho lẫm trên gò Thượng Khang cũng như đền đài đều bị Tây Sơn cho triệt hạ, san bằng dấu vết. Riêng điện Con Voi Ré vẫn còn, thành thử mang nhiều thắc mắc hoài nghi phải chăng điện con Voi Ré có liên quan phần nào đến nhà Nguyễn Tây Sơn? Hoặc ít ra cũng mang nặng tính cách quần chúng nhân gian như chùa Thiên Mụ, nên Tây Sơn không cho triệt hạ. Riêng vùng đất Thành Lồi thì chỉ còn vài ba khuôn nền cũ.

Ngàn năm trước, dòng sông Thơm có chia nhánh nhỏ rộng vài mươi sải tay chạy thẳng dọc theo chân núi đá vôi từ cuối gềnh ra tới đầu gò nhập trở lại sông cái, sau này, Võ Vương trong việc lập dinh định phủ, người ta gọi là khe Thọ Vực để hiệp với xứ Thọ Vực, tương xứng với gò Thọ Khang. Từ ngày vua Quang Trung lên ngôi năm 1786, tên sông Thơm cũng vì kiêng tên tục của vua Quang Trung mà gọi thành sông Hương cho văn vẻ.

Gia Long năm thứ nhất (1802), vua định danh lại cho sông Hương là Hương Giang, cũng như Bằng Sơn đặt lại là Ngự Bình Sơn tức là núi Ngự Bình. Núi Ngự Bình vẫn trước tròn sau méo, thông Ngự Bình khi héo khi tươi. Nước Hương Giang cũng đổi từ màu đỏ ra trong xanh trở lại, điều này trong Đại Nam Nhất Thống Chí, cuốn Thừa Thiên Phủ, tập thượng, mục Sơn Xuyên, đoạn viết về Hương Giang, phần Cẩn Án tức phần tâu riêng trước án sách với vua rằng từ khi gặp biến năm Giáp Ngọ (1774) thì nước sông đỏ đục hơn hai mươi lăm năm, cho đến mùa hạ năm Tân Dậu (1801) khi đại binh lấy lại Xuân Kinh thì nước sông hóa ra trong suốt lạ thường. Vua Gia Long tiện thể cũng cho đổi tên gò Thọ Khang thành Thọ Xương.

Minh Mạng năm thứ 5 (1824) lại đổi từ Thọ Xương thành Long Thọ Cang. Gò Long Thọ lâu nay trơ trụi, sim móc mọc đầy. Nay nhà vua theo tích xưa thời huy hoàng Thọ Khang Thượng Khố, bèn cho xây một lầu tám cạnh, cột gỗ mái ngói, đặt tên là Long Thọ Cang Đình để truyền thắng tích, cũng như dồn cọp của Hổ Quyền với rồng Long Thọ vô chung một chổ, để sau này khi thắng tích tàn phai, đình Long Thọ hư hao dấu vết, binh lửa xoay vần long tranh hổ đấu khiến gò Thọ Xương tuy chỉ là một núi đá cỏn con, nhưng nhận chịu biết bao tang thương dâu bể. Từ kho lương xây lên hạ xuống, đến trại binh, đồn lính tập bao phen. Lính Chiêm, lính Việt, lính khố đỏ khố xanh, lính Tây trắng mũi lõ cùng Việt gian bán nước, từ Bảo vệ mang súng mút cờ tông, ngày nương thế đi lùng vô làng bắt gà cướp của, đến Việt Minh từ cảnh vác mác lào ống nứa nửa đêm kêu cửa, dùng dao trùi rựa mẻ cắt đầu bêu chợ, hay chặt làm ba khúc xong liệng mỗi khúc một nơi với bản án viết ngoằn ngoèo bằng khúc hóp vạt ngang với mực tím trên mảnh giấy tây tục gọi là giấy học trò, đến lệnh tiêu thổ kháng chiến mặc sức đốt nhà những người giàu có. Rồi lính đói Tàu phù Lư Hán, ăn bún bò bể bụng chết la liệt đầu đường xó chợ, lại còn truyền giống rận Tàu cắn chết người nhanh hơn rắn hổ chó điên cùng với loại ghẻ Tàu ngứa quay ngứa quắt. Lính Tây đen ma rốc chà và, xí lô xí lá ngày ngày theo đường cái ra tập ngoài bãi cát, giả danh che dấu phòng nhì mật thám công an, lâu lâu vô làng ốp một lần, lỡ không nên chuyện xoay ra đốt đình, phá miễu. Lính dân vệ cộng hòa, xếp đặt vọng gác mà chơi. Lính người Việt Nam Mới cà răng căng tai trên miền Thượng du về đóng trại, hàng ngày nhớ vò rượu cần nhưng không có bèn uống rượu trắng say bổ ngữa bổ nghiêng. Đồn Long Thọ thành trung tâm huấn luyện tân binh, tuy từ chối không huấn luyện cho đoàn Sinh Viên Học Sinh Quyết Tử, nhưng để yên không động đến mấy lớp bàn thờ nối tiếp từ Dương Xuân Thượng lên tới trước cửa đồn ngang cầu Long Thọ mà Thượng Tọa Thích Trí Quang kêu gọi đồng bào khiêng ra đường cho quân Thiệu Kỳ đập phá.

Biến cố tết Mậu Thân, đồn Long Thọ kêu gọi các quân nhân Cộng Hòa về phép mừng xuân, không phân biệt binh chủng đêm đêm ra đồn ứng chiến. Được mấy hôm, Việt Cọng kéo về, nhìn ra thì phần nhiều là những người nằm vùng và những người trong làng đi tập kết năm xưa. Buổi sáng đầu tiên, người lính Cộng Hòa là Hoàng Trọng Lô vừa ứng chiến ngoài đồn Long Thọ trở về, không đầu hàng Việt Cọng bị người anh em bắn chết, chở xác về nhà bằng xe bò khiến cả làng xốn rớn hoang mang. Lệnh thanh niên nam nữ đi họp trong nhà thờ họ Hồ của Bắc quân

khiến ai nấy ăn ngủ không yên. Nửa đêm bom dội lạc vô ràng trâu, sáng thầm cám ơn anh trinh sát miền Nam chắc có bà con chi với họ Hoàng Trọng nên chấm sai tọa độ nơi hội họp của bộ đội trong nhà thờ họ Hoàng. Đồng chí Cam với chức vụ huyện ủy lên án nặng nề, xong đề nghị thanh niên nam nữ về đào hầm chống Mỹ cứu nước trước cửa ngỏ, sau là đào hầm núp bom đạn sau vườn, chặt cây to bằng cổ bả trở lên làm xà cho bảo đảm. Ký giấy đi giải phóng, đi bộ đội, đi đào hầm chống Mỹ cứu nước thì làm ngay vì chú vì eng mình hay mấy người bà con quen biết cũng đã từng làm, có chuyện chi thì ít ra cái dù cũng che cái cán; hơn nữa trước mũi súng AK-47 không tình nghĩa, dầu không ưng cũng phải liệu thế làm lành; nhưng việc chặt cây to bằng bắp vế trở lên để làm hầm thì xin cho về hỏi chú hỏi mạ thử coi có đặng hay không, chứ xét ra cây cối trong vườn còn quý hơn núm ruột, trọng hơn mụ vợ ấp tay, cưng hơn con mọn hũ mắm đầu giàn, giữ gìn lo lắng cho cây cho cối còn hơn cả việc lo cho "eng" đi kháng chiến trên Nam Đông tay mè tay ớt... Lại nữa, đồng chí huyện ủy gốc Nam Định mờ lờ lẫn lộn, ngôn ngữ không được "dẹ dàng", ai dè ông tổng thống của người ta mà cứ gọi là thằng Thiệu, xuống tới ông tỉnh trưởng thì cứ gọi là thằng Khoa, anh trung uý ngoài "lò" mà cứ gọi là thằng Nam, còn đồng chí huyện ủy thì không cho gọi là thằng Cam, đồng chí chính trị viên không cho gọi là thằng Lịch thì thử hỏi mần răng mà "đồng chí" với nhau cho được? Lại nữa, ngôi nhà thờ họ là nơi cả dòng cả họ người ta dùng làm nơi thờ phượng tổ tiên, các anh Việt Cọng sao không biết tôn kính, cứ dùng chỗ họp hành mãi, răng không dùng nhà các anh nằm vùng xưa nay cho tiện? Đồng chí Hoàng Trọng Lịch nghe nửa chừng đâm thèm miếng trầu hay ly nước chè om chi đó, vội lãng ra ngoài. Đồng Chí Cam khẩn trương giải thích vô thần chủ nghĩa. Ừ ừ gật gật, đoàn thanh niên nam nữ tham dự buổi học tập giải phóng quê hương phủi chân ngồi dưới đất khiến nền nhà sạch bóng hơn lau, vỗ tay đôm đốp vang rân, tiếng vỗ tay tuy nhiều nhưng không to và chắc nịch bằng tiếng vỗ tay cũng của mấy thanh niên nầy, bây chừ đang bị tạm giam trong sở lò vôi chờ thanh lọc, khi nghe anh lính Cọng Hòa thuộc ngành Địa Phương Quân kể chuyện đồng chí Cam bị đạn lạc trúc om bên bụi tre cán giáo. Thân nhân chôn Hoàng Trọng Lô vội vã âm thầm. Lao công chiến trường chôn đồng chí Cam cũng âm thầm vội vã. Có điều Hoàng Trọng Lô còn có được người vuốt mắt và thắp cho mấy nén nhang trên ngôi mộ cũng như trên bàn thờ tiên tổ nên chắc cũng bớt hờn tủi cô đơn. Đồn Long Thọ cho lính vô giải tỏa trước khi Sư Đoàn I Bộ Binh của Cộng Hòa miền Nam tiến lên ba bốn ngày sau. Sáng sáng vô giải tỏa, bắn nát cửa nát nhà, chiều chiều rút quân ra, khiêng thương binh xếu mếu, đêm đêm câu súng cối vô làng dậy lửa rền trời. Dân làng chạy loạn ra nhà máy vôi Long Thọ, nỗi lo sợ kẹt giữa hai lằn đạn hiện ra trong ánh mắt âm u như mặt nước hồ Mưng, qua tiếng thở dài rờn rợn như tiếng reo của đạn đại bác từ ngã Khe Tre cứ chạng vạn bắn về bay ngang qua làng, pháo kích phía bên tê sông vô đồn Văn Thánh.

Gò Long Thọ phong sương, nhìn qua lớp mưa xuân trong mùa biến cố, cây Thông Một mờ mờ, xưa nay chưa từng có ai đủ khả năng leo lên tận ngọn, năm xưa có lá cờ Giải phóng hai màu xanh đỏ phất phới tung bay, lính Cộng Hòa phải dùng trực thăng mới tháo gỡ được. Nhìn xuống chân đồi, trong nắng hạ biến cố Mậu Thân, nhớ hồi mười tám người dân đang ăn Tết bị mời đi học tập nói rằng chỉ đi trong thời hạn hai hoặc ba ngày. Trong số, chỉ có mỗi một người dân ngoại cư là ông Đội Dục họ Hồ ở sau nhà thờ ông Đặng Đức Siêu trong cửa phường ngoài xóm Vạn, được cháu ghẻ đi tập kết hồi năm 1954 tha về trong ngày, còn mười bảy người kia bị trói cặp cánh bằng lạt tre đánh xoắn quai chảo, chắc bền hơn nuộc lạt tròng cổ trâu xe, xong dẫn đi chôn sống chung trong một hầm, có người khi chết trong tư thế ngồi, nách còn kẹp mo cơm với quả trứng gà luộc. Mười bảy thi

hài mang số liền nhau do những người khai quật sắp xếp, được bọc bao ni lông chở về xếp trong rạp dựng trên bến xe cạnh bờ sông trước nhà máy vôi Long Thọ. Mười bảy mạng so với trên năm ngàn người đồng số phận bị chôn sống quanh quẩn trong vùng, xét ra chẳng thấm tháp vô mô. Kèn đám ma ò è buồn thảm, buồn thiệt là buồn, ai oán hơn tiếng thông reo trên gò Long Thọ, thảm não hơn tiếng thở dài của mấy mụ tiếc của lặng lẽ trở vô làng bị mấy thằng con nít hỉ mũi chưa sạch cầm lựu đạn chày bắt làm bia đỡ đạn đi ngược trở lui để gọi lũ lính Ngụy đến gần xong sẽ thổ lựu đạn chày cho chết hết cả lũ. May nhờ Ôn Mệ linh thiêng phù hộ, gần ra tới lò vôi đã bị lộ, mấy mụ chưa kịp kêu lính Ngụy thì mấy chú đã cắm đầu cắm cổ chạy lui, nên lính Ngụy chỉ còn biết cách bắn lên trời cho có chuyện chứ thiệt tình mà nói thì con ai cũng như cháu mình, ai mô nỡ đành đoạn dứt tình trực xạ...Chỉ tội cho mấy mụ, thở ra thở vô lặng lẽ sầu buồn... Vừa buồn vừa bực. Buồn hoài cũng đến độ buồn phai, chứ bực mãi đâm ra có chuyện. Từ mụ tra cho tới bà trẻ, mụ nớ họp với mụ ni, xếp triêng xếp thúng, dựng gánh đẹ gồng, mấy mụ lẩm nhẩm ru em bằng khúc nhạc Chiêm Thành theo cung điệu nam ai hay kể tích dịch tuồng ba cái chuyện lục lăng trái ấu cho đỡ bực, cho sưa đi tiếng thở dài tiếc của, âm thầm nhẫn nại như Núi Nguyệt Biều đang mất dấu tại lò vôi. Dòng Hương Giang trong mát nay hòa thêm chất rữa nát từ thân xác của mấy trăm người trai trẻ Phú Cam, Nam Giao, Lệt Đợi (Lịch Đại) chảy ra từ trong khe Đá Mài lổn nhổn. Những ai uống nước sông Hương hay nước máy Dã Viên, thường bị mắc phải giống ghẻ lạ đời, cả người chỉ nổi hai hoặc bốn mụt ghẻ là nhiều, nhỏ như mụt sảy ngứa thấy mụ cô tam đợi, mọc sóng đôi trên tay trên ngực. Hể tay trái bị một mụt ở cườm tay thì y như rằng bên tê gần trái chanh tay phải cũng một mụt như đầu kim ửng đỏ. Không thuốc chi trị hết, cho đến khi mấy trăm bộ xương rã tan màu đen chì trên khe Đá Mài được vớt lên an táng.

Xứ Cồn Căn

Ơi! Cây Thông Một thân thương xa lạ. Từ chuyện xưa cũ ngàn đời, lắm khi nghe ra như hoang đường huyền thoại, đến chứng tích mong manh như hạt phấn thông vàng theo gió cuốn mù khơi, cho gửi tạm vài lời hoài niệm trong những ngày xa xứ. Ơi! Thương quá Cố đô! Ơi! Nguyệt Biều đất cũ! Ơi! Con chim cà lơi thả nhạc giữa trời. Chim làm tổ ngoài bãi cát Lại Bái của làng Lương Quán nhưng bay chơi réo hót trên vòm trời cồn Kéc xứ Nguyệt Biều. Cái giống cà lơi chiền chiện đem nướng thịt chẳng được bao nhiêu nhưng bẫy được một con là cả một sự hứng thú. Cho vào lồng cao, lót cát trắng, chim cũng xoay tròn bông vụ hót líu lo! Mấy trăm năm trước, chàng niện thiếu Xếch Pia của nước Mỹ cũng say mê tiếng hót cà lơi, cho rằng chim chỉ hót ở cửa trời. Trong cánh đồng Cồn Căn của Nguyệt Biều, chim cà lơi đậu trên đất, hót ngay trước cửa mã. Xứ Cồn Căn bây chừ ít kẻ nhắc tên, cho dù Cồn Căn vẫn còn đó, nằm sát bên khe Thọ Vực dưới chân Núi Nguyệt Biều! Thiệt gần mà cũng thiệt xa, sờ sờ trước mắt, hàng ngày vẫn có kẻ đi ngang qua chỗ đó nhưng không ngó chộ.

Chuyện cũ cả trăm năm, thời vua Thành Thái cho xây cầu sửa cống để liệu cơ đánh đuổi giặc Tây, thì Khâm Sứ Bồ Lốt Sờ càng tin theo khoa địa lý, tìm đủ cách trấn yểm Đế Đô, ngay cả việc xâm phạm hoà ước, Bồ Lốt Sờ vẫn không ngần ngại. Tả hữu gồm hai tên bầy tôi là Nguyễn Thân và Hoàng Cao Khải khuông phò, Bồ Lốt Sờ mánh mung với Phủ Phụ Chánh cấp giấy phép cho tên thương gia người Pháp là Bogaert tức ông tây Bồ Ghè lấy đá của núi Nguyệt Biều, lập nhà máy nung vôi sát chân đồi Long Thọ. Bồ Ghè cho khai thác đá vôi ở núi Nguyệt Biều ngoài vấn đề kinh tài, còn thủ ý với Khâm Sứ Bờ Lốt Sờ trong mục đích cắt ngang long mạch, phá ngạch đất Đế Vương. Lại chủ ý dùng hơi vôi để gián đoạn âm dương linh địa. Lò đá vôi dựng trên bãi trước sông, chiếm đất

làng hàng chục mẫu, dần dần xây la thành tứ phía đầy đủ lỗ châu mai, ụ súng, lại cắt lính trông chừng người dân đốt phá. Từ lò vôi, dọc theo chân núi, ông Bồ Ghè cho khai phẳng một dọc, đặt con đường sắt. Dân Nguyệt Biều, kể cả những người ngoại trú, vẫn dùng xứ Cồn Căn làm nghĩa địa xưa nay. Bây chừ ông Tây Bồ Ghè cậy thế Khâm Sai, bừa mồ mã ông cha để làm đường rầy cho xe gòn chở đá. Trống Tam Tòa đánh hoài lủng da tịt tiếng, vẫn chẳng xử cho. Cậy quyền thế cùng hàng cháu con chức sắc đang nhờ ơn mưa móc Nam Triều, ngày tháng đội hòm dâng sớ vẫn không nên chuyện. Kịp niên hiệu Thành Thái thứ 7, một số du học sinh trường Bảo Hộ bên Paris về nước theo học bỗng Triều đình cấp cho hồi Thành Thái đăng quang, sau bảy năm học tập xứ người, nay theo lệ tiến sĩ được bổ dụng giúp Nam Triều văn thư khảo cứu. Hòa ước điều nghiên các khoản, thấy có đoạn ghi rằng " ...Phú Lang Sa bất khả khai khoán Thừa Thiên..." bèn tâu lên Ngài Ngự, xin xử án Nguyệt Biều. Dụ tư qua phủ Phụ Chánh, quan Tiết Chế Đại Thần là Nguyễn Thân giận xanh mặt, quan Phụ Chánh Đại Thần Hoàng Cao Khải dững mày. Cả hai đại quan cùng nhau ngồi xe kéo, một lượt qua toà Khâm trình quan mẫu quốc Bảo Hộ là Bồ Lốt Sờ. Hai đại quan An Nam không biết nói tiếng mẫu quốc Phú Lang Sa, nhí nha nhí nhố làm quan Đại Pháp cứ ngẩn tò te, phải cho gọi Thông Phán tới hầu, quan Đại Pháp mới hiểu khúc nôi sự thể. Khâm sứ Bờ Lốt Sờ với tôi trung hai nước là Nguyễn Thân và Hoàng Cao Khải cùng các quan sở tại phủ Thừa Thiên đến tận nơi khám xét. Xa mã xênh xang, cờ xí ngập trời, trống chiêng dậy đất, kết quả là ra lệnh cho dân phủ Thừa Thiên lấp mấy chỗ đất đào bậy, xây trụ can quanh các gò mã và oái ăm hơn, bắt người dân xây cây cầu sắt Long Thọ nối liền sở vôi cho thông đường bộ, cũng như bắt đào đất đắp đập bít luôn đầu khe Thọ Vực để hàng năm khỏi lụt sở Bồ Ghè. Bộ sách Đại Nam Nhất Thống Chí, cuốn Thừa Thiên Phủ, tập thượng, các mục Lý Lộ, Tân Độ, Kiều Lương, Đê Bối không dám kê con đường mới mở thêm cho rộng rãi từ chợ Hổ Quyền chạy vòng trước gò Long Thọ tới sở Bồ Ghè, bến Mới chở vôi Long Thọ, cầu sắt Thọ Vực thay chiếc cầu tre, đập xóm Thượng xã Nguyệt Biều chận khơi Bàu Vá thành ra Bàu Cạn. Xứ Cồn Căn xưa nay quý địa, mã phát nhiều đời. Lăng Quan Nghè, quan Thượng, quan Tuần, quan Án của họ Hoàng Trọng cùng các họ khác quy tụ nơi đây. Đáng kể nhất là lăng của quan Bố Chánh tỉnh Định Tường Thân Trọng Quyền (Đại Nam Nhất Thống Chí, Thừa Thiên Phủ, Nhân Vật Bản Triều ghi là Thân Văn Quyền), làm quan dưới triều Minh Mạng, được quyền tiền trảm hậu tấu, linh hiển gần xa. Không cứ gì người trong làng, mà cả những phu dân làm cho sở vôi Long Thọ, có bệnh tật hay điều chi an lành mong ước, hương hoa đến viếng, cầu xin đều linh ứng khiến người dân kính cẩn kiêng dè, đến độ nếu không có việc chi thì không dám lại gần lăng, hoặc bắt buộc phải đi ngang cũng tự động cúi đầu che thêm vạt áo, bước qua vội vã. Sở vôi Long Thọ hoạt động càng ngày càng thịnh, các lăng mộ còn lại trong xứ Cồn Căn vì vậy phần lớn phải thiên đi nơi khác. Triều Khải Định thứ 3 (1918), lăng cụ Bố Chánh được con cháu thiên lên vùng núi Cơ Thánh, tức là núi Hưng Nghiệp của Gia Long hay núi Cư Chánh của chúa Nguyễn.

Đất Cồn Căn màu vàng nhuyễn mịn, vẫn được gánh về dùng ém quan tài trong lễ nhập quan. Ơi linh thiêng sông núi, trong những chỗ trủng của lăng mộ dời đi, có giống keo mỏ đen, giống kéc mỏ đỏ, từng bầy hàng ngàn hàng vạn con kéo nhau về ăn đất, than kêu "thôi hết" rầm trời. Ơi cái giống chim oanh vũ khôn ngoan, thói ăn đất đến bây chừ khoa học nhân văn của thế giới vẫn không hiểu nỗi. Cồn Căn giờ đây thêm tên mới là Cồn Kéc hoang vu. Sau nầy, keo kéc trên núi hàng năm theo tiết vũ thủy, lập xuân, tuy cũng bay về, nhưng thôi hết kết bầy theo nhau ăn đất, chỉ sà vào mấy dãy cối hoặc mù u. Gần chân đập, men sườn núi Nguyệt Biều, chằm Bàu Cạn đục ngầu lẻ loi một chắc, tháng ngày buồn

tâm sự cùng Cồn Kéc, Cồn Căn. Nhân viên sở vôi Long Thọ được trả lương cao, nên lắm kẻ bỏ quê cha đất tổ, ruộng nương lên ở luôn làm việc khiến vợ hiền than vãn với con thơ trong võng ạ ời "Ai đi lên Long Thọ, nhắn bọ thằng cu về, kẻo mà ruộng trưa mạ héo bốn bề bọ hắn ơi!".

Sở lò vôi xây thêm văn phòng trước đồi Long Thọ và trụ sở liên đoàn trên dốc Hổ Quyền. Con đường từ cầu Bạch Hổ, kể từ Cầu Lòn lên tới lò vôi cũng được tráng nhựa, sau có tên là đường Huyền Trân Công Chúa. Đường dây điện của ông Tây nhà đèn kéo theo cho sở vôi và đồn Long Thọ tiện dùng, trong khi dân trong vùng Dương Xuân, Phường Đúc, Long Thọ, Hổ Quyền sướng khoái trong cảnh ban đêm vẫn được tự do thắp đèn dầu, ban ngày tha hồ nhìn mấy chạc dây điện đong đưa ngứa mắt. Lò vôi cũng vì chiến cuộc ngưng hoạt động tạm thời. Từ hồi Việt Minh cướp chính quyền năm 1945 đến hết thời đệ nhất cọng hòa, lò vôi hoang phế. Sau nầy, ông Nguyễn Phước Viễn Đệ rồi ông Tôn Thất Hanh làm giám đốc, lò vôi hoạt động cò con. Khi đồi Long Thọ được sửa sang để trồng sắn Xã Hội, cả sườn đồi một lớp xanh um, thì bên tê khe Thọ Vực, nhà máy vôi hoạt động tăng dần, cầu Long Thọ cũ kỹ không chịu nỗi những chuyến xe vận tải khi tàu thủy không đủ chuyến chuyển vôi, thêm mấy trộ mưa dầm nên có lần gãy sập, đò đưa một chuyến dọc theo bờ sông Hương, chỉ chống sào ba cái là sang, chẳng cần chèo mần chi cho mệt. Mấy tháng sau, đúc xong cầu mới, bề thế vững vàng, thành cầu sơn trắng sáng sủa. Bến xe đò Long Thọ-Đông Ba lập ra mô dưới thời Bảo Đại, nay hết chạy, nhường chổ cho mấy ông đạp xe xích lô ngang tàng đưa khách, chẳng kể chi lệnh nhà nước cấm đoán vì nhà nước cho rằng người có tiền vách mảy ngồi trước thuê sức kẻ đàng sau đạp đẩy, trông rất chi là mất phẩm giá con người vốn được tôn trọng trong xã hội chủ nghĩa. Mấy bác đạp xích lô thực thi ý chỉ Lao động là vinh quang, cho bớt cảnh đói cơm vàng mắt, hơn nữa, nếu nhìn ngang, thì đầu người khách bình thường ngồi phía trước hơi cao hơn cái yên xe của bác xích lô ngồi đạp phía đàng sau. Thượng hạ phân minh đã rõ!

Mộng Kinh Sư

Kể chuyện khi xưa, năm Thành Thái thứ 7, nội tôn quan Bố Chánh Định Tường là ông Thân Trọng Huề, mới du học bảy năm ở trường Bảo Hộ bên Paris về, đang giữ chức Ngự Tiền Thị Thơ trong Cơ Mật Viện, có liên hệ đến vụ án Nguyệt Biều. Quan lớn Tiết Chế Đại Thần Nguyễn Thân vốn ít chữ, dùng chân ấm sanh ra làm quan, bụng dạ tiểu nhân, ganh ghét người có học, trong khi quan nhỏ Ngự Tiền Thị Thơ mới 27 tuổi, thẳng tính trực ngôn, khinh khi tên phản quốc, nên một bữa kia dạo ngựa trong thành, gặp đại quan phản quốc Nguyễn Thân mà vẫn tỉnh như không, chẳng thèm xuống ngựa theo lệ Hạ Mã, nên đại quan càng ghét, thảo sớ tham hặc dựa theo triều nghi mà cách chức quan Thị. Vua Thành Thái phê rằng: "Quan Thị chữ Hán chữ Pháp đều thông, hỏi đâu đáp đó rành rẽ ngọn nguồn, nếu cách chức quan Thị thì cũng cho lệ vào Viện Cơ Mật phòng khi han hỏi việc gì" thành thử quan đại càng thù thậm tệ. Nguyễn Thân cùng những người trong đảng Thạch Trì của ông kiếm đủ mọi cách làm hại quan Thị, đến độ vua Thành Thái quan ngại, phải biệt phái quan Thị ra Hà Nội làm việc trong Phủ Toàn Quyền mới yên.

Trong triều nạn phe đảng lộng hành. Sau khi bãi chức Kinh Lược Bắc Kỳ, Hoàng Cao Khải vào Kinh, vẫn cùng Nguyễn Thân tranh giành quyền thế. Thành Thái thứ 15, nhân dịp Hà Nội có hội chợ đấu xảo, hai ông lợi dụng thời cơ giả ra tham dự, nhưng chủ đích là kiện nhau với quan toàn quyền là Bô Luật. Hai ông cãi nhau như trẻ con, lại nói năng phạm thượng động đến nhà vua. Ông Bô Luật giao cho khâm sứ Bồ Lốt Sờ cùng triều đình Huế nghị xử. Quan Thị Thân Trọng Huề nay giữ chức Tham Biện trong Phủ Toàn Quyền, cùng với Bồ Lốt Sờ xin tấn thăng Nguyễn Thân lên chức Cần Chánh Điện Đại Học

Sĩ, tấn thăng Hoàng Cao Khải lên Văn Minh Điện Đại Học Sĩ, xong cho hai ông Nguyễn Thân và Hoàng Cao Khải về hưu. Vua Thành Thái y tấu. Toàn quyền Bô Luật đẹp dạ. Vua Thành Thái giữ Thân Trọng Huề lại Kinh, sung Tả Thị Lang bộ Lại và Tham Tá Cơ Mật Viện. Ông Thân Trọng Huề về sau thăng tới Đông Các Điện Đại Học Sĩ, một trong tứ trụ triều đình. Ngài phát động kế hoạch doanh điền trong lúc giữ chức Tổng Đốc hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương (Bắc Việt), dự tính lập cơ sở cần vương chống thực dân Pháp, nhưng ý đồ chưa thành thì lộ, viên Khâm Sứ là Bát Ki Ê (Paskier) vốn là cựu hữu từ hồi du học, thường vẫn nễ vì người bạn An Nam Mít, chẳng đặng đừng bèn phải đòi vua Khải Định triệu về Kinh, bắt làm thượng thư coi Bộ Binh kiêm Bộ Học, chuyên Đô Sát và sung Cơ Mật Viện. Một lần giữ luôn bốn chức lớn, nhưng thật ra chỉ là hư quyền, không như thời Thành Thái, tuy chỉ là một viên Bang Tá Cơ Mật Viện, một mình ông dâng sớ xin hủy bỏ khoa cử từ chương, chọn theo lối mới, vẫn được vua Thành Thái phê chuẩn, áp dụng từ năm 1905. Nước nhà nghiêng ngữa, trải bốn triều Thành Thái, Duy Tân, Khải Định và Bảo Đại, rốt cuộc rồi cũng nhắm mắt buông xuôi năm 1925, sau khi dâng biểu cho Vua Bảo Đại trước đề nghị canh tân cải tổ, sau phàn nàn là chưa báo đáp cho nhà nước chút gì. Bộ Lại dìm tờ biểu, hơn nữa Vua Bảo Đại vừa mới lên ngôi, lại vội sang Pháp cho kịp niên học, các đại thần phụ chánh xử lý triều đình.

Trước khi mất, ngài Đông Các ra lệnh cho con cháu phải an táng trong vòng 24 tiếng đồng hồ, không nghi thức rườm rà theo cổ lệ. Ngài vốn sẵn buồn phiền vì thời thế nhiễu nhương, triều nghi còn đó nhưng chẳng có chủ quyền, cái gì cũng do Tây Bảo Hộ định đoạt. Ngài lại chán cảnh xa hoa của vua Khải Định, trước khi băng hà cũng đòi bộ Lễ về sau phải lo đủ mười một Tử Cung tức là mười một chiếc quan tài giống hệt nhau, đồng một lúc đi ra mười cửa thành và Trấn Bình Môn của Trấn Bình Đài tức đồn Mang Cá Lớn, khiến người dân chẳng biết chiếc quan tài nào có ngọc thể, nên người dân cứ gần cửa nào thì đi đưa theo cửa ấy, đi vài cây số rồi các phu khiêng quan tài trống không, được lệnh âm thầm xếp lọng, gác đòn khiêng, cùng với bọn được thuê đi đưa và khóc mướn cũng mặc áo tang giả làm con cháu nhà vua, tan bè rã đám ai về nhà nấy, khiến những người dân hiền lành chất phác đi theo đưa đám táo tác đi tìm linh cửu thiệt cho vẹn nghĩa vua tôi. Mỗi người dân được phát một mảnh khăn sô trắng hoặc đen để bịt tang vua. Dân các phủ huyện và ngoại tỉnh được phân chia chổ đứng từ Thương Bạc Viện theo đường vua tế Nam Giao. Con cháu các phủ phòng được chia chổ đứng trước bia Chiến Sĩ Trận Vong trước trường Khải Định. Tử Cung ra cửa Quảng Đức, ngang Phu Văn Lâu, qua cầu Trường Tiền, theo đường Jules Ferry dọc theo bờ sông Hương từ đập đá lên tới nhà ga xe lửa, tức là đường Lê Lợi sau này, lên ngả Đàn Nam Giao. Theo đám gồm hai mươi mốt bàn thờ. Các phu khiêng đám gồm nhiều toán, mỗi toán ba trăm người khiêng Tử Cung, tuy không bị chôn sống theo với Hoàng Đế như những lời đồn đại, nhưng trong công việc gian truân đưa quan tài lên cả trăm bậc cấp trong tư thế thăng bằng giữ không chao mặt nước đổ đầy trong mấy cái chén đặt trên nắp quan, lớp phu đi trước tùy nghi xả thân trong các tư thế qùy, lết, bò, cằn trầy gối rách khuỷu tay, và những người càng khiêng phần sau càng oằn người vì phải đồn đôn nhau lên cho cao đúng như ý của ông đốc đám. Bộ Lễ chiếu lệ trả công và thưởng thêm tiền gạo áo vải cho những phu khiêng đám, có kẻ phải cho người đưa tới tận nhà, vì mấy người này khi vừa trả xong áo nẹp, nón dấu, dây lưng và xà cạp là hè nhau trốn khỏi tẩm cung, không cần lấy xăm, nhận thưởng, hú hồn hú vía chạy cho mau. Lớp phu khiêng phần kiệt sức, phần nhiễm trùng phong đòn gánh không thuốc chữa, về nhà chết mấy chục người, nhưng thân nhân lại mừng vì còn được xác, hơn là phải chết theo ngay trong buổi đám để giữ bí mật huyệt chôn vua như những lời đồn huyễn tai ác xưa nay! Con cháu Ngài Đông

Các theo đúng lời di ngôn hãn hữu, lại âm thầm nghiền ngẫm lời gia huấn về đất nước quê hương... Mộ ngài tại nghĩa trang họ Thân, trên núi Nguyệt Biều gần đồi Vọng Cảnh, cách lò vôi Long Thọ cả ba cây số hướng đông nam. Từ chỗ nầy, nhìn qua bên tê sông là điện Hòn Chén, nhìn về Long Thọ gặp độn Thành Lồi, tuốt qua Hà Khê, Văn Thánh, kéo dần sang hướng đông, phủ Kim Long sương khói, cồn Dã Viên mờ mờ, Kinh Thành Huế vuông vắn với cột cờ Phu Văn Lâu thẳng tắp trước Ngọ Môn.

Tình Cố Lý

Lần xuống độn Thành Lồi, trèo lên đồi trọc, nhìn về Thuận An biển cả vòng quanh. Tháng tư, tháng năm, mấy sợi tơ trời lững đững theo gió biển bay vào núi như những bức thư tình của Lạc Long Quân gởi Âu Cơ. Một số tơ trời vương mắc ngọn cây, hình ảnh của trang thư dang dỡ. Con chim cà lơi tiếp nhạc tình yêu. Lũ ve sầu rổn rảng phiên buồn tháng hạ, rủ nhau bạ vào mấy cây nhỡn, vải, bồ kết, chôm chôm. Cây nhỡn xanh um, tròn tán, cao nhất xóm, nhất làng. Cây vải e dè một góc, gặp lúc trạng ra chín đỏ nọc một vời, hương thơm ngan ngát. Cây chằm kết gai quá là gai. Cây chôm chôm trái ơi là trái. Chim cu khốc đục bộng làm tổ trên thân cây bìm bịp, lông xanh mỏ vàng khóc mãi chia ly. Chim ác là mình đen khoang trắng, súc sa súc sắc, đuổi rượt nhau trong cội thanh trà. Thanh trà lão bảo thanh trà tơ nếu có gặp thanh nhu đừng lấy. Trái ổi sẻ no tròn trắng phau thơm ngon chỉ có trên xóm Rẫy, lớn bằng ngón tay cái, mới nghe thôi mà đã thèm rệu nước miếng ra rồi. Ơi Nguyệt Biều của tui, cái xứ mà tui quen từng khúc sông gò đất. Cái xứ mà suốt ngày nếu có rãnh, đạp xe đi luẩn quẩn loanh quanh lộn tới lộn lui không bao giờ thấy chán. Cái xứ mà eng mần chi mược kệ chó anh, tui mần chi mặc kệ chó tui, can chi anh hỏi anh cười chó tui!? Cũng con đường đất đỏ, hai bên viền cỏ xanh, dẫn đưa nhau từ múi cầu Long Thọ ra tới tận am Ông ngoài ấp Vạn Phước có vợ chồng ông Chuốc giữ am, một chút Nguyệt Biều rất lạ rất quen. Phần eng, mược sức eng tha hồ khen hoa cau thơm ngát, còn riêng phần mèo tui, thì để mược kệ tui, xin eng để yên tui một chắc trong việc ca ngợi hương tre dịu ngọt đôi lời. Ui chao ơi, tre theo gió lã lơi cọ sát vô nhau, tiết ra thứ hương thơm luyến ái. Đi từ từ mới ngửi thấy mùi thoang thoảng phưởng phất trong lớp lá giao đầu. Ừ thì yêm óc mó cụ trâu, còn hơn eng cá tràu dưới cống. Nhớ ơi là nhớ, thương hỡi là thương, nói như ri nhưng chẳng phải là ri, chút tâm sự gởi theo làn gió thoảng. Eng nhớ người yêu hỉ? Thì cứ gom hương hoa bưởi, hương hoa thanh trà nở lúc nửa đêm, xong gói lại cho vô bì thư mà gửi đi cho bớt nhớ đỡ thương. Riêng tui, tui mê mẫn mùi hoa bò bò lúc trời ngã hoàng hôn, lúc mạ treo tàu mo cau hay nhánh lá sầu đâu trước sân để tí nữa bưng đèn ra và ve ve vô xào nước mắm, nghe thiệt đã thèm. Tục và ve ve có lâu rồi, e chừng có mô trước cái thời thượng cổ. Muốn khỏe khoắn thì dùng con ve đực làm mồi, chờ chạng vạng ve ngoài trời kêu thì bưng đèn ra cho con ve mồi kêu rèng rẹc, ve ngoài xuống cả bầy, bạ vào tàu mo hay nhánh sầu đâu treo sẵn, sẽ tha hồ mà chụp. Nếu không có sẵn ve mồi, thì cứ chờ chập choạng, cũng bưng đèn ra, há miệng vừa kêu "A", vừa dùng tay vỗ vào mồm để "Và" ve xuống. Chụp được con ve đực khiến nó kêu lên, xong khỏi cần "và", hơn nữa phải dùng cả hai tay mà chụp cho lẹ vì ve chỉ xuống trong chốc lát rồi thôi. Ve bắt được, ngắt cánh ngắt chân, thả vô thau nước cho sạch, xong xào tiêu hành nước mắm ăn thiệt là thơm. Chờ đến tám giờ, chuông Thiên Mụ rung, lại bưng đèn ra vườn soi ve ve lột, tức là con sùng ve từ dưới đất chui lên, bám vào cây lột lần vỏ cuối cùng thành ve sầu để sống trong mấy chục ngày ngắn ngủi. Con ve lột xào ăn ngon thiệt là ngon, lại như mấy ông thầy Tàu, thì loại Trá Thiền nầy ăn nên thuốc. Con ve cái dùng ngòi đào ở cuối bụng châm xoi từng hàng lổ trên vỏ cây xong đẻ trứng vào. Từ khi còn là cái trứng tí ti đẻ vào vết châm ở cành cây, nở ra rơi xuống đất, cho đến khi thành con ve mất đúng mười bảy năm dài đằng đẳng. Mười bảy

năm hấp thụ âm dương đầy đủ, hèn chi không nên thuốc nên thang sao được. Biết mô chừng, con ve lột còn bổ hơn con chim bìm bịp mình đen cánh đỏ nâu, chuyên ăn rắn nên vẫn được cho là thần dược. Chim Bìm Bịp làm tổ kín đáo, thường trong bụi rậm khó vào, ít khi làm trên cây mộc mứt trầu leo. Trong rồn tre la ngà, thường là nơi lý tưởng để chim bìm bịp làm tổ. Chim chèo bẻo làm tổ đọt cau, chim chuốc miều lại ưa cây chè, cây ổi. Con nghịch đất rúc bụi lũi bờ, con chích chòe ưa nằm lùm, bộng. Chim sâu sâu cuốn lá tròn xoe, con chim nghệ tổ trên đọt mít. Cu cườm cu ngói, gác tổ sơ sài. Vành khuyên, sẻ đá manh manh theo bầy ríu rít. Chim đào vao từ con tu hú, nên thuốc trừ tà. Giống chìa vôi, chim sẻ hiền lành, chọn mái ngói, mái tranh nương náu. Giống sáo trâu, sáo ngà, sáo sậu, tìm cây cao ngất nghẽu an toàn. Loại diều hâu, chim ó, quạ khoang, cưỡng bầy cưỡng chợ cứ cây ươi, cây sen, cây vông đồng làm tổ. Chim nắc nước, chim héc vàng, héc đất, sa sả, gầm ghì, cu xanh tùy mùa xuất hiện. Cạnh bờ sông, ao, hói, chằm, hồ, chim bói cá trầm tư soi bóng. Kể quanh kể quẩn, ấy cũng do hồi nhỏ xách ná cao su chui bụi lũi vườn. Ơi Nguyệt Biều, Lương Quán thân thương! Thời niên thiếu đẹp chi ngụy tặc! Chừ ngồi mà nhớ, mà nhung, mà quay, mà quắt! Ơi Nguyệt Biều! Ta kể chuyện ngày xưa!

Làng Nguyệt Biều

Nguyệt Biều phía đông giáp làng Dương Xuân Thượng, phía tây giáp làng Lương Quán, phía bắc và phía nam giáp Hương Giang. Nguyên sơ gồm năm xóm: Thượng, Trung, Hạ, Đông, Tây.

Ngoài xóm Đông có Hổ Quyền, có chợ Nguyệt Biều, có chùa Dương Biều, có gò Long Thọ, có lò vôi Bồ Ghè, có hầm khai thác đá vôi, có Thành Lồi xưa cũ. Gọi tổng quát xóm Đông không định được rõ ràng địa điểm, bèn dùng ngay tên gọi xóm Hổ Quyền, xóm Chợ, xóm Chùa, xóm Long Thọ, xóm Lò, xóm Hầm, xóm Thành Lồi rành rẽ. Người cẩn thận không dùng chữ xóm, nói là lên trên Đập, ra ngoài Đình, ở ngoài Lò, vô trong Giếng v.v.

Đường trong xóm Tây mát rượi bóng cây, lại từ khi xây cái giếng xi măng cạnh vườn ông Giám, trước mặt nhà ông Bộ, chị em bạn hàng dừng lại rửa mặt nghỉ chân, luôn thể buôn qua bán lại, dần dần thành chợ nhỏ ven đường, hẹn hò nhau vô chợ xóm Giếng mà buôn cho khỏi thuế! Nhân viên thuế chợ Long Thọ không thể "dán nón" mấy mụ đi buôn, bèn kiện vô trong xã, đuổi bạn hàng chạy ngược chạy xuôi. Trước khi thành xóm Giếng, khu vực nầy gọi quen "trong giếng xóm Tây", ngày Tết ngày nhứt tụ nhau lại sắp bài vụ, lắc bầu cua, nhứt lục. Ông Xã, ông Ấp bận việc nước việc làng nên cũng lơ là bắt quân đánh bạc, nhất là ngày tết ngày tiếc, đánh tí cho vui.

Sau khi được ty Lục Lộ dưới thời đệ nhất Cộng Hòa cho đổ lớp đá hoa cương xám chắc làm nền, rồi phủ thêm lớp đất độn đá cuội non màu đỏ hồng khả ái, khiến con đường cái khuất khúc quanh co trở thành dễ thương chi lạ. Bắt đầu từ bến xe Long Thọ, lần vô tới cống hồ làng với xóm Trung xóm Hạ, sẽ gặp đình làng bên tay trái sát mặt đường, xoay mặt hướng tây, có cây bàng trước sân cạnh tấm bình phong loang lỗ. Mấy trụ hoa biểu năm tháng trơ gan. Đình làng chỉ là nơi hội họp, hoặc tụ tập tế làng, văn nghệ văn gừng, hoặc mừng ngày Quốc Khánh 26 tháng 10 thời đệ nhất cộng hòa, lâu lâu thêm cái mục đập om, chạy đua này nọ. Bằng sắc thành hoàng, thần chủ vị khai canh đều thờ ở am Ông ngoài xóm Vạn. Những khi làng tế, phải cung nghinh ra đình ngày hôm trước, tế xong ngày hôm sau lại cung nghinh tở về. Đình bị Tây đốt mấy lần, Việt Minh tiêu thổ, đình vẫn một nền nhưng kiến trúc theo thời mà chế biến đổi thay.

Hồi hiệp định Giơ neo chia đôi đất nước năm 1954, làng Nguyệt Biều truy nguyên ra vị Khai Canh vốn là người kẻ chợ đất

Thăng Long, họ Hoàng Trọng vào đây lập nghiệp, nên vui mừng đại tế ba ngày.

Tựu trung, Nguyệt Biều gồm sáu họ: Hoàng Trọng, Hồ Xuân, Ngô Đình, Lê Viết, Võ Bá và Phạm Văn. Đọc luôn vần là Hoàng Hồ Ngô Lê Võ Phạm.

Nhà thờ họ Hoàng Trọng tọa lạc xóm Trung, xoay mặt hướng tây, có hồ Mưng án theo phong thủy. Con đường ngang trước nhà thờ dẫn ra con đường Lấm nối xóm Tây lầy lội vết chân trâu, đưa tới nhà thờ họ Hồ Xuân tĩnh mịch. Ra chút nữa là miễu Cây Sen nổi tiếng nhiều ma. Cho dù nửa ngày đứng bóng, lúc đi qua trông thấy cảnh âm u vắng lặng, cây cối cao lớn rậm rạp, nhiều khi cũng sởn da gà. Ngược đường lên xóm Thượng, dọc theo cái hói cạn lờ, nhà thờ họ Ngô Đình xoay mặt ra đường theo hướng tây trông qua đám ruộng bên tê làng Quán. Nhà thờ họ Lê Viết cũng trong xóm Thượng, kín đáo bên con đường kiệt mát bóng hàng cây. Chạy thẳng ra hướng đông, ngôi nhà thờ đạo đìu hiu nhìn ra Cồn Kéc, thấy nhà máy vôi cùng đồi Long Thọ xa xa. Ngôi trường Nhàn con trẻ học ê a, cô giáo trẻ tay cầm roi nhịp nhịp. Xuôi từ xóm Thượng, lại giáp ngã tư đình, nơi có mụ ăn mày đến từ chốn mô không rõ, trong biến cố Tết Mậu Thân, kiệt sức đau nằm dài trước quán hàng mụ thợ Cứu, được cả làng chăm sóc đàng hoàng, lúc chết nhân viên xã đem chôn ngoài Cồn Kéc. Chết như mụ kể ra mà sướng, tuy không điếu tang khóc lóc, nhưng cơm cháo no lành, mồ yên mã đẹp trong lúc súng đạn mịt mù đánh nhau muôn mặt. Lại từ ngã tư đình đi vô cống hồ làng xóm Hạ, nhà thờ họ Phạm Văn thấp thoáng. Đi vô nữa, theo con đường cái, qua khỏi hồ Lươn vô gần hết xóm Tây, sát con đường đi xuống bến Nậy, phía bên phải đường làng là nhà thờ họ Võ Bá cách con biền nhỏ.

Các họ khác chỉ là dân ngoại trú mà thôi. Kể như họ Tống Viết theo chúa Nguyễn từ Thanh Hóa trong bước đầu khai quốc. Kế đến họ Thân Trọng thời Quốc Chúa Nguyễn Phúc Chu đầu thế kỷ thứ 18, về sau nhiều đời vẫn liên hệ Tấn-Tần với nhánh Hoàng Trọng trên xóm Thượng xứ Cồn Căn. Họ Đặng Đức cư trú từ thời Gia Long. Các họ Trịnh, họ Hoàng Đại, họ Lý, họ Trần, họ Hà, họ Nguyễn và họ Hồ không chữ lót phần đông đến ở rể sau này. Dòng Tôn Thất cũng có hệ nơi xóm Vạn, Hoàng phái có phòng trên xóm Thượng, vẫn hàng năm tế điện cổ lăng.

Có lẽ chỉ có ba họ ngoại nhập làng Nguyệt Biều là họ Thân Trọng, họ Tôn Thất và họ Đặng Đức mới lập nhà thờ nhánh.

Nhà thờ nhánh họ Đặng trong phạm vi xóm Vạn Phước, phía trước được phép cất cửa phường, thờ ông Đặng Đức Siêu người Bồng Sơn, Bình Định, vốn khuôn phò chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần, được bổ làm quan ở viện Hàn Lâm. Định Vương mất, ông về Long Hồ ở ẩn, sống bằng nghề dạy học. Vua Quang Trung có mời ra làm quan hai lần nhưng từ chối. Khi nghe Nguyễn Phúc Ánh dấy binh ở trong Nam, ông theo vào phò tá, lập nhiều công, lại làm văn tế Võ Tánh và Ngô Tòng Châu. Gia Long phục quốc, ông làm bài Hồi Loan Khải Ca.

Nhà thờ nhánh họ Tôn Thất của ông tri huyện Tôn Thất Cầm, cạnh nhà quan Thượng họ Thân, nhìn xéo qua nhà thờ ông Đặng Đức Siêu cách con đường làng và rồn tre lẫn nứa.

Triều Tự Đức, ông Tri Phủ phủ Tuy An thuộc tỉnh Phú Yên là Thân Trọng Trữ mua một mảnh vườn cạnh am Ông, xứ Biều Châu thuộc xóm Tây làng Nguyệt Biều. Mảnh vườn này về sau được dùng làm hương hỏa, xây nhà thờ nhánh họ Thân Trọng. Bến đò qua qua Văn Thánh từ con đường giữa nhà thờ và am Ông được đổi từ bến Vạn ra bến Phủ, ám danh ông tri phủ Tuy An. Dưới bờ sông, từ lâu kẻ vạn đò xin được quây tụ làm một xóm, làng thuận cho, gọi là xóm Kẻ Vạn hay xóm Vạn. Trưởng tử

của quan tri phủ Tuy An là quan Đốc Học đạo Ninh Thuận và đạo Khánh Hòa triều Thành Thái, Duy Tân, húy là Thân Trọng Cảnh. Quan Đốc giỏi văn chương Việt Pháp Nho Nôm, lại tinh thông cả ngành địa lý. Tình thế nhiễu nhương, triều Khải Định xin lui về ẩn dật, ngao du thăm dò ngạch đất làm vui. Coi lại nhiều cuộc đất trong làng Nguyệt Biều, hậu sự vô cùng ứng nghiệm. Hội đồng tiên chỉ gồm toàn những bậc đại khoa vẫn có lòng nể vì ưu ái.

Nhân thế mới xin đặt riêng ra một ấp cho vị Khai canh làng Nguyệt Biều, mang danh là ấp Vạn Phước, tuy có trùng danh với xóm Vạn ngày xưa, nay thêm chữ Phước muôn phần rạng rỡ. Hội đồng hương đảng rất mực mừng vui, lại chỉ định ngôi Khai canh xóm Vạn Phước đề danh quan Đốc, một việc xưa nay chưa từng có bao giờ. Lại lệ rằng mỗi khi tế xóm, vì nội thuộc địa phương, phải cung nghinh thần vị ông Khai canh làng Nguyệt Biều từ am Ông ra tế hưởng cho tròn vẹn cổ phần. Truyền về sau việc xóm cứ vậy mà theo đúng phép. Vị tiên chỉ cuối cùng của làng Nguyệt Biều là ông Hoàng Trọng Đàn, tức là ông Hường Đàn, giữ lệ làng rất ngặt. Toàn thể dân làng ai cũng nể mặt quan Tiên. Nhà quan Tiên ở xóm Tây, ngả tư đường cái xuống bến Nậy, nên khi cần ra xóm Vạn Phước chỉ đi chừng ba bước... Xóm Vạn Phước thành danh, nhưng dân Nguyệt Biều cứ quen kêu là xóm Vạn, cho dù chẳng còn lấy một chiếc đò vì nhóm vạn đò đã chuyển qua bên tê sông rồi sau này rã xóm. Y như làng Lương Quán, tên chữ đàng hoàng, dân Nguyệt Biều và ngay cả dân làng Lương Quán, vẫn thường kêu là làng Quán gọn bâng.

Họ Thân Trọng có năm nhà thờ cho năm nhánh tại Nguyệt Biều. Ba nhà thờ nhánh ở xóm Tây và hai nhà thờ nhánh ở xóm Vạn Phước. Hàng năm, ngày mồng một Tết, con cháu họ Thân Trọng phải mất cả buổi sáng mới đi lễ đủ hết cả năm cái nhà thờ. Chiều mồng một, nếu là cháu ngoại họ Hoàng, thì phải lên nhà thờ nhánh họ Hoàng trên xóm Thượng lễ Tết chứ không đi nhà thờ họ Hoàng ở xóm Trung. Lễ xong, đi thăm viếng bà con là hết một ngày. Cho dẫu trên dãi đất Nguyệt Biều quen thân trìu mến, những con cháu họ Thân sau gần ba trăm năm cư ngụ vẫn không dự việc làng vì con sông Bồ vẫn còn đó, quê cha đất tổ rạng rỡ cội nguồn. Ơi Nguyệt Biều, tình cố lý nhiều khi còn hơn cả dân Nguyệt Biều chính cống! Từ giọng nói ngân dài dẻo quẹo hay rề rề âm thổ nhưng thiệt là đại dễ thương đến tướng đi thong dong hai tay đánh đàng xa thiệt khéo, trông rất Nguyệt Biều! Tuy không phải là làng nội, cũng không là làng ngoại thì cũng có chút chi trung trung vì giòng máu họ Hoàng Trọng hay Hồ Xuân lẫn trong huyết quản. Chỉ có chút nớ thôi, nhưng cũng đủ để luyến lưu mấy bụi thơm gốc chuối. Thơm ta thơm tây, thơm rẫy thơm nguồn, thơm sọc thơm trơn, thơm bộng thơm rệu, thơm thiệt là thơm. Chuối ngự chuối cau, chuối tiêu chuối chát, chuối sứ chuối đá, mật mốc cau quảng, bà lùn bà hương, chuối mô những chuối! Thanh trà thanh nhu, mít mật mít dừa, mít ướt mít ráo, mít nài mít nghẹn, mít non mít tra, mít đài mít cám kể thôi không ngạ. Cau trầu dâu nhỡn cùng cọng chè tươi xanh om bào ảnh. Cau non cau tra, cau tơ cau lão, cau sít cau dầy, cau xanh cau vàng, cau ba cau bảy, cau tươi cau khô, cau vườn cau núi quấn quýt lá trầu vệt vôi trắng đỏ. Trầu hương trầu quế, trầu tuần xà lẹt liễn đếm hai mươi. Dâu tiên ngọc thạch nhung êm, dâu đất châu sa đỏ nọc, dâu lá xanh buồn dịu ngọt. Nhỡn ướt nhỡn ráo sột soạt lồng mo cau, đong đưa trái nhỡn rơi cứng đầu không chịu rụng. Mấy cây chè suông đuột thấp thấp vì bẻ lá quanh năm, khép nép như sợ choán chổ bên cây mộc mứt thẳng tắp lênh khênh trầu leo tận ngọn, lại tránh xa cây vả góc vườn tàng che kín đất. Nguyệt Biều là đất nhà vườn, nên lúa nếp môn khoai không bằng xứ khác. Đồng Cồn Căn canh tác, nước máy đập đưa về, thời Phật giáo tranh đấu 1963 dân xóm Thượng chuyển sang trồng hoa huệ một vốn bốn lời. Thanh trà xào với mực khô tuy tầm thường nhưng ngon hơn bát trân bát bửu.

Rình rình lén mạ, chặt cây hóp đá làm cái cần câu, chờ thứ bảy chúa nhật, ra ngoài bãi, xuống dưới hói, mùa hè câu cá rô, cá mại, mùa mưa câu cá giếc cá lúi, về nhờ chị kho khô ăn ngon hơn chi cả.

Làng Lương Quán với làng Nguyệt Biều trước kia là một, đều thuộc xã Nguyệt Biều, sau dù tách ra nhưng vẫn thờ chung một vị Khai canh. Đình làng Lương Quán không bị chiến tranh tàn phá, nên còn nguyên nét cũ dáng xưa. Hàng năm tế lễ, làng Lương Quán phải sang làng Nguyệt Biều cung thỉnh bằng sắc và thần vị ông Khai canh về tế. Lắm lúc cuộc cung thỉnh cũng trần ai rắc rối vì hội đồng tiên chỉ làng Nguyệt Biều đòi hỏi lộ trình, không cho đoàn rước thần chủ băng biền lội hói. Câu ca dao phân ranh địa thế "Nguyệt Biều, Lương Quán chi gia, Cách một cái hói chia ra hai làng".

Xưa kia, lúc chưa xây cầu Bến Lội, muốn sang làng Lương Quán phải đi vòng qua ngả xóm Thượng hay ngả xóm Vạn theo lối am Ông hay bọc ngả vườn Cam. Khúc hói ở xóm Tây nơi góc vườn trong của quan Thượng, xưa tê mùa hè nước cạn, xắn quần có thể lội qua, khai sinh ra thành Bến Lội nối kết hai làng. Lần lần thành lối đi chính thức, bèn bắt cầu tre, nhưng hàng năm phải lo tu bổ sau những trận lụt tháng mười nước sỉa. Hết cầu tre, sang cầu gỗ vẫn chưa hết phiền hà sóng nước. Thời đệ nhất Cộng Hòa, hai làng Lương Quán và Nguyệt Biều cùng một xã Thủy Biều, tỏ tình liên đới, chung xây cây cầu Bến Lội, đổ móng bê tông, sườn sắt, lát gỗ thiệt bề thế vững vàng. Gặp lúc cậu Ngô Đình Cẩn đúc lầu Đuya Ra ở Phủ Cam, cất nhà mát dưới cửa Thuận, xây sanh phần trên miệt Thiên An, cậu cho hàng đoàn xe cam nhông ngày ngày lên chở cát từ bãi Lương Quán suốt mấy năm ròng rã. Ngả xóm Vạn đất dốc, xe xuống bãi không tiện, bèn qua ngả làng Quán, tuy xa hơn nhưng bằng phẳng dễ đi. Đường cái hai làng Nguyệt Biều, Lương Quán bị lằn bánh xe lâu ngày làm lổ hê lổ hổng, tan hoang lầy lội mùa mưa, bụi đỏ mù trời mùa nắng. Cầu Bến Lội cũng sập một đôi lần, cậu Cẩn phải sai công binh lên sửa. Kiện chẳng ai nghe, lại thêm cái nạn công an chìm, công an nổi hung hăng ông kẹ nọ kia các thứ, thôi thì đành bấm bụng làm thinh, chịu cảnh quan quyền đè đầu đè cổ.

Nhà Ngô sụp đổ, Cậu Cẩn mất đi, nhưng xe vẫn lên xúc cát về xây dinh, xây chùa cho ông tướng. Dân hai làng chịu không thấu, chuyển văn ra võ, đóng tre làm cổng sát bến xe Long Thọ, chận đoàn xe dưới phố lên vô làng chở cát. Ấp trưởng Võ Bá Thí thiệt gan, cầm súng đứng giữa đàng, chờ tài xế xe cam nhông lái vô là bắn. Dằn co mấy bận, ông tướng biết điều, phái người lên xin lỗi, xin phải, giảng giải làm lành, còn cho công binh sửa lại đường đi và giữ lời hứa thôi không chở cát.

Kể chuyện xưa

Mọi lần:

Dân Nguyệt Biều tổng cọng không quá số ngàn. Nhà cửa lẩn khuất trong hàng cây xanh mát. Tuy nhiều khi chai tay vì cán cuốc, nhưng trong nhà cũng câu đối hoành phi. Biển hiệu vua ban bảng gỗ chữ vàng treo trên trính thượng. Ngó tới ngó lui, đụng toàn chức sắc phẩm trật đầy đường: Quan Thượng, quan Nghè, quan Bố quan Án, quan Tổng Đốc, quan Tuần Vũ, quan Đốc Học, quan Phủ quan Huyện, quan Tiên, cụ Hường Lô, ông Thừa, Biện, Kinh, Kiểm, Đội, Viên, Giám, Phán, Tham, Trợ, Huấn, Giáo, Cai, Khán, Ấm, Khóa, Cửu, Quyền, Thầy, Thợ, Trùm, Xã, Ấp, cho tới ông Bếp, hoặc chẳng có chức chi cũng gọi ông Cả, ông Hai theo thứ tự trong nhà.

Thời Bảo Đại chấp chánh, Ngài Ngự vẫn cùng Đại Úy Bẹc Na lên chơi với mấy cậu ấm con quan Thượng ở ngoài xóm Vạn Phước, ăn tôm đất và cá bống cát kho khô ngon đến độ Đại Úy Bernard hai lần cạo trách. Ăn xong, rủ nhau xuống tắm bến Phủ. Ngài Ngự có chứng tị thấp tức là dị ứng ngứa mũi chẳng khứng bơi xa, lại thêm

các cậu ấm tinh ma vướng chân vướng cẳng. Có ông khóa Hoàng Trọng Nột thuộc Vệ Quản Tượng Kinh Thành, biết ý Ngài Ngự thích săn, thông đồng với mấy cậu ấm tinh quái, dùng con voi cái dụ con voi đực một ngà nổi tiếng trong vùng Sơn Quả ra cho Ngài Ngự bắn. Hạ voi xong, Ngài Ngự phong cho Khóa Nột hàm Tiến Sĩ, tục gọi ông Nghè xênh xang mũ áo. (Y như chuyện ông thợ rèn bên cầu Gia Hội: cũng được phong Nghè, nằm võng, che hai lọng bốn lính quấn xà cạp đi chân đất theo hầu, có kèn thổi ò e đưa về tận nhà, khi chết còn được xây lăng lập miễu vì có công sáng chế, nội trong đêm chữa lại chiếc bóng đèn xe hơi bị bể mặt kiếng mà tất cả các quan thông thái Tây Ta trong triều đều bó tay chịu trệt, cho kịp Ngài Ngự dùng xe vào sáng hôm sau). Lăng ông Nghè thợ rèn vẫn còn đó, sát bến sông Hương, còn chuyện ông Nghè Nột tàn theo năm tháng, mơ hồ như chuyện ngày xưa Ngài Ngự vẫn ham đá banh lông với Tòa Khâm đệ nhất nhân trong sương mù thơ mộng trên núi rừng Dalat, coi thường phép tắc của Phủ Toàn Quyền! Mấy cậu Ấm thời 1945-47 cũng tản cư lên Nguyệt Biều, kẹt giữa hai lằn đạn Bảo Vệ với Việt Minh. Bến Đập qua ngả Long Hồ, bến Phủ, bến Cây Đa, bến Nậy nối liền Văn Thánh Xước Dũ trở thành những nơi tắm mát đời đời của một số thanh niên nhiệt huyết bởi viên đạn Việt Minh và Bảo Vệ bắn nát những con đò ba bến là Bảo Hoàng, Quốc Gia và Cọng Sản núp dưới danh từ thanh niên tiền phong, thiếu nhi cứu quốc! Sách vở đốt tại trường, vác súng lên đường kháng chiến. Thanh niên Nguyệt Biều khí khái, nhất xóm Thượng, nhì xóm Tây, thất thế cũng chẳng hàng, có khi bị ví cùng đường, ưỡn ngực khoanh tay chửi giặc (*).

Lại kể từ thời ông tám Truy nhà ở cuối xóm Vạn, cùng một số anh em trạc tuổi, ngày ngày cắp mo cơm, ôm cuốn vở với cây bút chì qua nhà quan phủ Tuy An cạnh am Ông để học tiếng Tây làm toán cọng. Về sau, làm ăn khá giả xây nhà ngói xênh xang. Con ông tám Truy là chị Thái dạy trường tiểu học Nguyệt Biều. Ngôi trường làng đầu tiên ba gian ba lớp, xây theo lối tây nền đúc thật cao, vách vôi ngói đỏ tọa lạc tại ngả ba xóm Tây, sát đường cái, trông qua mã ông Nghè, chênh chếch với hồ Lươn gần nhà cô Đốc Bạch. Thầy Bửu Điêu làm hiệu trưởng, hàng năm thêm lớp, cất thêm một dãy nhà tranh. Học trò lớn nhỏ không đều, nhiều anh học trò lớn nậy sắp có vợ nhưng vẫn theo học. Có anh học trò tên Hoàng Trọng Điểu hoạt động ngầm, phòng nhì Pháp ngoài Lò vô bắt mấy lần không trúng bèn khiến Tây đen gạch mặt nổi lửa đốt trường. Trường học dời ra đình làng, một thầy ba lớp học chung. Cô Thái đổi về trường Đồng Khánh, cô Dụ lên thay. Cô Dụ nước da đen dòn, người mô thiệt thiểm. Đi học trể một tí, bắt ra đứng ngoài mưa, về sưng phổi chết. Phụ huynh đi kiện, cô chỉ bị đổi vô Nam, thầy Thân Trọng Tề tức là thầy Năm Tề ra thế. Nhân trụ sở công đoàn nhà máy vôi Long Thọ trên dốc Hổ Quyền để trống, làng mượn được làm trường tiểu học, cũng như xã mượn được văn phòng nhà máy vôi trước đồi Long Thọ qua khỏi bến đò làm trụ sở xã Thủy Biều kiêm lãnh hai làng Nguyệt Biều và Lương Quán. Trường có đủ năm lớp, trên là thầy Miên làm hiệu trưởng, xuống dưới là thầy Phan, thầy Thiện, thầy Tề, thầy Thiệu. Thầy Tề nghiêm nhất, trong khi các thầy khác thật hiền. Có ông thầy Viên, học trò sợ như sợ cọp,chẳng thà xin mạ cho ở nhà đi giữ trâu còn hơn phải học với thầy Viên vì thầy chuyên môn tát tai học trò vô cớ. Thầy Viên chỉ về ít lâu thì đổi. Sau có cô Thu Vân thiệt dễ thương dưới Nam Giao cùng với cô Công Tằng Tôn Nữ thị Quỳnh Hoa đài các ở Đập Đá lên dạy ít lâu.

Nhờ ơn Ngô Tổng Thống, làng Nguyệt Biều có thêm trường tiểu học tư thục Trung Hòa, tục gọi là trường Dòng, một thời danh tiếng vì có học trò ngoài, học trò trong và dạy cả Pháp văn. Toàn thể trường sở do Mẹ bề trên là Bà nhì Tin trông coi. Hiệu trưởng là chị (soeur) Ngô Thị Mai Lý. Chị Thuận, Chị Hiệp, Chị Ái khi nào cũng có sẵn bánh tét nhưn mây đau quấn đít dành cho tụi học

trò tinh nghịch. Phần chị Y thì khỏi nói. Chị luôn luôn có cây roi mới vì hở ra là tụi học trò giết ngay con rắn độc lu xi phe tội lỗi vừa ra khỏi tay chị. Sau khi tan học, đến giờ làm thuốc thì phải biết. Cây kéo kẹp bông gòn của chị Y trở thành lưỡi kiếm của vua Louis trong tay chàng dũng sĩ là chị Lu Y đối với kẻ cứng đầu cứng cổ! Chị Y có biệt danh là chị Lu Y nghe như tên thánh! Thành phần nhà bếp là các anh Đệ, anh Thiêng, anh Xuân thỉnh thoảng mất công lột da làm thịt thỏ, xong nấu dọn đầy bàn nhưng chẳng ai ăn vì ai cũng sợ mấy con thỏ cứ tự nhiên bị bịnh tàng hình chui khỏi chuồng, chạy ra vườn tìm mo (mort, chơi chữ) ở mấy gốc cau có mấy anh lớp nhì, lớp nhất làm chứng! Học trò trong phần nhiều từ Phú Cam, An Lăng hoặc Giếng Khe lên học. Cuối tuần, cha mẹ lên đón về, đậu xe chật một khúc đường. Trường lại mở thêm một sở nhà thương, trước hết là chị Y, đến chị Tánh chữa bệnh chích thuốc thông thường cho những người trong xã, ai cũng đều quý mến, nhớ ơn. Chị Y không hề ra khỏi dòng vô làng chữa bệnh. Người trong làng nếu muốn, đến với chị tại sở nhà thương vì trong làng đã có cô Ý vừa hành nghề y tá chích dạo, vừa kềm học trò trong những vụ hè. Cô Ý dời vô Đà Nẵng, Bà nhì Tin sang phục vụ bên Lào, Chị Y trở lại dòng Tê Rê Xa ở Phú Cam, các chị y tá sau này của trường Trung Hòa theo lời mời mới đạp xe vô làng chích thuốc. Sau cùng là một chị bị sa chước cám dỗ, trả áo nhà dòng theo đạo phu thê! Kim chích thịt: Thịt đau! Thịt chích thịt: Thương nhau rã rời! Ôi cái xã Thủy Biều phát mã đào hoa chi địa! Hơn mười mấy năm hoạt động, trường Trung Hòa từ nay đóng cửa.

Khi nhà máy vôi Long Thọ hoạt động trở lại, trụ sở xã và trường Nguyệt Biều dời vô chỗ mới, xây trên cuộc đất làng hai bên con đường cái đầu xóm Hạ, giáp mí xóm Trung và xóm Đông, nơi mà viên chức xã vẫn thường cho dựng cổng tam quan trong những ngày làng tế. Từ văn phòng xã, nhìn ra thấy cồn Kéc, cồn Căn và mấy đọt thông trên đồi Long Thọ. Đứng trong sân trường tiểu học Nguyệt Biều, nhìn băng qua đường là văn phòng Xã, tiếp rặng tre xanh, tới bên tê Thiên Mụ, tháp Phước Duyên bảy tầng cổ kính, phong sương.

Nửa buổi ban mai, hai mẹ con mụ Siêu, mụ Thương gánh thịt heo vô bán nhà quen, hay những nhà mới nhấn. Xếp chiếc đòn triêng ngồi trước cửa, con cắt thịt, mạ đếm tiền hoặc liếc dao, mồi thuốc. Ve kêu đứng bóng, mụ Thia bán bánh bèo bánh nậm quảy gánh ra đường sẵn sàng cho người ta mua, nhất là các cô Phán, bà Tham, bà Đốc đang mân mê nặn bọt mấy quân tài bàn, ù ù phỗng phỗng đói lòng dùng bữa lưng bữa lỡ . Mụ Thia điếc đặc, kẻ mua ra đứng ngừa ngoài đường, chờ mụ Thia đi tới, đưa tay níu gióng xong thì thầm thì thào chỉ chỉ gật gật cung điệu ngon lành bánh lá chả tôm! Mấy mụ kẻ chài sau giờ trưa, cặp thuyền ngoài bãi Lương Quán, theo ngã xóm Vạn nách cá vô bán dọc theo con đường làng ra tới chợ Long Thọ, mùa nào cá nấy tươi thiệt là tươi. Con cá bống kho khô, con cá hanh nấu cháo. Lát cá trôi béo ngọt theo nước bạc tháng mười, mớ cá cấn cá bầu kho gừng những lúc trời mưa thúi đất. Kể hết cho luôn, mùa hè rực rỡ, mua trái dưa hường của bác Cửu do Chú con Chắc tui vừa hái ngoài "bại", xong "táy" con cá nục nấu một "đoại" canh ăn ngon toát mồ hôi. Hoặc mua một mớ mực tươi, xào với trái thơm rệu mấy lâu ni vẫn để dành ngoài vườn thì thiệt đúng như "danh dự" trái thơm, "dậy trời thấu đất". Hoặc mua chén khuyết Thuận An về nấu canh me đất ăn mát dạ mát lòng. Lá me đất mọc chui dưới bụi thơm bụi chuối, mọc nép bên hè, mọc mé lối đi. Lá ba miếng mong manh, giữa cọng có sợi gân trắng nên con trẻ vẫn thường tước ra chơi tròng kéo đá gà. Hoa màu hồng tím nhạt hình loa kèn ẻo lã. Người ta chỉ ăn lá chứ chẳng ăn bông. Vị chua, tính nhũn, canh nấu xong rồi mới nhận lá me vô trước khi duống xuống. Loại me đất nhỏ bé, âm thầm hơn cả loài cỏ dại, nhưng truy ra cho cùng lại thật lắm tên vì công dụng trị được chứng nóng nảy buồn phiền khát nước ho hen. Nôm na mang tên

Me Đất, sách thuốc ghi mười ba tên là Bì Hiền Thảo, Cô Nương Thái, Chức Tử, Đăng Lung Thảo, Hoàng Từ, Khổ Đam, Khổ Chức, Khổ Uy, Kim Đăng Lung Thảo, Lạc Thần Châu, Thiên Pháo Thảo, Toan Tương Thảo, và Vương Mẫu Châu. Cũng như con ve sầu, chủ trị phong độc, ngứa ngáy, nhức đầu chóng mặt, an thần, trẻ nít khóc đêm nhưng người dân Nguyệt Biều chẳng bao giờ để ý, bắt được xào ăn cho đã mà thôi, trong khi mấy ông thầy thuốc Bắc mầy mò ghi chép hiệu năng qua các tên Chu Giáp, Khô Thiền, Khúc Tề, Kim Ngưu Nhi, Phục Dục, Tề Nữ, Thiền Bì, Thiền Sác, Thiền Thoái, Thiền Thuế, Thiền Y, Trá Thiền, Trùng Thoái v.v. phơi khô hay vỏ ve ve lột nâu nâu màu cánh kiến nhẹ hều bám tràn đìa trên tàu chuối gốc cây, nhưng một khi đã lọt phải tay thầy thì vị chi cũng nên thuốc, cân đủ lượng giá đắt thấu trời xanh. Ấy vậy mà người mua lại vui mừng hớn hở, dạ vâng rối rít cám ơn thầy đã cho giá rẻ cứu đời!

Bến đò bãi cát, chuyển tới dời lui, đưa từ bên Văn Thánh đưa qua, khi thì cặp bến Cây Đa, khi thì bến Phủ, lúc lại ra ngoài "bại cát làng Quán" xa xôi. Bến Phủ biết rồi, ngay giữa đường phân chia am Ông và nhà quan Tri Phủ. Bến Cây Đa cũng tại góc vườn quan Phủ, xuôi một bợt sông. Cây đa cổ thụ trườn ra ngoài bến nước, triều về bên Văn Thánh uy linh. Tàng đa rộng mấy vầng, lăng miễu xây quanh, linh thiêng bến cũ. Miễu thờ ông Cụt ông Dài, đêm đêm hai ông biến thành cái phướng lụa điều từ ngọn cây đa kéo vắt đọt tre, ngày ngày im lìm trong miễu, có cho mới ngó chộ, ngắn dài xoắn như lọn tóc phò hộ kẻ lành. Nửa đêm ông dạo, làm rắn có mồng, gáy te te như gà giò đương độ, hay ù ù như xà lúp chuyển binh, xoe xoé lội qua Văn Thánh, chia phiên nhau đọc hàng chữ trên hai bia tả hữu trước đền: "Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế dụ: Cung Giám bất đắc liệt tấn thân" và "Hiến Tổ Chương Hoàng Đế dụ: Ngoại thích bất đắc thân chính". Thương ơi Ngài Tả Quân Lê Văn Duyệt, trung chính đại thần gặp phải nhà vua xét nét. Thương ơi Ngài Bố Chánh uy quyền trong triều ngoài quận, bao phen tiến cử Trương Đăng Quế, quên họ Trương dan díu mụ bán chè trên Khe Cử Sĩ núi Cư Chánh gặp thì chu dịch, nên mới có cánh tay áo trớ trêu diệu đế, trao qua đổi lại, bảo răng cắn lưỡi kinh quyền, chữ đế vương ứng nghiệm một đời nhậm đảng. Ơi ông Cụt, hỡi ông Dài! Lời kể lễ thoáng nghe qua tuy có vẻ lông bông rỗng tuếch, nhưng thiệt ra ý nghĩa thâm sâu, chữ dùng hiểm hóc riêng kỉnh hai ông để thỏa lòng quý mến. Cho dẫu sau nầy ai có thì giờ đọc lại, dù không hiểu rõ nhưng chắc có lẽ cũng cảm khái đôi phần vì lời văn rổn rảng nghe rất ư phụ chánh hy trinh kiêm nhiếp cơ mật hy thái trước thời Tự Đức! Năm Quý Tỵ 1953, có trận lụt năm ba, trôi nhà trôi cửa, trôi luôn cây đa cổ thụ nơi định cư của ông Cụt ông Dài. Hai ông mới dời qua cây ươi bên cạnh, linh khí giảm dần. Miếu thờ hai ông cũng được tái dựng dưới gốc cây ươi trong vườn ông Đốc Phước, sát bến cây Đa. Bến cây Đa liền bến Cây Phượng nhà ông Đốc Thân Trọng Phước một hàng. Đài bán nguyệt với hai bệ cấp uốn vòng đưa xuống bến sông xanh có bốn cây phượng vỹ nên thơ, nối tiếp hàng tre la ngà chập chùng đứt nối tới gò Long Thọ.

Giáp ranh Nguyệt Biều thuộc phạm vi làng Lương Quán cũng có am Ông và am Bà. Am Ông thờ con Rái Cá có tấm bia đá khắc ba chữ Lại Bái Châu dựng dưới triều vua Thiệu Trị. Trước mỗi am có một cái ao. Tuỳ từng cái ao trước miễu mà gọi tên là ao Ông hay ao Bà. Miễu ông Đôn ngoài đầu bãi cát chuyên môn lên đồng nhảy vọt. Trước hết có thể kể am ông ấm Bạo trong phường thờ ông Đặng Đức Siêu, xuống tới am mụ Trùm Đỉu xóm Tây, lần ra tới am cây Thị ngoài chợ Hổ Quyền đều thờ Thánh Mẫu, Cô Chín Thượng Ngàn, Quận Cửu, Quận Bát của đạo Thiên Tiên Thánh Giáo. Các am các miễu thường dọc theo bờ sông, riêng Miễu Cây Sen lại sát bờ hói, hướng qua làng Lương Quán. Miễu Cây Sen nghe nói thờ ông Cọp ba chân, ít khi đồng bóng. Giọng chầu văn của anh Lực

trong am mụ Trùm Đỉu nghe rậm rực dẻo dính thiệt "lền" hơn cả tiếng đờn nhị đi nhịp ba gấp rút. Lối múa bông của cô Siếu trông đài các như tiên nhìn thiệt "bưa" con mắt thêm giọng hò các mệ kể chuyện Phong Thần của cô Chín Thượng Ngàn lên chữa bệnh dù không "lèng" nhưng cũng vẫn đòi một cây hoa quả. Ông Đôn với vũ khúc "Cà xởn" thường lòi giọng kẻ chài kêu "ôn Cọt" trong hang ra hầu thăm Quận Thất, thành thử đang trong buổi lễ nghiêm trang làm người ta ai cũng phải bật cười "Ông Đôn giả đò!" tiếp câu ca dao "Bà lên Bà nhảy lom xom, Ông lên Ông nhảy trúc om nước chè!" Lại còn kháo nhau chờ dịp xin đề nghị với cô Chín Thượng Ngàn cho dời miễu ông Đôn ra ngoài "lò" cho khuất mắt! Nhờ giọng hát, anh Lực thường đi "hầu" để sống. Cô Siếu con quan, chỉ khi mô mệ ể mình thì mới ưa chơi giỏi cái trò nhảy vọt cho thông khí huyết. Ông Đôn nghiệp cả ...đò đưa cha truyền con nối, hết bến đò Văn Thánh Xước Dũ lại chuyển sang Văn Thánh Nguyệt Biều. Con ông là o Mứt, cậu Uông vẫn một chiếc đò ngang tháng ngày ôm mái chèo thong dong... cạy, bát sang sông. Riêng ông Đôn khi tuổi già bóng xế, lập miễu lên đồng vui khúc nhạc chầu văn, thiệt ít ai có được.

Gió đưa cành trúc la đà... Phải chơi thuyền trên sông Hương trong những lúc đầu hôm sớm mai trước bến Hà Khê mới hưởng tròn ý nghĩa. Cảnh vắng, trăng thanh, tiếng chuông Thiên Mụ vang ra tận Mỹ Chánh Hải Lăng, vọng vô tới Lăng Cô Đá Bạc. Gà Thọ Xương gáy sáng, trên Tuần trên Trẹm lanh lãnh xa đưa, dưới miệt Tiên Phước Thai Dương tiếng nghe thánh thót. An bình thịnh trị, giấc mộng ba sinh. Khúc Nam Bình chưa trọn, hồn người lính vẫn còn đứng lặng lẽ trước cửa phường xóm Vạn hay xin châm điếu thuốc dưới gốc cây hột mát gần chỗ am Ông, không bao giờ cho ai thấy mặt. Bụi tre la ngà biến thành cung đài tráng lệ, đêm cũng như ngày một mình lạc bước theo cái bánh in gói giấy bóng dầu nhụy nhân hòn đất sét, nên cứ bị ma dấu ma thu. Ông Cụt, ông Dài trăm năm huyền thoại.

Nếu như nhà địa lý thường cho địa thế gò Long Thọ là Ải Trời Trục Đất, ứng đối với gò Hà Khê bên tê sông có chùa mụ Nhà Trời và những hồi chuông khai quốc, thì ơi Nguyệt Biều cố lý, bên ni xứ Thọ Xương cẩm tú vẫn mãi còn vang vọng tiếng gà phục quốc Gia Long.

(*) Đúng ra là khi thuyền sắp ghé bến, bị lính Bảo Vệ phục kích trên bờ, hết lối chạy, bèn đứng thẳng trên thuyền, ưỡn ngực khoanh tay vừa chửi vừa khoe con giống gọi là "trẻ cặc" cho lính Bảo Vệ để thà bị bắn chết ngay còn hơn bị tù chịu đòn thù tra tấn trước sau rồi cũng chết.

(**) Chú giải của gs Đoàn Khoách.

Kể chuyện nay

Cây cầu Trường Tiền đã được sửa chữa và ghi bảng tên. Về cầu chỉnh trang theo lối mới, cắt bỏ khúc tránh nhau nơi nối nhịp cầu. Gắn nhiều loại đèn chiếu ánh sáng mạnh có màu rực rỡ.

Cầu Sông Hương bị lún, nứt vài chỗ nhưng vẫn còn nguyên.

Đường Huyền Trân Công Chúa đổi thành đường Bùi Thị Xuân, tráng nhựa ra tới bãi cát Lương Quán, dự tính mở rộng vòng lên tới đường lên đồi Vọng Cảnh.

Đình làng Nguyệt Biều có thêm chiếc lư hương đồ sộ. Cây bàng trước đình mất dấu, bù lại, cây nhỡn sau hông của đình cao lớn sum suê. Sân đình đã được lát gạch.

Cầu Long Thọ xây lại bằng xi măng có lan can sơn trắng và gắn bảng tên.

Miếu Chiêm Thành mất tích! Hỏi trong vùng không ai biết. Hai cái mã voi vẫn được thắp hương.

Hổ Quyền có chương trình tái thiết. Tre và cây dại được dọn sạch.

Trường Tiểu học Thủy Biều có bảng tên, cổng sơn xanh và tường xi măng quét vôi vàng.

Cây Thông Một bị cưa ngang không còn

dấu vết.

Rừng cây bị cắt sạch. Hàng năm nước lũ ùa về năm ba bận. Có năm lụt lớn, hư hại nặng nề.

Nhà ông Đốc Thân Trọng Phước trở thành trụ sở xã Thủy Biều.

Cái cửa phường của ông Đặng Đức Siêu trước kia xây bằng vôi, nay đã phá đi và xây lại, đắp rồng phụng trông đẹp hơn cửa Thượng Tứ.

Phần đông nhà nào cũng có điện và điện thoại.

Người đi làm công ngoài bãi cát, có đủ khả năng ăn trưa bằng bánh nậm, bánh bèo!

Nguyệt Biều và Lương Quán thuộc địa phận thành phố Huế. Đời sống phát triển mạnh. Giá trị địa ốc tăng nhanh. Bãi cát Lương Quán bồi lớn thêm.

Hai nhà thờ họ Hoàng Trọng và Phạm Văn đều có thêm cái lư thiệt lớn trước sân.

Tấm bia đá ghi ba chữ Long Thọ Cang trên đồi Long Thọ tàn phai theo ngày tháng.

Ấp Vạn Phước có am Ông cất bằng sắc thành hoàng sau đổi thành ấp Đông Phước.

Khai canh làng Nguyệt Biều được ghi thêm một vị nữa họ Hồ Xuân.

Thành hoàng làng Nguyệt Biều là Cao Cát (người Trung Hoa), thờ chung giống như bên An Ninh Thượng Hạ xã Hương Long và rất nhiều làng khác.

(Hầu hết những chữ viết trong bài này đều dùng theo tiếng Việt dạng La Tinh, không phải tiếng nước ngoài. Nếu có chỗ nào không hiểu, xin dùng cuốn từ điển Nguồn Gốc Tiếng Việt của Bác Sĩ Nguyễn Hy Vọng M.D. hay muốn dùng điện thư xin theo tinh thần Tôn Sư Trọng Đạo, liên lạc với Bác Sĩ Nguyễn Hy Vọng M.D. qua email nhv92782@hotmail.com)

◆ ***Thântrọng Tuấn***

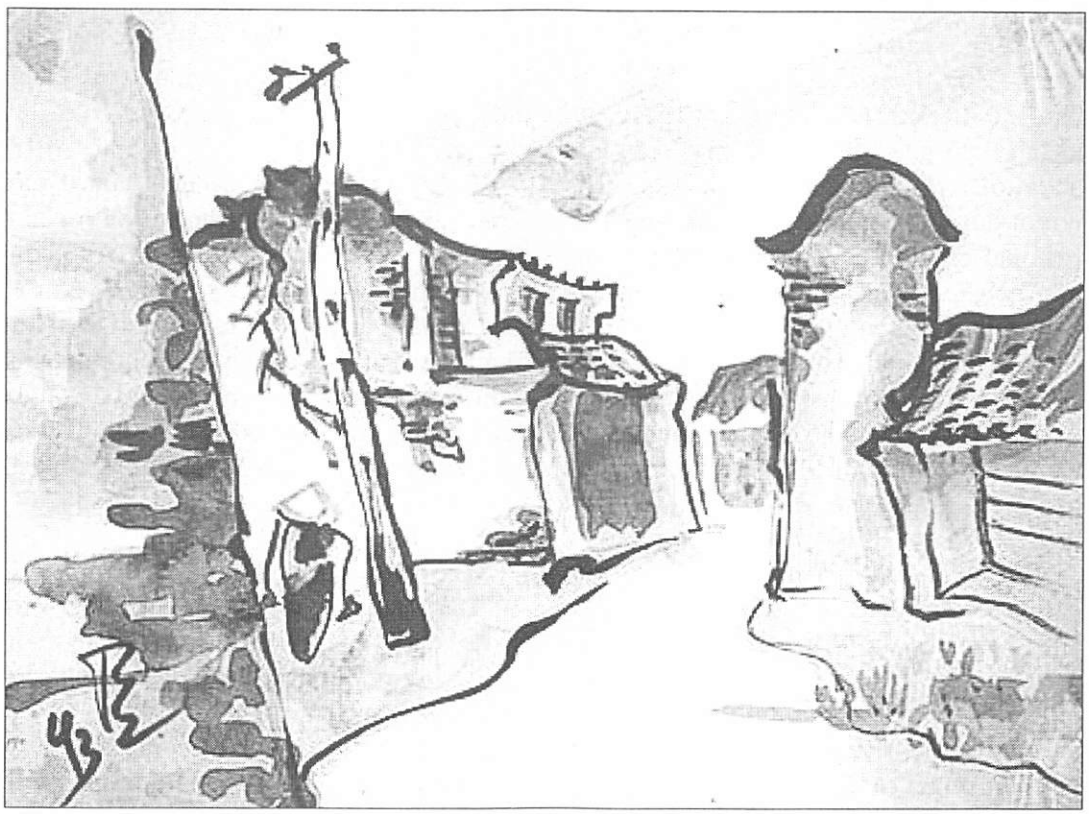

Con Ngựa Thượng Tứ

Nhã Ca

Bà Tham Trọng ngồi trên sập gụ, trên sập là cái mẹt tròn bày những cánh cà rốt, đu đủ tỉa những bông ngọc lan, bông trà, thược dược, ớt đỏ, ớt xanh. Bà nhìn ra ngoài trời, cơn mưa vẫn tầm tã. Năm nay đã ba trận lụt lớn trôi nhà trôi cửa rồi, có một cái Tết cho con dân Huế được thở tí xíu, ông Trời cũng làm ngơ sao?

Nhà ba gian hai chái, cột gỗ lim bóng lóang có treo hai bên hai câu liễn đối sơn son thiếp vàng. Của các cụ ngày trước để lại, bao đời rồi không biết, hai câu liễn đối vẫn uy nghi ngự trên hai cột gỗ dựng hai bên bàn thờ. Thì một nửa gian giữa dùng làm nơi thờ phụng tổ tiên, phía ngoài chắn một tủ trà cổ bằng gỗ quí và kê bộ đồ gỗ gồm có một bàn dài và sáu ghế chạm lọng, khảm xà cừ, cũng của các cụ xưa để lại. Bộ bàn ghế đó trước đây ông Tham Trọng mời khách, kéo ghế, đặt bộ trà mai hạc, một chén tống và bốn chén con nhỏ xíu, nghe nói từ đời ông Nguyễn Du đi sứ sang Tàu, cảm hai câu thơ mà ông đã dịch ra tiếng nôm: Nghêu ngao vui thú sơn hà, mai là bạn cũ hạc là người thân.

Bà Tham Trọng lắc đầu, ôn lại kỷ niệm cũ sao trong bụng buồn quá là buồn. Lật bật ông Tham đã bỏ lại bà mà đi trước cũng tới bốn năm rồi, cũng vào cuối năm, cũng những ngày mưa thúi đất thúi đai như bữa nay...

Bộ đồ trà mai hạc đã thiếu mất một chén con, vì trong buổi giỗ bốn chín ngày, khi rót trà, bà đã lỡ tay đánh bể hay ông Tham muốn đem đi theo một chén, không biết chừng. Phần còn lại, từ đó tới nay vẫn được cất trang trọng trong tủ cổ, chỉ ngày giỗ của ông Tham, bà mới lấy ra rót trà cúng rồi cất lại liền.

Mưa tới ngày nào mới tạnh đây. Những món bà đã tỉa dùng để ngâm nước mắm làm dưa món nếu không được phơi nắng cho héo mặt thì khi ngâm đã không dòn mà còn bị lầy, thúi. Bà Tham Trọng gọi:

"Chị Gái mô rồi....Gái, Gái..."

Chị ở, tuổi cũng ngũ tuần chớ không ít, lon xon đâu từ dưới bếp chạy lên:

"Bà kêu con?"

"Không kêu chị thì kêu ai, hí? Chị tên Gái chớ phải tên Trai mô mà còn hỏi."

Chị ở, biết tính bà Tham Trọng, cười hề hề:

"Dạ, con tra rồi, lú lẫn quá hỉ."

"Mi noái ai tra. Mi tra bằng tau khôn?"

Chị ở giật mình. Cứ càng nói càng sai, càng bị bắt bẻ. Đợi cho bà Tham Trọng nhíu mày, quắc mắt xong, chị mới tiếp:

"Dạ thưa, bà sai con chi?"

"Kêu mi là có việc mới kêu. Nì, đem cái sàng ni xuống, quạt lò lửa rồi hong cho khô khô bớt. Đợi từ mấy ngày ni, bữa mô cũng mưa, làm răng mà chờ cho được."

"Dạ."

"Đừng đứng đó mà dạ nhịp nữa. Đem xuống đi. Nhớ khơi than cho đều, ủ tro cho bớt nóng, chớ khôn, như năm ngoái, mi làm cháy hư hết trơn."

Chị Gái lại cười, đưa tay lên gãi đầu. Bà Tham Trọng lắc đầu. Bởi ngu rứa không đi ở thì làm chi đây? Hồi trẻ chị Gái đi ghính nước mướn, rồi vô ở nhà bà, tính cũng cả hai chục năm, không ít. Ở hai chục năm mà vẫn còn chưa biết ý chủ, còn noái không ngu?

"Thôi đi đi cho khuất mắt tau."

"Dạ đi, con đi, con đi.

Chị Gái vội vã đưa cả hai tay, cẩn thận cầm cái sàng tre dựng những hoa lá tỉa của bà Tham Trọng đi xuống bếp.

Bà Tham Trọng cũng xếp lưỡi con dao bằng thép mà bà rất ưng ý. Bà đặt thợ rèn làm riêng cách đây cả ba chục năm, chỉ dùng một việc là tỉa bông, vậy mà lưỡi dao

cũng mòn đi nhiều. Bà mở nắp cơi trầu để bỏ con dao xuống dưới. Cái cơi trầu bằng đồng, cũng của cụ ngoại hồi xưa để lại. Bà cẩn thận bổ cau, têm trầu. Giòng dõi vua quan, ăn trầu vôi phải pha mầu hồng, trầu phải têm cánh phụng. Răng cỏ của bà cũng thảm lắm rồi, hồi xưa còn con gái, nhuộm răng đen, nhớ lần nhuộm răng, xức rồi ngậm thứ thuốc đặc biệt, đau đớn, khó chịu, cả mười ngày không nhai được, khổ sở biết mấy. Nhưng bù lại, hàm răng của bà thời đó đen nhưng nhức, làm tăng giá trị nụ cười, không phải sao, hồi đó, ông Tham Trọng đã đỗ đạt gì đâu, mới là thư sinh, mà đã bị nụ cười răng đen của bà xô té cái bịch, nằm luôn với bà cho tới lúc nằm một mình dưới đất.

Hàm răng đã có cái lung lay rồi, không biết gìn giữ lại càng khổ thêm với nó. Bà bỏ trầu và cau vào cái xoáy để nghiền cho dập dập trước khi bỏ vô miệng, bà bỗng nhìn thấy một bóng người lướt vô sân rồi biến rất nhanh ở góc. Bà dụi mắt, có quáng mắt không chớ. Rõ ràng bà nhìn thấy mà, người chớ đâu phải là ma mà biến mau quá vậy?

"Gái. Gái."

Giọng từ dưới bếp vang lên:

"Dạ ạ..."

"Ai mới vô trong sân nhà mình, mi thấy khôn?"

"Dạ, có."

"Ai rứa?"

"Con chơ ai, mạ."

Bích Trâm ló cái mặt lên cho mạ nhìn thấy, rồi rụt lại liền. Bà Tham Trọng tằng hắng một tiếng, rồi kêu:

"Trâm, lên đây mạ biểu."

Bích Trâm chưa kịp thay quần áo. Cô vừa lội nước mưa về, hai ống quần xắn cao, áo xốc sếch, tóc tai thấm nước mưa dính bệt. Vừa bước lên nhà, Trâm đã thấy mạ rút cây roi treo nơi cột, sau bức liễn đối ra.

"Nằm xuống."

"Mạ ơi, mạ ơi, cho con thay quần áo, con mới đi mưa về."

"Không thay chi hết, nằm xuống. Mả cha mi, tau đã noái ở nhà, mi không nghe. Tết nhứt tới nơi, con gái con dứa chi mà vô hậu tế đợi rứa."

Bích Trâm đành phải nằm dài trên tấm sập gụ. Bà Tham Trọng nhịp nhịp cây roi trên cái đít nong nẩy của đứa con gái út.

"Trâm. Có phải mạ dặn con, bữa ni nghỉ học, ở nhà, phải rứa khôn?"

"Dạ phải."

"Dặn rồi răng khôn nghe, mi khôn coai mạ mi ra chi hết."

"Con."

"Tao biết mi như rứa, tao bóp mũi cho chết ngắt từ hồi mới đẻ đỏ hỏn, chớ nuôi thứ quả báo ni mần chi trời. Mi đi mô, há, đi mô?"

"Con đi mượn vở về làm bài. Con tới nhà con bạn ở ngoài Gia Hội, mạ không tin."

"Ngày mô cũng đi mượn bài, sáng đi, trưa đi, túi cũng đi. Mi hẹn thằng mô, noái, tau đập chết, đập chết."

Cái roi quất xuống, một, hai, rồi ba, bốn. Cái đít của Bích Trâm cong lên, đã quen đòn rồi, nhưng mỗi lần bị đập, Bích Trâm đều cảm thấy mạ mình có một kiểu đập roi làm cho mỗi lần đau đớn mỗi khác nhau. Bích Trâm kêu lên:

"Mạ ơi, con lạy mạ, hu hu, đau quá, hu hu...đau quá, đau quá."

Không rách thịt tét da, nhưng những lằn roi sẽ còn in vết lâu lắm, lúc đầu đỏ, rồi tím bầm. Cái đít của Bích Trâm, lằn roi cũ chưa lặn thì lằn roi mới đã in. Bà Tham Trọng ngứa con mắt quá rồi, đứa con gái, đánh lằn ngang lằn dọc, cái đít nó vẫn cong lên, hàng ngày vẫn xách đi."

"Đồ ngựa Thượng Tứ, chết đi, chết đi. Ngựa Thượng Tứ, con Thượng Tứ....Thượng tứ..."

Chiều tối hôm đó, cơm nước xong, chị Gái cầm lọ muối đi vô buồng Bích Trâm:

"Đau khôn?"

"Hỏi ngu rứa cũng hỏi."

Chị Gái không thấy buồn vì bị chửi. Chị tới bên giường.

"Cô nằm sấp xuống, tui xoa muối cho khỏi bầm."

Bích Trâm nằm sấp. Chị Gái kéo cái quần của Bích Trâm xuống rồi dơ cây đèn dầu lên soi, chị kêu:

"Khổ như ri thì thôi. Lần cũ chưa lặn, lần mới chu cha ơi, đau chết cha... Nì, có lằn rướm máu nì."

Chị Gái xát muối lên những lằn roi. Bích Trâm rướn người, cắn môi chịu đau. Chị Gái hỏi:

"Đau lắm khôn?"

"Không đau."

"Túi ni đừng đi nữa hí?"

"Không, cứ đi. Mạ chửi tui là con ngựa Thượng Tứ mà. Có phải mạ chửi tui là con đĩ... Ừa, tui đi mần đĩ, mần con ngựa Thượng Tứ luôn cho coi."

Chị Gái lắc đầu, dấu nụ cười. Bích Trâm vẫn nằm sấp, hỏi chị:

"Nì chị Gái, tui hỏi, chị có bị đập như tui khi mô chưa?"

"Tui?"

"Thì chị chơ ai. Tui hỏi chị đó."

"Tui, chiện tui cô nghe mần chi cho nhớp lỗ tai..."

Chị lặng lẽ bưng cây đèn dầu ra. Trước khi khép cửa, chị nói nhỏ:

"Tui để cửa sau, nhưng nhớ đợi bà ngủ rồi đi hí. Bà biết thì tui cũng..."

Cánh cửa khép lại. Chị lắc đầu. Biết sao được, đã làm con ngựa Thượng Tứ rồi, thì phải nhảy qua cổng thành mà đi.

*

"Mấy giờ rồi rứa anh?"

Người con trai đưa một tay lên soi soi, còn tay kia thì đang bận làm gối cho cô gái kê.

"Mười... mười một giờ hơn. Bữa nay em sang trễ quá đấy."

Bích Trâm muốn lăn người, nhưng cái đít đau ê ẩm, cô nằm nghiêng, nói nho nhỏ:

"Em sợ ôn nớ thấy quá. Liệu ôn có thấy khôn anh, thấy là ôn mét mạ em liền."

"Chắc không đâu. Ông già ngủ sớm lắm, vì sáng sớm ông dậy uống trà."

"Anh đã gài cửa chưa?"

"Sao bữa nay em lo gì vậy. Rồi. Yên tâm mà. Không ai biết đâu. Nhé, nhé, anh thương."

"Đau."

"Em sao vậy?"

"Cái đít em..."

"Em lại bị đòn?"

Bích Trâm thút thít.

"Dạ."

"Tội em quá. Anh thương em mà không biết làm sao. Anh chỉ là một thanh niên nghèo trọ học. Anh làm khổ em..."

Bích Trâm đưa tay bịt miệng người thanh niên:

"Anh đừng nói rứa. Cũng tại vì em thương anh."

"Cho anh coi được không?"

"Coi cái chi."

"Coi cái đít em ra sao. Đi, cho anh coi."

Nằn nì mãi, Bích Trâm mới chịu cho người yêu coi cái đít lằn roi ngang lằn roi dọc của mình. Anh chàng cầm cây đèn lên soi, kêu xót xa:

"Úi trời ơi, tội em quá, em ơi, em ơi."

Bích Trâm kéo quần lên, lặng lẽ khóc. Bên ngoài, càng khuya mưa càng mau, càng xối xả. Hai người vẫn nằm ôm nhau, ấm lắm. Bích Trâm nức nở:

"Mạ không khi mô chịu tin em."

"Tin chi?"

"Tin là chưa khi mô anh làm chi em, chưa khi mô em làm chuyện bậy bạ..."

Anh chàng vuốt tóc người yêu:

"Chuyện đó, khi thương yêu nhau đâu phải bậy bạ. Nhưng anh thương em, nể em. Người Huế khó lắm, anh gìn giữ cho em."

Bích Trâm ôm riết người yêu, hôn tới tấp lên mặt chàng:

"Bữa nay, em khôn thèm giữ nữa, em cho anh, cho anh rồi ra răng thì răng. Em hận mạ em, em hận tất cả."

Cái đít Bích Trâm cong lên, những lằn roi đau đớn bỗng nhức nhối thêm, dục dã thêm. Họ quấn lấy nhau. Nhưng rồi, tay anh chàng đụng những lằn roi và Bích Trâm rên nho nhỏ:

"Em đau. Em đau. Em đau."

"Thôi, thôi, anh xin lỗi."

Chàng thanh niên sắp chịu thua, nhưng tiếng kêu của Bích Trâm làm anh ta tỉnh lại.

Bích Trâm:

"Mai mốt học xong, anh bỏ em mà đi."

"Không bỏ."

"Rồi anh mần răng?"

"Anh thưa với ba mẹ xin cưới em. Nhà anh nghèo lắm."

"Em biết mà. Rứa nên chi anh trọ học mà phải đi dạy kèm kiếm thêm tiền. Em biết nên mới thương anh. Chớ mạ em..."

"Mạ biết?"

"Chưa, nhưng rồi sẽ biết thôi, tại vì em "ăn quen nhịn không quen rồi, em ghiền hơi của anh."

"Bữa nay em đi đâu mà bị đòn?"

"Em đi tới bạn học bài thiệt. Mạ không khi mô tin em. Mạ sống như một bà già cổ hủ. Mạ đóng khung trong cái Huế của mạ, mạ không thèm hiểu cho ai."

Chàng thanh niên Bắc lặng thinh. Anh không nghĩ gì ngoài chuyện học cho đỗ đạt. Cha mẹ anh đã quá khổ cực từ khi di cư vào Nam, bỏ bao nhiêu nhà cửa, của cải lại. Anh còn các em đang trông chờ hy vọng ở anh. Ra Huế học, yêu một cô gái Huế. Anh yêu lắm, nhưng yêu chỉ là yêu, còn mộng tưởng thì đâu dám thêu dệt.

Nhà trọ của Linh gần nhà Bích Trâm. Một bữa, cả hai dong xe đạp về nhà, Bích Trâm bị trật sên xe đạp, Linh dừng lại giúp, từ đó quen nhau. Mùa hè vừa rồi, hẹn hò nhau đi chơi núi, đi uống nước dừa, dần dà thân hơn, hẹn ăn chè tối ở vườn bông, rồi tới nhà, nằm chung giường. Quen và yêu nhau gần một năm rồi, lửa gần rơm cũng suýt cháy mấy lần...

"Linh à, em yêu anh có chi không phải?"

"Trai gái lớn lên đều phải có tình yêu, Bích Trâm, em đâu làm gì nên tội chứ."

Bích Trâm bật khóc:

"Bữa nay mạ em chửi em. Bà nói em là con ngựa Thượng Tứ. Ở Huế mà bị chửi vậy coi như nhục, nhục lắm."

"Khuya rồi, em về đi. Mai mốt cái đít lành..."

"Nói chi mà dị òm..."

Bích Trâm ngoe nguẩy. Có tiếng ông già khi không ho sù sù, rồi tiếng chân lẹt đẹt. Ông già mở cửa sau ra vườn đi tiểu. Bích Trâm không dám hó hé, cô đứng nép mình trong góc phòng. Chờ một lúc lâu, tiếng chân ông già trở vào, rồi tiếng ho dứt, Linh mới cẩn thận mở cửa cho Bích Trâm ra phía vườn sau. Ở góc vườn, có cái lỗ chui một người lọt, sang một cái vườn, rồi tới cái vườn nữa là đến nhà. Bích Trâm hồi hộp lắm, nhà bên này có con chó siêng sủa lắm. Cũng may, lúc này mùa đông, chó được nhốt lại trong cũi, đem vô bếp. Bích Trâm yên ổn về tới nhà. Chị Gái đã chờ sẵn, mở then cửa sau, giúp Trâm vô phòng an toàn.

Bích Trâm về rồi, nhưng anh chàng thì đêm ngủ không yên, thắc mắc về bốn chữ "con ngựa Thượng Tứ". Sáng dậy sớm, thấy ông già ngồi uống trà, bèn lân la:

"Bác dậy sớm thế?"

"Tui bữa mô khôn dậy sớm, cậu. Già rồi, khó ngủ lắm. Đêm chợp mắt mấy tiếng rồi mở con mắt thao láo, cậu."

Linh nhìn lên bàn thờ, mấy tấm ảnh cũ, hai cái bình để hai bên, không cắm hoa. Nhưng mấy ly nước sáng nào cũng rót đầy. Linh làm thân:

"Có phải hình bác gái không, bác. Bác gái ngày xưa chắc đẹp..."

"Cũng tàm tạm thôi cậu. Bà ấy bỏ tui đi lâu rồi. Mấy đứa nhỏ lớn lên, lấy vợ lấy chồng cũng bỏ đi ở chỗ khác. Tụi nó xúi tui bán căn nhà ni, nó ọp ẹp lắm rồi, nhưng tui có chết cũng chết trong cái nhà ni, cậu nờ."

Chuyện qua chuyện về, thấy vui, Linh mới dám hỏi:

"Bác ơi, người ta hay chửi "con ngựa Thượng Tứ" là nghĩa làm sao, bác."

"Ui chui choa. Tiếng đó nặng lắm nghe. Người ta chửi mấy con đĩ ngựa, mấy đứa con gái hư. Người ta chửi "đồ ngựa thượng tứ" là con nớ hết xài rồi, đồ gái thúi rồi."

"Nhưng mình ở đường này không phải cửa chánh Tây là cửa Thượng Tứ sao."

"Thì đúng rồi, cậu. Mà chuyện chi rứa?"

"Dạ không. Nghe người ta nói nên cháu mới hỏi bác. Bác chắc lớn lên ở đây?"

"Tui, ngũ đại cậu ơi. Bởi rứa, cậu thấy cái nhà ni chẳng ra nhà nữa. Người ta noái không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời. Đến đời ông già tui với tui là mạt rệp luôn."

"Hay quá. Cháu muốn biết sự tích con đường này."

"Cậu muốn biết thì tui kể cho mà nghe

nì. Cửa Thượng Tứ là tên chính của cửa Chánh Tây, người mình gọi là Thượng Tứ, tại vì ở cửa thành ni có có trại huấn luyện ngựa, có rứa thôi. Cửa ni là nơi nuôi ngựa của vua, nên toàn ngựa giỏi. Ông già tui thời trước cũng là một viên chức dạy ngựa, ông già tui kể Tứ là tên con ngựa chạy giỏi, cũng như tên ngựa câu, ngựa kỳ... Ui chu choa, năm ni là năm ngựa phải không cậu."

"Dạ phải."

"Con ngựa tứ là con ngựa chạy giỏi. Trại ngựa này phải huấn luyện cho vua những con ngựa tứ chạy đã nhanh mà phải sải đều bốn vó. Con ngựa phải đẹp, lông mượt, chân dài, mắt tinh khôn..."

"Ngựa tứ là ngựa đẹp, chạy giỏi, vậy tại sao nhiều cô con gái bị rủa là ngựa Thượng Tứ."

"Cũng không chỉ rứa mô, cậu nờ. Người ta còn noái hồi trước có Mã binh, viện lo về ngựa. Ngựa thao diễn chạy từ cửa Thượng Tứ tới Gia Hội, từng đoàn rực rực, lồng lộn, ý nói mấy con tinh ranh lồng lộn tìm đực như ngựa cái đó cậu ơi."

Ông già cười cười, thì thầm với cậu trai:

"Thì đó, ngựa tứ là ngựa giỏi, cậu cứ thử một con "ngựa tứ" rồi biết. Đã thử chưa?"

Anh chàng thật thà:

"Dạ chưa."

"Con trai chi mà dở ẹc."

Buổi chiều, Linh đón Bích Trâm trước cổng trường. Trời tạnh mưa từ lúc trưa, nhưng mây vần vũ, âm u, bóng tối sụp xuống nhanh lắm, nhưng bao cặp mắt đã nhìn thấy rõ ràng rồi.

Chuyện con Bích Trâm lớp đệ ngũ B, có trai chờ trước cổng trường, đã là một tin động trời nẻ đất. Còn nữa, gan dạ quá rồi, hai đứa đạp xe đạp song song với nhau. Đi đâu? Còn đi đâu nữa, lên núi Ngự Bình, tới Đồi Vọng Cảnh, vô mấy chùa xa, lăng tẩm, bụi rậm, chán chi chỗ kín đáo không ai thấy chớ. Thiệt là " con ngựa thượng tứ".

Con gái Huế chi mà voi dày ngựa xé rứa hè! Dám hẹn hò công khai trước mắt trước mũi người ta thì còn coi ai ra gì nữa. Mấy cô tuổi chị thì hậm hực, háy nguýt, mấy cô tuổi em thì có trề môi, nhổ nước miếng, nhưng con mắt thì long lanh khó tả.

Những ngày cuối năm của Linh và Bích Trâm êm đềm, thơ mộng quá. Ở Huế đâu cũng có cảnh đẹp. Có lúc đôi bạn dựa xe đạp vào nhau, mặc áo mưa đứng trên bờ nhìn mưa rơi trên giòng sông Hương. Có lúc đứng trên cầu Bạch Hổ nhìn xuống giòng nước chảy. Cũng có khi, đạp xe dọc một bờ sông, đôi bạn xuống bến, ngồi nắm tay nhau tâm sự. Mưa gió như vậy mà cả hai cùng trốn học, đạp xe đạp lên tận lăng Khải Định, leo không biết bao nhiêu bậc cấp để chui ngồi dưới một con ngựa đá hay vuốt râu một ông quan đá bao nhiêu năm tháng rồi giãi gió dầm mưa. Mùa đông, lạnh giá, lại thêm vào những ngày cuối năm, đôi bạn tới đâu cũng đều vắng hiu vắng ngắt, chỉ có trời mây, cây cỏ nghiêng ngả, tiêu điều với mưa gió. Bích Trâm hỏi người yêu:

"Khi mô học xong, anh có cho người đi "noái" em không?"

"Cái gì, cái gì là "đi noái", anh không hiểu."

"Đi noái là...dị quá, em không noái nữa mô..."

Cuối cùng Linh cũng hiểu.

"Nhà anh nghèo lắm. Lúc di cư vô Nam, đã bỏ lại hết, gia đình em khó như vậy..."

"Em không sợ. Mặc kệ..."

"Tội nghiệp em, vì anh mà chịu roi chịu vọt. Bích Trâm."

Đâu chỉ có roi vọt. Một đồn mười, mười đồn trăm. Chỉ mấy ngày Bích Trâm đã hứng thêm không biết nhiêu tăm tiếng. Con trai Huế cay cú, con gái Huế ganh tị. Gặp Bích Trâm, đã có tiếng xì xào:

"Con ngựa Thượng Tứ đó tề."

Còn cất tiếng kêu:

"Ê, con ngựa Thượng Tứ."

"Vác cái ba lô ngược chưa rứa, để người ta đánh trống thổi kèn."

Vài chàng trai đạp xe đạp theo, nói bâng quơ, nhưng cốt ý cho Trâm và Linh nghe.

Bọn cao bồi chọc phá thì ăn nói quá trớn hơn:

"Ọ è, cái bụng thè lè, con ngựa cái bị đá, văng lên tới bầu ghè...khóc be he...be

he..."

Bạn bè bắt đầu xa lánh Bích Trâm. Mấy người anh của bạn học, trước thương Bích Trâm, lúc nào cũng ân cần săn sóc, nay thấy là ngó lơ. Kể cả Phước Hồng, con bạn thân nhất, ra chơi hai đứa thường cầm tay nhau, chạy ù xuống quán mụ Cai ăn quà vặt, khi thì chè, khi me chua, kẹo vừng. Bữa nay, ra chơi vội vã đi chỗ khác, ngó lơ:

"Phước Hồng."

Bích Trâm tới tận mặt. Phước Hồng lơ đễnh ngó lên mấy đọt cây xanh.

"Chi rứa. Chi kêu tui...."

"Phước Hồng."

Bích Trâm muốn bật khóc. Mặt bạn vẫn lạnh tanh:

"Chi, kêu tui chi rứa."

Phước Hồng cầm tay một bạn khác, tươi tỉnh:

"Đi, hai đứa mình xuống mụ Cai ăn chè hí."

Bích Trâm như bị tạt một gáo nước lạnh vô mặt.

"Cái mặt khôn biết ốt dột chi hết , dị òm , dễ sợ rứa thê."

"Ngựa."

"Mà ngựa cái."

"Ngựa Thượng Tứ mới đúng."

Hai cô bạn cùng lớp đi ngang mặt Bích Trâm, nói. Không cốt cho Bích Trâm nghe thì còn ai nghe nữa.

Không nghe, không sợ. Bích Trâm gạt ra ngoài tai. Nhưng bà Tham Trọng không gạt ra ngoài tai được. Lời đồn đãi mỗi lúc một ồn ào, độc địa. Bỏ cả việc lo ba ngày Tết, bà nhất quyết dạy cho được đứa con hư.

Bà dạy cũng không được. Càng bị la rầy, đánh đập, Bích Trâm càng lì đòn, càng trốn nhà đi chơi nhiều hơn. Đêm chỉ có chị Gái săn sóc, thoa dầu, bóp muối cho Bích Trâm, chị Gái thấy Bích Trâm nhịn đau giỏi quá. Một bữa, Bích Trâm hỏi:

"Hỏi thiệt chị nghe, trong đời chị, có khi mô chị bị đòn nứt đít như tui chưa?"

Chị Gái cũng có một kỷ niệm trong đời, chị tâm sự:

"Cũng có một lần."

"Một lần thôi há? Chị kể đi, kể đi...."

"Hồi đó tui đi ghính nước thuê, ghính từ sáng tới trời tối mịt lận kìa. Có một nhà nớ, tui ghính nước tới đổ vô bể buổi tối. Nhà đó có một cậu học sinh, cậu tốt lắm, hay giúp phụ tui khiêng thùng nước đổ vô bể..."

Bích Trâm lắng nghe. Chị Gái kể chuyện cũng có đầu có đuôi lắm. Chị kể có một bữa nhằm vào mùa nóng, giếng nước khô mà người thả gàu lấy nước đứng đầy miệng giếng. Chị phải ghính thuê đầy một bể nước, nên tới tối mịt mà chưa xong. Tới ghính nước cuối cùng thì qua mười hai giờ đêm rồi, vì quá mệt nên khi bưng thùng nước lên, chị trượt tay, thùng nước đổ lênh láng ướt cả người chị, quần áo dính khít rịt vô da. Đúng lúc đó cậu học sinh xuất hiện, rồi sau đó, hai người đưa nhau ra vườn sau. Chuyện không dấu lâu, chủ biết được, chị bị một trận đòn thừa sống thiếu chết, rồi đuổi luôn, không thuê ghính nước nữa.

"Cô bị đánh là bà còn nương tay, chớ tui, người ta đánh như đánh kẻ thù. Cô biết không, cái đít tui thịt rách từng lằn, máu chảy dầm dìa, ba tháng sau chưa lành. Tui nằm liệt giường liệt chiếu, tưởng chết luôn."

"Rồi chị sợ."

"Tui..."

Chị không trả lời hết câu. Cũng hiểu thôi, anh chàng kia chỉ lợi dụng một người con gái nghèo khổ, dại dột. Chơ thật sự thương đậm thương đà thì mấy núi cũng trèo, mấy sông cũng lội, mấy đèo mà không qua.

"Nì, cô."

"Chi?"

"Ở ngoài người ta đồn dữ lắm. Người ta nói thiệt từ trước tới chừ chưa có khi mô con gái Huế mà hoang như cô?"

"Hoang răng. Tau làm chi mà hoang?"

"Hoang răng thì cô biết chơ tui biết chi mô."

Chị rụt rè:

"Người ta nói cô là... ngựa thượng tứ. Con gái mà bị nóai chữ đó nặng lắm cô nờ."

Cắn răng chịu đau, Bích Trâm cười gằn ngạo mạn. Con ngựa Thượng Tứ là ngựa hay, chạy giỏi, ngựa của vua cưỡi. Dễ dầu

gì được làm ngựa Thượng Tứ chớ.

Bích Trâm không buồn nữa, mà ngầm thích cái tên người ta nguyền rủa cô.

Ba ngày Tết, Bích Trâm vẫn lén đi hẹn hò với Linh như thường. Cũng may, đầu năm bà Tham kiêng, không đè con xuống đánh cho hả giận. Bà chỉ rủa:

"Thứ con gái như mi cho voi dày ngựa xé mới vừa. Qua ba ngày Tết rồi biết tay tao, không trị được mày, tao thà chết đi cho rảnh mắt..."

Mùng bốn, hai người đạp xe lên Kim Long, đi lễ chùa Thiên Mụ, hái lộc tặng cho nhau. Sao thấy Linh có vẻ không linh hoạt vui vẻ như mọi bữa khác. Đến tối mịt rồi mà hai người vẫn còn dựng xe đạp, đứng trên cầu Bạch Hổ nhìn xuống dòng sông đang xẫm màu.

"Trâm"

"Dạ."

"Em dễ thương quá. Anh không bao giờ quên được những ngày như thế này..."

"Em cũng vậy. Nếu phải xa anh, em thà ngay bây giờ, nhảy xuống dưới đó cho xong."

Bích Trâm đăm đăm nhìn mặt nước sông. Không có cả một con đò, mặt sông lóng lóng một nền xám xịt sắp bị màn đen hòa lẫn.

"Em nhảy xuống, anh nhảy theo liền."

"Vậy...một, hai, ba, cùng nhãy nhé..."

Linh cầm tay người yêu. Không ai nhảy hết mà cả hai tựa người vào nhau. Rồi Linh cúi xuống, trong bóng chiều nhòe nhoẹt, trên mặt nước, dưới bầu trời mênh mông, Linh cúi xuống, hôn rất lâu lên môi, lên mắt người yêu.

"Bích Trâm, dù mai sau này ra sao, em phải nhớ lòng là anh yêu em lắm."

Bao nhiêu ngày, bị đánh đập tả tơi, bị cả thành phố nhiếc móc, chê cười, Bích Trâm chỉ mới đổi được những chiếc hôn dấm đuối đó.

"Con ngựa Thượng Tứ của lòng anh..."

Bích Trâm vừa vui thích, vừa cười thầm cái câu rất kim sanh mà rất thường của bất cứ cuộc tình nào khác.

"Em thích làm con ngựa Thượng Tứ."

"Phải. Ngựa thượng tứ là ngựa hay, ngựa chỉ để dành cho nhà vua."

"Nì, anh. Anh chính là ông vua của em."

"Chuyện đó về sau, còn bây giờ, thì cưỡi xe đạp đi về."

Vẫn chỉ là hai chiếc xe đạp song song. Ở những khoảng đường nào vắng, hai người dong xe, tay cầm tay. Vô thành phố thì họ thả tay ra, không phải vì sợ bị thiên hạ chửi, chửi cũng đã đầy tai rồi, nhưng vì xe cộ đông, phải cẩn thận hơn.

Hai người còn dựng xe lại, chia tay ở phía ngoài hàng rào nhà Bích Trâm.

"Em."

"Dạ."

"Anh có chuyện mà chưa nói được."

Bích Trâm lắc đầu:

"Em biết rồi, đừng noái, đừng noái."

"Bích Trâm, an...."

Bích Trâm cầm bàn tay Linh, cắn nhẹ vào ngón tay út của chàng:

"Biết rồi mà, anh noái, Bích Trâm, anh yêu em dị rứa thê. Ghét anh, không thương anh mô mà ham."

Bích Trâm lấy chân gạt cây chống, dẫn xe vô cửa thiệt lẹ:

"Mạ rình ở trong nớ kìa, đi mau lên..."

Bích Trâm sợ bà Tham Trọng bước ra bắt gặp. Đầu năm, Linh bị chửi một trận thì xui lắm. Năm nay là năm thi cử của chàng!

"Bích Trâm, em em..."

Nhưng Bích Trâm đã khuất dạng. Điều muốn nói, Linh đã không nói được.

*

Gần năm chục năm sau, câu chuyện về "con ngựa Thượng Tư" mới có dịp nhắc lại. Mùng bốn Tết, Bích Trâm đi với chồng tới dự một buổi họp Tân Niên của Hội Thân Hữu Huế ở một nhà hàng ở quận Cam. Mỗi bàn sắp cho mười chỗ, khi Bích Trâm tới thì chỗ đã đủ, chỉ còn một ghế trống bên cạnh. Người khách đến trễ rụt rè:

"Chỗ này còn trống, tôi ngồi được không?"

Cả nhà hàng đang ồn ào, râm ran giọng Huế, bỗng nhiên nghe một giọng Bắc thật lạc lõng, Bích Trâm nhìn lên. Người đàn ông cao, gầy, đang bỏ bớt chiếc áo khoác

ra, gật đầu chào.

"Còn có một chỗ. Ông đi một mình."

Cặp vợ chồng ngồi gần hỏi. Người đàn ông mỉm cười:

"Vâng. Một mình."

Nụ cười mỉm của người đàn ông, chao ôi, Bích Trâm cảm thấy như một luồng điện chạy ran trong người. Sao quen quá vậy? Người đàn ông đã ngồi xuống rồi, sát bên. Bích Trâm không tiện nhìn mặt ông ta nữa.

"Sao ông người Bắc mà lại đi dự hội Huế của tụi tui?"

Cặp vợ chồng ngồi kia khơi chuyện.

"Tôi. Từ ngày có hội Huế, năm nào tôi cũng đi dự. Tôi đi dự với kỷ niệm của tôi. Xin lỗi, chuyện riêng..."

Ông ta làm như đã lỡ lời. Nhưng những lời đó đã lọt hết vô tai Bích Trâm. Ông ta có ý muốn nói cho Bích Trâm nghe không? Sao tới già rồi mà cứ gặp chuyện là thất kinh hồn vía...tay chân gì cũng lóng ngóng hết trơn. Quay qua Bích Trâm, dường như mất ông ta có khựng lại.

"Tôi lấy nước cho chị. Xin phép ông anh..."

"Dạ, ông cứ tự nhiên."

"Xin lỗi, ở Huế chị ở khu vực nào?"

Bích Trâm cau mày:

"Dạ ông hỏi làm chi rứa?"

"Hồi mới di cư vào Nam, tôi có ra Huế học nên có chút tò mò vậy thôi."

"Tôi cũng xin tiếp cho ông anh nữa."

Ông ta với tay rót thêm rượu vào ly cho chồng Bích Trâm. Bích Trâm lùi người sát thành ghế, nghiêng cái đầu tránh né, nhưng cái hơi hướm như quen thuộc quá, mấy chục năm rồi, vẫn còn nhận ra. Không nghi ngờ gì nữa.

Đúng là Linh. Chàng trai Bắc di cư thủa nào. Bây giờ đã thay đổi nhiều, mái tóc tiêu muối vẫn còn bồng bềnh, lãng đãng. Đôi mắt tinh anh ngày nào giờ như đã xa xăm, bàng bạc vẻ gian dối bạc tình. Có nhận xét lầm lẫn không? Chắc không. Hơn bốn mươi năm trước, sau ngày ngày đầu xuân đó thì Bích Trâm không gặp Linh nữa. Sang thăm, phòng vắng lạnh tanh. Ông già nói trống lốc:

"Lên tàu hỏa vô Nam rồi."

Bích Trâm chết đứng. Nước mắt nuốt được nhưng nghẹn lời:

"Dạ khi mô?"

"Sáng ni. Đi sớm lắm. Thằng thiệt... túi qua mới nói với tui là sáng ni ra ga liền. Hỏi răng gấp rứa cũng không chịu nói chi hết trơn. Đi là đi."

"Dạ anh có để chi lại.

"Để chi. Tới một cái rương nhỏ, đi cũng cái rương nhỏ, có cứt khô chi mà để."

Một ngày, hai ngày, một tháng hai tháng, một năm, hai năm, chờ một lá thư cũng không có. Vậy đó, cho đến giờ này...

Chồng Bích Trâm vui vẻ bắt chuyện:

"Cám ơn. Cụng ly với ông đầu xuân. Trâm, em cũng cầm ly lên đi."

Hai người đàn ông đã cụng ly xong rồi mà Bích Trâm vẫn không nhấc bàn tay lên nổi. Có hận trong lòng, có vui gặp lại, có ngàn thắc mắc muốn hỏi. Nhưng thôi, nay đã ngồi bên chồng rồi, còn hỏi gì nữa.

"Nghe ông nói tiếng Bắc, nhưng chắc gia đình gốc Huế."

"Dạ không. Tôi chỉ có một hồng nhan tri kỷ người Huế thôi. Nhưng từ ngày có Hội Huế thành lập ở quận Cam này, năm nào tôi cũng phải đi để... để nghe lại tiếng Huế quen thuộc."

"Vậy chắc chị nhà người Huế?"

"Cũng không phải. Nhà tôi, xin lỗi, bà ghét đàn bà Huế lắm."

Chồng Bích Trâm cười, vô tư:

"Phải có lý do mới ghét. Chắc tại ông mê xứ Huế quá phải không?"

"Mê xứ Huế. Đúng ra là mê một cô Huế. Ông cũng biết đó, hồi xửa hồi xưa, nhà nghèo, đi dạy kèm lấy tiền đi học. Bất thình lình ông già bệnh, rồi chết. Tôi phải nuôi mẹ, nuôi một bầy em. Ở trường hợp ông thì ông phải làm sao?"

Chồng Bích Trâm dí dỏm:

"Kiếm một bà vợ giàu là giải quyết xong hết."

"Xin được bắt tay ông một cái. Ông đã nói ra được điều tôi không nói với ai được. Ông biết không, năm nay Nhâm Ngọ phải không? Lúc tôi bỏ Huế cũng đúng năm Ngọ, ngày cuối cùng tôi còn nhìn thấy Huế cũng là ngày mùng bốn như bữa nay..."

"Hồi ở Huế, ông ở đâu?"

"Tôi ở trong thành nội, cửa Chánh Tây. Chắc ông biết mà, cũng có tên là cửa Thượng Tứ nữa. Ở đó hồi trước có chuồng nuôi ngựa của vua để tuyển ngựa tứ."

"Tôi cũng có nghe chuyện đó. Ở Huế, con gái hư người ta hay chửi là ngựa thượng tứ. Mấy đứa bị chửi vậy là ế chồng luôn, không ai dám lấy."

"Nhưng tôi nghe giọng anh thì anh cũng không phải người Huế."

"Ông đóan giỏi thật. Tôi, hồi đó học trò trong Quảng ra thi..."

"Thấy cô gái Huế bỏ đi không đành phải thế không? Hiểu thôi. Vào hồi đó, cũng ngày mùng bốn năm con Ngọ, suýt chút nữa tôi đã giết chết một con ngựa."

"Ông nói chơi?"

"Không nói giỡn đâu. Tôi đã mê một con ngựa Thượng Tứ."

Cả bàn cười ồ. Mặt Bích Trâm tái đi, người đàn ông có vẻ nhận ra điều đó.

"Chuyện lãng mạn kể ra chắc ông không tin đâu. Nàng bị người ta gọi là ngựa Thượng tứ vì nàng đẹp, nàng dám yêu, dám bất chấp mọi chuyện. Hôm đó, hai đứa đứng trên cầu Bạch Hổ, nhắm không lấy nhau được, tôi đã tính xô nàng xuống rồi nhẩy xuống theo. Nhưng mình hèn lắm, làm không được. Ngày mai phải lên tàu vào Nam mà cũng không dám nói, vì nói sợ nàng nhẩy xuống mà mình thì không dám nhẩy theo."

Một bà trong bàn nói với:

"Đã là ngựa thượng tứ thì chỉ xô ông xuống sông rồi đi tìm ngựa đực thôi, đời nào ngu nhẩy xuống một mình...."

Đàn bà là vậy đó, với một người vắng mặt, không biết mà vẫn còn ghen ghét. Người đàn ông lắc đầu:

"Con ngựa của tôi khác, con ngựa thượng tứ này chỉ có vua mới xứng với nó. Mà lúc đó tôi chỉ là một anh học trò nghèo kiết xác, chưa đi thi, nên hai đứa tôi chỉ cưỡi xe đạp. Một con ngựa thượng tứ mà mấy ông bà biết không, quen mấy năm, lửa gần rơm không biết bao nhiêu lần... Vậy mà không bén."

Cả bàn lại cười. Bích Trâm cắn môi. Người đàn ông cũng cắn môi cùng một lúc. Cả hai đang cùng nghĩ, cùng nhớ một chuyện. Chu choa ơi. Tra rồi bà ơi, đừng ngựa nữa. Bích Trâm tự mắng mình.

"Ông nói chuyện vui quá. Mời ông thêm một ly." Ông chồng Bích Trâm có vẻ vui thích đặc biệt.

"Thôi đủ rồi anh. Không uống nữa." Bích Trâm thình lình bảo ông chồng.

"Há, răng không uống?"

"Tui nhức đầu, chóng mặt. Về cho rồi!"

"Còn lâu mà, ở lại coi văn nghệ cho vui."

"Tui không thấy vui."

Chồng Bích Trâm cười:

"Ông thấy đó, lúc này bà ấy lớn tuổi rồi, tính tình khó chịu, thay đổi bất ngờ lắm. Thôi anh ở lại uống tiếp, tôi phải đưa bà ấy về..."

Bích Trâm đứng dậy. Lí nhí chào mọi người, cũng phải chào người đàn ông đó thôi. Bích Trâm bắt gặp một ánh sáng rất lạ, nồng nàn, thương tiếc, ăn năn ở đôi mắt đã già nua.

Điều muốn nói trên Cầu Bạch Hổ, trên dòng sông của buổi chiều mênh mông mây xám Huế, phải chờ tới năm mươi năm sau Bích Trâm mới nghe.

Bích Trâm chậm chân lại, cầm tay chồng. Cầm thật chắc. Thương ông ấy quá, ông đã sống bên bà mấy chục năm qua mà không hề biết mình đã lấy nhầm một con ngựa Thượng Tứ.

◆*Nhã Ca*

NHỮNG LỄ NGHI QUAN TRỌNG VÀO MÙA XUÂN DƯỚI TRIỀU NGUYỄN:

Tế Nam Giao và Cày Ruộng Tịch Điền

GS Nguyễn Lý-Tưởng

Dưới chế độ phong kiến, vua thay Trời để cai trị muôn dân nên gọi là Thiên tử (con của Trời). Trên nguyên tắc, địa vị đó chỉ dành cho vua Trung Quốc là nước lớn trong thiên hạ, tất cả các nước nhỏ (chư hầu) đều phải thần phục Thiên tử. Dòng họ nào được Thiên tử thừa nhận và phong vương thì có quyền cha truyền con nối. Nếu có ai chống lại hay gặp trường hợp nước khác đem quân gây hấn thì Thiên tử sẽ can thiệp, hoặc các chư hầu cũng có thể nhân danh Thiên tử để đem quân đến giúp để tái lập tự cho quốc gia đó. Dân có bổn phận trung thành tuyệt đối với vua, về phần vua, thì chịu trách nhiệm với Trời. Vì thế, cứ ba năm một lần, vua đi đến một chỗ đất nằm về phía Nam của kinh thành gọi là Nam Giao để tế Trời...

Sách Kinh Dịch, một tác phẩm do Khổng Tử biên soạn cách nay vào khoảng hơn 2500 năm, trong đó thu nhặt những tư tưởng của người Trung Hoa về vũ trụ quan và nhân sinh quan, đã được phổ biến lâu đời trước Khổng Tử, có viết rằng: "Thiên sinh ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhân sinh ư Dần." Thiên (Trời), Địa (Đất) và Nhân (Người) là ba yếu tố chính của vũ trụ, gọi là Tam Tài. Trời sinh ra từ Tý (Tý là giờ khởi đầu của một ngày, cũng là năm khởi đầu của một Giáp (12 năm). Trời là khởi đầu của mọi sự, mọi loài, mọi vật. Trời ở đây không phải là bầu khí quyển bao bọc chung quanh quả đất mà là một ngôi vị, một Đấng thiêng liêng, Đấng Tạo Hóa, Đấng an bài mọi sự trong vũ trụ. Những câu trong sách Trung Dung như :"Thiên mệnh chi vị tính" (Tính là do Trời ban cho), "Đạo xuất ư Thiên" (Đạo từ Trời mà ra), "úy Thiên" (sợ Trời), "duy Thiên vi đại" (chỉ có Trời là lớn hơn cả), "Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu" (Lưới trời lồng lộng, thưa mà chẳng lọt),v.v...đều nói về một Đấng Tối Cao trong vũ trụ mà tô tiên chúng ta gọi là "Ông Trời". Ông Trời mà tổ tiên chúng ta luôn tôn thờ và đặt niềm tin vào Ngài, chính là Thượng Đế, Thiên Chúa hay Đức Chúa Trời mà người Thiên Chúa Giáo tôn thờ. Đó là niềm tin của cả dân tộc chúng ta, của tổ tiên chúng ta dưới thời vua chúa cho đến ngày hôm nay. Dù hình thức thờ phượng có khác nhau, nhưng niềm tin vẫn là có một Đấng Tối Cao, Đấng Tạo Hóa Duy Nhất, tạo dựng nên vũ trụ và muôn loài, muôn vật.

"Địa tịch ư Sửu" (Đất mở ra từ Sửu), nghĩa là Trời có trước, sau đó mới có Đất. Sửu là giờ thứ hai sau Tý.

"Nhân sinh ư Dần", sau khi có Trời, có Đất thì có Người. Con Người là do Trời và Đất mà ra. Trời che, Đất chở. Trời là Cha, Đất là Mẹ.

Trải qua gần một ngàn năm dưới chế độ cai trị của Trung Quốc, từ năm 938, Ngô Quyền thắng được quân Nam Hán đến đời Đinh Bộ Lĩnh, nhà Lương mới chính thức thừa nhận nền độc lập của nước ta và phong cho Đinh Bộ Lĩnh làm An Nam Quốc Vương. Dưới các triều Đinh, Lê, Lý, Trần, Hậu Lê và Nguyễn, các vua Việt Nam bên ngoài vẫn theo lệ triều cống, thừa nhận vua Trung Quốc là Thiên tử. Nhưng bên trong vẫn là vua của một quốc gia độc lập. Cứ ba năm một lần, vua nước ta vẫn tổ chức tế

Nam Giáo, tự xưng mình là Thiên tử đối

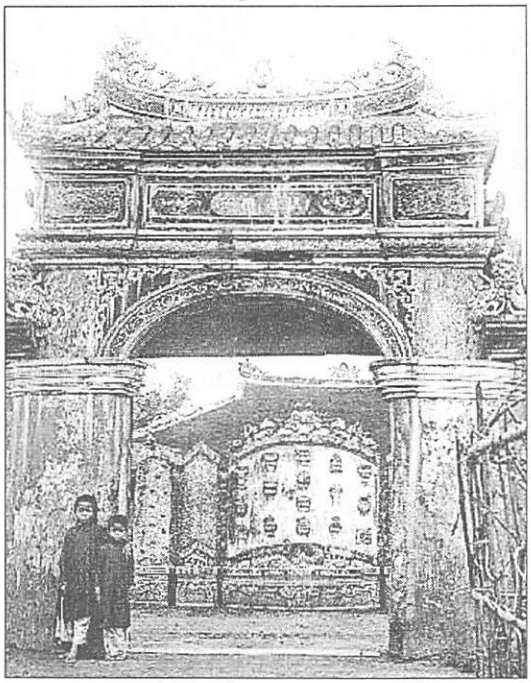

với con dân trong nước.

Năm 1806, vua Gia Long cho dựng Đàn Nam Giao ở về phía Nam kinh thành, thuộc địa phận xã Dương Xuân, hằng năm cứ đến tháng trọng Xuân (tháng 2 âm lịch) thì quan Khâm thiên giám và bộ Lễ gieo quẻ dịch, chọn ngày tốt để cử hành đại lễ.

"Quy chế của đàn chia làm ba tầng: tầng thứ nhất, đàn đắp hình tròn, có 5 án thờ: án chính giữ thờ Hiệu thiên Thượng đế và Hoàng địa kỳ; án phối hưởng thứ nhất, phía tả thờ Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế; án phía hữu thờ Thế Tổ Cao hoàng đế; án phối hưởng thứ hai phía tả thờ Thánh Tổ Nhân hoàng đế, án phía hữu thờ Hiến Tổ Chương hoàng đế. Đàn cao 6 thước 8 tấc, chu vi 30 trượng 3 thước 5 tấc, tô màu xanh, bốn mặt có thềm: ngọ giai (bậc phía nam) 15 bậc, đông, tây, bắc đều 9 bậc.

-Tầng thứ hai, đàn vuông, có 8 án tòng tự; phía tả,án thứ nhất thờ thần Đại Minh, án thứ nhì thờ các vì sao trong bầu trời, án thứ ba thờ thần Mây, thần Mưa, thần Gió, thần Sấm (sét), án thứ tư thờ thần Thái Tuế và thần Nguyệt Tướng; phía hữu án thứ nhất thờ thần Dạ Minh, án thứ nhì thờ thần Núi, thần Biển, thần Sông và thần Chằm (ao hồ), thần các núi Triệu Tường, Khải Vận, Hưng Nghiệp và Thiên Thụ đều tòng tự ở án này, án thứ ba thờ thần giữ lăng tẩm và phần mộ, án thứ tư thờ các thần kỳ trong nước. Đàn cao 2 thước 5 tấc, vuông 72 trượng, bốn mặt thềm đều 5 bậc.

-Tầng thứ ba, đàn cao một thước 9 tấc, vuông 130 trượng 7 thước, bốn mặt thềm đều 4 bậc. Góc đông nam là lò phần sài, góc tây bắc là huyệt ế mao huyết.

-Ba tầng đàn, xung quanh đều xây lan can, tầng thứ nhất tô màu xanh, tầng thứ hai tô màu vàng, tầng thứ ba tô màu đỏ.

-Khoảng đất vuông ngoài đàn đều trồng cây thông. Ngoài khoảng đất vuông xây tường bằng đá, chu vi 152 trượng 9 thước, bốn mặt đều mở ba cửa rộng. Phía đông bắc ngoài tường là thần khố (nhà kho), thần trù (nhà bếp), kho tế khí và nhà sát sinh; phía tây nam là trai cung, xung quanh xây tường gạch, mở hai cửa trước sau, trong tường và ngoài tường trồng nhiều cây thông." *(Trích "Đại Nam Nhất Thống Chí" do Quốc Sử Quán triều Nguyễn biên soạn, phần nói về Kinh sư, bản dịch của Viện Sử học Hà Nội trang 23 - 24, nxb Thuận Hóa 1997)*

Chú thích của NLT: (1) Hiệu thiên thượng đế (ông Trời); Hoàng địa kỳ (thần Đất); Thái Tổ Gia Dụ (Nguyễn Hoàng), Thế Tổ Cao (Gia Long), Thánh Tổ Nhân (Minh Mạng), Hiến Tổ Chương (Thiệu Trị), núi Triệu Tường (núi có lăng Nguyễn Kim), Khải Vận (núi có lăng Nguyễn Hoàng), Hưng Nghiệp (núi có lăng Nguyễn Phúc Luân, cha của Gia Long), Thiên Thụ (núi có lăng Gia Long)...Thần Đại Minh (mặt trời ban ngày), Thần Nguyệt Tướng (mặt trăng ban đêm), lò phần sài (lò thiêu con vật tế lễ), huyệt ế mao huyết (cái hố nhỏ để chôn lông và máu con vật tế lễ), trai cung (nhà dành cho vua ở lại một đêm để ăn chay, tĩnh tâm trước khi tế Nam Giao).

Tài liệu trên đây cho chúng ta biết sơ đồ tổ chức xây dựng của Đàn Nam Giao.

1. Đoàn rước xa giá vua đến Nam Giao:

Một tháng trước ngày Tế Nam Giao, vau sai bộ Lễ và Khâm thiên giám chọn ngày

tốt vào giữa tháng hai âm lịch, tiếp theo đó là một thông báo được niêm yết tại kinh thành cho toàn dân biết ngày giờ và thành phần các quan được chọn để tổ chức Lễ Tế Nam Giao. Sau khi mọi việc đã chuẩn bị xong, vào sáng sớm, vua đến điện Cần Chánh, ngồi trên ngai. Quan có nhiệm vụ bảo vệ kinh thành đến, quỳ trước ngai, lạy vua 5 lạy, nhận cờ lệnh do vua trao, lạy thêm 5 lạy nữa rồi rút lui. Quan tổng quản thị vệ mời vua bước lên kiệu, lính khiêng kiệu bắt đầu đi thì trên kỳ đài bắn 9 phát đại bác và chuông trống trên lầu Ngọ Môn nổi lên cho đến khi vua ra khỏi thành thì mới ngưng. Trên đường đi, nổi chiêng trống và cử nhạc vang rền. Quan văn từ cửu phẩm đến lục phẩm, quan võ từ cửu phẩm đến tứ phẩm, không tham gia đám rước thì đứng hai bên đường, nơi có đặt hương án, quỳ gối khi xe vua ngang qua.

Đoàn rước xa giá vua đi, gồm 3 đạo quân: Tiền Đạo, Trung Đạo và Hậu Đạo. Mỗi đạo quân đều có lính cầm cờ hiệu lệnh và cờ trang trí. Có những người lính gánh các bàn thờ đựng lễ vật để dâng cúng, người che lọng, tán, các trướng liễn, nhạc công, voi, ngựa...lính cầm gậy truyền lệnh, lính cầm cờ mao, cờ tiết, cờ ngũ hành, cờ nhị thập bát tú, cờ có hình thù các con vật...Viên tướng chỉ huy đi giữa hai viên Chánh quản, rồi đến lính khiêng trống lớn, phèng la, lính cầm cái loa bằng đồng...ngựa kéo xe chở Long Đình...Vua đi ở đoàn Trung đạo, có lính gánh bàn đặt các trang phục đại lễ của vua, có giường ngự để vua nằm, các đồ đạc vua dùng như kiếm vàng (kiếm lệnh), búa, gậy,v.v... Các quan văn võ và lính thị vệ đi bao quanh vua...Vua ngồi trên xe ngự giá có 4 lọng che, 20 lính hộ tống, quan Thái Giám, quan Tổng quản Thị vệ. Đi sau xe vua là các hoàng tử, quan phụ chánh, các đại thần hàng nhất phẩm. Đoàn Hậu đạo gồm 28 người lính cầm cờ do quan Đô Thống chỉ huy, có người gánh một hình người bằng đồng (đồng nhân) trên tay có cầm cái thẻ đề hai chữ "Trai Giới" theo phong tục để nhắc vua nhớ phải giữ chay tịnh, tĩnh tâm trước khi bước lên đàn tế. Các quan từ tứ phẩm trở xuống đi sau cùng với hai con voi được trang trí nịt da có khảm bạc và mặc áo màu sặc sỡ...

2. Các nghi lễ tại Đàn Nam Giao:

Khi xe của vua đến Trai cung. Các hoàng tử, hoàng thân và các đại thần văn võ đều quỳ ở hai bên cửa trước Trai cung để đón vua. Khi vua đến gần, chuông trống và nhạc nổi lên. Vua đi vào bên trong nhà Trai cung thì chuông trống và nhạc...mới im bặt. Trai cung là ngôi nhà vua sẽ ở lại suốt ngày và đêm, vua phải ăn chay, nằm ngủ trên một chiếc giường với mảnh chiếu đơn sơ để tĩnh tâm và suy nghĩ về những việc làm của mình, có điều gì sai lỗi đối với Trời hay không. Với niềm tin vào mệnh trời, tất cả những thiên tai, mất mùa, dịch bệnh hay loạn lạc xảy ra cho dân, cho nước...và cho cả bản thân nhà vua đều là "lời cảnh cáo" của ông Trời cho vua biết rằng vua đã không làm tròn trách nhiệm của một vị Thiên tử, thay Trời để cai trị muôn dân. Vua phải biết ăn năn hối lỗi và phải làm những điều tốt đẹp cho dân để đền bù tội lỗi của mình đã xúc phạm đến Trời, xúc phạm đến Cha của mình vì vua là con Trời (Thiên tử).

Bên trong Trai cung, có đặt một cái bàn dành riêng cho vua (gọi là châu án), trên đó có để một cái hộp đựng các tờ sớ. Vua dùng bút mực màu đỏ (châu: son) để viết tên của mình vào tờ sớ. Điều đó có ý nghĩa vua là vị chính tế và chỉ có vua (Thiên tử) mới có bổn phận tế lễ ông Trời (Tế Nam

Giao) vì vua là con Trời, là người chịu trách nhiệm đối với Trời.

Khoảng giờ Tý (từ 11 giờ đêm đến 1 giờ sáng) ngươi phụ trách về nghi lễ hướng dẫn vua đến cổng bên phải, phía Tây, vua quay mặt về hướng Nam. Người hướng dẫn mời vua ngồi. Thị vệ múc nước đổ vào thau và mời vua làm **lễ rửa tay**. Sau đó là **lễ thiêu trâu nghé**: vua đến trước bài vị các thần, chuông trống nổi lên, vua vái trước hương án. Con vật đã được giết chết trước, xẻ thịt và đặt lên trên bàn thờ để đốt. Sau khi thiêu con vật, người ta đốt lông và huyết rồi chôn ở một góc. Vua đến bàn thờ quỳ xuống làm **lễ dâng hương**: một người cầm lò hương và một người cầm bó hương quỳ hai bên vua, mời vua dâng hương. **Lễ xin các thần giáng xuống trên bàn thờ**: Người phụ trách nghi lễ xướng "Xin các thần hãy đến". "Nổi nhạc thái bình" Nhạc cử bài "Tân an thành chi chương" sau ba tiếng chuông là các loại nhạc cụ khác nổi lên. **Lễ dâng ngọc và lụa**: Ngọc và lụa là lễ vật quý "được dâng lên với tấm lòng thành để cầu cho đất nước được hạnh phúc, thịnh vượng và bình an". **Lễ dâng các vật tế và các món ăn**: Vua quỳ và chấp tay ngang trán...Bài ca với ý nghĩa " kính mong vong linh trời xanh, đất vàng, cùng hiện diện rực rỡ uy nghi trước mắt chúng tôi trong ngày phúc trạch này...Kính mong các ngài nhìn xuống chúng tôi và ban ơn hạnh phúc vô bờ bến!"

Đọc sớ: Vua và các quan đều quỳ xuống, vị quan đến bàn thờ lấy tờ sớ (gọi là tuyên chúc) quỳ xuống đọc sớ. Đọc xong rút lui ngay. Nhạc nổi lên trong khi vua bái trước bàn thờ. **Lễ phân hiến** (chia các thức ăn, lễ vật): Các quan đi từ Đông sang Tây đến trước 8 bàn thờ và dừng lại. Người phụ trách nghi lễ xướng lên "lễ phân hiến"...Nhạc cử lên. Các quan quỳ, vị quan dâng hiến đến cầm hộp đựng lụa, người bưng bình rượu và ly rượu, chia các lễ vật ra và đặt ở các bàn thờ. Sau đó là **Lễ dâng rượu lần thứ hai** (Á hiến), nhạc công tấu bài "Điềm lành" ... "chúng tôi tôn thờ các ngài, chúng tôi dâng lên các ngài lễ rượu lần thứ hai này, các ngài là đức độ sáng

thơm. Ngọc và lụa rất đẹp đẻ...Mong ngọn gió lành đến với chúng tôi! Cầu mong các vị thần thánh cao xa hiểu đến lòng thành của chúng tôi để ban ơn cho chúng tôi và con cháu đời sau càng ngày càng phát triển thịnh vượng!" Đoàn múa các điệu múa gậy và sáo. Hoàng thượng đến bái vị. Rồi **lễ dâng rượu lần thứ ba**, là lễ dâng cuối cùng, cử bài "Lễ tấu vĩnh thành chi chương" cầu cho được trường cửu....Sau đó, các quan chia các lễ vật gọi là **lễ tứ phúc tộ**. Hai vị quan mang rượu đến mời vua uống "kính tâu hoàng thượng ẩm phúc" (xin mời vua uống rượu phúc) và "kính tâu hoàng thượng thọ tộ" (xin mời vua nhận thịt). Vua nhận rồi trao lại cho vị quan đứng gần đó. Vua bái lễ. Một số các bài vị, sớ, vật dùng khi hành lễ được đem **đốt trong lò** ...Trong các lễ vật quý có hai viên ngọc xanh (bích ngọc) và ngọc vàng (hoàng ngọc) các quan đem bỏ vào hộp, đem về cất. Vua làm **lễ "tống thần"** tiễn đưa thần ra đi...Nhạc cử bài "tấu hi thành chi chương" (bài ca thịnh vượng)...Các quan đem lụa và các vật sử dụng trong buổi lễ đến lò đốt, vua đến chứng kiến.

Vua hồi cung: Sau khi các nghi lễ kết thúc, quân lính xếp thành đội ngũ như lúc ra đi. Vua từ trên đàn xuống và trở về Trai cung. Các quan dại thần văn võ, hàng ngũ chỉnh tề. Quan Thượng thư bộ Lễ và người thị vệ phụ trách kiệu vua đi đến mời vua chít khăn vàng, mặc hoàng bào rồi lên ngai. Các vị trong hoàng gia và các quan đứng chầu hai bên. Quan bộ Lễ tâu lên vua

lễ Tế Nam Giao đã kết thúc. Tất cả mọi người vào hàng, lạy năm lạy, rồi giải tán. Vua lên kiệu, lính hầu khiêng kiệu đi. Mọi người đứng hai bên cúi chào khi vua đi qua. Tất cả các nhạc khí cùng một lượt tấu lên.

Khi vua về đến kinh thành, quan giữ cửa thành đứng đợi trong cổng để đón vua. Chín phát súng lệnh nổ lên khi vua vào cửa Đại cung môn. Vua đi đến điện Cần Chánh. Lính thị vệ khiêng các bàn đặt thức ăn, rượu, thịt "phúc tộ" theo. Vua lên ngồi trên ngai vàng. Quan giữ thành đến trao trả lại cờ lệnh cho vua rồi rút lui. Vua đi vào bên trong nội thất cùng hoàng gia "thọ tộ" (chia phần thức ăn đã dâng cúng thần linh trong lễ Tế Nam Giao)....

(Phỏng theo tài liệu của R. Orband (nguyên Công sứ hành chánh tại Huế) và Léopold Cadière (Linh mục thuộc Hội Mission étrangère de Paris) đăng trên Bulletin des Amis du Vieux Huế, 1915)

3. Năm Mậu Tý (1828): Vua Minh Mạng đi tế Nam Giaophao qua sông Hương bị hỏng, các quan có trách nhiệm bị phạt...

Tháng Hai năm Mậu Tý (1828) cách nay đúng ba lục giáp:180 năm (1828-2008), vua Minh Mạng đi tế Nam Giao. Từ điện Thái Hòa, nơi vua ngự triều, qua cửa Ngọ Môn, bến Phu Văn Lâu, thẳng một đường đến Nam Giao. Thời đó, chưa có cầu qua sông Hương như bây giờ, nên vua ra lệnh cho Hữu Ty làm cầu phao bắc để rước xa giá vua qua sông. Các quan có trách nhiệm là Nguyễn Tài Năng (kỹ thuật), Phan Văn Thúy (kiểm tra) và Phạm Văn Lý (theo phò xa giá của vua) đã để cho tai nạn xảy ra, cầu bị nước tràn vào, các quan đều lo sợ ngả xuống sông. Nhưng vua Minh Mạng vẫn bình tĩnh, cho gọi thuyền rồng đi hộ giá trên sông đến để qua sông. Thấy vậy, các quan đại thần bèn lên tiếng buộc tội những người có trách nhiệm làm cầu...Nhưng vua Minh Mạng tỏ ra khoan hồng và chỉ xử phạt chứ không cho đưa ra trước một phiên họp của triều đình để luận tội...Các sử gia thuộc Quốc sử quán nhà Nguyễn đã ghi lại biến cố nầy như sau:

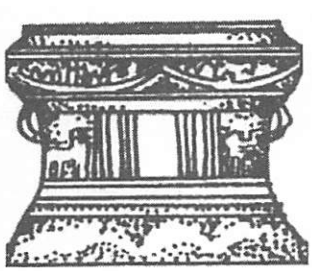

"Tháng hai, ngày Bính tuất, tế Trời Đất ở đàn Nam giao. Trước đây Hữu ty làm cầu phao để qua sông Hương, lại sai bày quân thí nghiệm. Đến trước tế Nam giao một ngày, xa giá đến Trai cung, đi qua cầu phao nước sông tràn lên, bầy tôi đi theo đều sợ. Vua không biến sắc mặt, sai đổi lấy thuyền rồng theo hầu để sang sông. Người chuyên coi làm cầu là Nguyễn Tài Năng, người thí nghiệm là Phan Văn Thúy cùng người phù giá là Phạm Văn Lý đều bị đình thần tham hặc. Nhà vua đặc mệnh giáng cấp khác nhau. Dụ rằng: "Việc nước tràn lên cầu, cũng là việc bất ngờ không tính trước được, tình còn khá thương, cho nên gia ơn khiến biết răn mà thôi. Nếu giao cho công nghị, thì cũng khó vì bọn ngươi mà bỏ phép nước được". (Đại Nam Thực Lục Chính Biên, đệ nhị kỷ, quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn, bản dịch của Viện Sử học Hà Nội, 1964, trang 18)

Xa giá của vua thẳng đến Nam Giao, các quan không có nhiệm vụ đi theo đám rước cùng với dân các làng thuộc tỉnh Thừa Thiên, đều lập bàn thờ, đặt hương án, đốt hương trầm, quỳ hai bên đường cung kính đón vua. Khi xe của vua đi qua thì mọi người vái lạy và không một ai được nhìn thẳng vào mặt vua. Khu vực gần đàn Nam Giao là nơi dùng làm nghĩa địa của dân vùng Huế và Thừa Thiên, nên dân chúng kéo nhau lên trên các gò mả xa xa để được nhìn thấy xa giá và đoàn rước. Vua Minh Mạng ngồi trên xe thấy cảnh tượng đó thì ra lệnh cho quan Tổng quản thị vệ truyền cho mọi người **không được dày xéo lên những mồ mả của dân**, vua xem đó là một sự xúc phạm đến người chết và làm hư

hỏng phần mộ của họ. Vua cho phép dân được đến gần, đứng hai bên đường xem đám rước.

NĂM MẬU TÝ (1828): VUA MINH MẠNG ĐI CÀY RUỘNG TỊCH ĐIỀN

Dưới thời vua Gia Long, không thấy sử sách đề cập đến việc vua đi cày ruộng tịch điền. (tịch: cày, điền: ruộng). Nhưng dưới triều Minh Mạng thì việc cày ruộng Tịch Điền để khuyến khích nông nghiệp ở trong nước là điều vua rất quan tâm.

Mùa Xuân năm Mậu Tý (1828) nhà vua vừa tổ chức Lễ Tế Nam Giao xong, vừa tốn kém tiền bạc, ngân sách quốc gia, vừa vất vả cho quan, lính và dân trong nước, đặc biệt là quan dân tỉnh Thừa Thiên...Nhưng vua Minh Mạng không quản ngại sự khó nhọc và tốn kém đó mà lại còn ban hành một chỉ dụ thứ hai về việc tổ chức Lễ Tịch Điền vào Tháng 5.

Vua cho rằng đời Trần đời Lê có tổ chức Lễ Tịch Điền nhưng cách tổ chức quá giản lược, chỉ làm lấy có chứ chưa hẳn là nhằm mục đích khuyến khích dân chăm sóc nghề nông, là nghề gốc của nước. Theo quan niệm xưa thời quân chủ, phong kiến thì "lấy nghề nông làm gốc" các nghề khác là phụ, hoặc trong khi công việc nhà nông rỗi rãi mới làm đến các nghề khác mà thôi! Vua là người học rộng, đọc nhiều sách vở xưa để lại nên nhận thấy các đời Trần đời Lê chưa tổ chức lễ tịch điền đúng như sách vở xưa của Tàu.

Vì thế, vào tháng 2 năm Mậu Tý (1828) vua đã ban hành lời Dụ về việc cày ruộng tịch điền như sau:

"Vua bảo bầy tôi rằng: "Đời xưa vua cày ruộng tịch điền, để lấy gạo làm xôi tế Giao Miếu, nhân thể để xét thời tiết làm ruộng khuyên giúp nông dân, thực là việc lớn trong vương chính. Cái điển ba đường cày, sách vở còn chứng. Nước ta đời Trần đời Lê gián hoặc có làm nghi điển ấy, nhưng phần nhiều giản lược. Trẫm từ thân chính đến nay, chăm nghĩ đến dân, thường lấy việc dạy dân chăm nghề gốc làm gấp. Hiện nay triều đình nhàn rỗi, giảng tìm phép xưa, thực là việc nên làm trước. Nên chọn đất ở Kinh thành làm chỗ tịch điền" bèn sai đặt ở hai phường Hậu Sinh và An Trạch, bên tả dựng đài Quan canh, đằng trước làm ruộng đế tịch, đằng sau làm điện thay áo, bên hữu đặt dàn Tiên nông và đình Thần thương thu thóc. Sai Trung quân Tống Phước Lương coi làm. Thưởng tiền cho thợ và biền binh làm việc 5.000 quan. Lại đặt sở Diễn canh (tập cày) ở phía Bắc cung Khánh ninh, gọi là vườn Vĩnh trạch. Sai bộ Lễ bàn định điển lệ. Hàng năm cứ tháng trọng Hạ (tháng 5) chọn ngày tốt làm lễ."

(Đại Nam Thực Lục Chính Biên, đệ nhị kỷ, bản dịch của Hà Nội, 1964, trang 21-24)

Vua cũng đi cày ruộng mở đầu cho vụ mùa trong nước. Vua ra lệnh chọn đất trong kinh thành làm chỗ tịch điền. Hàng năm vào tháng trọng Hạ (tháng 5) thì chọn ngày tốt để vua cày ruộng tịch điền. "Trước hết, phủ Thừa Thiên phải cho dân cày ruộng đó và chuẩn bị đất cho mềm. Năm ngày trước, vua ngự vườn Vĩnh trạch để xem tập cày. Một ngày trước, quan phủ Thừa Thiên chuẩn bị một cái roi, một cái cày, một thúng lúa, đặt lên án vàng trên thềm giữa điện Cần Chánh. Vua đến xem đồ nông cụ

xong, quan bộ Hộ mang các thứ đó giao cho quan phủ Thừa Thiên tiếp nhận mang ra cửa Tả túc, đặt vào long đình. Nghi trượng nhã nhạc dẫn đường đi trước, tàn lọng che lên, đến cửa Tả đoan. Rồi lấy roi, cày, thúng lúa chia làm 12 phần, đặt ở Thái đình , theo thứ tự đi sau đến ruộng tịch điền, chiếu thứ vị bày ra, giờ tỵ ngày hôm ấy, vua đến cung Khánh minh trú chân. Biền binh đứng bày hàng ở tả hữu đường vua đi. Lại bày lính và voi, cờ súng ống ở ngoài tường ruộng tịch điền.

Giờ Tý ngày ấy, Hữu ty bày lễ phẩm trên dàn Tiên nông. Canh năm, trống nghiêm ba hồi, thị vệ bày lỗ bộ ở ngoài cửa cung Khánh ninh. Đến giờ Mão, vua đội mũ cửu long, áo hoàng bào, đai ngọc lên kiệu người dẫn trước, người theo sau, đúng nghi vệ. Nhã nhạc có bày nhưng không cử. Đến tường phía sau đàn tiên nông, các quan mang mũ áo thường triều quỳ đón ở phía trong của phường. Vua đến bên đông đường thần lộ, xuống kiệu vào tế.

Lễ xong vua ngự đến điện cụ phục, thay mang mũ Đường cân cửu long, áo long bào chẽn tay, thắt đai ngọc. Bộ Lễ tâu xin làm lễ cày tịch điền. Vua đến chỗ cày, đứng trông hướng Nam, các quan đứng chầu ở tả hữu đài Quan canh; quan Thái thường tự xướng, quan Lễ bộ dâng cày, quan phủ Thừa Thiên dâng roi.

Vua tay phải cầm cày, tay trái cầm roi, kỳ lão và nông phu đều 2 người dắt trâu, thị vệ 2 người đỡ cày. Ca sinh hát bài "Hoa từ", nhạc sinh múa cờ màu; nhã nhạc cử nhạc. Phủ Thừa Thiên bưng thùng lúa đi theo. Hoàng tử cùng quan bộ Hộ đều cử một người theo sau vãi lúa. Vua cày 3 đường đi 3 đường lại xong, ngự lên đài Quan canh. Các quan ở dưới đài chia hai bên đứng hầu. Các hoàng tử, và thần công theo cày, đều đội mũ vàng mặc áo đỏ, cầm cày cầm roi cày 5 đường đi 5 đường lại, kế đến văn võ đại thần 9 người, văn đội mũ văn công, võ đội mũ hổ đầu, đều mặc áo lam, cùng cầm cày cầm roi cày 9 đường đi 9 đường lại. Đều dùng thuộc lại kinh huyện đi theo sau bưng thùng lúa vãi lúa. Lễ xong, vua ngự điện cụ phục, thay mặc long ào rộng tay, lên kiệu. Đại nhạc nhã nhạc đều nổi. Các quan lại ở trong cửa phường quỳ tống.

Vua về cung Khánh ninh. Các quan làm lễ khánh hạ. Ban yến và ban thưởng theo thứ bực. Quan phủ Thừa Thiên đem nông dân cày hết số ruộng tịch điền hơn 4 mẫu 4 sào, lấy hơn 2 mẫu 9 sào trồng lúa nếp, hơn 1 mẫu 4 sào trồng lúa tẻ. Sau khi gặt lúa, quan phủ Thừa Thiên hội đồng với bộ Hộ chọn lúa giống để riêng, còn thừa thì chứa vào kho Thần thương, gặp các tiết lễ Giao Miếu thì thổi xôi. Sau đấy hàng năm việc tế đàn Tiên nông đều sai Kinh doãn khâm mạng làm lễ. Lễ cày ruộng tịch điền thì nếu có quan phụng mạng làm thay, cùng những năm vua đi thăm địa phương thì cũng do Kinh doãn cày thay. Lại sai chọn mua thóc tẻ thóc nếp ở Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Trị, Sơn Tây thuộc Bắc thành, lấy những thứ chất gạo trắng tinh, mà khí vị thơm dẻo, giao cho phủ Thừa Thiên chứa để dùng làm thóc giống." (Đại nam Thực Lục Chính Biên, đệ nhị kỷ, bản dịch của Viện Sử học Hà Nội, 1964, trang 21 - 24)

Qua trích dẫn trên đây, chúng ta thấy các sử quan nhà Nguyễn đã cung cấp cho chúng ta nhiều chi tiết về Lễ Tịch Điền rất giá trị. Có lẽ chưa có một sử liệu nào nói về Lễ Tịch Điền đầy đủ và chính xác như vậy. Chúng ta thấy việc tổ chức lễ Tịch Điền dưới đời vua Minh Mạng quy mô và mang nhiều ý nghĩa khuyến nông rất quan trọng. Gần đây, qua video, chúng ta cũng được thấy những hình ảnh xa xưa về lễ tịch điền được tổ chức dưới triều Nguyễn tại Huế. Nhưng so với tài liệu sử sách ghi lại thì việc tổ chức Lễ Tịch Điền vào tháng 5 năm Mậu Tý (1828) cách nay 180 năm, dưới thời vua Minh Mạng, quả thật to lớn hơn nhiều. Thật đúng như lời của vua Minh Mạng: "Hiện nay triều đình nhàn rỗi, giảng tìm phép xưa, thực là việc nên làm trước". Đúng là thời đại thái bình, thịnh trị của đất nước thì triều đình mới có thể tổ chức được một lễ tịch điền to lớn, quy mô và tốn kém như vậy!

◆ *GS Nguyễn Lý-Tưởng*

MẠC CỬU và CHÚA NGUYỄN

Nguyễn Hữu Phước

NGƯỜI TÀU ĐẾN VÙNG ĐỒNG NAI – CỬU LONG TỪ LÚC NÀO?

Đợt di dân quan trọng nhất của người TH vào VN xảy ra vào thế kỷ 17. Sau khi người Mãn Châu chiếm và cai trị toàn lãnh thổ TH và lập nên Nhà Thanh (1644-1911), có một số cựu thần nhà Minh không chịu đầu hàng; một số thương gia không hợp tác. Họ lập phong trào "Bài Mãn Phục Minh". Địa bàn hoạt động của họ mạnh nhất ở các tỉnh giáp giới với VN.

Vào năm 1679, một số cựu thần khác của nhà Minh tìm cách trốn khỏi TH. Trong số nầy có:

Dương Ngạn Địch (cựu Trấn Thủ một số quận thuộc Quảng Tây) và **Trần Thượng Xuyên** (còn có tên là Trần Thắng Tài) cựu Trấn Thủ một số quận thuộc Quảng Đông) dẫn thuộc hạ (khoảng 3000 quân lính, gồm đa số là người Quảng Đông và Phúc Kiến (Trung Hoa = TH), và hơn 50 chiến thuyền) đến Tư Dung và Đà Nẵng tạm trú và xin theo Chúa Nguyễn. Rất ngại sự có mặt của nhóm người TH nầy ở Thừa Thiên (nơi có phủ chúa) và vùng lân cận, Chúa Nguyễn đã cho họ vào miền Đồng Nai, Cửu Long cư trú, mặc dầu vùng nầy còn thuộc Chân Lạp. [(Vào khoảng thập niên 1650-60 vua Chân lạp đã chịu thần phục Chúa Nguyễn. Nhóm Trần Thượng Xuyên vào lập nghiệp ở vùng "Cù Lao Phố" (Biên Hòa ngày nay.Nhóm Dương Ngạn Địch và phó tướng của y là Huỳnh Thắng vào cửa Tiền Giang, đi ngược lên và dừng lại lập nghiệp ở vùng Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang ngày nay)].

Trong lúc đó vào khoảng 1671, một thanh niên tên **Mạc Cửu** (người QĐ), vốn là một thương buôn, đã đến phía Đông Nam Chân Lạp với mấy trăm tùy tùng, được phép vua Chân Lạp (Cam bốt, Cambodia, hay Kampuchia) cho khai thác vùng bờ biển gần Phú Quốc. Sau đó Mạc Cửu đến mở mang vùng Hà Tiên (ngày nay). Tuy còn trẻ nhưng Mạc Cửu rất thành công trong việc mở mang vùng Hà Tiên, sau khi chiêu mộ thêm nhiều người TH (cùng hoặc khác tiếng nói) và cả người VN và người Cam Bốt. Vùng Hà Tiên trở nên một khu tự trị phồn thịnh.

Ngoài người TH gốc Quảng Đông và Phúc Kiến, còn có rất nhiều người TH gốc Triều Châu (Tiều) lẩn lộn trong ba nhóm người trên. Nhóm Triều Châu đông nhất, thuộc nhóm Mạc Cửu.

Những nhóm dân Trung Hoa mới nầy có biệt danh là người "Minh Hương" hay người trung thành với nhà Minh của Trung Hoa.

Trong bài nầy chúng tôi tìm hiểu về Mạc Cửu và sự liên hệ giữa ông ta (và dòng họ) với nhà Nguyễn qua một ít sách vở rất hạn hẹp mà chúng tôi có trong tủ sách ở nhà.

Hầu hết các quyển sử của Việt Nam đều ghi nhận là Mạc Cửu xin và được Chúa Nguyễn chấp thuận sự thần phục vào năm 1708, và được chúa Nguyễn Phúc Chu phong chức Tổng binh trấn Hà Tiên (6) và được phong tước Cửu Ngọc Hầu . Lãnh địa Hà tiên do đó trở thành một phần của Việt Nam.

MỘT ÍT CHI TIẾT VỀ ĐỊA DANH HÀ TIÊN

Ngày nay, Hà Tiên là tên của một thị xã nằm trên bờ vịnh Thái Lan, giáp giới với Chân lạp (Kampuchia). Đối diện với Hà

Tiên, nhìn về phía tây (phía biển) là đảo Phú Quốc. Vùng Hà Tiên Phú Quốc ngày nay được coi là một trong những trung tâm du lịch thu hút nhiều du khách ở Việt Nam.

Ngược dòng lịch sử:

- Dưới thời Việt Nam Cộng Hòa (1954-75), và dưới thời Pháp thuộc 1867-1945/54, Hà Tiên là một trong *21 tỉnh* của Nam Phần Việt Nam (thời Pháp thuộc, và trước nữa còn có tên Nam Kỳ).

- Dưới thời Minh Mạng – Tự Đức, Hà Tiên cũng là tên *một tỉnh* trong *Nam Kỳ Lục Tỉnh* (gồm Biên Hòa, Gia Định, Đinh Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên). Như vậy tỉnh Hà Tiên thời điểm nầy (1/6 của miền Nam), lớn hơn tỉnh Hà Tiên thời Pháp hay thời Việt Nam Cộng Hòa (1/21 của miền Nam) nhiều lắm.

- Dưới thời Gia Long, Hà Tiên là tên chỉ một trong *năm trấn* của miền Đồng Nai: Biên Trấn (Biên Hòa), Phan Trấn (Gia Định), Vĩnh Trấn (Vĩnh Long/An Giang) và Hà Tiên Trấn (9).

- Khi chúa Nguyễn cho *Mạc Thiên Tích* kế nghiệp cha (1735), ít lâu sau Mạc Thiên Tích đã mở rộng vùng Hà Tiên của cha đến tận vùng Cà Mau và sau nầy vua Chân lạp còn nộp thêm cho chúa Nguyễn nhiều vùng đất nữa dưới thời Mạc Thiên Tích. Ở thời điểm lúc đó có thể nói vùng *Hà Tiên bao gồm cả Hậu Giang ngày nay.*

- Khi chúa Nguyễn Phúc Chu phong cho Mạc Cửu làm Tổng Binh Hà Tiên Trấn, thì Hà Tiên chỉ gồm một vùng quanh thị xã Hà Tiên hiện nay, một số thôn xã mới thành lập, nhưng đất rộng người thưa (tận vùng Sóc trăng Cà Mau), và một phần đất nhỏ khác, nay đã trả lại cho Kampuchia.

- Vì vấn đề đo đạc ngày xưa không chính xác, và sử sách cũng không ghi rõ biên giới của những địa danh, nên không thể nào xác định được lãnh thổ Hà Tiên của từng giai đoạn lịch sử. Có điều khá chắc chắn là dịa danh Hà Tiên có một thời đã bao gồm cả miền Hậu giang, nên có một vài nơi trong thơ văn có nói đến ba chữ Hà Tiên Quốc chắc không phải là quá thổi phòng.

Ngoài ra có thể xác định là vùng Hà Tiên (gần biên giới Việt Nam Kampuchia) và những vùng phụ cận thuộc lãnh thổ của cả hai quốc gia, ngày xưa, từ giữa thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX là một vùng có nhiều trận chiến giữa bốn thế lực: Việt Nam (nhà Nguyễn Tây Sơn, và nhà chúa Nguyễn Phúc), Chân Lạp, và Thái lan. Mạc Cửu và dòng họ, dù muốn hay không, cũng đã bị lôi cuốn vào những cuộc tranh chấp nầy. Có một thời gian dài họ Mạc Cửu cũng như Mạc Thiên Tích đã phải sống kiếp sống tỵ nạn bên Thái Lan (Thiên Tích chết trên đất Thái).

MẠC CỬU VÀ HÀ TIÊN

Mạc Cửu (1655-1735) người gốc Lôi Châu (Quảng Đông) tuy không có làm quan cho nhà Minh, nhưng không đồng ý với sự cai trị của nhà Thanh. Vào năm 1680 ông đã đem gia quyến và bộ thuộc sang Chân lạp sinh sống. Tuy tuổi còn nhỏ, nhưng không hiểu bằng cách nào, ông được vua Chân lạp phong là Óc nha vùng Lũng Kỳ (chức Óc nha nầy phải chăng là tương đương với quận trưởng của Việt Nam?). Vùng nầy hiện thuộc lãnh thổ Kampuchia, không xa biên giới Việt Nam – Kampuchia.

Học giả Trương Minh Đạt, sau khi xét qua về hoàn cảnh lịch sử của Chân lạp lúc ấy và dựa theo lời nói trong bài tựa của quyển *Hà Tiên Thập Vịnh* của Mạc Thiên Tích thì Mạc Cửu, trở lại Chân lạp và đến mở mang vùng Hà Tiên (lúc đó gọi là Mang Khảm) vào khoảng năm 1700 **(8). Sau một thời gian mở mang và bình định, và để tránh áp lực của Thái Lan, Mạc Cửu đem vùng nầy, dâng cho chúa Nguyễn và xin thần phục. Ông được chúa Nguyễn Phúc Chu (trị vì từ 1691 đến 1725) phong làm Tổng binh trấn Hà Tiên vào đời Hiển Tông Hoàng đế năm thứ 17 (sử biên niên theo niên hiệu vua Lê).

[(** Mạc thị gia phả (do một văn nhân thân cận gia đình họ Mạc) viết xong năm 1818, ghi là Mạc Cửu dâng đất năm 1714. Nhưng đa số các sử sách khác của thế kỷ

XIX như Đại Nam thực lục tiền biên, năm 1884, Đại Nam liệt truyện tập I, năm 1852 (2), và quyển sử của nhà Nguyễn Gia Định Thành thông chí, viết năm 1820, (tác giả là Trịnh Hoài Đức, một quan viên của triều Nguyễn), và những quyển sử, sách khác của thế kỷ XX như Nguyễn Phước tộc thế phả (1995), Trần Trọng Kim (1925), Phan Khoan (1969) v.v. đều ghi nhận sự thần phục và dâng đất xảy ra vào 1708) (8)]

Mạc Cửu với tư cách tông trấn đã tiếp tục cai trị vùng đất Hà Tiên cho đến khi ông mất vào năm 1735.

CHÚA NGUYỄN VÀ CÁCH ĐẶT TÊN DÒNG HỌ MẠC.

Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên và Mạc Cửu là ba người Minh hương có công lớn trong việc phò giúp chúa Nguyễn trong việc mở mang và bình định bờ cõi Việt Nam ở vùng Đồng Nai (họ Dương và họ Trần) và vùng đồng bằng Cửu long (họ Mạc). Họ Mạc được chúa Nguyễn chú trọng đặc biệt và có vẽ tin dùng và "tin yêu" (5) hơn qua sự ban ơn tuy tượng trưng, nhưng hàm chứa danh dự to lớn: cách đặt tên theo truyền thống của chúa Nguyễn. (Chúa Nguyễn Hoàng dùng chữ "phúc" làm chữ lót cho các thế hệ tiếp của mình).

Về họ Mạc:

*"Chúa Nguyễn Phúc Chu ... cho thêm bộ **"ấp"**(阝) vào chữ Mạc để chỉ họ của người bầy tôi nầy, tuy cũng đọc là Mạc (莫阝) nhưng viết khác với họ Mạc (莫) của Mạc Đăng Dung (莫登庸) là một bầy tôi phản loạn." (5)*

Chúa Nguyễn Phúc Chu còn đi sâu hơn nữa: ban thưởng cho họ Mạc một phương pháp đặt tên cho con cháu để khi đọc tên, có thể nhận ra vai vế thân tộc:

- Chữ lót thì dùng phương pháp "thất diệp phiên hàn", dùng bảy chữ **"thiên** (天), **tử** (子), **công** (公), **hầu** (公), **bá** (伯), **tử** (子), **nam** (男)**"** để dùng làm chữ lót cho những thế hệ kế tiếp của Mạc Cửu. Thế hệ tiếp theo chữ Nam sẽ bắt đầu lại bàng chữ "thiên" và cứ thế tiếp tục mãi.

- Tên chánh của các thế hệ sẽ dùng năm chữ thuộc ngũ hành tương sinh **(kim** (金), **thủy** (始), **mộc** (木), **hỏa** (火), **thổ** (土)**"** để đặt tên (phải viết chữ Hán mới thấy các chữ nầy, còn viết theo chữ Hán Việt, tức chữ quốc ngữ âm giọng đọc Hán Việt thì không thể nào phân biệt hay nhận ra các "bộ" của chữ Hán được).

Con của Mạc Cửu là Mạc Tứ.

"Chữ **Tứ** viết theo Hán tự (賜) gồm bộ bối (貝) và chữ dịch (易). Áp dụng phương pháp *thất diệp phiên hàn*, ông Mạc Cửu đã dùng chữ Thiên làm chữ lót cho con, và đem bộ kim (金) thay bộ bối (貝) trong tên chánh của người con nầy. Do đó Mạc **Tứ** (莫阝 * 賜) đã trở thành Mạc **Thiên Tích** (莫阝 * 天 錫)." (5)

*(Vì bản gõ không có chữ Mạc với bộ ấp viết chung vào một ô, nên đành phải gõ chữ Mạc 莫 và bộ ấp 莫 rời ra vậy).

Do theo phương pháp đặt tên đó chúng ta thấy như sau về các thế hệ của họ Mạc, mỗi thế hệ dùng một hay vài người làm ví dụ:

Mạc **Thiên** Tích (con Mạc Cửu)

Mạc **Tử** Thiêm 添 (?), Mạc **Tử** Duyên 沿 (?), Mạc **Tử** Sanh 渥 (?) (Con Mạc Thiên Tích; chữ tử nầy có nghĩa là con; trong các chữ Thiêm, Duyên, và Sanh đều có bộ "thủy" 氵 (?) (5).

Mạc **Công** Du, Mạc **Công** Tài, Mạc **Công** Thê v.v. (cháu nội của Thiên Tích; Du và Tài là con của Tử Sanh, và Thê là con của Tử Thiêm; Tài và Thê là anh em chú bác, ngang vai vế; trong các chữ Du (柚), Tài (材 , và Thê (棲 ?) đều có bộ mộc).

Mạc **Hầu** Lâm (Cháu cố Thiên Tích, con của Công Du).

Mạc **Bá** Binh (chắt của Thiên Tích, con của Hầu Lâm)

Mạc **Tử** Khâm (cháu chắt cố của Thiên tích; chữ tử nầy viết và đọc y như chữ tử bên trên, nhưng có nghĩa là tước thứ tư trên Nam tước; con của Bá Binh)

Mạc **Nam** Lan (cháu đời thứ bảy của Thiên tích, con của Tử Khâm.

Chú thích #1. [(Trong sách của giáo sư Nguyễn Ngọc Huy không có các chữ Hán. Chúng tôi (N H Phước) nhìn mặt chữ và gõ thêm vào, không chắc về sự chính xác (?), nếu sơ sót xin quí vị Hán Học sửa dùm, xin đa tạ trước, vì tôi không biết chữ Hán)].

Chú thích #2. [(Sau nầy khi Minh Mạng lên kế ngôi của Gia Long, Ông làm ra một bài *đế hệ thi* để đặt tên cho các con cháu của chính ông; và 10 bài *phiên hệ thi*, dùng cho cách đặt tên của mười vị hoàng tử anh em (đều là con của vua Gia long. Những chữ của bài đế hệ thi như sau:

Miên Hồng Ưng Bửu Vĩnh
Bảo Quí Định Long Trường
Hiền Năng Cam Kế Thuật
Thế Thoại Quốc Gia Xương

Những chữ nầy là những chữ đầu (hay gọi là chữ lót trước tên chánh) dùng cho tên chánh của những người cùng thế hệ của con cháu vua Minh Mạng. Lẽ dĩ nhiên tất cả đều có họ là Nguyễn Phúc (N P). Nói khác đi, tất cả các con của vua Minh Mạng đều bắt đầu bằng chữ Miên như Nguyễn Phúc Miên Tông (sau nầy là vua Thiệu Trị), N P Miên Thẩm (tước phong Tùng Thiện Vương), N P Miên Trinh (tước phong Tuy Lý Vương). Hai người sau không có làm vua, chỉ được phong tước Vương, nhưng không có quyền hành gì (nhưng rất nổi danh về thi văn).

Ngoài ra vua Minh Mạng còn làm một bài *Ngự chế Mạng danh thi* gồm hai chục chữ (tất cả đều có bộ nhật trong chữ Hán) để đặt tên cho các vị vua nối ngôi sau nầy. Cách đặt tên nầy đòi hỏi các vua sau cũng có Hán học, tuy phức tạp nhưng giúp cho việc nhận vai vế để dàng hơn (với điều kiện là phải rành Hán học và biết thứ tự của bài đế hệ thi và những bài phiên hệ thi).

Nhưng Minh Mạng muốn mà trời không cho, mặc dầu ông vua theo lý thuyết là "thiên tử" (con trời). Dòng dõi mới tới thế hệ với tên có chữ Vĩnh (Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy tức vua Bảo Đại) thì *đế hệ* nhà Nguyễn với *7 thế hệ* (Gia Long, Minh Mạng, và 5 thế hệ theo câu đầu của bài đế hệ thi), và gồm *13 ông vua* (nếu kể luôn vua Dục Đức, chỉ làm vua có 3 ngày) thì chấm dứt.

Con lớn của Vĩnh Thụy là Bảo Long còn theo cách đặt tên trong bài thơ nầy.

Nhưng không hiểu vì sao vua Duy Tân (Nguyễn Phúc Vĩnh San) lại dùng chữ Vĩnh San làm họ cho các con mình (như George Vĩnh San); lúc đó Ông đã bị Pháp đày qua đảo Reunion dưới danh hiệu Hoàng tử Vĩnh San. Việc dùng Vĩnh San làm họ là quyết định của Hoàng tử Vĩnh San hay vì sự kém hiểu biết của những người ghi sổ bộ Pháp, nhưng Ông không cải chính?

Vì chữ quốc ngữ thay thế chữ Hán làm chữ viết chánh thức cho Việt Nam, và những thế hệ sau không rành chữ Hán nữa, nên những người trong hoàng tộc Nguyễn không biết có bao nhiêu người còn giữ được truyền thống nầy.]

MẠC THIÊN TÍCH VÀ CHÚA NGUYỄN.

Mạc Thiên Tích (1718-1780). Ông là con bà Bùi Thị Lẫm, người Biên Hòa (2). Bà là người vợ kế của Mạc Cửu, người vợ đầu không có con trai). Thiên Tích nhủ danh là Tông, còn có tên là Mạc Tứ, tên hiệu là Sĩ Lân, nghệ danh là Sĩ Lân Thị. Ông đã chánh thức đổi tên từ Mạc Tứ sang Mạc Thiên Tính như đã nói bên trên. Năm 1735 ông được chúa Nguyễn cho nối nghiệp cha, với chức vụ Hà Tiên Trấn Đại Đô Đốc, tước phong là Tông Đức Hầu (do nhũ danh đầu tiên của ông). Vợ ông cũng là một người Việt Nam (4).

Ông đã giúp chúa Nguyễn trong việc phòng giữ vùng Hà Tiên khỏi sự xâm lăng của Thái Lan, Chân Lạp và những nhóm cướp biển, và mở mang kinh tế vùng nầy.

Năm 1756 ông còn thi hành nhiệm vụ của một đặc sứ và giúp chúa Nguyễn mở rộng lãnh thổ miền Cửu long. (Sau khi vua Chân Lạp là Nặc Nguyên thần phục chúa Trịnh, chúa Nguyễn đã cử Nguyễn Cư Trinh đem binh chinh phạt. Nặc Nguyên

thua chạy đến vùng Hà Tiên xin Thiên Tích cho tạm cư. Thiên Tích thuyết phục Nặc Nguyên theo về hàng phục chúa Nguyễn. Nặc Nguyên nghe theo. Vua Chân lạp dâng đất Tầm Bôn (vùng Tân An), và Lôi lạp (vùng Gò công) để tạ ơn. Thiên Tích đã đưa Nặc Nguyên trở về ngôi vua ở Chân lạp.

Năm sau, Nặc Nguyên chết, hoàng tộc Chân lạp lại tranh giành ngôi vua. Con Nặc Nguyên là Nặc Tôn xin Thiên Tích trợ lực. Thiên Tích, vói sự chấp thuận của Võ Vương (người đầu tiên trong dòng họ Nguyễn Hoàng, xưng vương) đã giúp cho Nạc Tôn lên ngôi . Nặc Tôn dâng cho Võ Vương vùng Kam pong luôn, (phía bắc của Hà Tiên). Vùng nầy được có tên Việt Nam là Tầm phong long (2).

[(Chú thích: Tầm phong luông hay Tầm phong long là một địa danh thuộc Châu Đốc. Tiếng Khmer: Kampong luôn (hay Kompong luon, Kampong = vũng nước, luôn hay luon = vua) = nghĩa là bờ sông có vua đến ("bến vua" hay "bến ngự"). Ngày xưa nơi nào vua Chân lạp (Kampuchia = Kp) ghé ghe (thuyền) nghỉ ngơi, người Chân lạp (Khmer) gọi nơi đó là Kampong luôn.

Về địa lý, địa danh *Kampong* luôn hay Tầm phong long là một vùng rất rộng trải dài từ Vĩnh Long - Sa Đéc đến khỏi Long Xuyên - Châu Đốc, sang đất Kampuchia ngày nay. Như đã nói, vào thế kỷ 18, vua Chân lạp (Nặc Tôn) dâng vùng đất nầy cho VN. Vì vậy một vùng đất gần biên giới VN/Kp có tên là Tầm phong long. Sau nay Tầm phong long đổi thành Hồng ngự, tên một quận thuộc tỉnh An Giang.

Trong quyển Sài Gòn Tạp pín lù (một quyển sách kể nhiều chuyện liên quan đến Sài Gòn ngày xưa, không phải là sách nghiên cứu) ông VHS có kể rằng vùng đất quanh cột cờ Thủ Ngữ (mũi đất ở ven sông Sài Gịn, có biệt danh là Point des blagueurs = mũi tán dóc) ngày xưa còn gọi là "Kampong Luông" vì "ngày trước phó vương Đàn Thổ thường ra tắm sông nơi nầy"(10, trang 392) (xưa dân ta gọi người Khmer là Thổ hoặc Đàn Thổ hay Đàng Thổ (?). Nếu chuyện nầy đúng, thì địa danh Tầm phong long phải bắt đầu từ vùng Sài Gòn, chớ không phải từ Vĩnh Long.)]

CON CHÁU MẠC THIÊN TÍCH VÀ NHÀ NGUYỄN

Con cháu họ Mạc còn được tiếp tục làm quan cho Chúa Nguyễn, Nguyễn Vương và triều đình nhà Nguyễn cho đến năm 1829 (đời vua Minh Mạng), trừ một thời gian gián đoạn ngắn trong khoảng 1809-1816. Sau đây là vài sự kiện sơ lược về việc gián đoạn nầy.

Năm 1780 Thiên Tích mất, con là Mạc Tử Sanh và kế đó là Mạc Tử Thiêm, liên tiếp thay nhau làm trấn thủ Hà Tiên . Từ năm 1807 Mạc Công Du (con trưởng của Mạc tử Sanh) được làm quyền Trấn thủ Hà tiên trong khi chú là Tử Thiêm được đi sứ ở Thái Lan.

Năm 1809 (Gia long năm thứ 8) Mạc Tử Thiêm chết, Mạc Công Du, theo lẽ được cử thay thế. Nhưng Công Du vào lúc ấy vừa bị triều đình gián chức (vì một vụ án liên hệ đến việc bán người hầu của một quan viên lớn khác), trong khi Mạc Công Tài (con của Mạc Tử Thiêm) lại còn nhỏ, nên triều đình cử người (không phải họ Mạc) làm trấn thủ Hà Tiên cho đến năm 1816. Trong lúc đó vào năm 1813 vụ án của Công Du được sáng tỏ, nên Công Du được triều đình phong chức Phó sứ của phái bộ ngoại giao đi công cán ở Thái lan.

Năm 1816 Mạc Công Du được phong chức Hiệp Trấn Hà Tiên (Phó Trấn thủ, dưới quyền của Trấn thủ Trương Phúc Giáo). Năm 1918 được thăng chức Trấn thủ Hà Tiên. Công Du cai trị Hà Tiên trấn cho đến năm 1829.

Dưới đời vua Minh Mạng, họ Mạc không còn cai trị Hà Tiên nữa, vì một số các con cháu họ Mạc, đã nhận lãnh quan chức từ Lê Văn Khôi và do đó bị xem như dính líu tới việc Lê Văn Khôi nổi loạn chống lại triều đình.

MẠC THIÊN TÍCH VÀ CHIÊU

ANH CÁC.

Ngoài công lao về đối ngoại, trị an, bảo vệ và bành trướng lãnh thổ, Mạc Thiên Tích còn góp phần rất lớn trong lịch sử văn học Viện Nam. Ông lập ra Chiêu Anh Các và để lại nhiều bài thơ chữ Hán và chữ Nôm.

Chiêu Anh Các (ngôi nhà có gác lầu dùng mời gọi những người tài năng) là nơi tụ tập những văn thi nhân để làm thơ xướng họa về những cảnh đẹp của Hà Tiên do chính Thiên Tích dùng làm đề tài cho nhưng bài thơ. Những bài thơ bằng chữ Hán nầy được ghi lại, cùng với những bài họa của các văn nhân trong thi đàn, trong tập thơ mang tên Hà Tiên Thập Vịnh. Quyển nầy, in ra năm 1737, có 320 bài thơ gồm nhiều tác giả trong đó có Mạc Thiên Tích. Ông chọn đề (như tên tựa của mười cảnh đẹp). Các văn nhân (gồm một số người Hoa thuộc hai tỉnh Quảng đông và Phước Kiến ở Trung quốc, và một số văn gia vùng Thuận Quảng (chỉ miền thủ phủ Việt Nam) kể cả một số quan lại của chúa Nguyễn dùng các đề tài ấy mà xướng họa.

Mười bài thơ đó có tên tựa sau đây, mỗi bài tả một cảnh đẹp của Hà Tiên.

Kim Dữ Lan Đào (Đào Kim Dữ ngăn sóng)
Bình San Diệp Thúy (Bình San xanh lớp lớp)
Tiêu tự hiểu chung (Chuông sớm chùa Tiêu)
Giang Thành Dạ Cổ (Trống đêm Giang Thành)
Thạch Động Thôn Vân (Hang đá nuốt mây)
Châu Nam Lạc Lộ (Cò đậu Châu Nam)
Đông Hồ Ấn Nguyệt (Trăng soi Đông Hồ)
Nam Phố Trừng Ba (Bãi Nam lạng sóng)
Lộc Trĩ Thôn Cư (Làng xóm Lộc trĩ)
Lư Khê Ngư Bạc (Bến cá Lư khê).

Sau đây là bài Tiêu tự hiểu chung, (bằng chữ Hán, do thi sĩ Đông Hồ dịch âm Hán Việt và dịch lại tiếng Việt, cũng dùng cùng thể thơ.

Chuông sớm chùa Tiêu
Lác đác trời tàn nhạt ánh sao
Chuông chùa đưa vẳng tiếng đưa vào.
Mơ màng cõi tục người tiên lẫn,
Đồng vọng bờ cây bến nước xao.
Hạc để tiếng vương cành gió thoảng,
Quạ đưa lời gởi ngọn trăng cao.
Gối nghiêng giấc tỉnh cơn mơ mộng
Sớm giục canh gà tin khát khao. (4)

Năm 1960 nhờ sự tìm học và nghiên cứu, thi sĩ Đông Hồ công bố khám phá của mình trong một buổi thuyết trình (ở câu lạc bộ Văn Hóa ở Sài gòn) là Chiêu Anh Các đã có để lại một tập thơ bằng chữ nôm mang tựa đề Hà Tiên quốc âm thập vịnh:

[(Điều đáng cho chúng ta thán phục,đáng cho chúng ta ca tụng từ trước đến nay và mãi mãi về sau là thi phái Chiêu Anh Cát Hà Tiên đã để lại cho chúng ta áng văn chương Nôm giá trị không ít)]

Ông Trương Minh Đạt, tác giả quyển Nhận thức mới về đất Hà Tiên (8), trích câu trên từ quyển Đăng đàn (Nxb Mặc Lâm, 1970) của thi sĩ Đông Hồ. Thi sĩ Đông Hồ nhờ sự khám phá nầy, đã được trường Văn Khoa (Viện Đại Học Sài gòn) mời giảng dạy cho chứng chỉ Văn chương quốc âm, từ niên khóa 1964-65.)] (8)

Mạc Thiên Tích dùng đề tài và vần của mười bài thơ Hà Tiên thập vịnh viết ra mười một bài thơ đường luật (thất ngôn bát cú) bằng chữ nôm. Mỗi bài cho một cảnh, và thêm một bài tổng vịnh về tất cả mười cảnh đẹp đó.

Hà Tiên quốc âm thập vịnh là một tập thơ gồm gồm có 422 câu, trong đó có 334 câu theo thể song thất lục bát, và 88 câu thất ngôn (của mười một bài đường luật). Các câu thơ được sắp xếp như sau: Mỗi cảnh bắt đầu bằng một số câu song thất lục bát và kết thúc bằng một bài đường luật. Vần điệu của mỗi bài liên tục nhau, không thể sắp lộn các cảnh đẹp được.

Sau đây là trích dẫn của một vài câu song thất lục bát nói về Giang thành (4):

Nỗi buồn vui mặc lòng nhộn nhã
Gối chưa êm chưa hả sự lòng
Gió đưa mấy tiếng thần chung
Lóng tai nghe lọt bên lòng vơi vơi

Và đây là bài thơ *tổng vịnh* mười cảnh đẹp theo thể thất ngôn bát cú:

Mười cảnh Hà Tiên rất hữu tình
Non non nước nước gẫm nên xinh
Đông hồ, Lộc trĩ luôn dòng chảy
Nam phố, Lư khê một mạch xanh
Tiêu tự, Giang thành chuông trống ỏi
Châu nham, Kim dữ cá chim quanh
Bình san, Thạch động là rường cột
Sừng sựng muôn năm cũng để dành.

[(Trích dẫn bên trên do tác giả Nguyễn Q. Thắng (4) ghi lại từ quyển Văn học miền Nam – Văn học Hà Tiên(Nxb Quỳnh Lâm, 1970) của thi sĩ Đông Hồ)].

PHẦN KẾT

Tóm lại Người Minh hương nói chung, và dòng dõi họ Mạc nói riêng, đã góp phần quan trong trong việc mở mang bờ cõi của Việt Nam. Riêng họ Mạc, ngoài việc góp sức vào việc trị an, đối ngoại và chống xâm lăng, còn để lại một số vốn văn hóa chữ Hán và chữ Nôm cho lịch sử văn học Việt Nam. Kể từ Mạc Thiên Tích trở về sau, có thể nói con cháu họ Mạc đã là người Việt Nam (mẹ và vợ của Mạc Thiên Tích là người Việt Nam.)

Nói khác đi, người Minh hương, ở những thế hệ sau, đã góp phần trong việc kiến quốc cho Việt Nam trong nhiều lãnh vực quân sự, chính trị, văn hóa. Những ví dụ điển hình có thể kể ra như Ngô nhân Tịnh, Trịnh Hoài Đức, Phan Thanh Giản v.v. (Xin xem Người Minh hương:Thế lực chánh trị và kinh tế trong bài Tiếng Việt gốc Tàu, trong Dòng Việt số 20).

Có thể nhìn vào thế hệ một rưỡi, và thế hệ thứ hai của dân Việt ở Hoa kỳ. Các con cháu của dân Mỹ gốc Việt (như dân Pháp gốc Việt, dân Úc gốc Việt, và những nơi khác trên thế giới) cũng đang góp phần quan trọng vào đời sống của xã hội dòng chánh (mainstream societies) của Hoa Kỳ hay bất cứ xã hội nơi nào, hay quốc gia nào người Việt hải ngoại đang cư trú.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1). Lê Văn Đức & Lê Ngọc Trụ (1970). Việt Nam Tự Điển. Nxb Khai Trí, Saigon, VN.

(2). Lưu Vĩnh Khương (2006). "Vai trò của người Minh hương trong cuộc mở đất miền Nam". Tập san Nghiên cứu văn hóa Đồng Nai - Cửu Long. Nxb Tả Quân Lê Văn Duyệt Foundation, Fountain Valley, California, USA.

(3). Nguyễn Đăng Thục (1970). "Nam tiến Việt Nam". Tập san Sử Địa; trích từ sách Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam. Nhóm Dòng Việt, nxb SEACAEF, Huntington Beach, California, USA.

(4). Nguyễn quốc Thắng (1994). Tiến trình văn học Miền Nam. Nxb Văn hóa, thành phố Hồ Chí Minh, VN.

(5). Nguyễn Ngọc Huy (1998). Tên họ người Việt Nam. Nxb MeKongTyNạn, San José, California, USA

(6). Trần Gia Phụng (2005). Nhà Tây Sơn. Nxb Non Nước, Toronto, Canada.

(7). Trần Nguơn Phiêu (2005). "Cù lao Phố", tạp chí Thế Kỷ 21, số 189&190, Westminster, California, USA.

(8). Trương Minh Đạt (2001). Nhận thức mới về đất Hà Tiên. Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, VN.

(9). Vương Hồng Sển (1993). Tự vị tiếng Việt miền Nam. Nxb Văn Hóa, TP Hồ Chí Minh, VN.

(10). Vương Hồng Sển (1994). Sàigòn tạp pín lù. Nxb Xuân thu, Los Alamitos, California, USA.

Truyện ngắn

O

Trần Văn Khởi

Long mở laptop, vào *Outlook Express*, tìm hồ sơ "Bạn", mở *email* của Minh Hằng, bồi hồi nhìn lần này không biết là lần thứ mấy bức hình mầu Hằng gởi kèm *email*. Khuôn mặt trái soan, làn da tươi mát đã bắt đầu có những đường nhăn của tuổi lục tuần, ánh mắt sáng vẫn còn đen láy, đằm thắm mà tương phản với nụ cười nửa miệng, thảy vẫn còn y nguyên như trong hai bức hình đen trắng Long cất giữ trong ký ức từ 45 năm trước. Tóc bây giờ có ngắn đi, nhưng hình nhà thủy tạ lăng Tự Đức đàng sau như nhắc nhở đây là ảnh một người Huế, với mái tóc thề xỏa ngang vai năm nào.

Thấy lại qua *email*

Từ hơn một năm nay, nhờ *internet*, đám bạn bè Huế cùng lứa mới tìm cách liên lạc được với nhau, và Minh Hằng có dịp trao đổi thư từ với mấy anh em Long. Cùng lứa, quen nhau thì thường quen cả anh em gần tuổi nhau, Minh Hằng lại đã một lần từ Huế cùng mẹ ghé thăm gia đình Long ở Saigon nên Hằng biết mấy anh em Long. Mẹ Hằng và mẹ Long là bạn rất thân từ nhỏ ở trường Đồng Khánh, coi nhau như chị em nên con cái hai nhà đều thân tình gọi bằng dì. Nhà ở gần nhau trong Thành Nội Huế, hai gia đình đi lại rất gần gũi với nhau từ dạo hồi cư cho đến ngày gia đình Long dọn vào Saigon khi Long mới 15 tuổi.

Ngoại trừ những lần hai gia đình thăm nhau từ thuở nhỏ, Hằng chưa hề có dịp gặp Long, chắc cũng không nhớ được, và chỉ biết Long là con dì Ngọc, em của Bình và anh của Tuyết mà Hằng đã có dịp làm quen. Dạo Hằng cùng dì Diệu Minh vào thăm Saigon thì Long đang học ở Colorado.

Vậy mà sau khi móc nối được qua *email* thì Hằng vui vẻ nhận ngay Long là bà con, và đã trao đổi *email* rất thân mật, giản dị, cởi mở và có tình như chuyện trò trong gia đình.

Hằng kể chuyện con gái học giỏi, làm việc hay, có nhiều nét giống bà ngoại Diệu Minh, rồi chuyện cháu ngoại gái mới mấy tuổi mà cũng có nhiều nét văn nghệ giống bà ngoại Minh Hằng. Hằng cũng còn thích hoạt động hội đoàn, và đã gởi biếu Long cuốn kỷ yếu trường cũ mà Hằng đã góp công in ấn và viết nhiều bài.

Một lần sau khi gọi điện thoại thăm mẹ Long, Hằng đã gởi cho Long một email dài kể lại buổi nói chuyện, khen dì Ngọc đã hơn 90 mà còn minh mẫn, nhớ tên cả mấy đứa con của dì Diệu Minh. Và Hằng đã tâm sự, thú thật là nói chuyện với dì Ngọc làm Hằng nhớ mạ Diệu Minh quá trời, và tiếc mạ đã ra đi quá sớm, không được như dì Ngọc.

Để đáp lại lời lẽ mau mắn, cởi mở và chân thành của Hằng, Long cũng email kể chuyện gia đình, con cháu và chuyện mình về hưu non. Khi nhắc đến vợ là Thúy có lời hỏi thăm chị Hằng, thì Hằng cũng thân tình hỏi thăm lại, ghi thêm một câu chắc là chị đẹp thùy mị và sang trọng lắm, tên răng người rứa mà.

Khi dài khi ngắn, những *email* lâu lâu

như cũng đem lại cho Long nhiều trao đổi thích thú, nhẹ nhàng. Long khen bài Hằng viết trong kỷ yếu rất hay, Hằng lại còn khoe thêm nhiều bài ở các báo khác nữa, và yêu cầu Long có thì giờ thì tìm đọc.

Hằng gọi Long là bạn, xưng tui; còn Long thì gọi chị, xưng tôi hay tụi tôi.

Rồi một hôm Long nhận được *email* có gởi kèm scan tấm hình của Hằng.

Long bồi hồi ngắm nhìn tấm hình, *zoom* ra *zoom* vào, lòng cảm phục tình thân ái và lòng thành tâm của Hằng, rưng rưng nhớ lại hai tấm hình đen trắng, một khuôn mặt đẹp trong sáng, và những giao động tâm tình một thời 45 năm trước khi còn đi học.

Long trả lời ngay *email*, cảm động lòng ưu ái của chị như trong nhà với nhau, và cám ơn chị đã gởi cho tấm hình mới chụp.

Long ngồi nhìn tấm hình một hồi lâu, coi đi coi lại, vô cùng cảm kích: Hằng đã không ngần ngại gởi cho Long hình mới chụp, cũng đã 65 tuổi rồi, mặc dù không biết gì hơn về Long ngoại trừ là con dì Ngọc và dân Huế ở Thành Nội ngày nào; còn Long, Long lại biết nhiều về Hằng hơn, biết cũng đã 45 năm rồi, biết mà để trong lòng không hề nói với ai, biết mà tưởng đã có lần quên, biết mà tin rằng Hằng không hề biết.

Con dì Diệu Minh

Mùa thu năm 1962, Long lên năm thứ ba. Từ dạo du học Mỹ, thỉnh thoảng Long cũng viết thư về thăm gia đình ở Saigon, và thư ở nhà gởi lại thường là có mẹ và anh em mỗi người chung nhau viết vài hàng.

Một hôm Long nhận được thư nhà, bì thư viền xanh viền đỏ có chữ em gái Tuyết đề như thường lệ. Long ngạc nhiên thấy có một tấm hình đen trắng và một tờ pơ luya mỏng có mấy hàng chữ của mẹ và của Tuyết. Hình chụp 5 người ngồi bên một hồ nước, một bên là mẹ Long và 3 bà, bên kia là một mình một cô gái Huế tóc thề, quay nghiêng nhìn thẳng vào máy chụp hình.

Mẹ Long viết:*"Em đây là con dì Diệu Minh, tên là Minh Hằng. Dì và dì huyện Diệu và dì đốc Tâm là bạn học mạ hồi trước, rủ nhau vô thăm Saigon. Dì đưa em tới thăm mạ, và đi coi sở thú chụp hình. Dì muốn làm sui gia với mạ, và có ý nhắm con. Mạ thấy em cũng nết na, học sư phạm Huế, mạ gởi hình cho con thăm. Chuyện trò với Tuyết hai đứa coi cũng ra tình chị em lắm. Nhưng mạ còn e dè về chuyện tuổi tác, mạ cũng có nói với dì rồi, mình phải coi đi coi lại cho kỹ càng. Tin cho con biết rứa thôi, có chi mạ sẽ cho biết thêm sau."*

Tuyết cũng ghi thêm:"Dì chịu anh lắm. Mạ cũng thích chị Hằng. Mạ nói không ngại chi chuyện dì có đạo, nhưng mạ sợ tuổi không hạp, được thì gái hơn hai trai hơn một, không thì không răng, nhưng cùng tuổi nhau hay ngủng ngẳng lắm. Nghe mạ rủ dì lần tới vô Saigon thì đi thăm thầy."

Long nhìn kỹ tấm hình đen trắng, chụp hơi xa, nhưng cũng thấy rõ quần trắng, áo đen nhạt có vẻ như là màu tím Huế, khuôn mặt trái soan, lưng hơi cong cong, tóc thề chảy xuống ngang vai, mắt đen sáng, cười nửa miệng lộ một tí răng trắng.

Long tự nhủ coi o cũng sáng giá và dễ thương.

Long đi mua cuốn *Photoplay* số mới nhất có bài vở và hình ảnh về Sandra Dee, gởi *airmail* ngay làm quà hối lộ cho Tuyết, và viết mấy hàng gởi riêng nhờ em hỏi thăm tìm biết thêm về Hằng, mà Long trìu mến gọi là o.

"Anh thấy O coi xa xa cũng mát mắt lắm, mà anh cần nhờ Tuyết giúp điều tra để tìm hiểu thêm. In tuồng O có con em tên là Minh-gì-đó là bạn của Tuyết phải không? Có còn hay thơ từ chi không? Tuyết ráng tìm cách liên lạc, hỏi thăm coi O học chi, tính tình của O ra răng, nhớ làm cho khéo để tránh lộ bài. Mà ráng xin cho anh được một cái hình rõ rõ, to to một chút, cái hình Tuyết chụp mấy người ở sở thú thì chụp xa quá, ráng nhìn O rõ hơn mà không được."

Long thấy cũng không gấp phải nói gì với mẹ về chuyện Hằng.

Được hình, lỡ hẹn

Khoảng hơn một tháng sau, Long nhận được thư của em gái, có kèm một tấm hình

căn cước đen trắng của Hằng. Long nhớ rõ buổi chiều thứ bảy hôm đó như mới chiều hôm qua: buổi sáng làm ở phòng thí nghiệm lớp EE 125 chung với Bill, làm đi làm lại tới quá trưa mới xong, ghé *cafeteria* ăn trưa, rồi qua bưu điện ở *student union* coi hộp thư, vui mừng thấy có một cái bì thư viền xanh viền đỏ quen thuộc. Long mở phong bì, bỏ thư vào túi, vừa đi vừa xem tấm hình, rồi đi thẳng về *dormitory* vào phòng nằm lăn ra giường tiếp tục xem.

Hình rõ hơn nhiều: mái tóc đen nhánh xỏa xuống hai vai, khuôn mặt trái soan bầu bĩnh, tươi mát, cặp lông mày dài, đôi mắt tròn đen, nhìn thẳng, đôi môi hé nở nụ cười nửa miệng. Long tự nhắc mãi, o này coi bộ láu lỉnh, chụp hình căn cước mà cũng cười.

Thư của Tuyết cũng khá dài: *"Em còn bồ tèo với Minh Hiếu lắm, mới năm ngoái em về Huế có rủ Hiếu đi ăn bánh ướt thịt nướng ở ngã giữa. Em nói lần vừa rồi chị Hằng vô thăm Saigon mạ khen chị lắm, mạ muốn có một hình rõ hơn để đi khoe với mấy bà bạn cùng lớp của mạ và dì Minh. Em nói chắc là mấy dì lại tìm cách mối lái nhau. Em nói là kiếm hình một mình thôi, mà nhớ dấu đừng cho chị Hằng biết. Em nói em cũng không biết dì Ngọc định đi khoe với ai.*

Nhỏ Hiếu cũng chịu chơi lắm, nhờ là làm liền, lấy trộm hình căn cước mới chụp của chị gởi cho em ngay. Nó nói nó cũng nghe mấy dì ngoài Huế bàn mối ni mối tê rồi đó.

Chị Hằng học sư phạm, mà lại có nhiều tài lắm, viết văn, âm nhạc, cả hội họa nữa; trong mấy chị em thì chị tài hoa văn nghệ giống dì Diệu Minh hơn cả. Nhỏ Hiếu nói trong nhà ai cũng nể chị vì chị nhiều sáng kiến mà nhiều khi cũng ưa độc tài, hay thích làm theo ý chị."

Đọc thư, coi hình, Long ngủ quên đi một hồi lâu, lúc chợt thức dậy trời đã bắt đầu tối, cầm bức hình căn cước, mặc vội cái áo lạnh rồi đi ra ngoài. Long đi quanh khuôn viên đại học, chậm rãi, thong thả, lâu lâu lại nhìn tấm hình, rồi nhìn trời, nhìn quanh thưa thớt sinh viên qua lại một chiều cuối tuần, nhìn mông lung. Long đi lang thang, lòng rung cảm nhẹ nhàng, êm dịu, miên mang tưởng tượng về một người con gái ở nửa vòng bên kia trái đất...đi đến khi đèn đường bật sáng, dừng dưới cột đèn, đọc lại thư, nhìn lại khuôn mặt như đã quen thuộc, rồi lại đi quanh, đi mãi ... đi quên luôn cả chiều hôm đó có hẹn với Bill, Billie và Vannie.

Từ hơn một năm nay, Long học chung nhiều lớp với Bill; năm ngoái có gặp Billie là bạn gái của Bill; một hôm Long gặp Billie và được giới thiệu với Vannie, *room-mate* của Billie, và sau đó thỉnh thoảng cũng có gặp, nói chuyện và lần lần quen thân với Vannie.

Vannie, tên thật là Vanessa, sinh trưởng ở Glasgow bên Anh, qua Colorado theo chương trình trao đổi trung học, rồi vào học đại học luôn. Vannie người nhỏ nhắn, tóc hung, mắt trong xanh, mặt lấm tấm vài *freckles* rất có duyên, đẹp dịu dàng; thông minh, trầm lặng. Long thấy cũng dễ chịu và vui thích kết bạn với Vannie.

Hè vừa qua, Vannie về Anh thăm nhà; qua đầu niên khóa trở lại ở chung phòng với Billie. Bill và Billie coi bộ như đã tính chuyện lâu dài với nhau rồi, và cũng không dấu diếm tìm cách cặp đôi Long với Vannie.

Thỉnh thoảng bốn đứa đi ăn chung ở *cafeteria*. Tháng trước, Bill mới mua được một chiếc Ford Galaxie cũ, rủ bốn đứa đi coi xinê *drive-in*. Lần đầu ngồi với nhau ở băng sau, Long và Vannie lúng túng thấy Bill và Billie mùi mẫn tự nhiên quá, Vannie rủ Long ra ngoài đi mua popcorn. Khi trở về xe, cả hai bị Bill và Billie cười chế diễu, và dặn lần sau phải mạnh dạn với nhau hơn.

Lần sau là thứ bảy này, lần sau là chiều nay, là ham coi hình đọc thư quên mất hẹn.

Mặc cho Long xin lỗi bằng điện thoại, bằng thư nhờ Billie đưa, bằng thư gởi bưu điện; mặc cho Bill và Billie năn nỉ hết mình, Vannie nhất định không chịu gặp lại Long nữa. Long cũng thấy mình có lỗi lỡ hẹn để tụi nó kiếm cùng không thấy, nhưng rất bực mình vì mất mặt trước phản ứng đường đột và dứt khoát của Vannie. Rồi lần

lần cũng khuây khỏa và lo học, Long không hề gặp lại Vannie nữa. Cho đến khi học xong, rời trường về nước, thỉnh thoảng Long có gặp lại Bill và Billie nhưng cũng không ai nhắc tới Vannie.

Sau Tháng Tư Bảy Mươi Lăm, khi trở lại Hoa Kỳ định cư cùng vợ con, Long nhờ *directory* của trường liên lạc được với Bill, bây giờ ở New Jersey. Bill và Billie cưới nhau sau khi ra trường. Hỏi thăm về Vannie thì Billie cho biết vẫn còn liên lạc, học xong Vannie trở về Anh và hiện có chồng là Brian làm việc với British Petroleum ở Glasgow. Khoảng cuối thập niên 1980, Long cũng làm cho British Petroleum ở Houston, cũng có nhiều dịp đi Glasgow. Lần nào Long cũng tính hỏi thăm, nhưng rồi ngại, thấy không nên, và không lần nào Long tìm gặp Brian.

Có lần Long tự hỏi không biết đời mình có thay đổi gì không nếu chiều thứ bảy đó không được hình lỡ hẹn.

Thầy Minh Lộc không chịu

Chỉ hai tuần sau khi gởi hình căn cước của Hằng, Tuyết gởi thêm cho Long một thư khá dài, lần này chỉ viết một mình. Tuyết kể chuyện Minh Hiếu và dì Diệu Minh đang vào thăm Saigon và ghé ở lại nhà hôm qua. Sợ lộ bài, Tuyết đã hỏi thăm Hiếu về tất cả mấy anh chị em con dì Minh nhưng chỉ ghi nhớ chuyện chị Hằng để kể lại cho Long. Tuyết nói chị Hằng ngoan đạo, nết na, mà rất ưa làm cô giáo. Chị thích tổ chức chuyện này chuyện kia, như văn nghệ ở trường hay làm báo ở lớp; viết văn hay, được thầy khen là có khiếu quan sát và giỏi thi vị hóa. Cả nhà ai cũng phục chị vẽ giỏi như dì Minh. Nhỏ Hiếu cũng nói chưa thấy chị có bồ bịch chi.

Long lại được dịp đem hình ra xem, ánh mắt và nụ cười giờ đây như thấy gần gũi hơn; định bụng sẽ viết thư cho mẹ nói cần liên lạc để tìm hiểu nhau thêm.

Rồi hai ngày sau, Long rất ngạc nhiên lại thấy có một bì thư viền xanh viền đỏ quen thuộc; có một thư của mẹ và một của Tuyết. Mẹ Long chẳng cần rào đón trước sau gì cả: *"Chuyện em Hằng mạ nói bữa trước không thành rồi. Dì Diệu Minh với mạ mới đi thăm thầy Minh Lộc về. Thầy nói hai tuổi xung khắc quá, thầy chưa thấy cặp mô mà lại nghịch nhau như ri, không cách chi cúng giải được. Dì với mạ đều chắc chắn đúng ngày sinh tháng đẻ, thành thử dì và mạ đều rất buồn, rất tiếc, mà không biết làm răng được. Thiệt ra thì từ đầu mạ cũng nghi nghi rồi, thấy nhiều cảnh cùng tuổi không được thuận buồm xuôi gió. Cũng may là không ai biết, dì chưa nói chi với em cả. Thôi thì cũng là chuyện duyên số trời định."*

Thư của Tuyết cũng có vẻ vội vàng: *"Mạ và dì Minh rầu thúi ruột. Sáng ni thấy hai bà lót thót đi với nhau, không ai biết đi mô. Mới đi một chút đã thấy về, mặt buồn xo, không nói chi cả, chỉ vô phòng hai bà nói chuyện riêng với nhau. Đến trưa, ăn cơm xong, dì đi nghỉ thì mạ ra nói chuyện với em, chuyện chị Hằng không xong rồi. Thầy Minh Lộc nói số chi mà khắc lạ lùng, hai con ngựa này rồi đá nhau cả ngày. Mạ cũng nói dì Minh nói cứ cho mấy đứa thử quen nhau coi ra răng, số cũng là do người, nhưng Mạ nói không nỡ, mình đã biết thì phải tránh, sau ni có chuyện chi cũng tội mấy đứa. Mạ nói phải gởi thơ ngay cho anh, sợ anh lóng gióng tội nghiệp. Em cũng không biết nói răng nữa."*

Long cảm thấy tiếc như vừa mất một chút gì quý mến, nhưng cũng không bận tâm nhiều vì phải học ôn bài hôm sau thi. Đến giữa khuya, học xong, Long khoác áo lạnh đi ra ngoài trời, tản bộ một vòng quanh khu **dormitory** để thư dãn. Trời lạnh và khô, trăng tròn sáng giữa một rừng sao lấp lánh. Long tự diễu thấy mình thật là cải lương sau khi thấy một ánh sao băng xẹt dài trước mắt mà chắp hai tay lên cầu nguyện cho o, một người như quen biết thật nhiều mà chưa bao giờ gặp.

Mợ hụt

Long thỉnh thoảng cũng cho Thúy biết về những *email* trao đổi với bạn bè, kể cả *email* với đám bạn Huế vừa mới tìm gặp lại

nhau.

Từ ngày quen Long 5 năm trước khi cưới nhau gần 40 năm qua, Thúy đã nghe mẹ Long nói chuyện không biết bao nhiêu lần về mấy bà dâu hụt, con của dì này bác kia. Tuy bà thích làm sui gia với đám bạn Đồng Khánh, nhưng vì thương mấy con trai nên bà không hề ép, đứa nào đưa bạn về thì bà cũng chấp nhận, rồi quý con trai nên bà nể con dâu. Rút cục thì bà lại không được cô dâu Huế nào, nhưng lâu dần, biết rõ từng đứa, bà đều thật tình quý mến và thương yêu mấy con dâu. Có một lần bà nói với Long là con có phước lắm đó, Thúy đẹp dịu dàng, quý phái, mà nề nếp giỏi giang, con khéo chọn hơn mạ nhiều; chỉ một lần thôi nhưng Long nhớ mãi, biết mẹ nhận xét đúng và luôn ghi khắc tâm tình của mẹ.

Nghe quen chuyện mấy bà mợ hụt, mấy chị em dâu cũng không ai phiền hà gì chuyện mấy chục năm trước, dần dần về sau cả nhà coi như là chuyện cổ tích, nên những khi gia đình tụ họp thường lại tìm cách làm vui lòng bà, gợi chuyện để cho mẹ Long có dịp kể đi kể lại chuyện xưa.

Từ ngày về hưu sớm, Long mất đi những giao tế trong công việc, đám bạn Mỹ đồng nghiệp thì nhiều nhưng bạn thân thì không bao nhiêu, cũng ít có dịp liên lạc hơn. Vợ chồng Long cũng tìm mọi cách liên lạc lại với bạn cũ và tìm thêm bạn mới. Thúy cũng để ý và rất vui mừng thấy Long móc nối được với nhiều đám bạn Việt Nam cùng sở, cùng trường, cùng lứa xưa cũ. Thúy luôn luôn tỏ ra quý mến bạn của Long, và thật tình coi vợ của bạn Long như là bạn của mình. Nhờ đó giao tế xã hội và bạn bè của hai vợ chồng trong tuổi hưu cũng tương đối rất dễ chịu.

Khi nhận được *scan* hình của Hằng, Long gọi Thúy vào xem ngay, nói đây là một bà dâu hụt của mạ, mợ hụt đó, cái bà mà thầy bói nói kỵ tuổi ngay từ đầu đó. Thúy cũng hơi hiếu kỳ và ít nhiều ngạc nhiên vì nghe chuyện nhiều lần đã lâu, nhưng Thúy chưa hề được thấy hình bà dâu hụt nào trong đám con của bạn mẹ Long cả.

Thúy coi kỹ hình, chợt hỏi sao người ta lại gởi cho mình hình qua *email* vậy. Long cười, nói không phải bà khoe hình bà đâu, *senior citizen* rồi; bà muốn khoe là tác giả bức tranh bà vẽ bên cạnh đó.

Thúy làm bộ nhìn qua nhìn lại, hóm hỉnh bảo Long mợ hụt coi cũng có dáng đấy, để tóc ngắn vậy coi được, trẻ ra. Long cũng chêm thêm, sao bằng mợ thật được!

O không chịu làm o

Không có gì để nói chuyện nhiều với nhau nên *email* thăm hỏi trong đám bạn Huế và giữa hai người lần lần cũng thưa thớt.

Một lần, Long nhận được một *email* dài của Hằng kể chuyện mới về thăm Huế, trở lại thăm trường xưa, gặp lại học trò cũ. Lối kể chuyện bình dị, tình quê hương lẫn tình cô trò chan hòa thắm thiết trong mỗi câu chuyện, điểm nhiều nhận xét tế nhị và hấp dẫn, Long đọc thấy rất thích thú, gởi ngay *email* trả lời, mừng chị có dịp về thăm nhà, sống lại những kỷ niệm xưa, cám ơn chị đã dành thì giờ kể chuyện hay quá là hay. Long mong hai gia đình sẽ có dịp gặp nhau và kết giây thân ái. Trong một phút chạnh lòng nhớ lại một hình ảnh 45 năm trước, Long nói sẽ dặn các cháu khi gặp chị thì nhớ kêu chị bằng O.

Long cũng không có ý chờ *email* hồi âm, và rất đỗi ngạc nhiên nhận được *email* một dòng của Hằng ngay ngày hôm sau: *"Sao lại gọi là o, phải gọi là bác, hay là cô cũng được"*. *Email* có vẻ như phần nào bực bội, không có chào trước chào sau gì cả, cũng không ký tên.

Long ngỡ ngàng nhìn cái *email* cộc lốc, khó chịu không thấy có lời xã giao bình thường, muốn *delete* ngay đi nhưng rồi bình tâm giải thích: *"Chị Hằng: Chắc tại tôi viết không rõ, O đây không phải là o ni o tê bình dân bên mình, mà O là chị hay em của cha. Cách gọi bà con ở Việt Nam cũng phức tạp, không thống nhất. Nói chung thì người bắc để ý nhiều đến thứ bậc, còn người trung người nam thì để ý phân biệt bên cha bên mẹ. Nhiều người bắc gọi anh hay chị của*

cha hay của mẹ, đều là bác cả. Cô chú thì là bậc em, em cha hay em mẹ cũng không phân biệt. Còn Huế mình như Chị biết thì lại khác, dì thì phải là bà con bên mẹ, chị hay em cũng rứa; O thì là bên cha, chị hay em cũng như nhau. Các cháu tụi tôi cũng quen gọi theo lối bắc, nhưng tôi thấy gọi là bác thì thấy cũng hơi xa xôi, mà gọi là cô thì thiệt tình không dám; trong trường hợp này thì tôi thấy gọi O là thích hợp và thân tình hơn cả, là chị hay em của ba. Mong chị không có gì phiền. Thăm cả nhà vui khỏe. Thân mến, Long."

Long có ý chờ *email* hồi âm, mấy ngày không thấy, mãi hơn một tuần sau Hằng mới trả lời: *"Bạn Long: Gọi chi cũng được, miễn là có tình gia đình. Minh Hằng."*

Đưa ký ức vào kỷ niệm

Đó là *email* chót của Hằng. Sau đó ít lâu, Long có dịp đi thăm mẹ, có gởi *email* cho Hằng nói dì Ngọc có nhắc lại lần nói chuyện điện thoại với chị, và có lời hỏi thăm gia đình chị và hết cả mấy đứa con dì Diệu Minh. *Email* đó không có hồi âm.

Vậy mà cũng hơn một năm rồi. Long mở nắp *laptop*, vào *Outlook Express*, tìm lại *email* cũ. Một khoảng thời gian êm vui từ một thoáng quá khứ đầm ấm rồi cũng trôi qua.

Long thầm cám ơn cơ may đã cho mình những trao đổi một thời với người không quen.

Long thấy đã đến lúc đưa ký ức vào kỷ niệm, không còn muốn giữ *email* có tấm hình.

Long mở *email*, nhìn bức hình một lần nữa, rồi bấm *delete*. Rồi Long dứt khoát vào ngay *Deleted Items*, bấm *delete* một lần nữa. Máy hỏi : *"Are you sure you want to permanently delete these messages?"* Long ngần ngừ, nghĩ bụng máy không hiểu gì cả. Mình có vứt bỏ *email* này đi đâu, mình đang thu xếp để đưa tấm hình này về bên cạnh hai tấm hình đen trắng của 45 năm trước, để cho ba tấm hình cùng nằm gọn bên nhau, trong một *memory chip* không phai tàn. Long bấm *Yes*.

Long tắt máy. Một chấm sáng chạy dài trên màn ảnh, tưởng như một ánh sao băng. Long thầm cầu cho Hằng được vui khỏe, sống hạnh phúc bên gia đình.

Bây giờ O chỉ còn là thêm một kỷ niệm.

Bên cạnh những gắn bó yêu thương với Thúy trước khi cưới, những vàng son một đời vợ chồng trọn vẹn, những rạng rỡ gia đình con cái, dâu rể, những dòn tan đoàn tụ gia đình, những vui buồn lên xuống một thời làm việc, những nhộn nhịp hội ngộ đồng môn đồng nghiệp..., thì cái sáng giá dễ thương của O năm nào cũng chỉ như một ánh sao băng trên khung trời ký ức đầy trăng sao; cũng chỉ là một lưu luyến nhỏ bé tình cờ trong thật nhiều tâm tình không hề phai trong đời Long.

Đó cũng là thêm một chiếc gối, nhỏ bé nhưng rất êm dịu, bên cạnh thật nhiều chiếc gối ấm cúng và đằm thắm của thật nhiều kỷ niệm.

Tất cả như đã được chăn bón và lưu giữ cho một tuổi già đang tới. Và rồi cho ngàn thu.

◆ *Trần Văn Khởi*

Như có Huế ...đâu đây !

YLA Lê- Khắc Ngọc-Quỳnh

Từ Kihei Village, chúng tôi thong thả theo con đường Uwapo rực nắng vàng dù còn rất sớm, mới đầu ngày. Bên đường, hàng rào hoa cẩn tươi hơn hớn chạy dài . Những nụ hoa mầu hồng phấn chen ra khỏi đám lá xanh, rung rinh theo gió như vẫy chào. Tôi reo lên:

- A! Bông cẩn Huế đây. Thanh thanh năm cánh mỏng, uốn cong về phía sau làm bông hoa như cái lồng đèn tròn nhỏ , ôm lấy dây nhụy vươn dài có những hạt phấn liti mầu vàng.. Khác bông cẩn Tây. Hoa lớn hơn, dày, nhiều cánh xoắn xít lấy nhau tràn sức sống mà thiếu nét mềm mại, ẻo lã... rất Huế !

Mọi người nhìn tôi mỉm cười:

- Lại nhớ Huế rồi !

Bắt đầu một ngày nắng ấm trên đảo Maui của quần đảo Hạ Uy Di thơ mộng . Bỏ lại đằng sau con đường trắng xóa những tuyết của Canada gần vào tháng chạp buốt giá.

Không khí trong lành buổi ban mai. Gió từ bờ biển trước mặt nhẹ mơn man đem theo tiếng sóng rì rào, quyến rũ. Trẻ con mừng rỡ reo hò chạy nhanh ra biển nằm dọc theo con đường Kihei uốn quanh rợp bóng cây im mát. Chúng tôi quyết định thả bộ dọc theo bờ biển cát vàng. Nước mát lạnh liếm nhẹ bàn chân, rồi tràn đầy dấu chân hằn trên cát và sẽ biến mất theo làn nước rút trở ra. Bờ cát lại phẳng lì lấp loáng nước. Mọi người tận hưởng không khí biển trong lành. Sóng chao nhẹ, gờn gợn mầu xanh trong ngần bao la thăm thẳm. Bãi biển vắng người. Xa xa vài người tựa lưng bên thân dừa trên bãi gần đường Kihei, dưới chân là cả một vạt cây "lili beach" xanh tươi điểm lát đát những hoa tim tím như hoa rau muống chạy dài theo bờ cát uốn khúc ngút ngàn tầm mắt...Đẹp như tranh vẽ. Cùng sóng biển lao xao, chỉ có tiếng chuyện trò của chúng tôi và tiếng cười dòn của trẻ con nghịch nước. Chúng tôi phá vỡ cái yên lặng của bãi Kihei vắng người. Nghe nói người ta không thích tắm ở đây . Cát không trắng và độ nông sâu không đều. Nhưng với chúng tôi, những người thèm biển thì đây cũng là nơi ưa thích rồi ! Đến một khúc quanh lớn, hai ba lều vải của một gia đình cắm trại qua đêm. Họ đang chăm chú theo dõi dây câu từ ba bốn cần câu đang cắm sâu trên cát. Một con cá cắn câu. Theo họ chúng tôi góp tiếng reo hò vui thích. Con cá lớn hơn bàn tay. Mọi người chuyền tay nhau ngắm nghía. Cá cong mình vùng vẫy sáng lấp loáng dưới ánh mặt trời. Thế rồi một cô gái lấy hai tay nâng nhẹ cá và từ từ thả lại xuống nước. Cá lại tung tăng rời bờ...trước cái nhìn ngẩn ngơ của cô cháu gái tôi....Bắt được cá ba bốn bận nhưng họ đều làm như vậy, thì ra họ câu cá để chơi !. Trong lều vọng ra tiếng đàn hát vui vẻ, rộn ràng vùng biển vắng . Chúng tôi vui lây, bước gần các lều , dừng chân một lát rồi theo bờ cát lên cao. Cát lún dưới chân nằng nặng, trẻ con lại có dịp cười đùa . Lên đến đường, chúng tôi nhập với những người đang đợi xe bus. Xe bus dừng lại, mầu trắng có dòng chữ mầu xanh lá cây ngọt ngào " Hawaiian Tours". Bus như một chiếc van của gia đình, 12 đến 15 ghế ngồi rộng rãi thoải mái. Khách đưa $2.00 US cho tài xế và có thể ngồi suốt dọc đường dài ngắm cảnh tha hồ và chỉ phải trả $2.00 khác cho vòng trở về ngược chiều . Hành khách trên xe hầu như mới từ bãi tắm bước lên nên còn nguyên áo tắm hoặc chỉ khoác tấm khăn lông qua đôi vai trần rám nắng, mạnh khỏe lấm tấm bụi nước biển . Họ chào

chúng tôi và biết ngay là những người mới đến vì áo quần khá" chỉnh tề". Trước mặt bến xe, hai ngôi nhà khá lớn, một treo cờ Mỹ và một treo cờ Canada, chắc là nơi cung cấp tài liệu và chỗ ở cho khách du lịch của nước họ. Và sâu bên trong sau hai ngôi nhà nay là một nhà nhỏ hơn lại treo lá cờ nhiều mầu , giới thiệu cơ sở của những người "đồng tính luyến ái." Có người buột miệng : đất Mỹ mà, mọi người tự do ! Thật vậy, đất Mỹ hình như là nơi nhiều tôn trọng nhất với cá biệt tự do. Nơi tôi ở cũng vừa có buổi diễn hành khá rầm rộ của những người này tháng bảy vừa qua. Cũng nhiều nhà hàng ăn Việt Nam tọa lạc cuối đường Kihei: Phở Saigon, Phở Ba Lê, Vietnamese Cuisine nơi đây có cả bún bò Huế...

Xe bus dừng trên lộ, chúng tôi mang đồ lề để bước vào con đường nhỏ dẫn vào bãi tắm Wailea, nơi chọn lựa của mọi người và cũng là địa diểm khá nổi tiếng mà dân du lịch ưa thích . Bên đường , hàng rào cây trúc đào, hoa che cả lá,nhiều và rực hồng làm sáng lối đi như một tấm lụa đào trải dài theo chúng tôi vào đến tận bờ biển tưng bừng du khách . Bãi Wailea không rộng lắm. Bờ cát phẳng và sạch. Một phía tiếp giáp bờ đá cong cong, thấp cao ngoạn mục. Trẻ con thích những khe nước trong vắt , theo dõi đàn cá nhỏ tung tăng nhởn nhơ, reo hò nhặt những vỏ sò bé tí tẹo gờn gợn ánh xa cừ...Phía bên kia ,bờ cát nhô ra và làm rõ nét bằng những cành cây lá nhỏ li ti như lá me nhưng đầy gai nhọn. Những cành cây uốn éo sà xuống , rung rinh in bóng mặt nước sáng ánh mặt trời vẽ nét thơ mộng . Nhiều người đưa cao máy ảnh như muốn giữ cảnh bất tử cho mình. Tưởng còn sớm chúng tôi thong thả bước. Đến bãi mới thấy người đông nghẹt, khó tìm một chỗ trống .Nhiều vòng qua lại mà hai chiếc chiếu nhỏ trên tay vẫn chưa thể để xuống. Chúng tôi không nản, vẫn loanh quanh tìm kiếm. Bước xa hơn, gần bờ đá,bổng một người đàn bà trẻ gọi, vui vẻ chào và kéo gọn tấm khăn lông lớn, nhiều mầu lên sát bờ cát nhường chỗ. Mừng rỡ chúng tôi cám ơn, đặt chiếu xuống , xếp đồ đoàn. Trẻ con reo hò chạy bay xuống nước vẫy vùng. Máy ảnh bắt đầu làm việc. Mọi người tản mát đó đây,ngắm cảnh, đùa nước, chụp ảnh...hay đảo một vòng, vui vẻ nhận những nụ cười thân mật chào hỏi . Chung quanh hầu như toàn người tứ xứ. Thống kê cho thấy quần đảo Hạ Uy Di hết 99% dân số là người ngoại quốc và dân du lịch tấp nập vì quanh năm rực rỡ nắng vàng... Rất hiếm hoi thấy được một thiếu nữ bản xứ, làn da rám nắng hồng, trong bộ " xà rông " sặc sỡ , vòng hoa sứ trắng tươi trước ngực với nụ cười duyên dáng ...như trên các bích chương quảng cáo hay trên đài truyền hình . Không thấy họ trên đường phố và càng không tìm thấy bên các bãi biển nhiều vô số kể trên khắp quần .đảo. Muốn tìm họ phải vào các show ca nhạc đặc biệt thường tập trung ở thành phố lớn như Honolulu.

Đi chưa hết một vòng, tôi đã vội trở về chỗ, sắp xếp đồ đạc ra đằng sau chiếc chiếu để có chỗ cho bữa ăn buổi trưa sắp tới . Tiếng cười bên cạnh làm tôi quay lại. Người đàn bà ban nãy nhường chỗ cho tôi đang quàng vai một người đàn bà khác trẻ hơn. Họ vừa dưới nước bước lên , tóc ướt nhẹp và đôi vai trần mạnh khỏe rám nắng đẫm nước biển nhỏ giọt. Cả hai nhìn tôi tươi cười chỉ vào hộp nhựa trước mặt hỏi :

- Thứ này có phải là chả giò Việt Nam không ? Chúng tôi đã có dịp thưởng thức nơi nhà hàng VN vùng Chelmsfort của chúng tôi .

Tôi mỉm cười gật đầu và tiếp theo câu chuyện, tôi biết thêm, họ đến từ Boston-Massachusette trong" tuần trăng mật" của ho. Ngạc nhiên , tôi mở to mắt nhìn và chợt biết mình "thiếu lịch sự", tôi chống chế và khách sáo:

- Tiếc quá, không có champagne để mừng tuần lễ thần tiên của hai bạn. Thôi ngồi xuống đây ăn chả giò với chúng tôi vậy. Ồ, tôi cũng biết Chelmsfort nữa, ngày trước con tôi ở đấy. Rất nhiều nhà hàng ăn VN .

.Họ tự nhiên đến dễ thương. Vừa ăn vừa vui vẻ giới thiệu khiến tôi tạm quên cái ngượng ngùng ban nãy:

- Tôi, Marguarita,chồng và Laura,vợ.

Câu chuyện được tiếp nối thành thật đến không ngờ .Tôi nghĩ bụng nếu là tôi thì sẽ không dễ dàng tâm sự như Marguarita đã nói hết với một người lạ như tôi. Xúc động, tôi yên lặng lắng nghe:

- Đám cưới chúng tôi cách đây hai tuần tại ngôi nhà thờ nhỏ vùng Chelmsfort. Tội nghiệp vị linh mục vui vẻ nhận lời chủ lễ cho chúng tôi xong thì bị giáo dân phản đối và tẩy chay không đến lễ tại nhà thờ ngày chủ nhật sau đó. Hiện nay nhà thờ đang trong khó khăn giải thích với dư luận về đám cưới của giới đồng tính như chúng tôi...

Nghe kể, tôi bớt áy náy vì ngay cả trong xã hội người da trắng, tưởng cùng văn hóa, giáo dục, cái nhìn sẽ nhẹ nhàng dễ dãi phóng khoáng và tự do hơn. Dư luận phương tây vẫn chưa chấp nhận sự kiện này, cho nên ánh mắt ngạc nhiên ban đầu của tôi cũng có thể tha thứ được ? Marguarita kể chuyện này với tôi, vẫn tươi cười quàng vai người bạn đời âu yếm. Maguarita chấm dứt chuyện kể với lời than "tội nghiệp ông cha!"

Nhìn quanh khách du lịch xứ này hình như gồm rõ trong hai nhóm: những người già, hưu trí, nhiều thì giờ muốn tìm nơi nghỉ hè đúng nghĩa: Nắng ấm quanh năm và đâu đâu cũng tìm thấy bãi tắm thuận lợi; Nơi đây thật thần tiên cho những cặp uyên ương, những người trẻ mới cưới tận hưởng những ngày vui ngọt ngào trên một nơi mệnh danh là "Thiên Đàng Hạ Giới". Nơi đây, bãi tắm Wailea cũng nhìn thấy rất nhiều đôi bạn say hưởng giây phút tươi đẹp của buổi đầu chung sống, trong đó có Marguarita và Laura, đôi bạn mới của chúng tôi...sau cùng mới kể đến những gia đình, đại gia đình cùng nhau họp mặt trên xứ nắng vàng và nước xanh của quần đảo Hạ Uy Di.

Nắng lên cao hơn, chiếu thẳng vào tôi. Marguarita đưa tay kéo tấm trải lên cao, ân cần nói:

- Bà cần dịch qua dây chút nữa, có bóng cây, đỡ hơn.

Tôi cảm ơn và di chuyển về phía có bóng mát của tàng cây. Nhìn lên , tôi bổng vui vẻ reo to :

- Trời ! cây bàng !

Cây bàng cổ thụ, nhiều cành trên cao. Trong đám lá xanh to, lát đát những lá bàng mầu vàng đỏ vẫn tràn sức sống và đẹp lạ lùng. Nhắc nhớ dãy bàng trên đường Gia Hội thuở nào. Mỗi ngày đi học cùng lũ bạn dừng lại tìm kiếm những quả bàng rụng có màu vàng thơm thơm rồi đập bể lớp vỏ cứng để chia nhau cái nhân trắng bùi bùi tan nhẹ vào lưỡi. Mân mê lá bàng màu đỏ trong tay xao xuyến cả một trời Huế thanh bình xa xưa. Tôi lâng lâng trong cảm giác nhớ về êm đềm dưới bóng mát cây bàng thân quen có lá đỏ nhuộm sáng ánh mặt trời bên cạnh cả rừng lá mầu xanh xòe to che rợp một vùng. Bữa cơm trưa ngon hơn với lát cơm bới trắng dẻo chấm thịt muối sả, bên dưới tàng lá bàng mát rượi...tưởng như đang rất gần quê hương !

Rời bãi tắm, chúng tôi lần theo bờ biển trên con đường LaHaina ngoằn ngoèo uốn khúc. Xe chạy hai chiều ngược xuôi như đường đèo Hải Vân ngày trước. Bên phải núi cao chập chùng, có nơi đỉnh nhọn chót vót , vùng núi mới: núi non. Bên trái là bờ biển lượn cong trong xanh nhiều sắc độ đậm, nhạt, ngọc bích... phản chiếu ánh mặt trời, nhìn từ trên đường cao, đẹp tuyệt vời ! Người tắm biển lao xao dưới xa. Ngang qua vùng của những người chơi trượt nước, bãi surf, rất nhiều người say sưa hoạt động trên những tấm váng nhiều mầu, lướt trên đầu sóng ra vào rộn rịp dưới nắng hè . Đặc biệt suốt dọc bờ biển, hầu như bãi nào cũng tắm được. Nơi đâu cũng thấy người say sưa sóng nước. Nhiều nơi có đám lửa củi còn bốc khói mỏng lên cao của những người cắm trại nhiều ngày ở đây.

Xe đổ lại bên đường, dưới bóng cây phượng vỹ thấp lát đát hoa đỏ. Nhặt cánh phượng vò nát trong tay, mùi thơm ngai ngái gợi nhớ sân phượng trường Đồng Khánh. Chỉ một cây đơn lẻ mà cũng làm nỗi nhớ òa về như những trưa hè, tà áo trắng học trò bổng nhuộm hồng khi vòng xe

đạp ngang qua đường Nguyễn Hoàng rợp ánh phượng. Mọi người đã kéo nhau qua bên kia đường, tôi còn tần ngần nhìn lên những hoa đỏ bên ngàn lá xanh rưng rức. Như hiểu ý, con trai trở lại, nắm tay tôi dẫn đi vừa cười nói:

- Đến đây con chỉ cho mẹ cây me có trái chin đàng hoàng như nơi vườn bà cố...ở Ao Hồ.

Ngẩn nhìn cây me cao lủng lẳng trái mầu nâu thẩm trên cành vẫn còn lốm đốm hoa vàng nhỏ xíu. Như thói quen ngày nhỏ , tôi cúi tìm trái rụng dưới gốc. Trái me chin nhỏ xíu không biết rụng từ đời nào, nằm dấu mình trên cỏ cũng làm chúng tôi mừng quýnh, gọi nhau ơi ới. Chưa nếm được mùi me"rốp" mà nghe như có vị chua chua ngòn ngọt ở đầu lưỡi. Mọi người vui vẻ thong thả hướng về phía chợ trời (flea market)...thú mua sắm thông thường ở đây, vừa rẻ vừa tha hồ trả giá còn hơn cả chợ Đông Ba. Thích thú vì không thiếu mặt hàng gì. Từ đồ trang sức ngồ ngộ của vùng biển hay trình bày bằng những hoa thổ sản địa phương như hoa sứ, hoa lan, hoa gừng đỏ...đến những đồ gốm, sành từ Trung Quốc, Nhật Bản... Vui mừng biết mấy , lắm khi còn tìm mua được cả rổ trái mãn cầu chin cây từ vườn nhà mới mang ra hay trái mít nghệ thoảng mùi mật ngọt. Rất nhiều khu chợ trời trên đảo này mà bao giờ du khách cũng tấp nập.rộn rịp như đi hội chợ.

Con đường Haleakala vòng lên vùng núi . Trên cao 10.000 fe et, vùng núi lửa đã nguội, có loại cây chỉ đặc biệt mọc ở đây,cây kiếm bạc (Silversword) làm thành bụi tròn, lá cây có mầu xanh bạc mềm mại hơn lá cây xương rồng, sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời. Trông rất lạ như chưa hề thấy nơi đâu. Đường ngoằn ngoèo dốc lên cao, rất hẹp, đến chân cầu nhỏ, phải dừng lại nếu có xe ngược chiều. Mỗi lần chỉ một xe qua cầu. Hai bên toàn là rừng, cây cối xanh tươi suốt năm. Rừng tre thân nhỏ lá xanh thon dài san sát chạy dài cả mấy cây số ôm sát lề đường làm thành bức màn tre xanh mát ngút tầm mắt. Chưa đến rừng ổi mà mùi thơm ngào ngạt đến nhức đầu . Cả vùng ổi chin vàng. Trái không lớn . Đơm đầy cây và thơm vô cùng. Loại ổi có ruột mầu đỏ, như loại ổi lòn ở Huế từng mời mọc đám học trò nhỏ chúng ta ngày xưa. Và ngạc nhiên để ngang qua một rừng trái đào của Huế (quả roi ngoài Bắc và trái mận trong Nam), trái nhỏ mà dù chín cũng chỉ xanh xanh ươm ươm hồng. Giống hệt trái đào ở Huế, chưa nếm thử nên chưa biết mùi vị ra sao. Sau rừng đào là rừng xoài trái nhỏ xanh xanh, hạt lớn nhưng rất thơm, người ta gọi là xoài cơm...Toàn cả loại trái nhiệt đới gợi nhớ một trời quê hương trên xứ người vời vợi xa.

Xe lướt qua đoạn đường dài san sát loại cây lớn như cây phượng hai bên mà hoa tím ngát rợp trời vẽ thành đường phượng tím thơ mộng . Nhìn kỹ lá và hoa khác hẳn hoa phượng. Đây là loại cây jacaranda mọc nhiều ở các vùng đất cao gần biển.

Chúng tôi tìm vào ngôi vườn cây nhiệt đới mà hàng cây hai bên dẫn vào là hai dãy cây phượng vàng, hoa nhỏ mọc lưa thưa mà những buổi lễ cúng ở Huế không bao giờ thiếu vắng bình hoa này. Chúng tôi quen miệng gọi là phượng cúng. Tiến sâu vào trong toàn kỳ hoa dị thảo...Một cây khế chi chit quả xanh có vàng có, nghiêng nghiêng bên hồ nước lơ thơ hoa súng mầu tím xanh. Đang " zoom" máy ảnh sát quả khế ươm vàng ,mọng nước, bỗng có tiếng rối rít cuối vườn :

- Huế đây rồi ! Huế đây rồi !

Chúng tôi từ mọi phía ào tới, trời ơi một dãy cây thầu đâu (sầu đông) hoa tim tím pha trắng , lá hình răng cưa mềm mại rung rinh theo gió. Thật tình Huế quá ! Tôi bỗng xa vời nhớ hàng cây thầu đâu san sát dẫn vào lối sau vườn nhà bà ngoại, gần ngõ tắt bước qua trường Gia hội. Xúc động ,có giọng ai vang nhẹ bên tai:

- Huế của mình cũng có ở dây !

Canada mùa mưa Huế.

◆ *YLA Lê- Khắc Ngọc-Quỳnh*

Ngỡ ngàng về với Huế

Phan Mộng Hoàn

Thiếu nữ xinh thật xinh, cao lênh khênh, xếp hàng gần cuối cùng trong đội múa dân tộc. Cô bé vừa dành nhau với lũ bạn ngồi bệt xuống dưới chân hàng ghế sắt xếp cao dần tít trên kia lúc này đã chật như nêm. Đêm Huế mùa lễ hội sao nóng bức, gió không thấy đâu, hay trốn mãi trên kỳ đài ngất cao? Anh ngồi ở hàng ghế khách mua vé, bỗng nao nức nghe tiếng ríu rít của bầy chim vành khuyên áo lục thắm. Bầy thiếu nữ dễ thương ghê, họ lao xao cười đùa với nhau, không xa lắm dưới chân anh.

"Cỏ thơm! ơi Cỏ thơm!" Người đàn bà gọi lớn tiếng hướng về bầy vành khuyên áo lục. Anh quay lại nhìn bà ta. Bà nói: Xin lỗi! xin lỗi! Âm thanh giọng Huế nghe ngộ nghĩnh. Anh nhận thấy bà ta và bà bạn sát vai nhau ngồi hàng ghế trên anh đều đã đứng tuổi nhưng thấp thoáng hương sắc ngày xưa còn đọng lại trong nụ cười. Bà vừa cất tiếng nhanh nhẹn bước xuống, len lách giữa đám sinh viên áo đỏ bọn anh, và phút giây đã lẫn vào những cô gái trẻ đang ngồi chen nhau dưới ấy. Hình như bọn con gái nhỏ này đang chờ lúc đến phiên ra sân khấu. Tự nhiên anh tò mò dõi theo xem...

Bà mẹ khẽ ôm vai con gái, thì thầm nói gì. Cỏ thơm, Joe đoán thế, quay đầu ngước lên phiá anh. Joe thoáng rung động. Ánh mắt sao mà đen láy, xênh xếch và reo vui. Cô bé đưa tay nhẹ vẫy. Anh ngạc nhiên tưởng cô ta chào mình, nên Joe cũng vẫy tay chào trả lại. Nào ngờ thiếu nữ rụt tay và nghiêm mặt không cười nữa. Có lẽ, cô bé vẫy chào bà bạn của mommy ngồi hàng ghế sau lưng Joe. Anh hơi ngỡ ngàng. Joe nghĩ thầm sao người ta khó tính thế, chào vu vơ thì đã sao nhỉ. Nhưng Joe đã quên điều này, người ta dân Huế gốc, như me cậu hay kể- thật lòng khó làm quen!

Nghỉ hè năm nay, Joe từ Monterey qua Pháp chơi với gia đình người em họ của me cậu, gặp lúc đoàn hướng đạo của Dân con trai của cậu Kiêm tổ chức về Việt Nam dự Festival mở ra ở Huế; thế là Joe gọi phone về Mỹ thưa với ba me cho cậu tháp tùng đoàn Scout này về quê hương luôn. Quê me nghe nói ở Kim Long nhưng nào Joe biết đâu mà tìm. Khi gia đình Ba me cậu theo diện HO của ông ngoại qua định cư ở Mỹ cậu bé Qu?nh vừa lên 10. Đến nay 2008 Joe hay Quỳnh tròn 23 tuổi, tiếng Việt Nam nói không ngọng tuy nghe hay hay vì không có dấu trầm dấu bổng như kiểu ba me vẫn phát âm. Còn chữ viết thì chỉ lỏm bỏm nhớ nhớ quên quên. Vì bất ngờ về thăm nên Joe không hề được chuẩn bị chu đáo. Từ lâu me hứa hẹn sẽ đưa các con về thăm quê nhà nhưng chưa phải là đột xuất như lần này.

Joe tên Việt là Quỳnh, nhưng các bạn Mỹ gọi là Joe cho dễ phát âm. Nguyễn Nam Quỳnh trắng trẻo xinh trai, chưa có bạn gái. Sau hè này Joe thực sự vào Standford để theo học ngành Y. Qua Pháp ham theo Dân sinh hoạt scout, Quỳnh không có dịp để làm quen cô đầm non nào. Về VN mới hai hôm nay, cậu tính cùng Dân tìm lên Kim Long chơi, nhưng vì đi theo đoàn bận viếng thăm nhiều thắng cảnh của cố đô nên hết có cơ hội. Me tối hôm trước gọi cell phone về nhắc chừng con trai nhớ rủ Dân đi thăm mộ ông bà nội ở Nguyệt Biều. Lại thêm một cái tên lạ hoắc khó lòng viết cho khỏi trật.

Trước sân chầu mênh mông bây giờ nô nức. Đoàn biểu diễn nghệ thuật nước ngoài đang gây xôn xao. Bà con cười reo trước cảnh mấy chục cặp chân cẳng cà khêu, cái cao nhất dễ 5, 6 mét tây đang nhịp nhàng bước. Với Joe thì bình thường. Ca-vũ-nhạc-kịch-ảo thuật ở đâu bên ấy cũng có, cậu không hào hứng mấy. Nhưng ở đây thì

khác, thiên hạ mê say nhìn những sãi chân dài năm thước cùng tiến cùng lui, quanh co uốn lượn trông thiệt ngoạn mục. Người xem la ó quá chừng. Quỳnh chỉ mãi tìm bóng áo lục. Dân hiểu ý chuyền cho anh cái ống dòm. Quỳnh điều chỉnh ống kính. Anh thấy cô gái nhăn nhăn mày ngước mặt nhìn lên mẹ, trông thương quá. Bà già cô đang ham theo dõi lũ chân cẳng cà khêu nên không hay biết gì. Quỳnh liền quay lại trao cho bà ta chiếc viễn vọng kính. Cậu nói:

-Con gái bác muốn nói gì với bác dưới kia.

Bà mẹ sửng sốt ngó trân chàng trai áo đỏ. Trông chàng thanh niên mặt mày sáng sủa dễ thương nhưng giọng nói, sao âm thanh nghe không có dấu thiệt tức cười. Quỳnh lịch sự giải thích:

- Bác xem cô ấy ở kính viễn vọng này.

Cô gái cười rạng rở khi thấy mẹ dơ tay vẫy mình rối rít. Chà! mẹ còn ngó trong ống dòm nữa kìa. Tên áo đỏ ngồi gần mẹ đúng là người hồi nãy chào mình. Cô bèn nhìn lơ sang đám bạn. Quỳnh vừa kịp gửi nàng cái hôn gió. Cỏ Thơm nóng bừng cả hai má tưởng như ai đang hôn vào mặt mày cô.

Bây giờ là lúc đoàn nghệ sĩ Pháp tiến ra sân khấu trình diễn. Lập tức suốt mấy dãy ghế quan khách là hàng mấy chục sinh viên nam nữ mặc đồng phục đỏ, liền đứng phắc dậy gập mình chào rồi sau đó ngồi xuống và cùng loạt dơ cao và mở rộng hai tay. Không ai bảo ai, họ nghiêng người qua phải rồi nghiêng sang trái, uốn lượn nhịp nhàng cách đều nhau làm thành động tác như chuyển động hình sin, như làn sóng to nhỏ nhấp nhô trông thật ngoạn mục. Đoàn áo đỏ đang cổ động phe nhà của thói quen hải ngoại. Bà mẹ Huế cũng vui lây cảm thấy trẻ lại mấy chục tuổi đời, bà uốn qua uốn lại dơ cao tay như bầy trẻ nước ngoài. Từ đó về sau nhóm bà mẹ Cỏ Thơm và các chàng trai từ Pháp về trở nên thân mật.

-Các cậu là người Việt Nam ở bên Tây về?

Quỳnh thưa:

-Bọn cháu là Mỹ là Pháp gốc Việt.

Bà mẹ bạn nhanh nhẩu tự giới thiệu:

-Tôi từ San Diego về, người Huế chính cống

Thấy Joe tròn mắt không hiểu cho hết câu nói. Mẹ Cỏ Thơm dịch:

-Là người Mỹ gốc Huế trăm phần trăm đó cháu.

Dân lúc này mới xen vô góp chuyện với ba bác cháu Quỳnh;

-Cháu và Joe, à... Quỳnh, ba mẹ đều là người Huế. Tụi cháu gia đình ngày xưa ở làng Kim Long. Là đâu hả bác?

Bà San Diego chậm rải nói:

-Kim Long cách làng chúng tôi một dòng sông.

-Thưa là Rivière de Parfum là Hương giang phải không ạ.

-Đúng rồi đó là con sông đẹp nhất thế gian này.

Bà mẹ bạn mơ màng nhắm hờ mắt lại và hãnh diện nói như thế. Dân liến thoắng tiếp lời:

-Ba mẹ cháu cũng thường bảo rằng sông Seine đẹp thật nhưng thua xa Hương River...nghe không thằng Mỹ con Quỳnh! À, Tụi cháu dịp này về đây, ba me đều muốn phải lên thăm mộ ông bà nội ở Làng Quán Nguyệt Biều. Chắc là xa xôi lắm phải không ạ?

Mẹ Cỏ Thơm hí hửng nói:

-Vậy thì ngày mai gia đình chúng tôi mời hai cháu về nhà chơi. Sẽ làm món Cơm Hến khao các cháu gọi là chốn thân tình.

Bà mẹ bạn nói rõ hơn:

-Nhà bạn Diệu Chân đây ở sát nách làng Nguyệt Biều, trên con đường Huyền Trân Công Chuá.

Hai tên áo đỏ cùng reo lên:

-Wonderful! Merveilleux!

Khi bầy chim vành khuyên cánh lục biếc bay tỏa ra sân, bây giờ đến lượt hai bà mẹ Huế nồng nhiệt đứng lên chào, và hét to:

-Cỏ Thơm, Cỏ Thơm...

Nàng áo lục xếp hàng cuối cùng không quay đầu lại nhưng khẽ nghiêng vai và dơ cao cánh tay mềm mại vậy. Quỳnh rồi Dân

nhanh tay điều chỉnh máy ảnh, sao cho thật gần để bấm tí tách cố thu cho được dáng vẻ thanh mảnh của cô gái Huế tóc vấn gọn trong tấm khăn vàng. Các cô áo lục này bay lượn chung quanh đoàn áo dài tha thướt vũ lượn trên sân khấu. Bao nhiêu tơ lụa vàng lấp lánh. Những xiêm y lộng lẫy nổi trôi bồng bềnh giữa mây trắng chập chờn. Khăn hoàng hậu, xếp nếp vành cao, và hàng trăm nhan sắc yêu kiều của Huế. Cố đô thanh lịch khiến thiên hạ chao đảo hồn trí.

Festival 2008 của Huế mở ra theo thông lệ 2 năm một lần. Nhờ thế kho?ng th?i gian sau nầy, xứ Huế ngoi ngóp hồi sinh. Từ sau 75, khi toàn lãnh thổ Việt Nam được thống nhất và hết cảnh nội chiến Nam Bắc, nhưng dân chúng lại trở nên vô cùng khốn khổ đói rách. Gần đây với chính sách cởi mở của nền kinh tế thị trường và riêng cố đô triều Nguyễn Việt Nam nhờ thừa hưởng việc UNESCO trùng tu cung điện, đền đài nên Huế đã có cơ hội để đón tiếp khách nước ngoài về du lịch tham quan. Huế phần nào thoát cảnh lầm than.

Khắp nơi từ thành phố đến thôn quê, làng xã, đường sá được sửa sang, tráng nhựa cho khỏi lồi lõm ổ gà ổ vịt. Du khách di chuyển bằng xe taxi có máy lạnh, tiền lại không mắc. May ra như thế Huế không bị bỏ rơi, tụt hậu. Từ đó kinh tế có chút hơi hưởng giúp dân chúng sinh hoạt kiếm miếng cơm no mùa nắng. Dân Huế lao động cực nhọc khi trời khô ráo, mong sao dành dụm khỏi đói rét vào mùa mưa gió bão lụt.

Khoảng 11 giờ đêm chương trình văn nghệ chấm dứt, quan khách ai mua vé giá cao tiếp tục vào nội điện để xem ca vũ nhạc cung đình. Tuy nhiên hai chàng trai trẻ không theo đoàn sinh viên Scout Pháp của họ. Quỳnh và Dân luẩn quẩn với nhóm hai bà bạn già đợi chụp hình chung với mấy cô gái của bầy chim vành khuyên áo lục. Cỏ Thơm mắc cở đứng chen lẫn đàng sau các bạn. Bà mẹ lôi tay cô ra phiá trước. Cỏ thơm phụng phịu mặt mày, Quỳnh thấy sao vẫn đáng yêu. Cậu và Dân liền ngồi sụp xuống trước chân các nàng, như kiểu cầu thủ bóng đá. Khi return lại máy hình Quỳnh tức cười vì bắt gặp Cỏ Thơm đang cúi xuống nhìn mình. Cần cổ thiên nga nghiêng nghiêng...trong khi đám bạn cô lao xao luyến xuyến cười hét vang rân. Giọng Huế của các nàng nghe sao vui tai, líu lo như chim hót. Quỳnh không làm sao hiểu cho rõ các cô gái đang nói gì với nhau.

Chụp hình xong, cả bầy con gái rủ nhau ùa chạy đến chỗ chất đầy hằng trăm hoa sen trang hoàng cho đêm văn nghệ. Cô nào cũng tham lam ôm đầy tay những đoá sen đủ màu. Quỳnh ham thu hình cảnh "ăn trộm" hoa của các cô gái nhỏ nên chẳng có bông sen nào cho mình. Cuối cùng anh cũng có phần. Bởi vì bà mẹ Huế đã order con gái:

-Hay chưa tề, sao không ai chia cho các bạn mới rứa hè!

Cỏ Thơm rụt rè lấy bớt hai bông sen, một hồng một trắng và dúi mạnh vào tay Quỳnh. Dân kịp thu vào máy ảnh cảnh tặng hoa ấy. Rồi mọi người chào từ giã nhau. Mẹ cô gái dặn hai anh nhớ trưa mai lên nhà bà chơi, ăn cơm hến.

*

Hai chàng trai nhẹ nhàng trong bộ áo quần ngắn kaki của đồng phục hướng đạo, chân mang giày vải. Các anh rời khách sạn thuê chung với đoàn Scout, bọn họ mãi còn chìm trong giấc ngủ vì đêm qua 2 giờ sáng đoàn mới trở về. Đôi bạn rủ nhau chạy bộ từ sáng sớm.

Sông Hương mơ màng trôi chảy, đỏm dáng cài những hoa sen khổng lồ, lớn cỡ một chiếc thuyền nhỏ. Nghe nói mùa lễ Phật Đãn năm nay Huế tổ chức đại hội quốc tế đón tiếp đại biểu từ mấy chục quốc gia về tham dự, nên khắp nơi thành phố diêm dúa điểm trang. Những cổng chào uốn vòm, đan hoa văn gắn đầy hoa sen. Dọc con đường Lê Lợi ngang qua các trường Quốc Học - Đồng Khánh tên xưa, giăng mắc những chiếc lồng đèn bằng lụa đỏ vui mắt. Ngắm những cánh hoa màu đỏ hồng tươi tắn bềnh bồng giữa dòng sông xanh thắm, Quỳnh cảm thấy Huế giảm bớt nét thi vị của cố đô thanh lịch trầm lặng.

Nhà nước lợi dụng kéo dài cảnh trí trang hoàng mùa lễ Phật, dùng lại cho Festival 2008, nên chợt làm cho thành phố nổi tiếng trầm mặc hóa ra cải lương bình dân.

Theo lời hướng dẫn của sách du lịch bỏ túi, nếu cứ đi cặp theo bờ sông Hương dần lên phía Bắc họ sẽ đến Phường Đúc. Với số phone có được của các bà bạn quen cho nhân đêm ca vũ nhạc tối hôm qua làm gì hai du khách trẻ không tìm tới nhà họ để được đãi ăn món Huế.

Hai chàng mỗi người 1 chiếc balô đeo gọn gàng sau lưng, chứa bao nhiêu thứ dùng cho thời gian du lịch. Các chàng trai mới hôm trước mặt mũi còn sáng sủa trắng trẻo nay rám màu nâu hồng mạnh khỏe. Khi các anh chạy bộ ngang qua đầu vòng theo bờ sông Hương, họ cũng hấp dẫn đám trẻ con ùa chạy theo họ. Dân vừa chạy chầm chậm vừa lần tay với tìm sau lưng nơi túi ngoài của balô, lấy ra mấy thanh kẹo gum xanh đỏ. Anh vui vẻ làm quen và mời bầy nhóc da đen nhẻm cùng nhấm nháp với mình.

Từ múi cầu Gia Hội, bầy Việt dã bất ngờ gồm khoảng 7, 8 cậu bé cùng 2 chàng hướng đạo dừng chân. Quỳnh, bác sĩ tương lai tinh ý nhận thấy các em thở hồng hộc và da càng mét xanh đen tái hơn. Vậy là do đói. Anh lục balô tìm hộp cheese bò cười, bao kẹo chocolat MM đủ màu cùng gói bánh khô lấy ra chia cho các cậu nhỏ. Trong khi Dân đang sà xuống bên cô bán hàng rong, mua hai chục trái bắp luộc còn bốc hơi nóng thơm lừng. Anh chia đều cho cả bầy lớn bé. Các em háo hức nhai nuốt rộn ràng, mặt mày dần tươi tỉnh. Dân dò hỏi và biết đang mùa nghỉ hè, vừa là mùa lễ hội Festival, các em nghỉ học.

Anh chợt thấy trong đám trẻ có hai cậu bé buồn hiu. Anh phải tìm hiểu nguyên nhân. Cu Nam trã lời khi nghe anh Dân hỏi:

-Hết hè ni, em và cu Lì không phải đi học nữa.

-Tại sao lại bỏ học? chừng này tuổi đã chán đến trường hay sao?

Quỳnh thắc mắc và ngó thẳng vào mặt chú bé xinh xắn, làn môi giờ đã hồng lên nhờ có kẹo, bánh, chocolat và trái bắp luộc tiếp sức. Cu Lì đăm chiêu trã lời:

-Tháng trước mạ em đau nặng, tiền để dành cho học phí phải đổ sạch vô tiền thuốc nên...

Thằng tuấn, đứa trẻ vạm vỡ nhất trong đám tiếp lời bạn:

-Sau kỳ hè, vô đầu niên khoá tụi em mỗi đứa phải đóng liền một lần 300 ngàn đồng, em rồi Kiên, Hùng, Minh, Ngọc tuy không dễ dàng chi nhưng gia đình cũng tạm lo được. Phần em, ba mạ em đã chuẩn bị rồi. Còn bạn Lì, hết thuốc chữa! rứa là nghỉ học thôi. Như bạn Nam nữa, cha thợ hồ xóm cầu Đông Ba, hết việc làm, lấy mô ra tiền cho hắn tiếp tục học!

Tuấn thở ra và im lặng. Cả bọn trẻ mất vui. Quỳnh Dân kinh ngạc nhìn nhau. Trong phút chốc mắt họ chợt loé tia sáng giải quyết vấn đề. Quỳnh nói ngay:

-Anh và anh Dân sẽ giúp hai em tiền học phí niên học mới. Thôi, vui lên, ăn xong kiếm nước uống, anh em mình chạy tiếp, OK!

Một thoáng im lặng vì ngỡ ngàng, rồi chợt oà vỡ tiếng reo hò vui mừng của tụi nhóc mới lớn. Vừa tiếp tục chạy thong thả cho lũ trẻ không mất sức. Quỳnh vừa khẽ bàn với bạn:

-Lên nhà Cỏ Thơm, lát nữa tụi mình bàn với các bà mẹ Huế giúp dùm việc này. Vì chắc là chúng ta không có nhiều thời gian, phải không?

Dân gục gặt đầu đồng ý. Sinh viên như họ du lịch không nhiều tiền thật, nhưng nếu nhín tiêu bậy bạ, như không mua quà linh tinh đem về là có ngay số tiền để giúp cho cu lì, cu Nam đi học. Mới 12 tuổi, bắt đầu lên trung học các em đã tắt ngúm tương lai cuộc đời, nghĩ thiệt tội nghiệp.

Khoảng 10 giờ, Quỳnh Dân chào từ giã các bạn nhóc mới quen. Anh em bịn rịn chia tay nhau. Dân xin địa chỉ hai em Nam và Lý tức cu Lì và hứa sẽ liên lạc với cha mẹ các cậu. Chiếc máy ảnh Digital của Dân được dịp bấm tí tách bao nhiêu là hình ảnh đám bạn trẻ vừa kết làm huynh đệ hè 2008. Quỳnh tươi cười hẹn với tụi nhỏ, vài

năm nữa anh sẽ về chạy đua với các em.

Trên cầu Nguyễn Hoàng lộng gió, nắng hè lấp lánh vui, nhưng bầy trẻ mặt mày buồn xo. Chúng đứng vịn vai nhau nuối tiếc nhìn vói theo bóng hai người anh kết nghĩa dễ thương. Các anh đang nhanh chân bước rồi sau đó dần mất hút khi rẽ vào đường Lê Lợi hướng lên Nguyệt Biều.

*

Thỉnh thoảng đôi bạn trẻ dừng chân hỏi thăm bà con đường đi, và họ chạy dần ngang qua Ga Huế, rồi rảo bước chui dưới lòng cầu Lòn. Khoảng này Quỳnh rủ Dân quày trở lại để lên trên cao đứng ngắm trời đất. Đây là cầu Bạch Hổ, dưới kia sông Hương rộng bát ngát, dòng nước chảy miên man. Xa xa dăm con đò đang xuôi mái trôi giữa dòng êm như mơ. Vệt núi tím nhạt thấp thoáng cuối chân mây. Huế đẹp quá. Trong sách chỉ nam du lịch, bên kia sông Hương, anh em Quỳnh đọc thấy rằng đầu múi cầu là ngã ba, một hướng ra An Hòa Quảng Trị, một cặp theo sông Hương thẳng lên làng Kim Long. Vậy chắc chắn họ sẽ tìm được dấu tích của quê nội.

Con lộ từ cầu Lòn trở đi có một đoạn mở rộng ra và đắp bằng đá kiên cố. Người ta nói Huế khúc đường này thường bị lụt lội xói lở nên phải gia cố như thế. Hai chàng hướng đạo tóc tai áo xống ướt đầm đìa mồ hôi. Nửa giờ sau khi họ dừng chân trước ngôi thánh đường Phường Đúc, cũng là lúc trông thấy tấm bảng nhỏ cắm ở góc đường đầu kia mang tên: Huyền Trân Công Chúa. Đích thị đã gần đến nhà người đẹp áo lục. Quỳnh bổng cảm thấy tim anh đập rộn ràng...

*

Con đường Huyền Trân dâng cao dần, hai bên đường cây to bóng mát. Dăm chú bò lửng thửng dạo trên ven lộ, mãi chúi đầu gặm mớ cỏ xanh non. Dân nổi hứng muốn làm cowboy, anh lẹ làng chống hai tay lên lưng một chú bò tơ đu lên, rồi vắt vẻo cởi lên lưng con vật hiền lành. Quỳnh cầm máy "Kỹ thuật số" thu ngay hình ảnh ấy. Gió trưa thổi hây hẩy làm khô vạt áo hai chàng tuổi trẻ và đem cơn mát về. Cả hai không hẹn cùng kêu to: Quê hương ơi hạnh phúc quá! Rồi Quỳnh buồn hiu khi nhác trông thấy chú bé chăn bò gầy gò đen đủi từ phiá trong đám tre xanh ngắt ven đường tiến ra, chú ta ngơ ngác nhìn các người lạ đang vui vẻ cười đùa. Dân cười:

-Xin lỗi em! anh cởi bò có hề gì không?

Nó lắc đầu. Quỳnh liền rủ cu cậu chụp chung hình kỷ niệm. Mấy anh em và đám bò sau đó chia tay từ giã nhau. Dân không quên dúi vào túi áo chú chăn bò mấy phong kẹo gum làm quen và Quỳnh cho cậu ta hai gói kẹo chocolat MM nhỏ còn sót lại trong túi áo. Cậu bé cười lặng lẽ. Quỳnh chợt liên tưởng hai đứa Nam- Lỳ, cậu nhóc này e cũng đã bỏ ngang việc đến trường! Lòng anh cảm thấy buồn thương đám trẻ nghèo khổ của quê mẹ.

Quỳnh vừa đi vừa nghiêng ngó tìm nhà bác Diệu Châu theo địa chỉ bà đã cho tối hôm trước. Chợt một chiếc xe đạp của ai từ đầu dốc trên kia lao nhanh xuống. Hai chàng vội vã nhảy tránh vào vệ đường. Chiếc nón lá của cô gái đội trên đầu rơi xuống. Quỳnh cúi nhặt lấy và quày trở lui trả cho chủ nhân. Cô ta cũng vừa xuống khỏi xe. Cô gái trông ngờ ngợ, như đã gặp đâu rồi nhỉ? Anh trao cho cô ta chiếc nón lá vừa lượm được. Cô gái có đôi mắt to và cặp lông mày đen nhánh, cong cong thật xinh. Cô lí nhí cám ơn. Dân tiến tới gần và hỏi thăm lối về nhà bà bạn Huế:

-Chị có biết gia đình bà Diệu Châu ở đâu không?

Quỳnh thêm chi tiết:

-Bà ấy và cô con gái rất nice...

Cô gái lạ mặt cười tươi:

-Các anh theo tôi. Nhà họ ở gần đây.

Đôi bạn trẻ theo chân cô gái dắt bộ xe đi ngược con dốc cao chừng 10 phút, chợt cô ta dừng lại ven lộ trước một lối lên xây bằng những bậc đá thanh. Trên kia là một cổng sắt nhỏ uốn thành vòm bán nguyệt và bụi hoa giấy um tùm nở đầy những bông tím rưng rức xen lẫn lác đác vài sắc hoa trắng, hoa hồng nhàn nhạt bò quanh quất trông thật nên thơ. Cô gái gọi lớn vọng lên:

-Mẹ ơi! khách tới rồi...

Quỳnh nhìn Dân, thắc mắc đã được sáng tỏ vì sao cô gái rơi nón trông lại quen

mặt thế. Bà Diệu Châu là maman các nàng xinh đẹp này!

Chưa đầy 1 phút sau, các anh thấy cô gái hôm qua vụt chạy ra rồi thoắt cái quay trở ngay vào nhà, ngôi nhà xinh xinh sơn màu hồng phấn và khuất sau lối đi nhỏ. Cô rơi nón hét to có vẻ giận:

-Cỏ Thơm! mẹ đâu?

Mãi mới thấy hiện ra bà San Diego thong thả bước, theo sau là bà Diệu Châu, toe toét cười chào vui vẻ:

-A, chào các em đã tới thăm tệ xá!

Dân còn bận thu hình lối lên chiếc cổng hoa tím thơ mộng. Bà mẹ Huế mau mắn giới thiệu mọi người với nhau. Cô rơi nón là Phương Anh, chị Cỏ Thơm. Phương Anh thưa:

-Mẹ, con đi chợ đã nghe. Mấy người ni lạc đường nên con phải dẫn về đây.

Nói xong cô gái mắt to thè lưỡi cười với mẹ, chiếc mũi cô khẽ trun lại, xinh ghê. Dân nhận ra điều này. Anh chàng vội đề nghị:

-Hay để tôi theo đi chợ với Phương Anh nhé!

Cô gái mở mắt to hơn và lắc lắc đầu hỏi:

-Bạn biết đi xe đạp không?

-Sure! Tôi sẽ chở cô!

Dân nắm chặt lấy ghi đông và ngồi ghé lên yên trước. Anh chờ cho cô gái yên vị vào porte bagage sau. Rồi dấn mạnh pé-dale, chiếc xe loạng quạng chuyển bánh, lạng ngay ra giữa lộ, con đường khúc này đổ dốc xuống khá gắt nên xe sẽ vút lao đi. Cô gái ngán quá vội nhảy rời khỏi yên sau xe, té nhẹ xuống nhưng không hề hấn gì. Dân tiếp tục lái xe ào đi giữa con đường Huyền Trân may sao giờ này vắng vẻ. Anh kịp điều chỉnh tay lái, nhẹ giãm thắng cho xe nép vào ven lối đi. Rồi anh dừng lại ở cuối con dốc, chờ cô bạn mới quen. Trong bụng tự cười thầm, quen lái xe auto, giờ dám cả gan đòi chở người đẹp bằng xe 2 bánh, mình liều mạng thật.

Bây giờ thì Phương Anh dành ghi đông, còn chàng cua rơ ngoan ngoãn ngồi đàng sau. Cô cho xe rẽ trái ở ngã ba Bùi Thị Xuân và Huyền Trân Công Chuá, để lên chợ Long Thọ. Mùa hè gặp dịp Festival nên hàng trái cây bày bán nhiều thứ ngó ngon mắt, người ta chở từ trong Nam ra. Dân nhờ cô gái chọn mua chùm Vải thiều đỏ ửng và trái khóm chín vàng. Anh muốn góp phần buổi tiệc trưa nay. Phương Anh không từ chối việc này.

Cô ghé vào hàng thịt heo mua mấy lạng thịt nạc tươi rói, qua hàng tôm chọn mớ tôm thẻ tươi xanh, đến hàng rau lựa mua rau xà lách, rau thơm, giá sống. Cô gái tính thầm: trưa nay mình sẽ đãi họ ăn gỏi cuốn. Hồi sáng Dì San Diego đã giao việc bếp núc cho Cỏ Thơm, nó đã lo xong món cơm hến rồi. Cô không quên mua mấy lá bún tươi. Tất cả mớ rau thịt đã cho vào bao ni lông, cô đặt gọn gàng vào giỏ xe đàng trước. Cô giao phần trái cây cho anh chàng Việt Kiều mặt mũi sáng sủa, lo ôm lấy. Khi trở về, chỗ ngã 3, đoạn đường ở đầu dốc hướng lên nhà cổng hoa tím, Dân nói anh muốn đạp xe. Phương Anh gật đầu, nhường tay lái và vội lấy bao nilông đựng tôm thịt rau cỏ ra khỏi giỏ xe, và dành lấy xách trái cây từ tay Dân. Cô sợ cua rơ sẽ ném mọi thứ tan nát xuống đất! Chàng Pháp con khẽ nhún vai rất tây, cười xin lỗi người đẹp.

Cả nhà xúm quanh bàn tròn đã bày biện thức ăn khá thịnh soạn. Bác trai, bố của hai cô gái trịnh trọng mở chai rượu chát đỏ, quà của bà bạn San Diego mua dưới phố đem lên, ông rót rượu vào những chiếc ly nhỏ để uống khai vị. Quỳnh nhìn chăm chú vào bàn tiệc.

Bác Diệu Châu hướng dẫn quý khách dùng món cơm hến.

Bà báo trước sẽ khá cay, vì nếu không cay sẽ mất ngon, không còn hương vị Huế nữa. Rau đủ thứ xanh tươi đã xắt rối bỏ vào tô trước hết, đến cho cơm trắng vào tiếp theo sau, trên cùng là lớp hến nhỏ đã đảo chín màu vàng nâu, nhớ bỏ thêm nhúm đậu phụng rang óng ánh đỏ thắm vì đã được chiên qua với ớt. Bên cạnh mỗi người là một chén nhỏ nước hến luộc để đổ vào hỗn hợp cơm hến khi dùng tới.

Bác Mai Hồng, tên gọi bà San Diego, cầm đũa mời mọi người. Bà nói vài lời ngắn gọn chúc mừng cuộc hạnh ngộ của tất

cả ai có mặt trưa nay. Quỳnh rồi Dân hăm hở cách ngại ngùng bưng tô cơm hến đã "bố trí" theo lời chủ nhà. Nhưng khi lùa một miếng nhỏ vào miệng, hai chàng trai cùng lúc rên rỉ:

-Trời ơi cay quá!

Cỏ Thơm vội chạy đi rót 2 ly nước cứu lửa đem tới cho hai người khách trẻ. Quỳnh đỏ mặt cười, cám ơn cô, Dân liếc xem người rơi nón, không là Phương Anh, cô ta tủm tỉm cười ngắm chàng cua rơ mắc nạn. Bác trai nhỏ nhẹ lên tiếng:

-Thôi, không nên ép các bạn trẻ ăn cay, từ từ mình tập sau nghe!

Món gỏi cuốn được khách chiếu cố tận tình. Hồi nãy về tới nhà là Phương Anh nhanh nhẹn làm ngay. Vật liệu đã có sẵn: rau muống, khoai lang luộc, bún vừa mua về. Hai chị em hợp tác món gỏi thiệt linh hoạt. Khách không mời cũng đã chui vào bếp để xem.

Quỳnh lăm lăm trên tay cái camera để thu hình. Tay các cô thoăn thoắt sắp dài xuống theo chiều rộng của mỗi chiếc bánh tráng, vài cọng rau muống đã rửa sạch, khoai lang cắt thành từng miếng nhỏ, và bún tươi. Xong họ cuốn lại thật chặt rồi cắt ra từng khoanh nhỏ cỡ 2 lóng tay. Các cô xếp quây tròn đều đặn vào dĩa bàn lớn. Bác gái mở sẵn hủ tôm chua cho con gái sắp lên trên cùng mẫu bánh cuốn. Dân để ý thịt heo luộc chín đã cắt mỏng thì đặt dưới con tôm hồng hào ướt rượt. Ôi chao sao mà rắc rối và công phu thế! Dân hít hà theo dõi màn trình diễn tinh tế món Huế này và đoán chắc hắn phải ngon tuyệt cú mèo!

Quỳnh suy nghĩ thiệt hung, sang năm phải rủ mom cùng về Huế mới được.

Bác Mai Hồng phụ trách món nước chấm. Có đến 2 loại sauces để khách tùy ý chấm bánh cuốn này. Loại 1 là lấy mắm ruốc lựa ruốc hạng nhất không bị cặn, hòa với nước ấm, cho vào đó tỏi băm nhuyễn, ớt tươi bằm mịn, bỏ vô chút đường cho dịu hỗn hợp, vắt chút chanh cho thơm, nêm vừa miệng là được. Xong là bắc lên bếp nấu cho sôi rồi tắt lửa ngay. Loại 2, dùng đậu nành đã nấu chín xay nguyễn, bỏ vào đó tỏi bằm, ớt băm nhỏ, hòa chút đường, thêm đậu phụng rang vàng giã cho dập dập, tất cả hòa vô nước chấm tương này, dì Mai Hồng (nay các bạn trai gọi bà San Diego theo chị em Cỏ Thơm là dì) biểu, phải sền sệt mới ngon. Nước sauce này cũng phải nấu sôi trước khi dùng. Như thế khỏi đau bụng. Hai chàng trai thử chấm gỏi cuốn vào mỗi thứ nước sauce, các anh nhận thấy sao mà thơm ngon, bùi béo ghê. Riêng Quỳnh nghĩ thầm, ước chi mình được ở đây lâu và ăn "như ri" hoài thì hạnh phúc quá.

Mới làm quen nhà d?c c?ng hoa tím này có hai hôm, rồi chuyện trò huyên thuyên với bầy nhóc chạy bộ, nghe chừng các chàng Việt Kiều ưa phát âm rặt Huế!

Sau bửa cơm ngon và lạ miệng nhưng mà cay - đắng ấy, (vì ngoài cơm hến còn có món canh mướp đắng- chao ơi đắng chi mà đắng quá trời!) các chàng hướng đạo mạnh dạn xin cả nhà góp ý cho họ về việc giúp đỡ 2 em Nam- Lỳ. Dì Mai Hồng cười tươi, nói rằng đó là sở trường của dì khi về quê hương. Bác Diệu Châu cho biết từ lâu rồi bác và một nhóm cựu nữ sinh Đồng Khánh hiện ở Huế đã là cộng tác viên đắc lực trong những công tác tình thương dì Mai Hồng ưa vẽ vời mỗi khi về thăm Huế.

Chương trình của họ giờ thêm chi tiết giúp Nam-Lỳ. Và để khỏi mất thời gian, ngay chiều nay sau bữa tiệc thân tình, Quỳnh và Dân sẽ đến thăm gia đình hai em. Dân bảo:

-Tụi cháu không biết đường đi ở Huế e là khó tìm nhà các em. Nhất là phương tiện có sẵn chỉ là cặp giò!

Phương Anh mau miệng:

-Rứa tui đây thì răng, Cỏ Thơm nữa hắn đang rảnh, mùa nghỉ hè mà.

Cỏ Thơm ngập ngừng lên tiếng:

-Em sắp sửa phải đi xa...

Quỳnh cảm thấy hơi thất vọng khi nghe thế. Nhưng bác trai vội góp lời:

-Bé Út cuối tuần sau mới bận rộn chuyện đi "thực tế", dư sức phụ với chị bé Anh làm hướng đạo cho các anh ấy.

Quỳnh nghe hăng hái trở lại:

-Chỉ cần có xe đạp, phe con trai sẽ vận tải các con gái.

Bé Anh hỏi:

-Anh nói vận tải tụi tui, rứa tui và Cỏ Thơm là heo bò hay răng đây?

Hai bác và dì San Diego phá ra cười. Các chàng trai rời VN đi xa từ lúc còn nhỏ tí cho nên ngôn ngữ mẹ đẻ làm sao khỏi lúng túng ngỡ ngàng. Dân bắt qua chuyện cậu bé cowboy dốc đường Huyền Trân, các anh muốn tìm hiểu để có thể giúp đỡ phần nào. Phương Anh rành rẽ:

-A, đó là thằng cu Tơn tên thiệt là Tân, nhà ở xóm trên dốc Thành Lồi, con của thím Nga bán rau dưới chợ Long Thọ. Chú Lân ba cu Tơn chết năm tê vì bịnh gan, gia đình sinh túng quẫn, con cái bỏ học may cu Tơn được chân giữ bò kiếm thêm gạo phụ mẹ nuôi bầy em 3 đứa, đứa út vừa lên 3!

Quỳnh nghe mà hoảng, anh nghĩ thầm, sao nhà nghèo khổ còn ham đẻ thế! Dì Mai Hồng có ý kiến:

-Huế nghèo cực kể không ngạ, chúng ta chỉ có thể tiếp sức họ phần nào trong khả năng. Bởi vì Job cowboy dù sao cũng rất tốt bỏ thì uổng, nhưng không thể vừa đi học vừa giữ bò. Tôi nghĩ rằng, mình có thể cho họ gạo là thực tế.

Bác Diệu Châu phân công ngay:

-Vậy bố Văn ngày mai lo chạy tới tiệm bán gạo sĩ dưới Cống Trắng, mua cái phiếu gạo 15 kí. Bé Anh sẽ liên lạc thím Nga đến đó lãnh gạo. Chúng ta giúp cấp thời và kín đáo như thế đã, còn thì tính sau.

Dân và Quỳnh xế trưa hôm đó gọi taxi về khách sạn để thay áo sống và nhất là xin phép trưởng đoàn Hướng đạo cho hai anh xé lẻ vì bận việc nhà. Hai chị em Cỏ Thơm sẽ đến đón các anh bạn cùng đi tìm nhà Nam-Lỳ.

*

Vé máy bay vào Sàigòn ghi rõ sau mùa Festival, đoàn hướng đạo sẽ từ giã Huế rồi 2 ngày sau bay về Pháp. Quỳnh thì chuyển chuyến bay bay về San Fransico.

Trước đó hai anh đã được hai cô gái thông minh xinh đẹp nhà ở đường Huyền Trân Công Chuá, giúp họ tìm lên Nguyệt Biều để tảo mộ tổ tiên. Đường lên đây theo con lộ tráng nhựa, hai bên làng mạc ruộng nương trù mật, nhà cửa lác đác vài cái đã được tu sửa tử tế. Các anh ngắm sông Hương miệt nguồn xanh thẳm. Hai chàng tuổi trẻ đã dừng xe đạp bên một bờ sông cát vàng , liền nghỉ ngay đến chuyện phải tắm mát ở dòng sông quê hương. Hai cô gái Huế bằng lòng ngồi đợi mấy người bạn tính tình hồn nhiên như trẻ thơ ấy. Khi quay trở về, nhóm bạn trẻ giờ trở nên thân thiện, đã ghé thăm Hổ quyền với dấu tích ngày xưa voi cọp từng đấu nhau gay cấn trước mắt thưởng lãm của vua tôi nhà Nguyễn.

Qua hôm sau, các anh còn được hướng dẫn lên thăm Chùa Linh Mụ có ngôi tháp 7 tầng cổ kính, đứng soi bóng bên dòng sông Hương nước trong xanh, gờn gợn sóng êm đềm trôi chảy. Quỳnh và Dân đã dò tìm tới được ngôi từ đường họ Nguyễn, nằm sâu phía miệt vườn xanh um cây cỏ của làng Kim Long. Ông bỏ già, người làm của ông ngoại Quỳnh hiện đang trông coi ngôi nhà này. Ông lão ngoài thất tuần vẫn khang kiện ngày ngày chu đáo lo hương khói sớm hôm cùng tưới nước bắt sâu cho cây cỏ hoa lá trồng trong vườn tươi tốt.

Như vậy là hai anh em từ Pháp Mỹ về đã chu toàn bổn phận ba má giao. Họ đã du lịch những danh lam thắng cảnh nổi tiếng cố đô, đã giúp đỡ cho mấy em nhỏ túng nghèo và nhất là được may mắn kết nghĩa bạn bè với các người đẹp gốc gác đàng hoàng xứ Huế. Những người trẻ tuổi từ đáy lòng chợt bâng khuâng nghĩ ngợi...

Một mùa nghỉ hè ngắn ngủi mà chan hòa hạnh phúc; để rồi mai đây giây phút sắp phải chia tay họ càng nghĩ càng ngậm ngùi. Người ở lại trở về nếp sống an phận, kẻ ra đi xa đến nửa vòng trái đất. Hai nếp đời cách biệt ngàn trùng, cho nên không ai dám ngõ lời hứa hẹn. Bây giờ đám bạn trẻ chỉ dám mong ước một ngày không xa quá, họ sẽ gặp lại nhau cho tình bạn dễ thương vừa chớm không tàn lụn trong quên lãng.

◆ ***Phan Mộng Hoàn***

San Jose ghi lại những ngày về Huế
Hè 2008

Huế của vườn xưa

Tôn Nữ Giáng Tiên

Huế là thành phố vườn.Vườn cây, chim muông, hoa cỏ, sông hồ, con đò, câu mái nhì, sương mù, trời xanh, mây trắng, thi ca, âm nhạc ...đã làm nên thiên nhiên Huế, tâm hồn Huế, con người Huế.

Tôi và cậu em trai...cùng bao người khác là những đứa con của vườn xưa Huế. Tuổi thơ tôi trôi từ vườn cau làng Nam Phổ bên bà ngoại qua ngôi nhà trong thành của bà nội, trôi từ nhà dì tới nhà cậu, trôi từ ban mai u hoài sang hoàng hôn cô tịch, từ giọt nước mắt thương cha, nhớ má sang nụ cười thơ bé của trò chơi hái me, trèo ổi.

Suốt cuộc đời mình, khi vui buồn, khi khắc khoải ưu tư...tôi luôn ngoảnh lại tuổi thơ để được đắm mình vào vườn xưa yêu dấu. Ôi những ngày xưa, hoàn cảnh xưa, gia đình tan đàn xẻ ghé xưa vì quốc nạn, nơi tôi phải làm người lớn khi mới lên chín mười, đặng che chở đứa em trai bé bỏng . Nơi tôi hằng vịn tay ôm lấy cây cột nhà những hoàng hôn, mong nhận được lời an ủi xẻ chia, thương xót, mà sao cây cột vẫn im thin thít, vẫn lạnh lùng vô cảm ? Rất nhiều khi tôi thèm một bờ vai người lớn tựa đầu vào òa khóc cho vợi nỗi niềm. Vườn Huế xưa chính là bờ vai để tôi nương tựa, là bàn tay dìu tôi đi cùng chim chóc, cùng gió thổi mây bay.

Hơn nửa thế kỷ trôi qua rồi mà hương cau thoang thoảng trong sương mờ đêm đêm vẫn còn ngan ngát giấc mơ tôi. Thuở ấy, đêm Huế vườn xưa tĩnh lặng đến như nghe được tiếng thì thào của trăng sao, chưa có lời " đại bác ru đêm" như nhạc Trịnh sau này. Những đêm Huế vườn xưa của tôi, má của tôi, bà ngoại, bà nội của tôi nay đâu rồi, chỉ trong giấc ngủ mơ tôi mới gặp lại hồn mình xưa, vườn mình xưa, những áng mây ngày xưa thương trời lặng gió.

Má ơi, má ru hời hai chị em tôi trong tiếng võng kĩu cà. Đêm Huế buồn buồn đu theo nhịp võng. Trời Huế buồn thương lặng cả gió ngàn, khiến những vì sao rơm rớm một tiếng ầu ơi, ví dầu xa thẳm. Tiếng kẹt võng nhà bên thảng hoặc, nghe như hồn gió bấc nghiến răng đêm. Nghe tiếng tàu cau rụng ngoài vườn, má sững người tưởng như tiếng chân ba xa khuất đột nhiên nhờ gió dắt về. Tôi nằm chưa ngủ, thương tàu cau xa lìa nguồn cội. Có khi nửa đêm chợt thức giấc, nghe tiếng vạc đơn lẻ kêu thất thanh một niềm phiêu du mất mát. Qua cửa sổ tàu lá chuối đẫm ánh trăng, bùi ngùi thương đom đóm tiễn hương lài, hương ngâu, hương sói, hương thiên lý vào khuya.

Dường như đêm Huế vườn xưa yên lặng hơn vì dế gáy ran ran tiếng bấc tiếng chì, nửa như tỏ tình, nửa như than khóc, nửa như tỉ tê, nửa như khò khè ngái ngủ. Dế trong hang đất ngoài vườn, dế trong lỗ thông hơi viên gạch, hay dế trong lỗ tai thơ ấu của tôi chơi điệu kèn ký ức, mà suốt cuộc đời nghe tiếng dế dắt mình đi, kể cả khi tới đích đời mình là nấm cỏ xanh rì bên trời cô quạnh, dế vẫn chung tình mang cả dàn nhạc bát âm ca hát ru tôi ngủ giấc ngàn năm ?

Vườn Huế xưa ơi, những năm ba đi rồi chị em tôi còn má, má đi rồi còn ngoại. Ngoại là tâm hồn của vườn Huế xưa trùm yêu thương lên những đời cháu con phận bạc. Tuổi thơ chị em tôi ở trong vườn, vịn vào má, vịn vào ngoại, vịn vào bà vú mù tập đi, chưa biết sông Hương núi Ngự ở mô, chỉ thấy cây cau Nam Phổ nhỏng cổ cò lên vút vút ngó trời. Thân cau đơn độc một đời đứng mãi trong vườn ngoại, cau không đi lấy chồng, không trốn bão, không thở than như cơn gió bấc ngoài vườn dằn vặt tàu lá chuối rách bươm. Thi thoảng, cau gửi xuống cho tuổi thơ tôi chiếc tàu lá vạn dặm. Em trai tôi sung sướng nào bằng được

ngồi lên mo cau cho chị kéo tàu lá đi quanh sân, quanh vườn, đi cho rách nát chiếc mo cau vừa rụng xuống, nào biết từ Đông Ba qua Gia Hội nơi mô...

Những mùa đông vườn Huế xưa sương cũng rét co ro, ánh trăng cũng lạnh run rẩy, gió thở than trên cây mù u ngoài vườn sướt mướt; tiếng chim từ quy tìm nhau xuýt xoa, thảng thốt, tuồng như trời đất cũng đơn độc, cũng như đang thiếu mái gia đình? Ngoại lấy tình thương ủ ấm cháu, ổ rơm nào ấm bằng lời ngoại ru, lời ngoại tâm tình thương mến, dáng ngoại trùm lên năm tháng bơ vơ, bớt đi niềm quạnh hiu tủi phận, an ủi những hoàng hôn bàng bạc kiếp người. Ngoại là khu vườn Huế xưa mà tâm hồn tôi giờ còn lưu trú.

Vườn Huế xưa ơi, đâu rồi những cây chua me đất biến thành bữa cỗ trong trò chơi đám cưới trẻ con; những vỏ nghêu, vỏ sò làm chén vàng chén ngọc; những nồi, những cơi nặn bằng đất, những tiền lá bán mua, những cỏ gà biết chọi; những cuộc trốn tìm, những lần bịt mắt bắt dê, nhảy cò cò, nhảy dây mê mẩn sân nhà ...Vườn Huế xưa ơi, đâu rồi thuở tôi dẫn cậu em trai sang hàng xóm chơi, bị bầy ngỗng đuổi theo làm hai chị em chạy trối chết. Những con ngỗng trắng đập cánh kêu như chó tru, bò rống, nhóng cổ về phía trước chạy như bay đuổi theo trẻ con, làm chúng vừa chạy vừa khóc. Sau này, khôn hơn, thấy ngỗng đuổi là chị em tôi đứng lại, cầm guốc dứ dứ dọa ném, ngỗng bèn thoái lui. Lớn lên, tôi mới biết không chỉ có ngỗng thích đuổi theo trẻ nít. Tình ái kia có phải ngỗng đâu mà sao nó cũng thích đuổi theo người bỏ chạy, dù người đó không còn là trẻ thơ ?

Mùi ổi chín, mùi mít chín, mùi thị chín, vả chín suốt mùa hè rủ rê chim về vườn ngoại, như một hội chợ chim. Những con chào mào đội nón ca-lô xao xác báo mùa ổi chin, rủ chim sáo, chim chìa vôi, chim chèo bẻo...về, làm trẻ con vui như tết theo ngoại ra vườn cầm sào hái trái. Những đám mây vườn Huế chừng cũng đang chín mọng, thơm lừng mùi gió từ cửa Thuận An thổi về làm nắng mới hây hây.

Một lần ngoại chỉ cho cách leo lên cây ổi hái chùm trái chín, tôi mới ngó thấy trời cao, thấy núi Ngự Bình ngồi ngắm sông Hương như thể núi đang ngồi đợi ai ngoài xứ Huế ? Dáng núi ngồi kia dường như thu nhỏ trong dáng ngồi của ngoại những khuya đêm. Ngoại đợi ông về trong khói nhang hiu hắt ánh bạch lạp đêm trường ? Hay ngoại đợi lũ cháu lớn lên rồi hè nhau mà xa xứ Huế ? Chao ôi lời ngoại ru làm cả đời tôi mê cá ngạnh nguồn :

" Măng giang nấu cá ngạnh nguồn
Tới đây xin hãy đổi buồn làm vui !"

Ngạnh nguồn ơi ngạnh nguồn, nỗi buồn lời ru của ngoại trong con ngạnh nguồn, bống thệ,hến và nghêu, trong con cá chuồn Cầu Hai, trong tôm tép ngoài Truồi, ngoài Sịa...cùng với gạo thơm Phong Điền, Phú Vang, Phú Lộc...nuôi chúng tôi nên người, phả vào tâm hồn tôi hương gió hương cây những vườn xưa mênh mang xứ Huế, mênh mang giọng hò mái nhì ngoài nước Hương Giang. Lớn lên tôi mang hương vườn vô trường Đồng Khánh, phóng xe đạp cùng bạn bè lên thăm nhà vườn Kim Long ngút ngát bốn mùa mà yêu thêm vườn Huế. Có đêm nằm mơ thấy núi Ngự Bình bỏ Huế đi xứ khác, để sông Hương lẻ bóng; sáng thức dậy vội chạy ra cửa hoàng thành, ngó lên trời vẫn thấy Ngự Bình còn đó, mừng như bao năm xa hút, mất hút, ba bỗng trở về ôm chầm lấy chị em tôi.

Xa Huế đi xứ khác làm người lớn, làm vợ, làm mẹ rồi làm bà, tôi gởi lại thiên đường tuổi thơ cho Huế độc quyền cất giữ. Nơi nào cất giữ tuổi thơ ta, nơi đó mãi mãi là quê hương. Quê hương ủ đời tôi trong vườn Huế xưa như ủ men đời, cất lên thành rượu sương mù, thành rượu mây trắng, thành rượu ánh trăng, thành rượu thi ca văn học... làm say khướt đời tôi từ bé thơ đến thì con gái. Ở tuổi mùa thu của cuộc đời, men rượu Huế vườn xưa sao vẫn còn vo ve ong bướm, còn ríu ran chim chóc cả hồn tôi?

Vườn ngoại làng Nam Phổ, vườn nội trong thành nội vẫn theo suốt cuộc đời tôi, giúp tôi được bé lại mà an lạc, mà quên đi những lo toan, nặng nhọc mưu sinh, tranh đấu sống còn trong đời. Khi đã đến tuổi bà

ngoại, tôi càng nhớ ngoại mình hơn. Đầu óc tôi, tâm hồn tôi chừng như vẫn còn cất dấu những thiên đường u buồn mà hoan lạc của những vườn xưa xa ngái ; nơi áng mây màu cánh vạc nương phủ bờ vai tôi, nơi con chuồn chuồn đậu vào tia nắng Huế, nơi tôi vịn vào giậu mồng tơi và câu ca dao, câu hò, lời ru của má, của ngoại tập đi, tập chạy, tập biến mất khỏi vườn xưa da diết Huế mà sững sững một đời.

Vườn Huế xưa êm dịu, tôi đang ngó thấy tôi trong tấm gương thời gian ngồi ngắm giọt sương côi cút ban mai, nghe gió mơ hồ rủ rê cô bé làm người lớn, nghe trong hồn những âm vang rạo rực của ngày tháng phôi pha, chợt thấy bàn chân mình đang biến lối nhỏ trong vườn um tùm cỏ dại thành con đường xa xứ. Khi xa rời vòm trời tuổi thơ, liệu tôi còn có thể tìm thấy gió heo may Huế giữa Sài Gòn, tìm thấy tiếng chim họa mi hót xanh biếc mỗi chiều hè ngoài vườn xưa Nam Phổ ?

Ngoại không còn, má cũng không còn, vườn xưa nhà mình đã thành vườn người khác, Huế bây chừ đâu phải Huế ngày xưa; ngay con cá ngạnh nguồn cũng không còn biết cách đổi buồn làm vui như trước. Nhưng trong tâm hồn tôi vườn Huế xưa vẫn còn nguyên vẹn : một vòm trời gợn sóng nước Hương giang, một hơi thở phả ra từ cửa Thuận, một màu xanh như thể núi Ngự Bình kéo hết cỏ non lên trời mà ấp ủ niềm thương nhớ, mà nghe câu hò bến Phu Văn Lâu mê mẩn tiếng chim chiều tim tím, Huế ơi.,.

◆ ***Tôn Nữ Giáng Tiên***
Tháng 7-2011

Chiều Thu

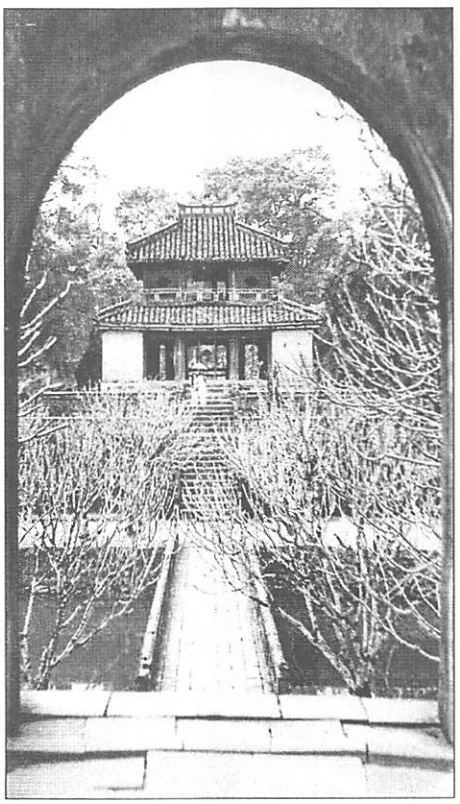

Tôi nhớ lắm , chiều thu năm ấy
Chiếc xe đò mang nặng mộng mơ
Ôi Huế đô...đẹp tựa bài thơ
Sông Hương xỏa tóc, cầu Trường Tiền nắng phơi

Anh chàng xứ Quãng ngẩn ngơ
Lạc vào bến mộng, khung trời Thần tiên
Ngàn hoa đua nở khắp miền
Hương nồng phấn tỏa triền miên ngân dài

Tuổi hoa niên tranh sức đua tài
Danh thơm phận đẹp láng lai ý đời
Đền công sanh dưỡng, nợ nước, ơn Trời
Mùa màng ươm hạt cho đời thêm hoa

Rồi bao mùa thu, lặng lẽ trôi qua
Ra đi bỏ lại bao chiều nhớ thương
Giờ đây xa cách Đại dương
Hồn thu rơi lệ, tuyết sương giăng đầy

B.S. Tô Đình Đài

VÂN THÊ, LÀNG TÔI với CẦU LONG THƯỢNG, LONG HẠ

Vân Hương HOÀNG TRỌNG HÀN

"Viết cái gì cho Huế đi anh..." đó là lời thúc dục cuả nhà tôi nhắc nhở...mỗi khi có Ngày Nhớ Huế và có Đặc San Nhớ Huế. Thật ra thì tính tôi không muốn nói đến cái gì thuộc về tôi, dù đó là Làng tôi...Vì tôi còn nhớ lời cuả Krishnamurti"Soyez rien et la vie deviendrait extraordinairement simple et belle" (Hãy không là gì cả thì cuộc đời sẽ trở nên rất đơn giản và tốt đẹp!). Ấy vậy mà hôm nay vì phải "viết cái gì cho Huế đi anh..." nên tôi lại trở về với tôi, Làng tôi, Làng Vân Thê rất Huế của tôi, mà chắc ít ai biết tới...

Tôi biết đến làng nội Vân Thê của tôi là nhờ Mẹ tôi. Ba tôi vì bận nhiều công việc ở Phủ Bộ, nên mỗi lần có việc chạp giỗ dứoi làng mà mẹ tôi phải góp phần lo liệu, mẹ tôi thường sai tôi đi về làng Nội. Đó là thời gian vào tuổi của những năm đầu trung học, mà các anh lớn của tôi thì đã đi học xa. Đi lại quá nhiều lần nên tôi thuộc lòng con đường từ Huế về làng. Cứ mỗi lần Mẹ tôi sai bảo là tôi cứ "nhắm mắt một mạch" từ Cột cờ Huế rợp bóng hai hàng mù u, ra cửa Thượng Tứ, qua cầu Trường Tiền, xuống Đập Đá, qua chợ Vỹ Dạ, vượt cầu "Ông Thượng", qua Thế Lại, Ngọc Anh đến chợ Dưỡng Mong, vượt cầu Giạ Lê quẹo trái là đến đầu làng nội Vân Thê của tôi. Làng tôi đâu có xa Huế lắm, chỉ khoảng 10, 12 cây số bằng từ Huế về biển Thuận An thôi. Chừng hai tiếng đồng hồ là đã tới làng, rứa mà hồi nhỏ chân còn ngắn, đường đi sao thấy xa chi lạ! Giữa đuòng phải ghé quán ở chợ Dưỡng Mong ăn vài đòn bánh tét nhỏ, nóng ngon lành và một đoại nước chè tươi óng ánh sắc xanh và nóng thơm mùi lá mới hái...rồi tiếp tục lên đường...

Địa danh "Vân Thê" là "thang mây" từ đâu mà có? Mãi sau này được đọc những Đặc san giá trị Tuyển Tập Nhớ Huế miền Nam Cali, ở số 8 trong bai "Nước loạn canh tàn khóc bể dâu" của học giả Hương Giang Thái Văn Kiểm, tôi mới biết Vân Thê cũng là làng của Cụ Ngoại học giả. Học giả cho biêt địa danh Vân Thê được rút từ hai câu thơ xưa:

Học hải vô nhai, cần thị ngạn
Thanh VÂN hữu lộ, chí vi THÊ

Và được dịch là:

Biển học vô bờ, lấy chuyên cần làm bến
Mây xanh có lối, dùng chí cả làm thang!

Học giả cho biết đó cũng là phương châm học vấn và lập nghiệp của học giả trong trường đời...Tôi thật biết ơn cùng học giả vì đã hãnh diện học được thêm ý nghiã cuả hai chữ Vân Thê làng nội tôi.

Cũng trong bài viết này học giả Hương Giang Thái Văn Kiểm có đề cập đến một sự kiện lịch sử có liên hệ đến làng nội của tôi là: "Mặc dầu bận nhiều việc triều đình, các ngày chạp giỗ, Cụ Tôn Thất Thuyết vẫn về Từ Đường ở làng Vân Thê phiá đông cố đô Huế". Tôi chợt nhớ đến lời căn dặn của Mẹ tôi mỗi lần sai bảo tôi về làng: "...nhớ vào đầu làng một khúc là có cái cầu nhỏ gọi là cầu Long Thượng ở phường Thượng, đến ranh giới phường Trung đầu bến sông vaò xóm Bác Cửu Mai con có một lùm cây cao đó là Phủ Ông Tướng con nhớ không đươc nghịch ngợm." "Cửu Mai" là Ông Bác họ của tôi, một thời giàu có nỗi tiếng ở Huế, vì có tiệm thuốc lá cẩm lệ "Cửu Mai" đầu phố Gia Hội. Sau này tôi còn biết thêm đươc cầu Long Hạ là chiếc cầu bên kia ngã ba sông nối liền làng An Lưu và làng Mỹ Lam để đi đến chợ Sam ở gần cuối làng. Cầu Long Thượng, cầu Long Hạ...Tại sao vùng làng Vân Thê cuả tôi lại có những chiếc cầu được đặt tên nghe vua chúa như vậy?

Theo lời thuật lại cuả các vị trưởng lão thì nơi Phủ thờ Ông Tướng ngày nay, xưa

kia là một vùng đất hoang cuả một ngôi mộ linh thiêng, dường như đang kết phát vì mỗi khi mưa to gió lớn hay mùa nắng cháy nóng nực dân chúng trong làng hoặc trẻ chăn trâu...vào ẩn naú trong khu đất đó đều được mọi sự che chở an lành! Một hôm có thầy địa lý cuả Triều đình đi qua vùng này, nhận thấy ngôi mộ đang kết phát liền về tâu trình cùng Triều đình (Minh Mạng 1820-1840) là làng Vân thê có huyệt mộ phát Vương...Thì ra đó là ngôi mộ cuả người con thứ tư cuả Chúa Hiền, ngài Quốc Oai Công Nguyễn Phúc Hiệp. Lệnh Vua liền cho dời mộ Ngài ra Hiền Sĩ, huyện Hương Trà và kể từ đó cấm dân làng Vân Thê không được chôn cất trong làng nữa. Do đó từ lâu làng đã mua đất cát ở làng Diên Đại thuộc huyện Phú Vang bên kia sông để làm nghĩa trang cho dân làng. Tương truyền khi dời ngôi mộ kết phát, ngoài di cốt người ta còn thấy có hai con cá mà người ta cho rằng nếu có đủ thời gian để hoá rồng thì giòng họ nhà Chúa lại sẽ được làm vua! Hai con cá sau đó được phóng sanh ở hai ngã ba sông. Một ở gần đầu làng và một ở gần cuối làng. Hai chiếc cầu gần hai ngã ba sông ấy sau này được dân trong làng gọi là cầu Long Thượng và cầu Long Hạ. Phải chăng từ ngữ này xuất phát từ truyền miệng dân gian "cá gáy hóa rồng"?...

Thân nhân ngài Quốc Oai Công Nguyễn Phúc Hiệp sau này đã dựng lập nên ngôi Từ Đường để phụng thờ ngài tại vùng đất nói trên và huyệt mộ được biến thành hồ sen trước ngôi nhà thờ chính.

Theo lời anh tôi, trong lịch sử cận đại, làng Vân Thê đã phát xuất hai vị Phụ chánh quyền thế nhất nước. Vị thứ nhất là ông Tôn Thất Thuyết, linh hồn cuả đảng Cần Vương chủ chiến chống Pháp. Ông Tôn Thất Thuyết và ông Nguyễn Văn Tường là hai nhân vật quan trọng được nói nhiều trong thời kỳ "Tứ Nguyệt Tam Vương" liên hệ đến việc chết thảm cuả ba vua Dục Đức, Kiến Phúc và Hiệp Hòa (1883). Vị thứ hai là ông Tôn Thất Hân với tước vị Phụ Chánh Thân Thần quyền nhiếp chức vụ Quốc Trưởng trong thời gian vua Bảo Đại du học tại Pháp sau khi vua Khải Định băng hà.

Làng Vân Thê cũng là nơi trong thời gian toàn quốc tiêu thổ kháng chiến chống Pháp từ đêm 19 tháng 12, 1946, một số các Hoàng Gia Tôn Thất đã về đây lánh nạn như Đức Từ Cung Hoàng Thái Hậu mẹ vua Bảo Đại, bà Tân Vương Phi thời vua Khải Định, gia đình Cụ Đạo Tôn Thất Hối (Cụ Tôn Thất Hối nguyên sau này là Đại Sứ tại Lào)...Và cũng chính tại làng Vân Thê, theo lời kể lại của ba tôi, sau ngày Pháp tái chiếm thành phố Huế, một hôm theo tin mật báo nào đó mà viên Trung úy Pháp Olié cùng một tiểu đội đầy đủ súng ống tiến vào làng tôi tìm kiếm Đức Từ Cung. Để tránh việc càn quét bắn giết dân làng vô tội thường xảy ra của lính Tây lúc bấy giờ, Ba tôi và một số bô lão trong làng đã khăn đóng aó dài ra tiếp xúc với viên Trung úy Olié tại đình làng và đã hướng dẫn Trung úy Olié đến gặp Đức Từ Cung đang tạm trú trong làng. Sau đó Đức Từ Cung đã được bình an đưa về Cung An định bên bờ sông An Cựu "nắng đục mưa trong"...

Ngôi từ đường ngài Quốc Oai Công còn được gọi là Phủ Ông Tướng ở làng Vân Thê vì nơi đây có thờ Thần vị ông Tôn Thất Thuyết. Nghe đâu vào năm 1979-1980 chính quyền đã đặc biệt cho phép linh cốt ông Tôn Thất Thuyết được đưa về cải táng trong khuôn viên nhà thờ, và nay Phủ Thờ này đã trở nên một di tích lịch sử quốc gia được bảo vệ. Tôi chắc rằng đây chỉ là một biệt lệ để quốc gia được hưởng các tài trợ quốc tế về việc baỏ tồn các di tích lịch sử tại Huế đô, chứ chắc là làng Vân Thê tôi vẫn vậy, dân làng vẫn tôn trọng tập quán "phép vua đã là lệ làng" tự ngày xưa, vì biết đâu long mạch sẽ kết phát??...

◆ *Vân Hương HOÀNG TRỌNG HÀN*
Virginia, 11/11/2011

Sịa, một thuở nào

Phương-vũ VÕ TAM-ANH

Chạy dọc theo Phá Tam-Giang là một giãi cát trắng phau và mịn màng một cách đặc biệt mà tôi chưa hề thấy ở đâu hết. Những dồi cát nhấp nhô thoi thỏi, lấp lánh dưới ánh nắng, vẽ nên một khung cảnh thiên nhiên tuyệt vời và mang một cái tên thật là mộc mạc hồn nhiên: Rú. Men theo bờ rú là những làng mạc san sát cũng có cái tên thật nôm na là Sịa, mà người dân địa phương hầu như quên hẳn cái tên văn từ của mình là Tổng Khuông-Phò để nói lên tiếng Sịa với tất cả sự rung cảm của tâm hồn.

Rú với Sịa như xác với hồn. Người dân Sịa gắn liền với rú qua những nổi thăng trầm gần như suốt cả cuộc đời mình, để rồi cuối cùng được ấp ủ dưới lòng rú trong một nghĩa trang bao la, cảnh vật thiên nhiên mang mát rất nên thơ, không còn cái nặng nề u buồn của các nghĩa trang khác. Khi đến một tuổi nào đó, người dân Sịa lên rú tìm cho mình một phần đất đắc ý gọi là cái "sinh phần" để rồi thường ngày lên đó ngắm đi ngắm lại mà hình dung được cái thế giới của mình một khi nằm xuống, thích thú tưởng chừng là bực vương tôn để nhìn thấy lăng tẩm mình khi còn sống. Bên rìa rú là những lùm cây không rậm rạp lắm, vừa đủ cho trẻ con lên vui đùa với cát, leo trèo hái sim hái bứa, và cũng vừa đủ kín đáo để làm nơi hẹn hò thơ mộng của những cặp trái gái Sịa, không lãng mạn nhưng rất đa tình mà tôi được nghe kể lại qua những giai thoại hấp dẫn.

Đầu làng tôi giáp ranh với rú có một cái miểu rất linh thiêng gọi là Miểu Thờ Vọng, ai đi ngang cũng phải cúi đầu. Năm chú tôi thi "đít-lôm", tôi thường theo Ông Nội tôi lên đó để cầu đảo, khi chú tôi đậu xong Ông tôi cũng lên cúng tạ ơn, làm cho tôi phân vân không biết chú tôi thi đậu nhờ học giỏi hay nhờ thần linh. Năm tôi thi ra trường, Mạ tôi cũng có lên cúng, nhưng không cho tôi hay vì sợ tôi quê với bạn bè.

Tôi đã lớn lên nơi cái xứ Sia hồn nhiên đó để cho những ký ức đậm đà in sâu vào trí óc non nớt của tôi mà không khỏi thích thú mỗi khi nhắc lại.

Như hầu hết trẻ con xứ Sịa, tôi say mê và thích thú với những trò chơi nhà quê mà không thiếu phần hào hứng. Cái thú thứ nhất là lên rú bắt dế về đựng trong mấy hộp diêm để đem đi đá.Tôi phân biệt những con dế lửa, dế than với những hung hăng của nó, rồi ngắt một nhánh nơi cái chổi đót của Mệ tôi, xoáy vào đầu làm cho nó hăng tiết lên, dương hai càng ra, phùng hai cánh, gáy re re, thế là thấy chắc ăn trong trận đấu. Một cái sót chỉ Mạ tôi vứt đi cũng được tôi quấn một vòng cao-su vào giữa ruột để biến thành một chiếc xe tăng biết leo trèo qua các chướng ngại vật. Lâu lâu được ăn trái xoài, lấy hột đem phơi khô, cắt một nửa bỏ ruột đi để làm cái cối xay, lấy chiếc đủa cắm vào hột khác, cột vào sợi giây quấn lại xuyên qua cái lỗ giữa cối để kéo đi kéo lại, xay mãi mà không hề sợ bị hết pin. Nghĩ lại mà tội nghiệp cho trẻ con ngày nay, tuy với những đồ chơi hiện đại và cầu kỳ mà thiếu mất đi cái phần sống động và sáng tạo của tôi ngày đó.

Lớn lên hình như trẻ con không hề biết đến cái khủng hoảng của tuổi dậy thì. Ở cái xứ Sịa thô sơ của tôi lúc đó làm gì có chuyện bị ảnh hưởng sách báo phim ảnh làm hư con nít như ngày nay. Vã lại, Ông Nội tôi rất nghiêm khắc, muốn đúc tôi trong cái lò Khổng Mạnh của những thế hệ

trước, đôi khi tôi cảm thấy có vẻ lạc hậu,nhưng bù lại được khen là ... ngoan. Khi ăn cơm tôi được ngồi bên Ông nên ăn uống khoan thai, trong khi mấy đứa cháu khác ngồi xa hơn nên phải vói, phải chồm, bị Ông bắt : « Chậm xem, con nít thì trước mặt dọn món gì ăn món đó, vói chồm trong bàn ăn là vô phép", và đem tôi ra để làm gương. Tôi hổ thẹn nhưng cười thầm trong bụng vì tôi cần gì phải vói phải chồm, món gì ngon đã dọn trước mặt Ông tức là trước mặt tôi rồi mà, vì vậy tôi bị tụi nó ghen.

Mới lớn lên tôi gần như không bận tâm lắm về vấn đề nam nữ. Cho tới một ngày nọ, Ông tôi sai tôi tới nhà Bác Lý Trưởng để xin tờ giấy khai sanh vì tôi phải nạp đơn vào trung học, tôi hết là con nít rồi. Khi gặp cô bé con Bác Lý, cũng cở tuổi tôi, tôi ngạc nhiên thấy cô bé có vẻ hơi khác khác với ngày thường, trong ngực hình như có cái gì lú lú. Tánh xấu của tôi khiến tôi nghĩ ngay là cô bé này giấu trái cam trái quít gì trong áo chăng, như tôi thường làm mỗi khi bẻ trộm cam quít sau vườn để ăn vụng mà sợ Ông tôi rầy. Tôi định mách với Bác Lý nhưng tánh nhút nhát mở miệng không ra. May quá, suýt nữa cô bé bị hàm oan vì cái lú lú trong áo không phải là trái cam trái quít như tôi tưởng. Sau này nghĩ lại tôi thấy mình quê làm sao, giả thử có ai biết được chắc là tôi phải độn thổ mất.

Không hiểu cái tư tưởng tự kiêu đã đến với tôi từ lúc nào mà tôi hành diện về cái chợ Sịa của tôi lắm. Tôi cho là lớn nhất huyện vì có lẽ tôi ít đi đây đi đó để so sánh, nhưng hình như tôi cũng nghe phong phanh người lớn nói như vậy, thôi thì cứ cho như vậy đi, "Nhứt Huế Nhì Sịa"cũng chẳng sao, để cho cái lổ mủi tôi hỉnh thêm một chút. Hai bên chợ nhà nào cũng có cái sạp để buôn bán.Tôi thích nhất là những sạp bán vải với những o con gái quê quê nhưng mặn mà, lúc nào cũng làm dáng ra vẻ mình là "dinh", đến độ khi đọc những tiểu thuyết trong Tự Tực Văn Đoàn tôi lại dám ví chợ Sịa với phố Hàng Đào của Hà Nội !

Một năm nọ, tôi có người anh họ sinh viên ở Pháp về nghỉ hè. Ông Nội tôi làm mai cho một o con gái có tiếng là đẹp lại con nhà giàu ở chợ Sịa. Anh này thích chí quá, bắt tôi làm chim xanh. Anh ăn diện thật bảnh, chải cái đầu láng bóng theo kiểu "Bob Taylor" mà con trai Sịa vì ganh nghét cứ chế nhạo là con ruồi nào vô phúc đậu lên sẽ bị trượt té chết, rơi lộp độp như những chàng trai Sịa nào lén phén tán tỉnh o con gái nọ. Khổ nổi là ở Sịa làm gì kiếm cho ra hộp brillantine, anh bắt tôi ra vườn bẻ trộm trái bưởi, lấy hột ngâm vào nước ấm, một lát sẽ thành thứ keo sền sệt có thể thay brillantine được. Những hột bưởi của tôi đã xe được mối duyên trai tài gái sắc.

Một điều khó hiểu làm tôi không lấy gì hảnh diện lắm về chợ Sịa dể thương đó là qua hai dãy phố lầu không có nhà nào có được cái nhà vệ sinh hết. Cứ mỗi buổi sáng, gần như cà chợ kéo nhau lên rú, cách đó khoản một cây số, với nhũng lùm cây rậm rạp bao quanh những đụn cát trắng tinh, để rồi trong cái khung cảnh thanh thiên bạch nhật đầy thi vị đó, thiên hạ đi tìm cái thú có tự ngàn xưa: "Thứ nhất Quận công, thứ nhì..."

Cuộc sống tới đó trôi qua một cách êm đềm hiền hòa cho tới ngày cậu con trai con một thương gia giàu có đi ...cưới vợ. Hai sự kiện không ăn nhậu gì với nhau mà lại có một liên hệ lạ lùng. Cô dâu là một hoa khôi đất Thần-kinh, trong một gia đình mà các chàng trai Huế không ngớt ngưỡng mộ qua mấy vần thơ:

Bến Ngự bâng khuâng tình Nhơn Phú,
An Cựu mơ màng bóng Thảo Vân...

Về làm dâu một phú gia ở Sịa là một đề tài để thiên hạ tò mò thêu dệt bàn ra tán vào.Con trai Sịa cũng hào hoa đó chứ. Nhưng sự tò mò không phải ngang đó không thôi. Cứ mỗi buổi sáng, khi người đẹp ra khỏi nhà để .....lên rú, thì y như rằng một đám lâu la choi choi không hẹn mà gặp, cứ len lén kéo theo để tò mò khám

phá cho được cái.... trắng trẻo của con gái Huế. Thế rồi trăm thêu ngàn dệt, đứa nào cũng cho rằng mình may mắn hơn đứa khác. Câu chuyện không phải là vô thưởng vô phạt. Ít lâu sau, cứ sáng sáng sáng là đám choi choi chờ mãi và ngỡ ngàng vì vắng bóng người đẹp. Nàng đã từ giã Sịa ra đi mà có người cho rằng vì khó chịu bởi sự chiếu cố quá chuyên cần của đám choi choi kia. Nàng ra đi đã để lại một khoản trống trong câu chuyện ngồi lê đôi mách hằng ngày và những kỷ niệm "trắng trẻo" một thời ở chợ Sịa cũng mờ dần theo thời gian.

Sịa cách Huế khoản mười cây số mà tôi thấy xa làm sao. Đi bộ thì cũng phải mất gần nửa ngày vì phải băng qua đồng ruộng, cầu tre hoặc lội ngang những con lạch nhỏ. Đi bằng đò thì thú vị hơn. Từ Huế về, tôi thường xuống bến đò Kim-Luông dưới chân cầu Đông-Ba vào khoản chạng vạng tối. Trong khoan đò mọi người nằm ngồi ngổn ngang, trai gái lẫn lộn, có khi phải gát chân len nhau. Những người lớn tuổi thường nằm nghỉ nhắm mắt lại làm như không nghe thấy những cặp trai gái tán tỉnh nhau. Đò chèo qua Bao Vinh, đến Ngã Ba Sình rồi rẽ vào một con lạch nhỏ, băng qua đồng ruộng để về tới bến chợ vào khoản nửa khuya. Vào những đêm sáng trăng thì thơ mộng lắm. Những cô lái đò khỏe mạnh vừa chèo vừa hò những câu tình tứ, nhịp nhàng theo tiếng mái chèo, để đối đáp lại những giọng nam xa xa đưa lại từ những con đò khác, rung rinh dưới ánh trăng bao la.

Gặp nhau giữa Ngã Ba Sình,
Anh xuôi, em ngược đem tình nhớ thương.

Rồi từ xa vọng lại lời nguyện ước :
Bao giờ cho sóng bỏ gành,
Cù lao bỏ biển anh mới đành bỏ em.

Một đôi khi đò vào con lạch nhỏ nước cạn, mọi người phải nhảy xuống nước để đẩy, các cô gái cũng ứng khẩu vừa đẩy vừa hò, tinh quái nói móc mấy chàng trai lẳng lơ :

Sông cạn mà tình không cạn,
Vàng mòn mà nghĩa không mòn,
Bây chừ nước lại xa non,
Đêm năm canh tơ tưởng héo hon ruột tằm.

Những cặp nhân tình trên đò thả hồn theo mộng, chụm đầu vào nhau, chủ quan cho rằng những lời tình tứ kia chỉ để dành riêng cho họ mà thôi.

Sịa với Huế còn liên lạc bằng một phương tiện hiện đại hơn là ô-tô. Nói là hiện đại cho oai chứ thật ra vào thời đó ô-tô chạy bằng ....than, cái lò than nặng nề gắn đằng sau xe. Mỗi buổi sáng phải quạt lò cả tiếng đồng hồ để có đủ hơi nóng cho máy chạy,đồng thời cũng để đốt nóng luôn cả đám hành khách ngồi hàng ghế đằng sau. Mỗi buổi chiều khi xe về, bác tài thường bóp vào cái kèn cao su của thời còn xe ngựa, kêu toe toe mấy tiếng, thế là cả lũ con nít chạy tóe ra bám vào thành xe bất cứ ở đâu để được hả hê đi một đoạn.

Sịa vui nhộn nhất là vào dịp Tết hoặc lễ lạc trong gia đình, con cháu nội ngoại xa gần ở đâu đều kéo về. Sịa có một sức hấp dẫn lạ thường. Những ngày gần Tết tôi thường lò rò theo chị bếp khi làm bánh để được được xía cho mấy cái rẽo. Hôm ba mươi Tết, tôi sốt ruột đứng chờ bên mấy cụ làm heo để xin cho được cái bong bóng, đem ra giếng mài rửa rồi thích thú thổi lên, tuy không màu mè như những bong bóng xanh đỏ cho trẻ em ngày nay của mấy nhà hàng Mc Donald, nhưng tôi thấy quý báu và nâng niu một cách lạ thường. Ngày Tết ở Sịa thường trời lạnh và hay mưa phùn để cho mấy bà chị ở Huế về có dịp chưng diện, thắng lên những chiếc áo "pạt-đờ-xuy" sao mà sang ghê, sao mà Huế ghê. Sau khi lễ mễ cúng và mừng tuổi ông bà xong để được lì xì một số tiền xu xâu vào cái giải rút quần, chúng tôi rủ nhau đi chợ phiên.

Chợ phiên nhóm ở trên rú, một cái rú đa năng đa hiệu, vừa là nơi nhóm chợ, vừa là cái nghĩa địa bao la để chúng tôi đi thăm

mộ ngày Tết, vừa là nơi hẹn hò thơ mộng mà cũng vừa là nơi bà con chợ Sịa đến để tìm cái thú sau cái thú làm quận công. Chợ phiên nhà quê thì chẳng có gì đặc biệt nhưng sao ai cũng náo nức. Cũng vài ba bàn bài vụ để rút hết của tôi mấy đồng xu mới được lì xì ban sáng, cũng vài quầy hàng bán đồ chơi bất di bất dịch như cái lùng tung, con lật đật, con gà bằng đất thổi vào đít kêu cái te...nhưng cũng là dịp để mấy o con gái Sịa khoe sự đua đòi và để cho tôi được vênh váo đi bên cạnh mấy bà con trên Huế về.

Vào cái tuổi mà tôi bắt đầu thấy hết trẻ con thì Sịa cũng bắt đầu thay đổi bộ mặt, và bắt đầu biết nếm mùi chiến tranh cứ triền miên kéo dài. Những ngày tản cư Sịa trở nên đông đúc lạ thường, có lẽ là nơi đủ xa Huế để tránh được bom đạn, vừa là nơi không quê lắm để bà con tìm được một chút dể chịu trong những ngày chạy giặc. Trong nhà tôi lại đông như Tết nhưng lẽ tất nhiên không vui bằng.

Một người anh bà con bằng tuổi tôi, đi tản cư mà còn đem theo một cây đàn vĩ cầm, suốt ngày cứ kéo ọ ẹ chói cả tai làm tôi hơi khó chịu. Sau này găp lại, tôi chọc anh nói cho nghe lại những khúc nhạc ngày xưa đi. Anh cười, đưa cho tôi mấy bản nhạc và viết thêm:" Chất Huế có nhiều trong nầy nhất là hình ảnh những chuyến về quê ngoại ở Sịa". Trong khúc " Les Jardins d'Autre Monde " anh nói :"Tôi muốn làm sống lại ánh sáng và màu sắc của Huế trong âm-nhạc cổ truyền", một thứ âm nhạc mà ngày xưa Cụ Phạm Quỳnh đã nhận xét trong Nam Phong Tạp Chí: "Khi thì ngọt ngào như hương vị một đóa hoa, khi nghe ray rứt như tiếng khóc nứt nở, khi u buồn như ánh mắt phụ nữ trong đêm hè, khi vui như tiếng chim hót mùa xuân, tất cả xâm nhập vào cả thể xác lẫn tâm hồn, hòa trong máu để cho ta một thứ cảm khoái đê mê." Ngày nay nhà phê bình nhạc Laurence Bancaud viết về Tôn Thất Tiết đã ca tụng anh như là :"một thiên tài Á Châu làm rạng rỡ nền âm nhạc thế giới", và giới thiệu luôn một lô các giải thưởng quốc tế mà anh đả đạt được làm tôi chóa mắt, nào là Prix de la Sacem, Prix Lili Boulanger, giải thưởng cao quý của UNESCO dành cho Diễn Đàn Quốc Tế Những Nhà Soạn Nhạc, vân vân và vân vân. Tôi khoái quá, vội vàng pha một ly cà phê thật đậm, ngồi dựa ngữa trong chiếc ghế bành rồi mở máy ra nghe bản " Les Sourires du Bouddha" vừa mới được giải thưởng Prix Francis et Salabert, lim dim đôi mắt để cố thưởng thức trọn vẹn cái tinh hoa đó và để hưởng chút thơm lây, thì y như là....vịt nghe sấm.Trong số bà con tản cư ở Huế về có một chú rể trong gia đình. Anh này là một bác sĩ mà cả nhà không ai nhờ cậy gì được vì cứ trốn chui trốn nhủi, bởi lẽ anh là người sáng lập ra một đảng chính trị mà cộng sản coi như là kẻ thù số một. Tôi và thằng em họ ở Huế về tản cư được lãnh nhiệm vụ đưa anh đi trốn. Nhiều khi chúng tôi đi xuyên qua rú suốt cả ngày để đến một xóm làng xa xuôi hẻo lánh mà Ông Nội tôi quen biết tin cậy để gởi gắm. Trên đường đi anh hay kể cho hai đứa tôi nghe những mẫu chuyện vui vui thích thú. Khi nghe chó sủa mấy anh em phải dè dặt, tránh lộ liễu, đi nép theo các lùm cây. Tôi cao hứng ba hoa không biết học lóm được ở đâu : "Chó thuộc mạng Thổ, lổ tai nó dính với đất, dù cho mình đi nhẹ trên đất nó cũng biết được mà sủa". Anh vặn lại :" Nếu chó nằm trên tấm ván thì còn thuộc mạng thổ mà sủa được không?" Tôi hơi bí, nhưng may quá, lúc đó cũng vừa tới nơi. Yên thân được vài hôm, công an theo dõi sát nút lại phải dời đi nơi khác, cứ thế mà phải sống cái kiếp du mục đó ngày này qua ngày khác. Cuối cùng anh phải giả dạng làm người đánh cá, đen đúi gầy gò không ai nhận ra được, sống trên một chiếc ghe câu con con, trôi dạt trên Phá Tam-Giang và thoát được cho tới ngày hồi cư. Về Huế được it lâu tưởng đã yên thân, nhưng cũng không thoát khỏi lưỡi hái tử thần của cộng sản dành sẵn cho người quốc gia. Vào một buổi tối, có kẻ giả dạng bệnh nhân đến xin cấp cứu đã vào nhà đang lúc ăn cơm tối để bắn anh ngả gục ngay trên bàn ăn trước mặt vợ và năm đứa con.

Vào khoảng cuối năm 1946, quân Pháp đánh chiếm thành phố Huế. Trung đoàn Vệ-Quốc-Quân bảo vệ thành phố phải tháo chạy, rút về vùng Sịa rồi làn lần rút mãi ra tới Liên khu IV vùng Nghệ Tỉnh. Ngày Huế bị vỡ mặt trận, tôi theo anh tôi ra chợ để nghe ngóng tình hình. Tuy phải chạy bán sống bán chết mà các anh bộ đội cứ ba hoa kể lại như là một chiến thắng oai hùng, nào là quân Pháp chết như rạ, nào là ta lùa chúng vào những hầm trú bom ở sân trường Khải Định rồi xông khói vào chúng ngột ra không được chết như chuột, nào là ta rải trái mù u từ cửa Thuận An lên, chúng mang giầy bốt như không có đầu gối, té ngổn ngang chịu trận v...v...,tôi há hốc mồm, bán tín bán nghi.

Quân Pháp làm bá chủ thành phố Huế nhưng vẫn bị du kích quấy phá. Một người anh họ, anh ruột của Tôn thất Tiết, vừa đậu tú tài xong, chuẩn bi đi du học ở Pháp nhưng vì chiến tranh nên còn kẹt lại, cũng đã gia nhập vào một đội du kích. Trong một đêm tấn công vào quân Pháp đóng ở khách sạn Morin, anh ta đã phải hy sinh, gây xúc động mạnh cho gia đình lúc đó đang bối rối vì tản cư. Gia đình càng đau đớn và ngao ngán hơn khi mấy giới chức Việt Minh đến vinh danh anh là Liệt Sĩ.

Quân Pháp thường mở những cuộc hành quân càn quét để nới rộng vùng kiểm soát, trong đó có Sịa. Từ đó hai tiếng "Tây về" đã gieo trong tôi nhiều nổi kinh hoàng, đến từ cả hai phía, người tháo chạy cũng như kẻ rượt theo.

Khi Việt Minh rút lui thường kéo theo những bộ phận phụ thuộc, trong đó có đám công an với một số tù nhân, được gọi là Việt gian, là những người không hợp tác, hoặc thuộc các đảng phái đối lập. Một buổi tối nọ, tôi với người em họ đến ngủ lại nhà chú tôi để học thêm. Nhà chú tôi ở gần trường học là nơi bộ chỉ huy đóng quân.Tờ mờ sáng hôm sau, bổng nhiên có tiếng la om sòm ngoài đường, hỏi ra thì được biết có người tù chạy trốn nhưng đã bắt lại được. Tò mò chúng tôi chạy ra xem thì thấy một người bị trói kéo lết đi, vừa lạy lục vừa khóc than thảm thiết. Người chỉ huy mặt lạnh như tiền, ra lệnh phải xử ngay và phân công cho bộ hạ, người thì lên rú đào lỗ để chôn, người thì đi kiếm giây và cọc để khiên v...v...mọi người lăng xăng một cách rất thản nhiên. Tôi có cảm tưởng là anh tử tội cũng đang tham gia vào cuộc phân công đó và đang hình dung được những gì sắp xảy ra. Sau khi tử tội được cột vào cái cọc bên ụ đất ở giữa đường dùng để cản Pháp tiến quân, người chỉ huy rút trong túi ra một tờ giấy đọc lảm nhảm vài lời gọi là bản tuyên án tử hình, xong rút ra khẩu súng lục kiểu cổ-lổ-sĩ tự đời nào, nhắm vào dầu tử tội. Anh này không ngớt van xin, nheo mắt lại như để cố né tránh viên đạn. Một bầu không khí im lặng nặng nề chờ đợi. Cò súng kêu đánh tách một cái nhưng súng lại không nổ. Người chỉ huy móc trong túi một nắm đạn khác, lựa một viên nhét vào trái khế nhắm bắn một lần nữa,nhưng lại cũng không nổ.Trong giây phút trì hoản đứng tim đó, trong đầu người tử tội lại lóe ra một chút hy vọng, anh càng kêu oan, van xin nài nĩ thảm thiết hơn. Người chỉ huy vừa bực mình vừa mất mặt với đám khán giả bất đắc dĩ như chúng tôi, bèn gắt : "Súng với siết, đồng chí nào có viên đạn mới hơn không?" Sau khi tìm được viên đạn không rỉ, súng nổ vào đầu và nạn nhân gục xuống. Mọi người vỗ tay, không phải để hoan hô mà để thở phào chấm dứt một màn giật gân sống động. Tôi cũng vỗ tay theo vì thấy rằng ít ra họ cũng còn viên đạn nổ được.

Lúc đó tôi bước vào tuổi mười ba để chứng kiến một vụ xử bắn ly kỳ như được xem phim cao-bồi.

Thường mỗi khi Tây về thì mọi người chạy lên rú trốn. Cái nghĩa địa bao la ấp ủ trong lòng đất từ bao thế hệ ông bà của hầu hết dân Sịa, nay lại là nơi con cháu được bảo vệ an toàn,vì quân Pháp dại gì mà phiêu lưu lên đó.Tôi lên trốn ở rú như là một phản ứng tự nhiên. Bộ chỉ huy Việt

Minh cũng lên đó trốn, họ còn cẩn thận cải trang trong những bộ đồ tang cho thêm phần thảm thiết, và lẽ tất nhiên không bỏ quên mấy cục nợ tù nhân. Một hôm, khi tình hình quá căn thẳng, tiếng súng từ ngoài chợ mỗi lúc một gần, bộ chỉ huy quyết định đem xử bọn tù cho rảnh nợ để còn chạy cho dễ. Để không gây tiếng động, lần này họ thanh toán bằng mã tấu, không phải vì sợ tốn đạn mà sợ lộ nơi đang trốn. Tôi đứng nhìn từ xa không dám lại gần, vì hình ảnh vụ xử bắn ghê rợn hôm nọ còn lởn vởn trong đầu. Những vũng máu đổ nhuộm hoen ố cả một vùng trên cát trắng tinh hiền hòa của rú.

Tây đi được một lúc chúng tôi ra chợ thì thấy những cái đầu lâu treo lủng lẳng nói là của Việt gian.

Lúc đó tôi bước vào tuổi mười ba để xem những vụ chặt đầu mà tưởng rằng mình đang đọc truyện kiếm hiệp Tàu ở một thời xa xưa.

Khi quân Pháp về đóng đồn ở Sịa thì không phải chạy trốn từng lúc mà phải tản cư luôn. Mấy người lớn trong gia đình kể cả Ông Mệ tôi cũng phải lánh ra một thôn hẻo lánh gần Phá Tam Giang để được an toàn hơn. Nhưng trong nhà còn mấy bao gạo, nếu đi hết lỡ trộm vô lấy thì còn gì mà ăn. Cả nhà quyết định để tôi và thằng em họ ở Huế tản cư về ở lại giữ nhà, hai đứa gồng mình bảo nhau không răng mô mà trong bụng thì bấn xúc xích. Một hôm Tây về bắn dữ quá, lại nghe đồn Tây nó bắn đạn "đùm đum" kêu cắt bụp hai tiếng, lại gần mình mới nổ, tụi tôi khớp quá, sợ xanh mặt, nên sau một hồi lưỡng lự bèn quyết định phải chạy khỏi nhà. Khi ra khỏi làng tới ngoài ruộng trống, lại thấy chiếc máy bay lượn trên đầu, chúng tôi nhào xuống nằm bẹp dưới ruộng, chỉ chừa lỗ mủi để thở, ướt như chuột lột. Sau này nghỉ lại thấy mình ngu quá, đó là chiếc máy bay bà già kiểu Morane đi thám thính có bắn biếc gì dược đâu mà sợ, nhưng khi biết được thì đã.... trưởng thành rồi. Sau một hồi lần mò chúng tôi cũng tới được nơi gia đình đang tản cư, mừng quá coi như chết đi sống lại. Chưa kịp lấy lại hơi thở, thì ở đâu chú tôi lù lù bước ra, giáng cho mỗi đứa một bạt tai, nói rằng : " Tụi bây con nít không răng mô, về lại mà giữ nhà, họ lấy hết gạo thì có mà đói". Hai đứa cắn răng trở lại mà không hiểu tại sao tự nhiên vững tâm hơn vì thấy chú tôi nói có lý. Quả nhiên lần này không răng mô thiệt.

Mấy hôm sau, muốn tôi yên tâm hơn, một người lớn tình nguyện ở lại với tôi thay cho thằng em họ nhát gan kia. Bà này đã theo hầu Mệ tôi từ khi Mệ tôi mới về làm dâu ở Sịa, trong nhà ai cũng gọi bằng Chị kể cả tôi, mặc dầu lớn tuổi hơn Ba tôi, nên Ba tôi ghẹo là Chị Tam Đại.Tôi hơi yên tâm nhưng cũng còn áy náy trong lòng. Một ông chú của tôi theo Việt Minh, giao cho tôi một thùng lựu đạn bảo phải đem giấu mỗi khi Tây về. Không biết bỏ đâu, tôi giấu ngay trong cái hòm đóng sẵn để trong nhà của Ông Mệ tôi, xong đậy cái nắp nặng chình chịch lên, cho là yên trí lắm.

Khi quân Pháp làm ráp đi vào nhà, tôi thường làm bộ đem sách ra học. Tuy tôi mới xong tiểu học nhưng cũng láp nháp được vài ba tiếng Pháp, vì tôi đậu "ri-me " theo chương trình Pháp, khổ nổi là mấy ông lính Tây lại không đọc được tiếng Tây nên cái trò của tôi hóa ra vô bổ. Họ hung hăng lục soạn, bạ chi bắn đó, con gà chạy ngoài sân họ ngắm ngang đầu tôi để bắn và bắn vỡ tung luôn hai trái cầu bằng chai trên hai cột trụ ngoài ngõ. May cho tôi là họ không dỡ cái nắp hòm của Ông Mệ tôi ra làm tôi cứ nơm nớp lo sợ. Đi hành quân họ chỉ mặc vẽn vẹn có chiếc áo thun phủ tới gối. Chị Tam Đại sợ quá, làm bộ ra vườn làm đất cho lem luốt, nhưng rồi cũng bị một tên lính kéo vào nhà trên mà cũng chẳng buồn đóng cửa lại. Ở nhà dưới, tôi ngao ngán điếng người khi nghe tiếng khóc nức nở vọng lại từ nhà trên, thấy mình yếu đuối như một con sên trước cơn bão. Ngày nay nghỉ đến hương hồn Chị, tôi không khỏi bùi ngùi khi nhớ lại những giây phút kinh hoàng đó, để bù lại những ngày vui khi Chị

làm bánh thì hay xía cho tôi mấy cái rẽo.

Lúc đó tôi bước vào tuổi mười ba để chứng kiến tận mắt một cảnh tượng mà ngày nay dù cho ở những nước gọi là văn minh vật chất cũng chỉ dành cho trẻ con trên mười sáu tuổi, dù là trên màn ảnh mà thôi.

Tất cả đàn bà con gái trong làng thì nhất định phải đem giấu biệt một nơi khỉ ho cò gáy nào đó mà chẳng ai có thể đặt chân tới được.

Ít lâu sau, Chị Tam Đại mất tinh thần không chịu nổi phải trở lại nơi gia đình tản cư để săn sóc Mệ tôi thay cho Ông tôi lên Sịa ở giữ nhà với tôi.

Ông Nội tôi là một hưu quan, tìm cái thú nhàn hạ nơi quê nhà, trong làng ai cũng nể nang. Ông thường hay can thiệp vào những chuyện trái tai gai mắt. Một đứa giữ trâu phạm lỗi để trâu dẫm lên đường làng thay vì phải đi trong lối dành cho trâu, sẽ bị Ông đem ra giếng bắt cởi truồng, dội cho vài gàu nước lạnh trước mặt mấy đứa khác đứng lêu lêu và cười rồ rộ. Tánh Ông vui nhưng rất nghiêm. Ngoại trừ đối với mấy bạn đồng liêu và người lớn tuổi, Ông coi mọi người như con cháu trong nhà dù không phải trong họ hàng. Khi trong làng có kế hoạch dẫn thủy nhập điền, mấy ông Vẹm bắt mỗi nhà phải đào một cái hào sâu nửa thước ở trước đường để dẫn nước, Ông tôi chê là dốt, bảo rằng có nhà đào nửa thước nhưng cũng có nhà phải đào sâu hơn hoặc cạn hơn tùy theo cao thấp chứ. Đại khái như vậy, tuy họ không dám ra mặt nhưng cũng "ghim" là Ông hay lý sự, mà đối với cộng sản lý sự là một tội phạm.

Nhà Ông tôi trong một cái vườn gồm hai căn xếp thành hình chữ L nên Ông thường giới thiệu:

" Nhà tôi vẫn ở chốn thôn quê,
Ba gian mát mẽ lại hai hè...."

Nhà trên làm chỗ thờ hoặc dành khi có khách, còn thường thì gia đình ở nhà dưới. Mỗi khi bị sai lên nhà trên tôi cũng hơi rợn rợn, ngoại trừ khi sai lên bưng cái mâm quả phẩm đã cúng xong xuống thì tôi nhanh nhẩu lắm vì trên đường còn được ăn vụng vài trái cam trái nho.

Đêm hôm đó đúng ngày hai mươi tháng giêng, tôi ngủ với Ông tôi ở nhà dưới.

Không khí Tết chẳng có gì còn lại vì cả nhà tản cư hết. Ngoài trời còn cái lạnh của những ngày mới ra Tết, trăng lờ mờ trong sương mù huyền ảo. Ngoài sân, dưới bóng của dàn bầu, mấy trái bầu lủng lẳng đu đưa làm cho tôi rợn mình hơn và thấy sợ ma hơn. Tôi lên giường nằm sát vào Ông tôi cho đỡ lạnh và đỡ sợ.

Vào lúc nửa khuya, tôi giật mình thức dậy vì bỗng nhiên một toán người súng ống lè kè ập vào nhà để gọi là mời Ông tôi đi họp, trước sự sửng sốt của hai ông cháu. Tự nhiên tôi thấy rợn tóc gáy và ớn lạnh quá. Tôi mở tủ lấy một chiếc áo bông, ôm chặc vào người và thở vào đó một chút hơi nóng để Ông tôi mặc thêm vì ở ngoài còn lạnh lắm. Tôi bước ra sân thì thấy một toán người lố nhố dưới dàn bầu, gươm giáo lập lòe bên mấy trái bầu lủng lẳng, họ đuổi tôi vào. Khi Ông tôi đi rồi thì tôi không dám nằm xuống nữa, run cầm cập, ngồi chống mắt chờ cho mau sáng để chạy đi báo cho gia đình biết.

Thế rồi hôm sau cả Sịa sống trong hoang mang tột độ, vì đêm hôm đó có cả trăm người bị bắt mà không biết đem đi đâu, phần lớn là những người trí thức thường hay phê phán hoặc có máu mặt, kể cả dân Sịa và một số người tản cư ở Huế về, trong số đó có một ông chú tôi nữa. Chú tôi là một người có nhiều nhiệt huyết, ông đã tự nguyện lãnh chức vụ Thôn trưởng không công trong lúc dầu sôi lửa bỏng đó. Tôi phục chú tôi ở chỗ ông rất giỏi tiếng Pháp, tôi thường đến học với ông và cho tới nay tôi vẫn chưa quên được những cái nhéo tai hay những cái cú vào đầu mỗi khi tôi viết chính tả sai, tôi biết chú tôi là

người chuộng sự hoàn hảo và kỹ luật.

Tin tức càng ngày càng mờ mịt. Ai cũng nghĩ rằng thân nhân mình bị tập trung ở một nơi riêng biệt nào đó đã là một việc phi lý ghê gớm lắm rồi, không ai dám nghỉ xa hơn nửa. Cho đến một hôm có người tìm thấy một cái xác trên rú, rồi hai ba cái nữa lần lần tìm ra. Hoang man trở thành tuyệt vọng. Những gia đình có nạn nhân bị bắt đêm đó tổ chức thành những toán đi tìm xác trên rú, trong những toán đó có tôi.

Mỗi người cầm một cây gậy để xoi lên cát, xếp thành hàng ngang để không bỏ sót một khoản trống nào, như những người đi tìm nạn nhân bị tuyết phủ trên núi tuyết ngày nay vậy. Hy vọng, thất vọng rồi tuyệt vọng lẫn lộn trong lòng mọi người. Khi thấy một vết máu đỏ trên cát trắng, mọi người la lên, đào đào xới xới, tôi lại rơi vào một tâm trạng mâu thuẩn là mong rằng dưới đó không phải là Ông tôi hoặc Chú tôi để còn nuôi thêm chút hy vọng. Khi đào xuống thường là những cảnh tượng ghê rợn vượt khỏi trí tưởng tượng của tôi lúc bấy giờ và ngay cả bây giờ nữa. Đôi khi đào lên chỉ là một số đầu lâu không có xác, hoặc là những cái xác không đầu, làm cho tôi cứ vẫn vơ thắc mắc tìm hiểu cho ra cái lý do của hành động kỳ quái man rợ đó. Tôi không còn đủ bình tỉnh và can đảm để kể lại những gì đã đập vào đôi mắt non dại của tôi lúc đó, đôi mắt gần như chưa bao giờ biết khóc.Tôi nhắm mắt thật chặc và cố dụi mạnh để xua đuổi nhanh chóng cái hình ảnh ma quái đó đi, cái hình ảnh mà tôi e ngại cho cả những ai phải chia xẻ với tôi...Sau bao ngày lặn lội, hy vọng rồi thất vọng nặng nề dày vò lên mọi người. Cuối cùng, vào một chiều hoàng hôn ảm đạm, mọi người đang lạnh buốt và gần như kiệt sức sau nhiều ngày lặn lội trong cảnh kinh hoàng, toán tôi sắp sửa ra về thì có tiếng la hoảng ở đằng xa vì một toán khác tìm ra được một cái xác nữa. Tôi vội chạy đến và nhận ra được cái áo bông lạnh giá trên người Ông tôi mà tưởng rằng hình như trên đó còn nóng hơi thở của tôi. Tôi tê tái như rơi vào một khoản trống mà không biết bám vào đâu. Lúc đó tôi bước vào tuổi mười ba để chứng kiến cái cảnh kinh hoàng nhất của đời tôi.

Mấy tháng sau, một giới chức Việt Minh thân cận với gia đình đã tiết lộ rằng trong danh sách những người "Việt gian" bị thủ tiêu trong đêm máu đó có cả tên người anh họ tôi đã hy sinh khi tấn công khách sạn Morin. Một sự chế nhạo của Lịch Sử. Cũng cùng một con người, cùng một bầu nhiệt huyết, cùng một cái chết mà trước đó hai tháng thì được tôn vinh là anh hùng "liệt sĩ", nếu sau hai tháng thì lại bị ghép vào tội "Việt gian"!

Sịa đã để lại trong tôi một vết hằn oan nghiệt của những ngày đầy mộng mơ. Thế rồi tôi xa Sịa từ đó và chỉ trở lại nửa thế kỷ sau, để tìm thấy cái xác xơ trong lòng tôi bên cái xơ xác của cảnh vật. Căn nhà nhiều kỷ niệm ngày xưa nay chỉ còn lại cái cột trụ cửa ngõ mà hai trái cầu bằng chai bị bắn vỡ còn để lại dấu vết.

Tôi tìm ra chợ, gặp một o con gái bán vải, tôi làm bộ hỏi: "Đây là Sịa phải không?" O con gái hóm hỉnh trả lời: "Dạ không, đây là S.I.A." Tôi cười ngạc nhiên và thương cho cái tếu nơi o con gái, tưởng đã mất đi sau nhiều thế hệ. Sau này tôi mới vỡ lẽ là những người chủ trương vụ tàn sát năm xưa muốn biện minh cho hành động của mình, rêu rao rằng họ đã tiêu diệt được một tổ chức gián điệp của ngoại bang đang âm mưu rước voi về giầy mồ, thay vì đã thủ tiêu những trí thức yêu nước và những người không đồng chính kiến với họ, nên đã chụp lên đầu người dân Sịa cái mũ việt gian: "Các anh không CIA thì cũng CIB thôi."

O con gái sanh sau đẻ muộn sau này đã được học tập như vậy, và nhập tâm như vậy, thôi thì, muốn chắc ăn, không A mà cũng chẳng B, cứ gọi là S.I.A. của Sịa Một Thuở Nào.

◆ *Phương-vũ VÕ TAM-ANH*

NHỮNG MÀU THỜI GIAN

Trần Thị Xuân-Lan

Hồng thương mến,

...Bây giờ mùa thu thật sự bước vào giữa lòng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, và Virginia ...Nắng vàng rực rỡ lấp lánh qua những lá đổi màu óng ánh trên cao... Nắng vàng của mùa thu làm chị nhớ đến những câu thơ của thi sĩ Huy Cận mà ngày nào trong sân trường ĐK chúng ta vẫn bên nhau trong bao nhiêu năm trời của tuổi thơ đầy mộng mơ và được gói ghém chép vào những tờ giấy mỏng manh:

Ôi nắng vàng sao mà nhớ nhung
Có ai đàn lẻ để tơ chùng
Có ai tiễn biệt nơi xa ấy
Xui bước chân đây luống ngại ngùng...

Hôm nay trên dường về nhà từ xa lộ 66W hướng Front Royal, mới thấy nắng vàng ở đây sao như nắng vàng ngày xưa của chúng mình...nắng hanh vàng, loáng thoáng chút tơ cuả mây trời buổi chiều màu tím hoàng hôn trãi dài trên dòng sông Potomac tưởng như trở về xuôi dòng Hương Giang của chúng mình. Đường về nhà Chị xa lộ ngút dài, những dòng xe tưởng như những giải lụa kim cương nhẹ nhàng chuyển động...Đèn nhà ai heo hút trên những ngọn đồi thấp thoáng ...

Sau những năm tháng xa cách, Em cũng đã từng hỏi Chị làm gì bên đó, có còn như ngày xưa không, sao bặt tin Chị lâu quá ...Em có biết mấy mươi năm ở nước Mỹ đã thay đổi Chị hoàn toàn, từ người luôn luôn trốn tránh những con số, những cãi vả, những nguỵ biện, thì Chị bây giờ luôn luôn trực diện những "con số nhức đầu", luôn luôn "nguỵ biện" trước những vấn đề nan giải bằng con số !!

Suốt hai tuần qua màu sắc cuả mùa thu rực rỡ chóang ngợp cả Thủ Đô. Màu thời gian đã đi vào không gian ở đây đó em! Quá bận rộn với nghề nghiệp không có một phút suy nghĩ. Hôm nay đã giải đáp một vài con số, đã thanh thản nghỉ đến mình và nghĩ đến em...Bởi vì nếu em biết những con số cuả nghề nghiệp đã hành hạ Chị nhức nhối đầu óc như thế nào, chắc em sẽ thương người bạn rụt rè bẽn lẽn "mau nước mắt" ngày trước...Em thử đoán nghề nghiệp của Chị là gì? Thì ra cuộc đời xoay chuyển mình hay mình có thể xoay chuyển cuộc đời được không? Chị vẫn nghĩ "xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều" nhưng nhiều khi cũng phải bó tay trước định mệnh khắc khe !...như cuộc đời chúng mình, như cuộc đời của những bạn bè trong lớp...như Hồng, như Thu, như Hường....

Trong giấc mơ trở về Huế để gặp bạn bè của ngày xưa thân ái và để tìm lại những hương xưa của tuổi thơ mà thời gian đã lướt nhanh không nắm bắt được....và Chị đã trở về ...

Nhân chuyến bay vượt ngàn trùng về mừng tuổi thọ cuả Mạ...Mạ của chị đã tròn một Thế Kỹ...vẫn chờ đợi đứa con bên kia đại dương, và Mạ đã thấy con đứng đó. Vòng tay ôm choàng cả thế giới thu gọn từ Đại Tây Dương qua Thái Bình Dương...mà đã tưởng như không bao giờ được thấy nhau! Ôi tình mẫu tử! Ngày cuối tháng tư 75 ra đi, Mạ chị vẫn còn ở Huế...Mạ muốn sống đến phút cuối cùng cuả quê cha đất tổ, nên không chịu đi xa xứ Huế ngàn năm với mồ mã tổ tiên và tình cảm quê hương còn đó....Mạ vẫn mơ ước được nằm xuống nhắm mắt xuôi dòng Hương Giang đưa Mạ về làng, nơi Ba chị đã nằm xuống...và mộng ước đó đã thành. Vì sau chuyến đi

cuả Chị về thăm Mạ thì mười tháng sau Mạ không còn nữa...

Hồng nhớ không trong một thư gởi Chị, Hồng đã nhắc lại những ngày xưa thân ái dưới mái trường ĐK mà chúng mình đã cùng nhau học hành từ lớp mẫu giáo, rồi tiểu học, rồi trung học....Thời tiểu học ĐK, vẫn học dãy lớp mới xây sau sân trường, mà nơi đó trong thư Hồng nhắc nhở thuở bé thơ với nhau ù mọi, cò cò, hay giờ "nông phố" trồng cây trồng hoa...Bùi ngùi nhất là đọc đoạn thư Hồng nhắc đến "ù mọi" và Hồng kéo aó Chị, áo bị rách ngang, Hồng kể lại Chị đã khóc sướt mướt và "bắt đền vì về nhà sợ Mạ đập"...

Lên trung học chúng mình không còn chung lớp....từ đây Chị có bạn mới...như em biết Hường với Chị thân nhau từ ngày vào Đệ Thất, Hường từ trường khác vào ĐK và chúng mình từ Tiểu Học ĐK lên...Chị còn nhớ buổi sáng đầu tiên sắp hàng vào lớp, Hường và Chị đua nhau chạy thật nhanh để được ngồi đầu bàn và bàn đầu, nhưng Hường đã nhường để Chị được như ý! Và hai đứa ngồi bên nhau thân nhau suốt những năm học... Huế thơ mộng của chúng mình đã là những bài Thơ, bài Văn diễm tuyệt, nhưng cung đàn chỉ cần người nghệ sĩ viết lên cung bậc mà thôi!

Chắc em còn nhớ những buổi đi học về trên chuyến đò Thừa Phủ, nắng đã nghiêng về phiá bên kia đồi núi Thiên Thai, Lăng tẩm, trên ngã Thượng nguồn, nắng chiều trãi vàng suốt giòng sông.. Và cũng có những buổi chiều vì phải học bài thi, về muộn...nhìn dòng sông, nắng vàng đã tắt, mà hoàng hôn như nhuộm màu tim tím ngan ngát hương thơm từ sông Hương, bất giác chúng ta cùng đọc thơ của Đoàn Phú Tứ:

Màu thời gian không xanh
Màu thời gian tím ngát,
Hương thời gian không nồng
Hương thời gian thanh thanh....

Lần Chị về thăm Mạ, điều Chị ao ước được bước vào trường ĐK, được nhìn những lớp học ngày xưa...mà bao nhiêu kỹ niệm của tuổi ấu thơ non dại còn đọng lại đâu đó trong ngọn cỏ cành cây, trong những bông hoa phượng rung rinh trước gió trên lối ra vào trường xưa...Được thấy sân trường, được nhìn "cột cờ" mà mỗi sáng thứ hai chúng mình vẫn sắp hàng chào cờ trước khi vào lớp...

Hường và chị, hai đứa thân nhau từ Huế vào Nha trang vẫn ngồi cạnh nhau những năm cuối cuả Trung học...chuyện đã xảy ra....và hai đứa đã trôi theo giòng sông của cuộc đời, sông đã chia nhiều nhánh như định mệnh của đời người. Có nhánh êm đềm ra biển cả, có nhánh gặp thác ghềnh trước khi vào đại dương...Chị theo Anh từ Saigon lên Đàlạt thì từ đây được biết Hường vừa từ giã Đàlạt trở về lại Saigon...Cuộc đời hai bạn thân nhau đã là như hai đường song song không bao giờ gặp nhau nữa và định mệnh như dòng sông đã tách lià nhau...Viết lại những chuyện tưởng như xưa lắm rồi, nhưng lòng mình thật sự thương xót và vẫn bồi hồi rung động chỉ vì "tạo hóa gây chi cuộc hí trường"...

Những Ngày Nhớ Huế tại Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn em đã không đến, em có bao giờ hứa hẹn với Chị lần nữa là em sẽ đến không? Ngày Nhớ Huế săp tới có chắc em sẽ đến không em?

Nhớ Huế là nhớ Quê hương, là cơn mơ của những người xa Huế và xa quê hương ấm áp tìm đến nhau trong khỏang không gian ngàn vàn dặm và thời gian thì quá "hạn hữu" ... Nên ai cũng vội vã tìm đến những ngày Nhớ Huế như tìm về quê hương đánh mất và tìm về những tình cảm chôn chặt thật sâu trong lòng mỗi người ...Tình hoài hương đó làm Chị bỗng nhớ đến những câu thơ của Lý Bạch trong bài " Tĩnh Dạ Tư":

...Cử đầu vọng minh nguyệt
Đê đầu tư cố hương....

đã được diễn dịch bởi tác giả nào đó:

Ngẩng đầu trăng sáng trên cao,
Cúi đầu ngấn lệ nghẹn ngào...cố hương...

Theo thư trước đây, Hồng tha thiết muốn Chị kể vài chuyện về Ngày Nhớ Huế vừa qua....thì nhân đây, Chị kể em nghe câu chuyện từ một người bạn mới quen của những ngày Nhớ Huế Muà Hoa Anh Đào, mà Chị mới nhận được thư, đây là thư đầu tiên của người bạn:

Chị XL thân mên,
Trước hết xin phép chị cho em gọi chị là chị ,dù chị em mình chỉ gặp nhau trong vài ngày Nhớ Huế-Mùa Hoa Anh Đào tại Thủ Đô Hoa Kỳ vừa qua...Chị đã dành cho Mạ Con em những tình cảm quí mến, không những trong tình đồng hương Huế mà hình như chúng ta đã gặp nhau đâu lâu rồi...Thư này em muốn kể chị nghe chuyện của năm, sáu mươi năm về trước...và hôm nay với những giọt nước mắt này em không làm sao vơi bớt nỗi niềm thương đau của Mạ em...

(Chị đã trả lời: Cám ơn em đã viết thư cho Chị trong tình thân thương quí mến, rất cảm động khi đọc thư em. Mong em tiếp theo như một giải bày niềm đau chưa nói đó...)

Thưa Chị, em đã đưa Mạ em từ Paris đến tham dự Nhớ Huế vừa rồi như chị biết...dù lớn tuổi nhưng niềm ao ước của Mạ em vẫn là được thấy, được nghe người Huế giọng Huế cười nói, và trong tâm tư của Mạ em thì em đoán biết như mong mõi người nào...

Mà thật đó chị ơi, Mạ em đã gặp.....Chuyện của ngày xưa khi hai người còn là nữ sinh và nam sinh của hai trường ĐK va KĐ...nhưng éo le vì hoàn cảnh gia đình giai cấp xã hội nghiệt ngã đã chia đôi. Và từ đó không bao giờ gặp lại... Vâng theo ý của gia đình, Mạ em lên xe hoa với một người đang có quyền uy và thế lực của thời đó, và chị biết đó là Ba em. Gia đình Ba em ở Hà nội di cư vào Nam năm 54....Sau năm 75 Ba em đã mất trong trại tù cải tạo nơi rừng thiêng miền biên giới Lào Việt. Mẹ con em được bảo lãnh của Cậu em để đến Paris....Một cây cổ thụ đã héo khô bị chuyển tới miền đất lạ lùng thì càng héo khô thêm..

Sau những ngày Nhớ Huế trở lại Paris, thì Mạ em đã ngã bệnh và qua đời....Trước khi vào cõi thiên thu vĩnh viễn, Mạ em đã nói với em "đã gặp rồi"...

Chị ơi, em chắc Mạ em "đã gặp" và đã vui những ngày cuối cùng cuả cuộc đời...

Thư em viết cho chị để chị chia xẽ với em những ưu tư những hạnh phúc ngắn ngủi của đời người...

Thân ái chào chị và mong gặp chị để tâm sự nhiều hơn...

Tuần qua, Chị cũng nhận được thư từ Paris: *Chị thân mến, Em tưởng gặp được Chị thì sẽ tâm sự nhiều, nhưng không chờ đợi được, em xin được tiếp tục chuyện của mấy mươi năm về trước...*

Sau chuyến tham dự Nhớ Huê vừa qua, về lại Paris Mạ em vui vẻ nhiều hơn, nét tươi đẹp cuả một hoa khôi Huế hiện rõ dù tuổi đời đã cao. Mạ em hay ra vườn Luxemburg để ngồi một mình mà bây giờ trời đã vào thu ở đây...hay ngồi nhìn sông Seine, nhiều khi Mạ em còn nói " nhìn sông Seine mà nhớ Hương giang quá!"...Em không biết có phải tâm tư Mạ em bây giờ đầy ắp kỹ niêm ngày xưa không? Hay người lớn tuổi như Mạ em hay mơ màng hồi tưởng những đoạn phim ký ức quay về dĩ vãng nhiều hơn? Hồi này Mạ em hay kể em nghe những khoảng thời gian xa xưa, sống ở Huế, bên ông bà ngoại ở vương phủ dọc sông Bến Ngự...Nơi đây Cô thiếu nữ là Mạ em, được sinh ra và lớn lên bên giòng sông thơ mộng... Cô thiếu nữ ấy ngày hai buổi tung tăng đến trường ĐK...

Nhưng thưa chị, thật buồn và như sét đánh ngang tai...Hằng ngày Mạ em hay dậy sớm, nhưng hôm ấy không thấy Mạ...em vội vào thăm thì Mạ em đã yếu và chỉ nói với em vài chữ "đã gặp ...nhật ký cuả Mạ..." rồi Mạ em ra đi trong thanh thản bình an...Nếu ai mất mẹ như em chắc hiểu nỗi lòng của

người con như thế nào! Bao nhiêu thương yêu Mạ, làm người em tưởng như quay cuồng điên đảo nhớ thương...

Sau những ngày tang thương ấy, em bồi hồi nhớ lại... hình như Mạ em có nói đến hai chữ "nhật ký"... Em nghĩ là Mạ muốn em tìm đọc nhật ký cuả Mạ chăng? Và em đã tìm thấy...

...Không ngờ mình đã gặp Anh với ngần ấy năm xa cách...Hai người đứng đối diện nhau mà chẳng nói nên lời! Vẫn Anh đó, vẫn dáng người cao gầy, vẫn nụ cười với chiếc răng khểnh, vẫn lời nói đùa như ngày xưa... dù năm tháng đã phôi pha hao mòn tình của chúng ta... thời gian không thay đổi được Anh, dù tóc anh đã bạc trắng...

Biết nói làm sao đây? Cuộc đời mấy mươi năm đã chia đôi chúng ta, tưởng như tất cả đã trôi vào dĩ vãng...Nhưng những kỹ niệm nhớ nhung bỗng vỡ oà chợt trở về như ngày xưa còn học chung trường...Mình đã vâng lời Ba Mẹ đi lấy chồng...và Anh đã giận bỏ Huế mà đi...Bặt tin nhau từ dạo đó...Mình chỉ biết qua bạn bè là anh nhất quyết học y khoa và muốn trở thành bác sĩ nỗi tiếng trong ngành giải phẩu ....Giận mình giận đời, anh quyết là người tiếng tăm của Huế!

Một thoáng gặp nhau...những câu thăm hỏi ...thế thôi! Mà sao như cả bầu trời dĩ vãng sống lại với mình ...dù mình vẫn nghĩ đã xa nhau từ lâu, lâu lắm rồi, tưởng như từ kiếp trươc ...bây giờ gặp lại! Cuộc đời tưởng chìm sâu xuôi chảy như giòng sông Hương mãi mãi không trở lại ngày tháng đã qua ...Bổn phận làm vợ làm mẹ chôn vùi cả qúa khứ êm đẹp ngày xưa!...

Trở về lại Paris, con gái cứ hỏi thăm "Mạ có vui không? Mạ có gặp bạn xưa không?".....

Tim mình tự nhiên như có biến chứng và đau nhức... Đau tim vẫn là bệnh của mình từ nhiều năm rồi!...

Sáng nay mùa thu nhìn những lá vàng rơi rơi trong vườn Luxemburg, những chiếc lá cuối cùng có phải là thân phận con người không? Lá rơi rồi có bao giờ trở lại trên cành nữa không? Hay sẽ luân hồi qua một kiếp khác.... Ô hay sao mình tự nhiên suy nghĩ như vậy??

Thưa Chị, em không thể nào diễn tả hết nỗi lòng của em qua những trang giấy này...mong rằng một ngày nào đó gặp Chị, em xin nói hết...kể hết chuyện người mà em yêu thương và kính mến suốt đời ...

Hồng thân mến, chuyện đời... chuyện người... tưởng như chỉ là tiểu thuyết mà thôi...nhưng vẫn xảy ra quanh chúng ta...Thời gian đã qua đi, biết bao giờ trở lại từ đầu trong đời chúng ta??

Cũng như thời gian từ ngày chúng mình rời xa Huế đã lâu qúa rồi phải không em?

Ngần ấy thời gian đã lấy mất hết tuổi trẻ của chúng mình !! Khi gặp em, Chị chỉ muốn dành cho em một sự bất ngờ...Chị tưởng tượng gặp em, em sẽ ôm Chị thật lâu và kêu lên: "Sao tóc Chị bạc thế này? Sao tay Chị run quá vậy!!"...có lẽ Chị sẽ ngậm ngùi mà trả lời: Màu thời gian đó em!

◆ *Trần Thị Xuân Lan*
Virginia, Muà lá đổi màu 2011

LỚN LÊN VỚI TRƯỜNG PROVIDENCE

Vĩnh Chánh

Vào một buổi sáng nào đó trong mùa hè sau khi tôi vừa học xong lớp Nhì tại trường Tiểu Học Đồng Khánh, Măng tôi bỗng kêu tôi ra và nói tôi mặc áo quần vào để theo bà đến trường Providence. Ngồi trên xe xích lô đạp đến trường, Măng tôi cho tôi biết là bà đã quyết định cho tôi theo học chương trình Pháp tại trường Providence khi biết trường vừa mở lớp Septième Spéciale. Lần đầu tiên gặp Cha Tôn, và sau khi nghe Cha hỏi Măng tôi vài câu về tôi như thằng con bà có biết tiếng Pháp chưa, có ham chơi không... tôi đã thấy ớn rồi.

Trên đường về lại nhà, tôi khóc quá chừng. Trời ơi, đang còn học chung với một lũ con gái từ các lớp Ấu Trĩ lên đến lớp Nhì ở Tiểu Học Đồng Khánh, đang còn được làm hoa làm nhụy giữa một đám giặc nữ theo kiểu gươm lạc giữa rừng hoa, chơi rành các trò chơi con gái như nhảy dây, nhảy cò cò, đánh thẻ, ô làng, búng dây cao su, cút bắt, ù mọi mà hễ bên nào có được tôi là bên đó thắng lớn vì tôi chụp được chị nào ôm cứng chị đó khiến chị ré cười nên tắt tiếng không ù tiếp được. Nay đổi trường phải đi học xa nhà, lớp hoàn toàn con trai, lại bắt học toàn tiếng Pháp mà trước đây tôi có biết chữ đui nào; hơn nữa trong phòng Cha Tôn tôi có thấy một hàng roi mây, cái nào cái nấy đều tua cái đầu. E chết! Măng tôi rất cương quyết, vừa la vừa dỗ, nào là sang năm tôi lớn rồi bà Hiệu Trưởng Đồng Khánh sẽ không cho tôi học chung lớp với con gái nữa, Măng tôi sẽ mua cho tôi chiếc xe đạp mới, ráng noi theo gương anh Fan đi (anh đầu của tôi cũng xuất thân từ trường Providence dưới thời của Cha Viry), vả lại học tiếng Pháp dễ ẹt, không biết thì cứ học thuộc lòng là xong hết, hay hỏi mấy anh chị hoặc Măng...

Và như vậy bỗng nhiên tôi trở thành học trò chương trình Pháp của trường Providence. Do nhà cũng gần trường không cần phải ở internat hoặc demi-internat nghĩa là buổi trưa ở lại ăn trưa và ngủ trưa ở trường, ngày nào cũng hai bữa, trước 8 giờ sáng tôi đạp xe đạp thẳng một con đường Nguyễn Huệ đến trường, sau 12 giờ đạp xe về nhà ăn cơm trưa, đau khổ nằm nhà nghỉ trưa chút xíu gọi là sieste, để trước 2 giờ chiều lại đạp xe đến trường học cho đến 5 giờ chiều. Chỉ riêng trong mùa mưa của những năm đầu tiên, tôi được cho ngồi chung xe xích lô với anh Nguyễn Xuân Đặng, con trai của dì Chương cùng làm ở trong trường Đồng Khánh với Măng tôi và cùng ở trong xóm Đồng Khánh với nhà tôi. Do là con trai một nên anh Đặng, tên ở nhà là anh Gái, phải ngồi xe xích lô đi học cho đến năm Đệ Ngũ, Đệ Tứ, nên những khi tôi đạp xe đi học anh Gái nhìn rất thèm vì không làm theo được. Anh Gái học trên tôi 2 năm ở chương trình Việt của trường Thiên Hựu. Và anh là một học trò rất xuất sắc trong lứa của anh. Tôi đã từng thấy anh học thêm những bài toán từ các sách thi concours toán của Pháp mà sau này chính tôi cũng có tò mò tìm vào cốt để xem hơn để học; vì vậy sau khi đậu ưu hạng tú tài toàn phần Ban B, anh được du học ở Pháp. Từ khi gia nhập xóm Đồng Khánh chỉ có anh Gái và tôi là theo học trường Thiên Hựu, số còn lại trong xóm theo học các trường công như Đồng Khánh, Quốc Học, Nguyễn Tri Phương.

Năm đầu tiên khi tôi đến học, tôi có nhìn và có biết cũng như còn nhớ khá nhiều người đang học những lớp trên tôi, cách lứa

của chúng tôi có đến 6-7 năm. Trong đám đó có hai người bà con của tôi là Nguyễn Viết Quý, con dì ruột của tôi và Trần Văn Thuấn, con của cô ruột tôi. Ngoài ra tôi cũng nhớ ra được các anh chị Lê Đình Thương, Hoàng Trọng Mộng, Vĩnh Tráng, Lê Khắc Thanh Túy, Lê Khắc Thanh Lô (2 chị của bạn cùng lớp của tôi), Bùi Thế Cần, Bùi Thế Phiệt, Từ Tôn Sa, Nguyễn Thế Minh (lúc đó đang tu thầy và sau này trở thành parrain của tôi khi tôi rước Lễ Thêm Sức), rồi anh Dương Quang Hớn. Nghe các anh chị đấu láo xì la xi lô với nhau bằng tiếng tây, tôi rất cảm phục vì lúc đó tôi chỉ bắt đầu hiểu và xài chút chút tiếng Pháp của tôi với câu chào hỏi thường xuyên vào buổi sáng Bonjour mon père và câu đáp lại Merci mes enfants trong đầu các giờ học. Sau này tôi còn biết thêm là quý anh Vĩnh Khiêm, Tăng Nhiếp, Vĩnh Phong...cũng có học qua trường Providence. Bên chương trình Việt, tôi biết nhiều người hơn, như bà con của tôi là Trần Văn Thể, và Đào Văn Lập, Trần Văn Đàn, Trần Văn Giáo, Trần Tiển Sum, Nguyễn Văn Lang, Nguyễn Chi, Nguyễn Khoa Hoạt, Quý Thuận, Trần Tiển Khanh, Trương Đình Liêm, Tống Văn Xuân, Lê Văn Tuấn, Minh De Gaule... Khi tôi bắt đầu lên lớp Sixième, học sinh được tiếp tục nhận vào lớp Septième và từ đó chương trình Pháp bắt đầu nối tiếp sau một thời gian tạm thời bị gián đoạn. Và tôi cũng biết các bạn ở các lớp sau tôi như Lê Đức Tâm, Trần Tiễn Hiền, Lê Khắc Trực, Trần Văn Thuận...

Ngay từ lúc đầu tiên lớp tôi không đông lắm, khoảng gần 30 người. và cũng khoảng chừng đấy học trò từ năm Septième cho đến năm Troisième, có năm nhiều hơn một chút vì có khoảng chừng mười một chú của nhà dòng Chủng Viện địa phận Huế được gởi vào học chung. Kể từ năm Troisième trở đi, con số có giảm vì có nhiều bạn trong lớp débrouillard hơn đã nhảy ra đi thi băng ở chương trình Việt và đậu tú tài Việt trước khi chúng tôi đậu tú tài Pháp. Trong số những bạn nối khố từ năm Septième Spéciale tôi vẫn nhớ tên là các bạn Lê Khắc Hiển, Nguyễn Ngọc Trân, Nguyễn Duy Trường, Bùi Văn Ái, Nguyễn Quốc Anh, Vĩnh Việt San, Đào Văn Nhẫn, Nguyễn Văn Sa, Trần Viết Hùng, Lê Văn Thi, Nguyễn Văn Hoàng, Trần Văn Hoá (con của Thầy Trần Văn Thông, dạy Pháp Văn ở trường Thiên Hựu), Nguyễn Văn Kiệt (sau đổi thành Lân). Về phía các chú đi tu, có đến 11, 12 chú tất cả, trong đó có Phan Xuân Thanh, Nguyễn Văn Lý, Hùng, Sơn (Đà Nẵng)... Đến khi tôi lên Seconde, trường Providence bắt đầu nhận vài cô học trò của trường Jeanne d Arc qua học các lớp nhỏ hơn vì bên đó quá ít học trò. Và có lẽ cũng từ lúc ấy trường Thiên Hựu có nhận con gái học chung với con trai ở chương trình Việt.

Những Cha dạy chúng tôi từ lớp Septième Spéciale cho đến Première đa số là các cha dòng triều thuộc về bộ truyền giáo Missions Étrangères, như quý cha Oxarango, Petitjean, Florent, Lefas, Duval, Echeron (đi xe bình bịch), dạy đủ môn từ tiếng Pháp, Littérature Fraňcaise, Mathématiques, Physique, Chimie, Histoire, Géographie, Anglais, Sciences... Riêng Việt Văn và Công Dân Giáo Dục, tôi chỉ nhớ đến 2 thầy, đó là thầy Nguyễn Thế Thoại, cha của anh Nguyễn Thế Minh, và anh Bùi Thế Cần. Anh Cần thuộc thế hệ trẻ, nhưng lại hiền chi lạ, cũng là học trò của cha Lefas, được đề cử dạy chúng tôi Việt Văn rất chu đáo và tận tụy trong 2 năm Troisième và Première. Cũng nhờ anh mà giờ này tôi vẫn còn nhớ đến các chuyện của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, hay thuộc lòng bao nhiêu câu thơ của Chinh Phụ Ngâm, Cung Oán Ngâm Khúc, Đoàn Thị Điểm, Bà Huyện Thanh Quan... để không cảm thấy hổ thẹn khi phải đấu láo về văn chương Việt Nam với các bạn bè. Riêng những cha Việt của trường Thiên Hựu, ngoài cha Tôn còn có quý cha Huynh, cha Trinh, cha Phương, cha Trọng, và quý thầy Nguyễn Thế Minh, Nguyễn Văn Lợi. Một vài năm sau các thầy Minh và thầy Lợi đều lần lượt được thụ phong linh mục, Cha Minh thuộc dòng Jesuit, và cha Lợi thuộc dòng triều.

Măng tôi nói học tiếng Pháp không mấy

khó. Nhưng đối với tôi lúc mới vào học, nghe tiếng Pháp thì quả là hay, cứ như chim hót bên tai, thế nhưng học chữ Pháp quả là khó nhiều. Tại lớp nghe riết rồi cũng phải hiểu, bắt đầu là một chút, rồi đến hai chút, ba chút, un, deux, trois, ca ci!... và cứ thế từ từ hiểu nhiều hơn, đọc giỏi hơn, viết ít sai hơn. Rồi nói được tiếng Pháp nhiều hơn, đúng hơn, hay hơn. Không như tại Mỹ hồi mới định cư nói tiếng Anglais không những phải múa miệng mà còn múa cả tay chân nữa, hồi ở trường Providence tôi không nhớ là mình cần thêm tay chân để trả bài par cSur. Ở lớp cấm không cho nói tiếng Việt, ngoại trừ khi ra chơi hay trong giờ Việt Văn. Kẻ nào nói tiếng Việt mà bị nghe được thì được gởi xuống Cha Tôn, không ăn roi thì cũng được quỳ xơ mít. Và cứ thế mà hiểu tiếng Pháp thêm lần. Không hiểu mà làm bài ít điểm, một lần còn được tha, nhưng những lần sau là bị phạt consigne vào chiều Thứ Bảy, và nếu tiếp tực sẽ "được" Cha Tôn chiếu cố, kêu lên văn phòng, quất cho vài roi và gởi thư cảnh cáo về cho gia đình. Cho nên, bao nhiêu thời gian mà tôi thường dành chơi đây đó với các bạn cùng trang lứa trong xóm Đồng Khánh, nay lại phải ngồi nhà tụng bài, một hai năm đầu tiên thì như con vẹt, rồi nhờ tự học theo với Dictionaire Larousse nên bản lãnh tiếng Pháp trở nên cao cường hồi nào chẳng hay. Tôi vẫn còn nhớ các anh chị em trong nhà thường đố nhau các tên đúng với những hình nằm ở đầu các trang của Alphabet từ A cho đến Z; như bắt đầu vần A có hình của trái thơm, câu trả lời phải là Ananas, tờ giấy bạc là Argent, hình con chó sủa là Aboyer. Đến vần B có hình đồ trang sức, câu trả lời là Bijou, hình cái vali là Bagage, cái chổi là Balai, trái banh là Ballon ..Vần Z có hình con ngựa vằn là Zèbre, hình viên đá quý là Zéphire, hình thiên văn có 12 múi là Zodiaque... Nhờ ôm riết cuốn Larousse mà tôi dần dần qua mặt các anh chị của tôi hồi nào chẳng biết. Chắc cũng nhờ quen với phương pháp này thành khi học Y Khoa tôi cũng thường ôm các cuốn textbooks dày như Larousse để tu luyện thêm.

Qua các năm học, tôi được xếp hạng trong khoảng từ thứ nhất đến thứ năm, cùng với các bạn Lê Khắc Hiển, Nguyễn Duy Trường, Nguyễn Văn Lân, Nguyễn Ngọc Trân. Các môn tôi thích là Histoire, Géograpie và Littérature Franĉaise. Và thường cuối năm tôi cũng có một, hai phần thưởng. Khách quan mà nói, tôi học không đến nỗi tệ nhưng cũng không có gì xuất sắc cho lắm dù là tài học thuộc lòng và trí nhớ của tôi rất tốt, coi như là passable cho dễ hiểu (tiếng Mỹ kêu là so so hoặc average!). Đến năm Troisième cả lớp được chở vào Tourane (nghe cho oai, chứ đó là Đà Nẵng!) để thi Brevet. Tôi ở trong nhóm "tứ cố vô thân" được cho ở chùa hai ngày tại ngay trường Lycée Pascal để dự thi. Mỗi ngày lũ chúng tôi chừng khoảng mươi đứa ùa ra bên ngoài phố ăn sáng và ăn tối, hưởng được sự tự do đầu tiên khi xa nhà. Đến trưa thì trường Lycée cho ăn bánh mì tây kẹp fromage và thịt nguội. Ban đêm ngủ tại dortoir, trong trường Pascal có ông giám thị to lớn người Pháp xem chừng. Vì có nghe kể lúc xưa trường Pascal là một bệnh viện quân đội, có nhiều người chết ở đó, nên đến đêm tôi rất sợ ma và trùm mền kín lên đầu và không dám thức dậy đi tè nửa đêm. Về lại trường Providence sau khi thi, các cha Pháp hỏi han lo lắng thi cử của các trò. Kết quả sau một tuần là tất cả 28 trò đều đậu. Các cha hãnh diện và chúng tôi cũng vui lây. Măng tôi thì quả có vui nhiều và thưởng tôi tiền để bao nhóm bạn trong xóm Đồng Khánh đi xi nê. Đây chỉ qua là một thông lệ mọi người trong xóm thực hiện mỗi khi đi thi và đậu.

Những năm đầu tiên tôi thường về nhà đúng giờ vào buổi chiều, ngoại trừ khi nào bị consigne. Về nhà thì phải nói láo với Măng là ở lại học thêm. Nhưng rồi từ lớp cinquième trở đi, tôi thường ở lại trường để coi đá banh và học chơi đá banh vì trong lớp tôi có Trần Văn Hóa, con thầy Thông, đá banh tuyệt cú mèo; không những vậy, cả gia đình thầy Thông, với 4-5 người con trai, thành lập một hội đá banh có tiếng dưới sự dẫn dắt của chính Thầy. Ngoài đá banh ra, tôi cũng có học chơi ping pong nữa! Về lại

xóm Đồng Khánh, tôi lại đem tài đá banh và chơi Ping Pong ra để former một groupe cùng chơi với nhau dài dài về sau, kể luôn với cả Badminton! Tôi còn nhớ những lần tham dự họp liên trường tư thục ở trường Bình Linh, hay các biểu tình với tất cả những trường của Huế ở Thương Bạc, trước Phú Văn Lâu. Tất cả mọi trò lập thành đội ngũ đi bộ hàng dài đến các nơi chỉ định. Đường có xa, và trời nóng, nhưng tôi vẫn thích vì...khỏi học trong lớp, và ra bên ngoài có cơ hội chuồn về nhà sớm. Thỉnh thoảng chúng tôi cũng được "xỏ mũi" đưa đi thăm trường nữ Jeanne d Arc, hay được cho đi du ngoạn ở Thiên An, ở Đồi Vọng Cảnh, biển Thuận An, biển Cảnh Dương... Ở lớp lớn hơn, Seconde và Première, tôi thường đi chơi với các bạn sau giờ học mà không cần xin phép nhà trước, lẽ đương nhiên phải vào những buổi chiều không có devoirs nào và sáng hôm sau không cần trả bài. Đó là những dịp ghé đến Chaffangeon mua paté chaud và croissant vừa đạp xe vừa xuýt xoa ăn, nhất là khi trời trở lạnh, hay về nhà bạn Vĩnh Việt San nằm nghe nhạc đĩa của Sylvie Vartan, Franĉoise Hardy, Johnny Holliday... hoặc ngồi sau lưng bạn trên xe Velosolex rề rề chạy qua các đường gần trường vui chơi một vài giờ...Và cũng có lúc tôi phải đạp xe qua tận nhà của bạn Nguyễn Văn Lân ở tuốt xa trong Thành Nội nhờ bạn giải giùm cho một bài toán khó.

Vào hè năm chúng tôi thi Brevet, bạn Nguyễn Văn Hoàng (tự là Hoàng Lé) thi "băng" Tú Tài Bán Phần của chương trình Việt và đậu. Có nghĩa là sau khi đậu, Hoàng coi như học trên tôi 2 năm. Quả là xuất sắc! Năm Seconde, Hoàng vừa học chung với chúng tôi, vừa học thêm bên lớp Đệ Nhất ở trường Bán Công và cuối năm ấy Hoàng cũng đậu luôn Tú Tài Toàn Phần và sau đó Hoàng được học bổng đi học phân khoa Chính Trị Kinh Tế khóa 1, mới mở tại Viện Đại Học Đà Lạt. Hoàng là người đầu tiên mở đầu phong trào nhảy lớp đi thi. Sau Hoàng "Lé" đến lượt các bạn có vẻ hơn tôi vài tuổi như bạn Thi, Sa, Lân, Sang...đều nhảy lớp và thi đậu Tú Tài Bán Phần chương trình Việt vào hè Seconde, và Tú Tài Toàn Phần vào hè Première để sau đó vào đại học trong khi tôi vẫn lè tè bắt đầu lớp Terminale. Do con số học sinh ít dần, thêm vào đó tất cả các chú đi tu được gởi vào học ở Chủng Viện Đà Lạt, Trường Providence quyết định không mở tiếp lớp Terminale. Thế là chúng tôi phải chuyển trường. Đa số các bạn trong lớp như Hiển, Trường, Trân.. vào Saigon theo học trường Jean Jacques Rousseau, một số ít khác học trường Yersin ở Đà Lạt; riêng tôi một mình khăn gói vào Đà Nẵng học năm Terminale tại trường Pascal. Nói một cách khác, lớp Septième Spéciale của tôi là lớp đầu tiên được mở lại ở trường Providence vào năm 1959 và sau 7 năm, Providence chính thức chấm dứt chương trình Pháp, và các lớp còn lại từ Première trở xuống Sixième được sáp nhập chung với các lớp thuộc chương trình Pháp tại trường Jeanne d Arc.

Trong những dịp đặc biệt như Nội, 14 Juillet...lớp chúng tôi cùng nhau đóng góp mua quà biếu cho các cha Pháp. Người thường được anh em trong lớp tín nhiệm về chuyện này là Nguyễn Ngọc Trân, vừa đảm nhận quyên góp tiền vừa đi mua sắm quà đúng với số tiền ít ỏi, vừa làm đại diện lớp chúc mừng các cha. Thỉnh thoảng cũng có thay đổi người chúc mừng, nhưng cá nhân tôi chưa bao giơ dám mở miệng cóc ra nói được tiếng tây trong những dịp vui đó. Hú hồn! Thông thường cả lớp được các cha cho ăn chocolat và nghe nhạc hòa tấu. Thỉnh thoảng, một vài học trò học giỏi trong lớp tôi cũng được thưởng cho ăn sáng với bánh mì ópla, bơ, thịt nguội và uống sữa trong phòng ăn chung của nội trú. Nhiều lắm là tôi được cho ăn sáng như vậy...một lần. Lớp càng cao, bài học càng khó lần, nhất là Mathématiques, Géometrie, Algèbre Moderne. Môn Chimie có cha Oxarango, cha Duval kiêm luôn vừa Math vừa Physique. Môn Franĉais kể cả Littérature Franĉaise, Géographie, Histoire, Anglais do cha Lefas dạy. Do đó, không có ngày nào chúng tôi không có 2-3 giờ học với cha Lefas. Đôi khi chán ghê đi, nhất là những khi mệt cha hay nói làm ràm

trong miệng sau bộ râu, chúng tôi đành thay phiên nhau đưa tay xin ra bên ngoài đứng hóng gió vài ba phút rồi quay trở vào. Hầu như ngày nào cũng có bài làm ở lớp, hai ba bài làm ở nhà cho ngày hôm sau hay cho tuần tới. Ở những năm cuối, từ từ tôi là người thường phải thức học khuya nhất trong nhà, vì tôi đâu chịu bỏ qua những vui chơi với các bạn cùng lớp sau khi dứt học hay với các bạn trong xóm Đồng Khánh những chiều khi đi học về.

Đọc sách là một lý thú với tôi hồi đó. Ở trường Providence, chúng tôi thường được hướng dẫn đọc vô số sách thuộc về văn chương Pháp, bao gồm luôn cả những đại tác phẩm của những văn hào, không chỉ người Pháp, mà bao gồm của những tác giả người Anh, Nga, Mỹ, và những tác phẩm của những người trúng giải Nobel Văn Chương..Guerre et Paix, La Résurrection, Anna Karénine, Les Hauts de Hurle Vent, A l Est d Eden, Le Vieil Home et La Mer, Adieu Aux Armes, La Terre Chinoise, Les Fils de Wang Lung, La Vingt Cinquième Heure, Le Soleil Se Lève Aussi, Les Vertes Années, La Citadelle... Riêng Lê Khắc Hiển và tôi còn thích thú đọc thêm những sách về La Guerre Mondiale 2, La Guerre de l Indochine, như Couler la Bismark, L Embarquement en Normandie, La Bataille de Dien Bien Phu, Le Tocsin de l Indochine, Je suis Médecin à Dien Bien Phu. Đa số sách chúng tôi đọc được mượn từ tủ sánh của cha Petit Jean... Đặc biệt bạn Hiển vẽ các máy bay khu trục Spitfire của Anh, Messerchmidt của Đức, P.48 Thunderbolt của Mỹ rất đẹp, luôn làm tôi khâm phục, cả cho đến bây giờ. Riêng với gia đình, tôi cũng rất ham đọc các sách tiếng Việt chung với các anh chị em trong nhà, từ truyện Tây Du Ký, Nhạc Phi, Đông Châu Liệt Quốc, Tam Quốc Chí, Thủy Hử... cho đến các truyện hiện đại, thời sự, truyện dịch, và nhất là các truyện kiếm hiệp mà đến giờ vẫn còn mê mẩn khi đọc lại.

Trong tất cả các cha dạy chúng tôi, có lẽ cha Lefas chú ý đến tôi và thương tôi nhiều hơn những cha khác, nhất là về sau. Chắc cũng do ông anh đầu của tôi thỉnh thoảng có tìm đến thăm Cha sau khi ra trường và làm việc gần Huế. Ngay cả chính tôi cũng vậy, sau khi bắt đầu vào học ở Đại Học Huế, tôi cũng thường xuyên viếng thăm cha Lefas vài ba lần trong mỗi năm. Và điều làm cha vui thích ở chỗ tôi vẫn tiếp tục đối thoại với cha bằng tiếng Pháp, cũng như khoe với Cha về chuyện học của tôi ở trường Y Khoa. Đến khi Cha quá bận dạy ở Văn Khoa Đại Học Huế, Cha ngỏ ý muốn nhờ tôi dạy Anh Văn cho lớp Troisième tại trường Jeanne d Arc, mỗi tuần chỉ 2 giờ thôi. Tôi còn nhớ Cha nói đại khái như sau "C est le même livre d"Anglais que tu a eu au Troisième. Et voici mes notes et mes traductions franĉaise en Anglais, et anglaise en Franĉais, si tu veux utilizer pour la classe". Tôi tính nhanh trong đầu mỗi giờ được trả 250 đồng, mỗi tháng có hai ngàn để tiêu thêm. Được lắm! Vả lại lúc ấy tôi học năm thứ 4 trường Y Khoa Huế, buổi sáng đi lâm sàng ở Bệnh Viện sau 9 giờ, chiều mới vào lớp học. Tôi có làm vẻ khó khăn chút đỉnh trước khi nhận lời Cha, nhất là sau khi Cha hứa giờ dạy Anglais sẽ vào buổi sáng sớm và tôi chỉ dạy đỡ cho Cha một năm thôi. Giờ đây nghĩ lại, tôi quả can đảm, vì đến khi vào dạy thực thụ mới thấy thì giờ soạn bài, chấm bài không phải là ít, ngoài ra còn phải ăn mặc đàng hoàng, nói năng tiếng Pháp chững chạc và song suốt...Có lẽ tôi cũng là một học trò cưng của cha Lefas nên được Cha tín nhiệm như Cha đã từng tín nhiệm đàn anh Bùi Thế Cần dạy Việt Văn cho lớp chúng tôi!

Bà vợ ở nhà thường chọc tôi là dân trường Tây...Ninh, vì ai xuất thân từ trường Pháp cũng nói tiếng Pháp như gió, vậy mà giờ này đụng đến tiếng Pháp không những tôi nói với miệng vừa múa cả tay chân mà còn chêm thêm vài ba chữ Mỹ nữa chứ! Nghe mà đành cười vì bẵng đi cả gần 40 năm chẳng nói một tiếng tây tiếng u nào cả, cũng chưa một lần du lịch Pháp Quốc để được nghe và thực tập lại la langue maternelle dù đọc sách tiếng Pháp vẫn hiểu tuy có chậm đi. Trong thập niên 80 và 90, tôi có ý định sang Paris để thăm các

Cha Lefas và Petitjean, nhưng không thực hiện được. Bây giờ đã trễ. Vào đầu năm 2005, sau khi tôi viết thư cho Ministère de L Éducation Nationale của nước Pháp xin lại Duplicata của diploma Baccalaureat Seconde Partie en Sciences Expérimentales tôi đậu năm 1966, và bị thất lạc năm Mậu Thân 1968 tại Huế, và sau nhiều tháng chờ đợi vì thư của tôi được chuyển qua nhiều văn phòng khác nhau, tôi đã nhận được phó bản của văn bằng Tú Tài Pháp. Giờ đây, bản Duplicate đó cũng được đóng khung và treo trên tường ở ngay bàn computer tôi làm việc hằng ngày, bên cạnh những văn bằng khác.

Như vậy, đời học sinh của tôi gắn liền với trường Providence, từ Septième cho đến Première. Bảy năm học ở một trường. Bảy năm lớn lên với một trường. Bảy năm trưởng thành trong một môi trường giáo dục hoàn hảo là thời gian quả thích ứng chuẩn bị cho tôi khi bước chân vào đại học. Những trang bị văn hoá, những tôi luyện trong kỷ luật, những phát triển toàn diện đã không ít thì nhiều mang đến cho tôi thành quả của ngày hôm nay. Qua bao nhiêu năm, qua bao nhiêu trở ngại, thăng trầm, Trường Providence / Thiên Hựu đã có công đào tạo một con số khá lớn chất xám cho đất nước Việt Nam. Hàng hàng lớp lớp đàn anh đàn chị đàn em đồng môn, ở trong nước cũng như ở Hải Ngoại, đã và đang là gương thành công trong xã hội, tiếp tục làm rạng rỡ tên ngôi trường thân yêu. Trong niềm hãnh diện chung và trong sự biết ơn đến công sức các Cha đã dạy dỗ tôi thành người, tôi cầu mong quý vị tiếp tục giương cao ngọn đuốc giáo dục qua sứ mạng rao truyền Tự Do, Bác Ái và Công Bằng.

◆ ***Vĩnh Chánh***
Providence. 1959-1966

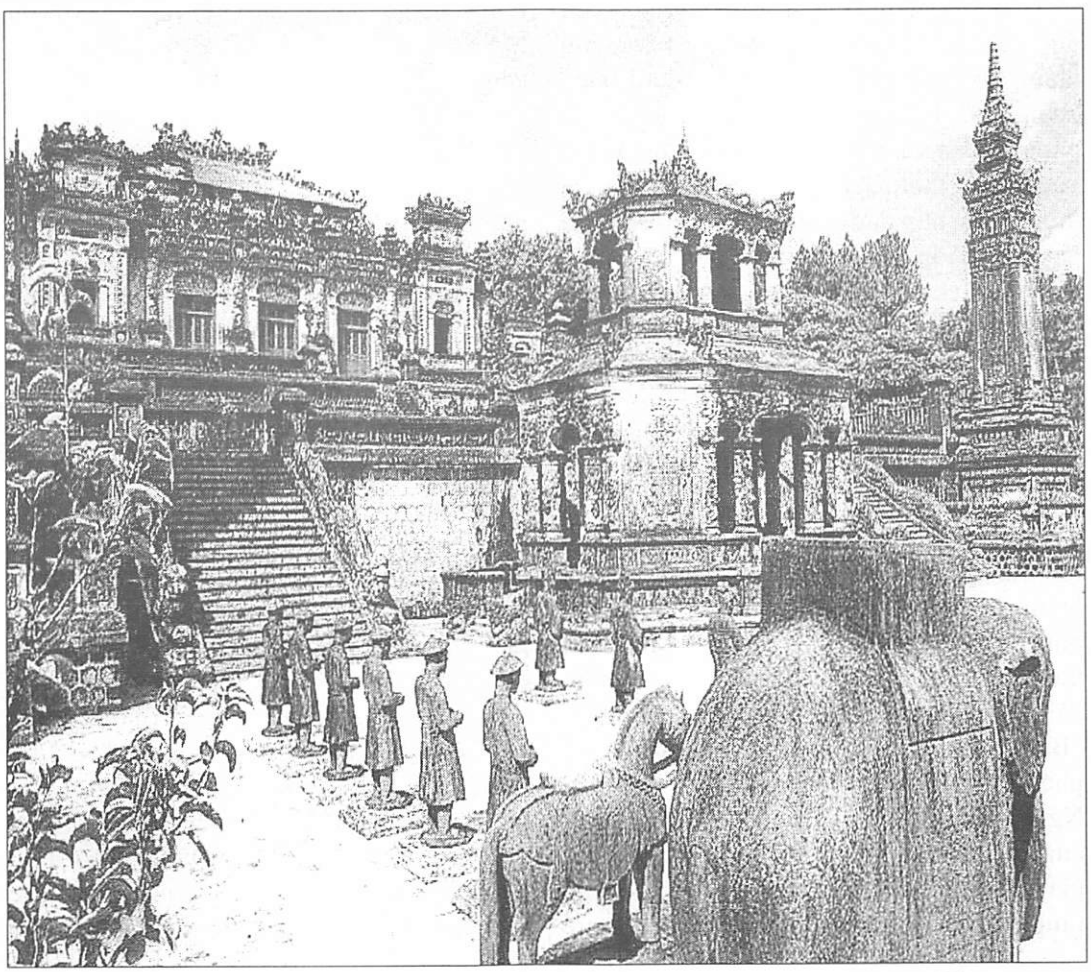

VỀ THĂM NHÀ CŨ

Hạt Tiêu

Ngày 23 tháng 12 năm 1997

Thưa Ba,

Con về thăm nhà cũ rồi Ba ạ. Lúc ấy trời đã xế xế chiều. Con đứng tần ngần ở cổng. Vẫn hai cột trắng vừa tầm người, nhưng cột bên phải nay có một bảng đồng bóng loáng. Con lẩm nhẩm đọc hàng chữ đậm: "Nhà Vãng Lai Công An". Vâng nhà mình bây giờ là nhà vãng lai Công An Ba ạ. Có sao không Ba?

Con đường nhỏ đưa vào nhà nay đã được tráng xi măng láng nhẵn. Không còn những hòn sỏi nhỏ rộn ràng reo dưới bước chân con. Cái veranda vẫn còn, cũng hai phía lan can xinh xắn. Nhưng mất đi đâu rồi vườn hồng thơm ngát, và những cây tỉ muội thẹn thùng núp dưới giàn hồng leo. Nếu tối nay Ba muốn uống nước trà, con sẽ không thể ngắt cho Ba một hai đóa hồng mới chớm nở để Ba bỏ vào bình trà xanh cho thêm vị nhẹ nhàng, êm dịu. Thời gian chuyển đổi. Nhà đã dời chủ. Thôi con sẽ mua loại trà ngon nhất của Đài Loan cho Ba vậy.

Đứng ở ngưỡng cửa phòng khách tranh tối tranh sáng, con gọi to: "Có ai ở nhà không?" Mãi con mới nghe tiếng chân từ phía xưa kia là phòng ngủ của Ba Mẹ. Một thiếu phụ trung niên tay cầm một chén cơm và cái muỗng nhỏ tiến lên lạnh lùng hỏi: "Bà hỏi gì?" Con hết sức nhũn nhặn: "Cho phép tôi thăm nhà cũ của tôi được không?" Người thiếu phụ xẵn giọng: " Nhà này là của nhà nước, muốn tham quan phải có giấy phép." Con thấy nghẹn ở cổ và nóng rang ở ngực. Con thở mạnh dằn nổi uất ức bực bội: "Nhà này xưa của Ba Mẹ tôi, tôi chỉ muốn thăm qua. Xin bà cho phép, tôi sẽ cám ơn nhiều." Có tiếng bé trai gọi mẹ. Bà ta hừ một tiếng rồi bỏ đi. Con cho là đã được phép.

Con đã quen với ánh sáng tranh tối. Phòng khách chỉ có vài chiếc ghế sơ sài như phòng đợi của một cơ quan tồi tàn, không có lấy một bàn nhỏ để có thể bày một bình trà, xấp báo hay lọ hoa. Con nhớ hồi xưa Mẹ không bao giờ quên cắm một đáo hoa hồng hay cành huệ trên chiếc bàn tròn ở giữa bốn ghế bành trang trọng. Không còn nữa nét quý phái nghiêm trang của phòng khách nhà mình mà hồi xưa vẫn làm con ngại ngùng mỗi khi Ba Mẹ gọi con lên để chào các bác dì đang thăm viếng chuyện trò với Ba Mẹ.

Nối liền với phòng khách xưa là phòng ăn, nay là phòng làm việc với nhiều bàn ghế nặng nề. Tim con bổng ngừng đập. Trong góc vẫn còn lò sưởi với đường viền bằng gạch men trắng. Con quỳ xuống nhìn chăm chú vào khoảng nền nhà trước mặt lò sưởi. Con nhớ xưa khoảng ấy cũng được lót gạch men trắng; có vài miếng gạch bị xức mẻ và Ba đã cho thợ thay với những gạch hoa màu lục, vàng, xanh có hình con chim, con cá. Khoảng nền nhà ấy là chỗ con thích nhất trong nhà mình. Vào tiết mùa đông gió rét mưa dầm, Ba hay đốt lò sưởi lên cho ấm nhà. Cơm nước xong, cả gia đình mình quay quần bên lò sưởi. Ba đọc sách; Mẹ đan áo; Cố bà kể chuyện đời xưa cho con nghe: chuyện bà Tuần, bà Án, bà Đông, bà Điệu, ông Hoàng, Mệ Ưng Quả, Ưng Bình. Con đi vào thế giới của thời xa xưa, thuở ông Hoàng khăn áo đi hỏi vợ (Cố Bà) cho con (Cố Ông), bà Đông (chị cả của Cố bà, vợ của ông Đông Các Đại Học Sĩ; Cố bà và bà Đông là dòng dõi

Tạ Thu Thâu) kiếm cách từ chối mà không sao được. Có lúc Cố bà giảng Cung Oán Ngâm Khúc hay truyện Kiều. Cố bà có cái nhìn của người hiểu biết khung cảnh và tình tiết của những gia đình nề nếp, của thâm cung làm lời giảng sống động hẫn và thâm thuý thêm. Ngồi dưới chân Cố, trước mặt lò sưởi, con say sưa nghe, lướt tay trên những viên gạch hoa màu vàng, lục, xanh có hình con chim con cá; cảm giác êm đềm con còn giữ mãi.

Con rờ rẫm khoảng nền nhà trước mặt lò sưởi. Không còn gạch hoa chỉ là một khoảng sần sủi, gồ ghề như một vết thương không được săn sóc kỹ lưỡng để mặc cho thời gian trị liệu. Con có cảm tưởng ngón tay mình đang về lối đường mình đã qua, trôi dạt theo thời gian từ Đông sang Tây với những nếp suy nghĩ trầm nổi, hối hận, tiếc thương không nguôi, mà nay thì không có thể lấp liếm che dấu nữa. Con về nhà cũ, về với chính mình để tìm lại những kỷ niệm êm đềm, những bảo vật xa xưa mà con muốn mang theo suốt hành trình còn lại.

Có tiếng động từ phiá xưa kia là phòng của các con. Con đứng dậy. Nhiều giường ngủ một người được sắp ngay ngắn dọc theo vách tường. Đối diện dãy giường là một cái bàn dài lớn và vài ghế nhỏ. Có lẽ đây là phòng ngủ chính của các nhân viên công an vào công tác ở Huế. Phòng quá gian cho nên lạnh lùng, không một cá tính, một nét riêng tư. Hồi xưa, phòng này dễ thương làm sao. Mỗi chúng con đều có một cái bàn nhỏ mặt xuôi có thể mở ngược lên để lộ một cái hộc đựng sách vở, giấy bút, hòn bi, và những gì khác mà chúng con nghĩ là của riêng tư như sổ nhật ký, tập thơ v..v... Ba có nhớ, hồi xưa phòng này rộn ràng tiếng cười nói. Chúng con cãi nhau vì của riêng tư đã bị đánh cắp, trêu nhau với những câu chuyện nghe lóm qua bạn bè hay tranh nhau đọc lớn những bài thơ Ba thích nghe. Em Vinh rang rảng:

Bầu trời cảnh Bụt
Thú Hương Sơn ao ước bấy lâu nay
Kìa non non nước nước mây mây
Đề Nhất Động hỏi rằng đây có phải
Thỏ thẻ rừng thông chim cúng trái
Lửng lơ khe suối cá nghe kinh

Con cố gắng tranh giành ảnh hưởng với:

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền con bé tẻo teo
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
Lá vàng trước gió sẻ đưa vèo

Đến nay đứng trong căn phòng cũ con vẫn văng vẳng nghe giọng ngây thơ của lũ trẻ nhỏ là chúng con cố để cả tâm trí vào lời thơ làm như đã hiểu hết ý nghĩ thâm thúy của tác giả.

Con rời nhà lớn. Một mái nhà ngang nối liền nhà lớn với nhà bếp. Ba Mẹ cũng xây thêm cạnh nhà bếp ba phòng nhỏ để cho các anh sinh viên xứ Quảng học ở Đại Học Huế ở trọ. Có lẽ vì thế nên nhà mình là lý tưởng cho mục đích vãng lai. Các ông lớn công tác lâu ở Huế có chỗ ăn ở đàng hoàng, những phòng khang trang trong khu vườn sau kín đáo.

Không còn gì nữa trong vườn sau. Người ta đã lấp cái giếng nhỏ và bể sen cạn và đã phá mất giàn bầu. Hồi xưa, vào đầu hè, cơm nước xong, O Duyên, O Nhỏ rửa chén bát dưới dàn bầu mướp, vừa làm việc vừa hò hát:

Ai qua xứ Huế thì qua
Ai về Bến Ngự

Con thì nghịch gợm với lá sen, hoa súng; đưa tay vốc nước lên trên những lá sen xanh mướt. Giọt nước lăng tròn long lánh như hạt kim cương trước khi rơi nhẹ xuống bể. Khi đã chán với trò chơi ấy thì con quay qua chơi cò cò hay dục O Duyên O Nhỏ kể chuyện ở làng cho con nghe: chuyện gặt lúa, trồng rau, câu cá, chăn vịt, chăn trâu. Đời sống thôn quê lam lũ, chất phác rất xa lạ với con nay trở nên sống động qua những câu chuyện giản dị, cam

phận của các O.

Trong bóng tối mờ mờ cảnh vườn rỗng lặng làm con hơi sờ sợ. Có bao giờ con có thể nghĩ rằng một ngày nào đó con lại cảm thấy ngần ngại, cô đơn trong chính vườn sau nhà mình. Con không nuốn ở trong cảnh ấy lâu nữa. Con đi vòng theo hàng rào bên hông, hàng rào chia cách nhà mình với hồ rau muống. Cũng không còn hàng dừa cao vút và cây đu đủ con con. Mùi rong, bùn làm con khó chịu. Sao hồi xưa con không khó chịu vì mùi này. À vì Ba có làm một giàn thiên lý phía bên này. Khi trời trở nóng thì giàn thiên lý nở hoa thơm ngát cả vườn. Con nhớ các O hay haí hoa thiên lý ép trong dầu dừa để thoa tên mái tóc cho thơm. Có lúc các O lại nấu canh với hoa non và cua đồng, ngon ơi là ngon. Giàn hoa thiên lý nay không còn nữa.

Con trở lại trước mặt nhà. Trời đã tối. Con ngồi xuống thềm. Gió hơi lạnh. Con không biết mình đang nghĩ gì nữa. Bỗng có tiếng leng keng của một chiếc xích lô ngoài đường. Thôi đúng rồi xe ông Kèn. Ông đến đón tụi con đi học. Con đứng dậy. Nhanh lên kẻo trễ các em. Em Đức lật đật lên xe. Em Li cẩn thận ngồi lại cho ngay ngắn. Mẹ kiểm soát lại sách vở bút viết sợ các con có quên gì, sẽ bị cô thầy la, rồi quay lại dặn dò ông Kèn trưa nhớ lên Kim Long đón Cố bà xuống chơi. Con nghe vậy lòng phới phới. Cố bà xuống là sẽ được ăn ngon, được nghe chuyện đời xưa, được tiền lẻ để đi qua phố thuê sách Hồng về đoc: chuyện con Bướm, Hạt Ngọc v..v... Con quay lại. Ơ kìa sao em Hiền còn tần ngần ở đây. Con tiến tới, đưa tay ra muốn đỡ em lên xe. Nhưng em giật tay lại nép vào người đứng cạnh. Con ngẩn đầu. Người đàn bà tiếp con lúc chiều vẫn có một cái nhìn lạnh lùng. Con sực tỉnh. Con lúng túng trở lại với thực tại. Thằng bé con bà ta có hao hao giống em Hiền, có một cái nhìn với nhiều thắc mắc. Con ngượng ngùng cám ơn, xin gởi lại chút tiền mua quà cho cháu rồi quay đi.

Con đi chậm chậm ra đường. Không có một bóng đèn. Con quay lại nhìn nhà cũ. Bóng nhà trắng như một xác không hồn. Xe ô tô đi qua, quệt một vệt sáng lên tường, lên cột. Bảng đồng chớp loáng: "Nhà Vãng Lai Công An." Hừm!

Ba ơi, người ta đã đổi hẳn nhà mình rồi. Không còn khung cảnh êm đềm, vẽ dễ thương nữa. Nhưng Ba ạ, chúng con đã mang theo trong tâm trí những kỷ niệm tuyệt vời và nếp sống Ba Mẹ đã uốn nắn từ nhỏ thì đi đâu, ở chân trời hay trong khung cảnh nào, chúng con cũng tiếp tục có những giây phút ấm cúng với nhau mỗi khi họp mặt. Còn gì hơn Ba nhỉ?

Con,

Hạt Tiêu

HUẾ, MỘT ĐÊM MƯA

Trúc Chi Tôn Thất Kỳ

Một vũng nước trong mười dòng nước đục
Một trăm người tục một chục người thanh
Biết ai gan ruột với mình
Mua tơ thêu lấy tượng Bình Nguyên quân

(trích một câu hò Huế)

Mưa rả rích trên sân. Ngày trước lâu lắm rồi, nó là một cái sân đất nện. Bây giờ, em gái tôi cho lót gạch, nên tiếng mưa ngoài hiên có những âm thanh lạ. Mà nhịp điệu cũng khác. Không còn những tiếng trong trẻo trên những vũng nước con con, khi khoan thai, lúc dồn dập. Nhưng mà tiếng những giọt nước rơi đều trên những tàu lá chuối bên hè thì nghe vẫn là những âm thanh ngày cũ. Ngày thơ ấu, ngày còn cắp sách đến trường, ngày ghé thăm cố quận sau những năm tháng đem cái say sưa, cái hăm hở khi mới bước vào cuộc sống mà đổ vào những chốn khác đầy ánh sáng của tương lai, mà xây dựng cho nhiều thứ nay cũng đã đổ nát ngay chính trong lòng mình... cho đến ngày về đêm nay, gối mái tóc bạc lên kỷ niệm mà nghe mưa. Buồn.

Đâu đây trong gian nhà trống trải này tôi còn nghe được giọng ru em khàn khàn của người vú già đã từng ấm, từng lạnh với gia đình tôi qua ba thế hệ, ba thế hệ nổi chìm theo lớp sóng phế hưng bên ngoài bốn bức tường này... à ơi... đêm khuya thắp đĩa dầu đầy... à ơi... đĩa dầu đầy khô hết...mà nước mắt đầy không khô... Cái điệu ru con ấy, buồn đến chết cả người, ngày xưa vẫn quyện lấy cái chấm sáng xanh lè của một ngọn đèn "Hoa Kỳ" được vặn nhỏ lại bằng hạt đậu, cách chỗ tôi nằm bây giờ không đến hai bước... và bây giờ, một cánh bèo còn sót lại sau cơn sóng gió kia của lịch sử là tôi, đêm nay, giạt vào cái bến cũ này, chong mắt nhìn sững vào bóng tối ngoài mùng, bên tai đôi tiếng muỗi vo ve, nhìn sững vào một mớ ảo ảnh của ngày qua nơi cố lý đang nhảy múa, đang dật dờ trong gian nhà cũ ẩm hơi mưa. Nằm nghe quanh chiếu rộn tang thương. Câu thơ của Vũ Hoàng Chương đang thấm vào tôi, thấm đến lạnh cả người.

Tôi tung chăn ngồi dậy, bật đèn. Ánh điện dọi ra cái bể cạn ngoài sân. Cái bể cạn này được xây cùng lúc với toàn thể nhà vườn khoảng thập niên 20. Như vậy là nó gần 80 tuổi. Tám mươi năm! Cũng nhiều đấy chứ. Bao nhiêu là đám mây trời góp sương trên Thái Bình Dương mà đổ vào lòng nó. Bao nhiêu là bong bóng nước mưa đã nổi lên, đã vỡ tan, đã biến mất trên khoảng mặt nước rộng không quá sáu thước vuông. Có nhiều gương mặt quen thuộc, thân yêu đã từng soi bóng vào đấy những sáng có nắng xuân tươi mát hay trưa hè vắng lặng. Trong số ấy, cũng có khá nhiều bóng dáng nay đã lên đường về chân trời cũ, nói như Hồ Dzếnh. Một trong những cái bóng còn lại là tôi đêm nay thao thức mãi mà soi mình vào một hiện tại có nhiều nét mới mà cũng chập chờn rất nhiều hình ảnh cũ.

Chiều hôm qua, hai anh em tôi thả một vòng xung quanh nhà và vườn, tôi hỏi em tôi:

"Cái bể cạn này ngày xưa không có non bộ. Em mới làm?"

Em tôi, gốc Huế đã đành, nhưng mà lưu lạc ở bên kia bờ vĩ tuyến từ năm 1947, buông một câu tiếng Bắc nguyên chất:

"Vâng ạ."

Mấy hòn tiểu sơn được gắn liền với nhau bằng một lớp hồ trộn cát vàng thật mịn có chỗ còn mới quá, điểm dăm vết xi-

măng chưa có rêu. Nghĩ đến nét duyên dáng mặn mà trên gương mặt một người đàn bà trạc năm mươi mà tôi thấy thoáng đâu đó ở khu Bolsa mấy hôm đi sắm sửa các thức trước khi về nước, tôi mỉm cười mà nói với em tôi:

"Phải qua mùa mưa thì cái tiểu cảnh này mới cũ được, mới đẹp được. Có nhiều thứ, như rượu vang tốt, càng già càng đậm đà, mặn mòi."

"Em có biết uống rượu đâu mà phân biệt được đậm với nhạt. Nhưng mà ngoài cái chuyện mới cũ ra, anh thấy hòn non bộ của em có đẹp không? Của người cháu nội ông Cả Lé trên Thành Lồi xuống làm cho em đấy. Anh biết ông Cả chứ?"

Sao lại không? Cái ông Cả này đã nổi tiếng một thời nhở ở cái tài góp nhặt vật liệu của đất trời mà tạo ra những tác phẩm nghệ thuật nuôi dưỡng được cái "tĩnh" trong lòng của nhiều vị hưu quan không còn mơ đến danh, màng đến lợi, những cuộc đời đã bị sóng gió trên cái biển hoạn ấy nó làm tình làm tội đến điều. Nghe thuật lại rằng trước khi chết - khoảng đầu thập niên 30 ông đã dặn kỹ con cháu là quan quách tuyệt đối phải đóng bằng mộng và chốt, không được dùng đinh sắt, cúng vái bên mộ không được đốt vàng bạc, bởi vì kim với hỏa là hai thứ tối kỵ trong những hòn non bộ do ông tạo ra, vốn chỉ dùng đến nhiên liệu thuộc mộc, thủy và thổ. Người nghệ nhân ấy tin rằng, ông chết đi nhưng mà kim và hỏa gần huyệt của ông nó có thể ảnh hưởng đến cái khí mà ông đã truyền vào những hòn non bộ rải rác trong nhiều khu vườn cũ ở đất thần kinh, do chính tay ông tạo ra. Chuyện nghe được từ hồi tôi còn nhỏ. Theo cha tôi đến thăm một vị hưu quan dùng những năm tháng còn lại vào việc nghiên cứu kinh Dịch. Không biết có thật hay không. Nhưng mà cứ tin rằng có thật, cho đời thêm được một nét đẹp. Xưa nay tôi vẫn quí cái đẹp trong tấm lòng thành, trong cái thuần túy, trong những giọt mồ hôi và biết đâu lại không có cả một dòng nước mắt, mà những nghệ sĩ chân chính đã từng gửi vào tác phẩm của chính mình.

"À mà cái thế của mấy hòn núi đá này nó nghiêng nghiêng, anh thấy cũng lạ lạ." Tôi vừa nói vừa đưa tay khua nhẹ một cụm bèo tấm trên bể cạn. Đã lâu không có dịp vọc nước.

Em tôi cười hóm hỉnh:

"Anh cũng tinh đấy. Em kể cho anh nghe nhá. Dạo cuối hè, không rõ nắng nôi ra sao hay tại lâu đời quá, cái bể cạn nó bị nứt. Em phải thuê người trám lại hai ba chỗ. Luôn thể em nghĩ đến chuyện xây non bộ. Một công hai việc. Hôm em mời anh Liêm, người cháu ông Cả đến xem cũng là đúng vào hôm em nhận được thư anh báo tin anh sắp về nước. Mừng quá, em vui miệng kể cho anh Liêm nghe. Thế là anh ấy chọn ngay cái đề tài, cái cảnh rất là... hợp tình hợp lý. Nó có một cái tên đặc biệt lắm"

Vẫn nét cười nghịch ngợm trong mắt, em tôi im lặng. Tôi tò mò:

"Tên chi?"

Em tôi chầm chậm ngắt rời từng tiếng:

"Lãng... Tử... Hồi... Đầu..."

Tôi trợn mắt, vờ giận dữ mà xổ ngay giọng Bắc:

"Con này láo thật! Dám trêu tao. Anh về thăm nhà. Về lo việc nhà. Chứ còn suốt cả cuộc đời tôi, tôi sống theo cái sở thích của tôi. Có ân hận áy náy gì mà cô lại bảo anh phải hồi đầu với hồi đuôi!

Em tôi cười ngặt nghẽo:

"Thì để em nói hết hẵng nào. Mà ai bảo anh hỏi. Mấy hòn đá được xếp nghiêng này nó ở cái thế mà anh Liêm gọi là vọng cố hương . Anh chả vọng cố hương là gì. Còn lãng tử hay không thì có anh biết lấy anh chứ... có giời mà biết được."

Cái tinh nghịch của em tôi cũng làm tôi vui lây:

"Cô học ở đâu cái lối nói ỡm ờ này vậy? Rảnh, anh kể chuyện... đời anh cho cô nghe. Chả có gì lạ, chỉ có một đôi chỗ sái với cái... văn phạm của người đời. Thành thử..."

Chờ một lúc không thấy tôi nói gì nữa, em tôi hỏi:

"Thành thử sao anh?"

Tôi tủm tỉm:

"Anh đã nói để hôm nào rảnh mà. Mà ai biểu cô hỏi làm chi. Bây giờ nồi chè đậu ván của cô nó đang chờ anh ở trong nhà. Với lại...có nhiều thứ chuyện mà kể hết ra thì là... sái văn phạm."

Em tôi đưa tay tạt nhẹ mấy giọt nước trong bể cạn vào người tôi:

"Anh quỉ quái thật!"

Hai anh em tôi cười dòn bên bể cạn. Từ hôm về Huế cho đến chiều hôm qua, tôi lại mới có dịp cười ngon lành như vậy. Tôi đang cố nhớ lại, nghĩ đến những tiếng cười khác của ngày cũ trong gian nhà này. Nhưng mà cái ánh điện này, cái thứ ánh sáng này của khoa học lại đưa tôi về nét leo lắt vàng vọt của một cây đèn dầu phụng (lạc) ngày trước. Tôi thao thức mãi trong cái tịch liêu nơi nhà cũ giữa một đêm thu có mưa Huế dai dẳng, rót xuống thôn Vĩ Dạ này bao nhiêu là nỗi niềm khắc khoải, bao nhiêu là bóng dáng chập chờn...Gối loan trằn trọc... năm canh... Câu mở đầu cho một bản Nam Bình này, rung lên từ đầu môi của một ca cơ tài danh, có một lối hát tình tứ cơ hồ níu được những gót bước lang thang của tôi, vốn là một kẻ không bao giờ muốn cho tơ lòng mình bén rễ ở một bến một bờ nào cả, dù chỉ là rễ bèo nơi chân sóng, câu Nam Bình này mà tôi vừa nghe cách đây chừng hai trống canh, giờ này tự nhiên mà ài hoài quá. Điệu nhạc này, thoát thai từ cung điện Chiêm Thành để biến thành lớp sóng âm trang trọng mà dư ba đã dứt hẳn bên lầu Ngũ Phụng trên cửa Ngọ Môn, đang khiến tôi nghĩ đến cái hận vong quốc trong cõi lòng của nhúm người Chàm lơ thơ sống ở vùng Bình Thuận, Phan Rang va Phan Rí, sống vất vưởng như những oan hồn mà nghiệp dĩ không tạo nổi một chốn nghỉ ngơi, dù chỉ là nghỉ ngơi tạm thời.

Tôi nhồi kỹ một cối thuốc. Châm cũng rất kỹ để thấy rằng cái đậm đà của một hơi khói thuốc mặn mà lúc này là cả một liều thuốc an thần. Nó dẹp được một thứ sóng gió quả là bất kỳ trong tôi.

Bịn rịn một lúc lâu với mấy người nhạc công lúc tiễn họ ra cổng vào khoảng giữa hai cơn mưa, tôi trở vào nhà, tai còn nghe được giọng trong trẻo của người ca cơ ấy:

"Tụi em chừ... nhiều khi vì đồng tiền... chơ còn người biết nghe ca Huế mình có khi cả năm không gặp được một ai. Nước Non Nghìn Dặm của mình thấm thía rứa mà có bữa mới bắt vô sắp nông* thì họ húp bún bò xùm xụp, còn la to lên mà đòi thêm tương ớt nữa. Nhiều khi cũng tủi lắm anh nạ. À, cái bài Gối Loan Trằn Trọc nớ, mạ em vẽ (dạy) cho em khi em mới có mười tuổi. Lâu lắm mới gặp người đòi nghe cho được. Cám ơn anh. Dạ thôi, xin phép anh."

Thật ra, chính tôi là người phải cám ơn mấy người nhạc công, người ca cơ ấy. Về Huế chuyến này, lụt lội, không đi thăm thú cho được đủ những nơi ngày xưa tôi không có dịp để chân tới, nhưng mà, qua lời giới thiệu của một người hết sức quan tâm đến nền cổ nhạc nước mình, nhạc sĩ Tôn Thất Tiết, tôi lại được thưởng thức tài nghệ của một nhóm nghệ sĩ tài danh bậc nhất ở cố đô. Họ đã đội mưa lặn lội đến tận nhà tôi mà nhấn một tiếng đàn tranh, nắn một tiếng đàn nguyệt, búng một tiếng đàn bầu, cất tiếng mà mà ngân một bài Cổ Bản, một câu mái nhì. Mà kể như vậy thì không chi cũng bõ cái công ngồi xếp vó mười mấy tiếng đồng hồ trên máy bay.

"Nước Non Nghìn Dặm của mình" hai tiếng "của mình" nghe ấm cúng quá, thân mật thiệt. Mà tôi cũng hiểu rồi. Nếu không vì đồng tiền thì có biết bao nhiêu người lại không bỏ ngay cái nghề của mình, dù là nghề tay phải đi nữa, để mà... Và câu tâm sự khá chua chát của một người tài hoa đã phải nuốt chút hận vì cái bạc bẽo của người đời đối với nghệ thuật của mình, câu nói ấy vô tình đã làm sống dậy trong lòng tôi hình ảnh của những giờ phút vinh quang mà cách đây cũng đã lâu lắm rồi tôi đã thấy tận mắt, của Arthur Rubinstein tại Salle Pleyel, của Jacqueline Dupré ở Festival Hall, của Yehudi Menuhin ở Royal Albert Hall. Vinh quang trong những đợt vỗ tay kéo dài hằng mấy phút không ngớt đã đành, mà vinh quang ngay từ lúc cử tọa nín thở mà chờ những ngón tay bậc thầy ấy vẫy vùng trên bàn phím, bộ dây.

Giữa cái vắng lặng của gian nhà cũ mà

tiếng mưa thu rả rích trên những tàu lá chuối rách nát ngoài hiên càng làm tăng thêm vẻ tịch liêu, buồn cho tương lai khá mờ mịt của cổ nhạc Huế, tôi lại nhớ đến lời thở than của một nhạc công sau đêm nghe ca trù ở Hà Nội:

"Vâng, thỉnh thoảng cũng có một vài người ở nước ngoài về, muốn nghe chúng tôi đàn hát. Nhưng mà họ nghe vì tò mò thôi. Ít ai biết đến cái hay của sênh phách, của tiếng trống, của đàn đáy. Thú thật với ông, lắm lúc cũng nản."

Người thanh niên đàn đáy đã thổ lộ tâm tình với tôi vào một phút nghỉ tay mà nhấp một hớp trà Bắc Thái khá đậm. Trước đó mấy phút, tiếng đàn đáy ấy đã níu chặt lấy một giọng ca trong trẻo, già dặn. Giọng ca của một ca cơ thanh tú mà mớ tóc mun đã được lồng gọn trong một cái bao nhung đen vấn quanh đầu, buông một cái đuôi gà có đến hai ba cái dấu hỏi rất lững lờ. Người ca cơ ấy, có một tấm nhan sắc dễ làm xiêu lòng một kẻ trót mang trong người rất nhiều hệ lụy với ảo ảnh của thanh sắc là tôi, người ca cơ ấy cũng là tay phách đã nắm được cái chân truyền của một bộ môn nghệ thuật đang nghiêng vào cái bóng xế của chính nó.

Ngồi lắng nghe nhịp phách, tiếng đàn, giọng ngân đang quyện lấy nhau trong một bản hòa âm mang nặng cái nghiệp dĩ của những thứ không thể lìa nhau được, ngồi nghe tiếng trống chầu, khi gắt gỏng, lúc hiền từ, tôi đã nghĩ đến một cuộc tình có những vướng víu thiết tha của duyên mới bén, e ấp mà không dám thú nhận, dại dột, si mê.

Giữa một đêm thu của Hà Nội đã đi ngủ sớm, người ta đã đưa cái roi chầu mà nhờ tôi điểm cho cái mối tình ấy, vốn là cái quấn quít của dây tơ, nhịp phách và giọng hát của con người, khi thấy bàn tay tôi cao hứng mà nhịp theo những khổ nhặt khoan của một bài Hát Nói có một đôi câu khá dài đã chuyển sang lối bắt gối hạc... khéo dối khách... ứ ư ừ... mà trêu ngươi... cho Tư Mã khóc... ừ ư ừ... Nhưng mà tôi đã cạn ly rượu bỏ dở từ lúc những nhịp phách dồn bắt đầu dội vào lòng tôi nhiều lớp sóng cảm hoài, mà khua tay, mà chối từ.

Nói cho ngay, cả cuộc đời tôi, dối lòng mình cho mấy rồi thì cuối cùng tôi cũng rụng vì cái quyến rũ của thanh sắc, dù chỉ là cái quyến rũ nhất thời. Nhưng mà vào cái lúc sương thu Hà Nội đang len dần vào căn phòng có nhiều những âm thanh não nuột, tôi không muốn đùa với nghệ thuật. Tôi không muốn đem những bước chập chững của tôi trên đầu ngọn roi chầu mà giỡn với cái thuần thục của những ngón tay điêu luyện, giọng hát lão luyện. Làm như vậy là vô lễ với nghệ thuật của người ta.

Nếu như là ngày trước kia, ngày còn trẻ, thì tôi cũng không ngần ngại chi mà không cầm lấy cái roi chầu ấy mà học thêm, mà luyện cho kỳ một cái thú mà tôi đoan chắc là nó có thể đưa mình đi đến chỗ say sưa tận cùng của một lối thưởng thức âm nhạc. Nhưng mà bây giờ, gánh thêm một cái đam mê nữa, vay thêm một món nợ mà không biết mình có trả được hay không, tôi bắt đầu thấy ngài ngại ở cái tuổi mà cái sầu vạn cổ mỗi ngày nó thêm chĩu nặng trên cái kiếp người trăm năm, nói như bài Tương Tiến Tửu. Bởi vì đời là một ông chủ nợ rất khắc nghiệt, mà những người mê cái Đẹp của âm thanh, của sắc màu như tôi, vốn liếng có là bao... ngoài một chữ Tình. Châu báu của lòng tôi, tôi phung phí quá nhiều rồi. Còn chi! Sòng đời thua đến trắng hai tay... Để rồi đêm nay ngồi nghe từng trận mưa đều đều đổ xuống mái cũ, tôi chợt hiểu tại sao câu thơ ấy của Nguyễn Bính đang dội vào lòng tôi những nhịp sóng sầu lãng đãng... nhịp nhàng... liên miên... bất tận...

Bởi vì, chút tình còn lại trong lòng một người đã mòn gót ở nhiều chốn thuộc về tha hương, bây giờ ngồi ngay trong nhà cũ của mình mà nhớ thương bao nhiêu là người cũ cảnh cũ, tôi biết trao cho ai, gửi vào đâu bây giờ!

Chỉ có một quãng đường từ nhà tôi, gọi cho thơ mộng là ở cuối thôn Vỹ, lên đến cầu Trường Tiền mà nhiều lần tôi đã phải quay gót lui tới để tìm nhà một người bạn cũ, một gốc mít, một cây nhãn, như một kẻ nghèo khó quanh quẩn tìm đồng xu cuối

cùng trong tay vừa mới lỡ đánh rớt xuống đường. Chỉ có một quãng đường mà đã biết bao là đổi thay ngoài đời, bao nhiêu là mất mát trong lòng. Thì thôi nhắc làm chi bao chuyện khác trên cái xứ Huế này.

Tựa mình vào thành cầu Trường Tiền cách đây mấy hôm vào một buổi chiều tạnh mưa, hết nhìn xuống giòng Hương hình như đã vắng hẳn hai tiếng bát cạy, chỉ còn những con đò gắn máy, tôi lại đưa mắt về phía núi Ngự Bình ẩn hiện sau những đám mây chiều xám xịt giữa một bầu trời ẩm hơi mưa, tôi sực nhớ hai câu của Lưu Vũ Tích:

Nhân thế kỷ hồi thương vãng sự
*Sơn hình y cựu chẩm hàn lưu***

À, thì ra lòng mình cũng vậy đó, cũng là cái tâm sự của người đời muôn thủa đã bao lần (kỷ hồi) xót xa, ngậm ngùi cho chuyện đã qua, còn nhìn ra thì dáng núi muôn thủa vẫn gối đầu (chẩm) lên giòng sông lạnh. Động từ chẩm quả là tuyệt diệu, tạo ra được cái TĨNH của núi sông bên cạnh cái ĐỘNG của... việc đời. Mà đâu đó, trong một tập thơ của anh Bùi Giáng, tôi cũng đã bắt được một cái tứ na ná hai câu của Lưu Vũ Tích:

Dạ thưa xứ Huế bây giờ
Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương

Dạ thưa là giọng nhỏ nhẹ của một nữ sinh Đồng Khánh. Khỏi nói. Còn cái thần trong hai câu trên đây của anh Bùi Giáng, nó đột ngột hiện ra ở hai chữ bây giờ. Bởi vì muốn sống với xứ Huế bây giờ , hẳn anh đã phải thao thức với Huế nghìn trước, băn khoăn với Huế nghìn sau. Chỗ hàm súc mà cũng là chỗ tuyệt bút trong thi tài của anh Bùi Giáng nó hiện ra trong những điều anh không nhắc đến. Anh đã lược hết mọi thăng trầm, vinh nhục của bao lớp người ở chốn này, anh đã gạt qua một bên bao nhiêu là thịnh suy, hưng phế, tồn vong từ khi mảnh đất này còn là châu Ô, châu Lý cho đến... bây giờ. Anh đã để cho mạch thơ của người xem thơ anh, tự nó khơi lấy những cảm hoài riêng của mình.

Dạ thưa xứ Huế bây giờ
Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương

Hay thiệt! Hai câu không có thương nhớ chi cả mà xốn xang lạ lùng. Xốn xang hơn cả trận mưa này càng về sáng càng nặng hột, càng tầm tã. Bên ngoài cửa sổ, từng đợt mây chầm chậm trải rộng, trải dài ra mãi giữa một bầu trời màu chì. Và ngoài xa hơn nữa là một vệt chân trời mới hé, màu thủy ngân. Chừng sáu tiếng nữa là tôi lại phải rời Huế rồi. Theo thói quen, tôi lục quyển sổ tay định ghi lại tâm trạng của mình giữa một đêm mưa nơi cố quận. Nhưng mà vừa cầm lấy cây bút, tôi đã xếp quyển sổ lại. Chữ đâu mà ghi cho hết cái nức nở của một tiếng đàn bầu, cái ngọt ngào của một giọng hát, cái đạt, cái thoát của nhà thơ "điên" vùng Ngũ Phụng Tề Phi. Trưa nay, máy bay rời Phú Bài, cánh bèo này lại nổi trôi... tha hồ mà bồng bềnh tâm sự với Huế bây giờ.

◆ *Trúc Chi TÔN THẤT KỲ*

Chú:

**sắp nông là chỗ gần cuối một bản Nam Bình, nhạc trỗi lên cao. Thí dụ: trong bản Nước Non Nghìn dặm, sắp nông bắt đầu ở câu Dặn một lời Mân quân nghe chuyện...*

***trích bài Kim Lăng Hoài Cổ của Lưu Vũ Tích*

Tình và Tội

Phương-vũ Võ Tam-Anh

Con tàu lù lù tiến vào ga Phủ-lý vào lúc nhá nhem tối.

Đoàn tù được thả về nhôn nhao chờ đợi từ hồi sáng mà cứ phập phồng lo sợ, tuy được báo rằng tàu đến trể mà không biết cho tới bao giờ. Ở miền Bắc, tàu trể là chuyện thường xuyên, nhưng đối với tù lại có lo nghỉ khác, vì chuyện gì cũng có thể xảy ra bất cứ lúc nào, biết đâu rằng cái " giấy ra trại " quí hóa kia cũng có thể bị thâu-hồi vào giờ chót. Ngay sáng nay, trong khi cả trại đang tập họp để chờ đi lao-động, thì một số người, trong đó có tôi được gọi ra đứng riêng, chờ cho mọi người đi hết mới được lệnh là phải làm gì. Một số bị kêu lên " làm việc " lẽ tất nhiện không lấy gì làm phấn khởi , một số chuẩn-bị chuyển trại với tất cả những chờ đợi bất ngờ, một số đi biệt-giam vì kỹ-luật thì đã biết trước cái gì đang chờ đợi, một số được tha về. Tôi ở trong số đươc tha về, nhưng vẫn bàng hoàng không dám tin ở tai mình nửa. Sau khi cầm chắc trong tay tấm giấy ra trại vàng khè, lem luốt bằng một thứ giấy pồ-lua đã tái -sinh không biết bao nhiêu lần, mà lòng mừng rỡ hân-hoan vô cùng như chưa bao giờ cầm được một tấm giấy quý giá như vậy, quý giá hơn tất cà các văn-bằng đã nhận lảnh trong suốt cả cuộc đời. Để khỏi vở mộng vì lầm lẫn, tôi cố gắng đọc những giòng chữ đánh máy mờ nhạt như đã hết mực, để xác nhận tên tuổi và để nhận ra một tội -danh kỳ-quặc là: "can tội: Bác-sĩ ". Điều này cũng không làm tôi ngạc-nhiên bằng khi nhận lại cái biên-nhận bộ áo quần, chiếc đồng hồ tay và năm mươi đồng tôi mang theo khi nhập trại. Khi được hỏi về chiếc đồng hồ và số tiền sao không thấy, cán-bộ lạnh lùng trả lời: " có thể nhầm lẩn, vậy thì anh phải ở lại để chờ điều tra cho ra".Trời ơi! Không biết cán-bộ học ở đâu ra cái đòn tâm-lý cao-siêu quá vậy. Tôi choáng ván mặt mày, lại phải hết sức năn nỉ để cán-bộ làm ơn quên giùm cái biên-nhận độc-hại đó đi cho tôi được nhờ.

Mọi người âm-thầm chen lấn cho mau lên được con tàu cứu-tinh đó, trong tranh tối tranh sáng chẳng còn ai nhận ra ai. Tiếng còi huýt dài như để đánh dấu một khúc quanh trong quảng đời, và tàu lăn bánh để thấy xa dần hình bóng những chú công-an áo vàng đưa chúng tôi ra tới ga, xa dần một quá- khứ ghê rợn.

Sáng hôm sau, tàu đến ga Thanh Hóa, một số người nhào lên để mua bán đổi chác, mong còn vớt vát một chút gì nơi mấy tên tù khố rách áo ôm. Để có tiền ăn trong mấy ngày đi đường, tôi bán ngay cái quần tergal đang mặc và chấp nhận về Sài-gòn trong chiếc quần tù bằng vải thô mỏng manh vá chằng vá chịt. Trong tay sẳn có đồng tiền, nên khi tàu đến ga Vinh, tôi mua ngay một cái bánh ú, tuy nhiều lá hơn bánh nhưng muôn phần thơm tho đậm-đà hơn những hạt bo bo trong tù. Đang lân lân thưởng-thức cái hương-vị gần như xa lạ đó, bổng một thanh-niên chạy đến trước mặt tôi la lớn:

-Ông Thầy! mừng quá, ông Thầy có nhớ em không?

Tôi hơi ngỡ ngàng vì đã lâu không quen với cách xưng hô đó, và ngờ ngợ thấy anh này hơi quen nhưng không nhớ ra ở đâu.

-Em là Sáng đây, hồi ở trại Nam-hà, em bị suyển nặng, Ông Thầy đã săn sóc và gởi em ra trại Mễ để được đi bệnh-viện, nhờ đó mới có ngày hôm nay đây.

Tôi mường tượng nhớ đến hình-ảnh của Sáng cách đây khoản nửa năm, tiều-tụy hốc-hác khi lên cơn suyển nguy-kịch trong phòng giam ngột ngạc chật chội, thiếu không khí, phải gởi đi cấp cứu.

Sáng là một sinh-viên trường kỹ-thuật

Phú-thọ, cùng với khoản hai mươi bạn trẻ khác trong phong-trào "Thanh-niên Phục-quốc", bị đày ra trại Nam-hà, vì tội " chống phá cách-mạng". Những bầu máu nóng này đã làm cho không khí trại trở nên sôi-động khác thường. Bị cột phơi nắng ở giữa sân trại, anh em đã hô to khẩu-hiệu " Đả đảo cộng-sản" cho đến khi chính ban giám-thị chịu không nổi phải thả ra. Nắm được tâm-lý của ban giám-thị là sợ những sự xáo - trộn, tù càng ngoan-ngoãn thì trại càng được khen là quản-lý giỏi, nên anh em thỉnh thoảng tuyệt-thực để đòi hỏi phần ăn bo bo khá hơn mà không bị cắt xén, vì trại đào ở đấy ra tiền để nuôi lợn, nuôi chó, mua chim mua cá v.v... trang-trí trại thành một thắng-cảnh, để được tiếng khen những khi có phái đoàn thăm viếng. Mấy hôm sau, cả trại được ăn khá hơn vài muỗng bo bo, nhưng rồi cũng đâu vào đấy, phủ bênh phủ, huyện bênh huyện, tù đói vẫn lai hoàn đói. Anh em cũng đã gán cho cán-bộ quản-giáo cái tên" Chèo " vì trông chẳng khác gì phường chèo, lúc nào cũng đóng kich giả dối trông rất buồn cười. "Chèo" trở thành một danh-từ phổ-thông cho cả trại đến nổi ban giám-thị phải gọi lên mắng nhiếc: " Quản-lý các anh có cán-bộ nam, cán-bộ nữ, sao lại gọi bằng " chèo đực, chèo cái " nghe chẳng văn-hóa chút nào.". Khi có một cán-bộ vô-ý đi một mình trong con đường vắng trong cái trại rộng bằng cả một cái làng, tức khắc anh em ùa lại cho ăn một trận đòn rồi bỏ chạy. Thế là hôm sau cả đám bị kỹ -luật biệt-giam, một hình-phạt không xa lạ gì đối với Sáng. Mỗi người trong một cái hộc vừa đủ để ngồi, thò một chân ra ngoài qua một lỗ nhỏ để xiềng vào một thanh sắt dài chung cho mấy chục cái chân, cứ thế ngày này qua ngày khác.

Bây giờ trông Sáng hồng-hào tươi tắn hơn nên tôi nhận không ra. Sáng ngồi xuống nắm chặc tay tôi lo lắng hỏi:

- Ông Thầy có đươc thăm nuôi không mà gầy như thế này?

Tôi không trả lời mà hỏi lại:

- Còn cậu thì sao?

Mắt Sáng có vẻ đăm chiêu không còn sáng rỡ như lúc mới nhận ra tôi, hình như có một tâm-sự gì bí-ẩn, Sáng chậm rải nói tiếp:

- Từ khi ra trại Mễ sức khoẻ em khá hơn nhiều, vã lại trại Mễ dành cho những người sắp sửa được về nên kỹ-luật lỏng lẻo hơn, có ai dại gì trốn trại khi biết mình sắp được tha.

- Nhưng sao được tha mà trông cậu không vui, hay là mết phải "chèo cái" nào rồi?

Sáng cười, vỗ mạnh vào vai tôi như để trút được một chút thông-cảm:

- Cũng đúng mà cũng không đúng, làm sao trồng nổi cây si ở xứ này được.

Thế rồi Sáng mở lần lần bầu tâm-sự, thỉnh thoảng bị cụt hứng vì tàu dừng lại lâu ở các ga để cho mấy em bé bán hàng rong nhào lên tha-hồ chen lấn dẩm đạp lên mọi người để rao hàng, quanh đi quẩn lại cũng chỉ mấy quả chuối, mấy củ khoai, bát nước vối...Bọn con buôn cũng nhào lên, có khi vớ được những mối bở như cặp kính mát, chiếc áo Montagut mà tù muốn tống đi vì cho là lổi thời, không có dịp mặc lại và phải kiêm tiền ăn đi đường nửa, trong khi ở miền Bắc lại là những món thời-trang rất có giá tuy đã củ mèm, ngang hàng với chiếc " quần bò " (quần jean) hay chiếc áo blouson của không-quân.

Sự ồn áo trên tàu cũng không làm Sáng cụt nguồn cảm-hứng đang chờ dịp để tuôn ra.

Khi được gởi ra trại Mễ, Sáng ở vào trường-hợp thập tử nhất sinh, được chở tới bệnh-viện Phủ-lý. Sau một tuần lễ mê mang, Sáng dần dần hồi tỉnh và biết là mình đang còn sống và đang nằm bệnh-viện mà không bị canh gát. Thật ra Sáng không thuộc ngụy-quân ngụy-quyền mà thuộc diện dân-sự không nguy-hiểm, vã lại đang bị bệnh nặng nên được cứu xét để cho về, chỉ còn chờ thủ-tục thôi.

Ở bệnh viện Phủ lý, Sáng được mọi người chú ý vì là bệnh-nhân duy-nhất người Nam. Sáng ăn nói nhỏ nhẹ, có một giọng miền Nam ấm-áp gây một sức hấp-dẫn đặc-biệt, nhất là khi mà những huyền-thoại về quà người Bắc gởi tặng bà con trong Nam là mấy quả cam hay mấy cái bát

ăn cơm không còn ai tin nửa. Mọi người thường bu quanh Sáng để hỏi han về đời sống trong Nam.

- Nghe nói ở Sài-gòn cái gì cũng dùng máy hết phải không anh?

Sáng khiêm-nhường trả lời:

- Vâng, nhưng cũng tùy theo gia-đình chứ không phải ai cũng có hết đâu.

- Quái nhỉ, giặt giũ cũng máy, rửa bát cũng máy, thổi cơm cũng máy, thế không ai lao-động hết à ?

Nghe câu nói nặc mùi xã-hội chủ-nghĩa, Sáng không cầm được một chút bốc-đồng mà châm thêm:

- Đi ỉ... cũng máy nửa đấy. Nhà nào cũng có cầu tiêu máy chứ không phải còn đổ thùng như ở Hà -nội đâu.

Thấy câu nói hơi hớ, nhưng chẳng thấy ai phản-ứng, Sáng hơi yên tâm vì chắc là ai cũng đã từng nghe chuyện mấy cán-bộ mới ở Bắc vào Nam thường hay vo gạo hay nuôi cá trong nhà cầu.

Sáng thường giúp đở những bệnh-nhân khác trong sinh-hoạt hằng ngày, giúp một cụ già làm vệ -sinh hay trò chuyện với bà cụ bán mấy quả chuối hay mấy quả ổi ở ngoài cổng, là chuyện chưa bao giờ thấy ở đây. Nhưng điều làm mọi người ngạc-nhiên nhất và coi như là một đặc-điểm khác thường để đánh giá con người Sáng là mỗi bửa phát cơm anh vẫn bình-tỉnh chờ đợi, không chen lấn ồn-ào giành giựt như những bệnh-nhân khác. Có khi Sáng còn lấy cơm giùm cho những người yếu đuối không chen lấn nổi. Ngoài những khi lên cơn suyển, Sáng thường phụ giúp dọn dẹp vệ-sinh nên Trại Nội Thương nơi Sáng nằm lúc nào cũng tươm-tất để được đề-cao sự hiệu-nghiệm của cái gọi là " lao-động liệu-pháp" Nhờ vậy Sáng chiếm được cảm-tình cúa mọi người, họ quên đi cái danh-hiệu " Tù Ngụy " được gán cho Sáng lúc mới nhập viện.

Cảm-tình âm-thầm nhất là của bác-sĩ trưởng trại. Gọi là bác-sĩ nhưng thật ra Liên, tên của vị nữ bác-sĩ trẻ này, mới chỉ là " nghiên-cứu-sinh" , sinh-viên sắp ra trường, tương-đương với tước-vị nội-trú trong Nam, vì thiếu người nên được đề-bạc làm trưởng trại nội -khoa bệnh viện Phủ-lý. Liên bản-tính chăm chỉ, tận-tâm nghề-nghiệp, thích học hỏi, rất xứng-đáng với chức vụ mới. Liên là người Hà-nội chính-cống, nhiều người cho đó là một hảnh-diện, sanh đẻ và lớn lên ở Hà -nội nên có một giọng nói rất ngọt ngào, cung-cách điềm-đạm, khác hẳn với những người Hà -nội mới sau này, nên được bệnh-nhân cảm-phục thương mến. Với dáng vóc đều-đặng của tuổi thanh-xuân , nước da không trắng lắm nhưng mịn-màng, đặc biệt là lúc nào cũng tươi cười làm cho cái khuôn mặt trái soan càng thêm dể cảm. Đôi mắt đen nháy mà lại hơi mơ-màng, thích hợp cho một nghệ-sĩ hơn là cho một bác-sĩ. Liên cũng thích làm dáng theo cái nữ-tính hồn-nhiên Hà-nội chính-cống của nàng. Từ khi Nhà Nước phát-đông phong-trào " Phụ-nữ mặc quần Âu", một phong trào mà Báo Nhân-dân cổ-vỏ rần-rộ ngang hàng với ngày xưa Vua Minh-Trị Thiên Hoàng canh tân nước Nhật, bắt mấy bà mệnh-phụ phu-nhân trong triều phải mặc áo hở cổ hở vai theo kiểu Tây-phương, thì được Liên hưởng-ứng ngay. Thế là mấy chợ trời bán áo quần củ đường Tạ-thu-Thâu, đường Kỳ-đồng ở Sài-gòn tha hồ được Hà -nội chiếu cố, vòi cho được cái quấn tergal thẳng nếp mà không phải ủi, vì hai chữ bàn ủi không có trong tự-điển miền Bắc, còn may mặc tại chỗ thì vãi đã xấu mà còn lụng tha lụng thụng như quần đàn ông. Liên là một trong số con gái Bắc đầu-tiên được hảnh-diện tròng vào chiếc quần " Âu ", thay cho cái quần "cháo lòng" bạc màu, đen không ra đen, vàng không ra vàng, nhăn túm nhăn tíu, có khi còn là "nhất bộ nhất bái",(không phải là màn Tiết-Nhân-Quý mỗi bước mỗi lạy cha là Tiết-Đinh-San , mà phải hiểu là chỉ mỗi một bộ độc nhất) đêm ngày chi cũng một mình nó thôi. Liên nhờ mấy cô bạn hớt tóc ngắn nhưng vẫn để chấm ngang vai nên không giống mốt mấy Thím Xẩm Chợ Lớn như mấy nữ xướng-ngôn-viên thấy trên đài truyền-hình khi mới tiếp-thu Sài-gòn.

Hằng ngày đi khám bệnh mặc cái quần Âu, mang đôi guốc gỗ (một sản-phẩm mới được nhập-cảng từ miền Nam) thay cho đôi

dép râu, choàng thêm chiếc áo bờ-lu trắng, Liên đi tiên-phong trong sự" đổi mới " của phụ-nữ Bắc. Liên rất chăm chú vào công việc chuyên-môn, coi Sáng cũng như bao nhiêu bệnh-nhân khác, niềm-nở nhưng nghiêm-nghị, thái-độ thông-thường của những bác-sĩ trẻ nhưng muốn ra điều kẽ cả. Tuy nhiên Liên cũng không khỏi không nhìn thấy nơi Sáng một cái gì khác với bệnh-nhân thường. Trước hết Sáng là bệnh-nhân người Nam duy nhất mà nàng săn-sóc từ trước đến nay, để nghe được giọng Nam hơi lạ lạ vui tai, và để hiểu thêm về xứ Sài-gòn xa lạ mà nhiều người mới vào Nam ra thường hay thổi phồng không biết đâu là đúng, đâu là sai. Hơn nửa, Sáng là một bệnh-nhân tù, một thanh-niên ở tù vì chính-trị, có học-thức mà không có nợ máu. Sáng bị bắt vì đi biểu-tình chống-đối chế -độ mới, cũng như đã từng chống đối những bất-công ở miền Nam trước đây, một hiện-tượng không hề có ở miền Bắc. Sáng phản-đối những chính-sách phi-lý, nhất là việc đốt những " sách báo đồi-trụy do Mỹ Ngụy để lại " trong đó có cả những bộ bách-khoa tự-điển, những tài-liệu khoa-học quý giá, những sách giáo-khoa bằng ngoại-ngữ v.v... Những điều đó làm cho Liên suy-nghĩ mà không phản-ứng một cách máy móc bằng hai chữ phản-động như những người khác, mặc dầu nàng được đào-tạo từ trong trứng nước bởi mối hận-thù với miền Nam.

Qua những lần tiếp-xúc với Sáng, ngoài những câu hỏi thông-thường về bệnh-hoạn, ít khi Liên đề cập đến đời tư mặc dầu nàng cũng tò mò muốn biết thêm về anh chàng lạ lùng đó, nàng hết sức giữ ý giữ tứ, dù sao cũng không tránh khỏi " quan trên trông xuống, người ta trông vào ". Sáng biết thân-phận mình nhưng không mảy may bị mặc-cảm và với bản-tánh khiêm-tốn nên ăn nói xưng hô rất lễ-độ, một thưa bác-sĩ, hai thưa bác-sĩ, mặc dầu trong bụng không khỏi nghĩ thầm: " con bé này đáng tuổi em mình, gọi thế cho cô ta khoái ". Liên cũng có cảm-tưởng như vậy nên mặt hơi đỏ nhưng cũng làm bộ như không để ý đến cách xưng hô, dầu sao nàng vẫn thấy cách ăn nói của người Nam không văn-hoa, nhưng thật tình và lịch-thiệp, bỗng nhiên nàng sosánh với lối tán-tỉnh ba hoa bóng-bẩy nhưng hơi lố-lăng của những chàng trai Hà -nội có khi làm nàng khó chịu, hễ gặp con gái là xưng anh với em ngay, mặc dầu chưa hề quen biết. Dần dà, công việc khám hằng ngày cho Sáng trở thành một thói quen dễ chịu. Tuy ép mình trong vai trò giữa thầy thuốc và con bệnh, mỗi lần nghe, gõ, nắn trên con người của Sáng, đôi mắt Liên cũng khó tránh khỏi cái nhìn trong sáng và hiền-từ trên cái khuôn mặt thông-minh rắn-rõi của chàng sinh-viên Nam-kỳ này. Một chút rung-động thoáng qua, nàng sợ hãi, vội khám nhanh để đi chỗ khác, như để chạy trốn với chính mình. Nàng biết rằng Sáng đang phải chịu đựng những cùng-cực ghê-gớm nhưng chưa bao giờ thấy than-thở một điều gì, ngay cả lúc mệt ngất vì cơn bệnh. Tư-cách của Sáng làm cho Liên phải kính nể và không khỏi ái-ngại khi thấy vết sẹo lớn trên cổ chân Sáng vì bị cùm nhiều ngày, tự-nhiên nàng thấy một chút mặc-cảm thua sút đối với Sáng.

Khi kiếm đâu được một hộp thuốc ngoại từ Pháp hay từ Mỹ gởi về, Liên không ngần-ngại đem đến nhờ Sáng dịch cách xử -dụng, Liên sung sướng và hảnh-diện vì một bác-sĩ miền Bắc mà biết xử-dụng đúng cách thuốc Mỹ thuốc Pháp là một ưu-điểm trong cách chữa trị. Ngoài cái cảm-khoái chuyên-môn đó, Liên còn có một thứ cảm-khoái khác, không những sự hiểu biết ngoại-ngữ của Sáng làm cho nàng khâm-phục, mà không hiểu sao đọc lời dịch toa thuốc mà nàng lại thấy rung-cảm như đọc bức thơ tình vậy.

Thường thì cuối tuần Liên về Hà-nội ngoại trừ những khi phải ở lại trực. Mỗi lần như vậy, nàng khám phá thêm một chút gì mới nơi Sáng và sự tiếp-xúc được tự-nhiên hơn. Sáng nhờ Liên mượn đâu được cây đàn guitare đem ra gãy vài bản làm cho không khí bệnh-viện đỡ tẻ nhạt và cho phiên trực của bác-sĩ có ý-nghĩa ấm cúng hơn. Ngồi trên bực thềm sau hè bệnh-viện, nhìn nắng chiều xuyên qua hàng cây để chiếu ngã xuống sân, tiếng chim hót ríu rít càng làm cho khung-trời thơ-mộng đó thêm

sống động, Sáng cảm hứng cất giọng:

Nắng chia nửa bải chiều rồi,
Vườn hoang trinh nữ xếp đôi lá sầu,
Sợi buồn con nhện giăng mau
Em ơi hãy ngủ anh hầu quạt đây,
Lòng anh mở với quạt này,
Trăm con chim mộng về bay đầu giường,
Ngủ đi em, mộng bình thường,
Ru em sẵn tiếng Thùy Dương đôi bờ,
Ngủ đi em .....
Ngủ đi em mộng bình thường
À ơi ! Ru em có tiếng Thùy Dương mấy bờ
Cây dài bóng xế ngẩn ngơ,
Hồn em đã chín mấy mùa cuộn đau,
Tay anh em hãy tựa đầu,
Cho anh nghe nặng trái sầu rụng rơi.
Ngủ đi em.....

Liên lịm người. Chưa bao giờ nàng được thưởng-thức một khúc nhạc hay như vậy, truyền-cảm đến như vậy. Tim nàng rực lên trong một cảm-giác đê-mê vừa dể chịu vừa khó chịu. Quên cả ý-tứ, nàng gục đầu vào vai Sáng, nhìn ánh nắng chiếu giữa sân, phó mặc cho cái cảm-giác lân lân đó tỏa khắp cơ-thể, nàng quên tất cả, quên tất cả, chỉ biết đang sống trong một thế-giới mông lung khó tả. Sáng để yên hồi lâu vì sợ làm vở giấc mộng thủy-tinh đó, cuối cùng Sáng hỏi:

- Liên, à quên, bác-sĩ có biết bài hát này của ai không?

Liên gườm Sáng một cách tinh-quái, rồi nói:

- Biết thơ của Huy-cận mà chưa hề được nghe nhạc.

- Tác giã bài thơ còn chưa được nghe huống chi là Liên. Ngụy tụi tui là vậy đó, những cái hay của miền Bắc phải chờ ngụy khai-thác mới thưởng-thức được, cũng như....

Sáng cúi nhìn vào đôi mắt mơ-màng của Liên mà không dám nói tiếp.

Liên nũng nịu ra lệnh:

- Từ nay cấm anh dùng chữ ngụy nghe chưa. Ờ ờ, mà xưng anh với em là vì thói quen của Hà-nội, chứ không phải như trong Nam của các anh đâu, đừng tưởng bở.

Sáng chủ-quan cho rằng khi người đàn bà tự cho mình một chút quyền cấm đoán là triệu-chứng của tình yêu, nên lững-lờ nói:

- Biết rồi, khổ lắm, nói mãi.

Cuộc tình đã đi đến giai-đoạn gây cấn khó gở, Liên đặt nặng tình-cảm của hai con người mà cố quên đi sự ràng buộc của hai xã -hội. Nàng quyết tiến tới, lẽ tất nhiên trong sự khôn ngoan dè dặt, nàng thừa thông-minh để làm việc đó. Nàng cố phấn đấu.

Mấy hôm sau Liên nói với Sáng:

- Ngày mai em đi công-tác ở Sài-gòn, anh có nhắn gởi gì về gia-đình không?

Sáng mừng rỡ vì đã lâu không được tin nhà, viết một lá thơ dài, vì không còn bị kiểm-duyệt, ghi rõ địa-chỉ và vẽ luôn cái họa-đồ nhà mình ở đường Hàng Xanh đưa cho Liên để tìm nhà.

Mấy hôm sau lai thấy Liên đi làm, Sáng ngạc-nhiên vội hỏi:

- Không đi Sai-gòn hả ?

- Thay đổi vào phút chót, có người khác đi thay, nhưng vẫn đem thư anh đi rồi. Yên trí sẽ có quà đấy, tha hồ mà tặng đào nhé.

Thì ra Liên giả bộ nói đi Sai -gòn để âm-thầm nhờ người bạn điều-tra về gia-đình Sáng.

Liên rất tin-tương khi được biết Sáng là con đầu lòng của một gia đình lễ-giáo, có tiệm bán vãi ở gần chợ Bà Chiểu, còn nhà thì ở Hàng Xanh, trong một khu cư-xá rộng rải thuộc loại trung-bình ở Sài-gòn, nhưng theo lời thuật lại của bạn Liên thì phải "trung-ương Đảng mới ở được" làm cho Liên hơi ngại ngùng. Sáng đã học gần xong ban kỹ-sư xây-dựng trường đại-học kỹ thuật Phú -thọ. Sáng có cô em gái vừa đậu tú-tài xong thì "giải-phóng" nên không đi học nửa. Thằng em trai mới mười tuổi, cứ về nhà lén lấy sách của Sáng đem ra trường nạp để đốt, cứ một ki-lô thì được một điểm tốt.

Liên cũng muốn cho Sáng biết về mình. Bố của Liên là đại-tá trong quân đội nay đã về hưu. Tuy không phải đảng-viên nhưng sống lâu lên lão làng, được cấp một căn nhà trong một chung-cư bốn từng ở khu Đống-đa, đó là một ước mơ nay đã thành

sự thật. Liên than phiền là có hai điều bất tiện, một là cái bếp chung nên hôm nào ăn gì là cả xóm đều biết, làm một con gà thì ai đi ngang cũng hỏi:"Hôm nay ăn gà đấy à?" không biết đó là câu khen hay là lời cảnh-cáo. Bất tiện thứ hai là mỗi từng lầu chỉ có được một vòi nước ở dưới sân, nên đêm nào cũng phải thức nối đuôi nhau chờ có khi tới hai ba giờ sáng để cho chảy đầy một thùng nước rồi xách lên tới từng lầu mình ở để dùng trong ngày thì cũng đã hụt hơi, có lẽ đó là điều vất-vả nhất nên Liên cứ than mãi :

- Mỗi từng mà chỉ có một vòi thôi đấy.

Sáng thấy tội nghiệp, nhưng cũng đùa:

- Sau này anh sẽ cho riêng em một vòi, tha hồ mà dùng.

Liên nguýt dài một cái, trong đuôi mắt mơ-màng đó còn kín đáo dấu một chút thích-thú tinh-nghịch về cái tếu của Sáng.

Liên còn có người anh hơn Liên năm tuổi, làm phóng-viên cho báo Nhân Dân nên thường hay đi công-tác săn tin ngoài phố. Mỗi khi gặp chuyện gì đặc-biệt thì lại phải lọc cọc đạp xe về tòa soạn ở phố Hàng Trống, lảnh cho được cái máy hình để đem ra chụp, có khi ra tới nơi thì chẳng còn gì nửa để chụp.

Sáng cũng dành cho Liên nhiều cảm-tình, vì ở vào cái tuổi tràn đầy nhựa sống, đang xây mộng tương-lai mà bị lâm vào cảnh tù đày, nay lại được một chút hơi ấm, nhất là từ một con người như Liên thì không dể gì mà không rung cảm. Sáng thấy Liên khôn ngoan và có nhiều nữ-tính, Liên yêu là yêu cái hiên-ngang mà nàng cho là lý-tưởng nơi con người đàn ông như Sáng, đã chọn con đường chông gai khi mới vào đời, trong khi có điều kiện để tạo một cuộc đời êm-đềm hơn, nàng đã nhìn được sự hào-hùng đó xuyên qua lớp vỏ của tù-nhân thê-thảm. Sự-nghiệp không có, tương-lai mờ mịt, nàng yêu không vì những tiêu-chuẩn vật-chất thường tình, đó mới là tình yêu thật sự và bền vững chứ không phải là sự đổi chát mà người đời cứ lầm tưởng là tình yêu nên thường dể tan vỡ. Nhưng ở trong hoàn-cảnh "chim bị đạn" này, Sáng cũng rất dè-dặt, đúng ra Sáng thương Liên nhiều hơn là yêu, cố kéo dài tình trạng để chờ...hạ hồi phân giải.

Nhìn vào cuộc tình, ai cũng đoán rằng khó ổn, nhất là trong cái xã -hội mà người nọ kiểm-soát người kia, tình-cảm con người bị đặt vào hàng thứ yếu.

Một hôm, Chính-ủy bệnh-viện mời Liên lên làm việc, và báo cho Liên biết là đã có tai tiếng không tốt cho Liên và cho cả bệnh-viện.

Thất vọng, Liên chỉ còn biết trông cậy vào gia-đình. Liên thú thật với bố mẹ là đã yêu Sáng và muốn lấy Sáng. Bố mẹ Liên chửng hửng, vì đã qua một cuộc đời trong quân-đội, đã chứng-kiến những khó khăn trong chế-độ, nay chỉ muốn được yên thân, nếu Liên lấy một tên ngụy làm chồng, mà lại đang ở tù vì chính-trị, thì quả là một tai họa lớn cho gia-đình. Nhưng vì quá thương con, không nở để cho con đau khổ, nên cũng đành để cho Liên tùy ý lựa chọn. Mẹ Liên ôm chặc lấy con mà khóc, Bố Liên trầm-tư hồi lâu rồi nghẹn-ngào nói:

- Con nay đã lớn lại có ăn học, bố mẹ rất hảnh-diện và để cho con quyết-định tương-lai của con. Nhưng con nên nhớ là chuyện này còn phải qua tổ-chức, trong chế-độ ta, con cũng biết là chuyện vợ chồng không phải là việc riêng của cá-nhân hay của gia-đình mà là của đoàn-thể nửa.

Đêm đó Liên không ngủ được, khóc cả đêm. Sáng hôm sau đến bệnh-viện với cặp mắt sưng vù, nháo nhác tìm Sáng nhưng không thấy đâu, vì Sáng đã được chuyển về trại Mễ.

Liên ngồi thừ người, thể xác rã rời, đang cố nén cho tiếng khóc khỏi bật ra, thì nhận được sự-vụ-lệnh từ nơi tay đồng-chí Chính-ủy để được điều đi bệnh-viên Lạng-sơn, một nơi....xa miền Nam chừng nào hay chừng đó.

*

Tàu dừng lâu ở ga Đà -nẳng, sự ồn-ào và không-khí khác hẳn hình như làm cho Sáng chợt tỉnh cơn mê. Thật vậy, sau hai ngày đường bây giờ mới thấy rõ sự khác biệt giữa Nam và Bắc. Hàng rong không còn là củ khoai củ sắn mà là những ổ bánh

mì thịt thơm tho, những con gà quay chảy mỡ hay những ly cà-phê bốc khói...Tôi mời Sáng một ly cà-phê đá, vì đã nhiều năm chưa hề thấy cục nước đá:

- Uống đi, uống cho nguội cơn mê, rồi còn tính chuyện tương-lai nửa chứ.

Sự đau khổ đã làm Sáng trở thành triết-gia, nói với tôi mà như nói với chính Sáng:

- Ở đâu con người cũng vẫn là con người, xã -hội có thể làm thay đổi tư-tưởng mà

không thay đổi được tình-cảm. Trách-nhiệm con người là đừng để cho xã-hội chi-phối tình-cảm.

- Thế cậu định làm gì, có lối thoát nào không ?

Sáng nhìn thẳng tới trước như đang nhìn vào tương-lai và nói bằng một giọng đầy cương-nghị :

- Em sẽ cố liên-lạc với Liên để rủ nhau đi vượt biên.

◆ *Phương-vũ Võ Tam-Anh*

E ấp bản tình ca xứ Huế

Lê văn Lân

Đặc biệt dành cho đất Huế sau nhiều năm xa cách, Lê văn Lân tôi một người nặng nợ với Huế xin tản mạn về đôi giòng thơ văn nặng trĩu tâm tình sau mà tôi gọi là một bản trường ca với nhan đề là **E ấp bản tình ca cho xứ Huế**

Nhắc đến xứ Huế, tôi bỗng giác không thể không nhớ lại những vần thơ của một thi sĩ tiền chiến: đó là Tế Hanh. Ông sanh năm 1921 là người Quảng Ngãi ra Huế học trường Khải Định. Cũng như bao người khác không phải sinh trưởng ở Huế, nhưng một khi đến học hành, làm việc tại thành phố này thường dành cho đây một chỗ trong góc tim của họ.

Cha mẹ của tôi là người Bắc vô Huế buôn bán nên cố đô Huế từng là quê hương ấu niên của tôi nên tôi gần như tự hào thông thuộc thành phố thân quen này như chỉ trong lòng tay! Nên tôi tự thấy mình chia xẻ với thi sĩ Tế Hanh qua bài thơ rất mộc mạc, vu vơ nhưng thắm đậm bao nhiêu màu sắc của kỷ niệm: Đó là bài **Có những con đường ta đã đi**. Những con đường mà ông Tế Hanh đã từng đi qua đương nhiên không phãi là những con đường mà hai bàn chân thiếu niên của tôi đã lê qua như đường đi đến trường, đường ra sông tắm mát, đường thơ thẩn theo một bóng nón lá hay một tà áo nữ sinh, nhưng tôi nghĩ rằng tôi cùng với ông Tế Hanh một mẫu số chung về cảm xúc tâm tình. Bài thơ này như sau:

Có những con đường ta đã đi !
Có những con đường tôi đã đi,
Đi qua đi lại rất nhiều khi
Nhà người yêu mến đi qua đó,
Xa vắng nên lòng thấy biệt ly!
Ta gởi tình ta ở quãng đường
Bước này tưởng nhớ, bước này thương
Ta đưa gượng dấu hàng mi chớp
Ngực đánh dồn thêm chân vấn vương.

Các bạn thấy rõ ngay anh chàng thiếu niên Tế Hanh năm xửa năm xưa thuộc vô loại "say mê nhưng nhút nhát".

Tôi chịu nhất câu: *Bước này tưởng nhớ, bước này thương*. Mỗi bước chân là mỗi tâm tình vì *"Ngực đánh dồn thêm chân vấn vương"*.

Vậy xin để tôi đọc tiếp nhé:
Đi mãi không hề biết mỏi xa,
Đi suông không dám ngó vô nhà.
Đường thường bỗnghoá trung tâm điểm.
Lắm lúc xui mình phải bước qua.

Các bạn thấy chàng thiếu niên này nhút nhát quá phải không để đến nỗi *" Đi suông không dám ngó vô nhà,"* sợ rằng cô gái trong nhà ngó ra biết anh chàng cố tình kiếm cớ đi qua nhưng giả bộ anh hùng mắt nhìn thẳng. Chúng ta còn nhớ nhà cửa ở Huế ngày xưa thường cất kín đáo khuất sau một bụi hàng rào. Nhưng ai cấm những thiếu nữ bên trong ngồi trong cửa sổ vu vơ ngó ra, rồi bất chợt thấy một tia nhìn của chàng nào đó ngoài đường nhựa phóng vô, khiến nàng khép vội cánh cửa. Cái trò cút bắt ú tim của những nàng giai nhân Huế bên song cửa làm nhiều anh chàng thi sĩ "mệt tim" lắm! Chẳng hạn như ông Lưu Trọng Lư từng rên rỉ qua bài **"Một mùa đông"**

Ai bảo em là giai nhân,
Cho đời anh đau khổ?
Ai bảo em ngồi bên cửa sổ
Cho vương -víu nợ thi nhân.

Và khi nàng khép cửa lại, thì kể như chàng thi sĩ ngoài đường hụt hang đau khổ gần như tắt thở:

Để mặc anh đau khổ,

Ái ân giờ tận số.
Khép chặt đôi cánh song!
Khép cả một tấm lòng.

Trở lại bài thơ "Có những con đường , ta thấy ông Tế Hanh đã kết luận như sau:

Ta tưởng bao giờ có thể quên,
Con đường như một mối tơ duyên.
Ai ngờ khúc một tương thân ấy,
Cũngphải buồn đau, chuyện chẳng hèn.

Ai cũng thấy hình như vùng đất cố đô Huế văn vật, thơ mộng hữu tình thuở tiền chiến phải chăng giải thích cung cách đặc biệt cũa những nàng gái Huế cổ truyền mơ mộng, trang nghiêm, trầm lặng đi ra ngoài bao giờ cũng mặc áo dài và đội nón lá dù trời im nắng, chẳng hạn như bài thơ sau của Bích Lan:

Người xứ Huế yêu thơ và nhạc lễ
Tà áo dài trong trắng nhẹ nhàng bay.
Nón bài thơ e lệ nép trong tay
Thầm lặng bước những khi trời dịu nắng
(Bích Lan)

Ai cũng biết tà áo dài và nón lá Huế làm "lụy" bao nhiêu anh hùng nam tử không? Giống như thần Ái tình Cupidon của thần thoại Hy lạp, người con gái Huế biết áp dụng hai món chiêu thức này mà bắn những mũi tên kín đáo vào tim của những chàng trai như thi sĩ Trần Quang Long rên siết:

Sao em biết anh nhìn mà nghiêng nón,
Chiều mùa thu mây che có nắng đâu!

Hình ảnh của nh?ng nàng tôn nữ thời còn vua chúa đã nói lên ít nhiều cái cung cách phủ đệ quí phái vang bóng một thủa vàng son:

Gió cầu vương áo nàng tôn nữ
Quai lỏng nghiêng vành chiếc nón thơ!
(Đông Hồ)

Hình ảnh nếp áo dài mềm mại đã thang hoa trong lời thơ óng ả của Vũ Hoàng Chương trích trong tập **" Mây"** :

Bồng bềnh mun chảy óng lưng thon,
Nhạc tía đền vua chuyển gót son.
Yểu điệu Hương giang mềm nếp áo,
Trầm bay sóng mỏng vạt trăng non.

Và ngay một cô lái đò bình dân ở Huế với chiếc áo dài và vành nón cũng trở thành "yểu điệu" dưới mắt của người thơ Nam Trân từ xứ Quảng:

Thuyền nan đủng đỉnh sau hàng phượng
Cô gái Kim luông yểu điệu chèo

Hoàn cảnh và môi trường nào có thể giảng nghĩa cái cung cách quí phái và e ấp của phái nữ xứ Cố Đô Huế vậy? Huế trở thành kinh đô của triều Nguyễn vào đầu thế kỷ 19 nên Huế là đầu não chỉ huy quyền lực và văn hóa thì Huế trở thành trung tâm thi cử của Việt nam. Do đó mới có câu hát: *Học trò trong Quảng ra thi, Thấy cô gái Huế chân đi không rời?*

Còn những học trò xứ Bắc và xứ Nam đến Huế thi thì sao không "dính" với những o Huế?

Sĩ tử trong Nam ra Huế thì quá ít, vả lại đường xa, đi biển phải dùng ghe bầu và theo mùa gió. Còn đại đa số sĩ tử Bắc hà khi vô Huế thi theo tục tảo hôn đã vốn có những bà vợ tấm cám quen gọi là những" bu đĩ nó" từng nuôi nấng săn sóc ở quê nhà đang chờ đợi cảnh các chàng vinh qui bái tổ. Còn dân sĩ tử xứ Quảng không như thế, phần lớn là trai tơ chưa vợ vả lại đường đất ghe thuyền đi lại cũng dễ dàng nên họ ra Huế tương đối gần hơn, dính một bà Huế thì mang về Quảng cũng tiện mà phong tục tập quán cũng là dân miền Trung tương đối dễ hiểu nhau hơn?

Vào khoảng đầu thế kỷ 20, Đất Hà nội với các trường Cao đẳng mới mở ra vào những thập niên đầu thế kỷ 20 bỗng trở thành một nơi thu hút các học sinh, sinh viên từ ba kỳ Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ. Đồng thời, đất Huế với sự mở cửa trường Quốc học , Đồng Khánh và các trường tư thục tư thục như trường Phú Xuân, Quảng đức, Hồ đắc Hàm cũng là nơi thu hút các học sinh từ các tỉnh khác từ miền Trung và miền Nam.

Chính hoàn cảnh lịch sữ và văn hoá của đất Thần Kinh đã làm cho những phụ nữ Huế có cung cách khác đất Bắc và Nam. Họ trở thành đối tượng cho thi ca trong một môi trường văn vật. Mà người con gái Huế

trong nề nếp lễ giáo cổ điển nên cung cách của họ không bạo dạn, mà rất e ấp nếu không nói là rất kín đáo, tuy rằng trong lòng cũng lắm mộng mơ đó. Chẳng hạn như bài thơ sau với nhan đề là *" Khánh Ngày Xưa"* ký tên tác giả là *Ngy Sơn* mà tôi thấy đăng trong Đặc San Tiếng Sông Hương ở Washington DC của luật sư Lê Chí Thảo năm 1988. Theo bài thơ, đây là lời của nữ học sinh trường Đồng Khánh, nên tôi xin đọc nhé

Răng mà cứ theo tôi hoài rứa,
Cái ông ni mới dị chưa tề
Sáng chiều trưa, ba buổi đi về,
Đưa với đón làm chi không biết!

Ôi ! đôi mắt chi mà tha thiết,
Đừng nhìn làm ngượng bước tui đi!
Lá thư tình, ông gửi làm chi
Chú mạ biết rầy la tui chết.

Ông tán tỉnh làm chi mà không biết,
Tui như ma quỉ dưới âm ti,
Nói hoài lời hoa mỹ làm chi
Tui còn nhỏ chuyện tình răng biết được!

Tội tui lắm, cách xa vài bước,
Đừng đi gần hai bước song đôi.
Xa xa chớ kẻo bạn tui cười,
Mai vô lớp cả trường dị nghị.
Theo chi rứa người không biết dị,
Thôi được rồi, đưa lá thư đây
Mai bãi trường, đợi ở gốc cây
Tôi sẽ đến, trả lời cho biết

Bài thơ trên chi mà hay rứa, dùng toàn tiếng Huế chay nghe dễ thương vô cùng và diễn tả đúng tâm trạng *" tình trong như đã, mặt ngoài còn e"*. Nghe nói bài thơ này là một bí ẩn thi ca của xứ Huế! Có người nói là của Nguyễn thị Hoàng, có người nói là của một cậu trai ở Huế nhưng gốc Bắc thác lời con gái mà viết ra. Dù sao, thì bài thơ thiệt là hay!

Và một điều nữa là Thố Ty có biết không? Đó là đôi mắt của thiếu nữ Huế có một nét buồn đặc biệt để chàng thi sĩ Lưu Trọng Lư mô tả là: *Đôi mắt em lặng buồn, Nhìn thôi mà chẳng nói, Tình đôi ta vời vợi, Có nói cũng không cùng.*

Tôi xin giới thiệu một bài thơ khác tác giả là *Mường Mán*, tựa đề là **Qua Mấy Ngõ Hoa**:. Anh hãy cùng tôi thay phiên mà diễn độc hí. Tiếng Huế của tui nghe dị hợm nhưng cũng ráng mà đọc để thấy trai gái Huế yêu ra răng:

Chim vổ cánh, nắng phai rồi đó,
Về đi thôi, o nớ đã chiều rồi.
Ngó làm chi mây trắng xa xôi
Mắt buồn quá chao ôi là tội.

Tay nhớ ai, mà tay bối rối
Áo thương ai, mà lồng lộng đôi tà?
Đường về nhà, qua mấy ngõ hoa,
Đừng có liếc, mắt nhìn ong bướm.
Có chi mô, mà chân luống cuống,
Cứ tà tà ta bước song đôi.
Đi một mình tim sẽ mồ côi,
Tóc sẽ lệch, đường ngôi không đẹp.

Để tóc rối, cần chi phải kẹp
Nắng sẽ chia nghìn sợi tơ huyền,
Buộc hồn o vào những cánh chim
Bay lên đỉnh lòng anh ngủ đậu,

Cứ mím môi, rứa là rất xấu!
O cười tươi duyên dáng vô cùng,
Cho anh nhìn những hạt răng xinh
Anh sẽ đổi nghìn ngày thơ dại.

Mi khẽ chớp, nghĩa là sắp háy,
Hãy nguýt đi, giận dỗi càng vui
Gót chân đưa guốc mỏng bồi hồi.
Anh chợt thấy trần gian quá chật.

Không ngó anh, răng nhìn xuống đất?
Đất có chi đẹp đẽ mô nờ,
Theo nhau từ hôm nọ hôm tê
Anh hỏi mãi, răng o không nói

Tình im lặng _ Tình cao vời vợi!
Hay nói ra, sợ dế giun cười?
Sợ phố ghen, đổ lá me rơi,
Sợ chân bước, sai hồi tim nhịp.

Cứ khoan thai, rồi ra cũng kịp

Vạn mùa xuân chờ đón chung quanh
Vạn buổi chiều, anh vẫn chờ o
Vẫn theo o, về chiều tan học.

Từ bốn cửa đông tây nam bắc,
Tới bốn mùa xuân hạ thu đông.
Theo nhau về, như sáo sang sông
Như chuồn chuồn có đôi có cặp.

Chim chìa vôi, chuyền cành múa hát
Trên hư không, ve cưới mùa hè.
O có nghe suốt dọc đường về,
Sỏi đá gọi tên người yêu dấu.

Hoa bìm bìm, tím hoang bờ dậu
Lòng anh buồn, chi lạ rứa thê
Nón nghiêng vành, nón chết đê mê,
Anh mê sảng, theo chiều tắt chậm.

Chiều đang say vì tình vừa ngấm
Hai hàng cây thương nhớ mặt trời,
Chiều nay về o nhớ thương ai,
Chiều nay về, chắc anh nhuốm bệnh

Thuyền xa giòng ngẩn ngơ những bến,
Anh như là quế nhớ trầm xưa,
Anh như là phố đứng trông mưa
Sợ một mai, o qua mất bóng.

Một mai rồi tháng năm sẽ lớn,
O sẽ quên , một sáng trời hồng,
O sẽ quên có một người trông,
Một kẻ đứng dọc đường mong đợi.

Còn nhớ chi, ngôi trường con gái
Lớp học sau ô cửa giờ chơi,
Cặp sách quăng mô đó mất rồi
Vì o bận tay bồng tay bế.

Sau đây là đoạn kết của mối tình đơn thuần diễn ra bằng đưa với đón. Tất cả trở thành dĩ vãng khi nàng phải sang sông nhưng vẫn lại bâng khuâng về mối tình e ấp của chàng trai từng theo đuổi mình.

Chuyện hôm nay sẽ thành chuyện kể,
Để những chiều đem sáo sang sông
O bâng khuâng nhè nhẹ hỏi lòng:
Mình nhớ ai mà buồn chi lạ

Chim vỗ cánh, nắng phai rồi đó
Về đi thôi, o nớ đã chiều rồi.
Ngó làm chi, mây trắng xa xôi,
Mắt buồn quá, chao ôi là tội
.

Và cuối cùng như là một lời kết thúc, tôi chỉ có thể nói là bản trường ca"E ấp bản tình ca xứ Huế" thật là quá lãng mạn và thơ mộng như cánh bướm của Trang sinh, nó như sợi khói bàng bạc, ngàn sau lơ lửng với ngàn xưa.

◆ ***Lê Văn Lân***

Con Đường Cái Quan từ Huế đến Đà Nẵng

Triệu Phong

Theo miêu tả của những người Âu có mặt tại nước ta vào thời vua chúa, đoạn đường cái quan từ Huế đến Đà Nẵng mà Tây gọi là 'đường đèo Mây tức Col des Nuage' chỉ là một đoạn của con đường dài nối liền mọi miền chạy từ Bắc đến Nam. Nó có sẵn từ thuở xa xưa, trước cả khi người Pháp có mặt ở Đông Dương. Chỉ là một lối đi nhỏ hẹp, thô sơ, đứt đoạn ở những nơi có một dòng nước chảy qua, con đường này thường đi men theo bờ biển nhưng khi gặp núi thì đi thẳng lên đến những chỗ cao nhất mà không tránh những chướng ngại bằng cách đi vòng cho dễ vượt qua, hoặc uốn khúc để giảm dốc. Đường cái quan ngày xưa chỉ là một con đường mòn không hơn không kém, rộng hẹp tùy khúc, tùy theo nhu cầu; ví dụ ở những đoạn đi ngang qua thị trấn, làng mạc, chợ búa thì được mở rộng hơn vì lưu lượng người đi lại nhiều, có xe ngựa, xe bò thường xuyên chạy qua. Hơn nữa, phương tiện di chuyển của dân ta ngày xưa phần lớn là bằng đôi chân, sang hơn thì bằng ngựa hoặc võng nên việc làm một con đường chắc chắn như đường cho xe chạy chỉ vừa tốn của mà còn tốn công bảo trì thường xuyên nữa. Đường quốc lộ này nhờ được luôn cải tiến nên vấn đề di chuyển tương đối dễ dàng; tuy nhiên, con đường cái quan ở đoạn băng qua đèo Hải Vân lại thật khó đi vì thời bấy giờ do kỹ thuật làm đường quá thô sơ nên đoạn này triều đình hầu như để mặc.

Năm 1893, Marcel Monier trong một chuyến đi bằng đường bộ từ Đà Nẵng (Tây gọi là Tourane) ra Huế đã tường thuật đoạn đi vòng theo vịnh Đà Nẵng đến chân đèo Hải Vân như sau: 'Con đường cái quan, một con đường không giống với bất kỳ một con đường nào khác, bị đắp cao từng chặng, chặng thì toàn cát, chặng thì con đường mòn uốn lượn vòng vèo quanh các khối đá sụt lở, qua các hố bùn cắt ngang ruộng. Ra khỏi Tourane, con đường lẫn với cát sỏi trong một đoạn dài hai mươi cây số' Ông này mô tả đến những sự nhọc nhằn khi phải di chuyển trên cát phản chiếu chói lòa dưới ánh nắng chói chan; ở những khe nước, nhánh sông khi thủy triều xuống để lộ ra toàn đất bùn, hoặc cả một vùng nước mênh mông khi triều lên nhưng không có cầu để vượt qua.

Trên đoạn đường cái quan giữa Huế với Đà Nẵng này triều đình Huế có cho đặt các trạm để nghỉ chân, chuyển tiếp công văn cũng như đổi phu gánh võng. Đây là đoạn đường quan trọng vì nó nối liền kinh đô Huế với cảng Đà Nẵng, nơi tàu thuyền các nước cập bến để từ đó các sứ thần của họ có thể ra Huế triều kiến với vua nước ta; đồng thời còn là gạch nối với Hội An (Faifo), một thương điếm quốc tế mà nhiều thế kỷ trước, các Chúa Nguyễn đã dành riêng cho người ngoại quốc ra vào buôn bán.

Từ Huế vào đến vịnh Đà Nẵng có các trạm như sau:

1. **Kinh Trạm**. Nằm ở khu Ninh Mật bên trong Thành Nội gần cửa Đông Nam tức Vọng Lâu 8 (Tây gọi là Mirador 8). Từ điểm này đến trạm kế là An Nông về hướng Nam khoảng cách là 33 lý (mỗi lý tương đương 888 mét).
2. **An Nông Trạm**. Thuộc địa phận làng An Nông, huyện Phú Lộc. Năm Minh Mạng thứ ba (1822) trạm được cải danh thành Đức Nông; sang năm sau lại đổi thành Thừa Nông (nay gọi là Cầu Hai). Từ An Nông đến trạm kế cận mất 35 lý.
3. **Cao Đôi Trạm**. Thuộc làng Cao

Đôi, huyện Phú Lộc. Cũng như An Nông, trạm này đổi tên thành Đức Cao vào năm Minh Mạng thứ ba, rồi sang năm sau thành Thừa Hòa.

4. **Kiên Kiên Trạm**. Từ Cao Đôi đến đây khoảng cách là 21 lý, trạm này nằm ở làng Trung Kiên, huyện Phú Lộc. Từ năm Minh Mạng thứ ba rồi tiếp năm sau trạm cũng đổi tên lần lượt thành Đức Thọ và Thừa Lưu (Nước Mặn). Tên sau này vẫn được dùng đến ngày nay. Tiếp tục từ đây đến trạm kế đoạn đường dài 22 lý.

5. **Phước Yên Trạm**. Ở làng An Cư, huyện Phú Lộc; cải danh thành Đức Phước, rồi Thừa Phước vào thời gian như những trạm trên. Từ Thừa Phước (Lăng Cô) đến Nam Côn tức trạm kế thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam, phải vượt qua đèo Hải Vân trên đoạn đường dài 19 lý.

6. **Nam Sơn Trạm**. Không có nhiều dữ liệu về trạm này, chỉ được biết đây là trạm cuối trước khi đến Đà Nẵng, nằm ở dưới chân đèo Hải Vân.

Hầu hết các làng có đặt trạm đều mang hai tên và các trạm suốt đoạn Huế - Đà Nẵng có tên bắt đầu bằng chữ Thừa kể từ đời Minh Mạng thứ tư như Thừa Nông, Thừa Hòa, Thừa Lưu và Thừa Phước. Công việc của trạm là gánh võng đưa các quan cần di chuyển xa, cùng khiêng vác đồ dùng của những vị ấy. Ngoài ra còn phụ trách việc chuyển tiếp giấy tờ của triều đình, nhất là công văn khẩn. Qua đó ta có thể hiểu việc của trạm là vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa, công văn hỏa tốc. Văn thư khẩn được đựng trong một ống tre gọi là ống công văn, hai đầu buộc dây và niêm phong bằng một dấu niêm nhựa cây hoặc sáp; công việc chuyển công văn hoặc giao cho lính trạm hay phu trạm chạy bộ phụ trách, hoặc giao cho mã thượng là phu trạm đi bằng ngựa, nếu tuyến đường có sông núi gập ghềnh.

Sắc phục của mã thượng không có gì đặc biệt đáng chú ý, ngoại trừ mã phu này mang những ống công văn trên một dây đeo xéo qua vai; đồng thời nơi thắt lưng hoặc trên cầu vai có gắn một cái nhạc ngựa, gồm những lục lạc hoặc chuông nhỏ, để làm tiếng báo hiệu cho trạm kế tiếp rằng họ sắp đến từ đằng xa. Họ có thêm một túi da đựng nước uống và thức ăn khô, một cây gậy để làm hiệu hoặc phòng khi chống đỡ. Suốt cuộc hành trình, mã thượng cho ngựa phi nước kiệu theo nhịp đều và nhanh. Họ chọn lộ trình thích hợp với mình nhất làm sao cho càng ít mệt càng hay. Họ có thể đi ròng rã trong suốt tám ngày trên đoạn đường dài 700 cây số từ Hà Nội đến Huế. Con đường chính phu trạm thường đi là con đường cái quan (la route mandarine), đây là giao lộ lớn của toàn vương quốc An Nam, trên ấy có các trạm chuyển tiếp nằm cách nhau từ 15 đến 20 cây số. Đại úy Rey trong cuộc du hành vào năm 1819 kể lại về hoạt động của người mã phu như sau: 'Ngay khi nghe tiếng nhạc ngựa từ xa, hay nhìn thấy lá cờ nhỏ tung bay báo hiệu có mã thượng của triều đình sắp vượt qua; xe cộ, người bộ hành liền vội giạt vào hai bên đường, làm sao bảo đảm cho con đường luôn luôn ưu tiên thông suốt. Ở bến sông, đò ngang chực sẵn ở bến để đưa người và ngựa qua không chút trễ nải.'

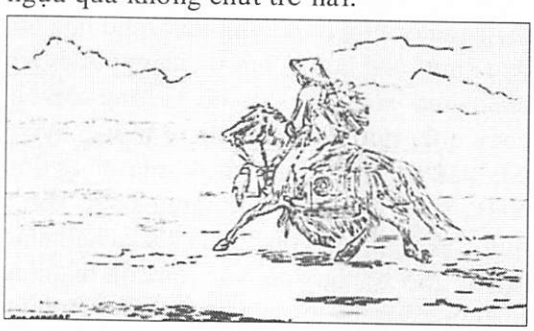

Có khi người mã phu lâm bịnh không thể đi tiếp được, đến trạm kế anh có thể bàn giao lại cho cai hay đội trạm ống công văn và chiếc cờ hiệu, trên đó có ghi chú giờ khởi hành từ trạm trước. Người giao liên mới sẽ tiếp tục công việc không chậm một giây. Lòng trung trực của người phu trạm được bảo đảm qua vai trò được giao phó hoặc danh hiệu mã thượng của mình; cũng do bởi hình phạt nghiêm khắc áp dụng cho những ai trễ hơn nửa tiếng, thường là bị quất bằng roi mây. Người này tiếp nối qua

người khác, phu trạm không bao giờ ngừng nghỉ, bất kể ngày hay đêm, công việc của họ vẫn tiến hành. Ban đêm qua những vùng thường có cọp, mã phu được tăng phái bởi những người mang đuốc. Văn thư hỏa tốc đến và đi cực nhanh từ trạm này sang trạm khác, làm sao đến Huế không chút chướng ngại. Mọi người hễ thấy phu trạm phải vội lo nhường đường, bất kể họ là người chạy bộ hoặc đi ngựa; kẻ nào gây phương hại đến họ sẽ lập tức bị phạt tử hình.

Dumoutier trong 'Le Facteur Annamite', Revue Indochinoise, 1900, kể lại truyền thuyết người phu trạm mỗi khi gặp cọp trong rừng thường hét lớn: 'Tránh đường! Ta đang bận việc công ích đây!' Chúa sơn lâm với vẻ tôn kính né sang một bên nhường đường cho người phu trạm qua, để dành lúc trở lại sẽ tính sau; tiếc thay người này đã tinh quái chọn con đường khác trong lượt về. Với vai trò cao quí như vậy người mã thượng rất tự tin, họ dám vượt qua cả những vùng bất an ninh nhất trong thời kỳ loạn lạc mà không hề sợ bị kẻ thù của triều đình làm hại.

Vào năm Gia Long thứ ba (1804) trạm mới bắt đầu được đặt dọc theo tuyến đường này. Đứng đầu trạm có một Cai Đội (tương đương đại đội trưởng) và một Phó Đội làm phụ tá để coi sóc các phu trạm trong việc thu tin và vận chuyển. Số phu trong mỗi trạm thường là từ 50 đến 100. Sang đến năm Minh Mạng thứ 8 (1829), chức Cai Đội và Phó Đội bị bãi bỏ và thay thế bằng Đích Thừa và Đích Mục; nói chung thì chỉ có danh xưng là thay đổi ngoài ra các chức năng đều như cũ. Vào thời kỳ này mỗi trạm có ba con ngựa dùng để chuyển công văn hỏa tốc; đồng thời nguyên tắc luật lệ về dịch vụ của trạm được hoàn thiện và hệ thống trạm được đặt dưới quyền điều động của Bộ Binh.

Vào khoảng thời gian 1885, C. Paris, một nhân viên Bưu chính và Viễn thông Pháp phụ trách việc thiết lập đường dây điện tín Huế - Đà Nẵng đầu tiên, mở cuộc khảo sát đoạn đường cái quan này. Trong phần tường trình khi trở về, ông miêu tả trạm là nơi dành cho khách vãng lai ghé chân nghỉ ngơi. Mái trạm lợp ngói, có hào và tường vây quanh, bốn góc có ụ quan sát. Lối vào là hai cửa đối xứng giữa hai tường song song nhưng một cửa bị bít lại bằng cây; đáng chú ý là suốt 6 trạm từ Huế đến Đà Nẵng đều như vậy cả. Chung quanh trạm người ta trồng đậu phụng và khoai lang. Phục dịch trạm gồm một số phu và nhà nho ở trong vùng; được phân chia đủ công việc như khuân vác, canh gát, chạy công văn bằng chân và bằng ngựa, nuôi giữ ngựa, thư lại và cai trạm. Họ được miễn thuế, miễn đi lính, và được lãnh khẩu phần cơm mỗi ngày. Nghe đâu họ còn được thêm tiền lương tháng là 10 tiền. Triều đình còn cấp phát đất để họ canh tác, thường họ trồng khoai và làm ruộng. Họ phải luôn luôn túc trực sẵn để chờ gọi nhận việc bất kể ngày hay đêm. Viên thư lại trông coi cắt đặt công việc cho phu trạm tuần tự theo phiên.

*

* *

Nói chung từ cả mấy trăm năm, muốn về đến kinh đô cả bằng đường bộ lẫn đường thủy đều rất phiền phức. Từ Đà Nẵng đi thuyền mất 6 đến 8 tiếng, trong khi nếu đi bộ theo những lối mòn cheo leo thì mất từ 2 đến 3 ngày. Du khách chọn một trong ba cách để di chuyển: bộ, ngựa hoặc võng mà thường thì võng được chọn nhiều nhất. Vào thời gian đầu của Pháp thuộc, muốn có võng phải đến tòa công sứ xin giấy thông hành để dọc đường trình giấy này ở mỗi trạm mới được cấp phu và võng. Nói về võng C. Paris miêu tả:

'Võng đan bằng mây vì thế nếu không lót sẽ bị mấy chỗ gút thắt ấn vào da thịt. Mái võng lợp bằng rơm bắp hay rạ lúa để che nắng; một đòn tre dài chạy dọc theo mái võng để phu trạm kê vai gánh ở hai đầu. Khi được lệnh khởi hành, phu trạm bước lúp xúp khiến người ngồi võng bị nhảy tưng theo nhịp. Có một điểm mà liền sau đó người ngồi võng sẽ cảm nhận; ấy

chính là cơn đau nhói đặc biệt của người đi võng. Võng quá hẹp so với tầm vóc của một người Âu khiến ta phải co quắp lại, trừ phi phải chọc thủng mới duỗi dài hai chân ra được. Làm vậy thì hai chân coi như bị gông và nếu bị té thì đầu sẽ rơi xuống trước. Nếu lở có xoay mình qua một bên thì chẳng lạ gì khi thấy mình bị nhào xuống đất nếu không biết lo bấu cho chắc. Tuy nhiên, lối chuyển vận thế này đằng nào cũng có ít nhiều thú vị. Một khi phu trạm đổi vai thì đáng để ý là người ngồi võng bị xốc ngược như một món hành lý. Cũng có trường hợp khi phải đổi hướng ngồi khiến ta có cảm giác như đổi hướng ngồi trên tàu lửa, toàn cảnh trông như đi lùi lại đằng sau. Đến lúc lên đèo, nếu ta không có chút lòng nhân đạo mà bước xuống võng để cùng leo thì hãy liệu hồn, phải lo dạng chân ra trước lúc đi lên và chài ra phía sau khi đi xuống, còn nếu phu đổi vai thì chỉ có nước bị lộn nhào.

'Võng tôi vừa nói kể trên chỉ là võng của trạm, loại thông thường của dân gian. Võng của quan thì dễ chịu hơn nhiều, đan bện kỹ và rộng rãi, lại còn có màn và vách ngăn như đi trên toa tàu hạng nhất. Số phu gánh có thể tăng lên đến 4 người nhưng phải có sự yêu cầu. Bấy giờ thì người ta đặt thêm ở đầu và cuối đòn một khúc tre thẳng góc với đòn dài để mỗi người phu có thể kê vai vào mỗi mút. Giờ đây ta không còn chạy nữa mà bay, đây là chuyến tàu tốc hành chứ không còn là thứ tàu chợ tới đâu dừng đấy.'

Để có được một hình dung về những con ngựa dùng ở trạm trong việc chuyển giao công văn hỏa tốc, chúng ta hãy nghe ông C. Paris kể tiếp lúc ở đang ở chặng đường từ Thừa Nông đến Thừa Hóa: 'Tôi muốn xuống võng để cưỡi một trong hai con ngựa của trạm, đuôi của con vật đáng thương này bị buộc vào yên bằng một sợi dây nhỏ. Yên ngựa làm bằng gỗ, trong khi cái bàn nâng để leo lên ngựa lại quá bé ngay cả cho bàn chân của một đứa trẻ nít học lớp bảy. Lý do là người An Nam thường ngồi chồm hỗm bằng chân không trên lưng ngựa, chỉ đặt một ngón cái vào bàn nâng mà thôi.'

Khởi hành từ Đà Nẵng, Marcel Monier dùng thuyền vượt vịnh Tourane; khi cập vào Liên Chiểu ở chân đèo Hải Vân để từ đó leo đèo và theo đường bộ ra Huế, ông gặp những phu trạm đang đứng chờ. Mô tả về họ, ông kể: 'Trên bãi, mấy người phu đứng đợi, tay chống lên mấy cây sào tre dài, những con người khỏe mạnh rắn chắc, lực lưỡng, trông gần như truồng nhồng nhộng với chiếc quần An Nam rộng thùng thình xăng lên tận háng, cái áo cộc cuộn lên và vắt chéo qua vai. Họ là những người phu khiêng gánh được gởi đến từ trạm Liên Chiểu mà ta có thể nhìn thấy những chòi lá nằm dưới mấy tàng cây, cách bờ chừng một tầm đạn.' Sau khi đã vượt qua Hải Vân, Lăng Cô, đoàn người tiếp tục về hướng Bắc. Hãy nghe ông Monier kể tiếp:

'Trong khi đang thả hồn nghĩ ngợi vu vơ trong chiếc võng đu đưa thì chúng tôi đến trạm Thừa Lưu. Phu gánh đổi phiên cho nhau. Chưa bao giờ võng lại được đổi phu nhanh như thế. Ngay khi đầu đoàn rước vừa vào làng thì đội trạm đã gõ liên hồi lên cái mõ treo trước trạm. Và thế là từ khắp mọi nơi người ta túa nhau chạy đến, tay cầm sẵn đòn tre. Như đã ấn định trước, mỗi người phu được lãnh 10 xu, và tốp phu mới gánh chúng tôi chạy bằng nhịp chạy đều. Họ có thể giữ đều nhịp như thế suốt bốn năm dặm đường; Nếu có dịp họ có thể tăng gấp đôi chặng đường mà khách không phải mất công yêu cầu thêm. Họ vui vẻ lon ton chạy như những người phu xe jinrikishis ở bên Nhật, vừa chạy vừa nói chuyện riêng với nhau, gọi ơi ới những người đang làm dưới ruộng hay những người đang đứng

trước cửa nhà, làm ra vẻ ta đây, hoặc trêu ghẹo những người đàn bà gặp trên đường. Trong số những phu có một người táo bạo một cách đặc biệt; hễ khi nào gặp một người đàn bà đi ngược chiều thì anh ta liền nhanh tay đưa qua sờ ngực làm cho người phụ nữ đỏng dảnh ấy đùng đùng nổi giận thật sự hay giả đò cũng không chừng; rồi chàng ta khẽ nhún vai, lấy lại cân bằng chiếc đòn gánh, phá lên cười khoái chí và tiếp tục chạy.'

*

* *

Theo H. Cosserat trong bài 'La Route Mandarine de Tourane à Hué' đăng trong tập san Bulletin des Amis du Vieux Hué, không có một tài liệu xưa nào của người Việt khả dĩ cho biết đến tình trạng của con đường cái quan giữa Huế với Đà Nẵng trước khi người Pháp đặt chân đến Việt Nam nên ông chỉ miêu tả lại nó dựa theo những bút ký của một số người Âu đã từng đi qua. Họ là những nhà truyền giáo, thương gia, du khách, đại diện những công ty thương mại, sứ thần, những sĩ quan phục vụ cho Nam Triều.

Tuy Birdwood trong 'Rapport on the Miscellaneous Old Record at the India Office', dù không có bằng chứng nhưng cho rằng vào khoảng 1540 người Bồ đã thiết lập giao thương với xứ 'Đàng Trong', người ta cũng được biết rằng Fernand Perez từng cập bến ở đây vào năm 1516, và d'Albuquerque có phái Duarte Coelho đến nơi này năm 1524. Cosserat chỉ nêu một số người Âu đã từng đi qua con đường cái quan giữa Huế và Đà Nẵng dựa vào chứng tích ghi trong bút ký của họ theo thứ tự như sau:

1. Tháng mười 1695: Thomas Bowyear (người Anh)

2. Tháng tám 1749: Pierre Poivre (Pháp)

3. Tháng mười một 1819: Thuyền trưởng Rey (Pháp)

4. Tháng mười 1822: Crawfurd (Anh)

5. Tháng tư 1863: Đô đốc Bonard cùng với Đại tá Palanca Guttierez, Đặc mệnh Toàn quyền Pháp và Tây Ban Nha ở triều đình Huế.

6. Tháng mười 1876: Dutreuil de Rhins (Pháp)

7. Tháng mười 1885 và những năm kế tiếp: C. Paris (Pháp)

8.Tháng ba 1895: Marcel Monier (Pháp)

9. Tháng ba 1897: Paul Doumer (Pháp), Toàn quyền Đông Dương.

Ngày 4 tháng mười năm 1695, Thomas Bowyear khởi hành từ Hội An (Faifo) ông đi men theo đường biển ra Huế. Theo Cosserat thì sau khi vượt qua được dãy núi Hải Vân và đến Lăng Cô, Bowyear đi tiếp dọc biển đến tận cửa Tư Hiền, nơi đầm Cầu Hai thông ra thay vì đi theo con đường ngắn hơn nhưng bị cấm đi (Bowyear không nói rõ vì lý do gì và ở chặng nào.) Năm mươi bốn năm sau, Pierre Poivre cũng đi theo lộ trình này, cũng gặp phải đường cấm ấy sau khi vượt qua đèo Hải Vân; ta có thể thấy ngay rằng chặng ấy là khoảng từ Lăng Cô đến Cầu Hai, đến đây phải xuống thuyền để đi vào Huế.

Pierre Poivre, nhân viên đại diện cho công ty thương mãi Pháp ở Ấn Độ, du hành đến xứ Đàng Trong với sứ mệnh xin mở giao thương và thiết lập chi nhánh của công ty; đồng thời để phá thế độc quyền mua bán các đồ gia vị như quế, tiêu, gừng, đinh hương của người Hòa Lan. Ông ta ghé Việt Nam năm 1749 và trong thời gian lưu lại ngắn ngủi, ông từng có bốn lần đi đường bộ từ Đà Nẵng ra Huế và ngược lại. Ở một cuộc hành trình từ Huế vào Đà Nẵng cho thấy đoạn đầu thường là bằng đường thủy; ông ta khởi hành từ sông Hương vào giữa trưa ngày 13 tháng mười hai, Poivre xuôi dòng ra đến tận Thuận An rồi rẽ hướng Đông Nam dọc theo phá Tam Giang vào đến đầm Cầu Hai lúc tảng sáng ngày hôm sau. Ở làng Dô (cửa Tư Hiền), sau khi kiếm được người khuân vác, Poivre đi bộ dọc biển đến làng An Cư (Lăng Cô) vào đêm cùng ngày. Sang ngày 15, ông qua phá Lăng Cô lúc hửng sáng và leo đèo Hải Vân mất hết bảy tiếng đồng hồ. Như vậy ông xuống đến làng Nam Sơn khoảng một hai

giờ chiều và nghỉ tại đây. Ngày 16 ông băng qua 'eo Hành' bằng thuyền rồi dừng lại ở cửa sông Cu Đê và ngủ qua đêm ở Nam Ô hoặc Liên Chiểu đêm 16. Ngày 17 ông lại đi tiếp vào Hội An và đến nơi lúc trời tối. Như vậy Poivre đã đi hơn 100 giờ sau khi khởi hành từ Huế. Nếu ông ta không đi Hội An mà đi thẳng vào Đà Nẵng thì lợi được hai ngày vì từ Nam Sơn ông có thể xuống thuyền lúc hai ba giờ chiều ngày 15 để vượt vịnh Tourane và vào đến Đà Nẵng khoảng lúc năm sáu giờ chiều.

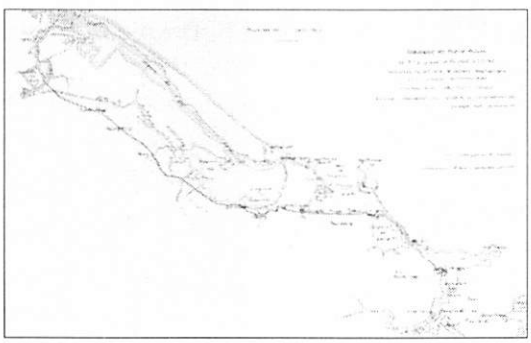

Cuộc hành trình bằng bộ dài 100 giờ của Pierre Poivre vào năm 1749 từ Huế đến Faifo (Hội An). So với ngày nay chỉ tròm trèm có hai tiếng di chuyển bằng xe hơi. Màu vàng là lộ trình Poivre phải đi để tránh khúc đường cấm từ Lăng Cô đến Càu Hai. Màu đen là con đường cái quan thực thụ.

Vào năm 1819, thuyền trưởng Rey của chiếc Henry từ Bordeaux mới ghé lại Nam Kỳ lần thứ hai (lần đầu vào năm 1817) và thực hiện một chuyến đi từ Huế vào Đà Nẵng bằng đường cái quan. Tình trạng con đường ra sao, sửa sang được gì khi thuyền trưởng Rey đi qua kể từ chuyến đi của Poivre 60 năm về trước tiếc rằng không có thông tin đầy đủ, ngoại trừ những tài liệu từ Đại Nam Chánh Biên Thực Lục và Đại Nam Nhất Thống Chí. Theo hai tài liệu này thì vào năm thứ tám triều Gia Long (1809), con đường cái quan từ bến Tràng Tiền vào đến đèo Hải Vân được cho cải tiến. Đoạn này dài cả thảy một trăm mười một lý (theo từ điển Génibrel, 1 lý bằng 888 mét); công việc gồm tu bổ mặt bằng con đường và mở rộng thành ba trượng (khoảng 4 mét cho một trượng), do cư dân trong tỉnh đảm trách, dưới sự giám sát của hai ông Hoàng Đức và Lê Chất. Đồng thời hai bên đường được trồng thêm một số cây tuyển chọn nhưng nhiều nhất là cây mù u. Cây này tiếng Hán gọi là Nam Mai Mộc thường được dùng làm cọc chèo và thanh gỗ ngang của thuyền bè. Mù u được dân ta dùng nhiều để trị ghẻ và vết thương, làm xà phòng. Theo ông Cosserat, việc trồng mù u ở hai bên đường không phải là không có chủ ý, dân An Nam từ xa xưa vốn bị nhiều bệnh ngoài da nhất là ghẻ lở, khó lòng trừ khử mặc dù sự hướng dẫn về vệ sinh thời ấy được truyền bá khá nhiều. Trái mù u cho ta một thứ dầu trị được ghẻ rất hiệu quả, vua Gia Long và những vua kế vị khi ban lệnh trồng cây chắc hẳn muốn dân gian luôn có sẵn thuốc để trị cái thứ bịnh ngoài da ấy, còn gì tiện lợi và kinh tế hơn!

Từ Rey đến Crawfurd khi ông này thực hiện chuyến đi đường bộ vào năm 1822 như đã nghe tả trong phần trước, ta có thể thấy rằng đoạn đường cấm không còn nữa. Khách bộ hành có thể đi từ Cầu Hai vào đến Lăng Cô bằng lối thung lũng Thừa Lưu mà không cần phải đi dọc biển từ làng Dô ở cửa Tư Hiền của đầm Cầu Hai vào Lăng Cô như Poivre phải thực hiện trước đây. Từ Cầu Hai vượt qua đèo Phước Tượng, khách băng đèo Phú Gia ở thung lũng Thừa Lưu, và kết thúc ở An Cư (Lăng Cô), nói tóm lại là đi trọn đường vạch hiện nay của đường cái quan. Thêm vào đó nhiều trạm được đặt thêm rải rác dọc theo quốc lộ để khách bộ hành có nơi nghỉ chân, phu phen đổi phiên. . . Cách tổ chức trạm tuy đơn sơ nhưng tiện lợi, thích hợp với tập quán và nhu cầu của đất nước, thích hợp với những kẻ vì công việc phải di chuyển trên con đường cái quan bằng những phương tiện thô sơ thuở ấy; do vậy trạm mới tồn tại được qua các triều đại, qua bao nhiêu đổi thay. Rey và Crawfurd có nhắc đến những am miếu họ thấy ở dọc hai bên đường, đúng ra chúng toàn là những am nhỏ bên trong người ta dâng đồ cúng và vàng mã, ngoài ra họ còn đề cập đến hình thức thờ cúng tương tự ở

các khối đá nơi những đoạn đường băng qua núi. Thuyền trưởng Rey thuật ở chặng ông qua đèo Hải Vân:

'Trong khi lên núi chúng tôi thấy có nhiều dấu chân voi rừng, chúng tôi vượt qua những suối nước đang chảy đổ ra biển, và rồi lên đến đỉnh vào lúc một giờ trưa. Gần như suốt thời gian leo trèo, chúng tôi chú ý thấy những khối đá tảng mà trên ấy có những hòn đá sỏi dằn lên giữ cho những tờ giấy vàng mã khỏi bị bay mất. Tôi được biết đó là những lễ vật của phu chuyên chở cầu xin thần linh phù hộ cho việc qua đèo được tai qua nạn khỏi, mà cũng của những kẻ sợ ma quỉ cúng kiến để hy vọng không bị ma nhát.'

Hầu như không chừa một đèo nào, lối đi cheo leo nào, ghềnh suối nào, tảng đá chắn ngang sông hoặc trồi lên trên mặt nước nào mà con người xứ An Nam không cho là do thần linh bày ra để ngăn trở cũng có mà giúp cho người vượt qua dễ dàng cũng có. Họ dâng cúng những nơi ấy để cầu xin phù hộ hoặc để tạ ơn. Theo L. Cadière trong bài 'Le Culte des Pierres đăng trong tập san Viễn đông Bác cổ thì cái hiểm nguy ghê gớm nhất mà người ta gặp phải ở núi rừng là cọp nên người An Nam thờ thêm cọp như thần hổ hoặc luôn cả thần cười cọp với hy vọng xua đuổi được cọp. Họ còn tin trong rừng thiêng nước độc có ma mọi hay thần rừng, vì muốn bảo vệ lâm sản có thể bắt người ta phát bệnh lên sốt mà chết.

Crawfurd thuật như sau: 'Gần chỗ chúng tôi vừa băng qua, trên đỉnh núi cao và trong khoảng thâm sâu của khu rừng, có một cây cột bên trên gắn một tấm bảng gỗ có hình một khuôn mặt trông thật ghê rợn, bên dưới có ghi một hàng chữ. Theo người đồng hành bản xứ thì những chữ đó là câu thần chú mà câu này phối hợp với bức vẽ có tác dụng xua đuổi ác ma thường quấy nhiễu nơi vùng này. Y còn cho chúng tôi biết rằng nếu đi đông hoặc khi trời tốt thì không phải sợ nhưng nếu đi lẻ tẻ, đặc biệt là phụ nữ thì dễ gặp tà ma. Chúng lộng nhất những khi tối trời hoặc khi mưa to gió lớn.'

Crawfurd ghi nhận nhiệt độ ở đỉnh đèo Hải Vân lúc ông vừa lên đến là 76 độ F tức 25 độ C, trong khi ở dưới đồng bằng là 83F (28C). Phong vũ biểu cho biết đỉnh đèo có độ cao 1600 bộ (khoảng 488 mét) nhưng thực ra dãy núi Hải Vân có nhiều chỗ cao hơn nhiều mà nơi cao nhất là 4000 bộ tức khoảng 1220 mét. Crawfurd cho biết gần đỉnh đèo có một làng nhỏ, sạch sẽ mà cũng vừa là một cái chợ nữa. Hàng quán nơi đây bán các thứ như chè, gạo cùng những thứ linh tinh khác. Khách du lịch có cả đàn bà và trẻ con, họ đi tay không, không vũ khí, không tùy tùng mà cũng không có vẽ sợ sệt gì. Crawfurd cho đây là một điểm son đáng ghi nhận về mặt an ninh đối với chính quyền xứ An Nam.

Cũng như hai người trước đây là Rey và Poivre, Crawfurd đã đi từ Huế vào Đà Nẵng mất khoảng 55 giờ. Theo Cosserat, sau Crawfurd hai năm, có ông Diard cũng từng đi trên lộ trình này nhưng suốt từ đó (1824) bằng đi rất lâu không có tài liệu nào cho thấy còn người Âu nào khác đã đi qua con đường cái quan ngoại trừ những vị thừa sai ở trong xứ từ lâu. Đây một phần là do chính sách bài ngoại công khai của vua Minh Mạng.

Năm 1876, Dutreuils de Rhins, trưởng tàu của một trong năm chiếc tàu chạy bằng hơi nước mà Pháp tặng cho triều đình Huế, làm một chuyến du hành bằng đường bộ từ Đà Nẵng ra Huế theo sự triệu vời của một thượng thư An Nam. Ông ta được cung cấp võng cùng phu gánh hành lý để đi đường. Câu chuyện của ông này kể lại về chuyến đi thật khá lý thú. 5 giờ sáng ngày 7 tháng mười, tàu của Dutreuils cập vào làng Thanh Bình để chuẩn bị khởi hành. Đoàn tùy tùng mỗi người được cấp bốn phu gánh võng, ngoài ra cả đoàn có thêm mười phu gánh thức ăn, cộng thêm người làm thông ngôn nâng tổng số cả đoàn lên đến 65 hoặc 70 người. Trong đoàn có một tay thợ máy vì

quá mập nên thật khó mà nằm vừa một chiếc võng nào. Họ nghỉ chân ở làng Nam Ô nơi có một bót lính Tây biệt phái từ đồn Tourane rồi sau đó tiếp tục lên đường bằng cách xuống phà để qua sông Cu Đê. Họ đi bộ đến 11 giờ rưỡi trưa thì tạm nghỉ ở một chòi lá ọp ẹp bên đường vì nắng quá gay gắt. Gia chủ mời khách nghỉ trưa trên chiếc giường tre và gối kê cũng bằng tre luôn.

Đáng chú ý nhất ở đoạn này Dutreuils nói đến thứ nước ông được mời uống, đó là trà Huế mà theo ông ta là trà của dân nghèo, đây muốn nói nước chè Huế vậy. Khách được uống bằng những bát đầy từ trên lò nóng hổi, sôi sùng sục. Theo Dutreuils, 'trà Huế' khang khác với cây trà Tàu nhưng vẫn mang hương vị của trà mà lại không gắt. Một thứ nước uống tuyệt diệu của tỉnh nhà, một thứ nước tuyệt vời để giải khát có thể tìm thấy bất cứ nơi đâu, bất kỳ lúc nào mà giá thì rẽ mạt.

Dọc đường đi Dutreuils ít nghe nhắc đến tên làng mà chỉ biết đến tên trạm viết bằng chữ Hán gắn trên cửa nhà. Gần mỗi làng, trẻ con nhanh nhẩu chạy trước báo tin có đoàn rước đi qua làm bắn tung bụi mù, phụ nữ buông chày, ngưng hò hát để chạy núp sau mấy tấm liếp phên. Đoàn người dừng ở trạm Nam Sơn tức trạm đầu tiên từ Đà Nẵng và cách khoảng 20 cây số để đổi phu rồi tiếp tục đi lúc 4 giờ chiều. Bây giờ thì họ phải leo đèo Hải Vân và đến sáu giờ rưỡi thì họ lên đến Hải Vân Quan. Hải Vân Quan được xây thành lũy kiên cố từ năm Minh Mạng thứ bảy (1826), nằm chắn ngang qua bề rộng của đèo nối liền phần chân của hai đỉnh núi cao chừng năm trăm mét ở hai bên. Thành chắn ngang là một tường đá cắt có bốn cửa mở ra để đi thông qua phía bên kia; cửa giữa to rộng và đóng lại bằng hai cánh cửa sắt. Thành được canh gát bởi khoảng 50 lính cư ngụ trong khoảng bốn năm chòi nằm gần nhau. Viên võ quan trưởng đồn hướng dẫn đoàn đến nghỉ qua đêm ở một làng gần đó. Căn nhà họ ngủ lại không có cửa, chủ nhân dùng một phên tre làm bình phong chắn lại ngăn chận mãnh hổ. Họ thức dậy lúc 5 giờ sáng, dùng điểm tâm rồi bắt đầu xuống đèo và đến 8 giờ rưỡi thì họ đã nhìn thấy đầm Lăng Cô ở bên dưới. Phái đoàn của Dutreuils dùng phà vượt qua đầm, ông ngước lui nhìn lại ngọn núi đồ sộ, ước ao rồi đây có con đường sắt chạy xuyên qua núi thì thuận tiện biết bao. Giấc mộng của ông biến thành sự thật vào năm 1906 khi người Pháp làm con đường sắt xuyên qua chin cái hầm dài tổng cộng 3275 m. Họ đến trạm Lăng Cô đúng 9 giờ sáng, đây vừa là một làng chài có khoảng năm sáu trăm dân; ở đây họ lại đổi phu và xin thay cái võng thứ ba cho người thợ máy mập nhất vì mấy cái kia đều đã bị rách hết. Suốt đoạn đường từ đó đến đèo Phú Gia, đám phu phải hì hục bước trên cát bỏng dưới cơn nắng gay gắt. Sau khi nghỉ ở chân đèo, họ bắt đầu leo lên lúc 2 giờ trưa, sang đến bên kia Dutreuils mới nhìn thấy bên dưới có con đường thật sự, rộng rải, có bóng cây hai bên. Kế đó họ đi qua một làng lớn và dừng lại ở trạm có tên Thừa Lưu. Sau khi đổi phu, họ vượt qua hai con sông rộng bằng những đoạn cầu gỗ, rồi đi tiếp và gặp đèo Phước Tượng, ở chặng này lúc xuống đến chân đèo Dutreuils có dịp nhìn thấy người mã thượng đang phóng ngựa chạy ngược về phía mình. Tiếp đó, đoàn người băng qua thung lũng

Cầu Hai và đến ngôi làng có cùng tên lúc sáu giờ chiều. Làng Cầu Hai có chừng ba ngàn dân, phần lớn làm nghề nông hoặc đánh cá. Ở đây Dutreuils được một người bạn từ Huế vào đón ra Huế bằng thuyền. Họ ngủ lại đến sáng thì Dutreuils tách đoàn mà đi thuyền với bạn, thuyền vào cửa sông Phú Cam ở nơi đổ ra đầm Cầu Hai. Khi gần đến Huế sông trở nên khá hẹp, hai bên có nhiều nhà cửa, và cuối cùng họ đến cầu gỗ An Cựu lúc ba giờ rưỡi chiều (cầu được xây lại xi măng năm 1910, cùng thời thành lập nhà máy nước Huế). Ở đây Dutreuils lên bờ để đi bộ đến nơi sứ bộ Pháp lúc bốn giờ chiều. Ông ta mô tả An Cựu là một ngôi làng xinh xắn, có chợ lớn với sạp hàng dày đặc ở trước cầu và dọc hai bên đường đi lên Huế.

Về sau Dutreuils có dịp khác đi ra Huế và có dịp đi nốt đoạn đường từ Cầu Hai ra Huế mà trước đây ông đã đi bằng thuyền. Ông ta tổng kết bài bút ký với lời chú rằng một người thường đi bộ từ Đà Nẵng ra đến Cầu Hai mất 16 tiếng (khoảng 3 cây số / giờ), và thêm mười một giờ nữa từ Cầu Hai đến Huế (4 cây / giờ), tổng cộng vị chi là 27 tiếng cho suốt lộ trình, như vậy nhanh hơn những người trước đây.

Đường đèo Hải Vân ((trên) và đường cái quan (dưới phải) đã cải tiến cho xe hơi chạy được lúc mới khai thông lần đầu tiên vào đầu thế kỷ thứ 20, tuy quá thô sơ so với ngày nay nhưng là một kỳ công so với suốt nhiều trăm năm trước đó; một cuộc cách mạng to lớn vì đã giúp rút ngắn thời gian di chuyển giữa Huế vào Đà Nẵng từ 2, 3 ngày xuống còn 4 tiếng đồng hồ.

Năm 1906, sự xuất hiện của đường sắt xuyên qua đèo Hải Vân khiến đường bộ để leo qua đèo dần dần bị bỏ hoang phế. Tình trạng này không biết sẽ đến đâu nếu không lật qua trang của kỷ nguyên xe hơi, khi chính quyền ý thức được sự tiện lợi và giá cả bình dân của phương tiện này nên mới xúc tiến thực hiện con đường đèo. Con đường cái quan một khi đã hoàn chỉnh thành một con đường để xe hơi có thể chạy được thì từ đó các trạm, từ bao thế hệ khách đến khách đi náo nhiệt tấp nập, nay cũng chịu số phận bị chìm dần vào dĩ vãng. Chính thức từ năm 1918, hai con đường song song, sắt và xe hơi, đã đưa khoảng cách giữa Huế vào Đà Nẵng rút ngắn từ 2 đến 3 ngày còn 4 tiếng đồng hồ, trong khi ngày nay, từ khi Nhật giúp làm con đường hầm xuyên Hải Vân, thời gian chỉ còn 1 tiếng hoặc 45 phút mà thôi. Một lần nữa, con đường ô tô quanh co qua đèo Hải Vân lại bị thất sủng như một cô gái giang hồ già nua.

Phỏng theo:

****'La Route Mandarine de Tourane à Hué' của H. Cosserat đăng trong Bulletin des Amis du Vieux Hué, số tháng Giêng - Ba, 1920.*

**** 'Le Service des P.T.T. en Indochine (des origins à 1940)' của René Despierres, đăng trong BAVH số tháng 1 và 2 - 1944.*

NHỚ XƯA...VƯỜN NHÀ

Tôn Nữ Long Huyên

Nơi đây vào những buổi chiều cuối thu, tôi thường một mình lang thang trên con đường "tình muộn". Khi nhìn ngôi nhà sơn trắng nằm cô đơn giữa khu vườn um tùm cây lá xanh tươi, lòng tôi chợt dấy lên bao kỷ niệm êm đềm về quê nhà dấu yêu, nay đã cách trở ngàn dặm, bên kia nửa vòng quả đất...

Ngôi nhà của cha mẹ tôi được kiến trúc theo lối tây, nhiều phòng ốc biệt lập, tường gạch, mái ngói và nền nhà lát đá men hoa màu lam nhạt. Toàn thể cơ ngơi khang trang thoáng mát và đặt trên một nền đá cao vững chải. Trong mãng ký ức này hầu như tôi nhắc nhở nhiều đến vườn nhà với cỏ cây hoa trái.

Tôi nhớ, vườn nhà cha mẹ chúng tôi thuở đó, nơi thôn Vỹ dạ, nép mình bên bờ Hương giang. Dòng sông duyên dáng uốn mình, sóng gờn gợn vỗ, nước trong veo nhìn thấu đáy những viên cuội trắng xinh, lấp lánh tỏa sáng lung linh khi tia nắng ban mai chiếu dọi xuống.

Trước sân nhà một cội tùng cổ thụ đứng trầm tư giữa bồn hoa rộng. Cây tùng thân già cổi, tuổi e đã bách tuế mà vẫn vươn vai tỏa ra những cành lực lưỡng mang đầy nhánh lá xanh màu lục biếc qua với bốn mùa. Còn nhớ trận bảo năm xưa đã làm gốc tùng nghiêng đổ, mẹ tôi tiếc lắm phải thuê người trong xóm đến dốn tre mà chống đở lão tùng. Cây tùng già nhờ thế sống thêm được mấy mùa mưa nắng, cuối cùng cũng gục ngã. Từ gốc tùng đám rễ rậm tỏa xông mùi hương sực nức, mẹ tôi cho người tỉa lấy gốc đem dâng cúng chùa, làm nhang trầm hương.

Mỗi bên sân nhà là một gốc mai đứng trơ vơ, thân khúc khủy, cành lốm đốm trắng mốc với những mãng màu rêu uá. Trông dáng mai sao mà gầy guộc buồn hiu, có vẻ như cam phận già nua vì một kiếp người đã trãi qua bao tuế nguyệt. Thế nhưng, cứ đến cuối đông khi gió heo may về, bỗng dưng cành mai tưng bừng trổ những nụ xanh mướt rồi không mấy lúc tươi cười nở rộ hàng trăm đoá mai vàng rực rở. Sắc mai vàng tươi thắm, với bông hoa đan sáu cánh mong manh. Đứng sát bên cây mai sẽ ngửi thấy hương hoa tỏa ra thanh khiết mà quyến ru. Với thanh sắc ấy, hoa mai xứng danh là nữ hoàng mùa xuân chốn cố đô trầm mặc.

Tôi bâng khuâng nhớ đến hàng cau vươn cao những thân mảnh khảnh, mới hồi sáng sớm những bẹ trái cau non còn e ấp chưa hé miệng cười, vậy mà khi nắng vàng vừa trải gấm chợt lí lắc nở xòe ra như cánh quạt. Làn gió chớm hạ từ mé sau sông Hương thổi lên như tung hương cau ngọt ngào ấy tràn lan khắp một vùng không gian.

Trước ngõ, hàng phượng vỹ ta trổ bông vàng thắm với những cánh hoa uốn éo yểu điệu như chim phụng, vũ lượn trong nắng sớm. Phượng ta nở hoa đúng hạn kỳ, mỗi tháng hai lần, cho mẹ tôi hái hoa dâng cúng

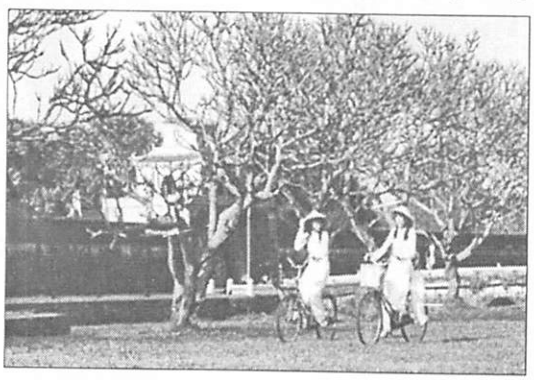

lễ bàn thờ tổ tiên.

Nhớ nhất mấy cây ổi đứng nép mình bên góc vườn. Cây ổi nào cũng sai trái. Từ trên đọt cây cao tít, mùi ổi chín phảng phất thơm gợi thèm. Gần đâu đó là cây trần bì mỗi lần ra trái tíu tít từng chùm vàng ươm mọng nước, những chùm quả tròn xinh lắc lay theo gió, dễ thương vô cùng, làm mình nhớ mãi không quên...

Cơn mưa bất chợt đến giữa buổi giao mùa đã làm ngập bể cạn có hòn non bộ sắp đặt cầu kỳ với đàn cá vàng tung tăn bơi lội trong ấy. Tôi nhớ khoảnh đất chung quanh bể nước, có trồng vô số loại hoa mộc, hoa ngâu, hoa sói, hoa lài. Hương các loại hoa tươi xinh khi tỏa lên, quyện lẫn vào nhau, trong sương sớm mơ hồ đâm nhạt, gần xa kỳ diệu, tưởng như ru mình vào giấc liêu trai

Khi chuá xuân về ngự trị khắp nơi nơi là lúc ở vườn sau, cây bưởi nở những chùm hoa trắng muốt, hoa bưởi rung rinh với nhị vàng rực, đặc biệt nửa đêm xông hương thơm ngát. Hương hoa bưởi ngào ngạt ấy đã ghi vào ca dao: "hoa bưởi thơm rồi đêm đã khuya". Những chồi lá non xanh như phím ngọc dắt đầy cành. Không bao lâu hoa bưởi tàn, nhấp nhô hiện ra những nụ tròn nhỏ màu trắng ngà, đó là những qủa bưởi non ẩn hiện từ đài hoa tròn múp khỏe mạnh.

Xa xa ở cuối góc vườn là chốn ẩn mình của cây sầu đông. Không biết tự lúc nào trên tít cành cao đã bung nở bao nhiêu là chùm hoa trắng thoáng chút tím hồng. Mùi hương sầu đông thoang thoảng như tiễn đưa bước chân nàng xuân lưu luyến chưa muốn rời xa.

Tháng 5 mùa hè.

Khi nhạc ve sầu ra rả ngân vang khắp thôn xóm là lúc mùa hạ thực sự trở về. Đó là thời gian lũ bạn gái chúng tôi thỏa thuê ngụp lặn trong làn nước mát Hương giang ở bến sông sau vườn. Cả bầy thiếu nữ nhởn nhơ bơi lội như đàn cá nhiều màu lượn lờ giữa đám rong xanh. Nhiều khi nghịch ngợm tôi rình bắt cho được chú tôm đất đen đuá, chú đang thập thò nơi hốc đá rêu xanh. Cọng râu dài chú tôm nhỏ cứ ngập ngừng không ló hẳn ra, có lẽ chú ta e ngại bóng mình nên chỉ chựt búng mình trốn thoát.

Rồi khi tiếng chim tu hú thả giọng dài, tít trên đọt cây dừa cao ngất, là tôi biết chắc đã đến lúc những trái nhản lồng, vải trạng ngọt ngào của cây nhản cây vải bà nội trồng trong vườn tới kỳ căng mọng nước và thơm ngào ngạt. Từ rất lâu đã khiến chúng tôi háo hức chờ đợi. Lũ trái vải da ửng đỏ màu cam là hạnh phúc của tuổi thơ.

Mông lung tôi nhớ lúc những vạt miá cam rượu, đủ mật ngọt ngào đang đong đưa mời gọi làm quà giải khát cho lũ trẻ hảo ngọt. Tôi nhớ đến buồng chuối tiêu ốm o đứng khiêm nhường, nép mình bên góc vườn khi đã chín bói, với những trái ngã màu trứng quốc, là lúc được mẹ tôi đem vào ủ chín với lá sầu đông. Gần đó là dàn đậu quyên đã chi chit trái no tròn, tôi thường theo mẹ lựa những quả đã già hái cho vào cái ngảu nhỏ, cất đó chờ ngày rằm tới trên mâm sẽ có những chén chè đậu quyên dâng cúng tinh tươm.

Ở vườn Huế mình, thanh trà còn ngon ngọt hơn bưởi bội phần. Cho nên vào tháng tám, thỉnh thoảng mẹ cho người nhà ra vườn hái những quả thanh trà da nám vàng. Xong đến gọt vỏ, chiết ra từng múi nhỏ, rồi

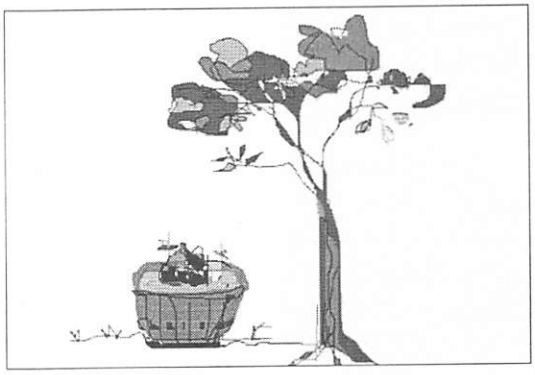

xào với nhộng tằm cho chín, trộn đều vào với mực khô Thuận An đã nướng chín và xé tơi. Mẹ sẽ pha chế nước mắm ngon Phú quốc quyện thêm ớt tỏi. Tất cả hoà trộn vào hợp chất với thanh trà trên. Bánh tráng mè nướng dòn mà xúc tới, ôi còn chi hấp dẫn tuyệt vời bằng.

Đâu đây chíu chít lũ chim sâu, bầy chim bé xíu lanh chanh vừa bay vừ nhảy nhót, tranh nhau tìm mồi, chúng mổ chi chít lên những quả mận chưa chín tới. Vấn vương đâu đó là những dây hoa tigone, cành mỏng manh đang xoải mình phất phơ uốn lượn theo làn gió. Những cánh hoa dáng tim vở ấy đong đưa, quấn quýt chùm khế chua lè còn vắt vẻo vài trái uá vàng trên cành cao.

Có những buổi chiều mùa hạ, thỉnh thoảng bạn tôi đến nhà thăm. Hai đứa rủ nhau xuống hóng mát bến sông sau vườn. Chiều hè yên lắng, hàng tre xanh đậm ven sông, lã lướt xoãi bóng êm đềm xuôi theo dòng nước trong xanh. Dưới bến sông, thuở ngây thơ ấy đứng bên cạnh anh, tôi luống cuống cúi đầu, nghiêng nghiêng mái tóc cố dấu ánh mắt mình qua làn tóc xõa dài đen mượt. Tay tôi vụng về bứt từng cọng lá tre non, vẩn vơ thả trôi theo dòng nước. Nhớ lại thuở nào ngây ngô, sao tôi cứ ngần ngại chẳng dám nói năng chi...Những ngày tháng êm đềm khi bước vào tuổi trăng tròn lẻ, hồi tưởng lại để thấy nuối tiếc nỗi vu vơ!

Mấy mươi năm sau, tình cờ gặp nhau nơi đất khách, anh ngậm ngùi nhắc lại kỷ niệm xưa và thở dài, "tại sao ngày ấy anh không dám cầm tay hoặc nói cùng em đôi lời hẹn ước nhỉ?! Anh khờ dại quá, phải không?!"

Tiếng chim riú rít, gợi tôi nhớ tiếng huýt gió bản nhạc "Dòng sông xanh" vang lên giữa đêm hè. Âm thanh ngập ngừng thanh trong thuở ấy làm tôi thắc mắc vẩn vơ. Có chàng si mê nào vẫn gan lì trước ngõ có hàng chè tàu ngày ấy, ý hẫn muốn nhắn

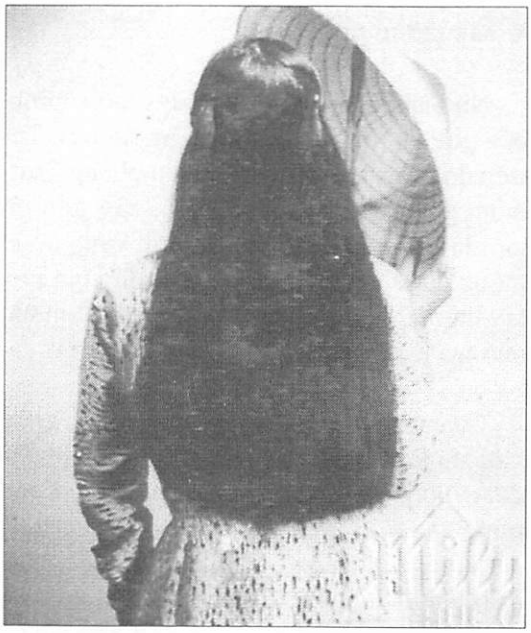

nhe mình hẹn ước chi đây? nhưng làm sao tôi dám cả gan bởi vì tôi luôn vâng nghe lời mẹ dạy.

Hàng tre ven sông bắt đầu chao đảo theo làn gió chướng. Lá tre thi nhau nhào lượn trôi lập lờ trong giòng nước. Đó là lúc trong vườn lá vàng rơi ngập lối, khua rạt rào theo bước chân đi. Giá rét mùa đông mon men ghé tới. Thân cây sẽ trơ cành khẳng khiu, là dấu hiệu báo cho tôi Huế đang vào mùa mưa gió lạnh lùng.

Trên bầu trời xám đục in hình đàn chim sãi cánh, chúng ra sức lướt nhanh có lẽ để tìm về vùng nắng ấm. Rồi mưa tầm tả suốt đêm ngày khiến cho không mấy lúc giòng sông Hương chuyển mình cuồn cuộn sóng. Màu nước sông xanh trong nay hoá nên đục ngầu, từ thượng nguồn sông cuốn về bao nhiêu gỗ mục trôi dập dềnh. Hương giang thơ mộng giờ nổi cơn thịnh nộ, sắc nước đỏ và giòng chảy hung hăn, đe dọa mùa lũ lụt dữ tợn đang ập tới, sẽ tràn ngập thôn xóm làng mạc.

Trong gian phòng ấm cúng, tôi ngồi tựa cạnh bà nội để sưởi ấm bên chiếc lồng ấp có lớp than hồng tỏa nóng đã được ủ kín dưới lớp tro xám an toàn.

Làm sao quên được tô canh cá lúi bụng

cá căng đầy trứng mẹ tôi vừa nấu với mớ khế chua, mớ khế hái trong vườn đã được ngâm nước mưa ba bữa trước. Canh cá bốc mùi hương tiêu sọ, trên mặt rải rắc lớp hành ngò xanh mướt, khói tung hương thơm ngát. Thêm dĩa dưa nưa kho với tôm thẻ, món dưa nưa ấy mà luà với cơm gạo lức đầu mùa, ôi nhắc lại chừ vần còn thèm chi lạ!

Ký ức về tuổi thơ nơi quê mẹ thuở ấy, vào những ngày cuối năm, mỗi chiều đi học về, tôi nhớ bà nội thường để dành cho tôi dĩa bánh đúc xanh phết đầy mật mía. Loại bánh đúc xanh đặc biệt này chỉ được bán vào lúc cuối năm. Bánh đúc mềm mại ăn vừa mát miệng vừa thơm lòng, và ăn hoài sao không biết chán?

Nơi quê hương mới này, vào những ngày cuối thu với gió heo may lạnh lùng đã gợi trong tôi bao nỗi cảm xúc dạt dào về nơi chốn ấu thơ. Nơi ấy, trong ngôi nhà dễ thương giữa vườn tược cây trái xanh tươi ở thôn Vỹ xa xăm ấy, tôi đã được sống bên cạnh những người thân yêu và cũng là nơi lưu dấu mối tình đầu đời ngây thơ trong trắng. Nỗi thương nhớ kỳ diệu hoà trộn của hương lòng và hương quê trong tôi, mãi mãi rạt rào, tưởng sẽ không bao giờ nguôi quên...

Lần về tham quê hè 2007 cùng với đứa con trai út vừa tốt nghiệp Đại học 4 năm. Tôi muốn con trai mình về thăm làng Vỹ Dạ thơ mộng, cũng như thăm viếng bà ngoại và bà con nội ngoại gần xa. Cháu đã xa rời quê hương từ tấm bé nên không biết gì nhiều. Và lần này, tôi đã tình cờ gặp lại kỷ niệm yêu dấu cũ.

Khi tôi vào căn phòng nhỏ thường ngày Mẹ tôi vẫn qùy dâng hương niệm Phật. Tôi kéo hộc tủ cất hương trầm, định lấy ít nén hương để thắp cầu bình an cho gia đình trước bàn thờ Đức Quán Thế Âm. Lúc mở nắp chiếc hộp gỗ đen lâu ngày đã lên nước bóng lộn, tôi chợt thấy quyển album nhỏ của mình ngày xa xưa, được mẹ tôi cẩn thận cất giữ nơi đây. Tôi bàng hoàng xúc động, lần dỡ từng trang hình ảnh đã ố vàng, vừa lúc ấy một tờ giấy pelure xếp góc rơi ra. Tôi tò mò cầm lên xem. Trang pelure nhìn sao quen quen...Tim tôi chợt nhói đau, vì thấy hiện ra trước mắt mình những câu thơ cố nhân đã gửi tặng tôi ngày xa xôi vào buổi chiều mà hai đứa thơ thẩn ngồi bên nhau sau bến sông nhà.

Tờ thư màu hồng phấn, chàng gấp làm hai và dúi vào tay tôi trước lúc ra về. Tôi nhớ rõ ngày đó tôi vừa tròn 16 muà xuân

Cảm tác hình bóng em

Mái tóc em đen mượt
Xõa trên đôi vai gầy
Đôi mắt nai thơ ngây
Khiến lòng anh rung động
Hồn anh đã ngất ngây
Rơi vào đôi mắt ấy.
Tim anh đã xao xuyến
Muốn ôm đôi vai gầy
Hôn lên làn tóc mượt
Nhưng nào em có hay.

Tờ thư mỏng manh ấy về sau tôi cũng đã quên mất theo dòng thời gian biến trôi, đầy buồn vui của cuộc sống. Không ngờ mẹ tôi đã giữ lại và dấu kín trong hộp trầm hương này. Tôi thở dài, ấp tờ giấy mong manh ố vàng lên ngực, chỗ trái tim mình, đến nay vẫn còn thổn thức vì kỷ niệm tuổi thơ hạnh phúc.

Ôi ngày xưa thơ ngây!

San Jose, những ngày chớm Thu 2007

Cửu Long Giang

Thôi con còn nói chi con
Sống nhờ đất khách chết chôn quê người.

Để thân tặng những ai đang sống xa quê

Tôn Thất Hứa

Mái chùa bên dòng sông

Mekong theo ngôn ngữ Lào có nghĩa là sông Mẹ, người Việt thường gọi là sông Cửu Long ví như chín con rồng đổ vào Thái Bình Dương bằng chín cửa biển. Bắt nguồn từ Tây Tạng dài 4500 cây số, là con sông dài thứ 12 trên thế giới chảy qua bảy quốc gia kể cả nơi phát xuất : Tây Tạng, Trung Hoa, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt-Nam và có nhiều tên : Dza Chu, Lạn Thương Giang, Mea Nam Không, Tonle Thom, Cửu Long.

Sông phát nguyên từ nóc nhà thế giới từ dãy núi cao hơn 8.000 mét Hy Mã Lạp Sơn. Nguồn sông đã thấm đậm âm thanh trầm trầm của tiếng tù và cửa Phật của các ngôi theo phái Mật Tông trong giang sơn một quốc gia thấm nhuần đạo lý Đức Thích Ca Mâu Ni, nước Tây Tạng rồi lượn quanh qua 6 nước đượm nặng màu sắc ánh đạo vàng Phật giáo trong lòng dân tộc. Kế theo là tiếng chuông mõ của những cổ tự Trung Quốc dòng sông mang tên Lạn Thương Giang chảy qua miền Vân Nam và khi ra khỏi xứ Vân Nam dòng sông in bóng nhiều tháp chùa dán vàng lá sáng chói của xứ Miến Điện ... rồi xứ Thái, băng qua xứ Lào để vào xứ Việt đem lại cho đồng bằng Cửu Long trù phú của quê hương ngọt ngào như chùm khế ngọt yêu dấu, chứa đầy tình ông bà cha mẹ cao cả, tình anh em ruột thịt gia

đình mặn nồng, tình bà con đậm đà và .... còn mang thêm cái tình .... tình nghi trong cuộc sống hiện tại.....

Giống như nhiều quốc gia Châu Á, tại nước Lào đạo Phật đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống dân chúng, một quốc gia nhỏ bé nhiều núi non thiếu ruộng đồng nhưng có rất nhiều chùa chiền. Địa hình nước Lào nằm dài theo con sông nên các chùa với hai mái chồng lên nhau , uống cong bốn góc mà màu sắc chính là vàng, đỏ với nhiều viền xanh... soi hình trên bóng nước là một hình ảnh rất quen thuộc. Nhiều công trình Phật Giáo vĩ đại được xây dựng lại năm 1566 trên ngôi tháp cũ, là nơi thơ "sợi tóc của Đức Thích Ca Mâu Ni. Vát Phanôm, Vát ông Tự cũng được hoàn thành trong giai đoạn này (Vát có nghĩa là chùa). Nhiều nhà sư uyên thâm cũng xuất hiện với chùa chiền mọc theo chiều dài dòng sông Cửu Long. Bản làng nào cũng có chùa, ngôi làng lớn được chia ra nhiều xóm nhỏ có đến hai ba ngôi chùa. Chùa ở đây là nơi tu hành cùng là trung tâm văn hóa – ngôi trường dạy học, cũng là nơi dân làng sinh hoạt đình đám hội hè như

ngôi đình tại Việt-Nam. Bản làng nào mới xây dựng chưa có chùa, thiếu bóng sư sải, sớm chiều thiếu tiếng trống chùa thì dân chúng cảm thấy hoang vắng tẻ lạnh. Từ lúc lọt lòng mẹ cho đến khi trở về với ông bà đều có gắn bó với ngôi chùa và quý sư sải: vừa sanh ra thì cha mẹ mời Sư xem số, đặt tên, ban cho lá bùa hộ mệnh đeo cổ, chấp chửng biết đi theo cha mẹ lên chùa dâng cơm cho Sư, biết chạy biết nhảy thì theo bạn bè đến sân chùa rậm mát vui đùa, đến bảy tuổi thì dến chùa học chữ với các Sư, đến tuổi thanh niên phải cạo đầu vào chùa tu hành như một vị sư. Người thanh niên tùy theo lòng mộ Phật, có thể xuất gia hay chỉ tu đúng hạn kỳ trở lại cuộc sống bình thường nhưng đã được trang bị tinh thần bằng những tư tưởng giáo lý hiền hòa của nhà Phật tốt đẹp. Thế kỷ 18, nước Lào bị phân chia thành ba tiểu vương quốc nằm doc theo sông từ miền bắc đổ xuống là Tiểu quốc Luỗng Prabang, đến đoạn giữa xứ Lào nơi dòng Cửu Long uốn cong là Tiểu Quốc Viên Chanh theo đó là Tiểu quốc Chăm Pát Sắc..... Ba tiểu quốc vương nhỏ xíu lại có nhiều cổ tự như Vát Mai của Luỗng Prabang là nơi thờ tượng Phật bằng ngọc bích màu xanh nguyên khối to lớn, quý giá... rồi Vát Xiêng Thông, Vát Pakê, Vát Síaket, Vát Phou Sỉ, Thát Luông, Vát Bản Phong, Vát Ông Tu, Vát Khảo, Vát Phou, Vát Ho Pha Bang, Thát In Hang.. chạy dài từ thủ đô Viên Chanh đến Paksé, Savanakhét.... những ngôi chùa không có vẻ huyền bí để người dân lánh sợ mà lại rất gần gủi thoa dịu tâm hồn linh dân làng bằng những hồi chiêng tiếng trống theo giờ sớm, trưa, chiều, khua. Người dân Lào thấm vào tâm hồn sống hàng ngày với trong âm thanh đó, một âm thanh êm dịu lâng lâng bên dòng sông Cửu Long nước cuốn nhanh hay chảy chầm chậm từ hàng bao nhiêu ngày tháng cho nên họ có một tâm hồn bình dị, ít tranh đua chen lấn bụi thế gian.

Đến khoảng Viên Chanh lòng sông bị đọng nhiều cồn cát nên vào mùa khô người dân có thể xắn quần lội bộ ngang sông để qua bên kia bờ xứ Thái. Đến mùa nước lủ

thì những khúc gỗ mục từ thượng nguồn trôi hung hãn trên nước đục ngầu. Chiếc cầu Mittaphap bắt ngang dông sông nối liền Thà Đừa phía Lào qua thị trấn Nông Khai xứ Thái làm mất đi hình ảnh các cô phù sảo Lào, các phú dĩnh Thái xinh đẹp thân hình được ôm kín bằng xỉn (sà rông) màu mè đưa khách sang sông e lệ nhìn thấy hình bóng của mình in trên dòng nước Mè Khoỏng – Mê Kong, Cửu Long (phú sảo, phú dĩnh = cô gái). Dòng sông vắng bớt những con đò đưa thiện nam, tín nữ Lào qua bản Thà Bò của Thái Lan mỗi lúc ngôi chùa của bản nhỏ này đang vào Bun (lể hội) và ngược lại..... Dầu Lào – Thái Lan có chia ranh giới thật những trên thực tế dân chúng hai bên bờ vẫn đi lể Phật, tham gia hội hè khi chùa Thái hay chùa Lào ven sông có ngày lễ hôi.Đức Thích ca Mâu Ni là niềm tin chung của chúng sinh khắp mọi nẻo đường của của giới ta bà; tiêng trống, chiên chùa xứ Lào, Thái vẫn cùng âm thanh vang dội, tiếng nói của hai sắc dân phát âm gần giống nhau. Giảm đi hình ảnh con đò ngang, dòng sông vẫn không buồn vì dù thế giới có văn minh tiến bộ có đúc cầu to rộng làm cho sự giao thông dễ dàng nhưng sông Cửu Long không giờ thiếu những chiếc ghe ngo của các ngôi chùa ven sông đến dự lể đua ghe mỗi khi chùa đang

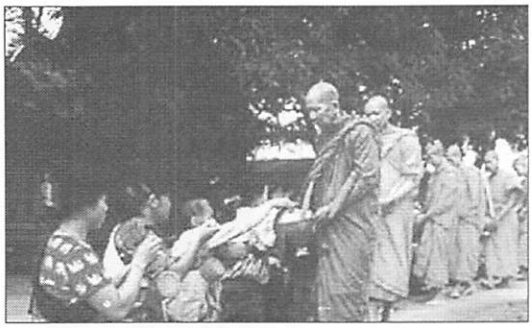

vào hội, tạo lên âm thanh vui nhộn cho cuộc "đua ghe ngo" mà bao nhiêu thế kỷ đã thấm nhuần vào dòng nước và lòng dân tộc ven bờ cũng như dòng sông vẫn chuyên chở mỗi buổi sáng chiếc xuồng nhỏ các vị Sư Sải đi khất thực vì bản làng tụ quanh ngôi chùa trên bờ sông, rạch, không có giao thông xe cộ.

Sông Cửu Long chảy đôi bờ hai xứ lấy Phật Giáo làm quốc giáo Thái – Lào, nên được lung linh in bóng những mái chùa cong vút màu sắc, từ bản làng nhỏ xa xôi trên miền bắc mà tên tuổi ít được người biết tới đến những tên quen thuộc như Thà Bò, Nông Khai, U Đon, Na Khôn, Pha Nom, Mụ Đa Hản v..v... của Thái đối diện với Huôi Xài, Viên Chanh, Thà Khẹt, Pắc Xế v..v.. của Lào. Đâu đâu cũng có những mái chùa thân thương nép mình dưới những cây hoa Chăm Pa (hoa sứ, hoa dại), cây dừa, những cổ tự nổi tiêng ven bờ Thái – Lào không bao giờ đối diện với sự tỵ hiềm trần thế... để rồi hoan hỉ xuôi dòng đến xứ Cam Pu Chia một quốc gia tràn đầy niềm tin cuộc sống vào Phật cho nên chùa Phật rất gắn bó với đời sống. Vốn là một sắc dân tôn sùng Phật pháp, họ cho rằng đem của cải cúng vào chùa, dâng lên Sư Sải thì sẽ làm được gấp mười gấp trăm, nên khi có tiền họ trích một số lớn cúng dường và nuôi quí Sư. Họ cầu mong "gieo nhân lành gặt quả tốt" cho số kiếp hiện tại và vị lai. Qua nhiều ghềnh thác ở Khône, sông Cửu Long chảy qua Stung Tren, Xom Bô, Kroa Chê....và đến thủ đô Phnom Penh (Nam Vang) ngày nay, dòng sông có thêm phụ lưu chảy ngược về hướng Bắc, đó là dòng sông Tonlê Sap, tạo ra Biển Hồ nổi tiếng, nơi điều hòa lưu lượng nước không hùng hổ xuôi về Nam qua địa phận nước Việt qua hai phụ lưu một là Tiền Giang để đối với một phụ lưu mới khai sinh tại Phnom Penh tên Hậu Giang. Cả hai nhánh mang phù sa bồi đắp dần dần thành miền nam nước Việt với chín cửa sông đổ ra biển Nam Hải, sông mang tên Việt-Nam là Cửu Long giang nhờ 9 cửa sông nầy.

Lịch sử thủ đô Nam Vang có truyền thuyết như sau : cách đây hơn 5 thế kỷ, thủ đô Nam Vang còn là vùng đất lầy nằm trên điểm hội tụ của bốn nhánh sông cho nên dân địa phương còn gọi là sông Bốn Mặt. Lúc đó có bà lão tên Pênh, trong dịp ra sông lấy nước uống, Bà thấy một khúc gỗ mục lớn đang tấp gần Bà,. Bà rán sức kéo khúc gổ để chẻ làm củi, nào ngờ khi chẻ đôi, Bà phát hiện trong khúc gổ mục có một tượng Phật bằng vàng. Biết là tượng Phật xưa bị cây rừng bao phủ, rồi qua cuộc đời vô thường, tượng Phật bị rừng già bao phủ đến ngày hữu duyên lại từ rừng sâu xứ thượng nguồn nhờ dòng sông mang về, Bà nghĩ mình có phước duyên nên cung kính đem tượng Phật về thờ. Tin lành chuyền nhanh, dân chúng đến cùng Bà Pênh xây chùa lá trên ngọn đồi để lễ bái. Chẳng bao lâu nơi đây trở thành đông đúc, khi nhà Vua nghe tin lành liền dời kinh từ U Bôn về đây, lấy tên chùa Đồi Bà Pênh mà đặt tên thủ đô mới. Hiện nay ngôi cổ tự trên đồi Bà Pênh vẫn khói hương nghi ngút là nơi chiêm ngưỡng của khách thập phương và thu hút du khách năm châu mổi khi đặt chân đến thủ đô Nam Vang.

Phụ lưu Tonlê Sáp chảy về bắc, tạo cái hồ mênh mông với thi trấn Xiêm Rệp nổi tiếng nhờ có khu đền đài Đế Thiên, Đế Thích. Đền đài hùng vĩ gồm một khu lớn có nhiều đền thờ Thần theo đạo Bà La Môn và thờ Phật từ thời Angkor phồn thịnh. Sau đó bị quân Xiêm tấn công, vua và dân chúng chạy lánh nạn để rừng rậm phủ chiếm phủ vây cả ngôi đền. Hơn 7 thế kỷ trôi qua trong quên lãng, khu đền mới được phát hiện và về lại với dân chúng và nhân loại. Đế Thiên, Đế Thích là đến đài, chùa núi làm bằng đá xanh với sức người dân,

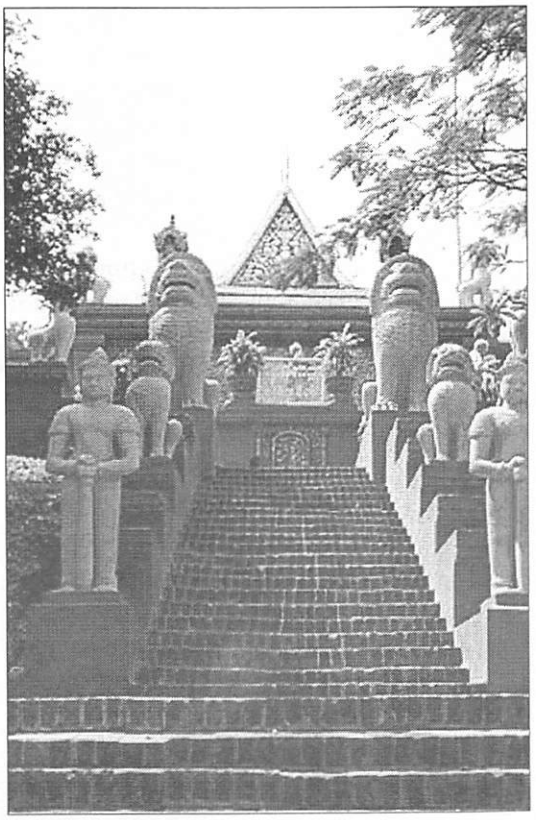

còn tồn tại với hình dáng tượng Phật bốn mặt với nụ cười nhân ái trên môi, các tháp chùa Miên tạc Phật Bốn Mặt trên ngọn tháp... Đâu đâu cũng là số Bốn linh thiêng cũng như sông Cửu Long tại thủ đô Nam Vang được mang tên là sông Bốn Mặt và chính nơi đây hàng năm Vua Cao Miên trịnh trọng làm "Lễ đưa nước" để sông Cửu chứa trong Biển Hồ chảy xuôi về miền Nam nước Việt. mở đầu "mùa nước nổi" tại đây. Vào mùa này tôm cá từ Biển Hồ về nuôi sống dân Việt cũng như mang đất phù sa mầu mở bồi đắp ruộng vườn châu thổ Cửu Long.

Mặc cho bàn tay con người tham lam khuấy động, dòng sông nối tiếp Sông Bốn Mặt chảy vào đất Việt mà trước kia là Thủy Chân Lạp của Cao Mên. Sau nhiều lần Cao Miên dâng đất cho Chúa Nguyễn để tạ ơn bảo hộ và nhờ công khai phá của tiền nhân ta nên Thủy Chân Lạp trở thành miền Nam nước Việt trù phú với dân cư đông đúc. Hòa đồng theo với dịp sống nhóm lưu dân, chùa Việt được dựng lên chen lẫn với chùa Miên để cùng nhau soi bóng trên dòng sông. Lời kinh công phu sáng, tối cùng âm thanh của chuông mõ, trống chiêng trong các cổ tự Việt như Tây An, Châu Long, Hộ Phước, Phước Hậu, Long Hòa.... hòa với âm thanh của Chùa Ông Mẹt, Chùa Samron Ek, Chùa Kléang vv... còn nhiều lắm dọc theo sông Tiền khi chảy qua Sa Đéc, Vĩnh Long, sông Mỹ Tho chảy ngang Mỹ Tho, sông Ba Lai, sông Hàm Luông chảy bọc tỉnh Bến Tre, sông Cổ Chiên chảy ngang Trà Vinh. Sông Hậu chảy qua Châu Đốc, Long Xuyên, Cần Thơ... Dòng sông Cửu Long đã gieo vào tâm hồn người dân miền Châu thổ lòng nhân ái thuần hậu bằng dòng nước cam lồ chuyển theo dòng sông của các quốc gia thờ Phật đầy lòng từ bi và hỷ xã.

Bóng dáng ngồi chùa Việt hay Miên, hình ảnh của quý vị Thiền Sư, Cao Tăng đắc đạo trong chiếc y vàng đã in hình trên dòng sông Nhà Phật mà tiếng thơm được lưu lại muôn thuở mặc cho lòng người tham lam chia ranh chặn nước....

Hình ảnh linh động, những bài giảng bổ ích của Thầy Phạm Ngọc Đảnh sẽ in sâu trong trí nhớ của tất cả môn sinh nội & ngoại của ngôi trường yêu dấu Pétrus Ký.

Lời thở than của một dòng sông đang ..... chờ chết

Dòng sông Mekong là nguồn sống của một tổng số 60 triệu người của các nước nằm hạ nguồn: Lào, Thái Lan, Campuchia và Việt-Nam. Phần lớn là người dân chất phát sống nhờ vào nguồn tài sản thiên nhiên: tôm cá, ngoài ra họ còn dùng nước & phù sa để trồng lúa, dòng sông còn là trục giao thông chính. Trong hai thập niên tới số dân sống ven bờ sẽ tăng lên đến 100 triệu, đời sống của họ bị đe dọa thường xuyên bởi bão lụt, nạn phá rừng, nạn ô nhiễm và những khai thác thiếu cân nhắc thêm vào đó những hậu quả trầm trọng của "đám trời con" tự sáng chế ra : Trung Quốc đang dựng những đập thủy điện ở vùng Vân Nam & xúc tiến việc mở rộng dòng sông ở thượng nguồn để tàu bè lớn có thể đi lại dễ dàng hơn.

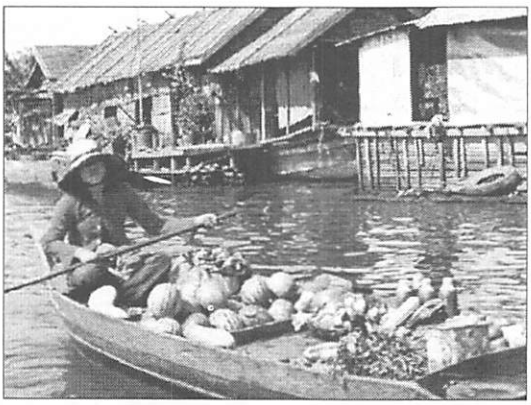

Với 1245 loại cá, sông Cửu Long là sông có nhiều tôm cá thứ nhì thế giới sau sông Amazon ở Nam Mỹ. Có nhiều loại cá hiếm quý như cá Bông Lau khổng lồ nặng đến 300 kilô và cá heo sống ở nước ngọt. Hàng năm có đến 1.8 triệu tấn cá đánh được ở các quốc gia hạ nguồn, riêng hồ Tonle Sap ở Campuchia cũng sản xuất được 400.000 tấn. Các đập ở Vân Nam sẽ thay đổi mức nước cũng như nhiệt độ và chu kỳ nước sông Cửu Long : những thay đổi sẽ tác hại trầm trọng đến sinh sống các loài tôm cá. Việc mở rộng dòng sông sẽ làm nước sông chảy nhanh hơn và soi mòn hai bên bờ. Các đá ngầm là nơi sinh sản của tôm cá cũng sẽ bị phá hủy, nhiều loại sinh vật sẽ tuyệt chủng vì không thể thích ứng với những thay đổi trái với thiên nhiên có từ đời xửa đời xưa.... Nhiều vùng quanh ngư phủ đã than phiền lượng cá tôm đã giảm đi ảnh hưởng mạnh đến sức khỏe vì tôm cá là nguồn chất đạm chính của cư dân lưu vực bờ sông Cửu Long

Với những khai thác thủy điện và giao thông thượng nguồn, Trung Quốc đã khống chế hoàn toàn con sông, gây nên những thảm họa môi sinh và kinh tế cho 2 quốc gia ở phần cuối dòng sông : Việt-Nam và Campuchia lại còn ảnh hưởng trầm trọng cuộc sống vốn đã cơ hàn nay lại tăng thêm phần khó khăn cho đám dân đến 60 triệu cư ngụ ven hai bờ. Các quốc gia vùng hạ nguồn thường chỉ có phản ứng yếu ớt vì áp lực chính trị cũng như những hứa hẹn về kinh tế. Các cơ quan quốc tế như Ủy Ban Sông Mekong (Mekong River Commission) ASEAN, Liên Hiệp Quốc, Ngân Hàng Thế Giới (World Bank) và Ngân Hàng Phát Triển Á Châu (Asian Development Bank) cần phải có áp lực với Trung Hoa để họ suy xét nghiêm chỉnh và khách quan các hậu quả sẽ phải đến cho các phần đất ở hạ nguồn mỗi khi có dự án khai thác mới. Riêng các ngân hàng quốc tế cũng cần xét lại các dự án phát triển mà chính họ là nguồn tài trợ không những cho Trung Quốc mà còn các quốc gia khác nữa. Cựu Thủ Tướng Chu Ân Lai đã từng tuyên bố với các nhà lãnh đạo quốc gia có lảnh thổ chung quanh bờ sông : "Tôi ở thượng nguồn, quý vị ở hạ nguồn. Chúng ta uống nước từ một dòng sông chung. Vậy chúng ta như anh em một nhà". Nghe ra thật chi là ..... chí tình & bùi hai cái lổ tai nhưng .... còn cái lý thì chỉ là quyền lợi của nhóm người có phần đất phía trên cao,.... ngó xuống, cái lý của kẻ mạnh bao giờ cũng đúng. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc phải hiểu rằng sông Cửu Long không chỉ dành riêng cho 2 hai quốc gia nằm thượng nguồn là Trung Quốc, Miến Điện mà tiếng nói hay lời than các nước nằm phía hạ nguồn Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt-Nam cũng phải được tôn trọng. Vì là con sông quốc tế (international river) nên mỗi nước đều có quyền khai thác khúc sông nằm trong lãnh thổ của mình. Lào đang ôm mộng trở thành một Kuwait ở Đông Nam Á về thủy điện, Cam Bốt muốn xây đập ở Sambor, Stung Cheng, Kratie, Preknot nhưng Việt-Nam sẽ không cho phép giống như kiểu Ai Cập hăm dọa Sudan là sẽ "tả" nếu xây đập Jonglei trên sông Nile!.

Nhóm lãnh đạo Trung Quốc muốn bóp

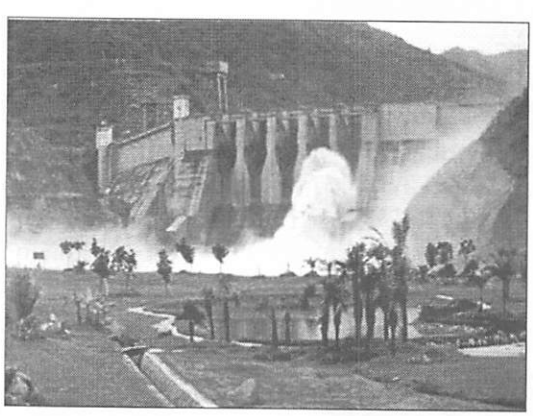

cổ, cắt đứt cuống họng, xẻo đi một phần cái bao tử vốn đã xẹp lép từ khuya của 60 triệu người dân cùng đinh đang sinh sống nhờ vựa cá ở khu vực đồng bằng Cửu Long vì cơ nguy diệt vong những sinh vật sống với nước ngọt trong môi trường tự nhiên có mặt từ ngày quả đất sinh ra .... Sông Cửu Long được phỏng đoán đang dãy chết như sông Dương Tử & các dòng sông lớn khác ở Trung Quốc. Bức tranh sống động đều xoay quanh vấn đề tương lại con sông Cửu Long và hàng triệu con người cự ngụ trong vùng, tất cả sẽ đi về đâu nếu Trung Quốc nhất định tiến hành việc xây 14 con đập bậc thềm ở Vân Nam để bóp nghẹt các nước Đông Nam Á, từ trước tới nay họ vẫn có thái đô trịch thượng coi thường các nước nhỏ Đông Nam Á, họ đã khởi công xây đập nước bậc thềm ở Vân Nam mà chẳng thèm hỏi han ý kiến các nước nhỏ ở hạ nguồn.

Việt-Nam nằm trong tư thế "núi liền núi, sông liền sông" nên lại càng bị lấn áp hơn bao giờ hết bởi một quốc gia to lớn, kềnh càng mà còn gồ ghề... đã để lại quá nhiều kinh nghiệm lịch sử, chính trị, văn hóa, tư tưởng ngoài ra vừa là đồng chí, vừa là anh em .... nói chung là lý của kẻ mạnh bao giờ cũng đúng.Việt-Nam vì nằm ở cuối nguồn sẽ là nạn nhân đầu tiên khi vùng đồng bằng sông Cửu Long thiếu nước, nước sẽ nhiễm mặn và bị làm độc bởi các chất độc hóa học thải từ các nhà máy sản xuất ở Vân Nam.

** Uẩn khúc của dòng sông!*

Trên mười năm qua Trung Quốc đã xây dựng các đập thủy điện ở tỉnh Vân Nam. Đập Manwan đã được hoàn thành vào năm 1993 với năng suất 1500 MW điện, đập Dachaoshan (Chiếu Sơn) được hoàn thành vào tháng 12 năm 2002, có năng suất 1350 MW, cao bằng một cao ốc 30 tầng có một hồ chứa nước dài 88 cây số. Vào tháng 01. 2003 khởi đầu công trình cho đập Xiaowan với năng suất 4200 MW cộng với hồ chứa dài 169 cây số với phí tổn lên đến 4 tỷ USD. Khi đập hoàn tất vào năm 2013 đập Xiaowan sẽ là đập cao nhất thế giới, với một chiều cao 300m tương đương một cao ốc những 100 tầng. Ngoài những chương trình đang khai thác bừa bãi không cần nghe ngóng tiếng thở than các nước anh em đang uống nước cùng một dòng sông Trung Quốc còn dự trù xây thêm ít nhất 5 cái đập khác nhằm cung cấp điện cho tỉnh Vân Nam, một vùng đất nghèo khó mà nhà nước Trung Quốc mong muốn phát triển. Ngoài ra, Trung Quốc đang xúc tiến mở rộng dòng sông để các tàu bè cở lớn có thể đi lại dể dàng bằng cách nạo vét đáy sông, các tảng đá ngầm & ghềnh thác trên khúc sông dài 300 km từ giáp giới Trung Hoa - Miến Điện đến Lào đã bất đầu bị phá hủy, khi hoàn tất công tác thì thương thuyền nặng hơn 100 tấn có thể đi từ cảng Simao – Vân Nam đến thương cảng các quốc gia lân bang.

Các chương trình khai thác của Trung Quốc thường xảy ra trong vòng bí mật, ít khi được công bố, còn cố che dấu những hậu quả tồi tệ về môi trường. Một cuộc khảo sát mới đây về hậu quả môi trường cửa chương trình mở rộng dòng sông Cửu Long đả bị Ủy Hội sông Mekong (Mekong River Commission) chỉ trích thiếu sót và nhầm lẫn của các công trình nêu ra. Ủy Hội gồm có 4 nước miền dưới : Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt-Nam, hai quốc gia miền trên : Trung Hoa và Miến Điện từ chối tham gia chính thức chỉ tham dự với tư cách quan sát viên.

Phía Trung Hoa luôn luôn tuyên bố : khai thác thủy điện và giao thông trên sông Cửu Long sẽ mang lại nhiều lợi ích cho các nước nằm vùng hạ nguồn; tác hại môi sinh & môi trường nằm ở mức độ thấp. Các đập sẽ giảm bớt lụt vào mùa mưa và nạn thiếu nước vào mùa khô. Mở rộng dòng sông sẽ tăng thêm giao thông giữa Trung Hoa với các nước láng giềng, mang lại thịnh vượng chung cho toàn vùng..... nhưng than ơi....

** Dòng "nước" đổi thay*:

Hiện tượng một con cá đuối, một loại nước cá mặn bỗng nhiên xuất hiện ở sâu nội địa đông bằng sông Cửu Long tai quận Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (năm 2000) đã làm cho nhiều khoa học gia lo ngại đây chỉ là dấu hiệu đầu tiên vùng đồng bằng Cửu

Long, mặc dù hiện đang bị lụt trầm trọng sẽ bị thiếu nước trong những năm tới vị bị nước biển xâm lấn, bờ biển bị xoi mòn, ngư nghiệp suy sụp, đất phù sa bị ô nhiễm giống như tình trạng ở Ai Cập sau khi đập nước Aswan được xây cất ngăn chận sông Nile khiến vùng châu thổ bị hủy hoại, số lượng tôm cá giảm .

Ngày 01 tháng 05 năm 2005 ngư dân huyện Chiang Khong vùng bắc Thái đã lưới được từ sông Mekong một con cá bông lau không lồ - Mekong "catfish" hay Pla Beuk - nặng 293 kg dài 2.7 mét, được coi là con cá nước ngọt lớn nhất thế giới. Ngư dân hy vọng có thể bán con cá này cho các nhóm bảo vệ môi sinh để cá được thả lại xuống sông nhưng cá đã chết và được chặt lát bán ra cho dân làng trong vùng.

Cá Pla Beuk chính thức được các nhà ngư học tây phương khảo sát từ năm 1930 (Chevey, 1931) , nhưng thực ra từ thế kỷ 19 (1881) Mc Carthy đã nhắc tới giống cá này trong cuốn du ký "Surveying and Exploring in Siam", có đoạn ông đã viết: *"tháng 6 là tháng rất bận rộn đối với ngư nhân Luang Prabang. Hầu như mọi ghe thuyền đều được mướn cho mùa đánh cá. Hai loại cá lớn được ngư dân lùng kiếm là Pla Beuk và Pla Rerm ...tôi đã giúp họ cân đo một con cá Pla Beuk nặng tới 170 pounds dài 7 ft, đường vòng bụng 4 ft 2 ins, cá không có vẩy, không răng đã được bán với giá 10 rupees, trứng cá có hương vị tuyệt ngon nữa. Cá Pla Beuk được lưới trong những tháng 6,7,8 khi cá ngược dòng sông. Cá xuôi dòng về khoảng tháng 11, chỉ còn thưa thớt một vài con lưới được khi mực nước xuống thấp."*

* Phía bắc Thái, cứ vào tháng 4 dân làng Had Kai huyện Chiang Khong có tổ chức ngày hội Pla Beuk, dân chúng tụ tập hai bên bờ đón xem các người chài lưới thiện nghệ chèo thuyền ra sông thử thời vận may kiếm lưới cá Pla Beuk.

* Ngư dân Lào thì kể rằng cứ vào tháng 4 – 5, đàn cá Pla Beuk rủ nhau bơi ngược dòng sông Mekong lên mãi tới hồ Nhĩ Hải cổ thành Đại Lý Vân Nam đẻ trứng, trước đó đoàn cá tụ hội ở vũng sâu Luang Prabang phía bắc Vạn Tượng để bầu chọn xem con cá nào sẽ tiếp tục bơi lên hồ xa, con nào sẽ ở lại hy sinh làm mồi cho ngư dân trong ngày Hội Pla Beuk. Ngư dân Lào – Thái đều tin rằng Pla Beuk là "linh ngư" năm nào bắt được Pla Beuk trên lưng nhiều vết đốm thì năm đó rất hên và sẽ lưới được nhiều cá; những năm gần đây thì ngày lễ Hội Pla Beuk kém vui vì ngư dân hiếm bắt được linh ngư và cả số lượng cá lưới được hàng năm càng ngày càng ít đi. Hai quốc gia Lào và Thái đều cho phát hành những con tem mang hình loại cá được xếp vào lớp linh thiêng : biểu tượng cho sự thanh khiết – cân bằng sinh thái của dòng sông và cũng là niềm hãnh diện cho quốc gia họ.

Một kỳ quan của sông Mekong, rất sớm từ tháng 06.1970, loại cá Bông Lau khổng lồ này đã được Thái Lan đưa vào danh sách có "nguy cơ" diệt chủng, nay cường độ báo động tăng lên thêm từ "nguy cơ" lên tới "cực kỳ nguy cơ" (critically endangered). Kể từ năm 2003 sau khi các cuộc khảo sát cho biết số lượng cá hiếm quý này đã giảm đi hơn 80% chỉ trong vòng 13 năm.

* Ngư dân xứ Chùa Tháp thì xem Pla Beuk như loại "cá vua" có tên khoa học : Pangasianodon Gigas do sự kết hợp cụm từ Pangasius + anodon = không răng. Là loại cá khổng lồ không răng, không vẩy, lưng màu đậm, bụng tròn sáng bạc, dầu phẳng + rộng với hai mắt rất thấp và không có râu - để phân biệt với các loại catfisch khác có râu. Cá quen sống trong các vũng sâu sông Mekong, ăn tạp; thức ăn gồm có cá nhỏ, sên ốc và rong tảo. Cá Pla Beuk lúc nhỏ có răng và tăng trưởng rất chậm, nhưng khi lớn lên hàm răng biến mất, sau đó lớn rất nhanh có thể nặng tới 200 kilô trong vòng 6 năm. Cá có thể lớn như con gấu với trọng lượng 300kg, dài đến 3 mét, rất mạnh với

hổn danh : "tàu hỏa dưới nước".

Zeb Hogan, nhà ngư học Mỹ thuộc UC Davis – qua sự bảo trợ của hai tổ chức có tầm cỡ quốc tế : National Geographic Society và World Wildlife Fund - phụ trách Dự Án Bảo Toàn Cá sông Mekong – chuyên nghiên cứu theo dõi chủng loại cá Pla Beuk. Hogan lập một mạng lưới thông tin liên lạc để mỗi khi ngư dân lưới được cá Pla Beuk thì họ báo ngay cho Hogan và nhóm làm việc với ông. Nhóm nghiên cứu đến ngay hiện trường bắt đầu ngay công việc khảo sát, cân, đo, lấy mẫu DNA rồi "đánh dấu" trước khi cho cá trở lại "dòng sông định mệnh". Dĩ nhiên họ phải mua cá để rồi để thả đi, giá con cá đã được đánh dấu sẽ mắc hơn khi nó bị ngư dân "tóm cổ" trở lại; khi khảo sát những con cá nằm trong nhóm sau này sẽ giúp Hogan lượng định tốc độ tăng trưởng : cân nặng và chiều dài, hướng đi và khoảng cách di chuyển xuôi ngược dòng nước của gia đình loại cá Pla Beuk mà cho đến bây giờ cái hiểu biết chỉ dựa trên các huyền thoại, sự phỏng đoán và cái "bệnh tòe loe" bằng truyền mồm có ít mà xít ra nhiều ..... mà cái mồm thì cứ la làng la xóm... y chang như câu chuyện "con cá sẩy là con cá to nhất" . Oái ăm thay trên các websites chính loài người đang kêu gọi góp tiền để cứu loại cá đang đi dần vào sự tuyệt chủng thì bên cạnh đó có những quảng cáo rầm rộ các chuyến du ngoạn để câu cá Pla Beuk, cách làm mồi cá thật hấp dẫn để lôi được cá lên bằng lưỡi câu bén nhọn do mồi cá thật ngon lành làm từ bột mì xay vụn thêm vị thơm của dâu, chuối, dừa và có cả vanille nữa.... Loại cá sắp tuyệt chủng này sẽ là món ăn thật ngon và béo bở cho những cái bao tử căng phồng của nhóm người ham ăn mà lắm tiền. Trong giới ăn nhậu thì cá Pla Beuk được xếp hạng vào những món ăn tuyệt ngon rất đắt giá.

Bên cạnh những thay đổi trên, các đập thủy điện đã gây nhiều thảm họa môi trường và kinh tế, ảnh hưởng đến đời sống của 60 triệu người sinh nhai vùng ở hạ lưu:

* Hàng năm lũ lụt thường xuất hiện từ tháng 6 đến tháng 10 làm thiệt mạng hàng trăm người, đa số là trẻ con vì thiếu chăm sóc của cha mẹ & người lớn đang phải vật lộn với cuộc sống. Các hồ chứa nước đã đầy quá mức, đập đã tháo bớt nước trong lúc mức nước đồng bằng Cửu Long đã tràn bờ làm gia tăng cường độ lũ lụt năm 2002 vừa qua làm tăng số người chết, thiệt hại mùa màng, nhà cửa vì lụt gia tăng ở Campuchia, Thái Lan và các vùng khác.

* Về mùa khô, mực nước xuống thấp vì nguồn nước chỉ nhờ các thác băng ở Tây Tạng và Vân Nam. Lưu lượng trung bình giảm từ 50.000m3/một giây trong mùa mưa xuống còn có 2.000m3/một giây trong mùa khô, kéo dài từ tháng 11 đến tháng 5; nếu các đập vùng thượng nguồn không chịu tháo nước vì hạn hán hay thiếu nước thì hậu quả vùng hạ nguồn vô cùng trầm trọng : nước sẽ bị nhiễm mặn, ruộng đồng nhiều nơi sẽ bị bỏ phế vì sự xâm lấn của nước mặn hay nạn thiếu nước dể trồng trọt.

Ngoài việc thay đổi mực nước và chu kỳ tự nhiên của dòng sông, các hồ chứa ở các đập sẽ giữ lại phù sa, thiếu nước và phù sa (cơ nguy có thể giảm đến 50%) sẽ gây nên ruộng đồng khô cằn và bớt phì nhiêu, mức độ sản xuất lúa gạo của đồng bằng sông

ffw.mrcmekong.org/south.htm.
updated on Monday, April 30, 2007 11:12
(this map show the location and the status of various hydrological stations)

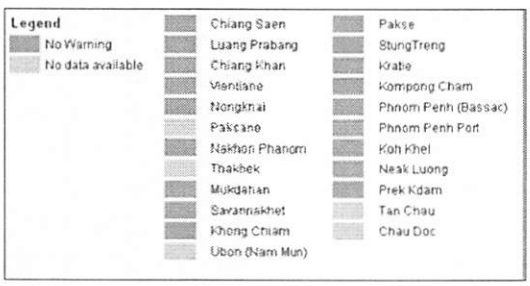

Cửu Long sẽ giảm xuống thấp, đây là vựa lúa cho cả nước Việt-Nam có khả năng đưa đến nạn đói kém. Năm 1997, Trung Quốc đã khóa nước sông trong vòng 4 ngày để tiến hành việc xây đập, các chuyên gia thế giới cho biết đã thiệt lại 100.000 USD / mỗi ngày ở Viêt-Nam. Một điểm quang trọng nửa là trong lúc ruộng đồng hạ nguồn thiếu phù sa thì các đập ở Vân Nam sẽ bị tràn ngập. Cường độ phù sa trôi vào đập Manwan đã tăng gấp đôi so với dự tính ban đầu. Một trong những lý do để các nhà lảnh đạo Trung Quốc la làng la xóm & biện hộ xây thêm đập Xiaowan, được xây phía trên đập Manwan với dụng ý là giảm mức độ phù sa tấp vào đập Manwan. Theo kinh nghiệm.....rồi đập Xiaowan + các đập khác cũng sẽ ngập vì phù sa trong vài thập niên tới mà thôi. Hậu quả là các hồ chứa nước sẽ trở thành những bãi sình lầy vĩ đại và vô dụng. Các chuyên gia dự tính các đập này trung bình có thể hoạt động trong vòng 20 năm so sánh với ước tính ban đầu là 70 năm. Tháng 11. 2000 Ủy Hội Các Đập Thế Giới (World Commission on Dams) đã đưa ra một nhận xét : đa số các đập thủy điện lớn trên thế giới đã không mang lại một lợi ích kính tế nào nếu đem so sánh với phí tổn xây cất, số người dân phải di cư ra khỏi vùng thêm vào đó ảnh hưởng đến môi trường.

Một kinh tế gia đã tiên đoán là trong thế kỷ 21 các cuộc tranh chấp quân sự, chính trị sẽ diễn ra vì lý do thiếu nước chứ không phải vì năng lượng. Những quốc gia nào chiếm được thượng nguồn của các con sông lớn sẽ làm chủ vận mệnh những nước ở phía dưới, lấy thí dụ như Thổ Nhỉ Kỳ nhờ làm chủ hai con sông Tigris – Euphrates nên đã xây 24 đập nước để tưới ruộng cho vùng Đông Nam

Anatolia của Thổ khiến hai nước Syria và Iraq sẽ chết khát hoặc phải đầu hàng Thổ bằng cách đem xăng dầu ra đổi. Ấn Độ dùng nước sông Hằng để ăn hiếp Bangladesh; cuộc nội chiến ở Sri Lanka cũng vì lý do phân chia đập nước ở Trincomalee không đồng đều; Do Thái thì xây đập lấy nước sông; Jordan và Syria trả đủa lại bằng cách xây đập trên sông Yarmuk....

ffw.mrcmekong.org/south.htm.
updated on Monday, April 30, 2007 11:12 (this map show the location and the status of various hydrological stations)

Đập gương tìm bóng.....

Tháng 04. 2006 tôi đứng bên bờ sông tại Luang Prabang, đang mùa nước cạn nhìn đám trẻ tắm lội tung tăng trong dòng nước chảy nơi tiếp cận 3 quốc gia : bên kia bờ sông là Thái Lan, phía sau lưng là quê hương Việt-Nam chỉ cách dãy núi Trương Sơn uy dũng chục cây số, chân tôi đang đứng vững trên phần đất của vương quốc Lào. Ngậm ngùi hồi tưởng sau ngày thất thủ kinh đô vào đêm 4 rạng ngày 5 tháng

07 năm 1885 (tối 22 rạng sáng 23 thắng 05 năm Ất Dậu) nhóm con cháu nhà Nguyễn Phước men theo dãy núi hùng vĩ trên đường cứu nước trong phong trào Cần Vương do Tôn-Thất Thuyết lảnh đạo, cũng trong đám rừng rậm ẩn khuất Tôn-Thất Liệt, Tôn-Thât Đạm, Tôn-Thât Tiệp và các nghĩa sĩ Cần Vương đã chọn cái chết hiển thánh cho tổ quốc Viêt-Nam.

Vào đầu tháng 04. 1975 tại Luang Prabang cả Vua Cha và Thái tử kế nghiệp cũng bị nhóm người bí mật dẫn đi rồi mất tung tích cho đến ngày nay.... để rồi chấm dứt một triều đại vua chúa Quốc Vương Lào, một dân tộc hiền hòa và mộ đạo. Cung điện nhà Vua trước đây đã trở thành một nhà ngủ rông rãi đón du khách khắp bốn phương cũng là phương triện sinh sống cho Hoàng Hậu và đám con cái.

Bến cũ lâu đài bóng tịch dương.....

Đám con rồng cháu tiên trên giải đất mẹ Việt-Nam được nuôi dưỡng từ ngàn xưa bằng huyết mạch của Cửu Long giang và sông Hồng Hà. Hai con sông như hai dòng sửa đổ xuống hai vựa lúa của hai đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long để nuôi sống đàn con Việt hiện đang bị nhóm lãnh đạo Trung Quốc bóp nghẽn dần vì quyền lợi riêng.

Sông Cửu Long đang bị bức tử vì những đập nước ở Vân Nam thì con sông Hồng hiện cũng đang bị chẹt cổ bởi những đập nước bậc thềm ở Mông Tự, Hạ Khẩu....

Trường Sơn đang bị nạn phá rừng phá rẩy , không có một chương trình cụ thể ... Trường Sơn ơi, xương sống của Mẹ Việt-Nam cũng đang bị chính con của Mẹ cũng vì miếng cơm manh áo manh tâm phá hoại.

Cột xương sống của Mẹ đang thoái hóa dần, Hai vú của mẹ Viêt-Nam đang cạn dần dòng sửa vì lũ người ngoại bang cố tình bóp chẹt, Thân hình của Mẹ bị bọn láng giềng manh tâm cưởng chiếm.

Mẹ còn sống bao năm nữa ????.

◆ ***Tôn-Thất Hứa***

NEPAL: Đất Phật, tình người

GS-TS Phạm Văn Hường

Nepal là miền đất Phật, vùng đất huyền bí, nơi đạo Phật trải qua những thăng trầm lịch sử. Nepal cũng rất quyến rũ bởi chính những con người Nepal hiền hòa, vị tha.

Cho đến những năm gần đây, Lumbini – nơi Phật Thích Ca chào đời, chỉ là nơi rừng đồi không nhà cửa. Xa xa có đôi gia đình nghèo đạo Hồi, không có một Phật tử.

Từ ngày những nhà khảo cổ phát hiện ra một nền gạch gần cái ao mà tục truyền là nơi bà Maya Devi đã tắm trước khi sinh ra Siddartha từ hơn 25 thế kỷ trước, và nhất là từ khi tìm lại được cột bia cao 6 mét ghi lời dạy của Phật mà đại đế Ashoka đã cho dựng năm 245 trước Công nguyên khi ngài đến hành hương nơi đây, sự chú ý về nơi sinh của Phật đã tăng lên gấp bội.

Trong chuyến đi thỉnh kinh, Fa Hsian người Trung Quốc đến đây năm 403 sau Công nguyên và ghi chép lại rõ ràng trong ký sự hành trình của ông.

Lumbini nay thuộc xứ Nepal, cách biên giới phía Bắc Ấn Độ khoảng 5 km. Tuy thế khái niệm biên giới không có ý nghĩa đối với một tôn giáo hay một triết lý. Hiện nay, những tổ chức Phật tử tứ phương đang xây nhiều chùa kỷ niệm ở đây. Xây chùa nhưng sau đó không mấy ai thường xuyên cư ngụ.

Thuở xa xưa ấy có chăng đi nữa là nhiều tiểu vương quốc lễ lạt chung với nhau như láng giềng và Siddartha đã ra đời trong một tiểu vương quốc ấy. Từ Lumbini đi về phía Bắc, đường đi khó khăn, trước khi đến Pokhara cao độ chừng 900 mét. Phía Nam hướng về một đồng bằng Ấn Độ phì nhiêu cho đến Varanasi mà sau này khi thành đạo, Phật đã thuyết pháp lần đầu tiên trong vườn nai Sarnath.

Những cột bia Ashoka

Tôi có tìm thăm hai lần Sarnath, đã thấy

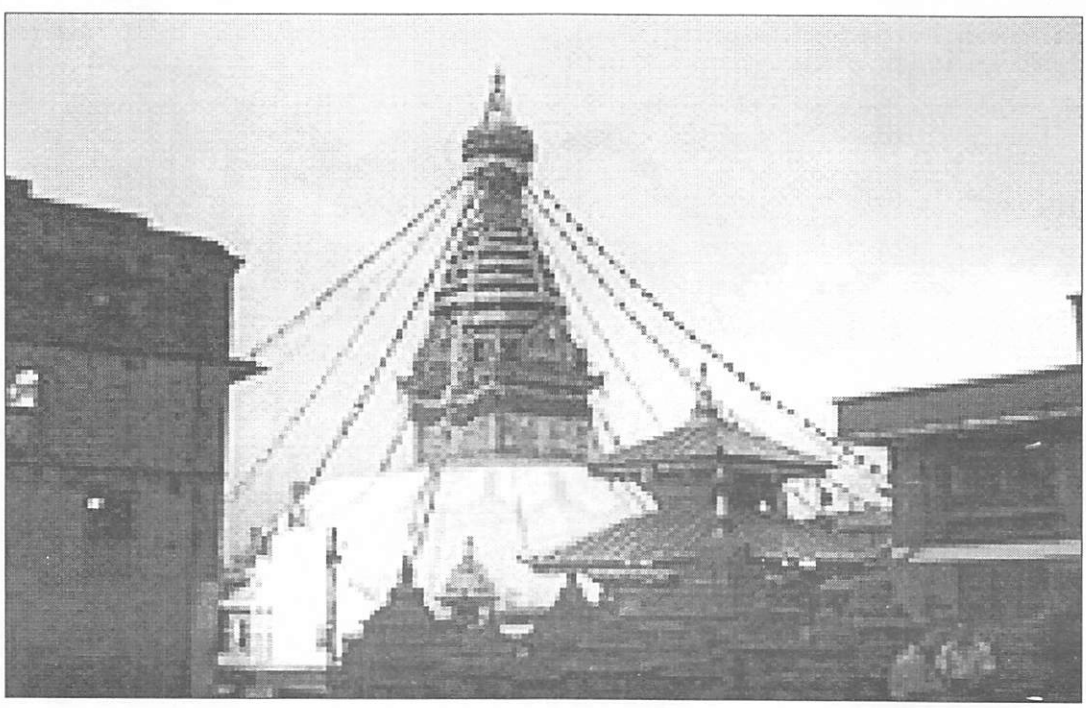

Tháp chùa Phật ở Nepal

được cột bia Ashoka ở đây, cũng như ở Orissa, ở Delhi, ở gần Peshawar, Pakistan và nhiều nơi khác. Những cột bia và tảng bia Ashoka rất quan trọng vì đó là dấu vết xưa nhất khắc chữ nhiều thứ tiếng về lời Phật dạy. Còn theo tục truyền rằng sách viết về đạo Phật từ ngay sau khi Phật nhập niết bàn thì không thấy có trước Ashoka. Vậy Ashoka là ai?

Lịch sử nói rằng đại đế Ashoka đánh trăm trận trăm thắng, đã thống nhất từ thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên một phần lớn Ấn Độ, Pakistan và Trung Á. Khi chiếm được vùng Orissa, Đông Ấn Độ, ông lên trên đồi Kalinka, từ đó nhìn xuống ruộng đồng chung quanh ngập đầy máu đỏ. Đứng trước cảnh tượng ấy, Ashoka giật mình và ý thức được rằng những chiến thắng của mình đều vô nghĩa. Và trong giây phút đó đại đế Ashoka nguyện trở thành một Phật tử.

Tôi có tìm leo lên ngọn đồi đó, thấy chung quanh đầy ruộng đồng xanh mượt. Trên đồi có lập một ngôi chùa thờ Phật. Vì sự cạnh tranh, sau này có một đền Hindu giáo lập lên cạnh đó, chỉ thấp hơn một chút.

Tất cả gia đình Ashoka đều theo đạo Phật. Vợ và con có đi truyền đạo ở Sri Lanka và Đông Nam Á gần đất Phù Nam sau này.

Những tháp chùa trong thung lũng Kathmandu

Nepal đã được hân hạnh có Lumbini là nơi sinh của Phật. Tuy ở đó hiện nay không có Phật tử, nhưng ở Nepal cũng như ở Ấn Độ, Phật giáo đã có những thế kỷ huy hoàng.

Những kiến trúc đồ sộ của các chùa tháp Phật ở Bodhnath và Swayambhunath trong thung lũng Kathmandu, tuy có nhắc lại vòm hình bán cầu của chùa Shansi miền Trung Ấn Độ, nhưng có thêm tháp độc đáo của nghệ thuật kiến trúc Nepal. Lịch sử Nepal rất lu mờ, nên không cho phép khẳng định những chùa này đã được xây dựng bao giờ, có lẽ là trước thế kỷ thứ 10. Điều chắc chắn là từ thế kỷ thứ 13 đến thế kỷ thứ 15, nhiều vị vua của triều Malla tôn sùng Phật đạo.

Phật giáo Tây Tạng hay Lama giáo

Nepal còn có nhiều chùa, trong đó trang trí và nghi lễ rất giống Phật giáo Tây Tạng. Tông giáo này không là Phật giáo thuần túy, mà là một nhánh mang nhiều ảnh hưởng của Hindu giáo, kể cả thân tu.

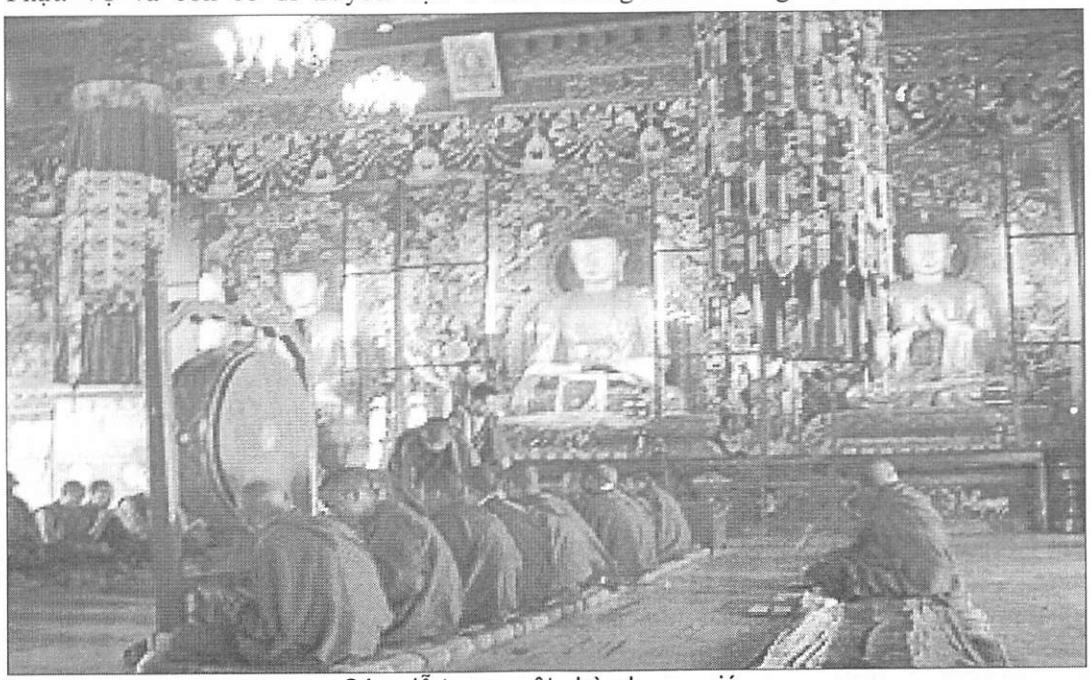

Cúng lễ trong một chùa Lama giáo

Cây anh túc mọc đầy đồng Nepal

Phật giáo Tây Tạng nhận ảnh hưởng tông Đại thăng Mahayana. Tông này năm thế kỷ sau khi Phật nhập tịch, đã tạo nên chư Phật, chư Bồ Tát (Boddhisattva). Tuy thế, theo Đại thừa, Bồ Tát là người tu thành và độ chúng; trong Phật tông Tây Tạng, Bồ Tát là thân tái sinh của một Bồ Tát mà chúng ta có thể gọi là nguyên thủy, như Quan Âm Avaloki-teshvara.

Ảnh hưởng đậm đà của Hindu giáo, nhất là của thân tu lại pha thêm phần dục ái. Nếu như trong phái lớn mũ đỏ, các lama được bình thường lập gia đình, trong đạo như ngoài đời, thấy cũng không lạ lắm. Mà khi trong điện thờ còn có tượng nữ nhân Tara tác động giao cấu yab-yum với vị Rinpoche thì càng xa kinh sử. Còn trong những ngày đại lễ, trưng bày trước chùa, từ mái ngói xuống tới sân một tranh thangka rộng 6 mét, dài 20 mét mang hình yab-yum giao cấu ấy thì thật quá xa lời Phật dạy. Thú thật là tôi hay tìm hiểu, nhưng đứng trước bức thangka như thế, trong lòng tôi có phần áy náy. Nhiều sử gia tôn giáo đã đề nghị vẫn tôn trọng tín ngưỡng này, nhưng không nên dùng danh từ "Phật giáo Tây Tạng" mà nên gọi là "Lama giáo".

Hindu giáo

Khi nói có nhiều ảnh hưởng từ Hindu giáo (Ấn Độ giáo), chúng ta cũng nên tìm biết Hindu giáo là gì. Nepal là một điểm dừng trên con đường đi Tây Tạng từ Ấn Độ. Nepal cũng là nước độc nhất nhìn nhận Hindu giáo là quốc giáo. Tôn giáo đa thần này có từ nhiều thế kỷ trước Phật Thích Ca.

Những vị thần chính là Brahma, Vishnu và Shiva. Mỗi vị đều có vợ, người hay tác động trong liên hệ tạo thành vũ trụ. Tín đồ phải thực hành theo các tục lệ: cúng dường, thiêu xác người chết và giữ tục giai tầng xã hội. Hạng Brahmin là các tu sĩ, hạng Kshataiya là quan quân, và còn ba hạng nữa. Đức Thích Ca xuất phát từ hạng Kshataiya này, nhưng hoàn toàn phủ nhận những hàng cấp xã hội. Ở Ấn Độ còn có thân đạo, xem thiền là một lối giải thoát bằng giác ngộ trí tuệ, nhờ chế ngự bản thân; không cần học nhiều kinh kệ. Có phái tìm khoái lạc trong những tư thế dị thường: điều này hơi đi xa trung đạo.

Như thế, không lạ gì ở một nước như Nepal mà Hindu giáo chiếm đến gần 90% tín đồ, không ít thì nhiều đã có ảnh hưởng đậm đà trên những tôn giáo khác. Phật giáo ở đây tuy ít tín đồ, nhưng rất mạnh trong văn hóa nghệ thuật. Vì sự quan trọng đó mà Giáo hội Hindu đã xem Phật Thích Ca như hiện thân thứ 9 của thần Vishnu, một trong ba vị thần cơ bản của tôn giáo họ. Điều này không Phật tử nào chấp nhận nhưng đã giúp đại chúng sống hòa bình với nhau. Cũng không lạ gì khi thấy trong các chùa đền, cùng chen lẫn nhiều biểu tượng của cả hai tôn giáo.

Người Nepal rất vị tha

Nepal quyến rũ. Không những chỉ vì những đỉnh núi cao, mà còn vì nền văn hóa kỳ bí bao trùm cả Bụt đạo và Hindu giáo. Yếu tố nhân bản với con người hiền hòa cởi mở, làm họ sống rất vị tha. Cử chỉ dâng tặng của con người gần như đã mất dần trong thế giới ngày nay. Nhưng nơi đây mỗi sáng sớm, nhiều thiếu phụ vừa đi vừa tung vãi ra những tai hoa vàng hay những hạt gạo quanh các am nhỏ hay điện chùa.

Họ sẵn sàng chia sẻ món ăn họ có mặc dầu họ nghèo. Chính lòng vị tha ấy, trong những năm 1970 nhiều nam nữ Tây phương đến đây không chỉ vì cây anh túc mọc đầy từ Kathmandu đến Pokhara, mà vì người Nepal hiếu khách và rất đáng yêu.

◆ *GS-TS Phạm Văn Hường*

Môi sinh trong kinh A Di Đà

Thái Công Tụng

1. Nhập đề.

Trong rất nhiều kinh Phật, thiết nghĩ Kinh A di Đà đề cập đến môi sinh nhiều nhất và liên hệ giữa môi sinh và cõi Cực lạc.

Thực vậy, hãy ghi dưới đây vài đoạn chính trong kinh:

' Lại còn đây nữa, ông Xá-lỵ-phất, nước Cực lạc có 7 trùng lan can, 7 trùng màn lưới, 7 trùng hàng cây, những trùng trùng đó bằng 4 ngọc báu, vây bọc xung quanh, thế nên nước kia gọi là Cực lạc.

Lại còn đây nữa, ông Xá-lỵ-phất, cõi Cực lạc có hồ ao bảy báu, nước tám công đức tràn đầy trong ấy. Lại lấy cát vàng trải khắp đầy ao . ...Hoa sen màu xanh toả ánh sáng xanh, hoa sen màu vàng tỏa ánh sáng vàng, hoa sen màu đỏ toả ánh sáng đỏ, hoa sen màu trắng toả ánh sáng trắng, các hoa sen ấy có những hương vị thanh khiết vi diệu . Này Xá-lỵ-phất, cõi nước Cực lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế !

Lại còn đây nữa, ông Xá-lỵ-phất, nước kia thường có đủ các giống chim, màu sắc lạ đẹp, như chim bạch hạc, khổng tước, anh vũ, cùng chim xá-lỵ , ca-lăng-tần-già và chim cộng mệnh. Các giống chim ấy, ngày đêm sáu thời, hót tiếng hoà nhã . Trong những tiếng ấy diễn tỏ diệu pháp: năm căn, năm lực, bảy bồ-đề-phận, tám thánh-đạo-phận. Những diệu pháp ấy, chúng sinh cõi này khi nghe được rồi, hết thảy đều niệm: niệm phật, niệm pháp, niệm tăng. Này Xá-lỵ-phất, cõi nước Phật kia, gió hiu hiu thổi, rung các cây báu cùng những lưới báu phát ra những tiếng êm dịu nhiệm màu,như trăm nghìn nhạc đồng thời trỗi lên.

Ai nghe tiếng ấy, tâm tự nhiên sinh: niệm phật, niệm pháp, niệm tăng. Này Xá-lỵ-phất, cõi nước Phật kia thành tựu công đùc trang nghiêm như thế !

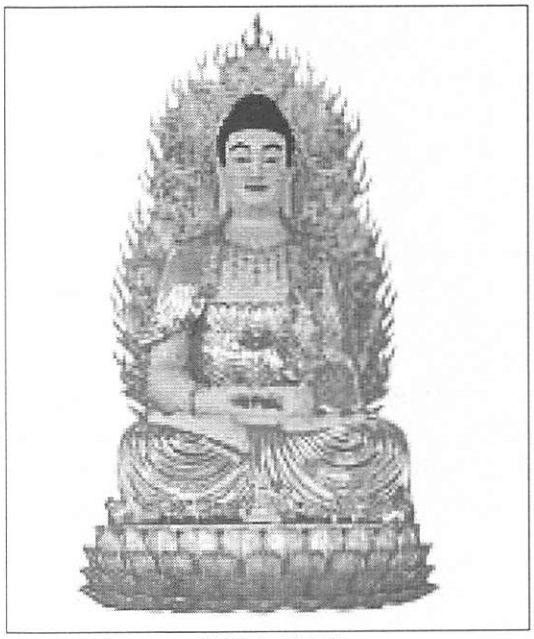

Phật A Di Đà

Lại còn đây nữa, Xá lợi phật ơi, nước kia thường nghe lưng trời hoà nhạc, mặt đất thuần vàng, ngày đêm sáu buổi, hoa Mạn đà la, rắc xuống như mưa . Chúng sanh nước kia, thường ngày sáng sớm, đều lấy vạt áo, đựng các thứ hoa, mầu thơm đẹp lạ, đi cúng phương xa, mười muôn ức Phật; chỉ trong giờ ăn, lại về ngay nhà, cơm xong đi dạo .

2 . Nhưng trước tiên, phải hỏi thế nào là môi sinh?

Đó là môi trường quanh ta sinh sống. Nó gồm có:

a/ **thạch quyển** tức lớp đá sâu trong lòng đất. nó cũng giúp cho loài người các nguyên liệu kỹ nghệ hay dùng vào năng lượng (dầu hoả, than đá) .

b/ **thổ quyển**, nghiã là đất mẹ nuôi dưỡng ta để sản xuất lương thực, đất mẹ trên đó là rừng, mà rừng thì có nhiều loại, tùy vùng khí hậu, từ rừng già nhiệt đới đến thảo nguyên 'cỏ non xanh tận chân trời'. Rừng với hiện tượng quang hợp, hút các

chất CO2 và nhả ra chất oxy rất cần cho không khí và cung cấp gỗ:

Chính ta đã rước người vào cuộc thế
trong chiếc nôi âu yếm mẹ đưa ru,
Và ta sẽ tiễn người khi tiễn biệt làm áo
quan ấm áp giấc ngàn thu.

Chưa kể rừng đã tác động trên các yếu tố thủy văn, thủy lợi, thổ nhưỡng, vi khí hậu (microclimat):

để ta sống ta ngăn luồng vũ bảo, chận
cát bay làn gió bốc tung trời
để ta sống ta đùn mây quyện gió, đem
mưa tuôn đầm ấm cõi trần gian

Muốn có lương thực thì nông nghiệp ngày nay sử dụng phân hoá học, thuốc sát trùng làm nguồn nước bị ô nhiễm

c/ thủy quyển vì nhờ có tài nguyên nước, mới có nước ta uống, có ruộng tôi cày, có nước mơi trồng cây lương thực, mới chạy các nhà máy thủy điện. Trong thủy quyển thì ngoài số lượng, ta còn để ý đến chất lượng nữa vì nước có chổ thì nước ngọt ở sông suối hồ ao, có chổ nước mặn ở biển cả, còn tiếp giáp giữa nước ngọt và nước mặn thì có vùng nước lợ, nơi các loại thủy sản như tôm, cua, sinh sống.

d/ **sinh quyển**. Giữa khí quyển và thổ quyển là các loài sinh vật trong đó có loài người và các động vật khác như thú nuôi, thú rừng, chim muông ..ta gọi là sinh quyển

e/ **khí quyển** tức các khí trời như oxy và nitơ, nhờ đó ta có không khí ta thở . Không khí đó càng ngày càng bị ô nhiễm vì khói xe cộ, vì khói nhà máy. Các đô thị lớn thì xe cộ chạy kẹt đường sá, xây hết freeway này đến highway kia mà vẫn kẹt xe, chưa kể tai nạn lưu thông cuối tuần hay các dịp nghỉ hè . Khói nhà máy, khói xe hơi chứa nhiều chất CO2 gây nạn mưa axit, làm đất bị axit hoá .

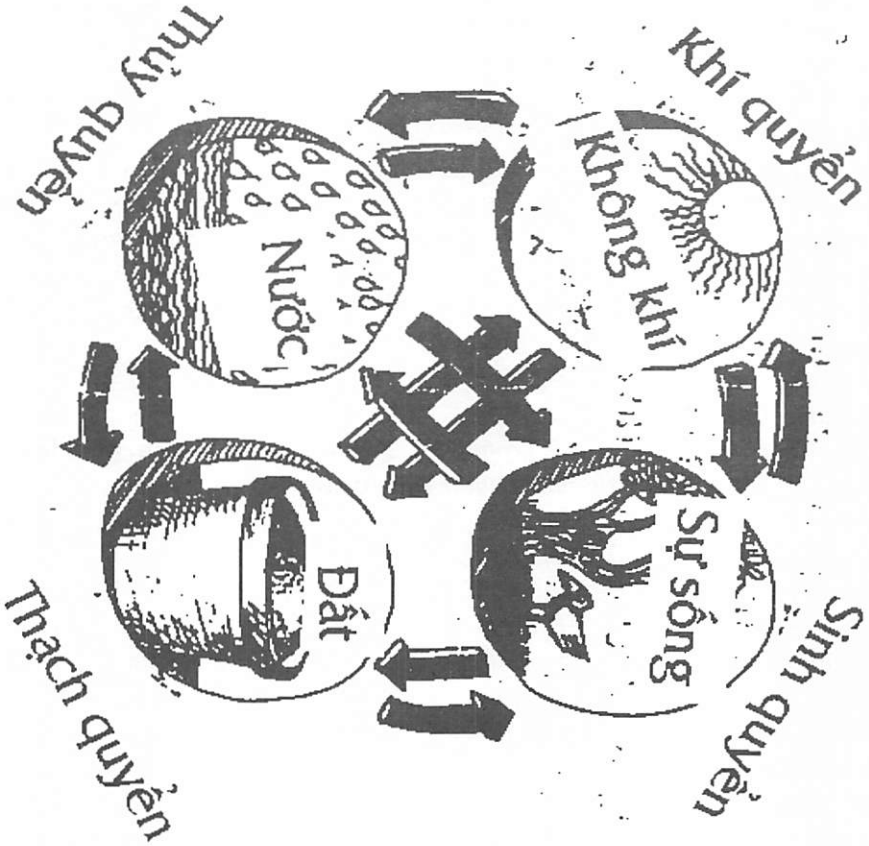

Ảnh hưởng qua lại giữa
các yếu tố môi sinh

Khí quyển, thủy quyển, thạch quyển, thổ quyển, sinh quyển không phải là những thực thể đơn độc mà có tác động qua lại :mỗi sự thay đổi của một cái trong 5 tác nhân trên đều tác động trên cái kia.

Ví dụ:

a/ rừng bị chặt phá trên thượng nguồn đều tác động trên thủy quyển (nước mặn xâm nhập, lụt lội), trên thổ quyển (xói mòn đất, chuồi đất, đất màu bị mất đi)

b/ khói nhà máy, khói xe cộ chứa nhiều chất lưu huỳnh, chất chì .. gây ô nhiễm trên khí quyển, tạo nên mưa axít làm hại thổ quyển (đất đai bị axít hoá) và thủy quyển (hồ ao bị axit nên cá bị chết)

c/ thạch quyển cung cấp cho loài người than đá, các nguyên liệu và những hầm khai thác lộ thiên làm các hầm này trở thành những ao tù nước đọng, mất đi đất đai trồng trọt.

Như vậy rõ ràng là mọi thực tại đều phụ thuộc lẫn nhau, ảnh hưởng lẫn nhau. Trong vũ trụ, không có chủ thể, không có khách thể tồn tại một cách độc lập và cũng không có sự tách biệt giữa thế giới người và thế giới sự vật.Vạn vật tạo thành một nhất thể .

3. Các yếu tố môi sinh trong kinh A di đà

Trong kinh A di đà, chúng ta nhận thấy có rất nhiều yếu tố môi sinh như: cây cỏ, chim muông, nước.. Trong kinh này, chất lượng của môi sinh cũng được đề cập đến, như chẳng hạn nước.

Ai cũng biết ngày nay, nước nhiều nơi bị ô nhiễm: nước mặn, nước bẩn..trái lại trong kinh này, nước có tám công đức:

Lặng trong, khác nước vẩn đục

Man mát, khác nước lạnh qúa, nóng qúa

Ngon ngọt, khác nước mặn qúa, nhạt qúa

Mềm mhẹ, khác nước nặng chìm

Đượm nhuần bóng láng, khác loại nước ô nhiễm

Yên ổn hòa nhã, khác nước chảy mau và dữ tợn

Trừ cơ khát, khác thứ nước sinh ra lạnh bụng

Nuôi lớn mọi căn, khác nước làm tổn hại mọi căn, rối loạn tăng bệnh

Ao 7 báu: vàng, bạc và 5 thứ ngọc có 5 màu: lưu ly, pha lê, xà cừ, xích châu, mã não

Hoa sen nhiều màu, ở đây chỉ nói qua 4 màu thôi. **Bốn chữ**: 'Vi, Diệu, Hương, Khiết' là tán thán 4 đức của hoa sen: hoa chỉ có chất mà không có hình nên gọi là vi; các hoa giao chập vào nhau, không hề chướng ngại nên gọi là Diệu, hoa không có bụi trần nên gọi là Khiết; còn chữ Hương là mùi thơm.

Năm căn (năm căn bản):

Tín căn: tin các pháp chánh đạo và các pháp trợ đạo

Tinh tấn căn: thực hành các pháp thiện về chánh đạo và trợ đạo

Niệm căn: chỉ nghĩ đến các pháp thiện về chánh đạo và trợ đạo, không nghĩ đến pháp nào khác nữa

Định căn: thu nhiếp tâm mình vào trong các thiện pháp về chánh đạo và trợ đạo, không cho tán loạn

Tuệ căn: làm mọi thiện pháp về chánh đạo và trợ đạo và quán tướng 4 Diệu đế: Khổ, tập, diệt, đạo.

Lưng trời hoà nhạc, mặt đất thuần vàng:

Âm nhạc của trời đất ở trên lưng chừng hư không là **Thanh trần**. Mặt đất thuần vàng là **Sắc trần**. Các thứ hoa là **Hương trần** và **Sắc trần**. Các món ăn là **Vị trần**. Đựng hoa đi cúng Phật, tung hoa và đi dạo chơi là Xúc trần. Đây là Phật Thích Ca nói về 5 căn của chúng sanh đối với 5 trần của mọi vật để mà hưởng thụ mọi cái vui.

Như vậy trong kinh A di đà, ta thấy mỗi yếu tố môi sinh đều chuyên chở những thông điệp khác nhau, mang theo ý nghĩa tâm linh.

Giãy núi Himalaya, với rừng núi bao la, với những loài chim góp nhạc về trời, với những giòng suối nước chảy huê trôi, mãi mãi vẫn là một miền thần bí, ắt hẳn đã tác động trên suy tư của chàng thanh niên Tất

đạt đa xưa kia; trên nền trời bình minh của tâm trí, giãy núi Himalaya đã ghi dấu ấn của những người từ bỏ thế tục để tìm kiếm và thực hiện cao vọng tìm mục đích tối hậu của đời người. Cũng nhờ sự u trầm của rừng núi mà tư tưởng mới thiền định được và dưới bóng cây Ngài ngồi thiền,- cây bồ đề cũng là môi sinh-, ngài đã đạt đến cái nhìn minh triết đối với vấn đề đau khổ của con người . Theo đức Phật thì nguyên nhân dẫn đến đau khổ con người nằm ngay trong bản thân con người .

Mà các nguyên nhân của đau khổ- chữ đau khổ là do chữ dukkha phiên âm ra!- đều do **Vô Minh,** căn nguyên xúc phát của mọi dục vọng . Dục vọng phụ thuộc vào cảm giác tức **Thụ** mà sự xuất hiện của cảm giác lại phụ thuộc vào sự tiếp xúc giữa 6 căn với 6 trần: **sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp** tức Xúc. Những sự tiếp xúc đó lại phụ thuộc vào 6 căn năng như **mắt, tai, mũi, lưỡi, thân thể, cơ quan tinh thần** còn gọi là lục nhập và lục nhập lại phụ thuộc vào danh sắc và danh sắc phụ thuộc vào bào thai sinh thành trong bụng mẹ do có **Thức**. Tâm thức phụ thuộc nghiệp lực của qúa khứ tức **Hành** hay hành động tạo nghiệp mà cái này là do ở sự mê muội tức **Vô minh**.

Trong câu Kiều:

Ma đưa lối quỷ đưa đường,

ma tức là ma quỷ, là vô minh

Phá vỡ yếu tố Vô Minh bằng trí tuệ hầu diệt được các ô nhiễm tâm linh thì trạng thái niết bàn tự nhiên hiện đến, rực rở như mặt trời ngay trong chính tâm ta .

4. Còn vấn đề môi sinh ngày nay thì sao?

Hiện nay, nhiều vấn nạn môi sinh xảy ra ở mọi nơi: phá rừng, ô nhiễm nước, sa mạc hoá, sói mòn đất, nhiều cây cỏ, chim muông, thú vật càng ngày càng biến mất, hoàn toàn xa dần các yếu tố môi sinh, phá hủy các sinh hệ trên Trái Đất.

Phá hủy thiên nhiên là phá hủy luôn con người vì con người sau những giờ làm việc suốt tuần cũng cần có không khí trong lành, nghe lại tiếng chim muông, tiếng suối reo, mặt trăng lên, nhìn mặt trời lặn,để tìm chất lượng của đời sống (life quality) để có chỗ giảm bớt căng thẳng vốn là một nhân tố giết người nhiều nhất (stress killer)

Cuộc cách mạng khoa học kỷ thuật hiện nay như mạng lưới thông tin, như đô thị hoá, như vệ tinh nhân tạo, khiến cho cuộc sống vật chất đầy đủ hơn xưa :điện khí hoá, cơ giới hoá, thông tin liên lạc dễ hơn bội phần nhưng với đô thị hoá như hiện nay, các mối liên lạc giữa người và người vốn bền chặt trong đại gia đình xưa kia càng ngày càng lỏng lẽo, con người sống trong bốn bức tường, trải thêm mùa đông dài lê thê không ra đường khiến sự sống lại càng đơn côi thiếu tình thương của người đồng hương và đồng loại ; tóm tắt người ta gặp khủng hoảng về bản thể , về khung cảnh văn hoá và tình cảm và ý nghĩa cuộc sống .Nhà văn **Andrei Makine,** vừa đoạt giải thưởng Medicis và Goncourt có nói văn minh Tây phương hiện nay là một nền **văn minh của bản hữu** (civilisation de l'avoir) còn **văn minh cổ điển** (Đông Phương) là một nền văn minh của bản thể (civilisation de l' êtrе). Nói khác đi, dù cuộc sống vật chất có đầy đủ trong nền văn minh Tây phương hiện nay nhưng vẫn thiếu một khoảng trống của linh hồn. Nhà thờ, giáo đường hiện.nay tràn ngập bởi những vấn nạn như trên. Thất nghiệp, nghiện ngập, xì ke, ma túy ở học đường, tội phạm thiếu nhi, không biết bao nhiêu là vấn đề xã hội .

5. Đạo lí môi sinh

Sự tăng trưởng và phát triển của thế giới ngày nay cũng như huy chương 2 mặt: một mặt là sự phát triển kỷ nghệ, phi trường, khách sạn, gia cư, hải cảng ..nhưng đằng sau là mặt trái của huy chương như sự sa mạc hoá, sự ô nhiễm của không khí, của tiếng động, của nước uống.

Đạo lý môi sinh nêu lên vấn đề chính là trách nhiệm. Ngày nay, với khoa học kỷ thuật, con người đã làm lùi lại ranh giới của sự hiểu biết trên mọi lãnh vực nhưng sự tiến bộ kỷ thuật lớn lao ấy phải đi đôi với sự tiến bộ của lương tâm. Suy ra cho cùng, cần có một hệ thống các giá trị để giúp loài

người phân định được cái nào là cần thiết và cái nào thực sự không cần thiết. Chẳng hạn, biết rằng phần lớn các bệnh hoạn không phải chỉ có uống thật nhiều thuốc để trị bệnh mà thể dục, sự thư giãn, môi sinh, ăn uống cũng góp phần vào sự lành bệnh. Tóm lại, sự tiến bộ khoa học kỷ thuật, nếu không có một hệ thống qui chiếu về qui luật sẽ tạo ra một khủng hoảng về các giá trị .

Nhìn về Việt Nam, nạn phá rừng trên nguồn đã gây ra nhiều hậu quả tiêu cực: các loài chim muông không nơi trú ẩn, đất đai thì đồi trọc không cây cối nên cằn cỗi dần mòn. Chợt nhớ về lời ca một nhạc sĩ nọ:

Giọt nước mắt cho đất, đất cằn cỗi bao năm

Giọt nước mắt cho cây, cây ngã trên non

Giọt nước mắt cho chim, chim bỏ xa rừng

Ôi dòng nước mắt chảy hoài, dòng nước mắt đời đời, giọt nước mắt thương ai. Ôi, dòng nước mắt trong tim chảy lai láng vào hồn ..

Nguyên nhân sâu xa là một vấn đề văn hoá: khi phân tích nhu cầu và các khả năng căn bản của con người, ta thấy ngay là cái gì quý giá nhất đều không thể mua được. Ta không thể mua sức khoẻ bằng tiền (vua Iran chết vì ung thư và nhà vua không nghèo!) Tinh thần, đạo lý, sự an bình của tâm hồn không thể mua được. Tạo vật cũng không thể mua được.!

Ta không thể mua cảnh mặt trời lặn. Ta mua gạo, bánh mì để sống, còn cuộc đời, sự tự do, cảnh đẹp của tạo hoá .., là free. Con người cũng cần không khí trong lành, sự im lặng, một thành phố không bạo lực, nhiều thì giờ nghỉ ngơi. Tóm lại phải tiến đến một sự tương quan sâu xa giữa người và vũ trụ. Các nhà hiền triết xưa kia cũng ca tụng thiên nhiên : hiện nay, qua ngưỡng cửa thế kỷ 21, ta đã dần dần thấy các dấu chỉ của sự thay đổi nói trên, tượng trưng cho trào lưu New Age : phong trào học Thiền, phong trào vô vi, sự trở về với tôn giáo, du lịch bền vững, nông nghiệp sinh thái ..Sự phát triển thế giới ngày nay phải phụ thuộc vào các giá trị của công lý, của sự thăng tiến xã hội và tâm linh.

Chỉ sử dụng phần lời trong trương mục ngân hàng...

Đạt được sự hài hoà giữa người và tạo hoá , không phá hủy cân bằng sinh thái, không phá hủy môi sinh thái quá và để loài người biết thương yêu nhau trong một hành tinh càng ngày càng nhỏ bé. Sự hài hoà còn có nghiã cần có một hệ thống kinh tế trong đó đô thị và nông thôn, kỹ nghệ và nông nghiệp, lao động chân tay và lao động trí óc phải luôn luôn bổ túc lẫn nhau.

Đạo lý môi sinh, tóm lại phải đặt lại nền móng và các tiêu chuẩn để có thể dung hoà giữa các định luật kinh tế và các định luật môi sinh vốn chi phối đến sự tồn tại của loài người. Cũng y hệt như tiền trong trương mục ngân hàng, con người của thế hệ hôm nay chỉ có quyền sử dụng phần lời, đừng đụng chạm đến phần vốn, vì vốn (vốn đất, vốn rừng, vốn nước...) phải dành lại cho các thế hệ mai hậu.

6. Kết luận

Cứ đọc kinh A-Di-Đà, ta cũng đã thấy môi sinh trong sạch: đó là phong cảnh thiên nhiên của núi rừng bát ngát, có gió hiu hiu thổi, có nhiều loài chim đủ màu sắc hót ca bốn mùa, có hồ ao trong đó ta thấy nhiều loài sen khác nhau, từ các đoá hoa sen màu trắng đến màu hồng, màu vàng...Chính trong sự thanh thản hài hoà ấy, tâm hồn mới có thể lắng dịu, tìm được sự quân bình giữa tạo hoá và con người, thoát ly được thế tục, tìm mùi thiền trong hương hoa của núi rừng, của thảo nguyên, của cây cỏ thiên nhiên.

Môi sinh thiên nhiên đã giúp loài người tránh sự ô nhiễm của thành phố, của khu đông người. Môi sinh trong sạch cải thiện chất lượng của cuộc sống. Các thi nhân, các nhà tư tưởng phải có môi sinh thiên nhiên như rừng, như suối róc rách chảy, như ao hồ , như thác nước cuồn cuộn thì dòng thơ mới lai láng bồi hồi!

Môi sinh trong sạch giúp con người, sau những ngày tháng bon chen, được gần gủi

với tạo hoá, giúp tái tạo sinh lực của cơ thể vì rừng suối là nơi để thư giãn, giải trí và giúp tránh phiền não. Ta không lấy làm lạ rất nhiều du khách, chán cảnh phù phiếm ở thành phố đã đổ xô qua Népal để chỉ đi trek dọc theo các đường mòn gần rặng núi Himã lạp sơn, hi vọng tìm lại tạo hoá nguyên thủy . Việc bảo vệ môi sinh trước hết là một vấn đề nhận thức để có thể đóng góp vào việc bảo vệ ngôi làng của thế giới .Trong khung cảnh bảo vệ môi sinh, hiện nay nhiều tổ chức quốc tế đang tài trợ những công viên ở những sinh hệ khác nhau, trên mọi lục địa, chính cũng vì lý do đó.

Nhà thơ Szymborska vừa được giải Nobel Văn học có viết về thế kỷ 20 sắp kết thúc như sau:

Thế kỷ 20 của chúng ta
Lẽ ra phải tốt hơn rất nhiều thế kỷ
Nhưng đã không kịp để chứng minh điều đó

..

Đã quá nhiều điều xẩy ra
Lẽ ra không cần phải có
Những gì lẽ ra phải đến
thì lại chẳng hề thấy đâu
Lẽ ra phải hướng về mùa xuân
Hướng về con người, hạnh phúc
Lẽ ra một vài bất hạnh
đã không thể xảy ra
Ví như chiến tranh, nạn đói
Lẽ ra niềm tin
Sự yếu đuối của những người yếu đuối
Cùng bao điều tương tự
Phải được con người nâng niu

Thế kỷ 20 là như vậy: chiến tranh, nạn đói, phá hủy môi trường.. Còn thế kỷ 21 thì sao ? Chúng ta hi vọng loài người trở về trong thế giới của tâm linh, phá tan cái vô minh và gìn giữ môi sinh trong sạch, thái hòa trong hành tinh Trái đất này, ngôi nhà chung của thế giới ngày càng nhỏ bé để tiến dần đến cõi Cực Lạc như cõi Cực lạc trong kinh A di Đà vậy

Cõi Cực lạc của môi sinh, chính là bảo vệ muông thú, chim muông vì hiện nay nhiều giống thực vật cũng như động vật càng ngày càng bị mất dần với sự hủy hoại các nơi chốn chúng trú ở. Mà sự phá hủy các chổ trú ẩn của thú rừng, của chim muông, nói trắng ra, là rừng, là thảo nguyên, là rừng tràm ..là do nạn nhân mãn trên thế giới hiện nay đã 6 tỷ người .Bùng nổ dân số, nhất là ở các xứ nghèo như ở Việt nam, đà tác động tiêu cực đến môi sinh: phá rừng, sa mạc hoá, nước mặn xâm nhập sâu trong đất liền ..

Cõi Cực lạc của tâm hồn, chính là tìm sự hài hoà giữa Thiên, Địa, Nhân. Cõi Cực lạc tâm linh có nghĩa phải phá vỡ những ô nhiễm trong tâm hồn như tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi, phỉ báng, cố chấp.

Tóm tăt, kinh A di Đà, khi nói về môi trường thiên nhiên và chi phối của môi trường đối với sinh vật, ắt hẳn đã hướng dẫn con người đặt lại những vấn đề căn bản tương giao mới với thiên nhiên trong một sự hài hoà giữa Thiên, Địa, Nhân, không khai thác thiên nhiên một cách trơ trẽn chỉ vì hưởng thụ mà phải điều hoà sự tiêu thụ, giảm bớt ô nhiễm, trong một khung cảnh 'có Trời mà cũng có Ta', mà Dansereau, một giáo sư ở Đại học Québec ở Montreal, gọi là một sự thanh bạch sung sướng (une joyeuse austérité):

Còn Trời, còn nước, còn non
Còn trăng, còn gió hãy còn đó đây

◆ ***Thái Công Tụng***

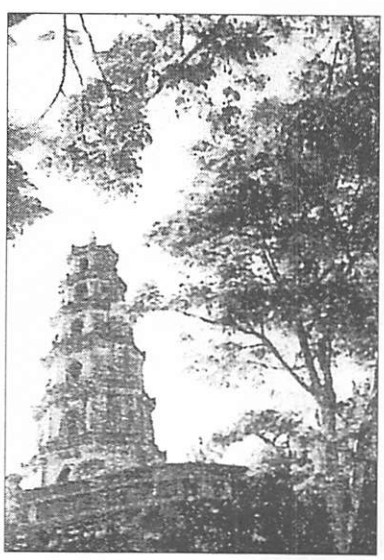

Cổ Loa với nỏ muôn ngàn

GS-TS Phạm Văn Hường

Những phát hiện về khảo cổ những mũi tên đồng Cổ Loa cho thấy nhiều điều thú vị về người Việt cổ.

Đô thị Cổ Loa ngày xưa đã là kinh đô của nhiều triều đại: Từ An Dương Vương với tên nước là Âu Lạc (273 trước Công nguyên), đến Triệu Đà (206 trước Công nguyên), với quốc hiệu Đại Việt, rồi Ngô Quyền (933). Những vị vua này đã để lại trên sử Việt Nam những trang oai hùng, sáng tỏ ý chí quật cường tự chủ của dân tộc.

Cổ Loa còn thấm đượm mối tình oan trái của Trọng Thủy và Mỵ Châu, cùng chói lọi huyền thoại nỏ thần Kim Quy phản ánh một sức võ trang cường mạnh. Những huyền thoại ấy có phần phai nhạt đôi chút theo thời gian, nhưng gần đây lại được bật sáng nhờ sự khai quật của các nhà khảo cổ học, hàng ngàn mũi tên đồng Cổ Loa. Số lượng lớn những mũi tên này đã đặt ra nhiều câu hỏi từ vài mươi năm nay mà bây giờ mới giải đáp được vài phần trong muôn một.

Nguồn gốc những mũi tên đồng Cổ Loa

Khi phân tích, bằng những phương pháp vật lý hiện đại, những mũi tên cùng những hiện vật lưu trữ ở Viện Khảo cổ Hà Nội - tương tự như những cổ vật trên các hình ảnh chụp từ Bảo tàng Viện Lịch sử và Triển lãm tư nhân Vân- Hồ - nhờ sự ân cần của GS Hà Văn Tấn, thấy những mũi tên có chứa những thành phần kim loại tương tự như thành phần các trống đồng thời Đông Sơn, kể cả trống đồng Ngọc Lũ.

Những nguyên tố chính tìm được là đồng, chì, thiếc. Nhất là không có kẽm. Những kết quả tương tự cũng tìm thấy trong những vòng chân nữ tướng đào được trong những vùng lân cận, khác hẳn với các gương đồng, phần nhiều chỉ chứa nhiều nguyên tố đồng.

Khi so sánh tỉ mỉ với kết quả phân tích nguyên tố kể cả các nguyên tố phụ mà thành phần bé hơn một phần trăm những mũi tên đồng với các hiện vật và quặng trong các vùng địa dư khác nhau thì thấy rằng tên đồng là những sản phẩm bản địa.

Kỹ thuật luyện kim các mũi tên đồng

Riêng trong các mũi tên đồng, còn tìm thấy nguyên tố sắt. Sự có mặt của sắt trong các mũi tên chứng tỏ rằng người Việt cổ đã biết luyện kim chứa một nguyên tố có nhiệt độ nóng chảy trên 1.500oC. Mục đích của họ chú ý làm cho có những mũi tên cứng mạnh, dễ xuyên sâu vào mục tiêu. Kỹ thuật luyện kim thời Việt cổ đã được thế giới chú ý từ một thế kỷ nay nếu chúng ta căn cứ trên những bài họ đăng trên các tạp chí chuyên môn.

Kỹ thuật luyện kim tân tiến trong thời Việt cổ còn tìm thấy trong những chiếc dao găm nữ tướng mà các phương pháp phân

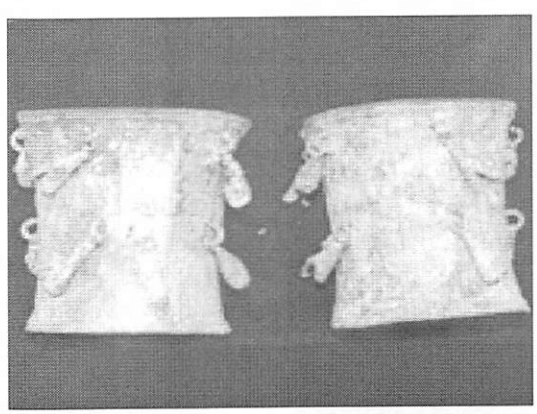

Vòng chân nữ tướng

tích vật lý đã tìm ra nguyên tố titan. Người Việt cổ có lẽ chưa biết đích xác nguyên tố này nhưng nghệ nhân luyện kim đã gặp biết quặng chứa nguyên tố gì đó mà hai mươi thế kỷ sau này gọi là titan, sẽ đem lại một hợp kim cứng và nhẹ, thích ứng cho bàn tay người nữ tướng.

Đứng trước sự kiện kỹ thuật ấy, chúng ta không thể nào không kính phục và ngưỡng mộ tư duy và trình độ kỹ thuật của các nghệ nhân luyện kim thời Việt cổ.

Phân đoàn tay nỏ trong binh lực

Số lượng lớn các mũi tên đồng tìm được lại cho phép chúng ta khẳng định rằng ở thời Việt cổ vùng Cổ Loa đã có một lực lượng quân sự được phân thành đoàn tiểu xạ gồm nhiều tay nỏ, nếu ta lại căn cứ trên những lẫy nỏ Cổ Loa mà các nhà khảo cổ học vừa tìm thấy gần đây.

Những lẫy nỏ này tinh vi và bé hơn những nỏ tìm thấy ở các vùng thượng du, nơi các đồng bào tộc Mường hay nhiều tộc khác cư trú. Thời đó ở Bắc phương người ta hay dùng cung trong lúc người tộc Việt hay dùng nỏ.

Phải chăng những tay nỏ này rất thiện xạ, vì họ đã gây ra trong đối phương ấn tượng hãi hùng, như những nỏ thần, mà nỏ Kim Quy chỉ là một huyền tượng.

Cách bắn nỏ tài ba đã tồn tại qua nhiều thế kỷ trong vùng Cổ Loa, có khi dùng trong quân đội chính triều, có khi trong những lực lượng đối lập, như ta đã biết, hơn mười thế kỷ sau An Dương Vương, vua Ngô Xương Văn -một trong hai vua anh em đồng kế vị Ngô Quyền, đã chết năm 965 sau Công nguyên, vì một mũi tên, cũng gần Cổ Loa, kinh đô thời ấy.

Những lẫy nỏ Cổ Loa tìm được, cũng bằng hợp kim đồng. Khi bật - một lần lẫy chỉ phát một mũi tên. Tuy những lẫy nỏ này không phải từ nỏ của An Dương Vương nhưng cũng giúp làm sáng tỏ được huyền thoại nỏ thần. Cơ cấu đơn tiễn này làm nhẹ một phần nào tội lỗi của Mỵ Châu. Vận nước Âu Lạc tuy nổi chìm theo thời gian qua mối tình cay đắng của Mỵ Châu - Trọng Thủy, nhưng không làm quên được

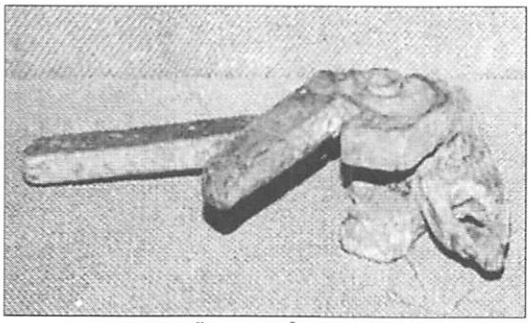

Lẫy nỏ Cổ Loa

thực tế Cổ Loa đã là kinh đô của một nước có tổ chức lớn, có kỹ thuật cao, kể cả kỹ thuật quân sự, bao hàm thêm khía cạnh nhân bản và tình người.

Huyền thoại Trọng Thủy - Mỵ Châu

Hồi cuối thế kỷ thứ ba trước Công nguyên, tướng Triệu Đà từ đất Thục đã nhiều lần khai chiến không thành công chống Âu Lạc, nước Việt cổ, trị vì bởi An Dương Vương từ năm 257 trước Công nguyên.

Triệu Đà ngưng chiến cho đến khi con là Trọng Thủy lớn lên bèn xin An Dương Vương gả con gái Mỵ Châu cho con trai mình. Nhưng đó chỉ là một mưu kế chiến lược. Một thời gian sau, Trọng Thủy hỏi vợ vì sao mà không nước nào đánh bại được Âu Lạc. Mỵ Châu tin và yêu chồng đã bao năm, nói lý do chính là An Dương Vương có nỏ thần Kim Quy, bắn một phát chết trăm người và lén cha cho chồng xem. Trọng Thủy bèn thừa cơ đánh tráo nỏ thần, thay thế bằng một nỏ giả.

An Dương Vương tin vào sự hòa hiếu tiếp sau sự liên bang hôn thú; một phần cũng vì tin vào hiệu ứng phi thường của nỏ Kim Quy nên lãng việc binh đao. Thừa thế Triệu Đà đem quân đến đánh Cổ Loa, chiếm Âu Lạc, An Dương Vương phải bỏ kinh thành chạy về Nam.

Khi khám phá ra sự phản bội vô tình của Mỵ Châu, An Dương Vương bèn giết con gái yêu, sau đó gieo mình xuống biển tự vận. Trọng Thủy tìm được xác vợ, mang về an táng ở Cổ Loa trước khi tự lao mình xuống giếng sâu.

◆ *GS-TS Phạm Văn Hường*

NGƯỜI VIỆT GỐC ỚT

Hoàng Đức

Tui là dân Huế chay tức là Huế 100%, Huế từ trong ra ngoài, Huế đến nổi ra Bắc vào Nam, lên vùng cao nguyên tắm đủ sông hồ, ao lạch mà cũng không gột rửa được chất Huế trong người.

Rồi một sáng một chiều theo với giòng người "di tản buồn", tôi đến cư ngụ trên xứ Cờ Hoa văn minh hết xảy này mà chất Huế vẫn còn tồn tại thâm căn cố đế trong người, dù mỗi ngày cố gắng tắm một lần bằng nước ấm như ngày nào trên quê hương yêu dấu vào mùa Đông mưa dầm, thối đất, thối đai. Tôi dùng chữ "cố gắng" vì chẳng hiểu sao tôi rất lười tắm vì đã có lần tui thử không tắm gội trong suốt một tuần mà cũng chẳng thấy người bốc mùi thơm hay thúi gì hết cả. Do đó, tui tự nghĩ thầm, tắm hay không tắm thì cũng như nhau, ai tắm mà chẳng ở truồng mà cũng chẳng được lợi ích gì, chẳng làm nên tích sự gì. Muốn người bốc mùi thơm thì lận trong túi một cục xà phòng "Dove". Lại nữa, tui nhớ cách đây cũng khá lâu, trong lúc trà dư tửu hậu, chuyện trò với một ông bạn của ông Nội tui, tuổi ngoài tám mươi, Bố tôi mới hỏi :

Thưa Bác, Bác có bí quyết gì để giữ chữ thọ cho đến bây giờ không?

Ông Cụ vuốt râu cười khà khà:

Bác rất ít tắm con à! Tắm thì lỗ chân lông nở lớn nên vi trùng dễ xâm nhập vào người, vì vậy suốt mùa Đông, Bác không tắm, chỉ dùng khăn thấm nước, lau sơ mình mẫy cho khỏi hôi thúi mà thôi.

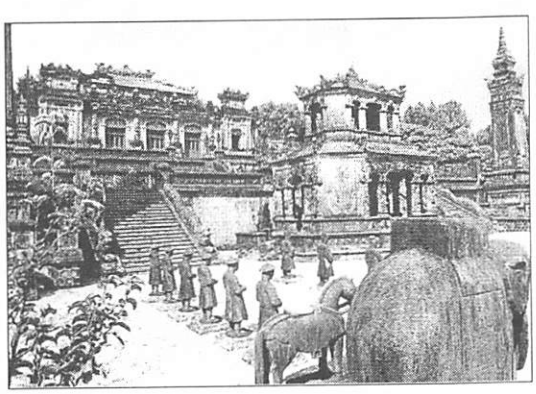

Ông nội tui, tuổi lúc bấy giờ cũng trên tám mươi, đã phì cười mà bảo rằng:

Tui khác ông, mùa Hè cũng như mùa Đông, một ngày phải tắm một lần, một lần phải mất ít nhất 1 tiếng đồng hồ để kỳ cọ, xoa nắn các huyệt đạo cho máu huyết lưu thông.

Hai ông Cụ, ông nào cũng quy tiên lúc tuổi hạc đã ngoài chín mươi, ông nào cũng có lý, khi bàn đến bí quyết sống lâu, rất chi là khoa học.Vậy tui phải nghe theo lời của ai bây giờ? Sang Mỹ, sẵn có nước nóng chảy trong vòi, tắm một ngày một lần mà chất Huế trong tui vẫn còn nồng cay vì tui ăn ớt như nhồng trong ba bửa ăn sáng, trưa, tối.Vì thế, ai hỏi tui quê quán ở đâu, tui đều trả lời một cách hãnh diện rằng tui là người Việt gốc ớt. Câu trả lời thật đầy đủ "thông tin".(Tui dịch chữ "information" cho có vẻ văn minh thời thượng.) Này nhé! Người Việt tức là người Việt Nam không phải Phi Luật Tân hay Miên, Lào, Thái vv...Tui đã nhiều lần bị mấy ông bà người Phi hỏi tôi có phải là Philippino không. Tức như bò đá! Mình là con Rồng cháu Tiên mà bị nhận lầm là Phi thì có uất ức không cơ chứ? Chắc là tại tui xấu trai, thô kệch! Dân Phi nghe tui phát biểu như thế này chắc là muốn kiện tui ra toà, buộc tội mạ lỵ dân tộc.Các bạn có biết không, mấy cô, mấy bà Phi lai Tàu đẹp lắm các bạn ơi! Rồi thì "gốc ớt" là biết ngay nơi chôn nhau cắt rún của tui là xứ Thần Kinh chứ còn théc méc gì nữa. Gốc ớt là gốc Huế, không sai chạy vào đâu được vì có lần tui bị một ông bạn hỏi một câu cắc cớ:

Mi là dân Huế, vậy mi có biết tại sao dân Huế chỉ ăn toàn ớt xanh không mà thôi.

Tôi gân cổ cãi lại là dân Huế tui ăn đủ mọi thứ ớt: ớt xanh, ớt đỏ, ớt tím, ớt vàng, ớt chỉ Thiên, ớt chỉ Địa, ớt chìa vôi, ớt hiểm, ớt mọi, ớt bột, ớt trái tươi cắn dòn tan, chứ làm gì mà lại chỉ ăn ớt xanh. Ớt xanh là ăn với bánh bột lọc để hài hoà với màu đỏ của con tôm nằm nữa kín nữa hở trong lớp bột lọc.Ăn như thế là ăn kiểu cầu kỳ của các Mệ, chứ thật ra ớt nào cay thì ăn chứ đâu kể màu sắc.

Ông bạn tui để cho tui nói cho sướng lỗ miệng rồi mới ung dung giải thích:

Mi thật là dân Huế mất gốc, không biết chi mô hết! Dân Huế ăn nhiều ớt quá đến nổi ớt không kịp chín đỏ nên chỉ ăn toàn ớt xanh. Có rứa mà cũng không biết!

Ui chui choa, tui khoái quá trời khi nghe ông bạn tui ca tụng cái "đức" ăn ớt của quê hương tui.Tui chỉ muốn ôm hun ông ta một miếng để thưởng ông ta mà không dám, vì sợ bàn dân thiên hạ tưởng tui là dân "Gay" vừa mới từ San Francisco xuống quận Cam chơi.

Nói đến ớt thì phải nói đến cái món ăn "quốc hồn quốc tuý" của Huế tui là món bún bò. Ai cho tui ăn bún bò mà bảo tui đừng ăn ớt thì thà chết còn hơn. Thiệt là chưởi Cha tui, tui cũng không giận bằng! Ớt phải cay xé họng mới làm cho bún bò ngon được! Ăn bún bò Huế chính gốc là phải vừa ăn vừa hít hà vì ớt cay, phải đổ mồ hôi trán, tuôn mồ hôi nách (Vì vậy mà dân Huế ai cũng có một chai Lotion Kata, trị mồ hôi nách bỏ trong túi quần để xài mỗi khi ăn xong tô bún bò Huế. Tui nói rứa mà ai không tin tui thì thôi!) Ăn bún bò Huế là chỉ dùng đủa chứ không dùng muỗng, phải húp xùm xụp mới đúng phong cách Huế. Muỗng chỉ dùng khi ăn phở Bắc Kỳ mà thôi. Cầm muỗng để ăn bún bò Huế là chưởi Cha cái tô bún bò Huế mất rồi! Mùa Đông ở Huế, không có ớt tươi vì cây ớt không chịu được cái lạnh của Huế. "Ớt mùa Đông ba đồng một trái" nên phải ăn ớt bột hay tương ớt hay ớt ngâm dấm nên vì vậy mà mùa Đông, tô bún bò Huế đã không ngon bằng tô bún mùa Hè mặc dù ăn vào thì cũng nóng ran cả người.Trời đã "nóng nung người, nóng nóng ghê" (Trong

Quốc văn giáo khoa thư, mô tả mùa Hè) thế mà lại còn sì sụp tô bún bò Huế, ớt cay chảy nước mắt, nước mũi, thì thật là ngon không để mô cho hết. Ngon như rứa thì thôi! Tôi mời ai ăn bún bò Huế mà mặt cứ lạnh như tiền, ăn một cách ung dung, nhàn hạ, không "khẫn trương"(chữ nghĩa của VC) chê ớt không ăn , không thấy một giọt mồ hôi trên trán thì đừng có hòng được tui mời ăn lần thứ hai.Ăn như vậy là "thực bất tri kỳ vị" là không kính trọng tô bún bò, là khinh thường dân Huế tụi tui. Lúc tui còn ở Bloomington, tiểu bang Indiana, tui có anh bạn trẻ người miền Nam, Saigon hay đâu đó tôi quên mất tiêu. Anh ta khoái món bún bò lắm! Mỗi lần đến nhà tui ăn bún bò, anh hít hà liền miệng, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, anh tham dự hết mình vào "công cuộc" ăn bún bò làm tôi thích thú quá chừng, xem anh ta như bạn tri kỷ, tri âm vậy.

Ngoài món bún bò bắt buộc phải có ớt lại còn một món ăn khác mà ớt cay đóng một phần tối ư quan trọng. Ấy là món "Cơm Hến". Người ta đã nói lạt như nước ốc, nước hến, vậy thì để bổ sung cho cái "lạt" đó chỉ có cái "cay "của ớt. Không có ớt là tô cơm hến xem như bỏ đi, chẳng đáng một đồng xu. Còn nhiều món ăn đặc sệt

Huế nữa như bánh bột lọc, bánh nậm, bánh ướt nhuỵ tôm, bánh ram, bánh ít, cơm dấm nuốt vv...không món ăn nào là không có ớt đi kèm, dĩ nhiên là không ăn chè hạt sen hồ Tịnh Tâm cùng với ớt. Nhưng Mẹ tui lúc sinh thời, Bà ăn mít ráo, ngọt lịm và dòn tan như rứa mà Bà cũng chấm múi mít vàng ươm vào trong chén nước mắm ớt cay. Mùi vị dĩ nhiên là có khác đi nhưng hương vị cũng độc đáo lắm, các bạn cứ thử xem một lần cho biết ra răng.

Ớt gắn liền với Huế của tụi tui nên sở dĩ tui phải nấn ná ở lại với quê hương gần 10 năm, sau 1975 là vì tui sợ qua Mỹ không có ớt mà ăn. Tui ăn ớt như nhồng! Tui còn nhớ lúc còn học cấp tiểu học trường làng, ông ngoại tui có nuôi một con nhồng, mỗi ngày phải cho nó ăn một chén ớt hoặc tươi hoặc ớt bột. Ăn nhiều ớt để lột lưỡi và nói được tiếng người. Và quả thật như vậy, sau một thời gian ăn ớt, con nhồng đã nói được. Cậu tôi đã bị ông ngoại tôi thưởng cho một tát tai là vì đã dạy cho con nhồng chào khách chẳng lich sự tí nào. Số là một hôm có khách đến nhà, ông ngoại tôi đang khoe với khách con nhồng biết nói thì đột nhiên nó xổ ra một câu khiến khách phải phì cười và thẹn đỏ mặt:

"Chào khách toẹt!" (Khách toẹt là khách chẳng ra gì, giống như một món ăn dở, không ngon, chỉ muốn nhổ toẹt ra khỏi miệng.)

Nhồng ăn ớt để lột lưỡi, để nói nhiều. Như vậy, dân Huế tụi tui ăn ớt nhiều thì có nói nhiều không hí? Ai răng tui không biết chứ tui thì hình như nói không ít mỗi khi bạn bè bắt đúng tần số của tui. Ông ngoại tui thường mắng tui là:

Cái thằng ni răng mà hắn nói không để miệng đâm da non.

Chẳng lẽ ai nói ít thì miệng nhiều da non hay răng? Tui thực không biết! E là phải nhờ mấy nhà sinh vật học giải thích cho điều này mới được.

Trên đây tui đã nói đến cái công dụng của ớt làm chảy nước miếng nhiều và do đó làm thức ăn trở nên ngon miệng hơn. Nay xin nói về những đặc tính của ớt trên phương diện y học. Có thời gian tui làm việc ở tỉnh Bình Tuy, gần căn cứ Bốn, khu Rừng Lá trên đường từ Saigòn ra Phan Thiết, tui có dịp tiếp xúc với các giáo viên dạy học vùng Rừng Lá này. Họ ăn ớt nhiều đến nổi tui từng tự phụ là người Việt gốc ớt mà cũng phải ngã mũ ra chào thua. Họ nhậu rượu đế đổ trong thau nhựa, trộn chung với nước ngọt xá xị và mồi nhấm rươu chỉ là một mâm trái cóc và một tô muối ớt, ớt nhiều hơn muối. Họ ăn ớt, không những để món ăn khoái khẩu hơn mà còn dùng ớt như một phương thuốc trị bênh sốt rét vì người nào cũng bị chứng bệnh này hành hạ và chỉ nhờ có ớt mà căn bệnh thuyên giảm dần dần. Chắc các bạn đã từng nghe hai câu thơ nói về Rừng Lá:

Ngày anh đi, rừng em chưa xanh lá
Ngày anh về rừng lá đã xum xuê

Và hai câu thơ đối lại:

Ngày em đi, anh còn như trái ớt
Ngày em về thì ớt lớn bằng trái cà dê.

Mới đây, tôi lại đọc được mẫu tin loan báo đại học UCLA và các khoa học gia người Nhật vừa khám phá ra ớt trị được căn bênh ung thư tiền liệt tuyến.Các tế bào ung thư đã bị chất cay của ớt tiêu huỷ dần dần. Thật là một tin mừng gây phấn khởi cho những con dân gốc Huế.

Trong cảnh Cali mưa buồn, nhớ mùa mưa xứ Huế, tôi thèm ăn một tô bún bò với ớt cay xé họng và tôi lẩm cà, lẫm cẫm nghĩ rằng không biết ai là người đầu tiên tìm ra cây ớt trong rừng cây nhiệt đới và ai là người đầu tiên nếm thử trái ớt. Không biết lúc bấy giờ người đó có nhảy nhổm người lên vì vị cay xé nồng của ớt và có lo cuống cuồng vì sợ ăn nhằm chất độc không. Nếu biết được vì tiền nhân nào tìm ra và nếm trái ớt đầu tiên trên trần thế thì tui sẽ xin bàn dân thiên hạ tôn ông ta là vị Thần Bếp hay nói văn hoa Hán(g) rộng thì ông ta thật xứng đáng được phong làm Trù Thần trên cỏi thế.

Hoan hô ớt!

◆ *Hoàng Đức*

Mùa Trăng

Lối về nhà em ngất cao mây trắng
Sương mờ dâng hoa lá bổng xôn xao
Đường trăng xanh ngát ngọt ngào
Người về nhẹ bước dạt dào tình xưa

Ơi con đường nhỏ chân đưa
Theo em quấn quýt hạt mưa khóc hờn
Nẽo về trăng ướt chon von
Lá khuya khẽ động hao mòn tiếng ai

Gió đâu hát khúc nam ai
Cho lòng ray rức u hoài mai sau
Nơi xa xăm ấy... hư hao?
Còn tôi thầm lặng nao nao nhớ người

Huế ơi, sông nước dạt dào mùa trăng...

Hùng Hồ

Tết Khoai Sắn Nhớ Bạn Xưa

Sáng hôm nay nhận được mấy carte chúc tết của bạn khoai sắn, cảm tác làm được bài thơ, gởi tặng các bạn Khải Định xưa đang ở phương trời xa.

Có một góc phố nhỏ
Giữa Saigon mênh mông
Lỏng chỏng hàng ghế gỗ
Ôm cả trời Huế thương

Bao nhiêu năm lạc lõng
Bấy nhiêu mùa đắng cay
Về đây ngồi nhớ Huế
Xanh một dòng sông Hương

Ôi Khải Định xa xưa
Tóc xanh tuổi học trò
Phượng rơi trên nón lá
Mắt em màu quê hương

Nhìn nhau thấy rong rêu
Tuyết sương phủ mái đầu
Kỷ niệm dài hun hút
Còn lại tình sắn khoai

Lê Bá Châu

Hồi ký

ĐƯỜNG VỀ Á CHÂU

Võ Văn Hoàng

Trong các cuộc đi du lịch năm châu bốn bế đã thực hiện kể từ ngày xa quê hương năm 1976 đến nay, mỗi lần lên máy bay theo hướng về Á châu, thăm các nước trong vùng quê hương Việt nam, châu Á... lòng tôi cứ nôn nao và vui mừng hơn các chuyến du lịch qua bốn châu khác... nghĩ lại cũng phải thôi, vì mình trở về nơi có dân da vàng, cùng một màu da với mình, có nhiều tập quán giống nhau, và lúc đặt chân đến những quốc gia nầy, mình như con cá gặp nước, tha hồ bơi lội thoải mái vô cùng... Những con đường xuyên Á dễ thương lắm, nhiều di tích lịch sử, nhiều tình người, mà tôi đã đi qua nhiều lần, xin ghi lại đây, mỗi nước vài hàng chữ, vài kỷ niệm để nhớ lại những con « đường về Á châu » qua các nước Thái lan, Trung quốc, Campuchia, Singapore, Mã lai Á, và Việt nam, quê hương mến yêu ...

THÁI-LAN

* Bangkok

Thủ đô Bangkok là nơi tôi đến bằng đường bay từ Pháp ngày trước. Hiện nay, từ Sài gòn, rất nhiều hãng du lịch tổ chức thăm viếng Bangkok và Pattaya 5 hôm, bằng máy bay, chỉ có lối 300 đô Mỹ là đi xuất ngoại được rồi, nên thiên hạ đi Thái rần rần, rẻ hơn là một tuần ra Bắc... Đến phi trường đã thấy lạ mắt, đẹp đẽ, hoa lan rất nhiều, phụ nữ mặc váy đủ màu, nhà cửa khác Việt nam... Thành phố rất đông người và xe cộ đầy cả đường đi, nào bus, nào taxi, métro... xe gắn máy, đặc biệt có nhiều xe Tuc-tuc, loại Lambretta ba bánh, có cái thùng phía sau, chở cả 10 người, ngồi trên xe phải bịt mặt, không thì sẽ thành mọi đen vì khói xe hơi, ô nhiễm thấy mà sợ luôn... Hai bên đường có rất nhiều ngôi chùa sơn son thếp vàng rất đẹp, người tài xế taxi chấp tay cung kính vái Phật mỗi lần xe đi ngang qua chùa. Vài nơi chúng tôi thăm viếng đáng giới thiệu với bạn bè ... Đi thăm cung điện hoàng gia «The Royal Grand Palace», xây dựng năm 1782, rồi tham quan vô số chùa rất đẹp, mái cong và to lớn như chùa Phật vàng, Phật ngọc Wat Pra Keo, Wat Arun kế bờ sông... các khu thương mại lớn Maboomklong, Tokyu, World Trade Center, Big C... tha hồ mua sắm vàng, bạc; áo quần băng lụa Thái nổi tiếng dọc đường Sokumvit; ban đêm đi xem ca múa dân tộc ở khu Salom village, có cả ăn rất hay và ngon miệng nữa, và có thể chụp hình với người đẹp sau khi múa... Dạo thuyền trên các sông rạch Klongs xem đời sống dân chúng dọc bờ sông. Đi chợ nổi một ngày cách Bangkok lối 80 cây số gọi là Marché flottant Damnoen Saduak, bán đủ loại trái cây, rau cải, cả nón đội, lẫn áo quần, và quán ăn đều trên thuyền nhỏ; ghé thăm vườn bướm, trại rắn, cá sấu làm trò, voi đá banh, boxing Thái, đám cưới Thái, vườn hoa lan cả mấy trăm loại...

* Pattaya

Pattaya, thành phố biển phía nam Bangkok, cách lối 100 cây số, được mệnh danh là thành phố nóng (hot), dọc đường phố rất nhiều quán bán rượu và rất nhiều cô gái bán hàng luôn luôn mời hay kéo tay khách vào một cách tự nhiên... Nhiều trò chơi trên bãi biển khá vui, ban đêm khu phố đầy tiếng nhạc... xem chương trình biểu diễn Pêđê (đàn ông giải phẫu hoàn toàn thành nữ giới). Tại đây có quần đảo san hô Coral Island, các trò chơi thể thao dưới nước không đắt tiền lắm như Parasailing, Windsurfing, ca-nô lướt sóng ... Đi thăm cầu sông Kwai cũng mất một ngày.

*** Miền Bắc – Chiangmai / Tam giác vàng**

Đi từ từ bằng xe bus hay xe thuê với tài xế lên miền Bắc Thái, ghé qua các tỉnh, mỗi nơi một vài hôm cũng thú vị lắm, như Aya Thaya / Phitsanuloke / Sukothai (cố đô) / Chiangmai / ChiangRai. ghé thăm chùa Lopburi, Wat Prabouddahchinnaraj,Wat Sra Sri... hồ Phayao... nhà vườn trồng thơm (banana). Dạo thuyền trên sông Kok miệt Chiangmai, một phần của sông Mékông, sông rộng lớn cả cây số, nước chảy rất mạnh cũng sợ lắm vì nơi nầy thường có đánh nhau để thăm đồng bào thiểu số gốc Tibéro-Birmane, sống trên núi, chuyên trồng và bán thuốc phiện lậu, ở vùng ChiangRai, Mae sa Vallée / Mae ping hay vùng tam giác vàng thuộc ba nước Thái / Lào / Miến điện... Thăm voi biểu diễn đủ trò, vườn hoa lan, trại bướm, tối đi xem biểu diễn múa dân tộc miền núi. Một tuần ở đây rất vui...

*** Miền Nam – Phu ket, Ko Samui, Ko Phiphi...**

Vùng biển rất đẹp cách thủ đô cả hơn ngàn cây số, là nơi du khách đến đây để tắm biển, phơi nắng, thể thao trên nước không có đất. Ngoài ra, có baie Phannga tựa như vịnh Hạ long ...

TRUNG QUỐC

Nước Tàu vĩ đại với rất nhiều di tích lịch sử để xem, chúng tôi chỉ ghé thăm vài nơi quan trọng mà thôi, mặc dầu đã viếng nước Tàu hai lần...

*** Bắc kinh**

Pékin hay Beijing, thủ đô của Trung quốc, du khách thường ghé thăm, nơi đây có Quảng trường Thiên an môn, rộng bát ngát và cố cung, còn gọi là Tử cấm thành, nơi các triều đại các đế vương đời nhà Minh, nhà Thanh ở và làm việc với biết bao là cung điện tráng lệ... Phải để hai, ba ngày mới xem hết nơi nầy. Thăm Thập tam lăng, mộ của 13 vua đời Minh, dạo phố ban ngày và ban đêm rất an toàn và giờ nào cũng đầy cả người, ăn mặt lịch sự, đường phố sạch sẽ. Dễ đi lạc vì tên đường lẫn tên cửa hàng đều bằng tiếng Tàu. Tôi phải chụp hình trên đường đi để lúc trở về điểm hẹn không bị lạc, thế mà cũng bị lạc, sợ quá trời... Thưởng thức đồ ăn Tàu và món vịt quay Bắc kinh, nhận xét của đoàn du lịch thì thấy vịt quay lẫn đồ ăn Tàu ở đây không bằng vịt quay Bắc kinh ăn ở Little Saigon, tại các tiệm tàu ở khu Bolsa... hay tiệm Tàu ở quận 13 Paris. Thăm lâu đài bà Từ Hi, không xa Bắc kinh bao nhiêu, nhưng muốn ra khỏi thành phố cũng kẹt xe hơi kinh khủng. Tôi rất ngạc nhiên về hệ thống chuyển vận ở đây, phần lớn dân đi xe bus, métro, xe hơi sản xuất tại đây, chứ rất ít người đi xe đạp, honda như tôi tưởng. Xa lộ không thua gì ở Âu Mỹ, hai bên xa lộ suốt cả trăm cây số toàn là cao ốc mới xây rất cao, phần lớn cho dân nghèo vừa mới giải toả nhà... Trên xe, tôi thấy các khu nhà cũ lần lần phá hủy để xây dựng nhà mới... Hơn 1 tỷ người phải lo ăn, ở ... đâu phải dễ dàng như nước Pháp, nước Mỹ, cả hai quốc gia nầy mới hơn 300 triệu người mà thôi... Xe đưa đoàn đến viếng Cung điện mùa hè của bà Từ Hi Thái hậu, sang trọng hết chỗ nói, có cả chiếc thuyền toàn bằng đá trắng để bà ngồi chơi bên hồ bát ngát hương hoa... Lúc tôi đến đây nhằm tháng một, tuyết đóng cả hồ trắng xoá, xa xa có mái chùa đỏ, rất đẹp. Để một ngày viếng Grande muraille de Chine hay Great Wall (Vạn lý trường thành); nơi nầy được xếp là kỳ quan thế giới hay là Patrimoine mondial de l'Humanité, công trình duy nhất xây dựng bởi con người thấy được từ mặt trăng: dài lối 6700 km, xe hơi có thể chạy trên ấy được... Chúng tôi và cặp vợ chồng trẻ mới cưới ở Montréal, trong số gần 40 người của đoàn du lịch, đã leo lên tận đỉnh của một đoạn tường, dọc đường khá nhiều tuyết trắng mới rơi hồi hôm vì là mùa đông, tháng một, lạnh lắm... Khi lên đến đỉnh, nhìn xuống dưới thấy nước Tàu thơ mộng trong lòng tuyết trắng, thật là một chuyến leo tường vạn lý hi hữu... Tại đây họ chụp hình và được mua một cái bằng có hình

chúng tôi chụp giữa đỉnh vạn lý trường thành, có ghi chữ Tàu và chử "J have climbed the Great wall, 15 Jan 2006», chữ Việt có thêm: «kỷ niệm 35 năm đám cưới 1971-2006: Hoàng-Dung.» Bằng cấp hiện treo tại phòng nhỏ gần salon ...

*** Thượng hải, Shangai**

Nơi buôn bán, mua sắm đủ kiểu, đủ loại, có lối 15 triệu dân... dạo bến Thượng hải, kiến trúc xưa, bên kia bờ sông Hoàng phố là thành phố mới, gọi là phố đông, phát triển với tốc độ ngày đêm không nghỉ; đã biến nơi nầy thành một trung tâm kinh tế tài chánh to lớn, với tháp truyền hình rất đặc biệt, ban đêm khu nầy được chiếu sáng do một công ty Pháp trúng thầu, rất là vĩ đại... hướng dẫn viên nói vùng nầy mỗi tuần khánh thành một cao ốc hơn 30, thêm vào 1000 cao ốc đã có ...

*** Hàng châu, Tô châu**

Nơi phát xuất tơ lụa, du khách được xem cách làm hàng tơ từ lúc là con én... tiệm chúng tôi vào tham quan, có hình Tổng thống Pháp và các nguyên thủy quốc gia thế giới đến xem; chúng tôi ai cũng mua mền đắp bằng tơ, rất nhẹ... có tham quan trà viên Long Tĩnh và dạo thuyền trên hồ Tây thật đáng đồng tiền...

*** Thẩm quyến**

Kế bên Hong kong, nơi Đặng Tiểu Bình muốn xây dựng một kinh đô thương mại quốc tế để cạnh tranh với Hong kong, rất to lớn, tân tiến, sạch sẽ... và du khách đến mua bán rất đông; có nơi du lịch quanh thế giới gọi là Cửa sổ thế giới, Window of the World, ta có thể leo lên tour Eiffel Paris, thăm Niagara fall ở Canada ...

Thăm mộ Phạm Hồng Thái ở khu Hoàng hoa cương...

*** Guilin,Quế lâm**

Nổi tiếng về dạo thuyền trên sông Li, hai bên bờ có núi cao mà ta thường thấy trong các tranh Tàu và nhiều con chim màu đen, lặn xuống nước bắt cá thế người...

Chúng tôi đi qua đây theo đường bộ từ Hà nội qua Lạng sơn rồi Nam ninh, Quế lâm... đi về cũng cả gần 1500 cây số, đường xa lộ bên Tàu rất tốt, giống xa lộ bên Tây vì ở giữa hai xa lộ đi và về có trồng hoa, cây xanh... Hôm chúng tôi ghé Nam ninh, đã 15 Tết mà ban đêm cả thành phố đốt pháo đến sáng mới thôi... Dọc xa lộ và đường phố, trên cây đều máng lồng đèn đỏ, như là hoa nở, nhiều biết bao mà nói... biết bao là công phu...

SINGAPORE

Một trong vài quốc gia nhỏ nhất thế giới,nhưng nền kinh tế rất cao... Thành phố rất xanh tươi, xây dựng theo theo chủ trương 40% đất, còn lại là trồng hoa, công viên, bãi cỏ... được xem là thủ đô sạch nhất thế giới. Xã rác ngoài đường hay làm dơ bẩn môi trường là bị phạt ngay. Có kỷ luật như vậy, nên noi gương để sống mạnh, khoẻ, vui vẻ, vì đâu đâu cũng xanh tươi, hoa lan đầy đường, ngay cả phi trường...

Hai ba ngày ở đây cũng đủ thăm viếng những nơi như khu giải trí Sentora có đủ trò chơi, nhiều chim két đủ màu, ta cầm lấy trên tay để chụp hình. Thưởng thức trình diễn nhạc nước cực kỳ hấp dẫn... Bảo tàng sáp kể về lịch sử của xứ mới nầy. Xem nhiều giống cá lạ ở Under water world... Botanic garden với vườn hoa lan nổi tiếng; công viên Sư tử biển, biểu tượng đất nước Singapore; tha hồ mua sắm quanh khu phố của một hải cảng nhộn nhip, an toàn nhất đông nam á.

MALAYSIA

Kuala Lumpur , thủ đô của Mã lai Á, một nước khá lớn ở Á châu, thuộc địa Anh quốc, nhưng mới thành lập năm 1957. Ngoài dân Mã là chính, còn gặp đủ giống người khác ở đây như Trung hoa, Ấn độ... họ có cả khu sinh sống buôn bán riêng biệt, nên đi xem... Đặc biệt hơn 90% dân chúng theo đạo Hồi giáo. Chúng tôi nhớ mãi có vào một tiệm bán quần áo mua vài món hàng vải đặc biệt ở đây, ông bà chủ quỳ giữa nhà lạy lia lịa cả nửa tiếng đồng hồ, rốt cục chả mua được gì cả...

Tham quan Tháp đôi Pétronas (Petronas twin tower), mấy năm trước là tháp cao nhất thế giới, bên trong là trụ sở hãng xăng Pétronas, và khu thương mại chiếm mấy tầng lầu. Ghé thăm Đài tưởng niệm Quốc gia, Quảng trường độc lập. Tham quan Cung điện Hoàng gia, rất ngạc nhiên vì nước nầy vẫn còn có vua cho trọn tình, chứ không có quyền hành gì cả. Trên đường, ghé thành phố mới Putra Java thật là đẹp, sang trọng... có một thánh đường Hồi giáo rất lớn, phụ nữ muốn vào xem người ta phát cho để mặc áo khoác ngoài màu hồng che cả tay chân lẫn đầu... Xứ Hồi giáo mà, nam nữ mỗi phái không dễ gì gần nhau bên trong thánh đường cũng như mọi nơi khác, ngay cả ở phi trường, nam nữ có đường cân hành lý, khám xét riêng.

Rời Kuala Lumpur đi lên miệt cao nguyên Genting một vài hôm để nghỉ mát hay chơi bài.

Casino Genting, nổi tiếng nhất đông nam á, rồi xuống núi bằng tháp treo rất dài để đi Malacca, một thành phố hơn 500 năm lịch sử với những ngôi nhà cổ kiểu Mã lai, kiến trúc ảnh hưởng Trung quốc, Ấn độ. Tham quan Bukit Cina-Chinese hill, quảng trường Hà lan, có cối xay cánh quạt, pháo đài Famosa... Ban đêm trở về thủ đô xem đèn và mua sắm chợ trời rất vui...

CAMPUCHIA

Đây là một dịp đi ngoại quốc cho người trong cũng như ngoài nước tham quan xứ Chùa tháp, một nước láng giềng mà trong thời kỳ chiến tranh không đi được, giá cả tương đối dễ chịu, chỉ có lối 200 đô la Mỹ, Saigon Tourist, hay Viet Travel... là ta có thể du lịch, khám phá Angkor huyền bí từ Sài gòn, bốn ngày ba đêm bằng xe bus máy lạnh, all included... Chúng tôi xin ghi lại đây vài kỷ niệm đẹp...

... Đến Trảng bàng ăn sáng với bánh canh đặc sản ở đây, và một ly café sữa kiểu cái nồi ngồi trên cái cốc, quê hương mình sao mà ăn uống hết sẩy luôn, ngon quá sá cho đám việt kiều Pháp... nhập cảnh Campuchia tại Mộc bài rồi xe từ từ , 50, 60 cây số một giờ cũng đến Siêm Rệp lối năm giờ chiều. Tôi rất ngạc nhiên vì ở đây rất nhiều khách sạn to lớn, có mấy cái 5 sao... khác biệt với nhiều nhà dân chúng ở dọc quốc lộ, phần lớn chỉ có hai mái, một cái giường tre, một đám con nít, nghèo nàn thấy rõ ràng hơn miền quê ta... thương thay. Khám phá Angkor huyền bí suốt một ngày hôm sau như Angkor Thom, Angkor Watt, là hai nơi chính, cách Siêm rệp lối 12 km. Đây là những nơi thờ thần, nơi yên nghỉ của vua, chứ không phải nơi vua ở, làm việc.

*** Angkor Thom**

Đây là cụm di tích được xây dựng vào thế kỷ thứ 13 do vua Jayavarman 7, nhà vua có uy lực nhất của triều đại Angkor. Một thời gian bị bỏ rơi, hoang tàn, cây cối mọc lên như đám rừng, mãi đến năm 1860, nhà thám hiểm người Pháp Henri Mouhot mới tìm ra và bảo tồn nó. Trung tâm Angkor Thom, là đền thần Bayon, có đến 50 tháp băng đá, cao trên 1 mét, đỉnh tháp tạc hình đầu Phật. Có 43 đầu Phật, cao khoảng hai đến ba mét, mỗi đầu có 4 mặt - tức tổng cọng 172 mặt, mỗi mặt đều giống nhau với nụ cười hiền từ khoan dung, nhưng mỗi mặt là một vẻ. Cái độc đáo là ở đó. Tôi tự hỏi là người xưa bằng cách nào có thể chuyên chở được bao nhiêu tấn đá, rồi dùng chất liệu gì để gắn chúng lại và còn đục đẽo tạc hình, cả mấy trăm năm không đổ... Thăm quảng trường đấu voi. Bệ voi đền Phimeanakas với những hình voi như thật. Đền Preyd-up, kiến trúc như tháp Chàm. Đền Ta Prohm độc đáo hơn cả. Trong vẻ âm u của đền, bên cạnh rất nhiều đống đá đổ nát, là những cây cổ thụ với rễ dài cả chục mét ôm quấn lấy các bờ tường ,mái nhà như những con bạch tuột quấn lấy con mồi để nghiền nát dần. Sự tàn phá của thiên nhiên trước một tuyệt tác của nhân loại thật đáng sợ, nhưng ở đây, các cây cổ thụ nầy hoà với ngôi đền tạo nên nét đặc sắc riêng, duy nhất trên thế giới, tôi chụp rất nhiều hình ở đây...

*** Angkor Watt**

Chiều, tham quan Angkok Watt. Với chiều dài 1500 mét, rộng 1300 mét, bao bọc bởi hồ trồng sen, có cầu dài đi vào đền, cho ta cảm giác rất hùng vĩ. Ngôi đền là nơi yên nghỉ của vua Suyavarman 2, người xây dựng ra nó vào thế kỷ 12. Đền xây về hướng tây, mang ý nghĩa của cái chết. Có 5 cái tháp nổi bật trong một khu đền đài tráng lệ. Hình nầy ta thấy trên lá cờ của Campuchia hiện nay. Cái đẹp của ngôi đền nầy là những công trình chạm khắc sắc sảo trên các bờ tường dọc hành lang bên trong. Cuối hành lang thứ nhất có một căn phòng rất lạ: đứng giữa phòng đấm vào ngực ta sẽ nghe có tiếng vang như tiếng chuông văng vẳng từ xa lại. Tôi có leo đến tận nơi thờ trên cao, tầng cấp dựng đứng cũng ngán lắm. Lên đến nơi, thấy du khách Nhật, ai cũng trang bị giày leo núi, găng tay trắng, ba lô có chai nước... còn tôi, mang dép, mặt quần sọt, tay trần... Leo núi Bakheng khá mệt để ngắm mặt trời lặng, phủ ánh vàng trên đền Angkor, rất nhiều du khách ngoại quốc, nhất là Nhật bản đứng đầy cả một khu núi cao; trang bị máy chup hình,quay phim tân tiến... Công sức đổ vào xây dựng Angkor đã làm kiệt quệ xứ sở Campuchia, dân chúng đói khổ, đến khi vua Jayavarman 7 chết đi, người Xiêm qua đánh, dân chúng mệt mỏi không giao chiến nữa và thua trận. Đế quốc Angkor suy tàn từ đó, người Khmer phải dời đô xuống Phnom Penh. Ban đêm, ở Siêm rệp rất vui, ăn buffet và nghe trình diễn nghệ thuật Apsara rất là đặc biệt Căm bốt. Sáng hôm thứ ba, trở về Phnom Penh, ngừng dọc đường, ta sẽ ngạc nhiên thấy người bán các món ăn chế biến từ các côn trùng như nhện, bò cạp... chiên dòn. Tôi có ăn một cái chân con nhện màu đen cốt ý để chụp hình hù bạn bè chơi... Chiều tham quan Hoàng cung với chùa vàng, chùa bạc. Quảng trường sông bốn mặt, đài độc lập. Buổi tối vào casino đen đỏ, gặp khá nhiều Việt nam chính cống từ Sài gòn lên, tiền xài như nước... Việt kiều nầy lé cả mắt... Casino nầy khá đẹp, có suối nước, cá lội ... trần nhà trang trí như các casino Las Vegas, nghĩa là như bầu trời luôn luôn có trăng, sao, 24 giờ trên 24... Ngày thứ tư, trở về Sài gòn, lòng tôi vui mừng vì được đi xem một kỳ quan thế giới còn sót lại ở rất gần Sài gòn. Tôi đã đi xem Kim tự tháp ở Ai cập, vĩ đại lắm... riêng các đền Angkor, tôi cũng thích lắm có lẽ vì có cây cối bao vây đền đài, và ở một nơi cùng một màu da vàng...

VIỆT NAM, QUÊ HƯƠNG TÔI

Nơi nầy, tôi đã trở về bốn lần chính thức, mỗi lần từ một đến hai tháng... chúng tôi đã đi từ Bắc vô Nam, từ Lạng sơn đến Hà tiên. Tham quan rất nhiều thắng cảnh di tích lịch sử quanh các thành phố lớn như Hà nội / Hạ long / Sapa... Huế / Đà nẵng /Hội an... Sài gòn / Nha trang / Đà lạt... Cần thơ / Châu đốc / Hà tiên ... Viết về du lịch Việt nam thì phải rất nhiều trang giấy mới đủ,vã lại cũng rất nhiều người quen đã đến đây... Trong khuôn khổ bài viết nầy, tôi chỉ xin giới thiệu 4 nơi tôi đã đi qua, có nơi rất nhiều lần. Nước Việt nam chúng ta đến nay có bốn nơi được Unesco công nhận là di sản văn hóa thế giới, đó là: Vịnh Hạ long, thành phố Huế, Hội an,và thánh địa Mỹ sơn.

*** Hạ long**

Chuyện xưa kể lại rằng có con rồng vĩ đại hạ cánh xuống vịnh, làm tung toé nước lẫn sỏi đá và tạo thành hàng trăm hòn đảo nhỏ đủ hình thù gọi là vịnh Hạ long hiện nay. Khách đi du thuyền thăm vịnh với vô số núi nhỏ giữa biển gọi là hòn, như Hòn chó đá, Hòn ly hương, Hòn gà chọi (đặc biệt nhất)... Ghé làng nuôi thủy sản, du khách có thể thưởng thức cá, mực, tôm tươi tại đây, thăm hang Sững sốt với nhiều thạch nhũ đa dạng. Đảo Titôp, đảo khỉ, rất nhiều khỉ xin ăn. Chèo thuyền trên vịnh, một kỷ niệm đẹp. Ngủ một đêm trên tàu Cánh buồm, phòng trang bị như khách sạn trên bờ, ăn uống khá ngon miệng, để nhìn

hoàng hôn và bình minh trên vịnh Hạ long thật tuyệt vời... 12 người trên chiếc thuyền đều chụp hình lia lịa... ngủ thêm một đêm trên đảo Cát bà để leo núi khám phá rừng với nhiều cây cối, chim chóc lạ... Hạ long đáng đi ba ngày hai đêm, chứ đi một ngày hơi ít như kỳ đi đầu tiên...

*** Huế**

Huế là kinh đô nước ta thời triều Nguyễn. Vua Bảo Đại là vị vua cuối cùng ở đây. Thăm viếng Đại nội, nơi các vì vua và hoàng hậu ở và làm việc. Đi thuyền rồng trên sông Hương, nghe ca Huế và thả đèn trên sông ban đêm. Thăm chùa Thiên Mụ, lăng vua Minh Mạng, Tự Đức... chùa Từ Hiếu, Từ Đàm, mua sắm đặc sản Huế ở chợ Đông ba. Đi ăn cơm vua, có mặt áo quần hoàng thượng, quan hầu, hoàng hậu, ... vui vui. Thăm viếng trường Quốc học, Đồng Khánh, Pellerin, Đại học Huế, khách sạn Morin; ăn chè bắp ở Cồn, bún bò Gia hội, bánh khoái cầu Đông ba, cơm Âm phủ, ba ông táo... cũng cần ba bốn ngày ở đây, yên tĩnh hơn Sài gòn nhiều...

*** Hội An**

Cách Đà nẵng lối 30 cây số là nơi đáng nghỉ chân vài hôm vì đây là thành phố cổ, nhiều di tích lịch sử đã được công nhận, Hôi An là một di sản văn hóa thế giới.

Ghé thăm chùa Cầu Nhật bản, Hội quán Trung hoa, nhà cổ, làng nghề truyền thống, khách thưởng thức món Cao Lầu Phố Hội và ban đêm xem thành phố thắp sáng bởi các đền lồng đủ màu...

*** Thánh địa Mỹ sơn**

Cách Hội An lối một giờ xe về hướng núi, tham quan Thánh địa Mỹ sơn, ngày xưa người Chàm ở đây, nay chỉ con vài cái tháp còn hương khói, phần còn lại toàn gạch đổ nát, rêu phong... nhớ đến bài hát Hận đồ bàn mà Việt Ấn ngày xưa, và Chế Linh gần đây hay hát...để nhớ lại một quốc gia đã bị xoá nhòa trên bản đồ. Thánh địa Mỹ sơn Con đường về Á Châu tạm ngưng kể chuyện ở đây, sẽ tiếp tục hành trình trong một ngày gần đây qua những nẻo đường mới nhiều học hỏi mới và vui sướng thêm để có dịp viết hồi ký du lịch cho mình và cho bạn bè để trao đổi kinh nghiệm du lịch... Đó là ước mong của người viết... Trong tương lai, động Phong nha ở Quảng bình cũng sẽ trở thành di sản, chúng tôi có ghé thăm. Đi thuyền vào động như vào nơi tiên cảnh, đẹp vô cùng. Gần đó, còn có cầu Hiền lương, Đại lộ kinh hoàng, thánh đường La Vang, đáng xem...

Aix en Provence, Juin 2008

◆ ***Võ Văn Hoàng***

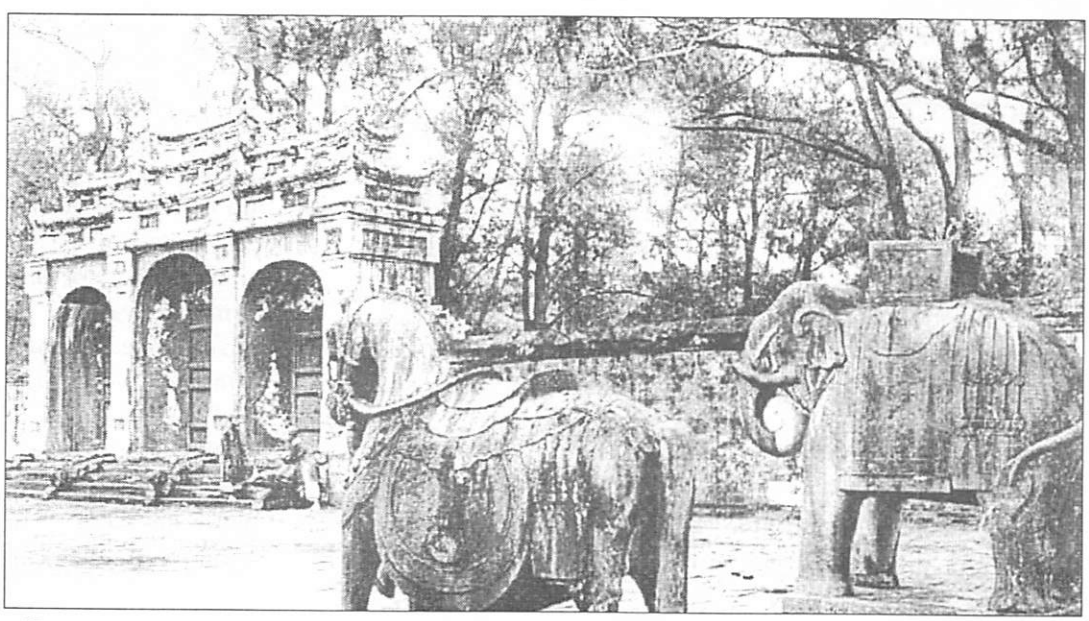

Giới thiệu tuồng "Đông Lộ Địch", bản Nôm sau cùng của thế kỷ 20, mới phát hiện

Nguyễn Hữu Vinh và Nguyễn Văn Sâm

Tháng ba, năm 2006, tôi (Nguyễn Văn Sâm) qua Viện Việt Học ở California để nói chuyện về Văn Chương Tranh Đấu Miền Nam thời Pháp thuộc. Sinh hoạt cũng bình thường thôi. Trao đổi với nhiều người cũng như tâm tình với một hai người ưu tư với văn hóa Việt trên đất nước người. Đời sống xứ người mỗi khi gặp ai đó có vẻ tha thiết với những gì của quá khứ Việt Nam, tôi thường hứng khởi nói nhiều, hỏi nhiều và cảm thấy không mệt mỏi trong câu chuyện.

Tình cờ tôi nói chuyện về Bình Định, về hát bội với ông Lê Cẩm Khoán (LCK), một nhân sĩ địa phương thường tới lui sinh hoạt với Viện. Buổi nói chuyện hôm đó đại ý như sau: Giáo sư nghiên cứu về tuồng hát bội, về chữ Nôm mà giáo sư có biết tuồng Lộ Địch hay không? ---Có, nhưng tuồng này là tuồng Quốc Ngữ mà, Cụ Ưng Bình mô phỏng theo tuồng Le Cid để viết ra. Tôi còn biết một bản khác về tuồng nầy là Tuồng Lôi Xích nữa. --- Nhưng tôi có một bản Nôm của tuồng Lộ Địch thế mới hay...

Tôi đổi lại thế ngồi, chăm chú nghe ông Khoán kể:

...Đầu thập niên 1940, cha tôi lúc đó hành nghề thuốc Bắc, ông có nhiều sách thuốc bằng chữ Hán in hay viết tay, ông cũng có nhiều sách quốc ngữ. Trong khi rãnh rỗi ông thường ngâm nga tuồng Lộ Địch theo bản quốc ngữ mà ông có. Phải nói rõ lại là cha tôi học chữ Hán, chữ Nôm với ông tôi từ nhỏ. Người còn đậu bằng Primaire nữa nên chữ quốc ngữ và tiếng Pháp cũng kha khá. Nghề thầy thuốc Bắc như là một nghề cứu nhân độ thế và không dính dáng gì đến chánh quyền đương thời. Những lần ngâm nga tuồng Lộ Địch của cha lọt vào tai ông nội tôi. Ông lúc đó hơn bảy mươi rồi, không biết quốc ngữ mà chỉ biết chữ Nôm thôi. Thích nhưng không tự mình đọc được, ông mới kêu cha tôi viết lại bản tuồng đó bằng chữ Nôm cho ông đọc. Cha tôi đã viết vào khoảng 1942 và ông tôi dùng bản đó để ngâm nga, thưởng thức. Cha tôi mất năm 1948 nên bản Nôm nầy chắc chắn không thể viết xong trước năm 1945 vì thời gian nầy ở vùng tôi rất lộn xộn. Cái hay là mình chỉ có một bản duy nhất và hơn sáu mươi năm ở vùng binh lửa nó vẫn tồn tại một cách ly kỳ. Số là sau khi ba tôi mất, chú tôi giữ một số sách vở mà chú thích, các quyển nầy được đem sang nhà chú. Trong khi nhà ông nội, rồi là nhà cha tôi bị bom đạn tan hoang, sách vở bị nạn không còn gì thì bản Nôm Tuồng Lộ Địch lại sống sót. Trong lần về Việt Nam cách đây hơn mười năm trước, 1995, tôi đem nó qua Mỹ, nó như là đứa em của tôi, như là một kỷ niệm của ông cha mình. Mặt khác, đem qua như là một hành vi bảo tồn một tác phẩm thiệt là đặc biệt dính dáng đến nhiều nước...

Tôi chờ lúc người đối thoại bớt xúc động mới rụt rè xin một bản sao photocopy. Cũng là vì muốn cho nhiều người biết thôi. Để xem dạng chữ Nôm thập niên 40 của thế kỷ trước như thế nào, để xem coi hai bản quốc ngữ và Nôm có ăn khớp hay không...

Nghĩ cũng là cơ duyên. Ông Khoán tới lui Viện Việt Học rất thường mà không ai biết ông có bản Nôm nầy, phải đợi ngày đó tháng đó tôi mới được biết. Cũng như trước đây gần bốn mươi năm tôi nhìn lên trên cây đòn dông của một nhà trên cù lao ông Chưởng, Long xuyên, thấy một quyển sách treo tòn ten mới hỏi chủ nhà sách gì. Và tôi được bản chép tay bản Nôm Sãi Vãi của Nguyễn Cư Trinh. Tất cả mọi chuyện đều

là cơ duyên.

Tìm được bản Nôm theo tôi là nhiều cơ duyên may, với một chút quyết tâm của người sưu tầm và đôi phần tình cảm với người chủ sách. Ta không cần nguyên bản gốc, chỉ cần được bản copy là quí rồi. Nội dung sách mới quan trọng...

***

Tuồng còn gọi là hát bội, là loại kịch hát rất đặc thù của Việt Nam, vốn có gốc gác rất lâu đời, từ các hình thức diễn xướng trong dân gian. Thời điểm chính thức xuất hiện là vào khoảng đầu thế kỷ 14 đời nhà Trần. Theo *"Đại Việt sử ký toàn thư"* thì vào *"năm Nhâm Dần, Đại Trị năm thứ 5 [1362], mùa xuân, tháng giêng, vua ra lệnh cho các nhà vương hầu, công chúa dâng các trò tạp hý. Vua xét duyệt trò nào hay thì được thưởng. Trước đấy, khi đánh Toa Đô, bắt được con hát là Lý Nguyên Cát rất giỏi nghề hò hát. Những con ở trẻ của các nhà thế gia theo thường theo y tập hát những khúc điệu của phương Bắc. Lý Nguyên Cát sáng tác các vở tuồng truyện cổ, có các tích như Tây vương Mẫu hiến bàn đào. Trong tuồng cổ có các vai quan dân, chu tử, đán nương, câu nô gồm 12 người, mặc áo gấm, áo thêu, đánh trống, thổi sáo, gảy đàn, vỗ tay, gõ ồn phím đàn, thay đổi nhau ra vào làm trò, khiến người xem xúc động, muốn cho buồn được buồn, muốn cho vui được vui. Nước ta có tuồng truyện bắt đầu từ đấy"* [1]. Như vậy, trong cuộc chiến tranh chống quân Nguyên xâm lược nhà Trần đã bắt được tù binh Lý Nguyên Cát, một kép hát tên tuổi ở phương Bắc. Triều đình bèn giữ lại để biểu diễn và cải tiến nghệ thuật Tuồng của mình về sau.

Thời các chúa Nguyễn, các vua chúa cũng ưa chuộng tuồng. Tương truyền Đào Duy Từ (1572-1634) là tác giả vở tuồng *"Sơn hậu"* viết trong thời ông phục vụ dưới trướng của chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên. Đây là một vỡ tuồng có ảnh hưởng mạnh mẽ trong dân chúng và hiện nay còn lưu hành nhiều bản Nôm khác nhau.

Sang đến thời vua Minh Mạng thì Duyệt Thị Đường là nhà hát được xây dựng quy mô trong Tử Cấm Thành. Riêng tính tại Huế những nam đầu thế kỷ 20, không kể Duyệt Thị Đường là nhà hát cung đình, thì cũng có khá nhiều rạp tuồng phục vụ quần chúng. Nổi tiếng nhất là rạp Đồng Xuân mà dân địa phương quen gọi là "rạp Bà Tuần" được xây dựng từ năm 1923. Song song với dòng tuồng ngự trong cung, dòng tuồng dân gian tiếp tục nẩy nở phù hợp với thị hiếu của quần chúng, nhất là những vở tuồng liên quan tới cuộc sống thường ngày.

Thường, tuồng được phân làm hai loại chính: 1) Tuồng không theo tích truyện Tàu như: *Quần tiên hiến thụy, Vạn bửu trình tường, tuồng Tào Lao, Tuồng Trần Bồ...* 2) Tuồng dựa vào tích truyện Tàu như các vở: *Tống Sứ, Hộ sanh đàn, Đào Phi Phụng, Lý Phụng Đình, Đường tăng Tây Du ký, Tam Quốc Diễn Truyện* (1), *Tam Hạ Nam Đường, Quan Công hồi cổ Thành, Tiết Đinh San cầu Phàn Lê Huê, Lôi Phong Tháp*...Loại tuồng thứ hai, còn gọi là tuồng đồ, chiếm phần lớn. Về sau này, Tuồng có xu hướng cải cách, không chỉ mượn ý từ những chuyện Tàu mà còn lấy từ các truyện trong dân gian Việt Nam như Trương Đồ Nhục, Trương Ngáo, Trương Ngố... hay trong lịch sử Việt Nam như Tượng Kỳ Khí Xa . Đặc biệt, Ưng Bình Thúc Gia Thị, một vị vương tôn Nho học của triều đình Huế đỗ khoa thi Ký Lục năm 1904, đã phỏng theo một kịch phẩm nổi tiếng của nền văn học Pháp thế kỷ 17, tuồng Le Cid của Pierre Corneille, để viết thành một tuồng hát bội nổi danh là trường hợp hầu như duy nhất (2). Tác giả thay đổi kết cục trong nguyên bản cho phù hợp với văn hóa Việt Nam, cho nên gọi tuồng này là tuồng *Đông Lộ Địch* (tuồng Le Ciq (Lộ Địch) của phương Đông). Tuồng Đông Lộ Địch là tác phẩm đầu tiên trong lịch sử tuồng cổ Việt nam lấy đề tài từ tác phẩm châu Âu. Cụ đã tìm thấy trong tác phẩm *"Le Cid"* những thí dụ đức hạnh của các nhân vật trong thế giới phương Tây, và những thí dụ này cũng được thế giới phương Đông ghi nhận như là những giá trị đạo đức. Trong lời *"Mẹo Tuồng"* cụ viết: *"Sự tích tuồng Le Cid có đủ trung, hiếu, tiết, nghĩa, nên tôi xét có*

nhiều điểm rất hợp với tinh thần luân lý Á đông. Như vậy kịch Pháp có thể dung hòa một phần nào với tuồng ta. Đó là lý do khiến tôi phỏng theo tuồng Le Cid mà diễn tuồng Lộ Địch...".

Tuồng Đông Lộ Địch là một thí dụ tiêu biểu sự ảnh hưởng của việc tiếp xúc với một nền văn hóa khác, không nhất nhất phải là Tàu, trong đó tính sáng tạo nghệ thuật theo tâm hồn Việt Nam đã được gìn giữ và triển khai. Chính cụ đã nhấn mạnh đây là 1 điều mới mẻ trong Tuồng hát. Trong bài Văn Tuồng cú (Câu văn tuồng) [2], cụ viết *"Trai tài gái sắc, con thảo tôi ngay. Chuyện đời xưa bên cõi Thái Tây, tuồng hát mới của người Nam Việt. Nghiên mài bút viết, phấn điểm hương tô. Liễu còn giăng trước cửa nhà Nho, hoa cứ dệt trên màn chữ Hán..."* .

Nói chung tuồng này là thí dụ rõ ràng của Trung Hiếu và Ái tình, như lời tựa *"Diễn truyện Lộ Địch"* bằng chữ Hán của tác giả: *Vấn đề thứ nhất trong Tuồng là Trung hiếu, điểm quan trọng trong Tuồng là Ái tình. Trong đời, ta cũng thường nghe kẻ trung hiếu ai mà chẳng trải qua chuyện tình ái. Tôi cũng theo người, xưa cũng như nay, nhưng làm Tuồng để làm gì? Chuyện tình éo le trong chuyện hiếu trung, chuyện trung hiếu khó xử trong chuyện đời tình ái, đủ chuyện oái ăm lắt léo, trăm ngàn khổ cực khó khăn, khó bề toàn vẹn. Chuyện hiếu trung khó xảy ra lại xảy ra. Chuyện tình ái khó giải lại có được kết cục được vẹn lòng người. Xem màn diễn gươm đâm bên bàn trang điểm mong được chết cho xong, coi màn người gửi thân cửa Phật cho qua kiếp người, nén lòng dục vọng, chịu đủ thứ buồn khổ. Chuyện diễn thành ra gương sáng cho Tâm lý học, chuyện lạ trong Luân lý học.*

Vì thế, tôi Ưng Bình Thúc Giạ cảm thán câu chuyện hiếu trung, tình ái này mà viết nên Tuồng để biểu dương kẻ thục nữ, để tán thán người anh hùng, không dám tự cho đây là một áng văn chương.

Ưng Bình Thúc Giạ Thị viết xong vào tháng đầu xuân năm Ất Hợi, Bảo Đại thứ 10 (3)

Về giá trị của tuồng này, những lời tán tụng sau đây của Cụ Ưng Tôn Thúc Thuyên thiết nghĩ không phải là màu mè mà thực tình nói được chân giá trị của tác phẩm: *Mùa xuân năm nay, cùng với anh là Quảng Bình Quan Sát Sứ Ưng Bình trở về kinh thăm nhà. Đêm rằm cùng bà con, bạn bè họp nhau nâng ly, ca hát ở nhà Liên Nghiệp (Liên Nghiệp hiên), Gặp lúc mưa đêm rả rích, hàn huyên thâu canh, Ưng Bình mới đem bản thảo vở kịch Lộ Địch ra cho xem và nói rằng: Tuồng này do danh sĩ bên trời Âu làm ra, nhưng nội dung và thực chất cũng giống y như chuyện nước ta, cốt chuyện thường tình, viết thành tuồng có hơi dài dòng, lộn xộn, không được mạch lạc cho lắm, chú đọc thử cho qua đêm mưa. Tôi bèn giở ra xem đề tài, cốt chuyện thì thấy văn thì hay, ý thì đẹp, đủ chuyện trung hiếu tiết nghĩa, buồn vui, hờn giận, tình tiết tuyệt diệu đủ cả, làm người đọc như đi vào thế giới của nhạc điệu Quảng Lăng, càng đọc thấy càng hay như ăn cây mía từ ngọn, càng ăn thì thấy càng ngọt. Đem so với các tuồng hát bội khác nổi tiếng như tuồng Lý Phụng Đình, Đường tăng Tây Du Ký thì tuồng này vượt hơn hẳn. Đem chuyện trời Âu viết thành chuyện đất Á tài tình như thế, đúng là chuyện hay cho các bậc thưởng lãm, là thuốc lành chữa bệnh "buồn" cho các bậc tao nhân. Trai gái có tình ý với nhau thì nên tranh nhau tìm đọc. Đừng để phụ lòng vì trên sân khấu đây là tuồng hát bội tuyệt hay, trong chốn ca múa là nơi lưu lại tuyệt tích ái tình diễm lệ.*

Tôi đây, không ngại tài hèn thấp kém, viết lên vài dòng, chỉ sợ không đủ tài viết ra hết được cái tài tình trong vở tuồng có đủ tình, tiết, thơ, nhạc này, xin người đọc lượng thứ cho. (4)

Tuồng Đông Lộ Địch được khai diễn lần đầu tiên in vào ngày 5, 6 tháng 5 năm 1928 ở rạp Xuân Kinh Đài, Huế, dưới sự tham dự của viên Khâm Sứ Trung Kỳ.

Sau năm 1937, tuồng được lần lượt công diễn nhiều lần ở các tỉnh Bình Thuận, Thanh Hóa, Quảng Nam, Bình Định, nhưng được diễn lại nhiều lần nhất là tại Huế. Theo nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương, ái nữ

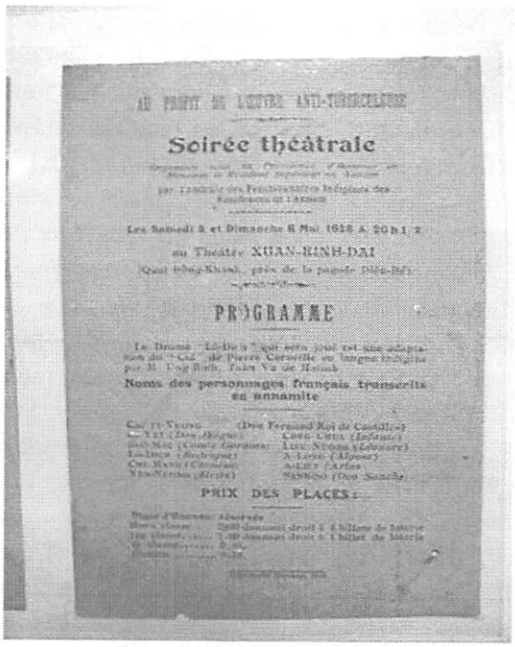
AU PROFIT DE L'ŒUVRE ANTI-TUBERCULEUSE

Soirée théâtrale

Les Samedi 5 et Dimanche 6 Mai 1928 à 20 h 1/2

au Théâtre XUAN-KINH-DAI

PROGRAMME

Noms des personnages français transcrits en annamite

PRIX DES PLACES :

Tờ program quảng cáo ở Rạp Xuân Kinh Đài, Huế (1928) và ở Munich, Đức (2002)

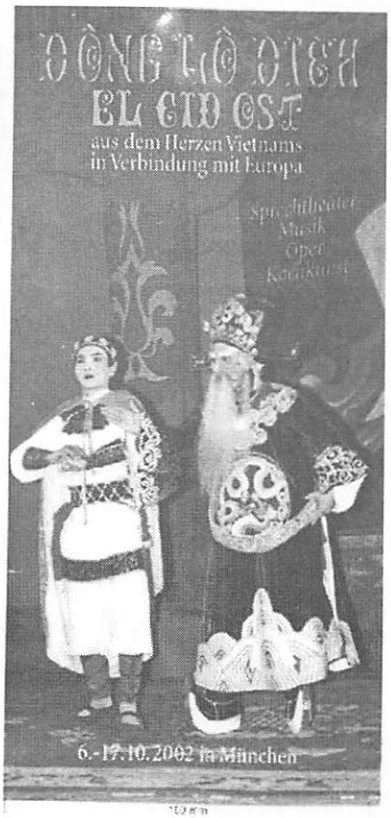

của tác giả thì *"tuồng Lộ Địch được công diễn từ năm 1928, đã gây tiếng vang trên sân khấu miền Trung và miền Nam một thời. Điểm đặc sắc ở tuồng "Lộ Địch", khác với nguyên tác tuồng Le Cid là ở chỗ kết cục, tác giả đã để nhân vật nữ chính là Chi Manh đi tu để giữ được trọn vẹn phẩm giá người phụ nữ theo tinh thần Á Đông"*. Sau năm 1975, tuồng cổ hầu như bị xao lãng trong một quãng thời gian dài, cho đến mấy năm sau này , vở tuồng *"Đông Lộ Địch"* đã được diễn lại nhiều lần, do nhà hát tuồng Đào Tấn ở Bình Định dàn dựng trên sân khấu ở Quy Nhơn (17-1-2000), Sài Gòn (14-3-2000), Hà Nội (19-9-2000), Huế (4-4-2001), và đặc biệt là ở sân khấu Châu Âu tại Munich, Đức năm 2002.

Từ lúc tuồng được diễn vào năm 1928 và Thần Kinh Tạp Chí cũng cho đăng lên báo, cũng theo ái nữ của tác giả thì tác giả trong những năm sau đó đã dành nhiều thì giờ sửa chữa lại bản thảo. Theo lời tựa *"Diễn truyện Lộ Địch"* của Ưng Bình thì tuồng viết lại xong vào năm 1935 là năm Ất Hợi, Bảo Đại thứ mười, bản văn được xuất bản năm sau, 1936, và được tái bản vào năm 1959. Một điều cũng đặc biệt nữa là tuồng này được viết và in thành sách bằng chữ Quốc Ngữ, chứ không viết bằng

chữ Nôm như thường thấy trước thời đó. Trong bài *"Lời Cáo Bạch"* tác giả viết *"Coi tuồng xưa thời coi tuồng Nôm dễ hiểu hơn chữ Quốc Ngữ, vì chữ Nôm là mượn chữ Nho mà làm ra; đặt tuồng hát thời chữ Nho phần nhiều, như hát Nam thời là chữ Nôm, hát Khách thời phải chữ Nho mới được; vả lại hưởng, tán, niêu, nồi, ngâm, xướng, thán, vấn cũng dùng chữ Nho phần nhiều; bởI vậy mê coi tuồng chữ Nôm hơn chữ Quốc Ngữ. Nhưng viết chữ Nôm phiền lắm, lại cũng có nhiều chữ Nôm đọc không chạy, nên phải in chữ Quốc Ngữ, nhưng câu nào toàn chữ Nho, hoặc trong câu có vài ba chữ Nho, mà đọc ra không được hiểu liền, thời chữ Nho ấy cũng in ra chữ Quốc Ngữ cho dễ đọc, mà phải nối thêm chữ Nho thiệt vào, để coi cho dễ hiểu nghĩa lý, và cho khỏi lộn điển tích..."*

Bản viết bằng chữ Nôm mà chúng tôi mới phát hiện trên trang bìa có hàng chữ Quốc Ngữ ghi bản Nôm do cụ Lê Cẩm Tú viết vào năm 1941 [3]. Chữ Nôm ở đây sắc sảo, rõ ràng, dễ đọc. Nhìn chung, có một ít khác biệt giữa bản Nôm và bản Quốc Ngữ. Ví dụ, bản chữ Nôm chỉ có lời tựa bằng chữ Hán của cụ Ưng Bình và cụ Ưng Tôn, không có *"Tựa"* của giáo sư Ưng Quả, *"Mẹo Tuồng"* và *"Lời Cáo Bạch"* của Ưng Bình. Trong tuồng, một số câu chỉ vẻ cho kép làm tuồng cũng không thấy có trong bản Nôm. Trong nhiều màn diễn, các vai diễn và kịch bản có hơi thay đổi, như màn thứ 30 Chi Manh lên Bạch Vân Am tu, trong bản Nôm vai Yến Nương không xuất hiện, cũng như những lời nói của A Liệt cũng được sắp xếp khác so với bản Quốc Ngữ. Những điểm này cho chúng ta nghĩ rằng, người viết bản Nôm có thể đã dùng bản thảo Quốc Ngữ có trước khi Ưng Bình sửa chữa thêm bớt lần chót để in thành sách vào năm 1936.

Về phương diện cấu tạo chữ Nôm trong bản văn, ta thấy đó là đặc trưng của loại chữ Nôm đầu thế kỷ 20, trong đó chữ hình thanh có khuynh hướng được sử dụng nhiều cho rõ nghĩa hơn. Với đặc tính của chữ Nôm trong bản văn, với thời gian ra đời đặc biệt của nó, Tuồng Đông Lộ Địch có thể là tác phẩm Nôm sau cùng của thế kỷ 20 mà ta có thể chấp nhận được mặc dầu những năm gần đây cũng có người làm công việc phiên từ chữ Quốc Ngữ sang chữ Nôm.

Phụ lục 1:

Tờ Bìa bản Nôm tuồng Đông Lộ Địch [3]

Phụ lục 2:

Bài tựa Giáo Đầu (Giáo Đầu Tự) (phiên lại từ bản Nôm):

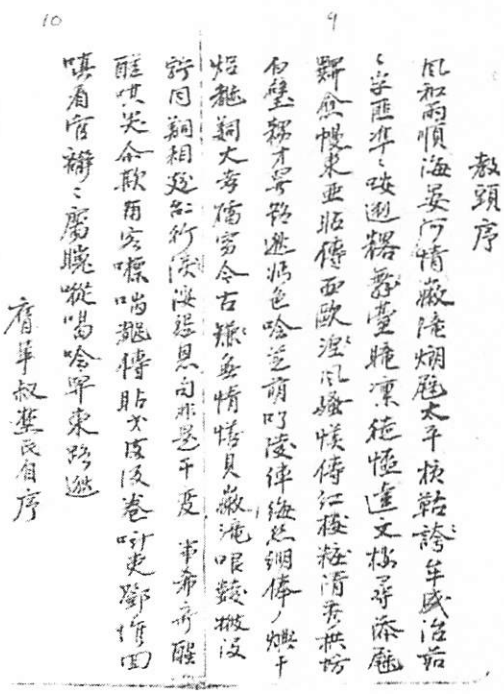

Ưng Bình Thúc Gia Thị tự tựa
Giáo Đầu Tự viết bằng chữ Nôm

Phong hòa vũ thuận, hải yến hà thanh, non sông rạng vẻ thái bình, cây cỏ khoe màu thạnh trị, nhà nhà phu phỉ, chốn chốn ăn chơi, trước võ đài trông lắm trò vui, trên văn án tìm thêm vẻ lạ, rủ màn Đông Á xem truyện Tây Âu, nét phong tao mỉa truyện hồng lâu, trang thanh tú cũng phường bạch bích, trai tài là Lộ Địch, gái sắc gọi Chi Manh, lếu lãng xe mối tơ mành, bỗng phút hừng cơn lửa đỏ, gương đại hiếu soi cùng kim cổ, gươm vô tình thẹn với non sông, cắn răng bẻ một chữ đồng, mở mắt chia hai hàng lụy, nỗi oán ân, câu thị phi, cơn biến [huyễn], sự hi kỳ, tỉnh, say, cười, khóc mấy khi; Nam, Khách, Niêu, Nồi đủ chuyện; xem qua vừa một quyển, kể lại đặng đôi hồi, xin khán quan lặng lặng mà coi, tuồng hát gọi là Đông Lộ Địch.

Phụ lục 3:

Câu vãn tuồng (phiên lại từ bản Nôm):

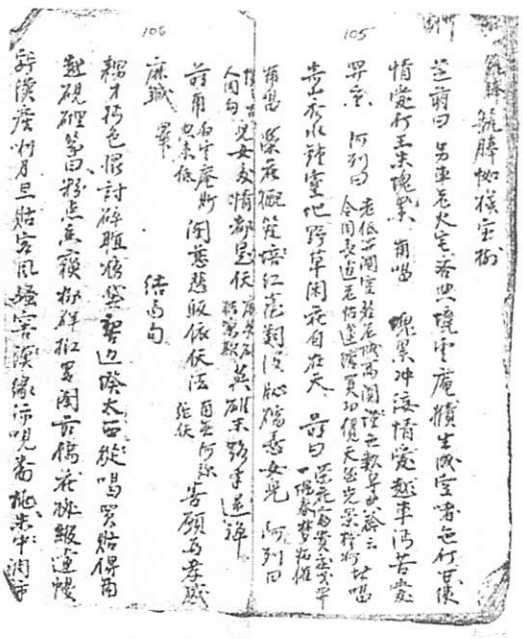

Trai tài gái sắc, con thảo tôi ngay. Chuyện đời xưa bên cõi Thái Tây, tuồng hát mới của người Nam Việt. Nghiên mài bút viết, phấn điểm hương tô. Liễu còn giăng trước cửa nhà Nho, hoa cứ dệt trên màn chữ Hán. Sẵn lời nguyệt đán của khách phong tao. Khéo mua duyên phải kén mặt đào, cho đúng điệu phải lừa vai kép. Cửa trường không hẹp, sân khấu càng đông. Non Nam ngưỡng chúc bệ Rồng, biển Bắc xin dồn thẻ Bạc.

Chú thích:

(1) Tây Du và Tam Quốc là những tuồng rất dài. Tây Du dài 100 hồi. (Mỗi hồi diễn một đêm) Hiện ở VN không thấy ai hay cơ quan nhà nước nào có. Chỉ có thư Viện Trường Viễn Đông Bác Cổ ở Paris là có một bản chép tay đầy đủ 100 hồi. Tam Quốc dài 120 hồi, các Thư Viện ngoại quốc không có, ở Việt Nam những nhà sưu tập mỗi người giữ từ vài hồi tới vài chục hồi, lỏn chỏn.

(2) Chúng tôi nói gần như duy nhất vì trước đó đã có các tuồng đạo viết bằng Quốc ngữ lấy ý từ các chuyện trong Kinh Thánh được xuất bản cuối thế kỷ 19 bằng Quốc Ngữ trong quyển Văn và Tuồng. Và đồng thời với nó là tuồng đạo Nôm Đa Vít. Nhìn tổng quan, tuồng đạo chưa qua khỏi giáo dân để đi vào số đông dân chúng Việt Nam nên ảnh hưởng rất ít.

(3) Dịch lời tựa của Ưng Bình viết bằng chữ Hán "Diễn Lộ Địch Truyện Tự".

(4) Dịch lời Đề tựa của Ưng Tôn Thúc Thuyên viết bằng chữ Hán "Độc Lộ Địch Diễn Truyện".

Tham khảo:

[1]. "Đại Việt Sử Ký toàn Thư", Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1998.

[2]. "Tuồng Lộ Địch", Ưng Bình Thúc Giạ Thị, Sài Gòn, 1959, do Tôn Nữ Hỷ Khương cung cấp

[3]. Tuồng Lộ Địch (bản Nôm) của ông Lê Cẩm Khoán ở Hoa Kỳ do giáo sư Nguyễn Văn Sâm cung cấp, 2007.

Qua Đò Ngang

B.S. Tô Đình Đài

Giờ đây còn đó hay không!
Muốn thăm chốn ấy mà lòng bâng khuâng
Tuổi đời gánh nặng vai mang
Sợ e người cũ khó lòng nhận ra

Tiếng hò sông Hương "đêm thương ngày nhớ"
Khách sang đò ngớ ngẩn, ngẩn ngơ
Ôi cảnh đâu đẹp tợ bài thơ
Người đâu ẻo lả ,tiên nga giáng trần

Xuyên ngang con nước trong ngần
Hình ai gợn sóng ngập ngừng nắng rơi
Nắng rơi ấm cả khung trời
Tim tôi rộn rã không lời nói ra

Mái chèo diều dặt thiết tha
Vui đùa với nước lời ca ngân dài
Hò ơi ! mây nước láng lai
Quay nhìn trở lại thở dài nhớ thương

Vô Danh

Để Cho Tôi Khóc

Đừng bảo tôi con thơ đang gào thét
đòi bú mẹ
Đừng nhắc tôi trẻ nhỏ đi học đã về,
tắm cho chúng nó đi em
Đừng khuyên tôi mình qua Mỹ tay trắng,
gắng làm việc tạo tương lai
Đừng nhủ tôi em gầy gò ốm yếu,
nghỉ thôi em.
Để cho tôi yên.
Để cho tôi khóc
lẽ suốt ngày ròng.

Khóc cho cha già tù tội không biết nơi nao
Khóc cho mẹ yếu thiếu cả manh áo, bát cơm
Khóc cho em thơ thẳng bán quà rong
bên vệ đường
Khóc cho cháu nhỏ không sữa thiếu tình cha
Thôi, để cho tôi yên.
Để cho tôi khóc
cho lịm đi.
Đừng đánh thức tôi dậy nữa cuộc sống ơi!

(khi biết Ba bị tù ở Côn Sơn, Mẹ và em về Saigon cơ cực và Anh mất tích ở Đà Nẵng)

Let Me Cry

Don't tell me our newborn is screaming,
wanting to be nursed
Don't remind me the children are back from
schools, please give them a bath
Don't advise me we came to America
bare-handed, let's work hard
to build a future
Don't try to comfort me you are thin and
fragile, and need to rest.
Leave me alone
Let me cry
silently all day long.

Let me cry for my father who is in some far
away, unknown prison
Let me cry for my mother who needs clothes
and rice
Let me cry for my youngest brother, now a
peddler on the street
Let me cry for my nieces having not enough
milk and missing the love of their father
Yes, leave me alone.
Let me cry
until I fall to sleep
Don't wake me up. Oh! Life

(Dec. 1975, Carmichael, CA. When I learned that my father was prison, mother was in great needs and despair, having no news from my brother after Danang's evacuation.)

Bài thơ này có 8 cách đọc.

Chỉ có tiếng Việt mới phong phú như thế!

Vô Danh

1. Bài thơ gốc (bài 1):

Ta mến cảnh xuân ánh sáng ngời
Thú vui thơ rượu chén đầy vơi
Hoa cài giậu trúc cành xanh biếc
Lá quyện hương xuân sắc thắm tươi

Qua lại khách chờ sông lặng sóng
Ngược xuôi thuyền đợi bến đông người
Xa ngân tiếng hát đàn trầm bổng
Tha thướt bóng ai mắt mỉm cười.

2. Đọc ngược bài gốc từ dưới lên, ta được bài 2:

Cười mỉm mắt ai bóng thướt tha
Bổng trầm đàn hát tiếng ngân xa
Người đông bến đợi thuyền xuôi ngược
Sóng lặng sông chờ khách lại qua

Tươi thắm sắc xuân hương quyện lá
Biếc xanh cành trúc giậu cài hoa
Vơi đầy chén rượu thơ vui thú
Ngời sáng ánh xuân cảnh mến ta.

3. Bỏ hai chữ đầu mỗi câu trong bài gốc, ta được bài 3 (ngũ ngôn bát cú, luật bằng vần bằng):

Cảnh xuân ánh sáng ngời
Thơ rượu chén đầy vơi
Giậu trúc cành xanh biếc
Hương xuân sắc thắm tươi

Khách chờ sông lặng sóng
Thuyền đợi bến đông người
Tiếng hát đàn trầm bổng
Bóng ai mắt mỉm cười.

4. Bỏ hai chữ cuối mỗi câu trong bài gốc, đọc ngược từ dưới lên, ta được bài 4 (ngũ ngôn bát cú, luật bằng vần bằng):

Mắt ai bóng thướt tha
Đàn hát tiếng ngân xa
Bến đợi thuyền xuôi ngược
Sông chờ khách lại qua

Sắc xuân hương quyện lá
Cành trúc giậu cài hoa
Chén rượu thơ vui thú
Ánh xuân cảnh mến ta.

5. Bỏ ba chữ cuối mỗi câu trong bài gốc, ta được bài 5 (tám câu bốn chữ):

Ta mến cảnh xuân
Thú vui thơ rượu
Hoa cài giậu trúc
Lá quyện hương xuân

Qua lại khách chờ
Ngược xuôi thuyền đợi
Xa ngân tiếng hát
Tha thướt bóng ai.

6. Bỏ ba chữ đầu mỗi câu trong bài gốc, đọc ngược từ dưới lên, ta được bài 6 (tám câu bốn chữ)

Cười mỉm mắt ai
Bổng trầm đàn hát
Người đông bến đợi
Sóng lặng sông chờ

Tươi thắm sắc xuân
Biếc xanh cành trúc
Vơi đầy chén rượu
Ngời sáng ánh xuân.

7. Bỏ bốn chữ đầu mỗi câu trong bài gốc, ta được bài 7 (tám câu ba chữ)

Ánh sáng ngời
Chén đầy vơi
Cành xanh biếc
Sắc thắm tươi

Sông lặng sóng
Bến đông người
Đàn trầm bổng
Mắt mỉm cười.

8. Bỏ bốn chữ cuối mỗi câu trong bài gốc, đọc ngược từ dưới lên, ta được bài 8 (tám câu ba chữ)

Bóng thướt tha
Tiếng ngân xa
Thuyền xuôi ngược
Khách lại qua

Hương quyện lá
Giậu cài hoa
Thơ vui thú
Cảnh mến ta

TẾT HUẾ NĂM XƯA

Thời con nít, tui thường hay hỏi mạ:
"Gần Tết chưa? Răng lâu rứa! mạ ơi!"
Đang nhai trầu, mạ ôm lấy đầu tui
Hun lên mái tóc hoe vàng mềm mại
"Cái thằng chó! Răng hỏi hoài, hỏi mãi!
Đợi chờ chi! Rồi Tết cũng tới thôi"
Tui bần thần, ngơ ngẩn, nhớ xa xôi:
Mơ áo Tết, mơ những đồng xu mới
Hường và táo lâu lắm rồi chưa thấy
Mứt gần ngào, cay xé miệng xuýt xoa!
"Sòng bài vụ, nhứt lục...phải tránh xa"
Lời mạ dặn: "Chớ la cà bài bạc"
Đánh bài tới, chơi trong nhà thì được
Sau ba ngày, hết Tết! Phải thôi ngay"
Gần cuối năm, theo mạ đi tết thầy
Quả gạo nếp, mấy gói trà Tam Hỷ
Bộ đồ Tết, mạ để dành trong tủ
Áo xa tanh, quần vải quyến nguyên hồ
Chiếc khánh cườm, lủng lẳng mấy hàng tua
Trông loè lẹt, nhưng cũng oai ra phết!
Quan trọng nhất là đêm ba mươi Tết
Cúng giao thừa và nghênh đón tân niên
Mạ dặn dò: "Năm mới! Con phải kiêng:
Không mở tủ, xuất nhà, không đạp đất!"
Bên hàng xóm, pháo giao thừa chưa dứt
Lũ trẻ con đã kéo tới đầy sân
Giành giựt nhau, la chí chóe lung tung
Mấy cái pháo tịt ngòi, rơi rãi rác
Tui sợ mạ! Đứng xa nhìn lấm lét
Sao như nghe pháo Tết nổ trong lòng
Đêm giao thừa ! Răng mắt mạ rưng rưng
Mừng con lớn ! Thương đời con :côi cút"

Hương Giang Nhất Tiếu
Lê Bá Ngữ

Mịt mùng thăm thẳm hư vô
Tết về nhớ mạ biết mô mà tìm!

Tâm Nguyện

Vô Danh

Mỗi cảnh chùa, một bài thơ
***Chùa Thiên Mụ** (1)*
"Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương (2)
Thuyền ngược sông Hương
Ghé vào ghềnh đá
Ngước mắt lên
Triền xuôi vách lá.
Mỏm núi chuồi chân, đầy đặn nửa vành trăng
Dìu em lên, bậc đá, mấy mươi tầng
Gối đã mỏi, mà hồn lâng lâng nhẹ
Vượt đường nhựa, hãy coi chừng em nhé!
Khúc ngoặc hiểm nghèo! Đời đẹp lắm em ơi!
Vẫn còn lên! còn lên nữa, chưa thôi!
Hàng trụ biểu đang nhạo cười em đó
Tháp Phước Duyên (3) ! bảy tầng cao vời vợi
Trầm ngâm nhìn giòng sông Hương chảy quanh co
Bên ni: Lương Quán , Long Hồ (4)
Bên tê: Long Thọ, Xuân Hòa, Đông Ba (5)
Nguyệt Biểu, bên nớ nhìn qua,
Rứa nơi mô Lưu Bảo, An Hòa (6) em biết không?
Lầu bia, chuông, trống quây quần
Vào Tam Quan, đừng sợ Tiêu Diện Thần nghe em
Ta vào thăm chánh điện,
Sân chùa! ngỡ lạc vào ngự uyển
Cỏ xén, hoa chăm, thẳng tắp cây trồng
Tàn cổ thụ, mái chùa cong, mấy ngọn tòng tháp bút
Cảnh tuyệt diệu! tần ngần, chưa muốn bước!
Đẹp hài hòa! trìu mến, yêu thương!
Hương trăm hoa phảng phất, quyện trầm hương
Đại hùng điện! ngắm nụ cười Di Lạc
Chuông ngân nga, vọng ra từ Quan Âm các
Lời mẹ ru! hay giòng sữa ngọt ngào
Vang vọng từ lòng đất tổ nao nao
Tim xao xuyến, dạt dào bao thương mến.

1. Bài này viết năm 1958, nhân dịp tham gia ban Hướng dẫn Trại hè Đồng Tiến tiếp đón và hướng dẫn Đoàn học sinh ưu tú các trường cấp 3 từ SàiGòn về Huế du ngoạn.

2. "Thọ Xương, Long Thọ": Thọ Xương xưa tức là đồi Long Thọ hiện nay. Tên củ là Thọ Khương, do trùng tên húy của Hiếu Khương hoàng đế, vương phụ của vua Gia Long, nên phải đổi ra Thọ Xương. Năm 1824 vua Minh Mạng lại đổi thành Long Thọ cương.

3. Tháp Phước Duyên: Tháp Thiên Mụ bảy tầng.

4. Địa danh hai làng đối diện bên phải chùa Thiên Mụ.

5. Hai địa danh đối diện bên trái chùa Thiên Mụ.

6. Nguyệt Biểu, Lưu Bảo, An Hòa địa danh các thôn ở hai bờ sông Hương.

CÁ MẮM XỨ HUẾ
MỘT KHO TÀNG THI TỨ MẶN MÒI

Bs Lê văn Lân

Viết về Cá và Mắm xứ Huế, tôi dựa vào ít ỏi vài tài liệu trong tay tuy không đầy đủ nhưng tôi hy vọng nêu lên phần nào một trong những nét đặc trưng ẩm thực của người dân Huế.

Trên thế giới hiện nay, duy nhất chỉ có dân Mỹ là không bị vấn đề thiếu thịt ăn, còn kỳ dư phần lớn dân của những quốc gia khác đều ở hoàn cảnh "đói thịt" (meat hunger). Dân Thừa thiên Huế đã chia xẻ một mẫu số chung về sự ăn cá và mắm với những người dân vùng Đông Nam Á nói chung và dân ba miền đất nước Việt Nam nói riêng. Cá và các loài thủy sản cùng với mắm và nước mắm chính là những thức ăn cơ bản sau cơm gạo và rau dưa cà muối.

Kho tàng phong phú của hằng trăm câu tục ngữ và ca dao Việt Nam đã khẳng định điều trên:

_ Nói về cá thì: Cơm với cá như mạ với con; Ngon cá khá cơm; Con cá đánh ngã nồi cơm; Cá bống kho tiêu, cá thiều kho ớt; Cá dở thì hấp hành tươi, Cá ngứa thêm nấm, cá buôi thêm ngò; Cá thiều mà nấu canh chua, Một chút dư thừa cũng chẳng bỏ đi; Ong, hương, hanh múi, ngạnh nguồn, Cá rìa, lệch núi chẳng nhường thịt heo v.v và v.v...

_ Nói về nước mắm và mắm thì: Nước mắm ngon dầm con cá liệt, Em có chồng nói thiệt anh hay; Cá kèo mà gặp mắm tươi, Như nơi đất khách gặp người cố tri; Cơm mắm, lắm cơm; Liệu cơm mà gắp mắm ra, Liệu cửa liệu nhà em lấy chồng đi; Muối mè ăn với ruốc kho, Có chết bên mồ cũng dậy mà ăn; Khách quen thân ruột rà, Mới được chủ nhà mời ăn mắm ruột v.v và v.v..

Chấm trên bản đồ, các xứ ăn cá và mắm ở dọc bờ biển và qui tụ nhiều nhất Viễn Đông là Việt Nam, Cao miên, Thái lan, Mã lai, Miến điện, Nhật bản, Cao ly. Dân Tàu các vùng duyên hải ở Hoa nam, Hải Nam, Phúc kiến, Quảng đông cũng ăn nước mắm và mắm. Tuy nhiên, cũng thời là nước mắm và mắm, mỗi xứ lại những kỹ thuật chế tạo nhìn đại thể thì giống nhưng lại có những tình tiết riêng biệt do đó mùi vị không giống nhau. Và cách pha chế để ăn cũng đương nhiên thay đổi tùy theo "gu" từng nước, thậm chí từng vùng, từng tỉnh...

Bờ biển Việt Nam dài hơn 2500 cây số , bắc có vịnh Hạ long, tây nam có vịnh Thái lan, chưa kể với nhiều vụng biển, đầm phá cùng những hải đảo cùng nhiều dòng hải lưu. Do đó có thể nói dân Việt Nam từ ngàn xưa đã biết làm nhiều thứ mắm. Duyên hải Trung phần Việt Nam dài nên chuyện ăn mắm mặn tương đối nhiều hơn miền Bắc. Trong khi dân Bắc thường chỉ hay nhắc đến mắm tép và mắm rươi..., dân miền Trung làm hàng chục loại mắm: mắm ruốc, mắm nêm, mắm tôm chua, mắm gạch cua, mắm cá ngừ, cá nục, cá cơm, cá rò ...Còn miền Nam với hai nhánh Tiền và Hậu giang của giòng sông Cửu long là nguồn thủy sản nước ngọt quan trọng nên Châu đốc và

Vĩnh long là hai vựa lớn về mắm đồng (dã hàm). Tỉnh Phan thiết và đảo Phú quốc là hai nơi sản xuất nước mắm quan trọng cho cả nước và xuất khẩu.

Nguồn thủy sản của Thừa Thiên - Huế.

Theo Tô-Hữu Quỵ (Hoàn cảnh Địa lý Huế - Thừa thiên / Đặc san Tiếng Sông Hương của Lê Chí Thảo 1983) vùng Thừa Thiên - Huế rộng khoảng gần 5 ngàn cây số vuông, nhưng đồng bằng chỉ chiếm khoảng 1/3 diện tích trên, được nhuần tưới bằng 2 sông chính là sông Hương và sông Bồ. Địa thế tổng quát của Thừa thiên - Huế cũng giống các tỉnh miền Trung, gồm đủ núi, rừng, sông, biển, đồng bằng. Nhưng điểm đặc biệt của Thừa Thiên- Huế là vùng đồng bằng trước khi ra đến biển giao hòa cùng nước mặn đã tạo thành những vùng đất phụ, trũng chiếm một diện tích quan trọng gọi là "phá" hay vùng nước "lơ lớ". Có ba phá là Tam Giang (49 km2), Thuận An (54km2), Cầu Hai (114km2). Nhìn chung thì đồng ruộng chỉ chiếm 500km2 và đất khô để ở trồng trọt khoảng 200km2, còn bao nhiêu là đầm phà, đất hoang và núi. Đất đai chỉ có vùng nằm hai bên Quốc lộ 1 tương đối bằng phẳng, mầu mỡ, nhờ đất phù sa và đất mùn của vùng cận sơn bồi bổ.

Nguồn thủy sản của Huế chính là do biển và các đầm phá. Chiều dài bờ biển là 78 dặm, nhưng diện tích chung của các phá là 217 cây số vuông. Riêng đầm phá Cầu Hai nhờ có độ mặn đặc biệt nên cung cấp nhiều hải sản ngon như tôm cá.

Thủy sản từ sông Hương thường không đáng kể, chỉ cung ứng cho các chợ địa phương do các vạn chài, nhất là vào mùa lụt. Cảnh lụt thì người dân Huế rất sợ vì cuốn theo người, nhà cửa, bò trâu nhưng theo bác sĩ Tôn nữ Phùng Mai, lụt cũng đem lại cho người dân vài thứ thủy sản bất ngờ:

Lụt là khi cá lúi trứng thơm.
Diếc, dầy, hồng sáp, ong hương
Ngạnh nguồn là cá lụt thương mang về
Chim mỏ nhát, triết, cò chim nghịch
Ấy sơn hào, hải vị cố đô
Cá chình, lệch huyết thơm tho
Bước ra Chợ Mới, mắm rò có ngay
Khế xâm nấu thịt gây hương vị
Lại dưa nưa, dưa kiệu , chuối cây
Chờ khi mưa lụt mới bày,
Bắp cau trộn với mè xay đỡ ghiền.
(Nhớ Vỹ Dạ của Phùng Mai)

(Chú thích về cá Ngạnh-nguồn : Cá này sống ở khe núi trên Nguồn của sông Hương, ít thịt nhiều xương, ở ngoài hai mang tai có hai cái ngạnh dài. Vùng Nguồn này có một thứ " măng giang" ăn mùi vị không ngon nên do đó có câu hát sau: Măng giang nấu cá ngạnh nguồn, Đến nay nên phải bán buồn mua vui. Theo cụ Tiểu Cao Nguyễn văn Mại, đây là một câu phong dao lịch sử nhắc đến cảnh cực khổ của đám dân ngoài Bắc theo chân Chúa Tiên Nguyễn Hoàng vào trấn nhậm vùng miền đất Ô Lý hoang vu nhưng họ đồng lòng quyết chí khai phá.)

Bão lụt thường gây ảnh hưởng trầm trọng về môi trường sinh thái cho nguồn thủy sản ở Thừa thiên - Huế. Bão lụt bất ngờ thường do những trận mưa trái mùa xuống những sườn núi dốc của dãy Trường sơn. Để ngăn ngừa lũ lụt, nạn chặt cây rừng phải được nghiêm cấm và người ta đang dự trù công trình do ngoại viện để xây một đập trên nguồn Tả trạch của sông Hương (Nguồn này phát nguyên từ núi Trường đông, dài quanh co cả trăm dặm rồi lao mình xuống với 55 ngọn thác nước đổ sóng reo rồi từ từ chảy đến ngã ba Bảng Lãng để hợp với nguồn Hữu Trạch thành con sông Hương chảy lững lờ ra biển).

Phá Tam giang ngày xưa vào cái thuở " Nhớ em anh cũng muốn vô, Sợ Truông nhà Hồ, sợ Phá Tam giang" thì sâu nhưng vì phù sa bồi lắng nên càng ngày càng trở nên cạn đi với chiều sâu hiện nay khoảng 2 thước. Phá Tam giang là một trong những phá lớn vùng Đông Nam Á. Một hoạt động khởi sự vào năm 1977 trong sự nuôi dưỡng rong biển nguyên thủy càng ngày càng gia tăng làm cho đầm phá trở thành thuận tiện cho sự dưỡng ngư đem lại nhiều thu nhập hơn đánh cá ở biển ví du vào năm 1994 thâu

hoạch của sự đánh cá ở biển cao ba lần hơn thâu hoạch của dưỡng ngư nhưng giá thành bán cá nuôi cao bốn lần hơn cá bắt và tôm cao chín lần hơn. Tuy nhiên trận lụt vào tháng 11 năm 1999 là một trận lụt lớn nhất thế kỷ đã gây một thiệt hại khủng khiếp. Trước khi lụt này, phá chỉ thông với biển Đông bằng hai cửa nhưng sau lụt thì làm lở trôi thêm một phần giải đất ngăn đầm phá với nước biển và chỗ lở này nằm trên đường thẳng với giang khẩu nên đã gây nhiều rối loạn về cấp độ mặn của nước lợ trong đầm phá nên ảnh hưởng trầm trọng cho dân dưỡng ngư và nhà nông, ví dụ như tôm cá đầm Cầu Hai sở dĩ ngon là nhờ độ mặn lý tưởng của vùng nước ở đây.

Mâm cơm của Mạ

Nhìn lại hoàn cảnh địa lý thiên nhiên với thiên tai lũ lụt hằng năm của vùng Thừa thiên - Huế, hột cơm con cá đối với người bình dân chưa hẳn đã dễ làm ra nếu không phấn đấu cơ cực. Do đó, cách ăn uống của đa số người dân là "chém to kho mặn". Ta hãy nghe Huy Phương tả những mâm cơm gia đình của anh hồi nhỏ:

Thuở ấu thời , mắm cà cùng muối đậu
Con đã quen ngon miệng món nhà bần
Lúc mớ rạm ngoài đồng đem rang muối
Mùa nước lên con bống thệ kho khô.
Những chột nưa mạ nấu cùng tí ruốc,
Rau tập tàng vị ngọt những ngày thơ.
Đọt rau khoai ngọt ngào con tôm đất
Hũ tép chua có những lát măng vòi.
Bánh tráng nướng còn thơm mùi mít trộn
Những món quen con vẫn nhớ trọn đời.
Ngày mưa bão, trên mâm thường trứng luộc,
Trưa mùa hè, nước rau muống thay canh.
Chút dưa, muối cũng vội vàng xong bữa
Sao mạ hay... ngồi ăn cuối một mình.

(Con là con mèo Trạng Quỳnh của Mạ_ Huy Phương)

Cái ngon đến nhức chân răng!

Qua hồn thơ Huy Phương, tôi bỗng hiểu tại sao tâm lý của những người Việt trăm người như một .Khi nhắc món ngon quê mẹ nhất là mắm đều ca tụng hết lời tưởng chừng chỉ có nó mới đáng gọi là ngon. Qua mắm muối dưa cà kham khổ họ đã tìm lại hình ảnh của người mẹ lam lũ hy sinh. Khẩu vị của họ đã bị " điều kiện cách" nên trước miếng hamburger của Hoa Kỳ , họ dửng dưng như con mèo của Trạng Quỳnh ngày xưa vậy.

Về phương diện tiến hóa, mọi sinh vật sơ đẳng đều phát triển sơ khởi trong môi trường nước biển và cơ thể con người là một thùng nước muối đẳng trương di động. Do đó, thực phẩm chúng ta ăn đều ít nhiều phải có muối và vị " mặn" là nòng cốt của vị giác. Một người bạn đã hỏi tôi về một bà tôn nữ ở Huế trước khi đi lấy chồng đã đãi người yêu một bữa ăn gồm 21 món muối, chuyện đó có thực không?" Tôi thú thực có nghe chuyện cơm muối này với tình tiết tương tự, nhưng con số thì khác! Người nói 10 kẻ nói 12 đại khái kê ra là :muối sống, muối trắng, muối rang, muối hầm, muối tiêu, muối tiêu chanh, muối ớt, muối sả, muối ruốc, muối khuyếc, muối đậu, muối dầu lai...

Thông điệp của bà tôn nữ qua bữa cơm muối "vừa ăn vừa ngậm mà nghe" trên phải chăng gói ghém một cách lửng lơ: Ai biết tình ai có đậm đà? Riêng tôi, bữa cơm này phải gọi là bữa cơm Chương đài! Vì phần nào khi gặp lại về sau thì "Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay" và phần nào cũng giống chuyện "Một mình ăn hết 12 vại cà" của một anh chàng làm rể nào đó qua ca dao! Đậm đà mặn mòi đâu thì chưa biết , nhưng chắc chắn là tha hồ mà khát. Không phải khát tình mà là khát nước chết bỏ. Cũng may là không có bữa cơm Chương đài dọn ra với nhiều thứ mắm.

Nói chí tình, mắm muối quả là rất ngon bổ lành mạnh. Mắm một khi quen ăn thì bắt ghiền vì đây là thành phẩm của nhiều diếu tố thiên nhiên trong tế bào tôm cá gây ra một tác dụng tự phân giải cộng với tác dụng lên men của các vi khuẩn hiếu diêm (chịu muối). Nhờ cá và mắm, dân Việt nam nghèo không bị thiếu dinh dưỡng về protein, thiếu calcium trong xương cá và thiếu sinh tố B 12 rất nhiều trong những rong rêu

trong ruột cá. Mắm lại chứa hơn 100 hóa phẩm dễ bay hơi gồm hydrocarbons, alchohols, carbonyls, acid béo, esters ; do đó mắm dễ dậy mùi, ăn vào đúng là "ngậm mà nghe" vì hương vị của những amino-acids lừng lên để tác dụng trên gai lưỡi và kích thích các tiêm mao trong xoang mũi.

Người ta thường ăn mắm kèm theo nhiều rau cỏ và nhiều phụ gia phẩm mà mỗi thứ đóng góp những hương vị riêng : khế chua, vả chát, ớt cay, tóp mỡ béo, mè và đậu phọng bùi, tỏi nồng, riềng the ngai ngái. Đúng là "Trùng dương mở hội" khi ăn một đọi cơm hến nêm nếm vô với trên dưới 21 thứ phụ gia phẩm và gia vị. Dân Huế có đặc tính ăn rất cay với đủ "giai tần cấp độ về thống khổ" do tác dụng của capsicain của ớt trên các giác quan: cay chẩy nước mắt, cay sặc đến nấc cụt, cay xé lưỡi, cay điếc lỗ nhĩ, cay toát mồ hôi, cay đến tận hậu môn, chu choa là sướng. Cái ngon của mắm- quả là "bất khả tư nghì" bằng ngôn ngữ của nhân gian, họa chăng với thành ngữ đơn sơ "ngon đến nhức răng" nghe ra ý vị và mênh mang ! (Tên gọi trái" ớt " của Việt ngữ nghe âm hưởng giống những tên Nga-yok của Miến điện, Prik yuak của Thái lan trong khi tiếng Tầu gọi ớt là "lạt tiêu " (Q.đông: lat chiếu/ Bkinh:la chieo)

Nét ăn của người Huế

Thủy sản là nguồn thực phẩm cơ bản cho người dân xứ Huế. Chị Nguyễn thị Hiệp ở Austin đã giúp tôi nhận diện điểm danh ra vài loại cá mà chị từng quen thấy ở Huế trong cuốn Seafood of South-East Asia của Alan Davidson (Federal Publications 1976).

1) Cá sông có đối,hanh, hương vàng,mối,mú, mú heo, phèn, úc.

2) Cá biển có bạc má, bè cam, cơm , chuồn, mòi, nhồng, sòng, thu.

Sự liệt kê trên đương nhiên còn thiếu nhiều ví dụ như sách trên không nhắc đến:

_ Cá phác lát (thát lát), cá lóc gốc từ trong Nam đem ra nuôi do bà Từ Dũ. Cá phát lát đem ra nuôi ở cống Phác lát, lạng thịt làm chả.

_ Cá bống thệ (thường dùng kho lửa riu riu với thịt ba rọi rau răm, ớt bột tiêu đường nước màu cho đến khi cá nhìn trong như hổ phách) ;

_ các loại nuốc (nuốc tai, nuốc chân) dùng ăn giấm nuốc

_ những con mực giã để làm chả thơm lừng mùi tỏi .

Nét ăn của dân Huế có một đặc thù ít nơi khác theo kịp là mùa nào thức nấy phải theo đúng thời điểm lý tưởng như câu thơ theo trường phái tượng trưng của Nguyễn xuân Xanh : Đáy đĩa mùa đi nhịp hải hà.

Đất Huế - Thừa thiên, mỗi năm có hai mùa: mùa nắng ráo và mùa mưa lụt. Dựa theo Sách dậy nấu ăn lối Huế của bà Hoàng thị Cúc, cách chọn tôm cá theo mùa như sau:

_ Về cá:

*Mùa nắng là những tháng hè là mùa của các thứ cá nục, thu, ngừ ...Trong thơi gian từ tháng 2,3 cho đến tháng 7,8 thì giữa tháng 4.5.6 là cá biển nhiều và ngon hơn cả.

* Mùa mưa lụt thì sẵn có các loại giếc, lúi, cấn, mại (từ tháng 9 đến 11.12); còn cá trầu, rê, trê, phát lát từ tháng 10 đến tháng 3.

_ Về tôm:

* tôm gân thì mùa nào cũng có, nhưng tôm đất có từ tháng 10 đến tháng 2;

* Các loại tôm sú, rằn là ngon nhứt vào tháng 3.4.5 (món tôm chua cần phải tôm rằn)

_ Về Cua: phải kiếm mua vào những tháng 4,5,6 tuy rằng tháng nào cũng có, nhứt là tìm những cua lột (hay cua bấy), còn cua gạch thì có trễ hơn.

_ Riêng về hến, ta hãy đặc biệt tìm hiểu thêm: Nghề cào hến tại Cồn Hến để bán làm cơm hến có lẽ có từ lâu nhưng chỉ bắt đầu phổ biến dưới triều vua Thiệu Trị. Nhân một người đầu bếp thượng thiện dâng món cơm hến cho vua ăn, vua thấy khoái khẩu bèn hỏi thăm lai lịch và biết rằng việc cào hến cực nhọc nên thương tình ban sắc lệnh miễn thuế cho nghề này. Cơm dùng ăn

cơm hến phải là cơm nguội. Đây chính là một món ăn dân giả được lọt vô khẩu vị của chốn cung đình. Ngoài ruột hến xào với bún tàu thì các phụ gia phẩm cho một đọi cơm kể ra rất nhiều như ruốc, ớt bột, ớt trái xắt nhỏ, đường, muối, nước mắm ruốc, tỏi đâm, dầu phụng hay mỡ, đậu phụng rang, tóp mỡ, một rổ rau gồm rau thơm, môn ngọt, chuối sứ, khế chua xắt nhỏ trộn chung. *"Cái đặc thù của cơm hến là sau khi người bán bỏ cơm, ruột hến cùng các phụ gia phẩm thì người ăn nếm thử có vừa miệng không rồi nhân tâm tùy thích tự tay mình nêm thêm gia vị pha chế"* (viết theo Lê đình Hạnh: Cồn Hến và Cơm Hến tháng 6/ 2003)

Cung đình và dân dã

Huế nguyên là đất dấy nghiệp của nhà Nguyễn từ giữa thế kỷ 16 rồi sau đó trở thành kinh đô trong 143 năm (1802 - 1945) , do đó có một sự giao lưu ảnh hưởng về lề lối ẩm thực giữa hàng vương giả với kẻ thứ dân. Ngót 100 phủ đệ của ông hoàng, bà chúa sống hòa lẫn với khu vực dân cư ở các vùng như Kim Long, Vĩ dạ, An Cựu . Bằng chứng điển hình về sự giao lưu nhất là cuốn Thực Phổ Bách Thiên của bà Trương Đăng thị Bích, phu nhân Hiệp tá Đại học sĩ Hồng Khẳng. Tuy là người ở vương phủ biên soạn năm 1910 nhưng chỉ nói đến 34 món ăn cung đình, còn lại là món ăn dân dã kê ra nào là 7 loại dưa cà, 14 loại mắm...

Riêng kể điển hình về các cá biển, cá sông thì sách trên kê ra các món: cá ngừ kho thịt, cá ngứa kho rim, cá dìa, cá đối kho nước, bống thệ dừa kho rau răm, cá rô um muối, cá mú chiên bọc trứng, cá hanh hấp, canh cá trầu nấu ám, cá ốc mó nấu thơm, cá kình nấu măng chua, cá tràng, cá khỏe nấu ngót. Về cách kho cá bình dân phần lớn ở miền Trung và ở Huế thi cá biển thường kho lẫn với các rau quả như khế, cà chua, dưa hường, mít non hay xơ mít. Sau đây là món "Cá Ngừ kho với thịt" trích trong sách của bà Trương Đăng thị Bích để lem thèm quí vị chơi:

Cá ngừ cắt lát phải hơi dày,
Thịt xắt thêm vào nữa cũng hay
Muối với tiêu đường cùng vỏ ớt
Nước ngang kho rặc duống liền tay

Đặc biệt có món "tôm sú kho đánh" rất phổ biến ở Huế, chúng ta thấy kê ra trong sách Thực phổ bách thiên không biết có nguồn gốc cung đình hay dân dã?

Một chút chi dí dỏm về tiếng Huế!

Cũng trong chuyện ăn cá, dân Huế chữ nghĩa cũng sáng tác ra vài giai thoại khá lý thú:

Trước hết là đặt tên cho một loài cá gọi là Cá Long Hội, mới nghe ra thì nghĩ là con cá gì đặc biệt trong sách Nho, ai ngờ đó là con cá rất nhiều xương, ăn vô phải " lôi họng" ra!

Sau là câu chuyện một ông nhà giầu muốn kén rể thâm nho. Một hôm, có hai anh chàng muốn ngấp nghé làm rể được ông mời ăn cơm. Trên mâm cơm, ông cho dọn ba món : canh, kho, xào dọn trong những chén dĩa đẹp đẽ quí phái đàng hoàng, nhưng đặc biệt giữa mâm lại bày thêm một cái vịm nhỏ có nắp đậy rất ư lịch sự bên trên dán một tờ giấy trang kim viết hai chữ nho là Thuận Đức. Khi bắt đầu ăn, hai chàng thí sinh đông sàng mới thấy ba món trong mâm, món nào cũng dọn ra toàn cá Long hội, nên khiến hai chàng này ăn chẳng vô mà khạc ra thì vô lễ... Bỗng một anh bèn với tay ra lấy cái vịm Thuận Đức để trước mặt anh, xong anh bắt đầu ăn thoải mái những món cá dù là cá nhiều xương lôi họng! Anh ăn từ tốn lấy lưỡi lừa xương ra rồi đưa cái vịm lên để thủng thẳng nhả xương vô rồi xong đậy nắp vịm lại rồi ăn đến món khác. Còn anh kia ngớ người ra không biết làm sao? Kết cuộc, ông nhà giầu gả con gái cho anh chàng đã biết " nhả xương vô vịm"!

Lý do là trong sách Nho có câu nói không nhớ biết có phải của cụ Khổng tử không, câu này nguyên 4 chữ là Thuận Đức Dã Xương. (ý nghĩa có thể là làm thuận những điều đức hạnh, ấy là tốt đẹp thay). Ông nhà giàu bèn thử xem những anh chàng muốn lấy con gái ông có thuộc câu

này hay không? (Người Huế có tật nói chớt phụ âm kép NH như nói cái" nhà " thành cái "dà", nên chữ "dã xương" trở thành "nhả xương"!! Do đó, cái vịm Thuận đức kia chính là cái vịm đựng xương cá mà người ta "nhả" vô đó!)

Cũng nói thêm là về một giai thoại khác liên quan đến chữ "nhà" là một ông nọ cất một căn nhà mới, nhưng ông dự trù rất nhiều vật liệu trên mức cần thiết tối thiểu, mà con cháu thì lo lắng hỏi tại răng? Ông bèn giảng là khi cất nhà tức thị phải "làm già" ! chứ ai lại đi làm non thiếu hụt chết!

Các loại mắm Huế theo Thực Phổ bách thiên

Nói chung, nguyên liệu chính của món mắm là thủy hải sản và muối nhưng tùy theo phong thổ từng vùng mà mỗi loại có những dị biệt về phân lượng muối và thời gian ủ chín nên do đó mùi vị, màu sắc và ù cách chế biến pha trộn khi ăn cũng khác nhau.

Theo kinh nghiệm đúc kết của bà Phan thị Ngọc Liên, chủ cơ sở Mắm Ngọc Liên thì : Người miền Tây có xu hướng thích ăn mắm vị mặn vừa phải, thịt ngọt, không sử dụng ớt trong quá trình ủ mắm mà sử dụng lúc chế biến thành món ăn. Gu ăn mắm của người sống ở miền Trung trở ra chủ yếu: mặn và cay.(Mắm xưa và nay - Saigon Tiếp thị).

Thành ra chủ yếu là cái kinh nghiệm của người làm mắm cho từng loại cá và khẩu vị của dân từng miền đã định đoạt trong sự chế biến. Thủy hải sản càng nhỏ, sống gần vùng nước mặn có thời gian chín thành mắm ngắn hơn loại cá cỡ lớn sống gần vùng nước ngọt. Mắm đồng thời gian chín từ 4 - 6 tháng trong khi mắm làm từ cá biển thời gian chín trung bình 2 - 3 tháng, mắm nước lợ chín sau khi ủ khoảng 3 - 4 tháng.

Bây giờ dựa vào nhận xét trên, ta thử khảo sát lại cách làm mắm của bà Trương Đăng thị Bích:

Đối với loại cá biển cỡ lớn thì cá mười, muối ba:

* Ngừ, gai, nục chuối thịt như nhau
Lấy ruột riêng ra ướp được lâu
Cá chục, muối ba dằn thiệt kỹ
Rồi rang thính lại bỏ theo sau.
*Ướp đối cùng dìa xẻ ruột ra
Cá mười, ba muối chẳng chi già
Đá giằn ít bữa coi vừa đặng,
Rang bắp xay dần bỏ thính qua

Một chi tiết cần chú ý là những ruột cá thơ sớ mềm và chứa nhiều vi khuẩn phải đề riêng ra kẻo ảnh hưởng đến thời gian ủ muối. Nhưng khi làm Mắm nạc Ngừ xây bột trộn với Ruột thì phân lượng là Cá mười, Muối một , chỉ trong vòng 10 ngày là ngứu rồi:

Nạc ngừ làm bột, ruột làm pha
Vằm nhỏ mười phần, một muối mà.
Xắt tỏi cùng riềng đều trộn lại
Mười ngày chín ngứu rắc tiêu qua.

Còn đối với các thứ cá cỡ nhỏ thì phân lượng bớt như sau: Cá 10, Muối 2

- Mắm nêm cá cơm:

Cơm than, nục chuối mắm nêm ngon
Cá chục, muối hai cũng chẳng non
Nhận chặt gài mê cho kỹ lưỡng.
Để lâu thơm chín đỏ như son

- Mắm nêm cá nục:

Nục nhỏ làm nêm lắm kẻ ưa,
Đong ngang chục cá, muối hai: vừa
Ghè khô nhận chặt phơi mươi bữa
Gió bẩy mùi thơm biết chín chưa

Nghệ thuật làm thơ của tác giả Thực Phổ bách thiên dạy về kỹ thuật làm mắm quả là nghệ thuật "trói voi bỏ rọ", bao nhiêu chi tiết cần thiết cô đọng lại (Zipping !) trong vài chữ, muốn hiểu ta phải unzip ra từng chữ đó như câu thứ ba 7 chữ phải chặt làm ba: " ghè khô" "nhận chặt" "phơi mươi bữa" nghĩa là:

" ghè phải khô sạch nếu không chùi kỹ thì những loại vi khuẩn xấu làm nhiễu hại sự lên men tự hủy mà gây ra rữa thối (putrefaction)

" nhận chặt để tránh hiện tượng "nong nước" của thớ cá

" phơi mươi bữa để dùng cái ấm của nắng làm xúc tiến sự lên men tự nhiên

Mắm tôm chà quí phái ở Huế nghe đâu do bà Từ Dũ mang ra từ quê hương Gò

công của bà.

Mắm Tôm Chua xứ Huế ra răng?

Bây giờ, chúng ta khảo sát về cách làm Mắm Tôm chua:

Tôm tươi phèn rửa hớt đầu đuôi
Muối rượu say sưa để một hồi
Ớt, tỏi, măng, riềng, xôi đủ vị
Trộn đều gài chặt ấy là rồi!

Đây là một sự "lên men chua"(lactic acid bacterial fermentation) với tác dụng của nhiều thứ vi thể (microorganism) như leuconostoc mesenteroids, pediococcus cerevisiae, lactobacillus plantarum.. Ở Phi luật tân, mắm Burong dalag làm bằng cá, thính và mẻ (ang-kak) để lên men chua. Trong mắm tôm chua Huế, để ý có cho thêm măng và xôi hay mật ong để khởi động sự lên men chua khác cách làm nơi khác. Món riềng cũng đặc biệt. Riềng (galanga) có hương vị đặc biệt mà phần lớn dân Đông Nam Á (trừ Tầu) rất thích vì nó hợp với mắm tôm, mắm tép. Tương truyền rằng mắm tôm chua do Chúa Nguyễn Hoàng trấn Thuận Hóa đã chuyển mắm tép đồng muối bằng thính thành tôm chua. Nghe nói mỗi phủ chúa đều có bí quyết làm mắm tôm chua riêng. Tôm chua kén loại tôm bạc đất hay tôm rằn nhỏ (còn nhẩy tanh tách), còn các loại tôm khác vỏ dầy cứng làm không ngon. Ở Huế, ngày Tết món tôm chua được trịnh trọng dọn ra ăn. Thời tiết một chạp lành lạnh, nên tôm đòi hỏi ba tuần mới chua nhưng ăn ngon đặc biệt.

Dân Bắc không gọi là " tôm chua" mà là " tôm điềm" (điềm nghĩa chữ nho là ngọt!) không hiểu tại sao? Nhưng một điều chắc chắn món tôm chua của Huế giữ một độ chua đặc biệt ăn rất bắt với thịt ba chỉ thái mỏng, và với khế chua, vả chát thật là dung hợp tuyệt vời. Mắm tôm chua trong Nam thì quá ngọt!

Miếng ngon xứ Huế sẽ đi về đâu?

Đối với dân Đông Nam Á nói chung, dân Việt nói riêng, toàn là những dân tộc "ăn cơm" thì thủy hải sản là nguồn cung cấp protein chính yếu hơn cả thịt thú vật. Mắm là thành phẩm do muối và tôm cá tạo ra với một kỳ diệu làm khẩu vị con người được thăng hoa một cách huyền bí.

Cá và Mắm đã đi vào ca dao. Đề tài Cá và Mắm xứ Huế nhìn chung là một vấn đề tưởng là giản dị tầm thường, nhưng càng bàn vô những chi tiết tôi có cảm tưởng đụng vào cái đáy tận cùng sâu thẳm của văn hóa.

Des gouts et des couleurs il ne faut pas discuter!(Proverbes _ le Petit Larousse). Nói đến cái ngon và cái đẹp thì xin hãy miễn bàn vì mỗi người tha hồ tự do có những nhận định riêng. Tuy nhiên tôi cũng mạo muội trình bày cái sở kiến của tôi nói về cái miếng ngon xứ Huế.

Kể từ sau khi có chính sách mở cửa kinh tế thị trường và cố đô Huế được quốc tế công nhận là Di sản văn hóa của nhân loại, thành phố này từ lâu sống khép kín như nàng công chúa trong giấc ngủ ngàn năm bỗng bừng trỗi dậy trước cảnh thăm viếng của khách viễn du. Cái đẹp của những vật thể như những cung điện, thành quách, lăng tẩm thì rõ ràng hiển hiện được thu vào ống kính còn cái ngon _ nét văn hóa phi-vật-thể thì sao?

Theo tài liệu của sở Du lịch và Phát triển Huế, du khách đến Huế ngoài chuyện "ăn cơm vua" có thể thưởng thức những món ăn dân dã ở những nơi như:

_ Bún bò có quán bà Bê (đường Lý Thường Kiệt)

_ bánh bèo, nậm lọc có quán bà Đỏ (đường Nguyễn Bỉnh Khiêm)

_ bánh khoái Cửa Thượng tứ,

_ bánh chưng ở quán bà Thêm (đường Nhật Lệ)

Ngoài ra còn có cơm Hến Vĩ Dạ, bánh canh Nam Phổ, mè xửng Thiên Hương, tôm chua Cô Ry ở chợ Đông ba...

Cái ngon của những món quà Huế được tiếp thị giới thiệu quảng cáo trên chưa chắc đã làm hài lòng những người du khách " gốc Huế" khi về thăm lại cố hương . Ví dụ chúng có được cải tiến ngon thêm chăng nữa thì cái ngon này là cái "ngon gượng" vì "ai tri âm đó, mặn mà với ai", nói chí tình

trong tâm tư của những người trở về còn nặng trĩu những hoài niệm về quá khứ với những địa danh khác như : bánh bèo Ngự Bình, bánh khoái Đông ba, mè xửng Thím Chăn... Nói thêm về cái ngon, thì ví dụ như trên tô bún Huế hiện nay được cải biên bỗng xuất hiện những miếng tôm trộn gân ăn tuy lạ miệng nhưng chưa chắc đã ngon. Tâm lý của người trở về muốn tìm lại cái tinh thần "y cựu" tiếu đông phong của những nhánh đào năm xưa thôi. Một điểm mà chúng ta phải thành thật công nhận về tâm lý khi bàn về cái ngon: người ta không bao giờ tắm được cùng một giòng nước trên một con sông. Cái miếng ngon của quê hương tìm lại chỉ là miếng ngon tâm tưởng! Ai ơi, trở lại mùa thu trước, Nhặt lấy cho tôi chiếc lá vàng! Thực tế mà nói, phần lớn du khách "gốc Huế" trở về đều suýt soát cái tuổi " thất thập" thì có thể nói đa số những gai vị giác của các cụ đã biến mất, đâu còn đầy đủ như xưa!

Về cái ngon của con cá Huế và của những vị mắm Huế, người khách " gốc Huế" chỉ có thể tìm lại thưởng thức trong những mâm cơm gia đình thôi vì phẩm chất của chúng dính liền với bản thổ địa phương, và tài khéo nấu nướng pha chế của người nội trợ không dễ dàng đem ra tiếp thụ thương mãi hóa được. Ví dụ nói về Tô cơm Hến ăn ở Huế trong muôn một dẫu sao còn ngon vì những hến này được cào ở Cồn Hến nhưng theo người sành ăn thì chỉ nên ăn Cơm Hến rong, chứ không thể ăn trong khách sạn được. (Có kẻ còn khó tính nhiễu sự, ăn xong một đọi cơm Hến cay xè xuýt xoa với bao nhiêu phụ gia phẩm thì phải đòi uống một đọi chè Tuần say chát để "hãm" cái vị thủy sản đặc biệt của con hến Sông Hương, kẻo nay mai trở về Mỹ khi thèm ăn chỉ có dùng hến hộp mà thôi).

Chúng ta có thể nào "gói ghém chút mắm quê hương" mang theo về làm quà khi trở về Mỹ không? Tôi muốn đề cập đến Mắm công nghiệp dưới hình thức đóng hộp. Nhiều người chê mắm đóng hộp làm mất 50% mùi vị nhưng theo những nhà sản xuất thì cách thức chế biến của mắm thủ công và mắm công nghiệp đều giống nhau theo kiểu ông bà xưa truyền lại, ví dụ như về dùng muối để ủ mắm. Dù kỹ thuật công nghệ có cải tiến, muối dùng phải là "muối hột" chứ không thể nào thay thế bằng các loại muối tinh khiết , muối sấy khô khác. Trong trường hợp xài muối hột, quá trình cá chín thành mắm sẽ tiến hành song song với giai đoạn hột muối tan nên cá chín và ngấm đều gia vị, còn dùng muối dạng bột thì cá chỉ chín mặt ngoài. Âu đó là một trong nhiều khía cạnh kỹ thuật đáng ghi trong sự duy trì cái ngon của cá mắm trong công nghiệp. Ngoài ra còn vấn đề bao bì, bảo quản, hạn sử dụng, khiến người ta phải dùng dầu mè hay dầu phọng có thể làm thay đổi mùi vị. Nhìn về tương lai, trong chiều hướng toàn cầu hóa, món ngon của một địa phương khép kín "khi xưa phong gấm rủ là" như cá mắm muốn phổ biến đương nhiên phải cải tiến theo trào lưu chứ.

Một điều suy nghĩ sau cùng của tôi là hột cơm, ngọn rau, cá mắm cùng bao nhiêu món ngon của quê hương muốn duy trì về phẩm lượng trên phương diện kinh tế văn hóa rõ ràng tùy thuộc cái tài năng quản lý, bảo vệ và cải thiện môi trường của chính quyền hữu trách. Trường hợp của địa bàn Thừa thiên- Huế là xây đập trên nguồn sông Hương để kiềm chế lưu lượng giòng nước chảy về hạ bạn, ngăn chận phá rừng bừa bãi, sửa chữa kiên cố lại phần đất lở của đầm phá trổ ra biển gây hậu quả tai hại cho vấn đề dưỡng ngư trong đầm phá. Đó là những khía cạnh khoa học kỹ thuật về các ngành như Sinh thái học, Ngư nghiệp phối hợp với khoa Nghiên cứu về Thực phẩm lên men, về khoa Dinh dưỡng, về Công nghệ đóng hộp...đang muốn tìm hiểu để cải thiện môi trường hầu cho đất Huế có thể sản xuất thủy sản và cá mắm cho người dân tiêu thụ và xuất cảng ra ngoài theo đúng nhu cầu.

◆ *Lê Văn Lân*

HƯ ẢO

Diệu Hạnh

Ngỡ hồn mình là mây
Trên đường về nhớ đầy
Tiếng buồn vang trong mây
Có ai sầu vạn cổ...

Tuấn qua thăm Đông Nghi sau một năm tu nghiệp tại Florida. Trên đường về Việt Nam, Tuấn Transit lại ba hôm ở Paris. Ngày ấy vào lễ Giáng Sinh, Paris rộn rịp tưng bừng treo đèn, giăng hoa, những giây kim tuyến đủ màu sắc treo ngang dọc trên những con lộ đầy đặc hoa rực rỡ. Trên cây bách diệp treo lủng lẳng những vật quà bé xíu; ông Père Noel thiên thần hát ca... Nhất là con đường Saint Michell qua cầu Notre Dame, đèn màu lót dài như trải sạn lối đi vào nhà thờ Đức Bà. Paris năm nay trưng bày toàn màu tím, màu nhớ thương, màu yêu đương! Những đại lộ huy hoàng lộng lẫy nhất là Champ Eliseé, rồi xuống Lafayette, Aux Printemp sặc sỡ muôn màu sắc thắm. Tuấn và Đông Nghi như dân Paris đi dạo phố, đi trong mưa bay, trong gió lành lạnh.

– "Em có lạnh không?" Vừa nói Tuấn choàng áo qua vai Đông Nghi.

– "Đi bên anh, em không thấy lạnh!" Nàng cười e thẹn.

– "Em nói như trong tiểu thuyết. Này em xem trên trời có tên em và anh đó!"

Nghi chăm chú nhìn chỉ thấy trong đám sao hình dáng giống chữ N.

– "Em chỉ thấy chữ N, đâu có chữ T!"

– "Kìa em xem bên cạnh sao Hôm đó, em thật là...!"

– "Em sinh ra dưới vì sao Thiên Tế, Quang Phú, nên lúc nào cũng sáng chói rực tỏa! Còn anh có lẽ sao Đào Hoa, mờ mịt trong hoang vắng, nên không tìm ra đó thôi". Nghi cười đùa.

– "Thôi nghe cô, mỗi chuyến bay đêm, anh nhìn sao còn rỏ hơn em, thật tình lúc nào, anh cũng thấy hai vì sao đêm gần anh đây."

– "Đâu nào?"

– "Đôi mắt em đó!"

– "Thôi đi anh, anh lại trêu em rồi!"

Lúc đi ngang qua phố, gã bán hạt dẻ rang trong cái chảo lớn bằng lửa than bốc khói thơm lừng! Vừa ăn họ bàn cùng nhau ngày mai vào rừng Rampouillet lượm, ở đó hạt dẻ lớn và ngon hơn nhiều.

Vào cuối đông rừng Rampouillet ảm đạm, mơ màng. Một chút nắng giao mùa lập xuân, tạo một làn gió ấm áp hơn. Cánh rừng như được bọc trong khói mây mờ mờ, đám sương mù trắng đục, lâng lâng lan rộng dần... tan loãng mất hút cuối cánh rừng bát ngát. Trong không gian phảng phất hăng hắc nồng của nhựa thông. Hoa phấn bay bay như sương lấm tấm rơi. Mùi thơm nồng, mùi trầm, mùi quế tản mác đâu đây... giữa rừng thông bao la, khí hoàng hôn còn vương vãi cuối đồi.

Tuấn và Quyên đang nhặt hạt dẻ, đầy 2 túi vải, nhìn quanh chả thấy Đông Nghi, thì ra cô nàng đang say sưa vuốt nhẹ những cây chùm gởi.

– "Em làm sao thế?" Tuấn ngạc nhiên hỏi.

– "Em băn khoăn sao lại có loài cây suốt đời nương náu, bám víu, ẩn dật sống nhờ vào cây khác! Nếu một mai những cây cổ thụ tàn lụn, thì nó sống tựa vào đâu để sống còn? Thật tội!"

– "Tạo hóa sinh ra những loại ấy nương tựa vào nhau để sống đời đời. Còn có nhiều loại đáng thương và tội nghiệp hơn nhiều. Em có biết loại cá Hồi không? Giống cá nầy có cuộc sống gian khổ và định mệnh rất tội! Loài cá Hồi đến tuổi lập gia đình, lúc con cái cảm thấy mình đã mang thai, là lúc hai vợ chồng bắt đầu gia nhập vào cuộc hành trình trở về cội nguồn, quê hương của chúng nó. "như dân Do Thái tìm về Đất

Hứa". Cả một đoàn hằng ngàn con, hằng vạn cặp vợ chồng dự vào chuyến đi lịch sử, như một truyền thống! Chúng nó phải lội ngược dòng nước, băng qua con suối, nhảy lên thác, bay qua ghềnh cao. Cội nguồn của chúng – trên núi cao, trên lủng sâu, trên đầu con suối... những chặng đường gian khổ, hiểm nguy, tai họa đang chực chờ chúng: những con gấu, chó sói, chó, mèo rừng, hải âu, đà điểu, cả người ta đang đợi chờ chúng băng qua con suối nầy... Có đôi khi con vợ bị nạn chết, con chồng phải tiếp tục cuộc hành trình đó! Cả hàng vạn vợ chồng lúc đến được nơi quê xưa, chỉ còn lại một phần ba số! Những con đến đích, con cái nằm đợi sinh con, con chồng nằm bên cạnh đợi vợ. Sinh con xong, cả hai nằm đó đợi chết! Lúc lũ trẻ sinh ra tập tành tìm cái ăn: lương thực của chúng là xác chết cha mẹ nó! Cho đến khi ăn hết lương thực, chúng nó đã biết lội, bơi... lúc đó chúng nó bắt đầu theo dòng nước, theo con suối xuôi về đất liền: ra biển! Là nơi đời sống mới của chúng! Em xem, luật tạo hóa, cuộc đời cá Hồi rất ư tội nghiệp!" Đông Nghi và Quyên như nghe một chuyện cổ tích! Nàng thở dài.

Hoàng hôn đã về, gió mùa Đông Bắc vi vu lạnh lẽo... trên con đường về, đi ngang qua biệt thự, hàng lệ liễu xanh mượt mà che bóng... cái cổng lớn, lối vào lâu đài – đó là ngôi nhà của Ông Hoàng Winsor Edwar VII nước Anh. Ông Hoàng nầy đã từ bỏ ngai vàng, theo tình yêu!

– "Nếu anh là Ông Hoàng Winsor, anh có dám từ bỏ ngai vàng không?". Nghi đùa hỏi.

– "Anh đâu có ngai vàng! Anh chỉ có em và không gian, không gian là trái tim, em là hơi thở!"

– "Vậy anh chọn cái nào?"

– "Anh chọn cả hai!"

– "Anh tham lam quá, anh chỉ được chọn một mà thôi! Đây nhé, anh là phi công, vậy anh chọn em hay anh chọn cuộc đời đi bay?"

– "Không được đâu em, những chuyến bay đêm qua vùng trời quê hương thật tuyệt vời, anh nhìn sao, anh luôn bắt gặp đôi mắt em".

– "Em muốn biết anh yêu thương một mình em thôi, như Ông Hoàng Winsor, khi thật lòng yêu thì bỏ hết cho tình yêu, quên hết, từ bỏ hết".

– "Có lẽ không được đâu em!". Anh hát theo điệu nhạc...

– "Thôi đi anh, em không thèm chơi với anh nữa đâu!"

– "Chúa ơi, nàng giận con rồi, Chúa ơi!". Tuấn ngâm nga đùa.

– "Ô kìa, anh không được gọi Chúa vô cớ!"

Trời về đêm, xa xa nhìn đã thấy ngôi sao thật lớn, trên đỉnh nóc nhà thờ Đức Bà, ánh sáng tỏa khắp vùng, như chỉ đường dắt nẻo cho các du mục tìm đến Chúa trong hang đá Bê-lem năm nào. Trên các ngõ đến Thánh đường, treo những bóng đèn màu trắng, trông xa giống những hạt kim cương trải sạn lối vào nhà thờ. Tiếng chuông lanh lảnh ngân vang như kêu gọi đàn chiên bé nhỏ hãy mau trở về bình an trong tình yêu Thiên Chúa. Tuấn và Đông Nghi, cả hai cố tìm chỗ quỳ dưới chân tượng Nữ đồng trinh. Tiếng nhạc cất lên, bản Silent Night trỗi vút cao... réo rắt, lâng lâng, thánh thót, chơi vơi... tiếng nhạc chập chùng trầm xuống nghẹn ngào... rưng rưng như giọt nước mắt âm thầm rơi... Tuấn nhìn qua bạn, dáng nghiêng nghiêng, mái tóc xõa bên bờ vai gầy, mắt nhìn kính cẩn, tâm trí bay bỗng đâu đâu... như được ân sủng mầu nhiệm của chúa Hài đồng. Ánh đèn từ các ngọn nến mờ mờ huyền ảo... Tuấn thấy trên má Đông Nghi long lanh ngấn lệ... Anh khẽ nắm tay nàng. Nghi giật mình đưa mắt nhìn anh ngơ ngác, đôi mắt buồn như giọt sương đêm... Ôi! trong ánh sáng lung linh, mờ ảo anh thấy Nghi đẹp, vẻ đẹp thiên thần... huyền ảo khói sương...

– "Anh nguyện cầu gì với Chúa Hài đồng?" Nghi thầm thì hỏi anh.

– "Anh cầu xin em mãi là hạnh phúc của anh!"

– "Anh lại tham lam nữa rồi". Giọng nàng ngọt ngào như gió thoảng.

Tuấn và Đông Nghi trước lúc về, hai người đến quỳ bên "máng cỏ sống", người

ta trình bày lại vở kịch từ ngàn xưa, Chúa sinh ra trong hang đá tồi tàn vào một đêm lạnh giá mùa đông...

Trong hang đá, ánh sáng mờ mờ. Mẹ Maria đang bồng con. Chúa Hài nhi sinh ra không có một manh áo. Mẹ phải xé áo để làm khăn bọc cho con đỡ lạnh. Trông Mẹ thật hiền dịu, diễm lệ, với ánh mắt từ mẫu nhìn con tha thiết. Cạnh đó, ông Giuse đang cặm cụi lấy rơm làm một máng cỏ êm ấm cho Hài nhi nằm. Nhìn ông ưu tư, trầm lặng, với bộ râu bạc phơ, trông ông chất phác, thánh thiện làm sao ấy. Bên máng cỏ, con lừa và hai chú bé cừu đang đùa với Hài đồng. Trên thinh không vang lừng tiếng hát Thiên thần chúc tụng Chúa ra đời, hòa lẫn với tiếng sáo mục đồng, bản thánh ca hợp tấu mừng vui đón vua Cả trên trời xuống thế gian. Từ xa, ba vua mang lễ vật dâng Chúa: nhũ hương, mộc dược... Nghi say sưa theo dõi, như một cuốn phim quay chậm. Nàng cảm thấy mình hèn mọn, chưa làm đẹp lòng Chúa. Nhớ đến câu trong thánh kinh:

"Anh em là muối cho đời và ánh sáng cho trần gian".

– "Lạy Chúa, mầu nhiệm vô cùng, xin cho tim con bừng cháy với ngọn lửa mến yêu Chúa!"

Đêm tĩnh lặng, dạt dào gieo vào lòng người những suy tư, thao thức...

– Lễ xong, anh mời em đi ăn Reveillon ở Tour Eiffel nhé!". Tiếng Tuấn thầm thì.

Sương mù bao phủ cả Tour Eiffel, dưới chân là Paris về đêm đẹp tuyệt vời. Những ánh sáng nhấp nháy từ đường phố, những cây cầu treo đèn, kết hoa. Phố xá, như chuỗi kim cương lấp lánh. Trông lên Sacre Coeur tọa lạc trên đỉnh mây. Nhìn xuống Montparnasse, tầng lầu cao vời vợi, chập chùng. Qua Concord sừng sửng tháp bút Ai Cập, di tích chiến thắng, một thuở nào của triều đại vua Napoléon. Gần đó, một vùng trời rực rỡ, Arc Triomphe với đại lộ Champ Eliseé sáng chói, lộng lẫy, huy hoàng nhất. Du khách trên thế giới mê mải về đây chiêm ngưỡng. Xe từng đoàn, nối đuôi nhau, trông xa như rồng lượn khúc. Ánh đèn màu làm sáng rực một vòm trời. Dòng sông Seine lấp lánh những sao trời in hình trên mặt nước. Những chiếc Bateau Mouche như trôi lạc vào khói mây hư ảo...

– "Kìa em, vào trong ngồi, em đứng ngoài đó, sương xuống lạnh. Trông em thẫn thờ, em không vui sao?". Tuấn nhìn Đông Nghi.

– "Em cảm thấy nhớ nhà. Sắp đến Tết rồi. Em tiếc những ngày vui qua nhanh. Em muốn nắm lại thời gian".

– "Ngày mai anh trở về Việt Nam, ba ngày qua thăm em như gió thoảng". Giọng Tuấn buồn buồn.

Trên bàn ăn, một lọ hoa thủy tinh đỏ thắm, hai cốc champagne màu hồng nhạt.

– "Chúc em chóng thành một chính trị gia lỗi lạc mãi mãi là của anh". Tuấn rót rượu vào ly.

– "Em xin chúc anh may mắn, vững chắc như Tour Eiffel".

– "Anh sẽ mãi mãi nhớ kỷ niệm hôm nay. Em này, chắc em biết tục lệ của Pháp, đêm Noel người ta "mi nhau"". Nói xong Tuấn chồm qua Nghi để hôn. Nàng nghiêng đầu tránh:

– "Hơi sớm đó bạn! Tục lệ Pháp là mười hai giờ khuya Nouvel'an kia mà. Đêm nay là Noel, đừng có ăn gian bạn ạ!"

Đồng hồ trên gác Eiffel lạnh lùng buông mười hai tiếng rời rạc, quạnh hiu. Tuấn bàng hoàng đứng dậy, anh phải đưa Đông Nghi về lại cư xá.

– "Ngày mai anh ra phi trường sớm, hẹn em mùa hè nhá! Ráng giữ gìn sức khỏe. Anh sẽ gọi phone cho em lúc về tới nhà". Bắt tay nàng từ giã.

– "Cám ơn anh, good night! Ngày mai em không ra phi trường đưa anh đi được. Xin lỗi anh! Chúc anh đi về bình an, may mắn". Đông Nghi nhìn anh lưu luyến.

Xe đã đi khuất cổng trường vôi trắng, anh còn quay lại nhìn, chỉ còn thấy một vũng tối dày đặc. Lòng anh nao nao... nắm tay em từ giã, bây giờ còn thấy ấm nồng, Nghi ơi!

*

Hôm nay là hai mươi tám tháng chạp,

Nghi thấy buồn ray rức. Chỉ còn lẻ tẻ vài sinh viên ở lại. Vài hôm nữa là Tết. Quyên, cô bạn gái cùng phòng đang ngồi viết thiệp chúc Tết. Nàng nhìn qua khung cửa kính, nỗi buồn ký túc xá là thế này sao! Nhìn bầu trời như thấp xuống, hàng cây trụi lá ngoài sân, vẫn trơ trơ dưới hoa tuyết tung bay trong gió. Nghi nhớ những cái Tết đầm ấm. Nhất là hai mươi tám Tết đi chợ mua hoa với Mẹ. Ôi! một rừng hoa đầy màu sắc. Đến đường Nguyễn Huệ thế nào Mẹ cũng mua một cặp Cam Quất, rồi lên Chợ Lớn mua vài giò Thủy Tiên, nàng còn nhớ có năm nhuần Mẹ mua Thủy Tiên trước cả tháng trời, gọt tỉa cho hoa nở vào đêm giao thừa, có năm hoa nở sớm, phải dùng tròng trắng trứng gà bọc nụ lại. Theo kinh nghiệm, mẹ tỉa hoa, lúc nào hoa cũng nở đúng ngày giờ Tết! Hoa không nỡ kịp Mồng Một Tết, cả năm ấy làm ăn không may mắn. Đôi khi gặp tiết đông chí, hoa bị lạnh buốt phải chong đèn, hay đốt hương trầm cho ấm để hoa nở đúng Tết. Chả biết anh có thích hoa thủy tiên không nhĩ! Còn nhớ khi mua hoa đào Mẹ lựa gốc lớn, phải là hoa kép, màu đỏ hồng phấn. Nhưng Bố thì thích hoa mai, lúc nào mua mai Bố cũng chọn những hoa phải chín cánh, đốt cháy ở gốc, như thế mới nở được nhiều hoa và giữ hoa cho đến hết tháng giêng.

– "Quyên ơi, mình nhớ nhà, nhớ Tết quá". Nàng gọi bạn.

– "Anh bồ Không quân của "toi" đi tu nghiệp về nước ra sao rồi? Hình như bồ có thư nơi bà Jeanne concierge đó".

Đông Nghi choàng vội áo ấm chạy ra hàng hiên. Lúc vào đầu nàng lấm tấm đầy tuyết, tay cầm thư mặt rộn niềm vui.

– "Quyên ơi, thư của chàng đấy. Sao "toi" nói linh quá!" Thư anh đầy ắp nhớ thương!

– "Đọc cho mình nghe chút đi!" Quyên nheo mắt hỏi bạn.

– "Có bài thơ tình lắm, để đọc cho "toi" nghe một đoạn":

"Paris vàng lá rồi sao?
Dấu xưa e cũng lẫn vào thời gian
Thôi về nắn mấy cung đàn...
Để nghe khoắc khoải bẽ bàng đó đây"...

– "Anh nói hè về sẽ xin lễ đính hôn".

– "Thế thì bạn hạnh phúc quá rồi. "Mes felicitations". Quyên rúc rích cười".

Đêm nay nàng và Quyên đi dự tổ chức văn nghệ Tết của Tổng Hội sinh viên tại rạp Maubert.

– "Lúc nãy Nghi hát bài "Giấc mơ hồi hương" không khác gì Lệ Thu". Quyên khen bạn.

– "Đừng cho mình đi tàu bay giấy nghe Quyên"

– "Đúng thế, "toi" không nghe tiếng vỗ tay như pháo nổ ư?"

*

Chiếc máy bay Air France vừa đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất, vẫn còn mang theo cái không khí man mác lạnh của Paris. Vừa bước ra khỏi cánh cửa phi cơ, cái nóng bức ập vào mặt, vào da muốn bỏng rát... nóng dễ sợ! Cái nóng của Sài gòn làm sao ấy, nó bứt rứt trong người... chẳng hiểu sao từ bé đến lớn mình đã sống thoải mái. Bây giờ mới ở hai năm ngoại quốc đã thay đổi mình rồi! Nhưng, niềm vui gặp lại gia đình, bà con, bạn bè, bao vây lấy nàng làm quên mất cái nóng thiêu đốt! Còn Tuấn nữa, nhìn quanh không thấy anh đâu, một chút hờn dỗi...

Xe về trước sân đã thấy Tuấn lái chiếc xe Floride màu đỏ, mui trần, mặc đồ bay màu đen đang đứng trước sân đợi...

– Bây giờ anh có phi vụ, tối sẽ ghé thăm Nghi sau.

Tối đó Tuấn ra thăm, Nghi, Hoàng Ánh (chị đôi con dì với Nghi) và Tuấn đang lột bưởi Biên hòa, Tuấn hỏi:

– "Nầy, Đông Nghi, tuần tới có Me Nghi vào không?"

– "Chi vậy anh, Me chưa vào đâu".

Tuấn ngập ngừng nói:

– "Nhà anh định tuần tới xin đến "chạm ngõ". Nghi thấy sao?"

– "Sớm thế anh?" Nàng thẹn không nhìn Tuấn.

– "Tháng nầy chạm ngõ, đến Tết xin lễ đính hôn, rồi qua sang năm mới đám cưới mà. Em ở Pháp xa quá, anh lo lắm!"

Hoàng Ánh lên tiếng:

– "Được rồi, để chị giúp cho, đừng lo. Có cô Trâm ở đây".

– "Em ngại, cô không có cảm tình với KQ mấy!"

– "Ô kìa, fiancé cô ấy là KQ mà".

Tiếng xe đậu trước cửa nhà, có nhiều tiếng giầy lên cầu thang, nghe tiếng chị Hai chào: "Ông Tướng ra chơi".

– "Thưa Chú Minh, chú Tần, chú Ba, chú Tiếp" tiếng Nghi ngọt ngào giọng Huế.

– "Bộ Tham Mưu Tư lệnh Không Quân đó". Nghi nói nhỏ với Tuấn, Tuấn thì biết mấy chú, nhưng mấy chú không biết Tuấn.

– "Cháu mới về hà! Con bé bây giờ lớn quá! Quà của chú đâu?" Chú đùa hỏi.

– "Dạ có!" Đông Nghi mang ra những gói quà, gói giấy màu thắt nơ xinh xắn.

– "Chú mở ra bây giờ được không cháu?"

– "Dạ được chú!" Cầm cà-vạt màu nâu non có điểm hoa li ti màu vàng.

– "Con cháu chọn màu đẹp, cám ơn cháu." Chú Tần nói.

– "Này Đông Nghi, cháu giỏi đó. Cháu chọn cho chú màu nầy chú thích nhất, màu gris, có đường kẻ hồng nhạt. Hàng Paris đẹp, mode lắm!"

– "Chọn Cà-vạt cho mình khó, còn chọn cho người khác còn khó hơn. Màu xanh đậm, chú vẫn thích màu nầy, dễ mặc cho nhiều màu áo. Cám ơn cháu."

– "Đông Nghi, con thích xem ca nhạc không? Thứ bảy nầy, Huỳnh Bửu Bạt có đại nhạc hội văn nghệ, "Đêm Màu Hồng" cho anh hùng lướt gió Quảng Trị"

Không đợi trả lời chú quay qua hỏi:

– "Ông tướng gửi giấy mời cho các cháu, cho xe ra đón!"

Chú Minh nhìn các cháu:

– "Lũ nhỏ nầy thứ Bảy nó thích đi Vũng Tàu đi chơi xa, đi Thủ Đức, vườn măng cụt, nó đâu thích vào quân đội nghe nhạc."

Nghi và Hoàng Ánh quay lại cô Trâm:

– "Cô có đi không?"

Cô Trâm do dự:

– "Không biết có thì giờ, hình như thứ Bảy nầy ông bà T.V. Thụ mời sinh nhật cho con gái đó. Nếu đi được sẽ gọi phone cho chú."

Hồi nãy giờ chú không để ý, bây giờ chú quay lại thấy Tuấn:

– "Thằng nhóc nào vậy?"

– "Là bạn con". Nghi nghĩ người ta là Đại úy lái khu trục A37 mà gọi thằng nhóc!

Tuấn đứng dậy xin về. Nghi tiễn chàng ra sân, Chú Minh nói theo:

– "Con cháu nó dúi bưởi cho thằng nhóc đó, cô Trâm ơi". Các chú cười ầm lên. "Thằng đó con nhà ai, dám ra tán con cháu tôi?"

Lúc ở ngoài vào, chú cười hỏi:

– "Làm thế nào theo "tán" các cô hả cháu?"

– "Mỗi lần chú gặp các cô gái, chú đừng nhìn, đừng thèm đi theo, và cũng đừng "nghễ", chú làm lơ, đi luôn "phớt tỉnh ăng-lê!" nghe!"

– "Chú đi luôn, tụi thằng Ba, thằng Tần, nó đi sau, nó "dớt" mất, đừng xúi dại". Tiếng cười vui lại vang lên.

Một tuần lễ vắng mặt, hôm nay Tuấn lại đến chơi chỉ có một mình chị Hoàng Ánh ở nhà, Nghi đi Thương xá Tax với Cô Trâm. Thấy vẽ mặt buồn buồn của Tuấn, Hoàng Ánh ái ngại:

– "Sao Tuấn không lại chơi, có chuyện gì sao? Thấy Tuấn có vẽ lạ lạ!"

Anh cho biết, nhờ Ông chú đến thăm nhà Đông Nghi ngoài trung, có đề cập việc xin chạm ngõ. Nhà Nghi nói bây giờ quá sớm, vì Nghi chưa có kinh nghiệm lập gia đình, đợi vài năm học xong mới tính...

Theo Ông chú nghe phong phanh, gia đình Đông Nghi không mấy ưa gả con cho lính, nhất là lính đi bay! Nghe đồn có ông Bác sĩ "trồng cây si" vẫn lui tới, từ lâu rồi!"

– "Sao Tuấn không hỏi ngay Nghi?" Hoàng Ánh nói.

– "Chị biết đó, nếu sự thật vậy, Nghi có dám cãi lại gia đình?"

– "Nhưng chị biết Nghi có cảm tình với em".

– "Thì cảm tình Nghi lúc nào cũng thân mật, vui vẻ với em như người anh, nói đến đám hỏi, Nghi bảo còn sớm...

– "Theo chị nghĩ, Đông Nghi chưa muốn lập gia đình vì sợ khổ. Nghi là con gái một

trong nhà, chỉ có một em trai. Nhà giàu có, muốn gì được nấy, cuộc sống Nghi quá sung sướng. Có lẽ vì thế, Đông Nghi chưa muốn lấy chồng lương ba cọc ba đồng, làm sao cho đủ sống một gia đình trẻ! Nghi đâu biết làm gì? Vì thế Nghi nghĩ phải học xong có bằng cấp may ra!"...

Hoàng Ánh nghe Tuấn kể những lời đồn đãi không biết nên khuyên, hay an ủi Tuấn bằng cách nào đây!

Tuấn buồn bã đứng dậy: "Vì thế, bây giờ Tuấn phải quên, tìm cái vui trong phi vụ! Xui cho tên VC nào, hôm nay gặp!"

Còn hai tuần lễ nữa Nghi trở về Pháp tiếp tục năm học. Hôm nay, chiều thứ bẩy Tuấn gọi điện thoại gặp Nghi:

– "Anh lại chơi đi."

Lúc Tuấn đến tay cầm gói bánh kem Grival. Nghi đón anh:

– "Anh mới đi bay về đó hả? Bắn được mấy tên VC rồi? Trông anh mặc quần áo đi bay đẹp trai hỉ, còn lái xe lật trần màu đỏ, không biết bao nhiêu cô gái chết mệt vì anh?"

– "Chỉ có mỗi cô không mệt, thì bao nhiêu cô cũng bằng thừa!" Tuấn cười cái nghĩa câu nói. Nghi không hiểu cũng cười theo...

– "Đông Nghi biết không? Mỗi chiều từ Tân Sơn Nhất về đi ngang nhà em, lúc nào anh cũng thấy phòng khách đèn sáng choang, trước sân luôn luôn có bốn năm chiếc xe. Anh buồn nhà Đông Nghi có quá nhiều ông lớn đến thăm".

– "Anh thật là lạ, đâu phải khách bạn của em, là bạn cô em, của chú Tiếp, còn Cậu em nữa!"

– "Có hôm anh đến thăm em không được, anh buồn là buồn, lúc đi làm về, qua đường Công Lý nhìn lên ban-công thấy em vẫy tay cười, hôm đó về, lòng anh vui như ngày hội".

– "Tối nay anh mời em và chị Hoàng Ánh đi ciné rạp Rex, coi phim "ils n'ont que vingt ans", còn rạp Eden chiếu phim "Temps d'aimer et temps de mourir"".

– "Anh thích phim nào?"

– "Anh thích cả hai". Tuấn đáp.

– "Em thích: "ils n'ont que vingt ans" hơn, vì cô bé Sandra Dee 14 tuổi. Lần đầu đóng vai chính. Báo chí khen cô ấy đóng tuyệt vời. Biệt danh Lolita năm nay. Đợi em một chút hí, em vào xin phép cô Trâm".

Cô nhìn Đông Nghi và Hoàng Ánh một phút do dự:

– "Đi Ciné nhớ về sớm đó nghe."

Tuấn rủ:

– "Lên xe anh đi, anh nghĩ mình đi trễ, mất chỗ ngồi tốt".

– "Để chúng em đi xe sau, lúc về khỏi làm phiền anh", Nghi cẩn thận hơn nói với Tuấn. "Đến đó anh nhớ mua vé đi nhá. Chúng em đã có vé mời rồi".

Lúc đến nơi thì Rex bán hết chỗ, phim mới ngày đầu tiên, rạp lúc nào cũng đầy luôn hai xuất. Tuấn vì muốn đi ciné với Đông Nghi:

– "Hay lại Eden đi, phim đó hay lắm".

Hoàng Ánh và Nghi cùng nói:

– "Hay nhưng phim cũ!".

Bỗng Nghi ngẫm nghĩ:

– "Ừ, chúng mình đi Eden cũng được, Phim "Temps d'aimer et temps de mourir" rất hay, tuy xem rồi, đã lâu mình cũng quên hết, chỉ còn nhớ loáng thoáng một đoạn cuối... người lính bị thương nặng, ở bên bờ suối... Biết mình sắp chết, anh muốn đọc lại thư người yêu lần cuối, tay run run... lẩy bẩy mở lá thư, lá thư rơi xuống nước... dòng nước từ từ cuốn trôi... anh cố bò, lết, trườn theo dòng nước chảy, anh gắng sức với, bắt lấy lá thư... máu ra nhiều. Anh gục ngã... đôi mắt cố mở... lờ đờ nhìn theo... lá thư lững lờ trôi theo dòng nước loang loáng máu... đã cuốn mất niềm yêu thương cuối cùng của anh!"

– "Nghe Nghi kể hay quá, anh chưa xem phim đó, mình đi xem đi."

Ở rạp Eden ra, cả ba đều mang tâm trạng buồn xót xa, im lặng đi bên nhau... Sài Gòn về đêm lành lạnh, man mác ánh trăng khuya trên nền trời xanh thẳm, trong sáng, không một áng mây, tĩnh lặng như nghe được cả tiếng cây lá thở dài... Bước từng bước trầm ngâm lặng lẽ bên nhau, bỗng Tuấn cười đùa:

– "Anh muốn được chết như người lính đó, đến phút cuối còn có lá thư của người

yêu, thật hạnh phúc!"

– "Sao anh nói điềm gở vậy? Ai lại ao ước được chết!"

– "Tại anh đó hạnh phúc có thư của người tình! Còn anh không có gì hết".

Hoàng Ánh cười:

– "Anh không có thư của Nghi à?"

– "Không có một chữ!" Tuấn đáp.

Hoàng Ánh nhìn Nghi ngạc nhiên, quen nhau mấy năm rồi, không viết một chữ? Nghi muốn phá tan không khí không vui, nàng dục:

– "Đến Givral ăn kem đi, Nghi khát nước quá rồi".

Nhà hàng Givral giờ nầy đông khách, xem ciné xong ai cũng ghé vào đây ăn kem, bánh ngọt, Tuấn chọn được một bàn cạnh cửa, nhìn ra đường, bên kia là Tòa nhà Quốc hội.

– "Chị Hoàng Ánh ăn gì, Nghi thì thích kem dâu phải không?"

– "Chị ăn kem vani, còn Tuấn thích loại kem nào?"

– "Ngẫm nghĩ, OK, kem chocola".

Nhìn Đông Nghi múc từng muỗng kem dâu đỏ đưa vào miệng ăn ngon lành, thật dễ thương, hai cái núng hạt gạo nho nhỏ bên khóe miệng ấn sâu, màu đỏ của kem dâu làm đôi môi thêm mọng như quả mận, ngọt ngào như mật ong... đêm nay anh cảm thấy hạnh phúc quá!

Như sực nhớ, Hoàng Ánh nói nhỏ Đông Nghi:

– "Nghi chưa bao giờ viết thư cho Tuấn?"

– "Chưa, sao chị thắc mắc?"

– "Tuấn nói Nghi chưa bao giờ viết thư cho Tuấn!"

– "Có gì lạ đâu, Tuấn hay gọi phone nói chuyện, nói hết với nhau qua phone rồi còn gì viết thư nữa!"

Nghi bỗng ghé vào tai Hoàng Ánh thầm thì:

– "Me nói không nên viết thư cho ai hết. Sau nầy có gì không đẹp xảy ra, nó lấy thư đó làm chứng đi nói xấu..."

Rồi Nghi xoay qua nói với Tuấn:

– "Nghi phải về, về khuya cô mắng cho đấy" Tuấn đứng dậy có vẻ luyến tiếc chưa muốn đi... đưa mắt nhìn Đông Nghi.

Nghi cười đùa:

– "Hay anh muốn Nghi viết cho anh một trăm chữ"!

Tuấn cười do dự trong giây lát:

– "Ngày mai anh đi công tác, có lẽ tuần này anh không đến được. Ngày nào Đông Nghi đi Pháp?"

– "Khoảng mười ngày nữa!"

– "Không biết anh có về kịp để tiễn Nghi đi! Cho anh địa chỉ mới của em bên Pháp đi!"

– "Dạ được". Nàng mở sắc lấy mảnh giấy nhỏ viết.

Nàng đưa cho Tuấn:

– "Nghi viết cho anh một trăm chữ đó nhá."

Tuấn chả đọc, anh nghĩ đó là địa chỉ của nàng. Lên xe, anh vẫy tay chào:

– "Chúc chị và Nghi ngủ ngon".

– "Chúc anh ngủ ngon, nhiều mộng đẹp, ngày mai đi phi vụ bình yên, vui vẻ nhá", nàng cười đùa Tuấn.

Đợi xe của Nghi đi rồi, anh mới lái xe về nhà, thay áo anh lấy mảnh giấy của Nghi cất vào bóp nhỏ, lúc đấy mới biết đó bài thơ, không phải địa chỉ của Nghi:

"Nhớ thương, thương nhớ, thương thương nhớ

Nhớ nhớ, thương thương, nhớ nhớ thương

Nhớ thương, thương nhớ, thương thương nhớ

Nhớ nhớ, thương thương, nhớ nhớ thương!"

Suy ngẫm một chút, anh gọi cho Nghi:

– "Nghi đó hả? Cảm ơn em, anh sẽ mang nó theo trong các phi vụ, mong đó là bùa hộ mệnh cho anh".

Một tuần lễ sau, vào buổi trưa. Nghi và Ánh ngồi trước hành lang hóng mát, trời không có chút gió, chị em ngồi nhìn xuống đường. Bỗng sực nhớ, Nghi hỏi Ánh:

– "Không biết tại sao mấy đêm nay em không dỗ được giấc ngủ. Trong lòng hồi hộp, bồn chồn, nóng ruột làm sao ấy. Đọc báo tình hình đất nước nghiêm trọng, thật buồn! Bỗng nhớ đến Tuấn..."

Hai chị em rủ nhau lấy xe Honda chạy lại nhà Tuấn. Đông Nghi và Hoàng Ánh nhìn nhau ái ngại, trước nhà Tuấn hôm nay

trông buồn bã làm sao, cây dâu rừng mới hôm nào xanh um trước ngõ, bây giờ lá rụng đầy sân, cây sứ, hoa cũng chẳng còn, rơi rớt đầy dưới gốc. Cả hai đứng tần ngần hồi lâu, Đông Nghi lại bấm chuông, trong nhà chị giúp việc chạy ra:

– "Anh Tuấn có nhà không?"

– "Cậu Tuấn đi mất rồi!"

Hai chị em ra về vui vẻ, cùng nghĩ là Tuấn còn đó, bình yên.

Chiều lại, các chú Không Quân thường ghé nhà chơi với Me. Đông Nghi và Ánh cũng định ra khỏi nhà. Lúc đi ngang qua phòng khách chưa kịp chào các chú, thì chú Minh đã gọi Đông Nghi, đột nhiên chú hỏi:

– "Có phải thằng nhóc bạn con, tên Trần Cao Tuấn?"

– Dạ, có gì không chú?

– "Nó chết rồi!"

Đông Nghi xanh mặt sững sốt:

– "Chú nói đùa hả?"

Hoàng Ánh bình tĩnh hơn:

– "Tuấn chết hồi nào vậy chú? Tại sao chết?"

– "Tuấn chết tại mặt trận An Lộc. Nó anh hùng lắm, chưa phải phi vụ của mình, nó đi thay cho thằng bạn, hình như có tâm sự buồn. Máy bay nó bắn tiêu hủy luôn mấy xe tăng của địch, nhưng nó bị hỏa tiễn bắn vào phòng lái cháy, nó nhảy dù, xui cho nó dù không bung ra"...

Nghe đến đây, Nghi khóc òa... ôm mặt chạy vào buồng đóng sầm cửa!

– "Cả tuần nay, xác Tuấn chưa mang về được. Bao nhiêu trực thăng đưa lên, chỉ chở thương binh về. Mấy ông Tiểu đoàn Trưởng không cho chở xác. Ưu tiên dành cho thương binh. Xác chết không cần chở về sớm. Phủ Tổng Thống gọi khiển trách, chú nhức đầu vấn đề nầy. Gia đình họ nói: đã hy sinh cho con đi lính, lúc chết không mang xác về. Vậy còn ai cho con đi nữa. Tội cho Tuấn, nó còn quá trẻ. Ừ, mà làm sao nó quen mấy cháu?"

Tiếng khóc của Nghi trong buồng càng lúc nức nở lớn... Hoàng Ánh ngậm ngùi, nàng cũng có người yêu đang tu nghiệp tại Mỹ. Cuối năm mới về, với chiến tranh tàn khốc nầy, không biết bao nhiêu thanh niên phải hy sinh, còn phải hy sinh đến bao giờ. Nước mắt rưng rưng thương Tuấn, thương cho Nghi mối tình đầu không còn nữa!

*

Noel lại đến, mùa Giáng Sinh đã về trên những cành bách diệp đầy hoa đèn lấp lánh, nhắc nhở em mùa hạnh phúc đã về. Nhớ anh đến xót xa, nhớ lắm... Nhớ lúc chia tay chẳng nói với nhau một lời. Ý thức và tình yêu cứ mãi mãi là đóm than âm ỉ cháy. Lòng em nhói buốt hình dung lại ở phương trời cách biệt trong rất nhiều hoàn cảnh... ở đó có anh, bông sứ trắng, một chút gió mang theo cái thao thức nao nao... dưới bầu trời tím thẩm... lòng em rung động, cảm xúc, êm đềm ngày ấy... Tình yêu và kỷ niệm là bếp lửa không tàn. Em còn nhớ, những đêm ngồi ngoài hành lang với anh, trong một không gian thoang thoảng theo gió hương ngọc lan, hoa sứ thơm dịu, mảnh trăng thật trong xanh, hình ảnh quê hương diễm lệ, nồng nàn... Nếu không vì vâng lời Me, thì em chả bao giờ trở lại Paris, để phải chịu nỗi đau buồn như bây giờ. Người ta đón Noel vui vẻ, hạnh phúc, còn em... em lang thang trên đường phố như một kẻ mất hồn. Dòng sông đục màu lờ lững trong giá lạnh. Những giây đèn màu rực rỡ trên các cành thông, chẳng khác gì những mũi kim, nỗi đau bất tận xé nát tâm hồn. Nàng thì thầm: "Ôi! Thiên Chúa cao vời, xin Ngài ban cho con bình an. Con không biết làm sao với chén mật đắng nầy". Thiên hạ nô nức, rừng rừng chen nhau đi xem đốt pháo hoa... những tiếng nổ lớn, từng chùm pháo hoa tung lên nền trời muôn màu sắc rực rỡ... một vùng trời đỏ rực lửa... một trời sáng chói... em hoa cả mắt... em như thấy có cánh dù rơi... và anh... anh đã vĩnh biệt em rồi anh ơi! Nước mắt ràn rụa trên má...

Đâu đây tiếng dương cầm nhà ai vang vọng nhạc khúc "Đêm Thánh Vô Cùng" réo rắt, cao vút, chơi vơi, âm thầm... tiếng nhạc bay bổng mênh mang vào cuối đồi mất hút. Nỗi cô đơn tê tái nghẹn ngào, Lòng em đau như dao cắt, anh ơi!

Hạnh phúc chỉ là hư ảo. Nàng ôm mặt nức nở...

◆ *Diệu Hạnh*

"SƯỚNG NHƯ ÔNG HOÀNG" ?

Võ Hương-An

"Sướng như ông Hoàng" hay *"Sang như ông Hoàng"* - Hoàng đây là hoàng tử, là những thành ngữ Huế rặt mà tôi thường nghe mệ ngoại tôi và mạ tôi nói mỗi khi các bà muốn diễn tả về sự sung sướng, sang trọng của một người đàn ông nào đó. Nhưng đến khi biết được cuộc đời của mấy ông hoàng, tôi đâm ra nghi ngờ và tự hỏi: sướng như ông hoàng, thiệt không?

Hoàng tử là con trai của vua, sướng từ lúc lọt lòng mẹ là chuyện đương nhiên, ai cũng biết. Thêm vào đó , "cái sướng" này còn được phép vua qui định, bảo vệ, thì nhất định nó là một thực tế hiển nhiên. So với cuộc sống vất vả của người dân, phải "chạy ăn từng bữa toát mồ hôi" thì cái sướng trước mắt của ông hoàng là không phải lo cơm áo gạo tiền, lại được nhà cao cửa rộng (phủ đệ), ăn ngon mặc đẹp, ơn vua lộc nước ban cho đầy đủ Theo lệnh vua Minh Mạng (1820-1840), hoàng tử sinh được 100 ngày thì bế vào ra mắt vua cha, xong chiếu theo Đế hệ thi (1) mà đặt tên, đầy tuổi thôi nôi thì đã có lương bổng vua ban. Lương bổng này (tính theo năm) lớn dần theo tuổi tác (và tước vị được phong, nếu có):

-Tử 1 đến 10 tuổi: tiền 150 quan, gạo 150 phương;

-Tử 11 đến 17 tuổi: tiền 200 quan, gạo 200 phương;

-Từ 18 đến 29 tuổi: tiền 300 quan, gạo 300 phương;

-30 tuổi trở lên: tiền 400 quan, gạo 300 phương *(Thực lục III, tr.430-433)*.

Muốn biết quyền lợi này nhiều ít thế nào thì hãy so sánh với lương bổng các quan. Đời Gia Long (1802-1819) quan chánh nhất phẩm (cực phẩm triều đình) mỗi năm lãnh 600 quan, gạo 600 phương và 70 quan phụ cấp áo quần, gọi là *tiền xuân phục*. Đến đời Minh Mạng (1820-1840), bớt xuống còn 400 quan và 300 phương gạo, phụ cấp áo quần như cũ.

Nơi hoàng tử sinh ra

Hễ nói tới nơi sinh của hoàng tử hay công chúa,mười người như một đều nghĩ rằng tất cả đều phải được sinh ra trong cung cấm, vì, như người ta thường kháo nhau, khi vua gần với bà nào, thái giám đều có ghi chép vào sổ sách ngày tháng rõ ràng để sau đổi chiếu với ngày sinh mà biết thiệt giả, đề phòng lạc giống lộn sòng. Với Nhà Nguyễn, thật ra không phải hoàng tử nào cũng được sinh ra trong cung cấm (trong Tử Cấm thành), nhất là các hoàng tử lớn tuổi. Như vua Minh Mạng, mãi đến năm 1816 mới được phong Thái tử, ở cung Thanh Hòa, bên trái hoàng thành (khu Tam Tòa ngày nay) nhưng trước đó, khi đang còn là *Ông Hoàng Tư* (hoàng tử thứ 4 của vua Gia Long) đã có phủ riêng, đã lập *phủ thiếp* (vợ chánh của hoàng tử), đã có năm ba *dắng* (vợ bé của hoàng tử) đã sinh con đầu lòng là công tử Miên Dung vào năm 1807 tại ấp Xuân Lộc nằm bên bờ sông Đông Ba *(Hữu Hộ thành hà)* phía đông Kinh thành Huế. Đó chính là vua Thiệu Trị sau này (1841-1847), vì vậy, để kỷ niệm nơi sinh ra của một hoàng đế, về sau, vua Thiệu Trị cho lập ở đó một ngôi chùa lớn, đó là chùa Diệu Đế hiện nay.

Còn vua Tự Đức, con thứ hai của vua Thiệu Trị, sinh năm 1829, nhằm năm Minh Mạng thứ 10; lúc đó vua Thiệu Trị đang còn là hoàng tử, được phong tước Trường Khánh Công, có phủ riêng, bên ngoài Hoàng thành (Đại Nội). Trường hợp vua Thành Thái (1889-1907), sinh năm 1879. và vua Bảo Đại, sinh năm 1913, cũng đều sinh ngoài Tử Cấm thành. Người ta gọi chỗ ở cũ của các vua khi chưa lên ngôi là *tiềm để*, ngụ ý nơi đó cũng như nơi đáy biển

rồng vàng (tướng tinh của vua) ẩn náu, chờ ngày vùng vẫy tung mấy lướt gió. Như vậy, chỉ có các hoàng tử hay hoàng nữ nào sinh sau khi vua cha lên làm vua thì mới được diễm phúc sinh ra trong cung cấm, chẳng hạn Hoàng tử Vĩnh San , tức vua Duy Tân (1907-1916), sinh năm 1900. bấy giờ là năm thứ 12 đời Thành Thái (vua cha).

Việc nuôi dạy hoàng tử

Khi còn bé, các hoàng tử ở với mẹ; nếu thông minh ham học, chừng bốn năm tuổi đã bắt đầu được các nữ sư trong cung dạy chữ, chẳng hạn Hoàng tử Miên Thẩm (tức Tùng Thiện Vương,em vua Thiệu Trị), sinh năm 1819, rất thông minh, mới 4 tuổi đã theo học với nữ sư , 7 tuổi đã biết đọc và thưởng thức thơ, mặc dù chưa biết luật thơ là gì, 8 tuổi đã biết làm thơ *(Thế phả, tr.291-292)*. Chừng 5,6 tuổi thì không ở chung với mẹ nữa, anh em sống tập trung một khu vực riêng, có người phục vụ, có nhà học và thầy dạy riêng. Trong hồi ký *Con rồng Việt Nam*, Cựu hoàng Bảo Đại đã ghi lại rằng: *"Khi lên năm thì tôi không còn được ở trong cung của các bà hoàng phi, cùng với bà nội tôi, là Đức Thái hoàng Thái hậu, mà phải đưa sang phía Đông cung, gọi là Thanh cung... Cung này có một buồng ngủ, một phòng khách,một phòng ăn, và dãy nhà phụ thuộc. Vài kẻ hầu cận. Hàng ngày, viên quan phụ đạo đến dạy tôi học chữ nho..."* (tr.26) . Trong Tử Cấm thành, khu vực phía đông bắc, là nơi nuôi dạy các hoàng tử trước khi cho xuất các (ra lập phủ riêng).Tùy triều đại, nhà học dành cho các hoàng tử và hoàng thân tuổi nhỏ mang các tên khác nhau, chẳng hạn *Tập Thiện đường* (đời Gia Long), *Dưỡng Chánh đường, Hữu Phương đường* (đời Minh Mạng) hay *Kiền Đông đường* (Thiệu Trị, Tự Đức). Năm Minh Mạng thứ 6 (1825) *Dưỡng Chánh đường* trong Tử Cấm thành xây xong, vua cho các Hoàng tử Miên Thẩm (sinh 1819), Miên Trinh (sinh 1820), Miên Thẩn (sinh 1817), Miên Bảo (sinh 1820) dọn ra ở đấy để học tập. Lớn hơn một chút, chừng 11,12 tuổi nhưng chưa đến tuổi *xuất các*, các hoàng tử lại có nhà ở và nhà học khác bên ngoài Đại Nội, chẳng hạn , đời Minh Mạng có nhà Quảng Phúc đường sau lưng chùa Giác Hoàng (Tam Tòa ngày nay).

Trông coi tổng quát việc giáo dục các hoàng tử và hoàng thân là một Sư bảo,chọn trong các đại thần hoặc hoàng thân lớn tuổi có văn học và đức hạnh cao. Chức Sư bảo cũng tương tự như chức Hiệu trưởng của một trường, chỉ khác đây là trường dạy...con vua.Trực tiếp giảng dạy các có các chức *Tán thiện, Bạn độc, Giảng tập, Chánh tự*. Thầy dạy học mang chức danh khác nhau là vì các quan được chọn làm thầy giáo có phẩm trật cao thấp khác nhau, vì mỗi ông phụ trách một trình độ cao thấp khác nhau. Ví dụ, năm Minh Mạng thứ 4 (1823), vua đã chọn các quan sau đây sung vào ban giảng huấn các hoàng tử và hoàng thân nhỏ tuổi: Cần chánh điện đại học sĩ Nguyễn Đăng Tuân (chánh nhất phẩm,1/1) sung làm *Sư bảo*; Tham hiệp Nguyễn Văn Sĩ (chánh tứ phẩm,4/1) và Lang trung Bùi Tăng Huy (4/1) sung làm *Tán thiện*; Tri huyện Hoàng Văn Đáng (tòng lục phẩm,6/2), Biên tu Doãn Văn Xuân (chánh thất phẩm,7/1) và Biên tu Trương Đăng Quế (7/1), Kiểm thảo Đoàn Nguyên (tòng thất phẩm,7/2) đều cho làm *Bạn độc*. Vua nào cũng chú trọng việc giáo dục con em, nhưng đứng đầu trong việc này hẳn là vua Minh Mạng.

Về chương trình học thì mới vỡ lòng cho học sách *Khai tâm bảo giám* và sách *Tiểu học*; đến tuổi thiếu niên bắt đầu học *Tứ thư, Ngũ kinh* và các sách sử. Cũng như các học sinh ở ngoài, các hoàng tử cũng phải học thuộc lòng các sách, tập viết, tập làm các thể văn. Đến thập niên 1910, khi cái học mới đã phổ biến vậy mà Hoàng tử Vĩnh Thụy còn phải *"Mỗi buổi sáng, sau khi điểm tâm qua loa, ông thầy đến giảng một đoạn của sách Luận ngữ, bắt tôi học và đọc lại."* (Sđd., tr.27) huống hồ là thời nho học thịnh hành.Với các hoàng tử 10 tuổi trở xuống thì có thể phái thầy Chính tự đến phủ dạy hàng ngày nhưng đến tuổi học kinh, sử thì phải đến lớp, ngày hai buổi sáng, chiều. Từ 15 tuổi trở lên, cứ 10 ngày

một lần, các hoàng tử, hoàng thân được cho đi tập cưỡi ngựa, bắn cung, bắn súng.

Các hoàng tử và hoàng thân (nhỏ tuổi) dĩ nhiên không phải sát hạch học lực như nho sinh đời thường. Chính vua là người thẩm tra và thẩm định học vấn của con và em bằng khẩu vấn hay bút vấn . Học trò giỏi thì thầy được khen thưởng, học trở dở thầy bị quở phạt, giáng cấp. Được chọn dạy các hoàng tử hoàng thân quả là một vinh dự nhưng đồng thời cũng là một khổ nạn nếu thầy gặp những ông hoàng ham chơi hơn ham học, lại ngỗ nghịch, khó dạy.

Liệt truyện (tập II, tr.66) kể chuyện ông hoàng thứ 10 tên Quân, con vua Gia Long và bà Đức Phi họ Lê, được phong tước Quảng Uy Công, mất khi mới 21 tuổi. *"Ông lúc còn trẻ tuổi thích chơi đùa và sấc láo, kiêu ngạo."* lại gặp quan giáo đạo là Ngô Đình Giới là một vị thầy nghiêm khắc (cũng là thầy của vua Minh Mạng), nên ghét thầm trong bụng. Một hôm ông sai người hầu bắt một con nhái, trói giữa sân rồi lấy roi đánh, vừa đánh vừa nói *"mày chớ khinh ta"*. Thầy Giới nhìn biết mà không dám làm gì, không bắt bẻ được. Quả thật là một đòn trả thù bằng cách chơi chữ Huế rặt. Người Huế vốn phát âm không phân biệt âm *nh* và *gi* nên nhái và giái như nhau, mà *giới* cũng đọc trại là *giái (thế giới =thế giái)*! Chỉ trong bối cảnh tiếng Huế thì mới hiểu *giới=giái=nhái*, là một. Cũng may cho Thầy Giới, ông hoàng này không làm vua. Biết Hoàng tử Quân cứng đầu nên khi vừa kế vị, vua Minh Mạng đã cử Trần Đại Nghĩa làm Giáo đạo, đặc biệt ban cho quan Giáo đạo một cây roi mây và bảo: *"Em nhỏ của trẫm sinh ở chốn thâm cung, không dạy bảo không thể trở thành người đức hạnh được. Khanh hôm nay dạy bảo, có lỗi cứ đánh chớ để thành ngạo mạn và lười biếng" (Thế phả, tr.259)*. Nói thế chứ chưa thấy sử ghi ông hoàng tử nào bị đánh roi cả! Và chắc không có thầy nào dám đánh, lỡ sau này ông hoàng được lên ngai vàng thì e thầy cũng khó an tâm mà sống!

2. Quyền lợi và nghĩa vụ

Đời Gia Long (1802-1819) thì hoàng tử đến 15 tuổi (ta), Bộ Lễ theo lệ lập danh sách tâu vua xin phong tước Công, nhưng đến đời Minh Mạng (1820-1840) thì đổi khác. Năm 1829, vua dụ rằng *"từ đây về sau, phàm các Hoàng tử đến năm 15 tuổi mà bộ Lễ tâu xin phong tước, đợi ta thân xét hạch xem Hoàng tử ấy có quả là đức hạnh tuổi tác đều tăng tiến, ngày càng tôn kính đạo nghĩa , thì lập tức cho làm lễ tấn phong tước Công. Nếu Hoàng tử ấy chưa có đức nghiệp sáng tỏ thì hãy đình phong một lần, đợi sau 5 năm lại làm sớ xin, nêu thành mệnh lệnh." (Hội điển I, tr.180)*. Tuân thủ lệnh này, năm 1846, nhân dịp Tứ tuần đại khánh (mừng sinh nhật vua 40 tuổi), vua Thiệu Trị (1841-1847) *"...sai triệu các hoàng tử, hoàng đệ chưa được phong tước là 10 người đến trước sân hỏi, mà có 7 người ứng chế được, đủ biết đức một ngày một mới, tuổi học một tuổi một hay. Vậy hoàng tử Hồng Y cho tấn phong Kiến Thụy Công, Hoàng tử Hồng Hưu cho tấn phong làm Gia Hưng Công, Hoàng tử Hồng Phò cho tấn phong làm Thái Quốc Công, Hoàng đệ Miên Tẩu cho tấn phong làm Phong Quốc Công, Hoàng tử Hồng Tố cho tấn phong làm Hoằng Trị Quận Công, Hoàng đệ Miên Tăng cho tấn phong làm Hải Ninh Quận Công, Hoàng đệ Miên Lâm cho tấn phong làm Hoài Đức Quận Công, chuẩn cho bộ Lễ tra lệ thi hành. Còn những Hoàng đệ không ứng chế được như Miên Sạ, Miên Ngộ, học thức không thông, thơ mất niêm luật, đều cho truyền chỉ thân sức [giúp sửa chữa], riêng Hoàng đệ Miên Thái, tuổi đã nhiều lại chẳng biết tu tỉnh, chỉ quen chơi bời, chẳng tập lễ độ, chẳng thích thi thư, chữ viết không thành, văn lại phạm húy, thói cũ không chừa, trái với phép nhà , vậy phạt Miên Thái 2 năm mất lương để tỏ khuyên răn." (Hội điển I, tr.100-101)*.

Sách phong Hoàng tử là một nghi lễ long trọng, được ghi rõ trong *Hội điển*.

Hoàng tử, hoàng thân và con cháu đều được hưởng lương theo qui định. Mức lương nhiều ít tùy theo tuổi tác và tước vị được phong. Tuổi lớn và tước lớn thì bổng lộc phải nhiều hơn. Mặt khác, mức lương bổng cũng thay đổi ít nhiều tùy tình trạng ngân

sách của mỗi triều đại.

Khi tới tuổi xuất các, hoàng tử được cấp phủ đệ do Bộ Công xây dựng. Hoàng tử cũng có thể xin lãnh tiền để tự xây theo ý mình nhưng phải tuân thủ qui cách vua đã định.Tùy tước vị cao thấp mà một phủ có nhiều hay ít đội thuộc binh để canh gác và sai phái. Cũng tùy tước vị cao thấp mà phủ có nhiều hay ít quan viên phục vụ, ví dụ, phủ Thân vương (hoàng thân tước vương) có đến 18 người, nhưng phủ Quốc công chỉ có 10 người. Trưởng sử (4/1) là chức quan cầm đầu việc điều hành tổng quát một phủ, dưới quyền có một Tư vụ (7/1), các Bát, Cửu phẩm thư lại và Vị nhập lưu thư lại (thư ký chưa vào ngạch). Tại các phủ của tước Quận công trở xuống, cầm đầu là một Quản gia.

Đến 15 tuổi thì các hoàng tử, hoàng thân bắt đầu có những nghĩa vụ phải thi hành, đó là việc chầu hầu các bậc trưởng thượng trong nội cung; như dưới triều Minh Mạng, khi bà Thuận Thiên Cao Hoàng hậu (thân mẫu vua) còn tại thế, thì các hoàng tử cứ đến ngày 17 mỗi tháng phải áo mão chỉnh tề, theo thứ tự đã kê trong trong danh sách, đến cung Từ Thọ *chầu thỉnh an* (thăm hỏi sức khỏe). Cựu hoàng Bảo Đại có ghi lại một buổi chầu thỉnh an như thế, nặng phần nghi lễ hơn là bày tỏ tình cảm: "*Trong những dịp này* [các lễ lạc của triều đình], *tôi đến vấn an bà tôi, và theo một nghi thức chặt chẽ là chỉ được quì mà thưa gửi, trong khi bà ngồi sau một bức mành tre, tôi chỉ trông thấy lờ mờ.*" *(Sđd., tr.28).*

Các hoàng tử, hoàng thân, *sau khi được phong tước*, ngoài việc phải tham dự việc chầu hầu (các phiên đại triều, thường triều), họ còn được vua chỉ định thay mặt vua đứng chánh tế hay bồi tế tại các lễ tế ở miếu, điện trong Đại Nội; luân phiên theo danh sách đã được chuẩn y để đi kiểm tra việc thờ tự tại các lăng miếu. Trước khi triều đình cử hành những lễ nghi lớn, thường có lễ kỳ cáo tại các miếu điện, đàn Nam giao và đàn Xã tắc. Làm lễ kỳ cáo tại hai đàn này là đại thần thuộc bá tánh, còn tại các miếu điện phải cử các hoàng tử hay hoàng thân. Tại Tôn Nhơn Phủ, các chức vụ cầm đầu như Tôn nhơn lệnh, Tả hữu tôn nhơn, Tả hữu tôn chánh, chỉ dành cho các hoàng tử hay hoàng thân tước Công.

Các hoàng tử, hoàng thân nếu không thi hành trách nhiệm giao phó hoặc nghĩa vụ qui định, chắc chắn sẽ bị nghiêm phạt, bởi nếu vua không phạt thì cũng như nuôi mầm mống vô kỹ luật, các quan cũng vì thế mà nhinh nhờn, triều đình sinh ra bát nháo. Năm 1874, sứ thần Pháp đến Huế triều kiến vua Tự Đức. Trấn Tĩnh Quận Công Miên Dần (vai chú của vua) không giữ đúng nghi lễ trong buổi tiếp sứ, bị các quan hặc lỗi (bắt lỗi), bị cắt lương (phạt bổng) 1 năm. Chưa hết, đến mùa Thu năm đó, ông được chỉ định đứng chánh tế Thu hưởng tại Thái miếu, lại vô ý (?) mặc áo trắng mà đi vào cửa bên trái của miếu, phạm và điều cấm kỵ về lễ, bị giáng xuống làm Đình Hầu, mãi đến năm 1878 mới được phục hồi tước Quận Công! Năm 1884, sau khi vua Kiến Phước băng hà, dưới sự đạo diễn của hai quan Phụ chánh Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết, một người em của vua, mới 14 tuổi,được đưa lên ngôi, tức vua Hàm Nghi. Trước khi cử hành lễ tấn tôn tại điện Thái Hòa, triều đình phải làm lễ tiếp nhận quốc bảo cho người kế vị. Đó là lễ tiếp nhận 4 vật báu của triều đại, là ấn ngọc truyền quốc, long bào, hốt ngọc và tên mới trong kim sách (ngự danh). Hoàng thân Kỳ Phong Quận Công Nguyễn Phúc Hồng Đình (em vua Tự Đức, con thứ 23 của vua Thiệu Trị) vì lười nên vắng mặt. Với lỗi này, ông bị lột hết tước phong, đổi sang họ mẹ, làm dân thường. Ông mất vào năm đó (1884), được gia ân phục tước Phong Hương Hầu, nghĩa là từ tước công giáng xuống tước hầu. Mãi đến đời Đồng Khánh mới được truy phục tước Kỳ Phong Quận Công *(Thế phả, tr.357).*

Trong sử, người ta thường bắt gặp chức *Phụ chánh thân thần*. Danh xưng này chỉ xuất hiện và dành cho một hoàng thân hay một vị trong Tôn thất có chức phận lớn, làm Phụ chánh khi vua còn ở tuổi vị thành niên. Năm 1889, Hoàng tử Bửu Lân mới 10 tuổi được đưa lên làm vua, tức vua Thành Thái. Hoài Đức Quận Công Miên Lâm cùng các

ông Nguyễn Trọng Hiệp và Trương Quang Đản được cử làm Phụ chánh. Quận công Miên Lâm được gọi là Phụ chánh thân thần, vì ông là người hoàng tộc. Tương tự, vua Bảo Đại lên ngôi năm 1926, khi mới 13 tuổi, lại còn phải xa nhà, du học ở Pháp. Một Hội đồng Phụ chánh được thành lập, gồm thượng thư 6 bộ và đại diện Tôn Nhơn Phủ, mà người cầm đầu hội đồng là quan Phụ chánh thân thần Tôn Thất Hân mà ở Huế hồi đó, người ta quen gọi vắn tắt là "Cụ Thân thần".

3.Hoàng tử lập phủ thiếp

Vợ chánh của hoàng tử gọi là ***phủ thiếp***. Các vợ bé khác (không hạn chế) gọi là ***dắng***. Việc hoàng tử cưới vợ gọi là lập phủ thiếp và vua chỉ chánh thức chu toàn việc này, còn việc cưới các vợ bé khác thì hoàng tử tự lo lấy.

Trong khi việc kén phò mã được qui định cặn kẽ cách chọn lựa thì việc vua chọn dâu, không rõ theo cách nào (bắt các quan lớn kê khai con gái tới tuổi cập kê? Hay chọn lựa qua mai mối?

Hoàng tử phả (sách ghi chép tiểu sử các hoàng tử) có ghi nhiều mẫu chuyện, qua đó có thể thấy được một trong những con đường đưa hoàng tử tới hôn nhân.

"Vào một buổi chiều. vua Minh Mạng đi dạo, có các Hoàng tử và các quan văn võ đi chầu.Nhân lúc vui vẻ, vua hái lê, bỏ vào trong tay áo, rồi đem mời Lê Văn Đức. Còn các vị quan khác thì vua cho phép tự hái lấy mà dung. . . .Khi ăn xong, vua nói với các quan : "Các Hoàng tử đã nhờ các thầy dạy bảo, nay ta cũng nhờ các thầy định liệu lương duyên cho chúng nó. Thầy nào có con gái xứng đôi thì cho phép chọn một Hoàng tử."

Trương Đăng Quế tâu:

-Lá ngọc cây vàng, nhành nào cũng tươi cũng đẹp, còn con của anh em chúng tôi như chim ở giữa rừng, biết đậu vào có được xứng chăng?

-Chim giữa rừng có nhiều hạng, như chim Phượng hoàng, há chẳng quý sao? Thứ chim ấy chọn cấy mới đậu. Con của thầy bao nhiêu tuổi?

-Tâu, con chúng tôi 16 tuổi.

-Hiểu biết học trò thì không còn ai bằng thầy.Vậy thầy có thương được trò nào chăng?

-Tâu, ông Hoàng Mười (Tùng Thiện Vương), như được nhờ ơn trên thì thần rất toại nguyện.

-Vì sao thầy lựa Hoàng Mười?

-Tâu, các Hoàng tử đều có tài có đức, duy ông Hoàng Mười thì tài đức ngang nhau, con cháu nhờ được dài ngày, thần đã già, chỉ trông mong con cháu.

-Thế thì gia thất của trò ta nhờ thầy.

(Trích dẫn lại của Nguyễn Phúc Bữu Diên & Phạm Thị Hoàng Oanh, Quê Hương Hoài Niệm, 1999, tr.137-138)

Điều có thể thấy rõ là việc công chúa lấy chồng phải qua 6 lễ (lục lễ) nhưng hoàng tử cưới vợ thì chỉ cần qua 3 lễ mà thôi.

-Trước hết là lệnh vua truyền chọn dâu. Vua lựa hai đại thần, một văn một võ, vợ chồng song toàn, làm chánh phó sứ, lãnh cờ tiết (tượng trưng uy quyền của vua), đến nhà gái, truyền lệnh cho cha mẹ cô gái biết. Ngày sứ giả đến, nhà gái phải bày hương án ở giữa nhà, quay về hướng nam, mặc triều phục đợi đón sứ giả. Khi vào nhà, chánh sứ đứng bên trái hương án, phó sứ bên phải, cha cô gái quì trước hương án nghe lệnh. Chánh sứ truyền rằng: vâng lệnh vua, bảo cho biết sẽ cưới Thị (tên) làm vợ Hoàng tử (tên), đến ngày đó, phải đến tiện điện (nơi vua ngự) nghe lệnh. Nghe xong, cha cô gái lạy 5 lạy, rồi khoản đãi sứ giả. Xong việc, chánh phó sứ mang cờ tiết về nộp, phục mệnh. Đúng ngày hẹn, cha mẹ cô dâu mặc triều phục, phẩm phục, vào

hoàng cung; chồng thì đến tiện điện lạy 5 lạy nhận lệnh, còn vợ thì đến cung Khôn Đức làm lễ hoàng hậu. Sau đó, Khâm Thiên Giám lo chọn ngày lành tháng tốt tâu vua để làm lễ hỏi và lễ cưới.

-Bước thứ hai là lễ hỏi. Lễ vật trong lễ hỏi gồm có: vàng 2 nén, bạc 4 nén, gấm 2 tấm, lụa màu 6 tấm, lụa tốt 10 tấm, vải tốt 20 tấm, xuyến vàng 1 đôi, hoa tai vàng 1 đôi, trâm vàng 1 bộ, chuỗi hạt châu 1 đôi, rượu 2 hũ, trầu cau 1 mâm, trâu 1 con, heo 1 con. Tất cả lễ vật này đều được liệt kê trên một tờ thiếp màu đỏ, bỏ vào trắp sơn son. Chiều hôm trước ngày lễ hỏi, Bộ Lễ tổ chức phiên thường triều tại điện Cần Chánh cho hai quan chánh phó sứ lạy nhận lệnh vua (bái mạng) , lãnh cờ ngọc tiết và lễ vật để đi làm lễ hỏi vào hôm sau. Đoàn nhà trai xuất phát từ Đại Nội, lần này có thêm các mạng quan (vợ quan nhỏ) và mạng phụ (vợ quan lớn) đi theo và quân lính khiên mang lễ vật. Nhà gái cũng bày hương án như trước và khăn áo sẵn sàng, đón nhà trai. Chánh sứ cầm cờ ngọc tiết, phó sứ bưng trắp hồng thiếp, đi trước, kế đến là các món lễ vật. Cờ ngọc tiết, trắp hồng thiếp, và các thứ vàng bạc, gấm lụa được để trên án. Các món khác để ở bàn phụ, các thứ cồng kềnh để ở ngoài sân. Cuộc lễ lần này do quan Bộ Lễ điều khiển. Cha cô dâu quì trước án, làm lễ tiếp nhận lễ vật vua ban, lạy 5 lạy, là xong. Sau đó, chồng lo tiếp các quan, vợ lo tiếp các mạng phụ và mạng quan. Xong tiệc, chánh phó sứ mang cờ ngọc tiết về nộp, lạy 5 lạy phục mệnh.

-Bước thứ ba, là lễ cưới. Lễ vật gồm có; vàng 4 nén, bạc 6 nén, hoa tai vàng 4 đôi, trâm vàng 1 bộ, xuyến vàng 1 đôi, gấm 6 tấm, lụa màu 10 tấm, lụa tốt 20 tấm, vải tốt 30 tấm, trâu 1 con, bò 1 con, heo 1 con, trầu cau 1 mâm, rượu 2 hũ. Là vợ của hoàng tử, dâu của vua chứ không phải là một người nữ bình thường nên cô dâu được vua ban sắc phong và phẩm phục. Sắc phong viết trên giấy vàng, gọi là sách văn, phẩm phục thì có 1 chiếc mũ kim phẩm, áo 1 cặp, xiêm 1 chiếc, hài 1 đôi, lại cấp thêm kiệu 1 chiếc, lọng 1 cái để đón dâu về. Trong đoàn đi đón dâu lần này có thêm ban nhạc và các nữ quan thuộc nội cung đi theo để giúp đỡ và hướng dẫn cô dâu trong nghi lễ. Nghi thức cũng tương tự như lễ hỏi, chỉ khác ở chỗ sau khi người cha lạy 5 lạy tiếp nhận lễ vật xong thì đứng qua một bên. Một nữ quan quì nhận sách văn do phó sứ trao rồi cùng các nữ quan khác mang sách văn và các trắp phẩm phục vào nhà trong, nơi mẹ cô dâu và cô dâu đã sẵn sàng nghênh đón. Sách văn được để trên án bày sẵn. Các nữ quan giúp cô dâu thay phẩm phục vua ban, xong đưa cô dâu ra trước án lạy 5 lạy, rồi quỳ nghe tuyên đọc sách văn. Xong lạy tạ 5 lạy. Sau đó, nữ quan mời cô dâu ngồi lên sập bày sẵn,để cho các mạng phụ và những người nữ khác lảm lễ mừng phủ thiếp 4 lạy. Đến đây thì lễ chánh thức đã xong. Nhà gái mở tiệc khoản đãi. Sau tiệc, cô dâu được rước về phủ hoàng tử. Hôm sau, cha mẹ cô dâu lại vào hoàng cung lạy tạ ơn vua; ngày nhị hỉ, đến lượt hoàng tử và tân phủ thiếp vào cung làm lễ ra mắt và tạ ơn (Hội điển IVB, tr.244-246).

4.Lệnh cấm và thưởng phạt

Đã là hoàng tử dĩ nhiên phải có cuộc

sống sướng hơn thường dân, nghĩa là không phải bận tâm kiếm sống vì đã có lương bổng nhà nước đài thọ, có phủ đệ to lớn, có người hầu hạ, mũ cao áo dài, ra vào võng lọng. Tuy nhiên không phải cứ là hoàng tử thì muốn gì được nấy, trái lại, họ cũng phải chịu khép mình vào khuôn khổ theo qui định áp dụng cho đẳng cấp và cũng chịu sự thưởng phạt như bên quan lại. Vừa mới lên ngôi (1820) thì gặp ngay việc Diên Khánh Công Nguyễn Phúc Tấn (em ruột vua Minh Mạng) tự tiện đánh roi Cai đội quân Thị trung là Lê Văn Hương. Việc được tâu lên khi quanh vua Minh Mạng có mặt các hoàng thân. Vua bảo Diên Khánh Công: *"Hương kia cũng là phẩm quan của triều đình, có tội nên tâu lên, sao lại tự lấy roi đánh người ta? Vả lại, phép của tiên đế [Gia Long] lập ra là của chung của thiên hạ, chứ có phải riêng của anh em ta đâu! Em không thấy Tiên đế thiết trách Định Viễn Công Bính à? Bấy giờ Định Viễn Công có lỗi nhỏ, mà anh vì Bính hai ba lần xin tha, Tiên đế vẫn không tha. Như thế là vì nghĩ rằng các hoàng thân sinh trưởng ở chỗ giàu sang, cậy mình được yêu thương đặc biệt, nên coi nhẹ mà phạm hiến chương [pháp luật], cho nên không thể không nghiêm ngặt để răn người sau. Nay anh lấy lòng Tiên đế làm lòng mình, mà yêu em, em cũng nên lấy lòng anh làm lòng mình mà yêu anh, cùng nhau cẩn thận giữ phép sẵn để giữ tiếng lành mãi không cùng. Chớ nên lại làm thế nữa." (Thực lục II, tr.58).* Mặc dầu Diên Khánh Công cúi đầu nhận lỗi nhưng vua vẫn phải xin các đại thần tha thứ cho lần đầu, nếu tái phạm sẽ nghiêm trị. Qua năm Minh Mạng thứ 6 (1825), ông hoàng này lại liên tiếp phạm hai lỗi lầm nữa. Vụ thứ nhất là vì việc riêng mà bắt giam một người dân phủ Thừa Thiên và người làm trong phủ. Vua trách mắng: *"Dân là gốc nước, dân không yêu mến thì ngươi có thể hưởng giàu sang này được mãi không? Ngươi đã không cùng chia lo với ta lại làm thêm lo cho ta thì lòng ngươi có yên không?" (Sđd., tr.445)*, riêng Trưởng sử bị phạt đánh 100 trượng, cách chức làm lính về tội không can gián. Vụ thứ hai là sai lính (thuộc binh) vào Bình Định bắt con hát, lại bắt càn cả thường dân. Khi nội vụ được địa phương tâu lên, thấy em thói xấu không chừa, vua cảm thấy *"thẹn toát mồ hôi"*. Lập tức ra lệnh phạt Định Viễn Công một năm bổng (cắt lương), giải tên thuộc binh đến địa phương phạm tội, chém đầu; 4 tòng phạm bị sung quân, đóng ở vùng núi Quảng Ngãi.

Ngay từ năm Gia Long thứ 15 (1816) đã có lệnh cấm các hoàng tử và hoàng tôn không được giao du với quan lại văn võ. Qua năm Minh Mạng thứ 17 (1836) qui định đi vào chi tiết hơn. Họ không được *"can dự vào công việc bên ngoài cũng như đưa văn thư ra các nha môn ở ngoài. Như thế thực là để chấm dứt lối bè cánh riêng, rõ ràng thể chế pháp luật." (Hội điển I, tr. 138).* Các quan trong triều nếu cần liên lạc với các hoàng tử hoàng thân về việc công thì làm công văn thưa bẩm; nếu muốn bẩm bằng miệng thì phải gặp nhau ở công đường hoặc trong lúc triều hội. Tuyệt đối không đến phủ riêng để xin yết kiến. Hoàng tử hoàng thân được phép nuôi 5, 6 tiểu đồng hầu hạ nhưng tuổi phải dưới 14-15 và phải biết rõ gốc gác lý lịch của đứa bé. Khi tới tuổi thành đinh (18) thì đôn vào sổ lính trong phủ, có sổ sách báo cáo đầy đủ.

Về thưởng, họ có thể được thưởng tập thể theo qui định trong ân chiếu vào các dịp mừng vui lớn của đất nước, chẳng hạn đăng quang, vạn thọ, tấn tôn, tứ ngũ tuần đại khánh, v.v. hoặc thưởng cá nhân nếu có một công trạng nào đó. Năm Thiệu Trị thứ 2 (1842), vua ngự giá Bắc tuần để làm lễ nhận sắc phong Nhà Thanh. Thọ Xuân Công Miên Định là con thứ 3 của vua Minh Mạng được cử làm Ngự tiền thân thần. Ngày làm lễ tuyên phong, sứ Nhà Thanh là Báo Thanh ngồi kiệu vảo thẳng cửa Chu Tước (theo lễ, phải xuống kiệu), quan hầu tiếp không ngăn cản được, Thọ Xuân Công thấy vậy thét mắng, sứ Thanh phải xuống kiệu mà thong thả đi vào nơi làm lễ. Lễ xong, vua khen, về triều, thưởng Thọ Xuân Công một tấm bài đeo bằng ngọc trắng có

khắc 4 chữ *đặc dị quyến bưu* 特异眷郵 (sủng ái đặc biệt) *(Liệt truyện II, tr.85)*

Về phạt, tùy tội lỗi phạm phải mà có nhiều mức độ xử phạt khác nhau. Nhẹ thì có phạt bổng (cắt lương), không cho chầu hầu, thu áo mũ và sắc phong, giáng cấp, đổi sang họ mẹ, xóa tên trong tộc phả, thậm chí, tử hình. Trong Kinh thành Huế, có 3 nhà tù dành cho 3 loại đối tượng khác nhau: *Trấn phủ* là nơi giam giữ những tội phạm chờ Bộ Hình xét xử; Khám đường là nơi giam giữ các tù nhân đã thành án, và *Cấm cố lao* là nơi giam giữ những tội phạm trong Hoàng tộc.

Phú Mỹ Quận Công Miên Phú là con thứ 8 của vua Minh Mạng, sinh năm Gia Long thứ 16 (1817). *"Lúc còn làm hoàng tử, vốn tính kiêu ngông, thân cận với trẻ hư, thường cho đầy tớ chạy ngựa dẫm chết người. Việc đến tai vua [Minh Mạng]. Vua giận, sai lột mũ áo, cấm không được dự hàng với các hoàng tử, cứ lấy tên mà gọi. Sau biết sợ và hối hận nên được hoàn lại mũ áo và vị hiệu nhưng không cho vào chầu hầu." (Liệt truyện II, tr.100-101).* Mãi đến năm Thiệu Trị thứ nhất (1841) mới cho vào chầu hầu, và đến năm Tự Đức thứ 5 (1852) mới được phong làm Phú Mỹ Quận Công. Nhưng rồi chứng nào tật nấy, ông lại mở trường hát xướng, cho cả người ngoại quốc vào xem, bị Ngự sử hạch lỗi, nên phải giáng làm Kỳ Nội Hầu, đến năm Tự Đức thứ 36 (1883) mới cho trở lại tước cũ.

Năm 1871 đời Tự Đức, gặp ngày kỵ (giỗ) chúa Minh Nguyễn Phúc Chu (Túc Tông Hiếu Minh hoàng đế). Hoàng trưởng tử Ưng Chân (con nuôi vua Tự Đức, sau là vua Dục Đức, thân phụ vua Thành Thái) vào chầu, mặc quần đỏ, bị phạt bổng 6 tháng. Thêm vào đó, mọi thủ tục chuẩn bị để phong cho ông tước Xuân Trường Công đang tiến hành ngon trớn cũng được lệnh đình hoãn. Chưa hết, Các quan giáo đạo bị giáng chức, thay bằng các quan khác, vì lỗi không biết dạy lễ nghi cho hoàng tử *(Thực lục VII, tr. 1273).*

Đó là chỉ phạm lỗi thông thường. Dính vào chính trị thì lắm khi thê thảm.

An Phong Quận Vương Hồng Bảo là con đầu của vua Thiệu Trị, anh vua Tự Đức, nhưng vì con bà vợ thứ (Quí nhân Đinh Thị Hạnh), lại không chăm học, ham chơi nên không được truyền ngôi. Năm 1851, ông bị bắt trong một âm mưu trốn ra nước ngoài nhưng vua Tự Đức nghĩ tình anh em, bỏ qua. Năm 1853, ông lại bị bắt lần nữa trong một cáo giác phản nghịch, bị triều đình kết tội chết. Ông chết một cách mờ ám trong ngục , ông và các con đều phải đổi sang họ mẹ. Mãi đến triều Thành Thái (1889-1907) trường hợp Hồng Bảo mới được xét lại và vua cho khai phục tước hiệu An Phong Công. Đến đời Khải Định (1816-1825), được truy phong An Phong Quận Vương.

Lại một trường hợp khác: Tuy Lý Vương Miên Trinh là chú của vua Tự Đức, ông nổi tiếng về hai phương diện là hiếu với mẹ và hay thơ, có biệt danh là *Ông Hoàng Hiếu* và *Ông Hoàng Thơ*, vua Tự Đức rất kính nễ. Ông được phong làm Tuy Lý Quận vương vào dịp ngũ tuần đại khánh của vua (1878). Trước khi băng hà (1883), vua để di chiếu, dặn dò ông và Thọ Xuân Vương Miên Định *"...phàm thấy việc nhà nước có điều gì không phải, nên nói hết để sửa chữa..." (Thực lục VIII,tr.574)* nhưng xem ra hai quan Phụ chánh Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết không coi hai Hoàng thân làm trọng; ngược lại, hai Hoàng thân sợ hai Phụ chánh thì có. Ba ngày sau lễ đăng quang dang dở, vua Dục Đức bị hai Phụ chánh âm mưu truất phế, giáng làm Thụy Quốc Công, rồi bị giam và chết đói trong ngục sau đó. Em út của vua là Lãng Quốc Công Hồng Dật được đưa lên ngai vàng, tức vua Hiệp Hòa. Vua phong ông làm Tuy Lý Vương. Ỷ vào công tôn phù,hai Phụ chánh uy quyền ngày càng lớn, hành vi càng lộng, ai cũng sợ. Vua Hiệp Hòa bề ngoài tỏ ra tin dùng và trọng vọng, tưởng thưởng lớn, nhưng bên trong âm thầm tìm mọi cách để triệt hạ quyền lực của hai ông này, trong đó có việc liên kết với Pháp. Tuy Lý Vương cùng hai con là Hồng Sâm (Tham biện Nội Các) và Hồng Tu (tước Huyện Công) cùng Tham tri Bộ Lại Hồng Phì (con của Tùng Thiện Vương) là những người cùng chí hướng, được vua tín cẩn

giao việc chuẩn bị nhưng âm mưu bị hai Phụ chánh khám phá, bất ngờ tổ chức đảo chánh, lật ngược thế cờ. Vua Hiệp Hòa bị truất phế và bức tử, Hoàng tử Dưỡng Thiện (Nguyễn Phúc Ưng Hổ, con nuôi thứ 3 của vua Tự Đức) mới 15 tuổi được đưa lên ngôi, tức vua Kiến Phước. Khi Kinh thành có biến, Tuy Lý Vương cùng các con biết nguy cơ, liền chạy về Thuận An , nương nhờ vào sự che chở của thuyền trưởng tàu Vipère. Tham tri Hồng Phì đi công tác ở Bắc kỳ, về đến Quảng Trị, nghe tin, biết không ổn nên cũng tìm về một chỗ với Tuy Lý Vương. Liên can có Hoằng Hóa Công Miên Triện, Hải Ninh Quận Công Miên Tằng, cũng vội vã đem gia đình về Thuận An nương náu này cầu an nhưng sau đó Pháp đều giao trả cho triều đình Huế theo lời yêu cầu của hai ông Phụ chánh. Ba công tử Hồng Phì, Hồng Sâm, Hồng Tu phải đổi sang họ mẹ, chịu án tử hình. Tuy Lý Vương bị giáng làm Huyện Công, an trí ở Quảng Ngãi; Hoằng Hóa Công Miên Triện bị giáng làm Hương Công, an trí ở Phú Yên; Hải Ninh Quận Công Miên Tằng bị giáng làm Kỳ Ngoại Hầu, an trí ở Bình Định. Mười ba người con trai khác và 3 cháu trai của Tuy Lý Vương, cùng 3 con trai của Hải Ninh Quận Công đều bị giáng làm Tôn Thất, và chịu số phận lưu đày cùng cha. Mãi đến sau năm 1885. khi các ông Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết không còn nắm quyền lực nữa, các Vương và con cháu mới được vua Đồng Khánh đưa trở về Huế và dần dần được khai phục địa vị cũ.

Ai bảo "sướng như ông Hoàng?"

◆ *Võ Hương-An*

(1) *Đế hệ thi* là bài thơ 4 câu 20 chữ vua Minh Mạng ban cho dòng con cháu của vua:

Miên Hồng Ưng Bửu Vĩnh
Bảo Quí Định Long Trường
Hiền Năng Kham Kế Thuật
Thế Thọ Quốc Gia Xương

Cứ mỗi đời theo thứ tự, lấy một chữ làm chữ lót. Ví dụ, bắt đầu từ vua Thiệu Trị là Miên Tông, kế đến vua Tự Đức là Hồng Nhậm, v.v.

Tài liệu tham khảo:

Bảo Đại, *Con rồng Việt Nam*, Nguyễn Phước Tộc xuất bản, USA, 1990

Hội Đồng Trị Sự Nguyễn Phúc Tộc, *Nguyễn Phúc Tộc Thế Phả*, Thuận Hóa, 1995

Nguyễn Phúc Bửu Diên & Phạm Thị Hoàng Oanh, *Quê hương hoài niệm II*, San Jose,1999,

Nội Các, *Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ*, bản dịch tiếng Việt của Viện Sử Học, do Nxb Thuận Hóa, Huế, xuất bản năm 2005, gồm 8 tập.

Quốc Sử Quán, *Đại Nam Liệt Truyện*, bản dịch tiếng Việt của Viện Sử Học, do Nxb Thuận Hoá , Huế, 1997, Tập I và II.

Quốc Sử Quán, *Đại Nam Thực Lục*, bản dịch của Tổ phiên dịch Viện Sử Học, Nhà NXB Giáo Dục, in lần thứ 2, 10 tập

Đêm Sao Năm Cũ

Được anh Tùng gọi viết cho số nhớ Huế chót anh phụ trách, tôi đã hơi bối rối vì đã lâu không viết gì về miền quê hương văn hóa của mình. Tôi phải thanh minh ngay là không viết không có nghĩa không nhớ. Tôi thường nhớ Huế khi tình cờ thấy một cảnh gì đẹp nhắc nhở đến Cố Đô, ngay trong thành phố đang cư ngụ hay trong một cuộc du lịch xa xôi.

Cụ thể là cách đây mấy năm nhân chuyến đi Chile, quê hương của nhà thơ Pablo Néruda, tôi tình cờ được đọc Bài Thơ Thứ 20 trong tập thơ đầu tay của ông là Hai Mươi Bài Thơ Tình và Một Khúc Ca Tuyệt Vọng. Bài thơ về một đêm sao Chile, đọc một đêm sao giữa cảnh cảnh sông nước mênh mang của một vùng châu thổ xứ người, tôi chợt nhớ những đêm sao Vỹ Dạ.

Phải nói trước tiên là bài thơ của Neruda vừa đẹp vừa mới. Chuyện thơ Neruda đẹp thì nhiều người đã nói, nhưng tôi nghĩ chuyện mới cũng đáng nói lại để chia sẻ một vài nhận xét với người đọc. Neruda không vinh hiển tình yêu lý tưởng, mà thấy cái đẹp của cả những tình yêu không lý tưởng, thậm chí có thể tầm thường như cuộc sống thật hàng ngày của mọi người. Bài thơ thứ 20 của ông không có chung thủy cho đến đầu bạc răng long, không có sống chết với tình, không ca ngợi mối tình đầu cũng như cuộc tình cuối... Với ông, tất cả những gì dính đến tình yêu đều có thể đẹp, từ chuyện bạc tình của người này hay thất tình của thi nhân, cho đến cảnh yêu đương ngoài trời mà văn hóa ta gọi là trong bộc trên dâu. Neruda xem ra trân trọng tất cả những gì có hơi hướm của cuộc sống.

Riêng tôi, tôi thích thú đọc thơ Neruda đêm ấy vì hai lý do. Thứ nhất là cái đẹp thiên nhiên của ánh sao bạc trên những tàng cây cổ thụ mọc bên bờ sông Vỹ Dạ tôi thấy từ lâu mà đã thử viết lại nhưng không tả nổi, nay được ghi lại đầy đủ chỉ bằng đôi nét phác họa của Neruda. Thứ hai là có những cảnh trong tâm hồn hoàn toàn chưa biết bao giờ, mà nhờ tài của nhà thơ nên tưởng như mình đã chứng kiến và trải qua.

Chừng ấy phi lộ mong giải thích vì sao tôi thấy thơ Neruda của Chile lại liên quan đến sông nước Vỹ Dạ, để bỏ vào số Nhớ Huế cuối cùng do bạn tôi là Võ Văn Tùng phụ trách.

Mai Kim Ngọc.

Puedo escribir los versos más tristes

Puedo escribir los vesos más tristes esta noche.

Escribir por ejemplo: "La noche está estrellada, y tiritan,

Pablo Neruda

Azules, los astros, a los lejos".

El viento de la noche gira en el cielo y canta.

Puedo escribir los versos más tristes esta noche.
Yo la quiese, y a veces ella también me quiso.

En las noches como ésta la tuve entre mis brazos.
La besé tantas veces bajo el cielo infinito.

Ella me quiso, a veces yo también la quería.
Cómo no haber amado sus grandes ojos fijios.

Puedo escribir los versos más tristes esta noche.
Pensar que no la tengo. Sentir que la he perdido.

Oír la noche inmensa, más inmensa sin ella.
Y el verso cae al alma como al pasto el rocío.

Qué importa que mi amor no pudiera guardarla.
La noche está estrellada y ella no está conmigo.

Eso es todo. A lo lejos alguien canta. A lo lejos.
Mi alma no se contenta con haberla perdido.

Como para acercarla mi mirada la busca.
Mi corazón la busca, y ella no está conmigo

La misma noche que hace blanquear los mismos arboles.
Nosostros, los de entonces, ya no somos los mismos.

Ya no la quiero, es cierto, pero cuánto la quise.
Mi voz buscaba el viento para tocar oído.

De otro. Será de otro. Como antes de mis besos.
Su voz, su cuerpo claro. Sus ojos infinitos.

Ya no la quiero, es cierto, pero tal vez la quiero.
Es tan corto el amor, y es tan largo el olvido.

Porque en noches como ésta la tuve entre mis brazos,
Mi alma no se contenta con haberla perdido.

Aunque éste seas el último dolor que ella me causa,
Y éstos sean los últimos versos que yo le escribo.

PABLO NERUDA

Đêm Sao Năm Cũ.

Tôi sẽ viết đêm nay những vần thơ buồn nhất

Như trời khuya dầy đặc những vì sao
Nơi xa xăm, vạn tinh cầu lấp lánh

Gió đêm quay cuồng than vãn từng cao

Tôi sẽ viết đêm nay những vần thơ buồn nhất
Nhớ thủa yêu em, nhớ thủa em yêu

Những đêm ấy, trong vòng tay ân ái
Tôi hôn em mê mải dưới trời sao

Em đã yêu tôi, đã bao lần tôi yêu lại
Làm sao không yêu, đôi mắt ấy diệu huyền

Tôi sẽ viết đêm nay những vần thơ buồn nhất
Nghĩ không còn em. Nghĩ đã mất em.

Nghe đêm bao la, thiếu em bao la quá
Thơ rụng xuống hồn, như sương xuống cỏ đêm

Có níu lại em, tình tôi không đủ
Đêm trời đầy sao, và em đã cách xa

Thế là hết. Ai hát đâu đây, nơi xa, xa lắm
Mất em rồi, tôi nghe hồn thao thức bất an

Muốn được gần em, tôi tìm em bằng mắt
Bằng cả con tim, mà chẳng thấy em

Ánh sao khuya vẫn trắng tàng cây cũ
Nhưng đôi ta rày đã khác xưa

Tôi hết yêu em, tất nhiên, nhưng sao còn yêu thế
Lời tôi nương cánh gió tìm em

Em đã thuộc về người xa lạ
Em đã cho ai, cả tiếng nói câu cười
Cả tấm thân mỹ miều ngà ngọc
Cả đôi mắt buồn vời vợi, xa xăm,
Như thủa xưa trước chuyện chúng mình

Tôi hết yêu em, tất nhiên, nhưng tất nhiên không hẳn hết
Yêu chẳng bao lâu, mà sao mãi chẳng quên

Vì đã ôm em những đêm sao năm cũ
Nên hồn tôi thao thức đêm nay

Phải chăng đây, vì em, sầu muộn cuối
Phải chăng đây, vần thơ cuối cho em…

MKN dịch
Chile, Dec 2005

HUẾ CHAY, HUẾ LAI, VÀ HUẾ .... CHƯỚNG

Vô Danh

Nhiều nhà thơ, học giả viết rất nhiều về Huế đẹp và thơ. Còn Huế "chay", Huế "lai" và Huế... "chướng", Huế như đó là một điều "tối kỵ", ai cũng né tránh. Chuyện như thể nói đụng đến người Do Thái, đụng đến người Huế là họ hùng hổ bênh vực nòi giống quý của Huế, và cái "chướng" của các ngài. Tôi cũng xin mạo muội chia ra Huế "chay" và Huế "lai" và Huế "chướng" cho nó dễ nói chuyện. Bởi vì Huế cũng "ba bảy đường Huế". Cảnh Huế thì rất đẹp, sông Hương, núi Ngự, đền đài lăng tẩm, nhưng người Huế thì lai, chay và chướng. Điều này không có nghĩa là Huế lai thì không đẹp, mà Huế chay thì tốt, và Huế chướng thì đáng ghét. Tại sao lại Huế chay? Chay có nghĩa là chay tịnh như nghĩa "tôi nay chay tịnh" không còn biết đờn bà nữa! Hay chay là dưa, muối, rau và nước lã? Thế là Huế chay là Huế ăn toàn rau, dưa muối và uống nước lã! Mà đúng vậy, người Huế chay (100% Huế) là người chỉ dùng những thức ăn mộc mạc, không ăn kiểu cọ, xa xỉ. Chỉ nói những điều thành thật, phát xuất từ một tâm hồn thật là lương thiện, không thích bon chen. Ngôn từ của người Huế chay rất là Huế, rất nặng chất Huế, rất là địa phương tính, "Hai thương ăn nói dịu dàng mà lại có duyên" là chỗ đó! Người Huế chay trang phục cũng rất giản dị, không theo thời trang cho lắm. Món ăn thì ăn chắc mặc bền "dầu lai dưa muối cũng dài lâu". Thú vui của người Huế chay rất ư là thanh nhã: túi thơ trăng gió, tự hào về một thời quá khứ hoàng kim, an phận cái gì có được, không cầu tiến. "Kiểu như đói ăn rau, đau uống thuốc". Nói về đi đứng, thì Huế chay không chịu rời quê cha đất tổ. Huế chay cứ quanh quẩn với vườn cau, với tiếng gà gáy trưa, với tiếng kinh kệ (Huế chay nổi tiếng mộ đạo lắm), với bóng tối triền miên. Chàng Huế chay rất gắn bó với "vua", với "miếu", với "thành". Muôn đời vẫn thế! (Em ra đi nơi này vẫn thế). Cố đô có loang lổ rêu phong vẫn để mặc! Huế chay rất ung dung tự tại - Nếu chàng Huế chay có dzợ, thì cũng dzợ hiền (:-))), mà càng ở lâu với "bả" thì chàng Huế chay này sẽ biến thành Huế "chướng". Tại sao thì xin mời bạn cứ đọc... tiếp! Hấp dẫn lắm! Bởi vì "chướng" chưa đủ, còn "ngẳng" nữa! Đấy bạn đã bắt đầu thấy hấp dẫn chưa!

Thế thì chàng "Huế" lai thì sao? Trước hết phải nói chàng Huế lai là lai ở cái chỗ lấy dzợ không phải Huế, đem thân "trâu ngựa" cho dzợ miền khác "xài". Mặc sức ăn rau muống, giá sống cho đến chết. Mà muốn sống thì thường lén đi ăn bún bò Huế "Đông Ba" thì họa may ngắc ngoải...

Huế lai là người đành đoạn bỏ Huế mà đi. Đi đâu thì không biết, nhưng thường đi là đi luôn! "Thẳng cò o ngón", dzông luôn một mạch, bỏ xứ mà đi, "tha phương cầu thực". Đó là Huế lai Huế lai lấy dzợ về già ít khi "chướng", hay nói cho rõ là không dám chướng. Vì làm răng mà chướng cho được nếu không muốn ăn "đòn" dài dài. Bởi vì chỉ có dzợ người Huế thì còn được chìu chuộng, chứ đã "lai" rồi thì còn khuya! Lơ tơ mơ là bỏ đói là bỏ mạng sa thành, nhất là về già mà không có "cơm bưng nước rót" là "tiêu" sớm! Đó, bạn thấy "lai" tai hại chưa?

Vậy thì Huế lai thường biết thân phận lưu đày, lo tu tâm sửa tánh.

Huế lai hay thích sửa tiếng, sửa giọng, vì không muốn ai biết gốc gác của mình, lại nữa là cũng muốn che đậy cái thổ âm "quê mùa của Huế". Huế lai thường ăn nói nhỏ nhẹ, năn nỉ, ngoại giao chứ không ăn

nói "thẳng như ruột ngựa", chắc như "củ khoai sắn" như Huế chay Huế lai ăn uống cũng không dám đòi hỏi, không có chướng, chê này nọ. Riết rồi có khi theo phe dzợ cho món Huế là quá "cay", quá "mặn", quá "tỉ mỉ" mà quên luôn món Huế.

Nói về "mười thương em giữ cương thường", thì Huế chay là số dzách. Huế chay rất là nề nếp gia phong, trên dưới phân cấp rõ ràng, ăn nói, xưng hô cho đúng tam cương ngũ thường. Trái lại chàng Huế lai ít khi để ý đến các điểm này, mà có để ý cũng là đại khái! Với ý là muốn gột bỏ cái "chất Huế mặn mà" đi. Nhưng có một điều chắc chắn là chàng Huế chay không dám tự hào là mình "khá" hơn Huế lai. Vì sự thật là đa số Huế lai đều "khá" cả. Khá ở đây hiểu theo nghĩa là thành công. Tỷ dụ rất nhiều ký giả, luật sư, kỹ sư, bác sĩ, nhà văn, nhà báo, bác học... hỏi ra là Huế... lai cả đó ạ! Chỉ cần tiêm đúng vào nọc độc "Huế của ta đây, phe mình đây" là "cong đuôi con nòng nọc" mà... cãi! Thế nhưng Huế lai mà gặp Huế chay thì đố bạn sẽ như thế nào? Huế chay sẽ chỉ huy Huế lai, sẽ "lợi dụng" Huế lại.. Còn Huế lai thì chỉ biết vâng lời thôi...

Đặc biệt Huế chay thì hay chia rẽ, mỗi người là một ông vua con. Còn Huế lai thì muốn "đoàn kết", luôn luôn kêu gọi đoàn kết... làm ra vẻ là "hướng về quê mẹ", thích đoàn kết lắm lắm. Bệnh này thì còn dễ trị hơn là bệnh của Huế chay (chia rẽ và đố kỵ). Thuốc chữa là các món ăn hương vị Huế, xắt ra, tán nhỏ, sắc khô uống trong ba đêm ba ngày, sáng ngày thứ ba đi dự "Ngày nhớ Huế" thật sớm là lành bệnh ngay!

Còn Huế chướng là sao? Huế chướng là Huế chay hóa lão. Huế chướng không bao giờ bằng lòng với cái mình đang có, luôn luôn so sánh cái hiện có với quá khứ vàng son, khuôn vàng thước ngọc thuở xa xưa mà chướng. Chẳng hạn "đoài" nghe "ca Huế" ở xứ Mỹ này, nghe xong là chê, là anh Huế chướng. Chẳng hạn đòi ăn trái vả, ăn khế, với bắp chuối non, các thứ đó phải có trong cơm hến, nếu không có là chê là anh Huế chướng. Chẳng hạn muốn cưới con gái Huế mà không thuận lòng từ người trên kẻ dưới, mà cứ nhè dưới mà đi lên là bị ngay ông già vợ Huế chướng từ khước ngay. Bởi vì nay con đặt đâu cha mẹ ngồi

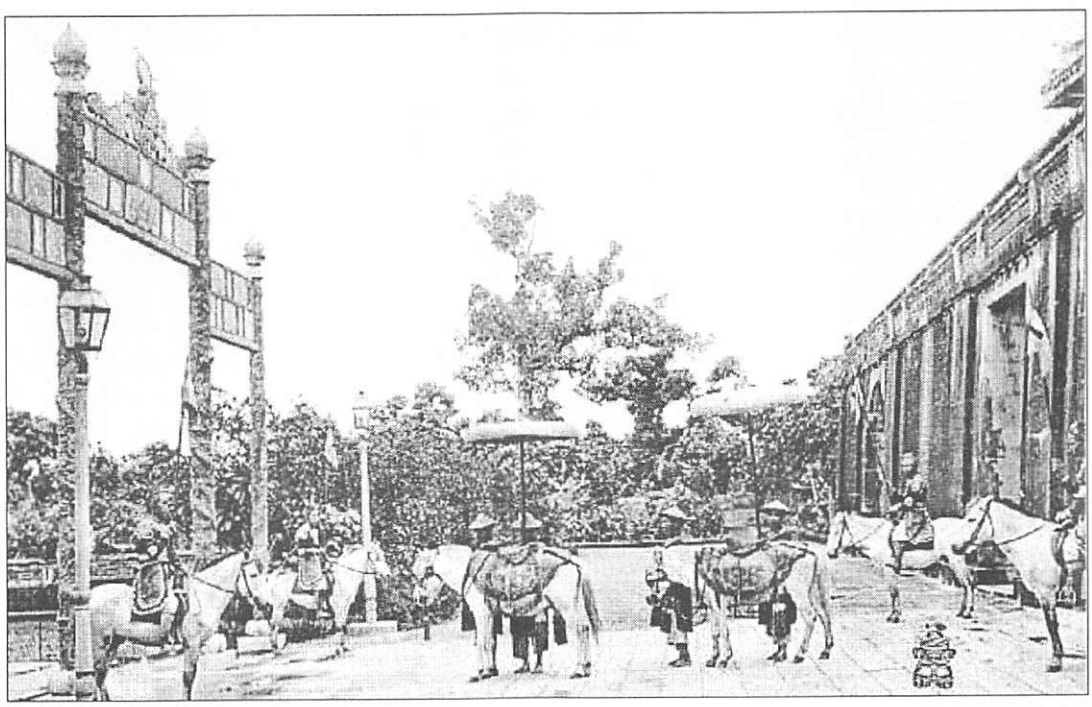

đó, chứ ở đó mà chướng!

Huế chướng càng về già càng ít có lãng mạn như hồi trẻ, không chịu nắm tay nắm chân, tệ hại là đụng nhau, cọ nhau một chút thì nhăn nhó la làng lên! Là anh Huế chướng.

Anh Huế chướng mà vợ bỏ thì càng chướng thêm. Và sẽ không bao giờ lấy vợ thứ hai được. Vì đã chướng mà còn độc tài nữa.

Không có thuốc chữa trị cho bệnh chướng này. Vô phương! Tôi xin thách đố bạn nào mách nước cho tôi cách trị chứng bệnh nan y thời đại này! Khi Huế chướng tỏ vẻ trẻ trung thì hóa ra "ngẳng".

Nói đến Huế ngẳng thì phải nói đến cụ Cẩn. Cụ đã chướng, nhai trầu bỏm bẻm, mà lại hay ra bờ sông để "tè". Cậu Cẩn là một sự phối hợp tuyệt diệu của Huế ngẳng.

Trong các loại người Huế, có một loại người Huế mà tôi không biết liệt họ vào nhóm nào. Đó là những người "Huế mà không ở Huế". Đó là những người Huế sống ở Nha Trang, sống ở Đà Lạt..., nói tiếng Huế chay, nhưng không biết "Huế" là cái chi, Huế đẹp ở mô, không biết chi về Huế cả. Nghe mà phát giận không! Tôi không biết xếp họ vào loại Huế nào? Gọi họ là Huế lai thì cũng không đúng! Vì toàn thể gia đình vợ con là gốc Huế, nói tiếng Huế rặt. Chỉ tội là không ở Huế ngày nào cả! Không biết sông Hương, núi Ngự, Dạ Lê, Thanh Thủy, nói chi đến Nguyệt Biều. Không biết một cái chi... hết về Huế (giọng tức tối!). Mấy người Huế "huế" này các bạn có thể gặp dễ dàng ở...: hành lang hay ngoài hậu trường trong ngày nhớ Huế. Bởi vì "mần răng" mà biết nghe được nhạc Huế, ca Huế, thơ Huế, kịch Huế, v.v... Có ở Huế "mô" mà biết hay, biết đẹp. Thôi "tảng lờ" là quốc sách! Tôi xin tạm gọi họ là "Huế huế". Huế tĩnh từ ở đây có nghĩa rất dễ hiểu là "chút chút, sơ sơ, phiếm diện, bề ngoài", chỉ nói được tiếng Huế chứ không phải Huế!... Huế mà không phải Huế (diễn tiếng miền Nam là "thấy dzậy mà hổng phải dzậy"). Bạn đừng để tôi gặp hành lang kêu Huế huế nhé! Tôi biết bạn không mất gốc Huế, mà có khi gốc Huế của bạn còn bự hơn tôi nữa. Nhưng đối với người Huế sau đây, tôi chắc bạn đồng ý với tôi nên gọi họ là những người "Huế gốc k..h..á..c". Tại vì sao? Tôi đố bạn đấy. Này nhé, họ cũng ở Huế lâu năm nhé, cũng nói tiếng Huế trọ trẹ nhé, cũng biết Huế đẹp, Huế thơ nhé... nhưng mà lại gốc... T..à..u. Huế rặt mà gốc T..à..u mới nguy! Thì phải gọi họ là "Huế gốc k..h..á..c" là đúng chứ còn gì nữa, phải không bạn? Mấy người này chắc chắn là không phải "Huế gốc v..ả..". Thì có ai xa lạ đâu: gia đình chú Xồi chuyên làm "Mè Xửng Huế" ở đường Huỳnh Thúc Kháng, Phan Bội Châu là những người anh em "Huế gốc k..h..á..c". Mà sao không chừng chữ "xửng" của mè xửng cũng do chú Xồi, người "Huế" anh em "mà k..h..á..c gốc" chế ra!!

Hóa ra, Huế chay, Huế lai, Huế chướng, Huế ngẳng, chưa đủ, lại còn Huế "gốc k..h..á..c" và Huế "huế" nữa, các bạn thấy có vui không!?!?

Như vậy sau khi phân tích người Huế "nát nước" ra như vậy, chắc có nhiều vị tự động xếp mình vào cột nào rồi, hiểu mình hơn nữa, lo tu thân tích đức, sửa đổi tánh tình cho hợp tình hình. Thế là chúng ta có một tập thể mạnh, thích chỉ trích nhau nhưng yêu thương nhau, thích kèn cựa nhau nhưng hãnh diện về nhau. May thay, một tập thể như vậy luôn được bồi đắp bằng, và nhắc nhở bằng những giá trị văn hóa của Huế, qua những nét đẹp, những truyền thống dễ thương của Huế.

Và cuối cùng, cũng chính trong cái tập thể yêu quí đó, chúng ta vẫn tìm ra được những cái buồn cười, những cái ngộ nghĩnh, có đôi khi "kỳ cục" của con người Huế, mà tiêu biểu là Huế chay, lai và chướng.

Bạn thuộc loại Huế nào? Chay, Chướng, Ngẳng hay Lai?

Đừng lo! Tôi vẫn cứ chơi với bạn. Tin tôi đi.

Ta hẹn nhau ở ngày NHỚ HUẾ.

Thư Ngõ

Nhớ Huế Hải Ngoại 2012

Thân gởi các bạn Huế
khắp nơi ở Hải Ngoại.

Sau khi tham dự Nhớ Huế Mùa Anh Đào 2010 trở về lại Orange County, với tinh thần hăng say muốn tiếp nối viêc làm đầy ý nghĩa của các bạn ở WDC, một số anh chị em chúng tôi thuộc các Hội Thân Hữu Huế Thừa Thiên, Hội Hòang Tộc Hải Ngoại, Hội Cựu học sinh QHĐK Nam Cali và các nhóm riêng cựu học sinh QH, ĐK các khóa, các cựu học sinh của liên trường Huế v.v. đã tiếp tục họp bàn để tổ chức một Đại Hội Nhớ Huế vào năm 2012 tại Nam California, nơi đất lành chim đậu. Hy vọng đây là một Đại Hội quy tụ nhiều thành phần bạn hữu đã từng quen biết nhau từ lâu nhưng chưa được gặp lại ở hải ngoại hoặc những người bạn Huế mới mới quen sau nầy. Chúng ta hy vọng được dịp hàn huyên với nhau trong một bầu không khí đầm ấm, thân mật, hoàn toàn không bàn cãi đến các vấn đề chính trị.

Danh Xưng:
Nhớ Huế Hải Ngoại 2012

Chủ đề:
Tình Bằng Hữu

Địa điểm tổ chức:
Nhớ Huế Hải ngoại 2012 sẽ được tổ chức tại Little Sàigom, thủ đô của Người Việt tị nạn tại Hoa Kỳ với dân số hiện nay kể cả các vùng phụ cận đã lên đến hơn 300 ngàn người với nhiều khu phố, nhà hàng, chợ ,mang đầy màu sắc Việt Nam.

Thành phần tham dự:
Như danh xưng, Đại Hội nầy chỉ dành cho những người đang sống ở Hải Ngoại, họ là những người di tản từ năm 1975, những người đã liều chết vượt biên, vượt biển đi tìm tự do, những HO sau nầy hay những người theo chương trình ODP. Họ có thể là cựu học sinh QHĐK, cựu học sinh tất cả các trường Trung học công lập khác hoặc các trường tư thục Huế, cựu sinh viên các trường Đại Học Huế, cựu công chức, cựu quân nhân, thương gia, nghĩa là bất cứ ai có dính dáng đến Huế đều có thể hòa mình tham dự Đại Hội một cách vui vẽ, tự nhiên và thoải mái.

Xin hân hạnh mời quý bạn bất cứ ở đâu trong Thế giơi tự do, rủ nhau tháng 5 về thăm Little Saigon.

Ngày giờ và địa điểm:
Từ ngày 23 tháng 5 đến ngày 28 tháng 5,2012, tuần Lễ của Memorial Day 2012 tại Đại khách sạn Marriott Hotel Anaheim với Ball Room có thể chứa đến 1,500 người.

Nhiều khách sạn chung quanh vùng có đủ sức để chứa số đông quan khách và các nhà riêng của bạn bè bà con cũng ở xúm xít gần nhau, sẵn sàn tiếp đón khách phương xa.

Thử nghĩ không có chỗ nào trên nước Mỹ có địa lợi cho người VN như tại Quận Cam và quý vị có thể đến đây bằng nhiều phương tiện như phi cơ, xe đò hay xe riêng.

Chương trình Đại Hội Huế 2012:
1.- Tiệc: 3 buổi
-Chiều thứ Ba. Tiệc Tiền Hội Ngộ. Ghi danh sớm. (Early Registration) mới được BTC tổ chức thêm, để khách tham dự đến sớm nhận name badger holders, ăn tối Buffet tự do $25 mỗi người, hát cho nhau nghe, khiêu vũ tự do.

-Chiều thứ Tư 23 tháng 5,2012: Tiệc Hội Ngộ tại nhà hàng Sea Food World. Sức chứa: 500-700. Lệ phí: $30/người

-Tối thứ Năm 24 tháng 5, 2012: Tiệc Đại hội Nhớ Huế Hải Ngoại 2012, tại Đại Sãnh Grand Ball Room khách sạn sang trọng Marriott Hotel, Anaheim,Hotel ăn cơm Tàu.

Thưởng thức một Chương trình Văn Nghệ Đặc Biệt hướng về Cố Đô Huế với đầy đủ các bộ môn do các văn nghệ sĩ tài danh và thân hữu Huế trình bày.

Lệ phí: $65/mỗi người. VIP $75/người.

2.- Cruise Carnival Long Beach-Ensinada 9 Mexico.

Gặp mặt nhau một, hai tối hàn huyên vẫn chưa đủ, chưa "bưa" , nên BTC tổ chức thêm một chuyến đi Cruise trên tàu Carnival thật lớn với sức chứa 2,000 người. Đi từ Long Beach đến Ensinada-Mexico, trong 3 ngày 3 đêm để bạn bè tha hồ tâm tình, với lịch trình như sau:

Trưa Thứ Sáu 25 tháng 5 : Lên tàu. Ăn trưa trên tàu

Ngày Thứ Bảy 26 tháng 5 Sinh hoạt trên tàu , Ăn uống 3 buổi chính , buổi tối xem Show Mỹ rất đặc sắc và miễn phí, đánh bài ở Casino, ban ngày phơi nắng, tắm biển, buổi tối nhảy đầm, hát karaoke và đặc biệt có 2 buổi sinh hoạt riêng của Đại Hội Nhớ Huế mỗi ngày từ 12pm đến 3 pm.

Ngày Chủ Nhật 27 tháng 5,2015 : Sinh hoạt như trên.

Sáng sớm thứ hai 28 tháng 5,2012 : Cruise chấm dứt. Khách du lịch lên bờ trở về nhà.

Lệ phí:

BTC đã giữ 600 chỗ đầu tiên. Chưa có giá tiền chính thức nhưng BTC đã thương lượng một giá tiền rất rẻ vào khỏang $500/ một người.

Du khách sẽ ngũ 3 đêm trên tàu, ăn 6 buổi Lunch và Dinner chính , cơm tây có bồi hầu, 3 buổi Breaskfast, ngòai ra còn có nhiều quầy thức ăn và uống 24/24.

Càng đi đông mình sẽ được hưởng giá rẽ. Chi tiết sẽ loan báo sau.

Sau Đại Hội sẽ có những tour riêng đi Las Vegas, Grand Canyon và những Casino chung quanh Little Saigon như Pechanga,v.v..., đi thăm Disney Land, các phim trường Universal Studio Hollywood, Sea World ở San Diego. BTC sẽ liên lại với nhiều tổ chức riêng của mỗi nơi để qúy bạn đi thử thời vận mà không tốn tiền túi.

Cám ơn sự hợp tác hăng say của các anh chị em trong BTC.

Cùng nhau phục vụ trong tinh thần vị tha, nhất định chúng ta sẽ thành công.

Mong các bạn chuẩn bị về họp mặt tại Little Saigon từ 23-28 tháng 5, 2012 để tham dự Đại Hội và cùng đi chơi trên biển ba ngày với chúng tôi.

Thân mến

Võ Văn Tùng

Chủ tịch Hội Thân Hữu Huế Thừa Thiên

Trưởng ban Tổ Chức

Liên lạc:

Địa chỉ thư từ:
Nhớ Huế Hải Ngoại 2012
15351 Seafood World, Ste #101
Westminster, CA 92683.

Điện thoại liên lạc:
(714) 531-5754 Tùng
(714) 775-8828 Lộc

Website:
nhohuehaingoai.com

CLEANING SUPPLIES WHOLESALE

106 N. Albany, Tampa, Fl 33606

Toll Free: 1-800-959-3829

www.vinchem-usa.com

VinChem

Sản phẩm tốt
Chất lượng cao
Giá lại rẻ

- Degreaser
- Floor Cleaner
- Non Acid Bathroom & Bowl Cleaner
- Liquid Dish Washer
- Glass Cleaner

Benefit The Vietnam House.
Người Việt Nam ủng hộ
nhà Việt Nam

TIỆM VÀNG HỘT XOÀN

KIM THỌ JEWELRY

Asian Garden Mall (Khu Phước Lộc Thọ)
9200 Bolsa Ave., Suite 227 # 3 - 2nd Floor
Westminster, CA 92683

Tel: (714) 892-5007

Cell Phone: (714) 926-4102

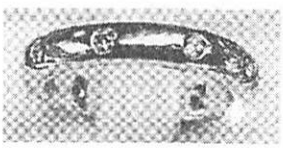

KHI CƯỚI HỎI, TẶNG QUÀ
SINH NHẬT... QUÝ VỊ CẦN

- **Hột Xoàn, Cẩm Thạch...**
- **Vàng 24K, 18K, 14K...**
- **Đủ Các Kiểu Nữ trang Việt, Hoa v.v...**
- **Bảo Đảm Đẹp và Đầy Đủ Phẩm Chất.**

Hãy tìm đến nơi tin cậy
Mua Bán Thật Thà, Uy Tín
TIẾP ĐÃI ÂN CẦN

Chủ nhân Kính mời

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN TOÀN DIỆN

MEDIZEN ADVANCED IMAGING

Tel: 714-968-8998 * Fax: 714-968-8628

17305 Brookhurst St. - Fountain Valley, CA 92708

www.medizenimaging.com

FULL SERVICE RADIOLOGY

Bác Sĩ MAI TUẤN

Diplomat American Board of Radiology

DỊCH VỤ CHỤP HÌNH:

- Chẩn đoán bằng hình ảnh - Magnetic Resonance Imaging (MRI)
- Chụp Nội Khoa - Computed Tomography (CT)
- Quang Tuyến X-Ray
- Truy tầm Ung Thư Vú - Mammography
- Siêu Âm - Ultrasound
- Chẩn bệnh bằng tia Phóng Xạ - Nuclear Medicine

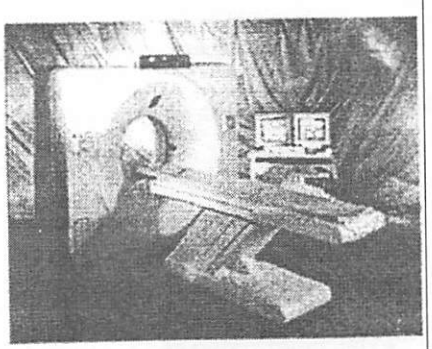

DỊCH VỤ TRUY TẦM:

- Truy Tầm chứng Vôi Hóa Cơ Tim - MediZen Cardiac Calcium
- Truy Tầm Ung Thư Ruột Già - MediZen Virtual Colonography
- Truy Tầm các chứng bệnh về Phổi - MediZen Low Dose Lung Screen
- Nội Soi Toàn Diện - MediZen Whole Body Scan
- Truy Tầm bệnh Rỗng Xương - MediZen Osteoporosis Scan
- Truy Tầm các chứng bệnh về Não Bộ - MediZen Brain
- Mạch Đồ - MediZen CT Angiogram
- Truy Tầm tai biến mạch máu Bụng - MediZen Abdominal Aortic Aneurysm Screening.

- Địa điểm thuận lợi
- Kỹ thuật tân tiến
- Phục vụ tận tâm
- Kết quả và hình chụp sẽ được gởi đi nhanh chóng tới văn phòng Bác Sĩ hoặc nhà thương qua hệ thống PACS (digitized electronic transfer)

Nhận hầu hết tất cả mọi Bảo hiểm. Medical. Medicare. PPO. Immigration. Worker's comp

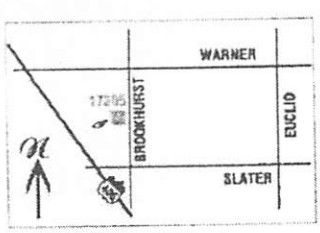

Giờ mở cửa

Thứ Hai - Thứ Sáu

9AM - 6PM

Thứ Bảy

9AM - 3PM

MEDIZEN TOTAL REHAB

TRUNG TÂM PHỤC HỒI và VẬT LÝ TRỊ LIỆU

Occupational Therapy, Physical Therapy, Hand Therapy

16401 Magnolia Street, #107 - Westminster, CA 92683

Tel (714) 596-4288 * Fax (714) 596-2388

www. MediZenImaging.com

Bác Sĩ THÁI DIỆU MY, M.D.

Diplomat American Board of Physical Medicine & Rehabilitation

Trung tâm Phục Hồi Medizen chuyên trị Đau Nhức, Chỉnh Hình, Phục Hồi Thần Kinh và Sức khỏe bởi những thương tích về thể thao, tại sở làm, và những ảnh hưởng đến xương bộ, dây cột xương sống hoặc mạch não hoặc bởi những chứng bệnh kinh niên

CHỮA TRỊ VÀ PHỤC HỒI CHO NHỮNG BỆNH TẬT

- Tai biến mạch máu não (stroke)
- Bệnh thần kinh (Multiple Sclerosis, Parkinsonism)
- Vật lý trị liệu cấp tính (Acute)
- Tai biến tủy sống và tê liệt (Spinal Cord Injury)
- Đau nhức xương sống lưng và cổ (Neck & Back Pain)
- Phần chi trên và tay (Upper Extremity/Hand ie. Carpal tunnel Syndrome)
- Đau nhức, Phong thấp và Thấp khớp (Arthritis)

TRỊ LIỆU VÀ PHỤC HỒI CHO NHỮNG TRƯỜNG HỢP

- Thương tích não bộ
- Sau cơn mổ hoặc đau cấp cứu, kinh niên
- Tai nạn thể thao
- Tai nạn hoặc thương tích tại sở làm
- Giải phẫu xương chậu (e.g. Hip Fractures)
- Giải phẫu đầu gối (e.g. Total Knee RKnee Replacement)
- Các Bệnh nhân tàn phế bởi mất chân tay
- Bệnh ung thư phổi, tim

SPECIALTIES

* CEREBRAL VASCULAR ACCIDENT
* SPINAL CORD INJURY
* POST OPERATIVE CARE / THERAPY
* ACUTE & CHRIONIC PAIN
* SPORT INJURIES / ORTHOPEDIC INJURIES
* TOTAL HIP & TOTAL KNEE REPLACEMENT
* ARTHRITIS
* EMG & NCV
* PERIPHERAL NEUROPATHY
* CARDIAC & PULMONARY REHABILITATION
* CANCER REHAB
* WORK INJURIES
* HAND INJURIES

Đến với Trung Tâm Phục Hồi và Vật Lý Trị Liệu Medizen quý vị sẽ được giúp đỡ cho những trường hợp

- Chuẩn định cho xe lăn tay (Evaluation for wheel chair)
- Chứng nhận để cấp phát dụng cụ Y Khoa (Xe lăn tay, Nạn chống, Nạn tập đi, Giường nhà thương, v.v.v)
- Chứng nhận Disability

NHẬN CÁC LOẠI BẢO HIỂM
MEDICARE - MEDICAL - HMO - PPO - POS

* Chương Trình Đặc Biệt Cho Bệnh Nhân Không Có Bảo Hiểm
* Phương Tiện Đưa Đón Cho Những Bệnh Nhân Hội Đủ Điều Kiện

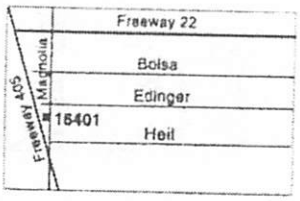

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu:
9 giờ sáng đến 6 giờ chiều
Monday to Friday
9:00 AM - 6:00 PM

PHÒNG MẠCH NỘI THƯƠNG TỔNG QUÁT

BÁC SĨ TRẦN NHƠN, M.D.

14982 Magnolia Ave., Suite 109 - Westminster, CA 92683

(Góc Magnolia và Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Điện Thoại: (714) 895-8583

- *Tốt nghiệp Chuyên Môn Nội Thương Hoa Kỳ (Internal Medicine)*
- *Bác sĩ Điều Trị các Bệnh viện quanh vùng*
- *Hội Viên Hội Y Sĩ Hoa Kỳ*
- *Nguyên Giảng viên Đại Học Y Khoa Huế*
- *Nguyên Nội Trú Bệnh viện Đồn Đất (Grall, Saigon).*

CHUYÊN TRỊ CÁC CHỨNG BỆNH NỘI THƯƠNG

- Bệnh Dị Ứng: Sổ mũi, nghẹt mũi kinh niên, suyễn, mề đay, phong ngứa, thử allergy và dùng tiêm chích miễn dịch trị liệu.
- Bệnh Tim Mạch: Tim loạn nhịp, hồi hộp, đau tức ngực, cao máu, suy tim.
- Bệnh Phổi: Ho kinh niên, khó thở, viêm phổi, lao phổi, ung thư phổi.
- Bệnh Tiêu Hóa: Đau bụng, tiêu chảy, táo bón kinh niên, khó tiêu, ợ chua, loét bao tử, ung thư ruột, bệnh gan mật.
- Bệnh Thần Kinh: nhức đầu, lo âu, mất ngủ, động kinh.
- Bệnh Tiết Niệu: Viêm thận, viêm tiết niệu, bệnh hoa liễu.
- Bệnh Máu: Thiếu máu, ung thư máu.
- Bệnh Nội Tiết: Bướu cổ, đái đường.
- Bệnh Phong Thấp: Viêm đau khớp xương.
- Bệnh Ngoài Da: Mụn, ghẻ, Eczema, lang ben.

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu:
10am - 6pm
Thứ Bảy: 10am - 3pm
Chủ Nhật: Nghỉ.

☆ NHỮNG BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ

☆ KHÁM TỔNG QUÁT ĐỊNH KỲ, CHÍCH NGỪA NHẬP HỌC, THI ĐUA THỂ THAO, CẢM CÚM, VIÊM PHỔI.

☆ NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH.

☆ TRUY TẦM UNG THƯ MÁU, RUỘT, PHỔI.

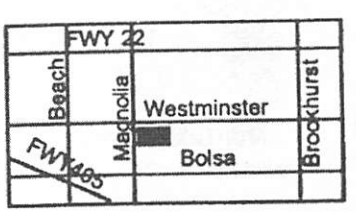

ENSURE

Similac®
Infant Formulas

* Sữa Similac dùng cho trẻ em.
* Máy đo máu và đo nhịp tim sản xuất tại Nhật Bản.

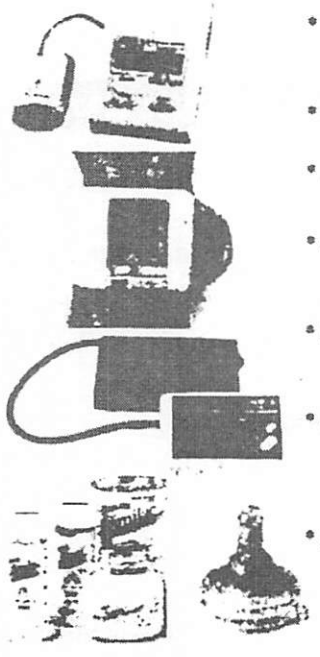

✶ Mọi người đều dùng được
✶ Tăng cường sức khỏe
✶ Bồi bổ cơ thể
✶ Lên cân nhanh chóng

- **Sữa Ensure** có đầy đủ chất dinh dưỡng như thức ăn, rất được người Việt Nam ưa dùng.
- **Sữa Ensure** có nhiều mùi vị khác nhau.
- **Sữa Ensure** thay thế được thức ăn hàng ngày. Rất tốt khi quý vị không ăn uống bình thường được.
- **Sữa Ensure** giúp quý vị lên cân nhanh chóng.
- **Sữa Ensure** dùng để tăng sức hoặc hồi phục sức khỏe khi bệnh hoạn.
- **Sữa Pediasure** dành cho trẻ em từ 1 đến 6 tuổi. Có đầy đủ chất bổ dưỡng cần thiết.
- **Sữa Pediasure** giúp trẻ em lên cân nhanh chóng, tăng cường sức khỏe và tăng trưởng đều đặn.
- **Sữa Pediasure** dành cho trẻ em biếng ăn - không lên cân - sau cơn bệnh - ăn nhiều nhưng chậm lớn - sau giải phẫu.
- **Sữa Glucerna** dành cho người bị bệnh tiểu đường.

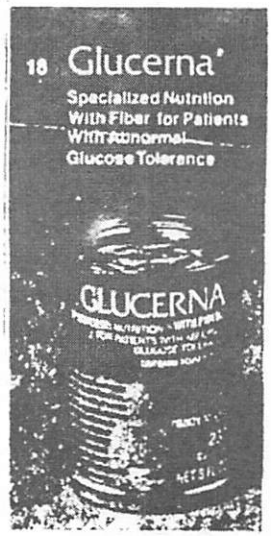

TÌM MUA TẠI:

Nhận Bán Thuốc theo toa Bác Sĩ
Nhận Visa
Mastercard

LINH'S PHARMACY
9191 Bolsa Avenue # 102
Westminster, CA 92683
(Khu Chợ 99)
TEL: (714) 892-8773
DS NGUYỄN THỊ TÚY SƯƠNG

DANH PHARMACY
Nhà thuốc tây VN đầu tiên tại Mỹ
9182 Bolsa Avenue,
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 892-4407
DS QUÁCH NHỨT DANH

LINH'S PHARMACY II
9500 Bolsa Ave. # N
Westminster, CA 92683
(Khu chợ Bolsa Supermarket)
Tel: (714) 775-0550
DS QUÁCH THỊ THÙY LINH

Nhận CalOPTIMA và các loại bảo hiểm PCS - Pacificare - Paid Prescription - Health Net Aetna - Foundation Health - Express Scripts - Care Mark - ScripCard - ValueRx - Blue Shield - Blue Cross. v.v...

Nhà Thuốc Tây

TAM'S RX PHARMACY

14024 Magnolia, #103 - Westminster, CA 92683

(Khu Shopping Center mới, góc Magnolia và Westminster)

(714) 892-9808 / (714) 895-9044

- *Nhà thuốc Gia đình của Quý vị do Dược Sĩ tốt nghiệp, hành nghề lâu năm tại Việt Nam và Hoa Kỳ, luôn luôn có mặt, đích thân tận tình chỉ dẫn cách xử dụng các loại thuốc đúng theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ.*
- *Nhận MEDICAL, THẺ THUỐC PCS, BLUESHIELDS, BLUE CROSS, MEDI-MET và các loại BẢO HIỂM.*
- *Địa điểm thuận tiện, góc Magnolia và Westminster (gần chợ Phát Tài), bãi đậu xe rộng rãi, an toàn.*
- *Tiếp đãi ân cần. Quý khách không phải chờ lâu.*
- *Có máy Photocopy.*

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10 AM - 7 PM
Thứ Bảy: 10 AM - 5 PM

Dược sĩ Tôn Nữ Diệu Hoa.
tự Tâm Thường Kính Mời.

TÔN THẤT VINH

REAL ESTATE BROKER

Bus: (714) 839-6486 - Res: (714) 531-8878

WINSTAR REALTY

14341 Beach Blvd, Suite C - Westminster, CA 92683

Tiền lời đang xuống thấp. Quý vị muốn mượn nợ, Refinance, mua bán nhà

Xin liên lạc:

TÔN THẤT VINH

VỚI TRÊN 20 NĂM KINH NGHIỆM TRONG NGÀNH ĐỊA ỐC, CHÚNG TÔI SẼ ĐEM QUYỀN LỢI TỐI ĐA VỀ CHO QUÝ VỊ.

TÂM MINH BÙI, M.D., F.A.C.S.

Chuyên khoa Tai, Mũi, Họng, Giải phẫu Đầu và Cổ

Diplomat American Board of Otolaryngology
Fellow American Academy of Otolaryngology
Fellow American College of Surgeons

Tốt nghiệp Chuyên khoa Tai, Mũi, Họng tại Manhattan Eye Ear and Throat Hospital, New York

11180 Warner Ave., Ste. 459 - Fountain Valley, CA 92708

(Đối diện La Palma Island Adult Community 55 - Kế bên Bệnh viện Fountain Valley)

Tel: (714) 545-1133

- **Chuyên Điều trị** và **Giải phẫu** các bịnh **Tai, Mũi, Họng** người lớn và trẻ em.
- **Tai:** Đau, ngứa, chảy mủ, lủng màng nhĩ, ù tai, điếc tai.
- **Mũi:** Viêm mũi, dị ứng, chảy máu mũi, viêm xoang mũi.
- **Họng:** Ngáy, nghẹt thở, khàn giọng, cắt thịt dư, khó nuốt, bướu cổ, thyroid /parathyroid /parotid.

Nhận các loại HMOs & PPOs
Medicare Fee-For-Services,
Medicare - Tổ hợp, Cal Optima.

Giá Đặc Biệt cho bệnh nhân trả tiền mặt.

Giờ làm việc:
Thứ Hai tới Thứ Sáu: 9 am - 6 pm
Thứ Bảy, Chủ Nhật và Holiday: Nghỉ.

XIN GỌI ĐỂ LẤY HẸN

TẠI LONG BEACH **BÁC SĨ Y KHOA**

VÕ VĂN PHÁC, MD.

CHUYÊN MÔN NỘI THƯƠNG NGƯỜI LỚN & TRẺ EM
Y KHOA GIA ĐÌNH

CHUYÊN MÔN:

- Y Khoa gia đình
- Các bệnh nội ngoại thương tổng quát
- Bệnh toàn khoa người lớn và trẻ em (Các bệnh về tim, phổi, thực quản, bao tử, gan, ruột, cao huyết áp, phong thấp, tiểu đường.)
- Bệnh ngoài da, hoa liễu, dị ứng (Allergy).
- Bệnh phụ nữ, đàn bà, thăm thai, kế hoạch hóa gia đình.
- Chích ngừa, khám bệnh nhập học, theo dõi sức khỏe, định kỳ trẻ em.
- Cộng tác với chương trình WIC cho sản phụ, trẻ em.
- Tiểu giải phẫu các bướu dưới da, mụn cóc, nốt ruồi, cắt da qui đầu.

THỬ NGHIỆM:

- Mỡ trong máu (Cholesterol)
- Các loại về máu, nước tiểu.
- Thử máu hôn thú.
- Truy tầm ung thư vú, tử cung.

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH NHẬN MEDICAL, MEDICARE

Trang bị máy đo tim, đo phổi, máy massage.

611 E. Anaheim St.
Long Beach, CA 90813
(Giữa Atlantic Blvd. & Lime Ave.)
Tel: (562) 591-8982

Giờ Khám Bệnh:
Mon - Fri: 9:30 am - 6:30 pm
Sat: 9:00 am - 3:00 pm

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ CHÂM CỨU ĐÔNG Y DƯỢC PHÒNG

9041 Trask Ave., Ste. B • Garden Grove, CA 92844 • Tel. (714) 636-8166

(Ngã tư Magnolia /Trask cạnh tiệm sửa xe 76 và nhà hàng Crawfish Cafe, đối diện tiệm In&Out Burger)

Chuyên trị: Các Bệnh Nội Ngoại thương bằng châm cứu và các bệnh kết hợp phương pháp Đông Tây

Bác sĩ THƯỢNG HẢI, Ph. D., C. A., O.M.D.

- Tốt nghiệp Bác Sĩ Chuyên Khoa Đông Y Châm Cứu Hoa Kỳ.
- Hội viên hội Cố Vấn Đông Y Châm Cứu Hoa Kỳ.
- Giám Khảo Hội Đồng Châm Cứu tiểu bang California
- Nguyên Y Sư Đông Y Châm Cứu Trung Tâm Y Tế Phật Giáo.
- Nguyên Cố Vấn Đông Y các bệnh viện Quảng Đông, Triều Châu, Sùng Chính, Phước Kiến.

Thượng Hải Bá Bổ Ngũ Tạng Thần Dược ($32)

Được bào chế bằng tinh chất sữa ong chúa phối hợp với các dược phẩm cực quý Đông y như Nhân sâm, Yến, Quế, Hà thủ ô và các dược phẩm thượng hạng, giúp cho cơ thể chống lại bệnh tật, bổ ích cho bệnh đau nhức bắp thịt, gân cốt, đau khắp xương, phong thấp, thận suy, già trước tuổi, tóc bạc sớm, ăn không ngon, mất ngủ. Điều hòa rối loạn cơ thể, kinh mạch do hoàn cảnh đời sống và căng thẳng thần kinh. Gia tăng sức khỏe cho các quý vị vì hoàn cảnh công việc làm việc quá sức, mát gan, bổ phổi, trị thần kinh suy nhược, bồi bổ ngũ tạng, ngủ ngon.

Bổ Thận Tinh (Bảo Đảm 100%-$25)

Bổ thận tinh Maletonix lần đầu tiên được bào chế bằng Bách Hoa Lộ phối hợp với các dược thảo thượng hạng bằng các phương pháp trích tinh cô đặc, tăng cường sinh lực cho nam giới, tăng cường sức khoẻ cho thanh niên, giúp cơ thể trẻ trung, khỏe mạnh, yêu đời, chữa trị thận khí suy yếu, dương sự kém, tâm thận bất giao, di mộng tin yếu sinh lý, xuất tinh sớm, hạ bộ suy nhược, phòng sự yếu kém hay tiểu đêm, tiểu vặt, nước tiểu vẫn đục, thêm tinh ích tủy rắn chắc gân xương, tai mắt thông minh, bổ tinh tráng dương làm cho khỏe mạnh , uống lâu thân thể nhẹ nhàng.

NHẬN GỌI THUỐC ĐI KHẮP NƠI

DƯỢC PHÒNG CÓ ĐẦY ĐỦ CÁC LOẠI THUỐC ĐÔNG Y DƯỢC THẢO PHỐI HỢP HẢO HẠNG BÀO CHẾ BẰNG PHƯƠNG PHÁP CỔ ĐẶC GIA TRUYỀN

NHẬN MASTERCARD VISA

1. Cố Não Hoàn Tinh Hoàn $22
bổi bổ trí nảo, gia tăng trí nhớ, hay quên, kém trí nhớ.

2. Thượng Hải Bá Bổ Thần Dược $32
bổi bổ ngũ tạng, bổ ích cho đau nhức, mất ngủ.

3. Bổ Thận Tinh Hoàn $25
bổi bổ thận tinh, tăng cường sinh lực.

4. Bổ Thận Khí Hoàn $22
bổ ích cho suy thận, phù người, bí tiểu, cao máu.

5. Mỹ Diện Đơn $27
đặc biệt cho các loại nám mặt lâu năm.

6. Thuốc Trị Rụng Tóc, Bổ Tóc.. $25
bổ ích cho rụng tóc, hói đầu, mọc tóc nhanh.

7. Tiêu Khát Hoàn $22
bổ ích cho tiểu đường, đường trong máu.

8A. Tan Mỡ Giảm Cân Đàn Ông $22
tan mỡ, xuống cân, tan mỡ bụng, mỡ đùi, mỡ cằm, lọc máu, mát gan, điều hòa khí huyết

8B. Tan Mỡ Giảm Cân Đàn Bà...$22
tan mỡ, xuống cân, tan mỡ bụng, mỡ đùi, mỡ cằm, lọc máu, mát gan, điều hòa khí huyết

9. Giải Phong Sát Độc Hoàn.... $22
bổ ích cho mề đai, dị ứng ngứa, tiêu độc, trừ phong ngứa, dị ứng thực phẩm.

10. Tả độc Thanh Can Hoàn ... $27
bổ ích cho viêm gan virus A.B.C. chai gan, da vàng bướu cổ, xổ độc gan.

11. Tiêu Trì Khu Phong Hoàn .. $22
bổ ích cho trĩ nội ngoại, loài trê đi tiêu ra máu, mạch lươn táo bón kinh niên, xổ độc.

12. Hạ Cao Huyết Áp Hoàn $22
bổ ích cho cao máu, tim mạch, khó thở, tức ngực, hay mệt.

13. Tiêu Mỡ Cholesterol $22
bổ ích cho dư mỡ cholesterol và triglycercide, nghẽn mạch máu, sạch mạch máu.

14. Bổ Tâm Hoàn $22
bổ ích cho khó thở hồi hợp, lo âu, khó ngủ, giấc ngủ rối loạn, tim yếu.

15. Điều Kinh Hoàn $22
bổ ích cho kinh nguyệt không đều, ít kinh, hành kinh đau bụng, đau lưng, kinh nguyệt dây dưa, bế kinh.

16. Tiêu Mụn Thanh Can Hoàn .. $27
bổ ích cho mụn bọc, mụn cám, mát gan, trừ phong độc ngứa, giúp da dẻ mịn màng.

17. Thông Huyết Hoàn $22
thông máu huyết, bổi bổ bắp thịt, gân cốt, bổ ích cho đau nhức, sưng khớp xương, tê cứng chân, tay, phong thấp.

18. Đinh Suyển Hoàn $22
bổ ích cho ho suyển khò khè, khó thở, đàm đặc, khô khan trong người, môi miệng khô.

19. Truy Phong Thấu Cốt Hoàn .$22
bổ ích cho phong thấp, đau nhức khớp, sưng khớp.

20. Thuốc Bổ Trẻ Em $22
bổ ích cho ốm còi, làm biếng ăn, xanh xao, đổ mồ hôi đầu, tay chân, bổi bổ sức khoẻ.

21. Chỉ Khái Hoàn $22
bổ ích cho ho cảm lâu ngày không khỏi, ho khan, ho đàm, tắc tiếng, bổ phổi.

22. Bổ Thận Âm Hoàn $22
Bổ thận âm, hay đi tiểu đêm, bổi bổ thận, đau lưng.

23. Bổ Thận Dương Hoàn $22
Bổ thận dương , tay chân lạnh, thận lạnh.

24. Thăng Đề Hoàn $22
bổ ích cho sa tử cung, sa ruột, bệnh hernia, rong kinh.

25. Hậu Sản Hoàn $22
sau khi sanh nám mặt, yếu người, lọc máu điều hoà khí huyết.

26. Bạch Đái Hạ Nhành Mai Hoàn$22
bổ ích cho huyết trắng, Leukorrhea, ngứa cửa mình, có mùi hôi, mát gan giải độc, bệnh yeast, nhiễm trùng đường tiểu.

27. Thông Tị Hoàn $22
bổ ích cho nghẹt mũi kinh niên, ngứa mũi, nhãy mũi, sổ mũi liên tục, dị ứng mũi, mất khứu giác.

28. Thiên Đầu Thống Hoàn $22
bổ ích cho đau nhức đầu một bên hay hai bên lâu năm.

29. Trật Đả Hoàn $22
bổ ích cho té ngã, tai nạn, trật gân xương, tập võ bị đánh máu bầm.

30. Hết Kinh Hoàn $22
bổ ích cho đàn bà mãn kinh, nóng mặt khó chịu.

31. Thông Đạo Hoàn $22
bổ ích cho đàn ông sưng tuyến tiền liệt prostate, khó đi tiểu, đi tiểu nhiều lần.

32. Cai Thuốc Hoàn $22
giảm hết thèm hút thuốc, bổ phổi.

MUỐN MUA THUỐC XIN GỌI
ĐIỆN THOẠI MIỄN PHÍ 1-800-458-1889
CẦN MỘT ĐẠI LÝ CHO MỖI THÀNH PHỐ

33. Cai Rượu Hoàn $22
giảm hết thèm rượu, mát gan.

34. An Vị Hoàn $22
bổ ích đau bao tử, kém ăn sình bụng, đầy hơi, ợ chua, rối loạn tiêu hóa.

35. Thanh Vị Hoàn $22
hôi miệng.

36. Hạ Kinh Phong Hoàn $27
bổ ích cho kinh phong bắp thịt co giật, vọp bẻ, tay chân tê cứng.

37. Bạch Nhân Sâm Tinh Hoàn .$22
bổi bổ cơ thể, tăng cường sinh lực.

38. Bổ Mạch Máu Hoàn $22
bổ ích cho nổi phồng gân xanh tay và chân, varicose veins, bổ mạch máu.

39. Cửu Chế Hà Thủ Ô Hoàn .. $22
tóc bạc sớm.

40. Dưỡng Da Hoàn $22
da nhăn nheo, vết nhăn quanh mắt, cằm.

41. Dưỡng Can Hoàn $27
mát gan, giúp sáng mắt, bổi bổ gan, lọc máu, giải độc.

42. Chỉ Hạn Hoàn $22
bổ ích cho đổ mồ hôi tay, chân, ra nhiều mồ hôi.

43. Cảm Mạo Hoàn $22
bổ ích cho cảm cúm, sổ mũi, nhức đầu, bần thần, mỏi mệt, đau nhức mình mẩy, ho cảm,cảm nóng, lạnh.

44. Tiêu Sạn Hoàn $25
bổ ích cho sạn thận, bàng quang, mật, bổi bổ thận,bành quang, túi mật.

45. Nhuận Trường Hoàn $22
bổ ích cho táo bón, bổi bổ ruột già, nhuận trường.

46. Bổ Xương Hoàn $22
bổ ích cho loãng xương, rỗng xương.

47. Tan Mỡ, Cholestorol $22
bổ ích cho cao cholestorol.

48. Thuốc Nghệ, Sữa Ong Chúa $22
Bổi bổ ruột, bao tử tăng cường sức đề kháng cơ thể hệ miễn nhiễm, hữu hiệu trong các bệnh ung thư.

49. Ung Thư Hoàn $25
Lợi ích cho các bệnh ung bứu, làm giảm ung thư, tăng cường miễn nhiễm.

50. Tinh Chất Sữa Ong Chúa .. $28
Min da, đẹp da.

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10am - 5pm
Thứ Bảy: 10am - 2pm - Chủ Nhật: Closed

HƯƠNG GIANG RESTAURANT

CHUYÊN VỀ THỨC ĂN HUẾ

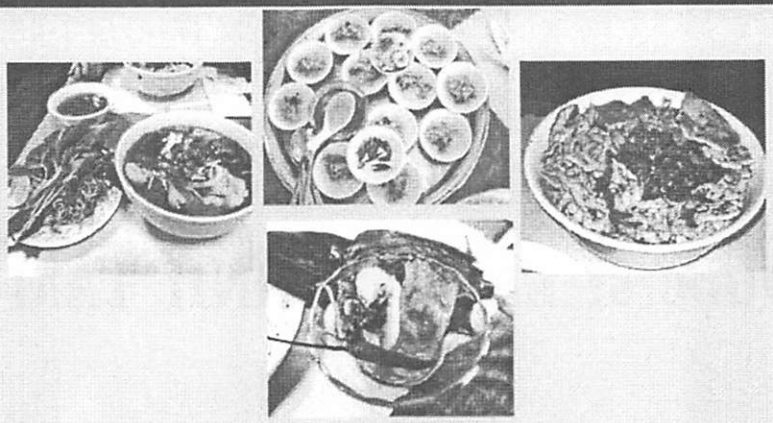

Nhà hàng Hương Giang là nơi được quí đồng hương Huế mến chuộng nhất. Ai ở xa lần nào về quận Cam đều quá bước đến Hương Giang để thưởng thức tô bún bò, bánh nậm, bánh bèo...

Ban giám đốc cùng toàn thể nhân viên Hương Giang xin kính chúc Đại Hội Nhớ Huế Hải Ngoại 2012 được thành công mỹ mãn.

Hương Giang Restaurant
14564 Brookhurst St.,
Westminster ,CA 92683
Tel: 714-531-4930

Hương Giang Food To Go
14282 Brookhurst St.# 8
Garden Grove ,CA 92843
Tel: 714-531-1789

Catinat PHARMACY INC

CATINAT PHARMACY, Inc.

9549 - A Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-3560
Fax: (714) 531-4601

Dược sĩ LÊ THỊ MINH TÂM

- Bán thuốc theo toa Bác sĩ, nhận Medi-Cal, Cal Optima và Bảo hiểm (PCS, PAID, FHP, MPN, RxNet, Gols Net, APS, Rx America, Express Script, ALTA Rx, RESTAT, Aetna, etc...
- Nhận chuyển Fax, Thư nhanh và gửi Thuốc tây về Việt Nam.
- Đại lý THUỐC BỔ SÂM PHARMAX G2 (Tăng cường sinh lực, tươi vui, trẻ đẹp, bổ trí nhớ).

THUỐC BỔ SÂM

P H A R M A X

MAXIMUM STRENGTH GINSENG & POTENCY VITAMIN

TĂNG CƯỜNG SINH LỰC
TƯƠI VUI TRẺ ĐẸP

Mở cửa 6 ngày:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10 am - 7:30 pm
Thứ Bảy: 10 am - 6 pm

9549 A Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-3560
Fax: (714) 531-4601

BOLSA - WARD MEDICAL CLINIC

10495 Bolsa Ave., Suite 106-108 • Westminster, CA 92683
(Khu Thương xá Nguyễn Huệ, vào cửa góc Bolsa & Ward)

Tel: (714) 531-5201 • Fax: (714) 775-2849

NỮ BÁC SĨ ĐẶNG HỒNG SƯƠNG, M.D.

BÁC SĨ ĐẶNG VĂN PHU, M.D.

- *Nguyên Bác sĩ các Bệnh viện Từ Dũ, Nhi Đồng và Quảng Đông, Saigon.*
- *Bác sĩ Bệnh viện Fountain Valley, Santa Ana Hospital, Huntington Beach Medical Center, Garden Grove Hospital, FHP.*
- *Tốt nghiệp Đại học Tulana University, Louisiana.*

CHUYÊN TRỊ:

- TẤT CẢ BỆNH ĐÀN BÀ - TRẺ EM - Y KHOA GIA ĐÌNH
- CHỤP X-RAY
- TAI NẠN LƯU THÔNG
- BÔNG SỮA WIC
- KHÁM TRẺ EM LÀNH MẠNH
- CHÍCH NGỪA - THỬ MÁU - LẬP Y CHỨNG HÔN THÚ TẠI VIỆT NAM.

Quý vị có Cal-Optima nên chọn Bác sĩ Phu hoặc Pauline, Tổ hợp AMVI/MC số 27

PAULINE SUONG DANG, M.D.
(Bác sĩ Đặng Hồng Sương được chỉ định của Sở Di Trú Hoa Kỳ) đặc trách khám sức khỏe làm thẻ xanh Di Dân & Nhập Quốc Tịch Hoa Kỳ.

Thông Báo v/v Khám Bệnh

NHẬP QUỐC TỊCH

Quý vị có bệnh nặng cần xin miễn thi, nhớ mang theo:

1. Giấy giới thiệu của bác sĩ gia đình.
2. Thẻ xanh (Green card)

PAULINE SUONG DANG, M.D.
Civil Surgeon

Bác Sĩ

ĐẶNG VĂN PHU, M.D.

CHUYÊN TRỊ:

- ☆ Tiểu Giải Phẫu
- ☆ Y Khoa Gia Đình
- ☆ Vật Lý Trị Liệu

PHYSICAL EXAM FOR GREEN CARD CÓ CHỤP X-RAY

NHẬN MEDICAL, CAL OPTIMA & BẢO HIỂM

Giờ khám bệnh:
Thứ 2 - Thứ 6: 10 am - 6 pm
Thứ 7: 10 am - 3 pm

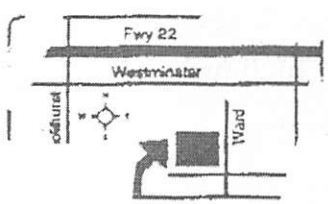

CÓ CHỤP QUANG TUYẾN X-RAY TẠI PHÒNG MẠCH

BÁC SĨ Y KHOA

VĨNH THỪA, M.D.

CHUYÊN KHOA NHI ĐỒNG & TOÀN KHOA NGƯỜI LỚN

Phòng mạch đã dời về địa điểm mới, bên cạnh Bệnh viện Garden Grove

12665 Garden Grove Blvd., Suite 309
Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 539-0290
Fax: (714) 534-3116

- Tốt nghiệp Bác sĩ Toàn khoa tại Catholic University of Louvain, Belgium (Bỉ Quốc).
- Tốt nghiệp Bác sĩ Nhi khoa tại Cleveland Clinic's Children's Hospital, Ohio.
- Bác sĩ điều trị tại các bệnh viện Fountain Valley Hospital, Garden Grove Hospital và Coastal Communities Hospital.
- Bác sĩ phục vụ chương trình CAL OPTIMA và Healthy Families.
- Bác sĩ phục vụ bệnh nhân thuộc các tổ hợp Family Choice, Arta, Noble Mid Orange, Noble AMA, ADOC và Memorial Talbert.
- Hơn 20 năm kinh nghiệm trong nghề.
- Chuyên trị bệnh cấp tính và mãn tính của người lớn và trẻ em.
- Khám định kỳ và chích ngừa cho trẻ em và thanh thiếu niên.
- Thực hiện các thí nghiệm y khoa cần thiết để truy tầm bệnh.
- Có chương trình DHCP khám và chích ngừa miễn phí cho trẻ em thuộc gia đình có lợi tức thấp.
- Chích ngừa cho người đi du lịch vùng nhiệt đới (Việt Nam, Á Châu, etc...)

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 5:30 PM
Khám bệnh theo hẹn, hoặc Walk-in nếu cần.

Siêu Thị

Người Việt Supermarket

10932 Westminster Ave.
Garden Grove. CA 92843

Tel: (714) 530-2999

Fax: (714) 530-4009

16676 Terrel
FV 92708

KIMCHI CONGTON

Chuyên Viên Địa Ốc
License # 01012311

(714) 719-6302

congton51@hotmail.com

MUA BÁN NHÀ,
ĐẤT ĐAI, CHUNG CƯ
CƠ SỞ THƯƠNG MẠI

- Chuyên điều đình với Ngân Hàng để bán và mua nhà Short Sale, Bank Owned.
- Tham khảo và Định Giá miễn phí
- Giải Quyết Mọi Trở Ngại về Địa Ốc
- Trên 10 năm phục vụ cộng đồng người Việt khắp California.
- Bảo Đảm Tiết Kiệm Nhiều Tiền Cho Qúy Vị.

KIMCHI CONGTON
(714) 719-6302

TẬN TÂM ❁ UY TÍN ❁ KÍN ĐÁO

Superior R.E. Group

9134 Edinger Avenue
Fountain Valley, CA 92708

TRUNG TÂM Y NHA KHOA POMONA

Y VIỆN POMONA

1182 E. Holt Ave. - Pomona, CA 91766

Tel: (909) 623-8502

Bác Sĩ

VÕ ĐÌNH HỮU, M.D.

- Chief of Staff Bệnh viện Lenterman.
- Bác sĩ Department of Family Practice Pomona Valley Hospital.
- Hội viên American Academy of Pediatrics.
- Tốt nghiệp Chuyên khoa tại University of Florida.
- Cựu Y sĩ Hồng Thập Tự Việt Nam.
- Cựu Nội trú Sản phụ khoa Từ Dũ, Giải phẫu Bình Dân, Bệnh viện Nhi Đồng.

Bác Sĩ

LÊ MINH ĐỨC, M.D.

- Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ.
- Hội viên Hội Y Sĩ California.
- Hội viên Hội Y Sĩ L.A County.
- Bác sĩ Điều trị các Bệnh viện vùng Pomona.
- Cựu Nội trú Sản phụ khoa Bệnh viện Hùng Vương, Nội khoa Nguyễn Văn Học.
- Cựu Nội trú Bệnh viện Huntington Memorial California.

- Chuyên Khám bệnh Trẻ em, Khám bệnh Nhập học, Chích ngừa, Khám bệnh Toàn khoa Người lớn, Bệnh Phụ nữ, Khám thai, Săn sóc sức khỏe gia đình, Khám bệnh định kỳ hàng năm, Thử nghiệm tìm Ung thư Đàn bà.
- **Khi cần nằm Bệnh viện, Bác sĩ sẽ đích thân theo dõi. Trung tâm có Bác sĩ chuyên môn, Bác Sĩ Nha Khoa đầu tiên vùng Pomona và phụ cận.**

NHẬN MEDICAL - MEDICARE VÀ BẢO HIỂM

Ngày giờ làm việc:
Ngày thường: 4 PM - 8 PM
Thứ Bảy, Chủ Nhật: 10 AM - 3 PM

Nhận Làm Bác Sĩ Gia Đình
Khám bệnh theo hẹn
Khi cần gọi 24 giờ (909) 623-8502
Bác Sĩ Võ hay Bác Sĩ Lê

SeaFood World
RESTAURANT

Vinh Hạnh Được Ban Tổ Chức DHNHHN Chọn
Là Nhà Hàng Phục Vụ Các Dạ Tiệc Của Đại Hội

CARTERING: WEDDING - PARTIES - SPECIAL EVENTS

ĐÁM CƯỚI - SINH NHẬT - HỘI ĐOÀN - DIM SUM

1.888.TIEC.CUOI - 714.775.8828 - www.seafoodworldrestaurant.com
15351 Brookhurst St. # 101-107, Westminster, CA 92683

TRUNG TÂM NHI ĐỒNG
Y KHOA TỔNG QUÁT

Bác Sĩ VÕ VĂN TÙNG, M.D.

Bác Sĩ BRIAN THỐNG VÕ VĂN, M.D.

American Board Of Pediatrics

Bác Sĩ LAURA ĐOAN PHƯƠNG VÕ VĂN, M.D.

American Board of Family Medicine

Chuyên Khám Bệnh Trẻ Em
Từ Thuở Sơ Sinh Đến Tuổi Trưởng Thành
Khám Bệnh Nội Thương Người Lớn
Nhận Làm Bác Sĩ Gia Đình

Nhận Medical, CalOptima HMO

hầu hết các loại bảo hiểm PPO

9595 Bolsa Ave., suite D, Westminster, CA 92683 - 714.531.5754